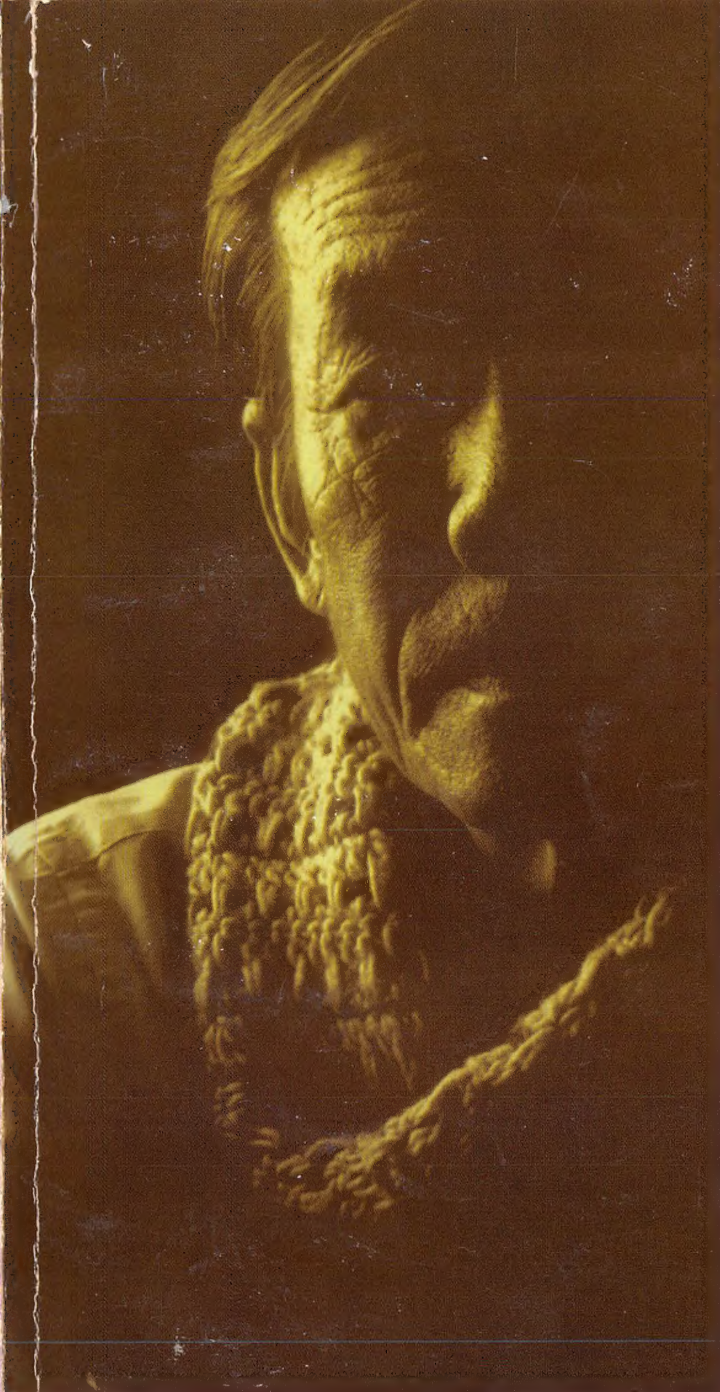
HỢP LƯU

TẬP SAN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO



MAI THẢO 50 NĂM HỆ LỤY VỚI VĂN CHƯƠNG

Số 16
tháng 4 & 5
năm 1994

HỢP LƯU

P.O.Box 277, Garden Grove, CA 92642, USA
Tel: (714)531-6693 • Fax: (714) 531-7965

Phát hành hai tháng một kỳ - số 16 tháng 4, 1994

Đại diện tại Florida:
Triều Hoa Đại, 2835 Cranberry Cir, Middleburg, FL 32068 • Tél: (904)282-2419
Đại diện tại Âu Châu:
Mr & Mrs Lê Tất Luyện, 15 Place Souham, 75013 Paris, France • Tél: 45.83.19.12
Đại diện tại Na Uy:
Hoài Mỹ, Olsvikaasen 138, N-5079 Olsvik, Norway
Đại diện tại Canada:
Trần Sa, P.O.Box 232, Station "C", Toronto, On. M6J 3P4. Tél: (416) 762-4659 và (416) 652-1384 • Hồ Đình Nghiêm, 3360 Barclay, Apt # 10, Montréal PQ. H3S 1K4. Tel: (514)342-8018 • Vũ Đình Kh., 102 - 830E. Sixth Ave. Van., BC V5T - 1M1. Tel: (604) 873-1697 • Mạnh Tường & Nam, 5000 7è Ave. Ouest # 03, Charlesbourg, Québec, G1H 6Z7. Tél: (418) 626-2280, (418) 654-8933. Fax: (418) 626-2280
Đại diện tại Australia:
Thường Quán, 9 Portsmouth St., Mt Waverly, VIC 3149.
Tél: 011-61-3-8071797
Đại diện tại Đông Âu:
Nguyễn Quốc Vũ - Trần Ngọc Tuấn
Sokolovska 33 / 240 - 18600, Praha 8 - Czech Republic - Fax: (422) 235 99 83
Đại diện tại Đông Nam Á:
Nguyên Lương, 25 Leonie Hill # 22-03 Leonie Gardens. Singapore 9023.
Tél: (65) 736-0964

•

Chủ trương:
Nguyễn Thị Hoàng Bắc, Lê Bi, Phạm Việt Cường, Triều Hoa Đại, Đào Trung Đạo, Vũ Quỳnh N.H., Thế Giang, Như Hạnh, Trần Diệu Hằng, Luân Hoán, Vũ Quỳnh Hương, Đỗ Kh., Ngọc Khôi, Nguyễn Trọng Khôi, Thụy Khuê, Sĩ Liêm, Thân Trọng Mẫn, Hồ Đình Nghiêm, Nguyễn Thị Khoa Phương, Chân Phương, Thường Quán, Trân Sa, Nguyễn Văn Sâm, Hoàng Xuân Sơn, Đỗ Hữu Tài, Kiệt Tấn, Đặng Tiến, Nhật Tiến, Kim Thi, Tường Vũ Anh Thy, Nguyễn Mạnh Trinh, Nguyễn Quốc Trung, Phan Thị Trọng Tuyến, Nguyễn Tiến Văn, Trần Vũ, Trương Vũ.

•

Chủ biên:
Khánh Trường
Phụ tá chủ biên: **Phan Tấn Hải**
Nghiên cứu lý luận: **Đỗ Hữu Tài**

Số đăng ký tại Quốc Hội Hoa Kỳ: ISSN 1065-9323



BÙI XUÂN PHÁI
Xóm Nghèo
sơn dầu



Mai thảo. Phác thảo sơn dầu. Đinh Cường. 16" X 20". 1993

HỢP LƯU

Số 16, tháng 4 & 5, 1994

Mai Thảo

năm mươi năm hệ lụy với văn chương



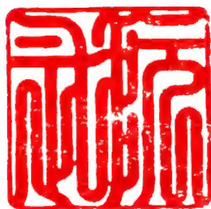
MỤC LỤC



Tranh bìa: Chân dung Mai Thảo qua ống kính **Lê Phúc**

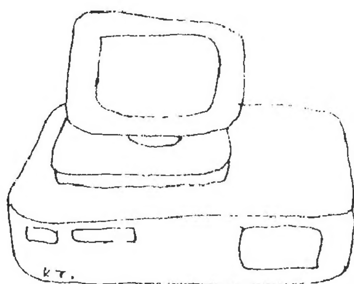
Phụ bản màu: tranh sơn dầu **Bùi Xuân Phái**

Hình chụp: **Nguyễn Xuân Hoàng, Lê Phúc.**





thư tòa soạn



Nói đến Mai Thảo, không người đọc Việt Nam nào trưởng thành trong thời điểm những thập niên 50, 60, 70 không biết đến tên tuổi của ông. Mai Thảo, với những cách tân trong ngôn ngữ văn xuôi, tách lìa khỏi dòng văn học Tiền Chiến mà đại diện tiêu biểu là nhóm *Tự Lực Văn Đoàn*; Mai Thảo, thuyền trưởng của con tàu *Sáng Tạo* sau năm 1954 tại miền Nam; Mai Thảo, của gần 50 tác phẩm ngắn dài; Mai Thảo, ở hải ngoại với tạp chí *Văn* suốt 14 năm nay không một lần gián đoạn; Mai Thảo, cùng tiếng thơ cuối đời âm âm buồn bã; Mai Thảo một mình một túi xách rong ruổi từ Âu sang Á, từ những đường hầm métro thiên la địa võng dưới lòng đất Paris, đến dọc ngang sông ngòi Ý quốc và ngất ngất bề thế Vạn Lý Trường Thành Trung Hoa lục địa. Và nhất là Mai Thảo, đệ nhất tửu đồ.

Khi số báo này ra đời, nhà văn Mai Thảo đang ở vào số tuổi sáu mươi sáu. Số tuổi chất chồng trên đôi vai gầy yếu gần hai phần ba thế kỷ, khoảng thời gian có thể nói khốc liệt nhất trong lịch sử Việt Nam cận đại ở mọi lãnh vực. Chưa cần xét vội đến công lao, sự nghiệp (chung và riêng), chỉ sự hiện diện liên tục, thủy chung, tận tụy của ông trong sinh hoạt văn học nghệ thuật ngót 50 năm nay, thiết nghĩ, cũng đủ xứng đáng để chúng ta dành cho ông một vị trí nào đó, trong đời sống, và trong văn học sử.

Đấy là lý do có mặt của số báo đặc biệt này.

Đấy cũng là lý do tại sao *Hợp Lưu* chọn Mai Thảo, mà không chọn ai khác, để mở đầu cho các số chủ đề, về các tác giả, của miền Nam Việt Nam trước 75, trong nước, và sau 75, tại hải ngoại.

Nhiều người có ý kiến: nhà văn Mai Thảo, trước sau, có lập trường rất kiên định, rằng không bao giờ, mãi mãi không bao giờ chấp nhận dòng văn học mà ông thường gọi là "chuyên chính". Nói cách khác, ông hoàn toàn không đồng ý với chủ trương của *Hợp Lưu*. Với ông, chẳng thể có chuyện

"ngồi chung" với những người cầm viết ở phía "bên kia". *Hợp Lưu* thực hiện một số đặc biệt về ông, là đã mâu thuẫn với chủ trương của mình. Chúng tôi xin thưa: như mục tiêu đề ra từ số đầu, *Hợp Lưu* là một tờ báo chuyên về Văn Học Nghệ Thuật, *Hợp Lưu* trân trọng, bảo tồn và xiển dương tất cả mọi đóng góp của mọi tài năng cho một mục tiêu duy nhất: làm đầy, làm dày, làm phong phú thêm gia tài văn hóa dân tộc. Trên diễn đàn *Hợp Lưu* có thể có nhiều khuynh hướng, nhiều lập trường, nhiều cách suy nghĩ khác nhau, nhưng nếu những khuynh hướng, lập trường, suy nghĩ đó không xuất phát từ mưu đồ tối ám, từ định kiến cực đoan, từ cuồng nộ thuần bản năng, từ những xung khắc có tính cách cá nhân, và nhất là nó có một giá trị nhất định nào đấy, thì tại sao chúng ta không trân trọng? Vài ba mươi năm nữa, chắc chắn những bài học về văn chương của con cháu chúng ta sẽ không có "*Nhà văn lưu vong chống Cộng Mai Thảo*", "*Nhà thơ Cộng Sản Chế Lan Viên*", mà chỉ có "*Nhà Văn Mai Thảo*", "*Nhà Thơ Chế Lan Viên*" cùng tác phẩm của họ. Điều giản dị này, của lịch sử Việt Nam nói riêng, và lịch sử thế giới nói chung, đã chứng minh, thiết nghĩ, chúng tôi không cần rườm lời dẫn chứng.

Tất nhiên, về sự nghiệp văn học của Mai Thảo, về những mặt tích cực cũng như tiêu cực của ông, các nhà lý luận, phê bình sẽ công tâm định giá. Riêng chúng tôi, qua tạp chí *Hợp Lưu*, từ số này và những số tới, sẽ lần lượt thực hiện, giới thiệu tất cả mọi đóng góp quí báu của mọi văn nghệ sĩ chân chính, mà công lao của họ, dù đứng ở vị trí nào trong cộng đồng dân tộc, nếu thực sự là những tài năng, những viên ngọc quí, thì nhất thiết cần phải được bảo tồn với tất cả lòng mến yêu, trân trọng.

Qua số báo này, *Hợp Lưu*, thêm một lần nữa, minh định lại thế đứng độc lập của mình, cũng thêm một lần nữa, định rõ được hướng đi: tất cả cho văn học nghệ thuật Việt Nam, tất cả cho văn hóa dân tộc.

Cũng trong chiều hướng ấy, *Hợp Lưu* sắp phải trực diện với một vấn nạn lớn: *Cuộc chiến chưa tàn* giữa Quốc/Cộng rồi sẽ được lịch sử giải quyết, cách nào, bao giờ thì chưa thể xác định. Nhưng sự hoang mang, giao động sẽ đưa đến vong thân, tha hóa, tiêu cực, chia rẽ là điều khó tránh đối với dân tộc, khi người Mỹ trở lại. Là người Việt Nam, là những văn nghệ sĩ Việt Nam, chúng ta cần sáng suốt nhìn thấy sớm điều đó, và dồn hết mọi nỗ lực vào đó, để góp phần hóa giải. Chế độ CS rồi sẽ tự chuyển hóa để hội nhập vào trào lưu chung của nhân loại, nhưng nếu ý thức dân tộc bị lung lay, căn tính nô lệ có cơ hội bột phát, là điều hết sức buồn bã. "*Không ai thương mình bằng chính bản thân mình. Không ai cứu mình ngoài cách tự cứu*". Bài học, tuy vỡ lòng, nhưng để thuộc và thực hành đúng, chẳng phải dễ dàng. *Hợp Lưu*, một lần nữa, lại đứng ở vị trí lên đường.

Cuối cùng, *Hợp Lưu* trân trọng xin lỗi các văn hữu trong, ngoài nước: Vì bài vở dành cho nhà văn Mai Thảo quá nhiều, *Hợp Lưu* tạm gác và sẽ đi những sáng tác thơ, truyện... của các văn hữu vào các số tới

HỢP LƯU



Mai Thảo, 1956, Sàigòn

mai thảo

Tên thật: Nguyễn Đăng Quý.
Sinh ngày mùng Tám
tháng 6 năm 1927.
Nơi sinh: Quần Phương Hạ,
Hải Hậu, Nam Định.
Từ năm 1946 tại Hà Nội
đã viết báo, làm báo.
Cùng gia đình di cư
vào Nam năm 1954.
1956: Chủ nhiệm
tạp chí *Sáng Tạo.*
1963: Chủ nhiệm
tuần báo *Nghệ Thuật.*
1974: Chủ bút tạp chí *Văn*
1982 đến nay (1994):
Chủ nhiệm kiêm chủ bút
tạp chí *Văn*
(tục bản tại California, USA)
Hiện ông đang sống (độc thân) tại Orange county, California, Hoa Kỳ.

TÁC PHẨM:

Truyện ngắn: Ngoài *Đêm Giã Từ Hà Nội* (tác phẩm đầu tay, 1956) là các tập khác: *Tháng Giêng Cỏ Non - Bảy Thỏ Ngày Sinh Nhật - Người Thầy Học Cũ - Chuyến Tàu Trên Sông Hồng - Bản Chúc Thư Trên Ngọc Đỉnh Trời - Giòng Sông Rực Rỡ - Một Địa Chỉ Hoa - Đêm Lạc Đường* (những tập truyện ngắn trên in trong nước trước 1975) *- Ngọn Hải Đăng Mù - HongKong Ở Dưới Chân - Chân Bài Thư Năm - Chuyến Métro Đi Từ Belleville* (4 tập này in tại hải ngoại).

Tùy bút: *Căn Nhà Vùng Nước Mặn - Tùy Bút Một.*

Truyện dài: trên 40 tác phẩm. Trong số này có nhiều cuốn được đọc nhiều nhất: *Sống Chỉ Một Lần - Để Tưởng Nhớ Mùi Hương - Mười Đêm Ngà Ngọc - Sau Giờ Giới Nghiêm - Tình Yêu Màu Khói Nhạt - Ôm Đàn Đến Giữa Đời - Khi Mùa Mưa Tới - Mái Tóc Dĩ Vãng - Cũng Đủ Lãng Quên Đời...* Và ba truyện dài đã hoàn tất tại hải ngoại, chưa in.

Thơ: *Ta Thấy Hình Ta Những Miếu Đền.*

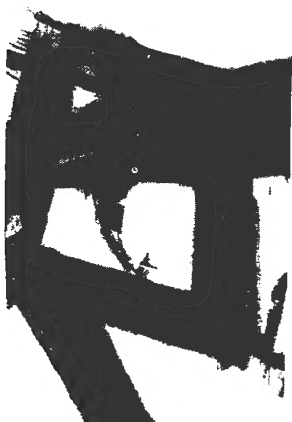
Nhận định: *Chân dung.*

Chưa kể, 12 năm nay, độc giả của tạp chí *Văn* tại hải ngoại đã theo dõi đều đặn hàng tháng, mục *Sổ Tay* do ông phụ trách, đề cập đến mọi vấn đề liên quan đến văn học, nghệ thuật, điện ảnh, thời sự, nhân vật...



TRƯƠNG VŨ

sáng tạo với văn học miền nam



LTS: *Nói đến* Sáng Tạo, *chúng ta nghĩ ngay đến Mai Thảo, là người chủ trương và đứng đầu tạp chí này. Xác định vị trí của* Sáng Tạo, *cũng là gián tiếp xác định vị trí của nhà văn Mai Thảo trong dòng văn học miền Nam nói riêng, Việt Nam nói chung. Từ tinh thần đó, HL giới thiệu đến độc giả bài viết dưới đây.*

Hợp Lưu

*

Cách đây gần 38 năm, tạp chí *Sáng Tạo* ra đời, đóng góp vào sự phát triển của nền văn học miền Nam vào một giai đoạn đầy biến động của đất nước. Trong suốt hơn 20 năm, kể từ 1954 đến 1975, đã có rất nhiều nỗ lực khác nhau, cá nhân hay tập thể, trong hay ngoài văn giới, đóng góp vào sự phát triển này. Thế nhưng, sự đóng góp của *Sáng Tạo,* như một tập thể, vẫn có một tính cách đặc biệt, và mặc dầu chỉ xuất hiện trong một thời gian, mọi người vẫn cảm thấy có sự hiện diện của nó hôm nay.

Những điều trình bày sau đây nhằm nhìn lại cái liên hệ đặc biệt đó của *Sáng Tạo* với đời sống của miền Nam, nói chung, hay của văn học miền Nam, nói riêng.

MIỀN NAM TRƯỚC KHI SÁNG TẠO XUẤT HIỆN

Tháng 7 năm 1954, hiệp định đình chiến Genève ký kết, chia đôi đất nước dọc vĩ tuyến 17. Tháng 8 năm đó, cuộc di cư của gần một triệu đồng bào miền Bắc bắt đầu. Tháng 9, Pháp giao trả dinh Độc Lập về chính phủ miền Nam. Tháng 10, lực lượng Pháp rút ra khỏi Hà nội. Tháng 12, Hoa Kỳ tuyên bố viện trợ cho miền Nam. Tháng giêng năm sau, thủ tướng Ngô Đình Diệm ra

lệnh đóng cửa sòng bạc Đại Thế Giới do lực lượng võ trang Bình Xuyên làm chủ. Tháng 4, chính phủ miền Nam dẹp tan lực lượng Bình Xuyên và thống nhất quân đội. Cũng trong tháng 4, Viện Đại Học được Pháp chuyển giao. Tháng 7, chủ tịch Hồ Chí Minh công du Trung Quốc, Liên sô và tiếp nhận viện trợ của hai nước này. Tháng 10, thủ tướng Ngô Đình Diệm tổ chức trưng cầu dân ý truất phế Bảo Đại, thành lập Việt nam Cộng hòa. Tháng 12 năm đó, miền Bắc cho thi hành chính sách cải cách điền địa và mở chiến dịch đấu tố địa chủ trước các tòa án nhân dân

Tháng 2 năm 1956, tại Đại hội Cộng sản lần thứ 20, Khrutchev kịch liệt đả kích cá nhân và sai lầm trong chính sách của Stalin. Tháng 6, chính phủ miền Nam tuyên bố các quần đảo Hoàng Sa và TrườnG sa thuộc chủ quyền Việt nam. Cũng trong tháng đó, thợ thuyền ở Poznan (Ba lan) biểu tình bạo động, bị lực lượng nội an thẳng tay đàn áp. Tháng 7, Ai Cập quốc hữu hóa kinh đào Suez. Tháng 10 năm đó, cuộc chiến giữa Ai Cập với Do Thái và Anh-Pháp xẩy ra. Đồng thời, cuộc cách mạng Hung Gia Lợi bùng nổ.

Những biến cố trên đây, cùng với nhiều biến cố dồn dập khác, ảnh hưởng mạnh vào tâm tư các thành phần thanh niên và trí thức trẻ ở miền Nam, đặc biệt là thành phần mới di cư từ miền Bắc. Những sự kiện mang ảnh hưởng tiêu cực từ phe Xã Hội Chủ Nghĩa đã củng cố niềm tin vào sự chọn lựa chính trị và vào đời sống con người ở vùng đất mới của quê hương. Thanh niên miền Nam cũng choàng tỉnh sau một thời gian sống khá lặng lẽ giữa những mâu thuẩn về lý tưởng và thực tế phát sinh từ cuộc cách mạng Mùa Thu. Sự va chạm giữa đồng bào miền Nam với đồng bào di cư từ miền Bắc hay những đồng bào trở về từ các vùng do Việt Minh kiểm soát chỉ xẩy ra trong một thời gian rất ngắn, sau đó lại là những hội nhập vừa có tính bổ sung vừa có tính kích động. Những mặc cảm lệ thuộc trước đây cũng không còn nữa. Những ý thức mới trong văn học và nghệ thuật và không khí hồi sinh của thế giới phương Tây sau thế chiến bắt đầu đánh thức họ.

Trong khi đó, ở lãnh vực văn học nghệ thuật và báo chí, miền Nam có một hụt hẫng rõ rệt. Tờ tạp chí có nhiều ảnh hưởng đối với thành phần trí thức và thanh niên Sài Gòn là tờ *Đời Mới* của Trần Văn Ân, với sự cộng tác của Hồ Hữu Tường, Nguyễn Đức Quỳnh, thì vì liên hệ của các ông Ân, Tường với nhóm Bình Xuyên nên bị đóng cửa. Mà thật ra, đến thời điểm đó, nội dung *Đời Mới* cũng không còn thích hợp với những suy nghĩ mới của quần chúng. Một số nhà văn miền Nam được ưa chuộng, như Vũ Anh Khanh chẳng hạn, thì ra Bắc tập kết.(1) Nhà văn được trọng vọng như Nhất Linh thì hoàn toàn im lặng. Lớp trẻ học bài nói về ông ở trung học rất hâm mộ ông cũng không hề biết là ông đang ở đâu. Nhà văn Đỗ Đức Thu làm chủ tịch Văn Bút Việt Nam nhưng chẳng có sinh hoạt hay công trình, sáng tác văn học nào đáng kể. Cho đến nay, chẳng mấy ai nhớ là vào lúc đó ông làm những gì.

Trong một hoàn cảnh như vậy, một bên là không khí sôi động về tâm lý và xã hội nơi quần chúng và nhất là nơi giới trẻ, một bên là thái độ lặng lẽ nơi

đa số trí thức và văn nghệ sĩ đã thành danh, tạp chí *Sáng Tạo* ra đời.

Theo lời kể của họa sĩ Ngọc Dũng, sự ra đời của *Sáng Tạo* có tính cách hết sức ngẫu nhiên, khởi đầu từ một gặp gỡ tại phòng tranh của Duy Thanh.

Thật ra, vào lúc đó, một số nỗ lực tương tự đã xuất hiện, như trường hợp của *Mùa Lúa Mới* hay *Thế Kỷ Hai Mươi*, nhưng chỉ có sự xuất hiện cũng như cách xuất hiện của *Sáng Tạo* mới có thể được xem là "điểm đổi hướng" trong sinh hoạt văn học nghệ thuật miền Nam.

Điều đáng để ý là cũng vào thời điểm này, miền Bắc chứng kiến sự bùng nổ của phong trào *Nhân Văn Giai Phẩm*. Không biết những phản ứng của văn nghệ sĩ và trí thức đối với thực tại ở hai miền chỉ là ngẫu nhiên hay thật ra, cả hai đều chịu sức đẩy chung của thời đại và lòng khao khát đưa nghệ thuật vươn tới trước. Thế nhưng, trên bề mặt, cách dấn thân của văn nghệ sĩ và trí thức ở hai miền quả có khác nhau, và, như mọi người đều biết, phản ứng của quần chúng và, đặc biệt, của giới cầm quyền thì hoàn toàn khác nhau.

ĐÓNG GÓP CỦA SÁNG TẠO

Số đầu tiên của *Sáng Tạo* ra mắt vào tháng 10 năm 1956. Trước đó, những khuôn mặt chính của *Sáng Tạo* như Mai Thảo, Thanh Tâm Tuyền, Duy Thanh, Ngọc Dũng, v.v., đã có một số công trình tạo cho họ một vị trí khá đặc biệt trong văn học và nghệ thuật ở miền Nam. Mai Thảo xuất bản *"Đêm Giã Từ Hà Nội"* vào 1955. Duy Thanh, Ngọc Dũng đã tổ chức nhiều cuộc triển lãm hội họa. Thanh Tâm Tuyền đã hoàn thành tập thơ tự do *"Tôi Không Còn Cô Độc"* và ra mắt cũng trong tháng 10 năm đó.

Người chủ trương và cũng là người đứng đầu nhóm *Sáng Tạo* là nhà văn Mai Thảo, lúc đó chưa tới ba mươi tuổi. Trong một bài viết trên báo *Văn* (Sài Gòn) vào 1970, Mai Thảo có ghi lại về thời kỳ này như sau:

"Bấy giờ là vào khoảng hai năm 1956, 1957. Những dấu chân một triệu của vượt tuyến kín trùm đất nước, vừa đặt xuống những ruộng đồng và những rừng núi mênh mông bát ngát của miền Nam. Những hành trình trong đêm tấp nập cặp bến lúc ngày dựng. (...) Lịch sử và chuyển đổi tàn nhẫn đột ngột của thời thế đẩy trọng tâm đời sống từ một vùng trời này tới một vùng biển khác. Nhưng cái hướng xô đẩy đích thực là từ sau lưng đẩy về trước mặt, từ quá khứ đẩy vào tương lai.(...) Không khí cũ, không thở cùng được nữa. Những khuôn vàng thước ngọc xưa không còn đo lường được những kích thước bây giờ. Và đời sống là đi tới. Không lùi, không giậm chân một chỗ.

Trong một thực tại đầy đặc những chất liệu của sáng tạo và phá vỡ như vậy, văn học nghệ thuật mặc nhiên không thể còn là tả chân Nguyễn Công Hoan, lãng mạn lối Thanh Châu, những khái niệm Xuân Thu, những luận đề Tự Lực.

Mà vươn phóng từ một thoát ly để đưa tới một hình thành, hóa thân từ một chặt đứt, bằng những thí nghiệm và những khám phá, chứng minh rằng cái bây giờ ta đang sống tuyệt đối không còn một đồng dáng một đồng tính nào với cái hôm qua đã tách thoát đã lìa xa. Chất nổ ném vào. Cờ phất. Xuống núi, xuống đường. Ra biển ra khơi. Và cuộc cách mạng tất yếu và biện chứng của văn chương đã bắt đầu." (2)

Trong suốt 31 số liên tiếp, Sáng Tạo đã không ngừng cổ võ cho những thí nghiệm và khám phá trong nghệ thuật. Điển hình nhất cho những thí nghiệm và khám phá này là những sáng tác của Thanh Tâm Tuyền và Duy Thanh.

Thanh Tâm Tuyền xuất hiện như một hiện tượng trong thi ca. Ông được đón nhận thật vồn vã. Vì là hiện tượng hơn là vì sự cảm nhận thật của độc giả đối với thơ của ông. Nhu cầu có một cái gì mới quá lớn vào thời kỳ đó. Cả một thời gian dài, khi nói đến sự phá vỡ trong văn học, người ta nghĩ đến Thanh Tâm Tuyền hơn là Mai Thảo. Mặc dầu Mai Thảo đứng đầu nhóm *Sáng Tạo* và chủ trương phá vỡ trong nghệ thuật với tất cả nhiệt tình, văn của ông và cả thơ của ông cũng không hàm chứa một phá vỡ thật sự như vậy. *"Đêm Giã Từ Hà Nội"* của Mai Thảo là tác phẩm đầu tiên và cũng là một trong những tác phẩm nổi tiếng nhất của ông, không có tính phá vỡ đó. Nhiều bài thơ của ông rất hay. Cũng không có tính phá vỡ đó. Trong một bài thơ ông chép tặng cho Đinh Cường vào 1956, có những câu như thế này:

Tôi đứng hoàng hôn trong cửa tối
Nhìn người bình minh vào cuộc đời
Người đi ánh sáng qua đêm tối
Người đi ánh sáng qua thời gian
(MT: Ngày Mai Vui)

Thanh Tâm Tuyền hoàn toàn khác. Ông đến với độc giả Việt Nam, đa số vào lúc đó chỉ quen thuộc với cách làm thơ của Xuân Diệu, Huy Cận, hay những nhà thơ tiền chiến nói chung, một cách đột ngột vừa phũ phàng vừa có vẻ hấp dẫn. Bằng những câu như:

một câu thơ hay tự nhiên như lời nói
bài thơ hay là cái chết cuối cùng

giã từ cái giường cái bàn cái ghế
một người hai người và ba người

một người hai người và ba người
(TTT: Định Nghĩa Một Bài Thơ Hay)

hay,

tôi thèm giết tôi
loài sát nhân muôn đời
tôi gào tên tôi thảm thiết
thanh tâm tuyền

bóp cổ tôi chết gục
để tôi được phục sinh
(TTT: Phục Sinh)

Những bài thơ của ông, cùng với cách trình bày những bài thơ đó trong *Sáng Tạo*, quyến rũ nhiều độc giả. Hiểu được hay không, cảm được hay không, qua thơ Thanh Tâm Tuyền, họ bắt đầu tin rằng thi ca có một cái cõi khác, ngoài cái cõi thi ca mà họ vốn biết. Điều đó khích động sự tìm tòi của nhiều người. Những người mới làm thơ sợ những nét ước lệ hơn trước. Đồng thời, miền Nam cũng bắt đầu có nhiều thi sĩ làm thơ thật lạ lùng, so với trước đây. Có nhiều bài thơ hay cũng như có rất nhiều bài thơ dở. Thơ dở không ai nhớ, nhưng những bài thơ hay đã làm giàu cho nền văn học ở miền Nam, thật ra còn khá nghèo so với nhiều nền văn học khác trên thế giới.

Một điều cần ghi nhận là mặc dầu thường được nói đến như một nhà thơ (trong một bài viết, Thanh Tâm Tuyền không nhận mình là một thi sĩ), Thanh Tâm Tuyền viết nhiều truyện dài rất đặc sắc. Truyện đầu tay là *"Bếp Lửa"*, xuất bản năm 1957, lúc ông hai mươi mốt tuổi.

Duy Thanh là một họa sĩ, cùng với các họa sĩ khác thuộc nhóm *Sáng Tạo* hay gần gũi với Sáng Tạo như Ngọc Dũng, Thái Tuấn, Tạ Ty,... có rất nhiều nỗ lực tạo sức sống mới cho hội họa Việt Nam. Theo Huỳnh Hữu Ủy, trong vòng 5 năm, từ 1955 đến 1960, *"những cuộc triển lãm của Duy Thanh, Ngọc Dũng, Thái Tuấn, Tạ Ty liên tục mở cửa, đã gây được nhiều hào hứng, đặt thành vấn đề suy nghĩ cho anh em sáng tác cũng như giới nghiên cứu, phê bình và thưởng ngoạn"*.(3)

Duy Thanh cũng là một nhà văn. Các truyện ngắn của ông thường được xây dựng trên những cảm xúc thật, mãnh liệt và thầm kín, và trên một quan niệm về cái đẹp và về tính nhân bản có thể rất khác với những quan niệm đương thời. *"Giấc Ngủ"* là truyện ngắn tiêu biểu và thành công của ông. Truyện là lời kể của một cô gái quê, nghèo, xấu xí, tàn tật, suốt ngày chỉ bò lê la quanh quẩn trong vài chục thước đất. Ngoại trừ lòng thương của bà mẹ, nghèo khổ và kém may mắn, cuộc đời chẳng có gì để dành cho cô. Một hôm, chợt bất ngờ, một thanh niên vì quá "túng bấn", làm ẩu với cô. Cô mang thai, làm ngạc nhiên và xấu hổ cả làng. Kể từ đó, cô bắt đầu cảm nhận được sự hiện hữu của mình, cảm nhận được tình yêu, ý nghĩa của sự sống, và bắt đầu có hy vọng.

"Đêm ấy tôi mơ thấy tôi đi về làng như một người thường. Bằng hai chân. Ai nấy đều chào hỏi tôi như chính tôi cảm thấy từ trước mình vẫn là người thường. Đến nhà thì có một thằng nhỏ ra đón với mẹ tôi. Trông tôi thằng bé chỉ cười. Mẹ tôi dắt nó đến và bảo: Sao không chào mẹ mày đi. Tôi giơ tay bế nó hôn, rồi hai mẹ con dong chơi trong vườn. Giữa lúc đang đùa với con và đang sống tràn trề hạnh phúc thì tôi hãi hùng chợt thấy cảnh vật như lớn lên và tôi nhỏ dần, nhỏ dần lại. Một cảm giác ớn lạnh suốt sống lưng và tôi chợt thức dậy. Bấy giờ còn là đêm."(4)

Những cây viết nổi bậc khác của *Sáng Tạo* như Doãn Quốc Sỹ, Quách Thoại, Tô Thùy Yên,v.v., không đặt nặng lắm về những phá vỡ. Thế nhưng, mỗi người đều tạo được cho mình sắc thái riêng, không giống những cái đã có.

Doãn Quốc Sỹ là một nhà giáo, một nhà văn. Thế giới văn chương của ông là một thế giới rất nhân hậu. Ông không thích tạo dựng nhân vật ác. Nếu phải tạo dựng, cái ác chỉ có tính biểu tượng, ông không làm cho nó sống động. Bộ trường thiên *"Khu Rừng Lau"*, gồm 5 cuốn, là một công trình lớn. Ông xây dựng mẫu người yêu quê hương, yêu con người, và rất hết lòng với văn hóa. Qua tác phẩm của ông, văn chương gần gũi với giáo dục. Qua con người thật của ông, nhà văn không xa cách với những điều được viết ra trong văn. Ông trở thành biểu tượng của một loại trí thức dấn thân, kiên trì với lý tưởng, quyết liệt với cái xấu mà vẫn nhân ái và độ lượng. Đối với thành phần sinh viên và trí thức trẻ ở miền Nam, ảnh hưởng tích cực đó của ông không nhỏ.

Tô Thùy Yên cũng làm thơ tự do nhưng khác với Thanh Tâm Tuyền, thơ ông không khó hiểu hay không làm ra khó hiểu. Ông không tỏ ra kiên trì trong nỗ lực phá vỡ những khuôn sáo cũ. Thế nhưng, thơ của ông vẫn mới, sâu sắc và vẫn có nhạc, vẫn ngang tàng, cô đơn, và rất dễ len vào tâm hồn của người đọc.

tôi mang khắp hình hài những vết bỏng
đi suốt hoàng hôn không hỏi chào ai
(TTY: Tội Trạng)

giữa tầng trời cao chim giục giã
từng giàn như những thủy triều sôi
bạn có nghe, này bạn có nghe
trên đỉnh non nhòa, mây xôn xao
về nơi hẹn nào không hẹn trước
bạn có nghe, này bạn có nghe
vũ trụ miên man chuyển động đều
chim đã bay quanh từ vạn cổ
gió thật xưa, mây thật già nua

...

bìm bịp chiều chiều kêu nước lớn
đi, đi đâu, chèo chống mỏi mê
đến ngã ba, đành theo một lối
tiếc ngẩn không cùng theo lối kia
(TTY: Đãng Tử)

Tô Thùy Yên chưa xuất bản tập thơ nào. Thật khó để viết về ông cho đầy đủ. Mặc dầu vậy, những người phê bình thi ca miền Nam đứng đắn đều dành cho ông những lời lẽ thật trang trọng.

Quách Thoại cũng là một tài hoa của nhóm *Sáng Tạo*. Ông mất sớm. Thơ

ông quằn quại nhưng vẫn không cầu kỳ, và gần với thơ cổ điển.

ta thức một đêm trắng
tỏ tình với trăng hoa
ta chết nằm liêu vắng
không bóng người đi qua
(QT: Liêu Vắng)

Ngoài những cây viết nêu trên, *Sáng Tạo* thường xuyên có sự góp mặt của những tên tuổi khác như Trần Thanh Hiệp, Nguyễn Sĩ Tế, Nguyên Sa, Thanh Nam, Thạch Chương, Lý Hoàng Phong, v.v. Đặc biệt, trong suốt thời gian tạp chí này hiện diện, nó là một môi trường khích động, làm phát sinh nhiều tài năng của văn học Việt Nam, như Dương Nghiễm Mậu và Nguyễn Đức Sơn chẳng hạn.

Sáng Tạo ra được 31 số thì tạm đình bản. Sau đó tái xuất hiện (*Sáng Tạo* Bộ Mới) được một thời gian nữa thì ngưng hẳn. Thế nhưng, ảnh hưởng của *Sáng Tạo* đối với sự phát triển của văn học miền Nam thì quả thật đã vượt xa cái đời sống ngắn ngủi của tạp chí này.

NHỮNG CỌ SÁT

Cách xuất hiện của *Sáng Tạo* cùng với chủ trương "*những trào lưu cạn dòng phải nhượng bộ dứt khoát cho những ngọn triều lớn dậy thay thế*", nếu nó lôi cuốn được thành phần thanh niên và trí thức trẻ thì ngược lại đã làm buồn lòng rất nhiều người. Đặc biệt là những nhà văn đã thành danh hay những người chịu ảnh hưởng nặng của văn chương tiền chiến. Thật sự ra, mặc dầu rất mạnh bạo trong cách vận động của mình, *Sáng Tạo* đã không có những bài công kích cá nhân. Thế nhưng, theo Võ Phiến, *"cuộc "cách mạng" của Sáng Tạo như vậy động chạm đến sự có mặt đầy uy tín của một dĩ vãng: Nhất Linh. Sau đó hai năm, Nhất Linh "xuống núi..."* (5)

Điều cần nhớ là vào lúc "xuống núi", Nhất Linh được gần như cả nước kính trọng như một thần tượng đầy quyền uy trong văn học Việt Nam hiện đại. Tạp chí *Văn Hóa Ngày Nay* (VHNN) của ông ra mắt ngày 17 tháng 6 năm 1958 bán hết sạch ngay lập tức và sau đó phải in thêm cho đủ tiêu thụ. Một hiện tượng chưa từng thấy.

Trên số đầu tiên, trong bài nhan đề "*Văn Hóa Ngày Nay Với Văn Hóa Việt Nam*", ông viết:

"*Văn nghệ Việt Nam hơn mười năm nay vẫn ở trong một tình trạng ngưng đọng, chưa tìm được lối đi.(...) Sở dĩ ngày nay văn nghệ chưa rung cảm được độc giả vì văn nghệ chưa nói được lòng người. Văn nghệ cần phải tìm* chân giá trị của nó ở lòng người, và vĩnh viễn sống với loài người.(...)"

Ông chủ trương *"đăng những bài và truyện có giá trị bất cứ thời nào nơi nào*".

Như vậy, vào lúc đó, miền Nam chứng kiến hai vận động văn học đối nghịch nhau. Sự cọ sát giữa hai vận động đó không nhỏ và cũng đồng thời biểu trưng cho sự cọ sát giữa hai quan điểm, hai tâm tình khác nhau của quần chúng thưởng ngoạn.

Không biết rõ trong thực tế phản ứng của nhóm *Sáng Tạo* như thế nào đối với VHNN, nhưng sự cọ sát phải lên đến một mức độ trầm trọng. Đến nổi Nhất Linh đã cho đăng những bài công kích hay chế diễu *Sáng Tạo*. Một cách không công khai như bài viết của Thu Vân trên VHNN số 3, hay tương đối công khai như bài viết của Duy Lam trên số VHNN Giai Phẩm Xuân 1959: "*...đến gần mới biết đó là một họa sĩ của nhóm Sáng tác (...) Họa sĩ vẽ tài thật, tác phẩm của họa sĩ thật thể hiện được hết tinh thần và tinh túy nội ngoại của đống rác (...) Bước chân vào tòa báo* Sáng Tạo *tôi lấy làm lạ vì thấy mỗi người đứng một góc phòng trước một bàn thờ nhỏ treo một bức ảnh bán thân. Họ làm đèn khấn vái rất thành kính và lễ luôn tay.(...) Tôi đến sau lưng văn sĩ M.T. người chủ trương nhóm S.T. anh cũng không hay biết. Lắng tai tôi nghe thấy anh khấn:*

"Trời ơi! Người là một người siêu phàm! Người là tất cả. Người ngự trị trên thế giới này! Ta kính phục người, trọng người vô vàn!..."

Tò mò tôi nhìn lên bàn thờ thì chợt giật mình kinh hoảng vì lạ thay anh M.T. đang lễ ảnh anh M.T.! Qua thăm những bàn thờ khác thì đại loại đều thế cả (...)" (6)

Thực tế, mặc dầu được sự đón nhận vô cùng nồng nhiệt từ lúc đầu, trong sự cọ sát đó, người đọc hờ hững với VHNN. Tạp chí VHNN kéo dài không được hai năm thì đình bản. VHNN qui tụ được rất nhiều cây viết có thực tài. Thế nhưng, nếu nhìn VHNN như một vận động văn học thì ảnh hưởng của nó trong sinh hoạt văn học nghệ thuật của miền Nam lại rất khiêm nhường.

Ghi lại những cọ sát đó cùng với cách kết thúc đó chỉ để nói lên một điều: miền Nam đã thay đổi nhiều lắm. Mặc dầu rất kính trọng Nhất Linh, người đọc sách ở miền Nam không còn muốn thu mình trong cái thế giới văn chương của ông nữa. Họ gần với *Sáng Tạo* hơn. Không có gì sai trong chủ trương "*văn phải dựa thời gian để vượt thời gian và dựa không gian để vượt không gian*". Rất đúng là đằng khác. Tuy nhiên cái thế giới văn chương cuả Nhất Linh ở VHNN vẫn còn quẩn quanh trong văn chương của trường ốc. Ngoài văn chương cổ điển Việt Nam và Trụng Quốc, nó thu hẹp trong ảnh hưởng văn chương Pháp của thế kỷ 19 cộng với Leo Tolstoi và Dostoievski của Nga. Trong suốt các số VHNN, người đọc không thấy sự hiện hữu của thế kỷ 20, cũng như không thấy có dòng văn học nào khác ở thời đại này.

Thêm vào đó, ở VHNN, mặc dầu Nhất Linh luôn tỏ ra khiêm nhường, ông bảo ông không muốn làm *con voi ở sở thú...nằm lù lù đấy để chặn đường tiến thủ của các mầm non*, người đọc vẫn thấy Nhất Linh là một cây cổ thụ, một bậc thầy. Rất khó để họ không cảm thấy mình chỉ là học trò. Ở *Sáng Tạo* thì ngược lại, mỗi tác giả đều chẳng có chút gì ngượng ngùng tự xem mình là một

"ông trời con", nhưng đồng thời, người đọc cũng có thể thoải mái tự cho phép mình như vậy. Vào thời điểm đó, cái khao khát sống vượt ra ngoài cái thế giới nhỏ bé của miền Nam đã rất lớn. Những ý thức về độc lập và bình đẳng cũng đã bắt đầu ăn sâu. Có lẽ vì vậy mà tính cách của xã hội miền Nam và của văn học miền Nam gần với *Sáng Tạo* hơn là với VHNN, như lời nhận xét của Võ Phiến.

VÀI NHẬN ĐỊNH VỀ SÁNG TẠO

Bên cạnh những đóng góp như đã trình bày trên đây, khi nói về *Sáng Tạo* không thể không nói đến một vài khía cạnh khác, tiêu cực hay tích cực, rất đặc thù của *Sáng Tạo.*

Những cọ sát với VHNN có lẽ không phải chỉ phát sinh từ sự khác biệt về quan điểm, và giá trị nghệ thuật của tác phẩm, mà có thể còn do những yếu tố rất con người. Nếu cái đẹp của nhóm *Sáng Tạo*, ngoài chuyện làm văn chương nghệ thuật, là ở tình bằng hữu của họ, thì có thể cũng chính cái tình bằng hữu đó cũng đã bủa vây họ để tạo thành tinh thần phe nhóm. Không biết sự thật như thế nào, nhưng khi nghĩ đến *Sáng Tạo*, không mấy ai không cảm thấy điều này. Nếu những phản ứng của Nhất Linh hay của Duy Lam chỉ hoàn toàn phát sinh từ vấn đề nghệ thuật, những điều họ viết ra chắc phải khác đi. Tinh thần phe nhóm trong các sinh hoạt văn học nghệ thuật không phải là điều mới lạ. *Tự Lực Văn Đoàn* chắc cũng có tinh thần đó. Thế nhưng trong những bài viết của họ, những sự xưng tụng lẫn nhau không nhiều, và không có những chữ "quá lớn".

Một khía cạnh tiêu cực khác của nhóm *Sáng Tạo* là sự thiếu vắng những cây viết nữ nòng cốt, khác với trường hợp của VHNN, cũng như của các tạp chí văn học khác xuất bản về sau này. Bên cạnh đó, mặc dầu cổ võ cho những trào lưu tiến bộ, những sáng tác văn học ở *Sáng Tạo* vẫn chưa bao gồm được những sắc thái liên hệ đến người nữ ở những khía cạnh có tính thời đại, xã hội,và trí thức, như thấy rõ trong văn học Nhật Bản từ thế kỷ 19.

Sáng Tạo đưa ra những tiêu chuẩn rất cao cho văn học nghệ thuật, nói nhiều đến những phá vỡ, những thử nghiệm, những xông tới. Thế nhưng, ngoại trừ Thanh Tâm Tuyền, sẽ nói đến sau đây, hầu hết những văn nghệ sĩ của nhóm đã không đi trọn con đường nghệ thuật của họ theo tinh thần đó. **Không phải là những tác phẩm sau này của họ không hay. Nó chỉ không đi đúng tinh thần đó**. Mai Thảo bắt đầu sự nghiệp của ông bằng những tác phẩm xuất sắc. Sau đó, mặc dầu ông viết nhiều và tạo một thế giới riêng của ông, văn chương của ông không thực sự mới theo cái nghĩa phá vỡ. Duy Thanh cũng vậy, ông viết được một vài truyện ngắn hay và có thể xem là rất mới ở thời điểm đó. Ông cũng được xem là một họa sĩ có khả năng tiên phong, được mến chuộng về cả tài năng lẫn tánh tình. Không hiểu vì sao, sau đó

không thấy ông tiếp tục theo chiều hướng như vậy. Sau này, không ai còn thấy những sáng tác mới của ông, cả trong văn chương lẫn hội họa.

Các khía cạnh tiêu cực được trình bày ở đây với tất cả sự khắt khe, chỉ dựa trên tiêu chuẩn của chính nhóm *Sáng Tạo*, đồng thời chỉ nhìn vào các dòng văn học lớn của thế giới, và người viết cố ý quên cái thực tế của miền Nam. Thực tế đó là gần như miền Nam chỉ có 5 năm vắng tiếng súng để thật sự có cơ hội phát triển văn học nghệ thuật.

Sau biến cố 1975, *Sáng Tạo* có nhiều người ở tù, và ở tù rất lâu. Như Doãn Quốc Sỹ, Tô Thùy Yên, Thanh Tâm Tuyền. Đặc biệt, những nhà văn, nhà thơ này vẫn tiếp tục sáng tác, ở trong tù, cũng như sau khi ra khỏi tù. Điều đáng ghi nhận, văn chương của họ không mang chút oán hờn nhỏ bé.

Trước 1975, đọc thơ Thanh Tâm Tuyền, người ta thấy ở nơi ông nhiều ý tưởng lạ. Người ta thấy ông đặt tiêu chuẩn cao cho thơ. Người ta biết ông có một quan niệm về thơ không giống rất nhiều người, ông có một cõi thơ riêng. Tuy nhiên, ngoại trừ một ít bài, thơ ông không gần với người đọc. Sau này, đọc thơ ông xuất hiện ở hải ngoại dưới bút hiệu Trần Kha hay những bài trong tập thơ mới xuất bản năm 1990 (7), sự xa cách đó không còn nữa. Những bài thơ sau này của ông tuyệt vời. Bây giờ ông là một nhà thơ tự do đúng nghĩa. Ông không tránh né thơ cổ điển. Ông làm thơ lục bát, thơ ngũ ngôn, thơ thất ngôn,... và dĩ nhiên rất nhiều thơ tự do. Gần như bài nào cũng đặc sắc. Và, vẫn là thơ Thanh Tâm Tuyền. Tôi cho rằng ông là người vẫn tiếp tục đi tới trên con đường rất khó mà ông đã chọn.

Trông lên đồi núi mờ sương
Mưa bay tất tưởi mưa rong tần ngần
Tiêu điều ngơ ngác trại quân
Đất lầy bùn đỏ gánh chân ghê người
(TTT: Ngày Đến)

Tuột dốc té nhào trên hẻm núi
Chết điếng toàn thân trong giây lâu
Mưa rơi đều hạt mưa phơi phới
Ngày đang tàn hiu quạnh rừng sâu
(TTT: Ngã Trên Núi Việt Hồng Ở Yên Báy Khi Đi Vác Nứa)

Em, em có hay kẻ tội đồ biệt xứ
sớm nay về ngang cố quận
Xao xuyến ngây ngô hắn dọ hỏi
bóng tối sâu thẳm

Đêm vây hãm lụn dần
Thủ thỉ mưa ru ngày khốn đốn
(TTT: Bài Nhớ Thi Sĩ)

Cho đến nay, giữa những bài thơ tù đã được xuất bản của Việt Nam, khó tìm những bài thơ hay hơn.

*

Trên đây chúng ta đã nhìn lại những nỗ lực của một nhóm văn nghệ sĩ. Trong suốt bốn mươi năm qua họ không ngừng đóng góp tài năng cho văn học, nghệ thuật Việt Nam. Dù sống tha hương, dù trong tù tội.

Nhận định những công trình cũ cũng chỉ như một cách thưởng ngoạn, như một hồi tưởng. Đồng thời, cũng là một cách hướng về tương lai, bằng những bài học rút tỉa áp dụng cho ngày hôm nay.

Đất nước chúng ta ngày nay đã trải qua gần hai mươi năm thanh bình, theo cái nghĩa không có bắn giết nhau bằng súng đạn. Qua cái thời gian dài đó, văn học chúng ta, ở trong hay ở ngoài nước, đã vượt đi những chặng đường nào?

Bài viết này không nhằm trả lời câu hỏi đó. Chỉ xin ghi lại những dòng chữ của Mai Thảo, viết 25 năm trước đây:

"*Nghệ thuật hôm nay phải nói được chúng ta, trình bày được tâm trạng, đời sống lớp người chúng ta, nếu không nó sẽ chẳng bao giờ nói được gì hết.(...) Đời sống không đứng lại. Nghệ thuật thì không ngừng đổi thay theo đời sống đi tới, và nhà văn luôn luôn đứng trước những vấn đề mới đặt ra, từng phút từng giờ.(...) nghệ thuật ta đã và vẫn còn phải là một lên đường. Bằng những thí nghiệm không ngừng. Bằng những khám phá không mỏi.*"(2)

TRƯƠNG VŨ

(Tháng 3 năm 1994)

Chú Thích:

1) Vũ Anh Khanh là tác giả bộ truyện *"Nửa Bồ Xương Khô"* trong đó có bài thơ nổi tiếng *"Tha La Xóm Đạo"*. Theo nhà văn Võ Phiến, Vũ Anh Khanh sau 1954 vượt tuyến vào Nam bị bắn chết trên sông Bến Hải.

Xem *"Văn Học Miền Nam Tổng Quan"* của Võ Phiến, nhà Văn Nghệ (California) xuất bản.

2) Trích Mai Thảo, *Đứng Về Phía Những Cái Mới*, in lại trong *Tuyển Tập Sáng Tạo*, Sống Mới xuất bản (California, 1980).

3) Trích Huỳnh Hữu Ủy, *Nghệ Thuật Tạo Hình Sài Gòn Trước Năm 1975*, tạp chí Hợp Lưu số 10 (California, 1993).

4) Trích Duy Thanh, *Giấc Ngủ*, in lại trong *Tuyển Tập Sáng Tạo*.

5) Võ Phiến, sđd, trang 185.

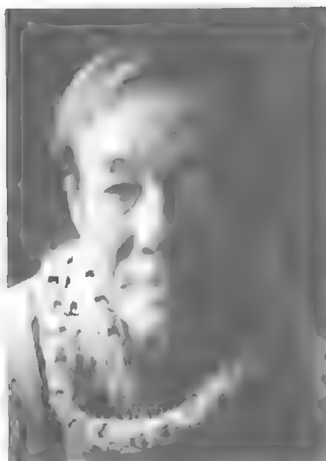
6) Trích Duy Lam, *Đầu Năm Xông Đất*, *Văn Hóa Ngày Nay* số 8, Giai Phẩm Xuân (Sài Gòn, 1959).

7) Thanh Tâm Tuyền, *Thơ Ở Đâu Xa*, Trầm Phục Khắc xuất bản (California, 1990)



BÙI VĨNH PHÚC

văn chương mai thảo: biên địa của cảm xúc và cái đẹp giao thoa với ý thức về đời sống.



Mai Thảo đã đến với văn chương từ lâu lắm rồi. Cuốn sách đầu tiên được xuất bản của ông, *Đêm Giã Từ Hà Nội*, in năm 1956; nhưng thực ra, Mai Thảo đã bắt đầu viết từ trước đó. Từ những ngày ông còn còn đi kháng chiến. Thế nhưng, kể từ di cư vào Nam 1954, cùng với những người bạn như Thanh Tâm Tuyền, Doãn Quốc Sỹ... chủ trương tờ Sáng Tạo, Mai Thảo mới chính thức đóng cái dấu ấn văn chương của mình xuống những trang sách của văn học Việt Nam.

Cái dấu ấn ấy như thế nào? Nó có tác dụng gì trên thưởng ngoạn của người đọc hay có ảnh hưởng gì trong cách cầm bút của những người viết (cùng thời và sau ông)? Văn chương Mai Thảo, từ khi những trang sách, những bài viết đầu tiên của ông trên *Sáng Tạo* được mở ra trước mắt người đọc, đã được nhìn ngắm, đánh giá như thế nào? Và thực ra, nếu nhìn văn chương như một khía cạnh của đời sống, với những đóng góp của nó để đời sống trở nên có xương thịt (và, hy vọng, có ý nghĩa) hơn, thì văn chương của Mai Thảo nên được nhìn ngắm từ góc độ nào? Có định được một vị trí, một góc độ thích hợp để tiếp cận với một tác phẩm hay với một công trình đóng góp văn học, người ta mới dễ tìm ra được những điểm sáng, đẹp và có giá trị của đối tượng nghiên cứu. Dĩ nhiên, nói như thế không có nghĩa là người ta sẽ chỉ có thể chọn được một vị trí, một góc độ duy nhất để đánh giá một đối tượng. Nếu đối tượng ấy

thuộc phạm vị văn học, mỗi người làm việc đánh giá có thể chọn cho mình bất cứ một điểm phát xuất nào cho việc tiếp cận, tuỳ theo cảm quan hay mỹ quan của riêng mình, để từ đó, nhìn ngắm cái đối tượng nghiên cứu của mình. Điều tôi muốn nói ở đây, cho rõ, là hướng nhìn mà tôi chọn trong bài này là hướng mà, trong cảm nhận của tôi, tôi thấy hợp lý và nên dùng để đi vào văn chương Mai Thảo trong bối cảnh mà nó đã xuất hiện kể từ năm 1956 đến nay.

Nói đến Mai Thảo, hay rõ hơn là nói đến văn chương Mai Thảo, thường người ta thấy có hai thái độ nhận định. Thái độ thứ nhất cho rằng đây mới đúng là văn chương, hiểu theo nghĩa văn chương làm thăng hoa đời sống; hay rõ hơn, từ *thăng hoa* ở đây được hiểu theo nghĩa hẹp, là làm cho đời sống với những góc cạnh bình thường của nó trở nên đẹp hơn, lấp lánh hơn, lãng mạn hơn, và như thế, giúp cho người ta quên đi những nỗi đau đời, quên đi những thực tại đắng cay của xã hội. Thái độ thứ hai, ngược lại, cho rằng văn chương Mai Thảo quá cầu kỳ, đi đến chỗ làm dáng ngôn ngữ; hơn thế nữa, thái độ này còn đi đến chỗ gần như "buộc tội", cho rằng Mai Thảo đã dùng văn chương để đi ra ngoài đời sống với những khổ đau muôn mặt của nó, đặc biệt trong bối cảnh của những năm mà miền Nam sôi động trong cuộc chiến.

Theo tôi, cả hai lối nhìn này, một cách vô hình trung, đã bóp bẹp đối tượng nghiên cứu theo cái nhìn chủ quan cùng với những cảm xúc riêng về đời sống, hay cùng với triết lý sống, của người nhận định.

Thái độ thứ nhất đánh đồng văn chương Mai Thảo với mục đích *duy nhất* là làm đẹp ngôn ngữ và tô vẽ đời sống. Văn chương Mai Thảo thật sự rất đẹp và đầy cảm xúc. Bài nhận định này cũng sẽ thử soi chiếu những nét nổi bật ấy trong địa lý ngôn ngữ cũng như trong không gian đầy cảm tính của Mai Thảo. Dù sao, cảm xúc và cái đẹp cũng chỉ tạo nên một trục ngang (cho dù trục này quán xuyến tất cả những gì Mai Thảo viết ra). Theo dõi hành trình văn chương của Mai Thảo, người ta còn có thể nhìn ra một trục dọc nữa. Và trục này sẽ cho ta nhìn thấy một Mai Thảo bám sát vào đời sống, chịu những từ trường của cuộc đời, để nó quay, đẩy, cuốn, hút mình vào những tâm điểm của nó (gần những vùng cư trú tinh thần và vật lý mà ông đã chọn để định cư). Tuy nhiên, ông cũng không hoàn toàn chỉ là một mảnh kim loại, nhận chịu một cách vô ý thức những lực cuốn hút của từ trường. Mai Thảo có phản ứng lại. Với ý thức của mình như một con người trong cuộc. Với tư cách của một công dân. Với tư cách của một nhà văn, của một nghệ sĩ.

Thái độ thứ hai, trước hết, cho rằng văn chương Mai Thảo cầu kỳ, làm dáng. Và, trong nhận xét đó, hàm ý rằng cái văn chương ấy không tự nhiên và không có giá trị nội tại vì nó được "may mặc" và "tô vẽ" nhiều quá. Điều này có lẽ tùy vào mỹ quan của mỗi người. Nhưng, theo tôi, bất cứ một người Việt nào có đọc sách mà không nhìn ra những nét đẹp trong ngôn ngữ và cảm xúc được diễn tả trong những đoạn văn đẹp của Mai Thảo (và những đoạn này rất nhiều), người ấy đã đánh mất sự rung động của mình trước khả tính và mỹ tính của văn chương và ngôn ngữ Việt Nam. Cái *khả tính* và *mỹ tính* ấy

cho chúng ta, và bất cứ một người ngoại quốc nào có khả năng đọc và thẩm thấu tiếng Việt, ngôn ngữ Việt, văn chương Việt, ở một trình độ cao, thấy rằng, để diễn tả cái đẹp- trong bản chất, qua hiện tượng, và trong suy tưởng- tiếng Việt Nam có thể làm được bất cứ những gì, trong đặc tính riêng của nó, mà những ngôn ngữ của những dân tộc khác có thể làm được. Dĩ nhiên, tôi không muốn nói rằng, chỉ với cách thức diễn đạt của Mai Thảo, người ta mới thấy được khả tính và mỹ tính của tiếng Việt. Bất cứ một nhà văn, nhà thơ có tài nào của chúng ta cũng làmđược việc đó. Và họ đã làm tốt. Hãy đọc Nam Cao, Võ Phiến, Thanh Tâm Tuyền, Tô Thùy Yên, Du Tử Lê, Nguyễn Đình Toàn, Nhất Hạnh, Vũ Khắc Khoan, Doãn Quốc Sỹ, Hồ Dzếnh, Văn Cao, Phạm Duy... và biết bao nhà văn, nhà thơ khác của chúng ta. Những người ấy làm cho chúng ta hãnh diện về tiếng nói và ngôn ngữ của dân tộc. Những người ấy đều làm cho chúng ta yêu quê hương hơn. Nhưng chữ nghĩa của Mai Thảo là một nét đặc thù riêng ở nơi ông. Có thể nó cầu kỳ ở một vài khía cạnh nào đó, nhưng cái cầu kỳ ấy đẹp. Nó đẹp, cũng như sự giản dị có cái đẹp của nó. Cái đẹp của văn chương Gustave Flaubert và cái đẹp của văn chương Alphonse Daudet là hai cái đẹp khác nhau. Một cái cầu kỳ, trau chuốt. Một cái đơn sơ, nhẹ nhàng. Cũng thế, cái đẹp của chữ nghĩa Hemingway và cái đẹp của chữ nghĩa Kahlil Gibran không đồng dạng. Một cái trơ, trần, ngắn, gọn, và sắc. Một cái mượt mà, thanh cao, nhiều tính gợi ý, gợi hình. Nhưng mỗi cái đẹp ấy đều đã được sáng tạo với một sự khổ công nào đó. Và những ánh sáng phát ra từ chúng đều khiến cho chúng ta hạnh phúc để cảm nhận rằng đời sống đã trao tặng cho chúng ta nhiều điều. Và những người được đời sống dùng như sứ giả của sự trao tặng kia đều là những người đáng để cho chúng ta yêu mến.

Thái độ thứ hai, ngoài việc ngầm ý hạ giá văn chương Mai Thảo (chúng ta sẽ phân tích kỹ về giá trị của thái độ này khi đi sâu vào bài), còn đi xa hơn nữa: "Buộc tội" Mai Thảo như một người bất tham dự, chỉ đứng vòng ngoài và quay mặt với thân phận chung của dân tộc. Tôi thông cảm với những người có thái độ này ở chỗ tôi hiểu họ là những người đã thực sự nhập cuộc (hiểu theo một nghĩa giới hạn và giai đoạn nào đó của lịch sử Việt Nam). Họ là những người có lòng và có ý thức về sự đóng góp của mình. Tôi cũng yêu cái nhiệt thành và thiện chí của họ (Chúng ta, mỗi người trong đời, đã không từng có những lúc nhiệt thành và thiện chí sao?) Tuy nhiên, tôi nghĩ, trong sự thiện chí và nhiệt thành của mình, và trong sự tham dự của mình nơi đầu-bên-kia-của-chiếc-ván-bập-bênh của đời sống, những người có thái độ "buộc tội" Mai Thảo có thể đã quên đi là đời sống cần sự cân bằng. Mà sự cân bằng của chiếc ván-bập-bênh (seesaw) của đời sống, của kiếp người, được trải đều trên diện tích chiếc ván, hay trên hai đầu cực, hay trên những vùng cần thiết của chiếc ván, theo những quy luật cần thiết của vật lý. Nếu ván-bập-bênh là một trò chơi cho trẻ con, chủ đích của nó là tạo sự cân bằng hiểu theo một nghĩa nào đó thể hiện qua sự lên xuống đều đặn của hai đầu ván, khiến cho

hai đứa trẻ ngồi ở hai đầu cảm thấy sung sướng khi được hạ xuống, bồng lên đều đặn như thế. khiến cho chúng cảm thấy có một sự cân bằng, cân đối, công bằng nào đó trong trò chơi ấy, trong sự tham dự của mình vào trò chơi, thì đời sống, nếu được nhìn (*cynic* hay *không cynic*) như một trò chơi, nó cũng cần một sự cân bằng như thế. Trong cuộc chiến ở bất cứ nước nào, thời nào, ngoài tiếng đạn bom tan nát, ngoài những hình ảnh xót xa, những giọt nước mắt, vẫn còn có những người làm thơ và những kẻ yêu nhau, vẫn còn có những câu thủ thỉ và những lời hò hẹn. Có những người vẫn tiếp tục nghiên cứu về những đồng tiền cổ, về lịch sử của một đoạn văn, của một từ ngữ... Đó là những cái thuộc về trái tim xã hội, thuộc về *nhân văn*, thuộc về văn hóa con người. Chúng làm cho đời sống được cân bằng, làm cho con người tiếp tục ước mơ về những điều tốt đẹp. Chúng làm cho con người tiếp tục sống. Will Durant, trong cuốn *Bài Học Của Lịch Sử*, có viết đại khái là, "lịch sử nhân loại như một dòng sông đôi khi đầy máu me và xác những người chém giết nhau; mà các sử gia chỉ thường chép những hành động đó thôi. Nhưng trên bờ sông còn có những người khác cất nhà, làm vườn, nuôi con, làm thơ." Và ông muốn chép những truyện ở trên bờ sông ấy. Bây giờ, đối với chúng ta, lịch sử đã cho chúng ta một khoảng cách nào đó để nhìn lại, tôi thấy là văn chương của Mai Thảo, hay rõ hơn là chủ đề trong văn chương Mai Thảo, Tình Yêu, ở một giai đoạn nào đó, có thể đã thể hiện cái nhìn ở đầu bên kia của chiếc ván-bập-bênh. Tôi sẽ nói thêm về điều này khi chúng ta đi vào phần phân tích, theo trục dọc, ý thức văn nghệ của Mai Thảo như một người cầm bút.

Kể từ tác phẩm đầu tiên, *Đêm Giã Từ Hà Nội*, được in ra vào năm 1956, cho đến những truyện ngắn, và đặc biệt là những bài báo *Sổ Tay* viết đều đặn mỗi kỳ trên *Văn*, tờ báo được Mai Thảo cho tục bản ở ngoài nước, sau khi thành công trong việc vượt biển vào năm 1977 và định cư ở Mỹ năm 1978, con đường ý thức của Mai Thảo- thể hiện qua các bài viết, các tác phẩm và chủ đề trong các tác phẩm của ông- có thể được xét trên một trục dọc như tôi thử trình bày dưới đây. Sự phân chia các thời điểm trên trục này chỉ nằm trong mục đích giúp người đọc có một cái nhìn về tính chuyển động trong ý thức sáng tạo của một nhà văn mà thôi. Nó không có tính cách chặt chẽ và khô cứng; vì các mốc thời điểm được liệt kê trên trục có thể được kéo xê xích một vài năm, cũng như, trong một giai đoạn nào đó, người ta có thể thấy một ý thức nổi bật lên như một nét chính, nhưng như thế không có nghĩa là trong giai đoạn ấy, những thể hiện của những ý thức khác (được bộc lộ rõ nét hơn ở những thời kỳ trước và sau giai đoạn ấy) không được quyền có mặt. Sự chia mốc, bởi thế, xin được nói lại, chỉ được dùng để phân định những chặng ý thức nổi bật trong tiến trình sáng tác của Mai Thảo mà thôi.

Vậy thì, trong cái nhìn của tôi, xuyên qua những tác phẩm, Mai Thảo đã để cho người đọc thấy ông đã đi qua những giai đoạn sau, với những ý thức sáng tạo nổi bật song hành với chúng:

● **1956-1960:** Giai đoạn chống Cộng, khẳng định thái độ và lập trường sống, chọn lựa tự do như một vùng đất tất yếu để đời sống được tiếp tục sinh thành và triển nở trong tất cả những mặt tự nhiên và cần thiết của nó.

Những tác phẩm chủ yếu trong giai đoạn này có thể được nhắc đến là: *Đêm Giã Từ Hà Nội, Tháng Giêng Cỏ Non* và những đóng góp của ông (thảo luận, thư tòa soạn...) trên *Sáng Tạo.*

● **1960-1970:** Giai đoạn "hiện sinh" và lãng mạn hóa đời sống. Bối cảnh của chúng là vũ trường; những thành phố và những cuộc tình lang bạt; không gian ước mơ của lãng mạn, của hương hoa và mộng tưởng, được dựng nên trong một thế giới "thanh bình riêng biệt" (như thế giới của hai nhân vật nam nữ chính trong "*A Farewell to Arms* của Hemingway). Những vật thể và sự kiện biểu trưng của chúng là rượu, người nam "lang bạt", người nữ "lãng mạn", những cái hôn, những cơn say, những canh bạc, những "lối đi dưới lá", những "đêm ngà ngọc", những "mùa mưa", những "cơn bão"... Những tác phẩm chủ yếu của giai đoạn này khá nhiều; có thể kể: *Khi Mùa Mưa Tới, Cùng Đi Một Đường, Tới Một Tuổi Nào, Mái Tóc Dĩ Vãng, Sau Khi Bão Tới, Cũng Đủ Lãng Quên Đời, Mười Đêm Ngà Ngọc...* và đặc biệt, *Căn Nhà Vùng Nước Mặn, Viên Đạn Đồng Chữ Nổi.*

● **1970-1975:** Giai đoạn ý thức về vai trò sáng tạo, vai trò của người nghệ sĩ. Cái nhìn của Mai Thảo mang nhiều màu sắc "dấn thân" hơn giai đoạn trước. Ngoài những tiểu thuyết *feuilleton* đăng hàng ngày, hàng tuần trên một số báo chí thời đó vẫn phải chảy theo một dòng thị hiếu như trong giai đoạn "hiện sinh", tinh thần dấn thân và ý thức nhập cuộc của kẻ sáng tạo nơi Mai Thảo được thể hiện rõ nhất qua loạt tùy bút ông viết hằng tuần trên trang cuối của báo *Khởi Hành* do Viên Linh chủ trương. Bài tựa *Đứng Về Phía Những Cái Mới* mà Mai Thảo viết như một lời giới thiệu cho tập *Tuyển Truyện Sáng Tạo,* do chính Mai Thảo chọn, vào tháng 8 năm 1970, cũng đã nói lên được cái tinh thần dấn thân đó.

● **1978-hiện tại:** Giai đoạn hồi cố, qua một số truyện ngắn, một số tùy bút, một số ghi nhận. Ý thức chống Cộng phần nào được hồi phục trong suy tưởng của Mai Thảo khi nhắc về những bằng hữu cũ hay khi lên tiếng về những vận động cho tự do, cho nhân quyền, cho quê hương. Tuy nhiên, nổi bật nhất trong giai đoạn này vẫn là những ghi nhận về đời sống và về những sinh hoạt nghệ thuật (đặc biệt là văn học) ngoài nước qua mục *Sổ Tay* ông viết đều đặn hàng tháng trên báo *Văn* tục bản trong nhiều năm qua. Từ những ghi nhận về đời sống và văn học này, những hồi quang của kỷ niệm cũng có một cái nền rất... hôm nay để lấp lánh, rực rỡ trở lại.

Nhìn theo trục dọc, tôi tạm thời phân định ý thức sáng tạo nơi Mai Thảo là như vậy. Nhưng, như đã nói về sự mềm dẻo, uyển chuyển của các mốc điểm, những chặng hay những tầng ý thức này cũng có thể xuất hiện chồng chéo và bám rễ vào nhau trong các tác phẩm, ở những thời kỳ khác nhau, của ông. Sự phân kỳ chỉ là để nắm bắt cái hiện tượng tinh thần nổi bật trong

những giai đoạn sáng tác được phân chia phần nào có tính chấp định (arbitrary) ở trên.

Nhìn theo trục ngang, cảm xúc và cái đẹp- trong sự diễn tả, trong cách sử dụng ngôn ngữ, trong việc làm mới cú pháp- là hai nét quán xuyến và nổi bật trong tất cả các tác phẩm của Mai Thảo. Trong giai đoạn khoảng đầu thập niên 1970, có những người dùng danh hiệu "hiện sinh" để gán cho văn chương Mai Thảo. Một hai nhà nhận định văn học không chịu, cho rằng, thật ra, Mai Thảo là một nhà văn *hiện thực*. Vào thời khoảng 1970 ấy, cả hai tính từ chỉ định *hiện sinh* và *hiện thực* này, ở một cách nhìn nào đó, đều có thể dùng để nói về văn chương Mai Thảo (nhất là từ *hiện sinh*. Tôi nhớ dạo ấy trào lưu hiện sinh đang mạnh trong không khí sách báo Việt. Và ngay trước đó vài năm, Mai Thảo đã phóng tác *Aimez-vous Brahms?* của Francoise Sagan, một nhà văn hiện sinh đang lên của Pháp, thành *Cô Thích Nhạc Brahms?* và cho in ngay sau đó.) Tuy nhiên, có lẽ vì bám vào các giai đoạn sáng tạo của Mai Thảo trên trục dọc mà người ta đã dùng những tính từ này để xác định văn chương của Mai Thảo. Nếu nhìn theo trục ngang để thấy hai đặc điểm bao trùm tất cả mọi sáng tác của nhà văn, là cảm xúc và cái đẹp, tôi nghĩ tôi sẽ gọi Mai Thảo là nhà văn duy mỹ và duy cảm. Tính chất *duy mỹ* này Mai Thảo chia sẻ rất nhiều với Nguyễn Tuân và, phần nào, Thạch Lam, những người mà ông tự nhận là có chịu ảnh hưởng. Về tính chất duy cảm, Mai Thảo vượt xa Nguyễn Tuân và Thạch Lam nhiều lắm. Tôi không nói chung về mặt văn chương; vì trên phương diện này, cả Nguyễn Tuân, Thạch Lam, cũng như Mai Thảo, đều có những đóng góp riêng của mình trong dòng văn học Việt Nam. Tôi chỉ muốn nói về khía cạnh cảm xúc. Văn chương Mai Thảo cảm xúc tràn đầy; mà ở Nguyễn Tuân và Thạch Lam, cảm xúc chỉ dâng lên tới một độ nào mà thôi.

Dưới đây, chúng ta sẽ phân tích một số những khía cạnh thể hiện cảm xúc và cái đẹp trong văn chương Mai Thảo trên trình tự dọc như chúng ta đã thử làm ở trên. Cảm xúc và cái đẹp ở đây, qua sự trình bày và phân tích một số những đoạn văn của Mai Thảo, hy vọng sẽ cho chúng ta thấy được rõ hơn con người văn chương của ông, đồng thời cũng cho ta thấy được những đóng góp của Mai Thảo trong việc làm mới ngôn ngữ và cách nhìn cuộc đời bằng ngôn ngữ của nhà văn. Nội giới và ngoại giới của con người, qua đó, như được soi chiếu bằng một luồng ánh sáng lạ, khiến ta nhìn ngắm những vùng không gian đó bằng một con mắt mới hơn trước.

• **Giai đoạn 1956-1960:** Trong *Đêm Giã Từ Hà Nội,* tập truyện ngắn đầu tay của ông, người đọc đã bắt đầu nhìn thấy phong cách Mai Thảo trong cách dùng từ, trong cách đặt câu và diễn ý. Phong cách này đã cho người ta thấy thái độ bứt thoát khỏi dòng văn chương cũ của những nhà văn đi trước như Nguyễn Công Hoan, Thanh Châu... hay của những nhóm văn học trước đó như *Xuân Thu Nhã Tập* hay *Tự Lực*. Tâm tình ở đây là tâm tình của kẻ bị thời

cuộc đẩy ấn đến chỗ bứt thoát và lên đường. Những trang sách chứa đầy tâm sự. Những ánh lửa đỏ bập bùng hay lấp lóe của một phố phường Hà Nội đêm giã từ năm xưa vẫn còn cháy mãi trong lòng kẻ ly cách. Dĩ nhiên, sự kiện đi tìm về những nẻo đường tự do sau khi phải bỏ quê nhà yêu dấu, nơi Mai Thảo, đã hàm chứa trong nó một thái độ chống đối chủ nghĩa Cộng sản. Sự chống đối này được thể hiện một cách vừa lãng mạn vừa văn chương qua những trang sách của ông.

Sang đến *Tháng Giêng Cỏ Non*, tập truyện được xuất bản vào năm kế đó, 1957, những tâm tình cũ tiếp tục được nuôi nấng. Lập trường tự do được thể hiện rõ hơn nữa. Về mặt phong cách viết, Mai Thảo đẩy xa hơn nữa cái phong cách mà ông đã tìm ra trong tập truyện đầu. Vào khoảng 1956, 1957, trong văn chương Việt Nam, những câu viết như trong những đoạn trích dưới đây là những câu viết đẹp. Và mới.

...Thời gian nghiêng đi. (...) Vậy mà mùa Xuân đã về rồi. Mùa Xuân của những ngả đường cỏ non, của những ngày khởi đầu nhung lụa, của những đợt khói hương thơm ngát trong đêm giao thừa, của buổi gặp lại, của ngày trở về. Mùa xuân tự do thứ nhất ở đây vẫn chứa đựng cái hình ảnh muôn đời đôn hậu của Đoàn Viên...

(Tháng Giêng Cỏ Non)

Hãy để ý sự lập đi lập lại của những nhóm từ trong các đoạn văn, những nhịp đi dịu dàng của bằng trắc, của sự cân đối trong ngữ pháp và trong hình ảnh. Hãy nhìn vào cách diễn ý.

(...) Hồi đó, chúng tôi đến Ấn Độ mỗi ngày mỗi nhiều. Những đợt chỉnh huấn cải tạo của Cộng Sản càng rộng thì số người bỏ đi càng thêm đông đảo. Góc núi Ấn Độ biến thành một cứ điểm của tự do. (...) Đêm hôm đó tôi ngồi nói chuyện với chị Định ở bờ suối đến khuya. Đêm rừng đẹp một vẻ huyền ảo quanh tôi. Sao sáng muôn vàn trên khắp Ấn Độ. Trời lạnh dặc. Sương phủ xuống trắng xóa những thành đá. Chị Định thúng thắng ho. Tôi nghĩ đến những ngày cuối cùng của chị. Đến những ống Streptomicine. Đến căn bệnh hiểm nghèo sẽ cướp mất của chúng tôi người chị thân yêu...

(Giai Đoạn Chị Định)

Về nội dung, cho dù truyện ngắn *Giai Đoạn Chị Định* phản ánh một thái độ chống Cộng, nó vẫn không mang chứa sự căm thù, bởi, qua nó, cái đẹp đẽ, ấm áp, thiết tha và gần gũi của tình người vẫn là những điểm nổi bật lên. Về hình thức, những câu đơn, ngắn gọn và đẹp, được sử dụng rất khéo. Những nhóm từ chưa phải là câu được cắt ra khỏi câu chính, cho đứng riêng rẽ, để nhấn mạnh.

Tập truyện ngắn mà nhiều người vẫn cho là hay nhất của Mai Thảo là tập

Bản Chúc Thư Trên Ngọn Đỉnh Trời, được xuất bản năm 1963, cũng có thể được viết ra trước và sau thời điểm 1960 một chút. Trong tập truyện này, ngoài ba truyện *Luân, Người Đàn Bà Trong Vòng Đai Trắng* và *Người Điên Dưới Chân Sườn Tam Đảo* là những chuyện mang một không khí chiến thời, thời Việt Minh, thời kháng chiến, thời về Tề..., những truyện còn lại có những bối cảnh của đời sống miền Nam. Đặc biệt truyện *Bản Chúc Thư Trên Ngọn Đỉnh Trời* không cho người đọc xác định được rõ không gian của câu truyện kể nằm ở đâu. Trong tập truyện ngắn này, phong thái Mai Thảo đã thật rõ. Nhất là ở trong cách diễn ý rất đẹp và trong những cảm xúc tràn lên trên từng câu văn.

Chàng có đôi mắt sâu như đựng chứa những hoang vu tiền sử, những đỉnh trời cao ngất không ngó thấy, những không gian buốt lạnh không có dấu chân và sự sống loài người. Đôi mắt phảng phất niềm mơ màng khó hiểu, như những cửa ngõ mở vào một thứ thế giới hư vô riêng biệt. Đôi mắt như hai vì sao trầm lặng buồn rầu ẩn chứa mọi phần tâm linh cùng thẳm, tất cả định mệnh chàng ủ kín trong đó, đôi mắt có một sức quyến rũ mãnh liệt, lúc ngủ, tròng mắt yên tĩnh bao bọc lấy đời sống hàng ngày, lấy tôi, trong cái nhìn khoan dung thỏa thuận. Đôi mắt khi cháy lên, khi ánh lửa dị thường nói sự bắt gặp của linh hồn chàng với niềm khát vọng tiền kiếp, đẩy chàng tách rời khỏi đời sống, mọi người chung quanh, đi vào những miền gió bão hoang vu, bí mật và xa xôi như khối lửa nghìn đời xa cách, nhưng vẫn còn đó, vẫn thăm thẳm cháy trong lòng đất.

(Bản Chúc Thư Trên Ngọn Đỉnh Trời)

Trong những đoạn trích dẫn dưới đây, trích từ truyện ngắn *Luân*, cảm xúc và cái đẹp tràn lên mênh mang. Trong hình ảnh, trong chữ dùng, trong ngữ điệu, trong cú pháp. Và trong nỗi thiết tha nhóm lên khi thì dịu dàng, khi thì chất ngất trong trái tim tác giả.

Mấy tháng về sau, khi cụ Chánh đau nặng, Luân phải đi chợ xa thay mẹ, chúng tôi thường chiều chiều kéo nhau ra khỏi thị xã lên trên con đê cao đầu làng Mậu Dương đón Luân gánh hàng từ phía Tân Châu về. Vượt qua con sông Hồng mênh mông lúc đó đã đỏ thẫm giáng chiều, cái bóng nhỏ bé của Luân khi hiện ra ở đầu con đê cao vẫn có cái tác động mầu nhiệm đổi thay cảnh vật, làm tươi sáng cả một vùng hoàng hôn bát ngát đang thấm vào tâm hồn dễ xúc động của chúng tôi. (...)

(...) Con mắt yêu thương của chúng tôi, trước sau đều nhìn thấy bất cứ cái gì ở Luân cũng hay cũng đẹp. Riêng tôi, đẹp nhất là cái tiếng nói. Chỉ là âm thanh mà nghe thành hình ảnh. Tiếng nói mỗi khi nghe thấy, nhớ tới, thường làm tôi nghĩ đến một buổi sáng ở một cửa rừng vui nào với những hàng cây thưa, những thảm cỏ mướt, những tiếng chim ca ánh sáng trên đầu, cái buổi

sáng bình yên trong ca dao, có cu gáy có bướm vàng của Huy Cận.

Tiếng nói có một ấn tượng vui ấm tương tự như khi đi một mình trên cánh đồng mưa tối chợt bước vào một đầu phố, một thôn xóm có ánh sáng, có người ở, có tiếng cười, có sự sống chung quanh. Tôi vẫn nghĩ tâm hồn Luân phải trong đẹp lắm Luân mới có được tiếng nói thủy tinh trong suốt như vậy (...)

Cũng giống như ở đoạn trên, đoạn văn dưới đây cho thấy Mai Thảo đã sử dụng kỹ thuật viết câu dài rất thành công để diễn tả một dòng ý thức. Đó là một dòng *chảy* và *cháy* không ngừng. Để ý, cả đoạn này chỉ là một câu được phát triển với những ngữ giới từ (prepositional phrases) dùng làm trạng từ chỉ thời gian.

(...) Tôi muốn bảo Luân, anh nhớ đến em trong tiếng súng ban đêm, những vệt lửa dài cháy vào bóng tối, lúc bò núi sau lưng cái hình ảnh xót thương còn mang hình trái núi, lúc xuống đồng bằng trước mặt cái hình ảnh xót thương đã mang hình những ngọn lửa dài, lúc anh muốn chết, lúc anh muốn sống, lúc tuyệt vọng tối đen vực thẳm, khi tin yêu sáng chói mặt trời, lúc nhìn xa cái hình ảnh lớn theo ngút mắt, lúc tưởng gần cái hình ảnh thu cũng nhỏ vào một góc trái tim như một tấm hình kỷ niệm.

Trong đoạn kết, Mai Thảo dùng những câu thật ngắn và gọn. Hai câu cuối cùng được tách ra thành một đoạn riêng. Tính chất ngắn, gọn của các câu văn ở đây khác hẳn tính chất đan kết, liên tục, mở rộng của những ý nghĩ reo vui như những bọt sóng trong đoạn nói về tiếng nói của người con gái tên Luân; của những yêu thương bùng cháy không dứt như một vệt lửa cháy mãi trong đêm tối. Cái ngắn, gọn ở đây mang tính *tragic* pha với *pathos*. Nó nằm trong cái biểu tượng của con bướm chết. Một cái đẹp mong manh, tàn lụi trong cái vô nghĩa và vô tình của cuộc đời.

Sáng hôm sau, tôi xuống núi thật sớm. Như người đi trốn. Tôi không có can đảm ở lại để nhìn thấy cái hình ảnh lam lũ của Luân đẩy lưỡi cày trên nền đất rừng cằn cỗi. Trời đã sáng nhưng hai bên núi rừng còn yên lặng ngủ. Gần tới đường lớn tôi trông thấy một con bướm. Nó đậu trên một bụi cây thấp. Mình nó vàng ánh với những chấm đen ở hai đầu cánh. Tôi bắt lấy con bướm và bỏ đi không nhìn trở lại.

Suốt dọc đường tôi nghĩ đến Luân, đến Phạm, đến Trương, đến tôi. Lúc nhìn xuống, con bướm tự lúc nào đã chết nát trong lòng bàn tay.

Tôi nghĩ *Luân* là truyện ngắn hay nhất của tập truyện *Bản Chúc Thư Trên Ngọn Đỉnh Trời*. Tập truyện này cho chúng ta thấy Mai Thảo đã kéo chúng ta lại gần với văn chương Việt Nam trong giai đoạn ấy hơn nữa bằng chính cái khả thể của ngôn ngữ Việt. Ông cho người đọc thấy rằng cái ngôn ngữ ấy

có thể diễn tả được những điều thiết tha và đẹp đẽ, mà vẫn hết sức mới, nếu nhà văn chịu khó khổ công với suy tư và với chữ viết của mình.

[Cũng trong giai đoạn sau cuộc di cư 1954 cho đến khoảng đầu thập niên 60, một nhà văn khác là Võ Phiến, với một phong thái khác hẳn (trong cung cách diễn ý cũng như trong cú pháp), cũng đã khiến cho chúng ta tự hào về truyện ngắn Việt Nam. Với Võ Phiến, chúng ta tin được rằng, qua chữ nghĩa Việt Nam, một nhà văn có tài có thể làm cho người đọc tìm sâu vào những ngõ ngách của tâm hồn con người, cũng như là có thể giúp họ theo dõi tỉ mỉ những hành vi, cử chỉ hết sức tế nhị của nó. Trong những phạm vi và khía cạnh cần thiết ấy của văn chương, ngôn ngữ Việt đã chứng tỏ là nó không thua kém bất cứ một ngôn ngữ nào. Miễn là nó được sử dụng bởi những người có tài và có lòng thiết tha thương yêu nó]

● **Giai đoạn 1960-1970**: Đây là giai đoạn sáng tác mạnh nhất của Mai Thảo. Ta cũng không nên lấy làm lạ về điểm này. Xã hội miền Nam trong thời khoảng ấy, mặc dù với nhiều biến động (nhất là sau năm 1963), vẫn là một xã hội đang trong một cơn sốt vỡ da. Chiến tranh tâm lý. Cách mạng. Đảo Chính. Người Mỹ đổ quân vào Việt Nam. Những giá trị tinh thần xuống dốc. Giá trị vật chất lên ngôi. Phòng tra. Vũ trường. Cao ốc cho thuê. Mậu Thân. Khói lửa trên cả bốn vùng chiến thuật. Trong không khí náo loạn ấy, con người ta, phần bị quay theo cơn lốc hoàn cảnh, phần mệt mỏi buông thả bản thân, khó nhìn thấy mình đứng vững. Về mặt văn học, hiện tượng sách dịch nở rộ, những lượng nước cuối mùa của các trào lưu triết lý Tây Phương ập vào xã hội miền Nam. Những tư tưởng tự do về mọi mặt (đặc biệt trên mặt luyến ái) có cơ hội bành trướng tốt. Báo chí chạy đầy những truyện dài đăng từng kỳ mỗi ngày (feuilleton). Các tác giả thi nhau viết và kéo dài số lượng chữ viết của mình để có được nhiều tiền hơn. Ngoài ra, kỹ thuật feuilleton còn đòi hỏi sự dằng dai, ngắt điểm ở những đoạn "gay cấn" trước khi chữ "còn tiếp" được đặt ở cuối cột báo để "câu" độc giả. Trong một hoàn cảnh như thế, các nhà văn "ăn khách" được khuyến khích sản xuất hàng loạt truyện dài để đăng trên các trang báo. Tuy nhiên, vì kỹ thuật feuilleton đòi hỏi, các tác giả rất khó giữ được cho bố cục của câu truyện được hoàn chỉnh.

Cùng với các nhà văn cùng thời khác, trong giai đoạn này, Mai Thảo sáng tác rất nhiều. Dù sao, sở trường của Mai Thảo là tùy bút, hoặc truyện ngắn nghiêng về tùy bút, nên khi đi vào truyện dài đăng báo, về mặt nghệ thuật, ông không được thành công cho lắm.

Nói như thế nghe ra có vẻ nghịch lý với nhiều người. Bởi lẽ, cùng với Duyên Anh và một số nhà văn khác trong thời ấy, truyện dài của Mai Thảo là những truyện bán chạy nhất, được độc giả mua nhiều nhất. Có nhiều cuốn được tái bản đi tái bản lại nhiều lần. Chuyện ấy hầu như không xảy ra trong trường hợp những tác phẩm thật sự có giá trị về mặt văn học của ông. Có lẽ chúng ta cũng nên phân tích thử sự kiện này về trường hợp của Mai Thảo.

Hầu hết, nếu không nói là tất cả các truyện dài của Mai Thảo xuất hiện trong thời kỳ này, và sau đó kéo dài đến đầu tháng 4, 1975, đều có chủ đề về tình yêu. Tình yêu được lãng mạn hóa. Tình yêu trở thành cái lý tưởng gần như là tuyệt đối trong cuộc sống. Trong một không khí chiến tranh tàn khốc như vậy, con người phải bám vào một cái gì đó để mà sống. Họ tìm được câu trả lời nơi các nhân vật của Mai Thảo. Trong một cuộc sống thác loạn với bao giá trị tinh thần và đạo đức đang sụp đổ, con người cần phải bám vào một cái gì đó để tin tưởng rằng cuộc đời vẫn còn những cái đẹp, những cái đáng cưu mang, gìn giữ. Họ tìm thấy cái đẹp ấy nơi văn chương Mai Thảo, nơi những cảnh ngộ và tình huống mà ông đã tạo dựng ra để cho tình yêu lên ngôi. Mặc dù có hình ảnh của những quán rượu, những sàn nhảy, những cơn say, những canh bạc... chen kẽ, tình yêu trong truyện dài của Mai Thảo vẫn là điểm sáng chói lọi, rực rỡ và lấp lánh, nổi bật lên. Nó lý tưởng quá, và nó có vẻ không thật. Nhưng con người lúc đó cần một niềm tin. Cho dù niềm tin mà họ tìm kiếm có là một ảo vọng đi nữa, họ vẫn cố bám lấy nó. Bởi vì nó giúp người ta tiếp tục sống. Chiến tranh đã phơi bày bao nhiêu là sự thật phũ phàng, bao nhiêu là hiện thực tàn nhẫn; bởi thế, nếu tình yêu trong văn chương Mai Thảo có là một điều không có thật, có được lãng mạn hóa đến mức tuyệt đối, người ta vẫn tin vào nó. Hay ít ra, họ muốn tin vào nó. Tin vào nó như tin vào một cứu rỗi cần thiết.

Dĩ nhiên, từ *con người* trong phần phân tích của tôi ở trên cũng chỉ là một cách dùng mỹ từ pháp. *Con người,* như là số đông của một tập thể. Tuy nhiên, vẫn có những con người ở bên ngoài số đông ấy.

Họ có thể là những người lính có ý thức, từ mặt trận trở về để nhìn lại thành phố. Nhìn vào thành phố rồi họ nhìn tiếp vào tấm gương phản ánh xã hội là văn học. Và họ tức giận. Họ cũng có thể là những nhà văn khác, ý thức vai trò cầm bút của mình như một sứ mệnh. Như Camus, họ muốn cất lên tiếng nói của lương tâm con người; từ đó, kêugọi con người tự xét lại chính mình để hướng về những giá trị có tính cách vĩnh cửu và xứng đáng. Những giá trị ấy có tính cách giải độc và rửa sạch. Những người ấy không thích (hoặc, nói cho mạnh hơn, không chấp nhận thái độ của Mai Thảo). Họ có cái lý của họ. Và cho đến bây giờ, thật sự, tôi cũng vẫn yêu mến và chia sẻ với những người ấy trong thái độ và ý thức trên.

Nhưng nếu chúng ta đứng ở một góc cạnh khác để nhìn vấn đề thì, có lẽ, đời sống nó có những phương cách tự hàn gắn của nó. Tôi vẫn yêu Camus, tôi vẫn yêu thái độ dấn thân và ý thức làm đẹp cuộc sống. Tôi vẫn yêu cái vai trò của nhà văn như một người soi sáng lương tâm, thức tỉnh cái phần tinh anh sâu thẳm nơi con người trong những cảnh ngộ tủi nhục, éo le, đắng cay, bi đát, khốc liệt... của cuộc sống. Tôi vẫn yêu những điều ấy. Nhưng, cuộc sống vẫn có những cách thế tự hàn gắn, tự cứu chữa riêng của nó. Và tôi nghĩ rằng, ở một góc cạnh nào đó, việc Mai Thảo ca ngợi tình yêu, lãng mạn và lý tưởng hóa một nụ hôn, một ánh mắt... cũng có thể đã có tác dụng cứu chữa,

hàn gắn riêng ấy. Cũng thế, những người yêu thích truyện tình của Mai Thảo, trong đời sống riêng của họ, ở một góc cạnh nào đó, cũng có thể đã tìm được một nơi chốn cư ngụ cho trái tim của mình, mà đời sống, cách này hay cách khác, đã làm cho mệt mỏi hay chảy máu.

Về mặt văn chương, xét một cách chung, truyện dài của Mai Thảo không dở. Nó chỉ có vẻ bị yếu đi khi ta so nó với những viên ngọc được Mai Thảo mài dũa kỹ. Đó là những tùy bút và những truyện ngắn của ông.

Dùng một hiện tượng có tính thời đại là phim bộ Hồng Kông để so sánh, ta có thể nói, ở một góc cạnh nào đó, truyện dài của Mai Thảo cũng như phim bộ. Người nào đã thích, bị hút vào là có thể mê mẩn tâm can. Những người có một... mỹ quan nào đó có thể xem thường phim bộ, vì nó lê thê và nghệ thuật diễn xuất có vẻ lập đi lập lại, nhiều chỗ xem ra thừa. Nhưng nếu người ta chịu khó bỏ thời giờ vào để theo dõi nó, phim bộ có những đoạn rất hay. Và các tài tử diễn xuất thật xuất sắc. Truyện dài của Mai Thảo, có thể phần nào bị làm cho hư hỏng về mặt bố cục vì kỹ thuật feuilleton, vẫn được viết bằng một thứ văn chương rất đặc sắc. Ngoài hai cuốn *Tới Một Tuổi Nào* và *Cùng Đi Một Đường* là hai cuốn hình như bị viết quá vội (nhưng vẫn có những đoạn hay), chúng ta có thể tìm được rất nhiều đoạn văn tả tình, tả cảnh, những đoạn chảy của dòng ý thức, của sự độc thoại thật đẹp và nhiều cảm xúc trong bất cứ một cuốn truyện dài nào khác của ông. Chúng ta hãy thử tìm kiếm một vài đoạn văn như thế để hiểu thêm về văn chương của Mai Thảo.

Hãy nghe Mai Thảo tả một điệu nhạc:

Bản nhạc gợi lên hình ảnh một đêm mùa thu. Một đêm mùa thu đâu đó, xa xôi, không phải là một đêm Saigon nồng cháy và chan hòa tiếng động. Một đêm mùa thu Paris. Một đêm mùa thu Hà Nội, lá vàng lả tả bay trên những con đường không tiếng vang, những con đường phảng phất sương mù và lắng đọng rất nhiều bóng tối. Trên những con đường ấy là những bước chân rất êm của những người tình. Đầu ngả đầu, vai kề vai, tay trong tay nắm, thần trí mơ màng, tâm hồn phơi phới, trên những con đường lá vàng, những người tình dìu nhau bước đi. Và nhạc đuổi theo những dấu chân mơ hồ. Vây lấy. Và nhạc nói hộ tiếng thì thầm của tình yêu. Tiếng gió. Tiếng lá. Tiếng nước chảy nhẹ dưới chân cầu. Điệu nhạc xa vắng, khuya khoắt, ướt át.

(Sau Khi Bão Tới)

Và hãy nhìn dòng ý thức của nhân vật chính, trong cơn say:

Đời chẳng có gì hết. Một bài thơ nào đó của một thi sĩ nào đó, một bài thơ như một biển chán chường một rừng phiền muộn, có những câu hay quá đi. Ai đã làm chi đời ta chưa, ai đã dùng chi đời ta chưa. *Rồi. Chưa. Không biết. Tất cả đều mơ hồ. Hết thẩy là mù sương. Đời không còn gì.* Ba mươi năm trên vai

mà trống không bình sinh. *Dũng chợt nhớ chàng đã ba mươi tư tuổi đầu. Thế là giữa tuổi đời đương hoa, hay đã tà tà xế bóng? Không biết. Nhọc mỏi trong thân. Lãng đãng trong hồn. Và chỉ còn cái đáng kể là một tủ rượu còn đầy. Say. Chỉ có say và quên là đúng nhất. Nhận đi, cái buổi chiều thành phố buồn bã này là ngày sinh nhật của mình. Tôi ra đời trong một ngày buồn bã (...)*

Ngày tháng là một giòng chảy. Và chàng là một con phao. Lênh đênh, nổi chìm, vô định. Rượu, đàn bà, đêm, những thú vui tàn rữa buồn rầu. Tôi là một thằng hề. Thằng hề múa may quay cuồng, hoa chân múa tay. Điệu dáng nó ngộ nghĩnh. Quần áo nó kỳ quái xanh đỏ sặc sỡ. Nó nhào lên trên đường giây định mệnh treo căng như một trò đùa nguy hiểm, nhưng thằng hề kỳ thực đã chỉ che đậy qua cái bề ngoài vui quấy kia một tâm trạng não nùng thảm thương. Màn trình diễn chấm dứt với những chuỗi cười vang động. Đèn tắt ngoài tiền trường sân khấu. Thằng hề đi trở vào. Lủi thủi, âm thầm. Nó đến ngồi trước tấm gương nhòe đục của buồng hóa trang tiều tụy, nó ngắm nhìn nó trong gương và trong cặp mắt nó chợt một giòng lệ thảm từ từ chảy xuống (...)

(...) Khuôn mặt đó là của chàng. Hoang mang mỏi mệt. Trên một nền đêm, một nền đêm khuya khoắt lâm chung, trên một nền chiều, trên một nền thảm sầu tàn héo. Những chiều gục đầu. Những đêm rã rượi. Sóng rượu ào ạt tràn lấp. Cơn say vật vã chập chờn. Đôi mắt buồn như một đáy hư vô (...). Gió lên từ những vực thẳm nào. Gió làm rùng mình. Mưa bay vào một chiêm bao nào. Mưa là một lưu đày trắng xóa. Tình yêu. Hạnh phúc. Những danh từ trống rỗng,vô nghĩa. (Sách đã dẫn)

Đó là một dòng ý thức tội nghiệp. Rất chân thật và rất thảm thương. Nó có tác dụng cứu chữa hoặc hàn gắn không? Nhìn theo hướng ý- thức- trị- liệu- pháp của các nhà tâm lý mới của thời đại này, tôi nghĩ nó có thể có tác dụng trị liệu và cứu chữa. Khi ta biết ta chỉ là một dòng chảy buồn sầu, khi ý thức ta đang rơi vào một cơn lưu đày trắng xóa, con người có thể sẽ tìm ra lối thoát như bản năng sống còn của con người đã dạy cho nó. Cũng thế, nếu nhận diện được mặt mũi của cơn say, nếu nhìn thấy được ta phản ánh qua cơn say như qua một tấm gương thủy tinh tội nghiệp, thấy ta là một giọt lệ, là một biển đau trong một rừng sầu, có thể người ta sẽ tìm được đường cứu chữa.

(...) Cơn say có hai bộ mặt đặc biệt của nó. Một vô cùng hung dữ và một thì rất đỗi hiền lành. Say là gào thét, đập phá, dồn trút những ẩn ức chứa dấu thành những hành động điên cuồng và hung bạo. Say là một cơn lốc tan hoang. Những hành động điên cuồng của cơn say mang ý nghĩa một tự hủy của bản năng mù lòa đã ra thoát những bờ hạn ngăn cầm của lý trí. Nhưng say không chỉ là một cơn lốc. Mà say còn là một giọt lệ, một biển đau trong một rừng sầu. Người ta nghĩ đến cái nửa chừng của thân thế, cái buốt lạnh của tâm can, niềm cô đơn của một trái tim không tình yêu, một tình yêu không hạnh phúc. Và nhỏ lệ xuống những đau buồn ấy. (Sách đã dẫn)

Tôi biết là Mai Thảo đã có những cơn say như thế. Như những nhân vật chính của mình. Và tôi xót xa cho ông. Tôi cũng quý ông hơn. Bởi vì ông đã đủ chân thật để nhìn rõ khuôn mặt cũng như tấm lòng sâu thẳm của cái nhân-vật-chính-là-tôi ấy.

Cơn say, như thế, không chỉ là dập phá, gào thét... Nó còn làm ứa ra những giọt nước mắt. Người con gái ta yêu đã bỏ đi. Chỉ vì một hiểu lầm. Chỉ vì chúng ta quá nhiều tự ái để không thể đưa bàn tay về phía nhau nữa.

(...) Lúc này, nếu chàng được ngồi một mình, chắc chàng sẽ để mặc cho một giòng nước mắt chảy ra. Người đàn ông không bao giờ khóc. Nhưng tôi có khóc đâu, chỉ là nước mắt tôi, tôi không thể nào cầm giữ được, chỉ là thất vọng tôi, tôi không thể nào lẩn tránh được, chỉ là vết thương của tôi, tôi đang nhìn thấy nó, ở giữa trái tim ròng ròng máu chảy, chỉ là nỗi chết trong tôi, nỗi chết đó đã nảy mầm, nó là một loài cây kỳ lạ thảm sầu, lá nó có gai sắc, cành nó là mũi nhọn, nó đang đâm nát tâm can thần trí tôi. (Sách đã dẫn)

Có thể người ngoài cuộc sẽ cho rằng đây là một đoạn văn sướt mướt, diễn tả một tâm tình sướt mướt. Có thể là như vậy. Nhưng những người nào đã qua cái kinh nghiệm của sự mất mát kia có thể lại thấy họ tìm được một niềm thông cảm trong nỗi đau của nhân vật. Đời sống ở đây, cái sướt mướt ở đây, lại trở nên rất thật với họ.

Mai Thảo không chỉ giỏi trong việc mô tả nội tâm. Thật sự, ông cũng là một nhà văn tả cảnh rất độc sáng. Dù sao, có thể nói, hầu hết hoặc tất cả các cảnh được tả trong văn chương Mai Thảo đều in rõ nét ấn tượng. Nó là cảnh được nhìn qua cái lăng kính riêng của nhân vật. Rất ít khi cảnh trong văn Mai Thảo lại là cảnh khách quan, không được nội tâm hóa. Hãy xem một bức họa ấn tượng của Mai Thảo về Đà Lạt:

Hoàng hôn Đà Lạt, lúc ngày và đêm bắt gặp nhau thành một hòa nhập thấp thoáng, là một cảnh tượng chơi vơi với những nhòe nhạt, những bồng bềnh và những lặn chìm hư ảo. Không có cái gì rõ nét. Từ những ngọn núi đến những cánh rừng. Từ những thung lũng mù sương đến những sườn đồi dào dạt gió thổi. Người ta sống, vừa với một tâm hồn của rừng, vừa với một cảm giác của biển. Những đỉnh núi nhoè mờ, có thể là vươn lên từ một biển mây trời lớp lớp mênh mông, lại có thể là những hòn đảo hoang ngoi lên từ một mặt đại dương mịt mùng bát ngát. Ánh lửa kia là một vì sao. Những ngọn đèn ấy lại là một ngọn hải đăng. Biển và núi rừng hòa hợp linh hồn vĩnh cửu của biển và của rừng ở đây, tạo cho hoàng hôn Đà Lạt những nét đẹp lạ thường. Hoàng hôn Đà Lạt đẹp thăm thẳm. Hoàng hôn Đà Lạt đẹp hoang đường. Người ta không đứng từ một phía này ngắm nhìn thiên nhiên từ một phía khác. Mà người ta nhập vào thiên nhiên, có nó trong máu, trong tim. Người ta không ở một lề đường tạo vật

để rung động cùng tạo vật. Mà người và tạo vật là một. Tạo vật là hơi thở. (Sách đã dẫn)

Và một bức ấn tượng họa khác về cảnh Nguyên Đán ở một chốn quê hương miền Bắc:

Phủ cảm thấy rung động và hồi hộp lạ thường. Cũng những bụi tre um tùm vây lấy những mái lá hiu hắt. Thời tiết tạo thành một nếp sinh hoạt đặc biệt "Bắc Kỳ". Phủ chợt nhớ tới quê nội chàng. Những ngày còn nhỏ tuổi, cha chàng thường cho chàng về thăm quê trong dịp Nguyên Đán đầu xuân. Thứ mưa đang bay ngoài khung kính xe cũng là thứ mưa đã tạt qua vòm trời thơ ấu của Phủ. Nhẹ như tơ. Thoang thoảng nghi ngờ. Có mà như không có. Mưa bay nghiêng, gió cuốn nhẹ, hất những giọt mong manh lên trời. Mưa bay muôn chiều trong không gian như một điệu múa dịu dàng và kỳ ảo. Bấy giờ Phủ còn nhỏ tuổi. Chàng đi trên mặt con đê cao. Cỏ mùa xuân hai bờ xanh mướt. Từ dưới chân đê, những đợt khói bay lên trên những mái rạ. Người ta đang chọc tiết lợn ở những khoảng sân sau. Người ta đang gói bánh chưng. Phủ mê cái không khí sửa soạn Tết nhất thôn dã ấy vô tả (...)

(...) Bây giờ con đường dài hơn mười cây số từ phi cảng Phú Bài về tới thành phố Huế đã lần lượt đánh thức dậy tất cả những xâu chuỗi hình ảnh xưa cũ và thơ ngây đó trong lòng Phủ. Tưởng như có một giọt nắng đang chảy trong óc, lan ra, làm sáng cả hồn. Tưởng như có một hơi gió lùa đi, làm mát mẻ cái thế giới bên trong nhiều chán chường ngột ngạt.

(Khi Mùa Mưa Tới)

Cũng trong truyện dài *Khi Mùa Mưa Tới*, tôi đã bắt gặp... một cái hôn thật đẹp, thật đầy, thật táo bạo, và thật quê hương, nở ra ở giữa lòng xứ Huế cổ kính, trong vườn chùa Linh Mụ, cùng với mùa mưa dầm đã bắt đầu. Xứ Huế của thành quách cổ cũ, của núi non lăng tẩm nghìn đời, của dòng sông thơ lờ lững. Cái hôn nở ra như một đóa mộng ướt mưa, chấp chới. Trong văn chương Việt Nam, nói riêng, và thế giới, nói chung, tôi chưa từng thấy một chiếc hôn nào dài và đẹp đến thế. Mai Thảo cho cái hôn này kéo dài 5 trang chữ nhỏ. Ở đây, tôi chỉ trích ra vài đoạn đẹp và sinh động nhất. Đọc đoạn văn này, trí ta như nghe thấy khúc nhạc *Tổ Khúc Bốn Mùa (The Four Seasons)* của Antonio Vivaldi oà lấp trong hồn. Và hiển hiện trước mắt ta là bức tranh tuyệt đẹp *Cái Hôn (The Kiss)* của người họa sĩ tài hoa nước Áo Gustav Klimt mà nhà *An Tiêm*, Saigon ngày xưa đã dùng làm mẫu bìa cho cuốn *Một Thời Để Yêu và Một Thời Để Chết* của E.M. Remarque. Chẳng biết bây giờ, trên nửa đời người rồi, Mai Thảo có còn nhớ đến đóa mộng cũ, ngời ướt sương mưa đó không?

Qua hàng mi dài vút của nàng, tầm mắt Linh đụng vào một hình thể yêu dấu ở gần. Tất cả bát ngát lớn lên. Đôi mắt Phủ cũng là đôi mắt nàng long lanh

vô bờ. Khoảng trũng bên sóng mũi cao của chàng như một thung lũng ngon chạy dọc theo một triền núi đẹp, miệng chàng mở hé, môi hồng sắc máu rung động. Linh thấy nở lên như một đài hoa hàm răng chàng óng ánh. Rồi tất cả bặt đi và bị nuốt chửng. Linh không nhìn thấy gì nữa. Cái hôn bắt đầu và nàng đã nhắm mắt lại. Trong một khoảng khắc thần tiên, trời đất tối đen như đêm, nàng nồng nàn hôn trả Phủ, hai người nồng nàn hôn nhau, mọi lời nói mọi ý nghĩ bị ngăn chặn lại, và trong hòa hợp truyền thấm mê đắm, trong cái hôn trao gửi khít khao kỳ diệu, Linh sống một cảm giác tột đỉnh bàng hoàng. Những hoa sao nhảy múa trong đầu nàng. Trong đầu nàng như có bóng Ngự Bình nghiêng xuống, giòng Hương Giang chảy qua, nó chảy trong một đêm ngà ngọc, kín kín, thầm thầm, nó chảy trong cái thiên đường bé nhỏ kiêu hãnh, những lớp sóng đỡ nàng lênh đênh thành một vòng hoa, những lớp sóng bao trùm nàng cho cả một rừng tóc lướt thướt chết đuối, trong đầu nàng có sự im lặng thành kính say say lả lả, có tiếng chim hót vui như tiếng hót ánh sáng ở một cửa rừng, có sự thức tỉnh sáng suốt và trong vắt của cả một đời người mà cái hôn đầu là tấm gương lớn cho nàng soi ngắm hình thù của rung động, lại có sự mê thiếp sượng sần tối tăm như nàng sắp ngã, đang ngất, nàng đang bị giết chết, giết chết bằng cái chết của men, của đường của mật nấu cất ngất ngư trong nắng. Từ miệng nàng tới đầu, bốc thoát ra một nghìn chân tóc. Từ miệng nàng tới cổ họng xuống thân thể nhẹ bổng và tay chân hững hờ không biết đặt vào đâu là sự truyền lan cực kỳ mãnh liệt của một cảm giác xa lạ, cảm giác đó như một trái chín nàng vừa rướn người hái xuống, cắn đầy miệng, ngửa cổ nuốt đầy cuống họng, nàng thở không được nữa, nàng không muốn thở mà, nàng sống không được nữa, em muốn chết mà, cái chết nghẹt thở trong hôn anh, em muốn nhìn niềm vui lạ thường oà sáng trong em, giữa anh và em. Và Linh lim dim mở mắt nhìn nàng đang hôn. Cái nhìn e dè không rõ như có mưa dầm làm mờ mờ cảnh trí hư ảo, nàng chỉ nhìn thấy những sợi mi của nàng, những sợi mi dài đang ngây ngất chết, đang mê mải nhìn nàng và Phủ hôn nhau (...)

Cái hôn bất tận, kéo nàng ngã vào vùng phiêu lưu quay cuồng của cảm giác vừa tiếp nhận, vừa khám phá. Cái hôn dẫn đi. Trên những cánh đồng cỏ mùa xuân, cỏ thơm nõn như chuốt lọc ánh sáng, cỏ mềm mại như nõn nà da thịt, cỏ cao bồng tới ngực, tới đầu, đôi chân son hồng của Linh chạy mải miết, cánh đồng mùa xuân chấp chới muôn ngàn mầu sắc, của bướm, của sương đang tan của nắng đang dấy, của suối chảy róc rách thành sóng vỗ hiền hòa, của trời cao mênh mông với đất dưới này được nối liền bằng thân thể nàng vươn lên thành chiếc cầu vòng bảy sắc kỳ diệu, cánh đồng mùa xuân là một hội vui vĩ đại hân hoan, Linh muốn tham lam ôm đầy tay, uống đầy hồn, nàng chỉ có một nhưng nàng muốn muôn nghìn, nàng đòi tình yêu cho nàng một đôi cánh, tình yêu cho nàng liền, nàng đòi tình yêu đi vào đôi chân cuống quýt của nàng đôi hài bảy dặm, tình yêu cũng cho nàng liền, thế là Linh bay đi, bay tới đâu cũng gặp nàng đang ra đời, đang lớn, đang yêu và đang sung sướng.

Cái hôn dẫn Linh đi. Trên những con đường tình tự. Những khoảng tối ẩn

ẩn hiện hiện có lợi cho những cặp tình nhân, những khoảng tối làm cho những mái tóc được kề liền, những bờ vai được tựa vào những bờ vai, những ngón tay bỗng đan thêm một vòng khăng khít. Con đường nhỏ, biệt lập với đời sống, chỉ những kẻ yêu nhau được phép đi vào. Đất thật mềm, lá thật xanh, yên lặng thật đầy, cái đẹp lắng đọng và lớn. Vừa đi Linh vừa biết, bằng những khám phá kỳ ảo. Biết thân thể không phải chỉ là cái bất động của hình hài trống không, mà thân thể chỉ là giới hạn chứa đựng những cảm giác phá vỡ nó như một nhà ngục. Biết cuộc đời không phải là cái thản nhiên tháng tháng cái dửng dưng ngày ngày, nhạt nhạt đời đời kiếp kiếp và cuộc đời làm bằng những đỉnh cao vút choáng váng, những vực thẳm hun hút ghê hồn, nhưng người ta không có quyền sợ, người ta sống nghĩa là người ta dám. (Sách đã dẫn)

Đoạn văn trên là đoạn tôi trích dài nhất trong bài nhận định này. Bởi lẽ nó chính là biểu tượng đẹp và rõ nhất về dòng văn của Mai Thảo. Cảm xúc đầy lấp và hình ảnh thì hết sức chuốt lọc. Văn chương Mai Thảo, một cách nào đó, cũng chính là một thứ văn chương ấn tượng. Tấm gương duy mỹ và duy cảm kia, để chéo đi một chút, với một vạt nắng chiếu qua, hay với một cơn mưa phủ xuống, đã để lại những hình ảnh rất rõ nét trong mắt nhìn, trong tâm trí và trong cảm nhận người đọc. Tôi ít thấy một nhà văn Việt Nam nào ấn tượng đến như Mai Thảo.

Truyện dài của Mai Thảo, dù sao, nhìn ở một góc độ khách quan và thành thật nhất, vẫn không có một "chiều sâu" tư tưởng nào khả dĩ giúp cho nhà văn được nhìn ngắm như là người của một thế hệ. Mỗi thế hệ, trong bất cứ xã hội nào, cũng có những khắc khoải, những vấn đề của nó. Chính là khi đối mặt với vấn đề, khi đưa ra một hướng đi, thử một giải pháp, nhà văn hoặc tác phẩm của hắn trở nên một biểu tượng cho thế hệ mình. Ở Nhật sau thế chiến thứ hai, Yukio Mishima và Yasunari Kawabata là hai biểu tượng sáng chói. Ở Pháp, trong khoảng trước và sau thời gian đó, Albert Camus và Jean Paul Sartre là hai biểu tượng nổi bật. Ở Việt Nam, những nhà văn như Võ Phiến, Thanh Tâm Tuyền, Vũ Khắc Khoan... đã là những biểu tượng. Mai Thảo, trong cái nhìn này, không phải là một biểu tượng. Ông là người làm mới ngôn ngữ, làm mới phong cách diễn tả, làm chúng ta yêu văn chương hơn. Có lẽ điều ấy quá đủ. Và có lẽ Mai Thảo cũng chỉ muốn được sống thoải mái trong vai trò ấy.

Trong giai đoạn 1960-1970, ngoài những truyện dài mà ta đã thử bàn về những giá trị và giới hạn của chúng, Mai Thảo còn in được những tập truyện ngắn có giá trị như *Bảy Thỏ Ngày Sinh Nhật, Dòng Sông Rực Rỡ, Người Thầy Học Cũ*. Nhiều truyện ngắn của Mai Thảo là những đóng góp đẹp cho văn chương Việt Nam. Bố cục cẩn thận, phong cách diễn tả độc đáo, truyện ngắn Mai Thảo, nhiều khi, còn chuyên chở những suy nghĩ (hay là những chủ đề nhỏ) rất con người. Truyện ngắn, cũng như tùy bút, như đã nói, giúp Mai Thảo đi gần đến chất thơ hơn. Và thơ, đó chính là bản chất của văn chương

ông.

Nói đến tùy bút, trong giai đoạn này, độc giả cũng được đón nhận một tác phẩm đẹp của Mai Thảo. Đó là quyển *Căn Nhà Vùng Nước Mặn*. Tôi không rõ những bài tùy bút trong tập sách này được ông viết trong giai đoạn nào, có thể là đâu đó trước hoặc sau thời điểm 1960. Nhưng cuốn sách được in và xuất bản vào năm 1966. Hai bài tùy bút nổi bật nhất của tập này là *Căn Nhà Vùng Nước Mặn* và *Chuyến Tàu Trên Sông Hồng*. Trong bài đầu, tả về ngôi nhà ở một vùng biển của mình, một căn nhà quê hương, Mai Thảo có những đoạn thiết tha và thật đẹp như sau:

...Tôi sẽ về thẳng một mạch. Như con chim sẻ qua hàng nghìn đỉnh cây, hàng nghìn nóc nhà vào thẳng cái tổ của nó trên kẽ mái. Tôi đi theo sức hút màu nhiệm của một hình ảnh đẹp. Mỗi cây số đường gần, thấy lòng ấm nóng trở lại. Cảm động và thơ dại trở lại...

... Tôi đã về nhà tôi, tôi đã về nhà tôi. Tôi có thể im lặng nghẹn ngào cảm động đến nói không thành tiếng...

... Nó ý thức được sự có mặt của tôi. Tất cả đều nhìn thấy, nghe thấy. Những cánh cửa thông thống gió biển. Những bờ tường lênh đênh. Những lối đi có bụi phủ ngập xuống những ngày tôi cúi đầu bỏ đi. Cầu thang gác lượn vòng ở một góc tối. Những hòn ngói rêu phủ kín mặt. Căn nhà thức giấc...

... Để đuổi khỏi những hình bóng ma quái lẩn quất ám ảnh, tôi sẽ mở tất cả cửa sổ, mở thật rộng. Trời sáng bên ngoài. Những phiến lá bàng đỏ như son. Gió biển veo veo thổi qua. Bức mành tre phần phật nằm ngang theo chiều gió trùng trùng.

... Buổi sớm chim sẻ đánh thức tôi dậy. Tôi mặc áo xuống vườn một mình. Cỏ hoang cao và dầy. Nhiều khoảng đất trống.

... Tình cảm bay múa thì hình ảnh cũng múa cũng bay theo. Lúc đó tôi sẽ khám phá thấy, một lần nữa, rằng đời sống con người phân hóa đến đâu cũng vẫn chỉ là những khối nhỏ bé, vây chung quanh một khối lớn. Những khối nhỏ này bắt nguồn từ khối lớn ấy, cái khối lớn ấy là quê hương.

... Tôi sẽ nằm gọn trong cái khối lớn ấy. Như con tằm nằm gọn trong lòng ổ kén. Như đứa trẻ ú ớ nằm trong đáy nôi...

(Căn Nhà Vùng Nước Mặn)

Ở nơi vùng đất lữ thứ này, bây giờ, 1994, đọc lại đoạn văn trên của Mai Thảo, tôi thèm trở về một căn nhà quê hương biết bao. Một căn nhà với cửa sổ mở tung vào trời xanh trên cao, những phiến lá bàng đỏ như son, tiếng chim sẻ gọi nhau chấp chới. Mùi đất ngai ngái thơm sau cơn mưa đầu mùa. Khu vườn, với những đóa hoa hồn nhiên thơ ngây mỉm cười cùng trời đất. Đó chính là những hình ảnh hồn hậu của quê hương.

Nói đến quê hương, bài *Chuyến Tàu Trên Sông Hồng* là một bài tùy bút tuyệt đẹp mà tôi nghĩ người ta nên đưa vào Sách Giáo Khoa. Như người Pháp

đã làm như thế với những bài văn tuyệt đẹp và tha thiết của Alphonse Daudet. Những vùng đồi núi Pyrénées, Provence của miền Nam nước Pháp. Cảnh trí và trời đất Luberon, cậu bé chăn cừu, cô chủ nhỏ dễ thương, và những vì sao. *Chuyến Tàu Trên Sông Hồng* là cái nhìn thiết tha mãi về quê hương như thế.

Hình dung thấy con tàu đó trên con sông đó. Con sông Hồng Hà. Như dòng máu đỏ tươi chảy băng băng khắp vùng trí nhớ bâng khuâng. Con sông như một đời sống vĩ đại. Bên này bãi lở. Bên kia bãi bồi. Tiếng sóng giữa dòng trùng trùng ca hát. Tiếng sóng đập cái tiếng đập mênh mông đầu ghềnh nơi tả ngạn bị hút xoáy mải miết, nước xôn xao róc rách đẩy lùi mãi những bãi dâu và những nương khoai vào những chân tre cù. Nơi tả ngạn, ngọn sóng hiền lành lăn tăn êm ả trên những bãi ngầm nổi hình mùa lũ này qua mùa lũ khác. Đứa nhỏ trôi theo con tàu trên dòng trường giang hùng vĩ chợt nhớ tới những con sông làng thon mềm dải lụa có trâu đằm từng đàn dưới bóng đa nghiêng, có những chiếc cầu đá dẫn tới một phiên chợ sớm đầu đình, có những cầu gạch mở vào những cái ngõ lang thang mất hút, có cỏ gà trên gò đống, cỏ ống trên mồ mả, có những cầu tre tay vịn chòng chành, đêm đêm có ánh đom đóm lập lòe, có ánh trăng xanh mướt chở tới những khoảng sân gạch bát tràng nồng ấm hương lúa đầu mùa. Tiếng quạt thóc, tiếng đập thóc rào rào. Màu lúa vàng diệp dưới ánh trăng nhễ nhại. Tiếng cười tiếng đùa ròn rã là âm thanh đầm ấm của những năm tháng được mùa thỏa thuê trong hạnh phúc quê mùa và yên vui đơn giản. Đứa nhỏ nhớ mãi cái cảm giác lạo xạo dưới lòng chân khi nó dang tay đi rê rê, miệng ngậm một cọng rơm tươi giữa đám thợ gặt từ những phương trời khác đeo hái tới làng, lại đeo hái lên đường tới những cánh đồng chưa gặt khác. Nó thấy người ta nói chuyện tiếu lâm, người ta tự tình, người ta yêu nhau. Và khi đám con trai lạ bỏ làng đi, nó cũng đứng tần ngần dưới chân đê nhìn theo cái hàng một dài tắp kéo dài trong ánh bình minh rồi nhỏ dần, nhỏ dần như một sợi chỉ và mất hút. Nhớ tiếng trống làng thùng thùng. Tiếng chuông chầu buổi tối. Tiếng mõ niệm buổi trưa. Tiếng gà gáy sớm. Tiếng chó sủa đêm. Nhớ những âm thanh mộc mạc nghìn đời của đất của đồng của hoa của cỏ. Nhớ tiếng ếch tiếng nhái ão uộp dưới ao bèo Nhật Bản, tiếng ve ran ran, tiếng sáo diều vi vu bất tận trên nền trời rộng, tiếng đòn gánh kẽo kẹt rập rình, tiếng chân đi nằng nặng của đám tuần vác mõ canh đêm, là những tiếng động cũ kỹ, thuần túy của xóm làng có ao sen đầu đình giếng đá đầu quán, có những chuyến xe buýt cà rịch cà tang thở khói khét lẹt trên mặt đê cao.

Đứa nhỏ sống trong thứ thời gian rất thơ và rất xanh của bốn mùa, thứ không gian tình cờ của mưa mưa nắng nắng, nó sống trong cái thế giới của chuồng trâu bếp lửa, của khói rạ lượn lờ trên mái tranh, của hương hoàng lan thoảng thoảng trong cây, của hương bồ kết cay cay trong tóc. Nó nhớ lại tuổi nhỏ như một con chuồn chuồn ngất ngư trong biển nắng, cái tuổi nhỏ như say rượu, cái tuổi nhỏ nằm tròn thành một giọt sương mai giữa đất trời, cái tuổi

nhỏ ru nó bằng nhịp võng đưa, cái tuổi nhỏ thật nhỏ, cũng thật hiền, thật non và cũng thật xanh, cái tuổi nhỏ của cái mũ trắng nó đang đội, của cái quần trúc bâu sột soạt nó đang mặc, của tóc mới đâm cứng như rễ tre, của da mới vỡ đầy vết lang ben, của tiếng nói khao khao như tiếng gà trống, cái tuổi nhỏ thật là tuổi hồng, cái tuổi nhỏ ở đồng chưa từng biết thế nào là ánh điện, là đường nhựa, là ngã tư, là phố phường. (Chuyến Tàu Trên Sông Hồng)

Có ai lại không thiết tha yêu mến quê hương sau khi đọc xong những dòng văn trên?

Trước khi xét đến giai đoạn kế tiếp, cũng nên nói về cuốn truyện vừa *Viên Đạn Đồng Chữ Nổi*, đầu tiên đăng từng kỳ trên tuần báo *Nghệ Thuật* do Mai Thảo chủ trương, Đằng Giao trình bày, sau được *Văn* in thành Sách-trong-tháng vào năm 1966. Cuốn sách có bối cảnh lịch sử là cuộc chiến Việt Pháp nơi miền đồng bằng Bắc Việt. Nhân vật: ông quận trưởng Vinh, một cô gái tên Nữ, và một cán bộ Cộng sản tên Niệm. Thời đó, có một vài bài phê bình liên quan đến cuốn truyện này, đặc biệt trên tờ *Văn Mới*. Bài phê bình đặt vấn đề về ý thức chính trị của tác giả chứ không bàn chuyện văn chương. Cái nhìn của Mai Thảo, dù sao, trong cuốn sách này quá lý tưởng. Những tình tiết, diễn biến trong truyện khó có thể xảy ra theo như cách Mai Thảo dàn xếp. Cuốn sách được để ý vì nó mang một chủ đề lạ trong thế giới văn chương Mai Thảo thời ấy; hơn nữa, nó lại còn được mang ra mổ xẻ, phân tích. Nhưng có một điều cũng nên nói về cuốn sách này là, dù cho nó có đề tài về chiến tranh, *Viên Đạn Đồng Chữ Nổi* vẫn là một cuốn sách của Mai Thảo, với những đoạn văn rất đẹp và nhiều cảm xúc.

● **Giai đoạn 1970-1975**: Tiếp tục viết và cho xuất bản một số truyện dài, trong đó *có Sống Chỉ Một Lần, Lối Đi Dưới Lá, Để Tưởng Nhớ Mùi Hương*, với những giá trị và giới hạn như đã được phân tích chung, trong giai đoạn mới này, Mai Thảo, trong một thay đổi ngoạn mục và chắc chắn là với một ý thức rõ rệt, đã viết một loạt tùy bút trên báo *Khởi Hành* trong vòng trên dưới hai năm, và trong năm 1970 cho xuất bản ngay thành sách. Cuốn sách, với cái tên thích hợp là *Tùy Bút*, tập hợp những bài viết rất sắc bén và tài hoa của Mai Thảo về những vấn đề của đời sống và một vài những hồi cố về kỷ niệm. Vai trò của người nghệ sĩ trong đời sống được nhìn ngắm kỹ và đặt thành vấn đề suy tưởng:

"...Người đời vẫn không hiểu văn nghệ sĩ là loài chim biển mở ngực đau thương lấy hết máu hồng, nuôi đời khôn lớn. Không phải thế. Máu đời đã sẵn những dòng đầy ắp trong da thịt và hình hài đời tự nó nở hoa. Văn chương khác. Nó không đến với cuộc đời như loài chim biển ấy. Tôi không có chết cho anh được sống. Chỉ là một ảo tưởng quá độ về vai trò, vị trí và lẽ phải về hiện hữu mình, những kẻ viết ra chữ, hát ra thơ, nghĩ mình là con tằm nhả tơ vàng dệt đời thành lụa, con ve sầu góp tiếng kêu cho nóng những mùa hè, chú lái khờ

tặng hết những kim cương châu báu đầy tay, cho thật hết không đòi nhận lại. Có những cuốn sách có trời trong sách. Có những bài thơ có biển trong vần. Có. Nhưng nghệ thuật chỉ là cái sự nói ra, bằng một cách nào, những điều đã có. Người làm nghệ thuật không đóng một vai trò nhất định nào. Cho anh. Cho nó. Y không tạo nổi những bình minh, dựng được những mùa Xuân. Nghệ sĩ chỉ là kẻ nhắc tuồng tối tăm bình thường đứng dưới căn hầm sân khấu đó anh biết thế không?"

(Kẻ Nhắc Tuồng)

Đây là tập hợp những suy tưởng về đời sống, về chỗ đứng và thái độ của người nghệ sĩ, về những tiếng mưa rơi trong đêm réo gọi về những ngày thơ ấu cũ, về những chuyến tàu lửa của cuộc đời, những giá trị ẩn giấu mà ta phải tìm kiếm trong cuộc hành trình kia. Chỉ tiếc, quyển sách, có lẽ vì được in gấp, nên đã để lại *quá nhiề*u lỗi chính tả. Đây thật sự là một cuốn sách đẹp, với những suy tưởng đẹp và có chiều sâu của Mai Thảo.

Cũng trong giai đoạn này, khi cho in *Tuyển Truyện Sáng Tạo*, tập hợp những truyện ngắn đặc sắc của một số những nhà văn đã từng xuất hiện trên tờ báo này, Mai Thảo trình bày lại ý thức lên đường của mình, ý thức nghệ thuật của mình. Cái ý thức đó, ông muốn xem là một ý thức nên có của những người cầm bút.

"Nghệ thuật hôm nay phải nói được chúng ta, trình bày được tâm trạng, đời sống lớp người chúng ta, nếu không nó sẽ chẳng bao giờ nói được gì hết. Nghệ thuật không còn là một giải thoát, niềm an ủi vỗ về, sự trốn chạy khỏi đời sống, bàn tay xoa dịu con người lãng quên trong chốc lát những ảo tưởng hư ngụy, những thảm kịch, những vấn đề mà một ý thức soi chiếu xuống những đáy sâu thẳm của tâm linh, xuyên qua những biến động ngoại cảnh đã lột trần chúng ra trong những quằn quại và những kêu gào đòi được biết đến. Nghệ thuật hôm nay là vũ khí hành động của con người vĩ đại lớn lên trong thức tỉnh của ý thức. Nó phải đánh vào những miền bóng tối, những hoa lá ngụy trang che giấu đời sống. Nó phải có mặt ở khắp nơi, ở bất cứ nơi nào dự phần vào đời sống chúng ta. Nó phải nói được tất cả: những đau đớn vò xé, những thất vọng chán chường, những chiến thắng, những lần thất bại, nỗi hoang mang kinh hoàng, niềm vui tin lấy lại, những băng hoại sa đọa đau thương, những trở chiều, những phục sinh dũng cảm. Nó phải trình bày được những biểu lộ khác biệt, những mâu thuẫn rối rắm, những khía cạnh sinh động của con người thời đại trên hành trình đi vào trọng tâm và bản thể đời sống, khám phá ở gốc nguồn và nền tảng tất cả sự thật về mình, những nguyên tố liên quan thiết yếu đến đời mình. Nghệ thuật đó không dẫn tới quan niệm phi lý, chối bỏ đời sống.

(Phần giới thiệu *Tuyển Truyện Sáng Tạo*)

Cho dù những nhận định, những đề nghị, đi rất gần với những tuyên ngôn

văn nghệ này, là những điều được Mai Thảo viết lại từ những gì mình đã viết trên *Sáng Tạo Tục Bản*, số một bộ mới, những điều được viết lại này cho thấy rõ sự xác tín của ông trên khía cạnh văn nghệ. Về vai trò và ý nghĩa của nó. Văn nghệ mới, trong hướng kêu gọi của Mai thảo, và chính ông đã làm được những điều thiết tha đặt ra cho nó chưa; hoặc nếu đã làm được, thì ở mức độ nào. Việc nghiên cứu và trả lời những câu hỏi này cho một giai đoạn văn nghệ của văn học miền Nam Việt Nam cần phải được đào sâu và được phân tích trong một chủ đề khác. Sẽ là một điều tốt nếu nó trở nên một chuyên đề cho những nhà nhận định, phê bình và khảo cứu đào sâu, để, từ đó, đặt nền móng cho những hành trình văn học mới của chúng ta.

● **Giai đoạn 1978 cho đến hiện tại:** Kể từ vượt biển và định cư tại Mỹ năm 1978 đến nay, Mai Thảo ra được một tập chân dung văn nghệ, viết về các người viết văn cùng thời, trong một cái nhìn thật thân hữu. Và với một phong thái thật Mai Thảo. Cuốn sách cũng là một tài liệu cho việc tìm hiểu những sinh hoạt văn học cũng như lối sống của những nhà văn được Mai Thảo đề cập. Ngoài ra, ông còn in được một vài tập truyện ngắn và, nếu tôi không lầm, một truyện dài. Cái mới trong các truyện ngắn của Mai Thảo ở đây là ông dưa được vào trong chúng những hoàn cảnh mới, những thái độ mới, những suy nghĩ mới. Còn về phong cách viết, xem như không có gì thay đổi.

Nhưng theo tôi, phong thái và bản sắc đặc biệt của Mai Thảo trong giai đoạn này được thể hiện không phải qua những cuốn sách mà ông đã xuất bản. Nó thể hiện qua *Sổ Tay*, một thứ lá thư tòa soạn mà ông cho đăng đều đặn trên *Văn* từ nhiều năm nay. Ở đây, trong vóc dáng, trong lốt vỏ, và ngay trong bản chất, *Sổ Tay* là một loại tùy bút mới của Mai Thảo. Như con cá được lội trong dòng nước khỏe khoắn quen thuộc, Mai Thảo, một cách hết sức sinh động, bàn về đủ mọi thứ chuyện liên quan đến đời sống, đến văn học, đến xã hội, đến bằng hữu, đến kỷ niệm...

Câu văn của Mai Thảo ở đây thường "tự nhiên" hơn là câu văn của ông ở những chỗ khác. Rất nhiều câu cụt và ngắn một cách cố ý. Mà vẫn có nghệ thuật. Hình ảnh và nhịp điệu của chúng phơi phới bay múa. Nhịp điệu của hình ảnh? Vâng, đó là một đặc trưng của văn Mai Thảo.

● *Mưa. Mùa Thu. Mưa dương cầm Nghiêm Phú Phi. Thu vĩ cầm Đan Thọ. Phần tôi, sáng nay một hơi thuốc lá thấy ngon hơn, hơi thuốc của thơ hồ Dzếnh:* ngỡ lòng mình là rừng, ngỡ hồn mình là mây, *cộng với cái nhìn bởi nắng đã lui quân nên đằm đằm bóng rợp, đã những ý thơ, hình thơ, ảnh thơ, tứ thơ về mùa thu, về mưa trời, về tháng chín óng ả hiện hình dưới hàng hiên tâm hồn sáng nay tôi đang ngồi, trên một ghế bành tưởng tượng, nhìn mưa Mỹ nghiêng nghiêng chở mùa thu Việt tới (...)*

● *Mùa thu. Moderato, trong nhạc dân gian Phạm Duy. Lá vàng mùa thu. Doloroso, trong nhạc trữ tình Cung Tiến (...) Thơ tiền chiến về mưa thu, nắng thu lấp lánh thật nhiều châu báu, kim cương nơi thể thơ như một bình ngọc*

riêng được đúc ra để đựng hết mùa thu ngây ngất là thể thơ lục bát. Câu sáu đội mưa thu bay. Câu tám nhặt ngô đồng rụng. (...) Đích thực mưa xuân. Phơi phới, nghiêng nghiêng. Và lục bát trên những mái nhà. Và tứ tuyệt trên những đường phố. Và song thất ở những ngã tư (...)

Đêm qua thức giấc, thoáng nghe thấy, thật xa, những tiếng mưa trên những cảnh ngộ, những thân thế quê nhà. Tiếng mưa dài như một cuộc đời buồn. Những tiếng mưa tăm tối (...)

● *Rồi thì là một lạnh buồn vô tận đấy nhỉ? Rồi thì là một nhớ nhà vô chừng đấy nhỉ? Khi, giữa một đêm quê người, một đêm ở Mỹ như đêm qua, tôi thức giấc lúc ba giờ sáng, vì trận mưa tháng bảy rì rào trên mái. Nằm nghe mưa. Thấy mưa trong cảnh ngộ mình, trong tâm thể mình. Hiện giờ. Thấy những khoảng cách mịt mùng. Thấy những không gian vô bờ. Thấy những thượng tầng lạnh buốt. Đất nước. Mưa đang ở phía ấy. Trên suốt ba miền đất nước hồng thủy. Mưa đang ở phía ấy, từ Hà Nội vào, từ Sài Gòn ra, những trận mưa trọn mùa trên một Việt Nam buồn, mưa chế độ đang làm cho hàng triệu người phải kéo cao cổ áo, rảo bước, cúi đầu xuống. Khi cái chế độ thù nghịch từ hơn mười năm rồi, chẳng còn dành cho ai một trú ẩn nào (...)*

Mai Thảo đã làm mới phong cách viết trong những câu văn như vừa trích dẫn. Ngữ pháp của Mai Thảo mang rất nhiều chất thơ. Nhiều khi, nó tạo ra những phân cảnh. Không phải là những cảnh liên tục. Nhưng chỉ là những phân cảnh. Như của kỹ thuật làm phim. Nhiều khi, những câu văn của Mai Thảo là những *close-ups*, những *gros plans*, những cận ảnh. Cận ảnh được phóng lớn nhờ vào những câu thiếu thành phần. Chỉ là một từ, một trạng từ, một tính từ hay một danh từ. Có khi chúng là những cụm trạng từ (*adverbial phrases*), hoặc là những nhóm từ bổ nghĩa kéo dài ra từ một câu hoàn chỉnh. Và được cho đứng một mình. Có khi chúng là những cụm từ tiếp nối ý cho một câu đi trước. Lại được cho đứng một mình. Để hình ảnh hoặc âm thanh của nó lan đầy ấn tượng trong ta. Kỹ thuật ấy, thơ thường sử dụng. Như Du Tử Lê đã đẩy nó đến tận biên giới của phân cảnh.

Đọc thêm một đoạn nữa để thấy rõ hơn điều tôi vừa nói:

(...) Mưa tuyết ở Mạc Tư Khoa. Như trong Docteur Jivago. Bão tuyết ở Luân Đôn. Như trong tiểu thuyết gián điệp John Le Carré. Biển tuyết ở Thượng Hải. Như trong thơ Bạch Cư Dị. Tuyết phủ kín mặt đất. Tới chân trời. Tuyết làm đông đặc các giòng sông, cắt đứt mọi giao thông, khiến hàng chục thành phố phải đặt trong tình trạng báo động, công sở đóng cửa, nhi đồng nghỉ học, ông già bà già từng chùm cao niên chết cóng trong những ngôi nhà quan tài tuyết lập một đêm thành mộ thu con người nhỏ lại trước chi phối đời đời. Của thời tiết. Khi thời tiết làm dữ. Của khí hậu. Khi khí hậu hiển lộng. Dẫu là con người sắp bước vào thế kỷ 21. Dẫu là con người đã lớn bồng trong chinh phục thiên nhiên. Dẫu là con người, bởi những bước hài bảy dặm của văn minh cơ khí, đã

nghĩ mình vạn năng, đã tưởng mình thần thánh. Thành ra mùa đông không chỉ là một cảnh tượng tuyết. Còn là một bài học nhân văn. Thành ra tuyết phủ không chỉ là một giá lạnh thượng tầng. Còn là một thức tỉnh. Con người thấy lại kích thước nó. Sự nhỏ bé nó. Sự hữu hạn nó. Như vậy chỉ cần một mùa đông lâu lâu lại khốc liệt hơn mọi mùa đông khác mà thôi.

Cách viết của Mai Thảo cũng như lối diễn tả của ông được nhiều người bắt chước. Thời đó cũng như bây giờ. Nhưng, cẩn thận, nếu không có một tay nghề vững, và nếu không có một ý thức vững chắc về ngữ pháp, hãy tránh sự bắt chước bừa bãi. Bởi vì nó có thể giết chết câu văn của ta. Hơn nữa, việc cắt câu văn quá cụt và vụn có thể làm cho bài văn như bị băng bó, hoặc chênh vênh, dễ gẫy đổ. Thật ra, chính Mai Thảo cũng phải cẩn thận, vì, kể từ sự làm mới thật rõ rệt về bút pháp trong tập *Tùy Bút* đã nhắc ở trên, in ở Sài Gòn, ông đã đẩy những yếu tố của câu văn mình đi phân ly trăm nhánh. Cái tài của Mai Thảo sáng lên ở chỗ ông là một diệu thủ về cách sử dụng chữ nghĩa và hình ảnh. Và nhịp điệu nữa. Ông cắt chỗ này, gọt chỗ kia, làm cho nhiều câu trở nên ngắn. Nhưng lại có những đoạn văn ông viết thật dài. Ý tứ của chúng, cũng như hình ảnh và nhịp điệu trong chúng bồng bế, xoắn xuýt với nhau trong một chỉnh thể toàn bích. Mai Thảo đã quá thân thiết với chữ nghĩa để không cần chăm chú theo dõi xem câu nào, đoạn nào nên dài, nên ngắn. Chính cảm xúc và sức hút về một cái đẹp trong ông đã tự điều chỉnh những câu văn mà ông viết ra.

Thật sự, lối văn cắt gọn ngữ pháp như vậy đã được nhiều nhà văn ngoại quốc sử dụng. Và ta cũng nên hiểu rằng thủ pháp đó là để nêu bật hình ảnh và tạo cảm xúc. Nhưng, nếu hình ảnh và cảm xúc cứ được nêu bật để lên đến một tần số nào đó, tác dụng biểu cảm và nhấn mạnh của chúng sẽ nhạt và yếu đi. Như miếng bánh *madeleine* chấm nước trà được đưa lên miệng của Marcel Proust. Lần đầu, nó khơi quật trở lại bao nhiêu cảm xúc, bao nhiêu hình ảnh, bao nhiêu hoa lá, bao nhiêu kỷ niệm. Lần thứ nhì đưa lên miệng, miếng bánh mang trong nó ít cảm xúc và hình ảnh hơn lần đầu. Và cứ thế, mỗi lần sau lại mỗi nhạt đi. Vấn đề là sự quyết định về tần số và về vị trí, thời điểm của những câu văn dài ngắn. Nhiều hay ít. Chỗ nào dài, chỗ nào ngắn. Mai Thảo là một nhà văn có tài. Ông đẩy thủ pháp này đi rất xa. Có thể nói ông gần như luôn luôn thành công trong phong cách của mình. Nhưng cũng có khi ông bị vấp. Hãy đọc thử đoạn văn ngắn sau:

Một số bạn bè tôi đang vậy. Đã dành được một số tiền. Còn nguyên một tháng nghỉ phép. Những địa chỉ tá túc ở những viễn phương đã có, khỏi cần khách sạn. Cửa tiệm đã có người coi dùm, vợ chồng cùng đi được. Thêm phi trường đã thạo. Thêm thủ tục đã thuộc. Vậy năm ngoái là Hương Cảng, năm này là Paris. Và rủ tôi cùng đi.

Đây là một đoạn văn (*paragraph*) trong bài tùy bút *Mười Năm, Kỷ Niệm*

Và Trí Nhớ. Đây là một trong những bài tùy bút đẹp nhất của Mai Thảo mà tôi được đọc ở ngoài nước. Với cái nhìn và tâm thế hồi cố, ông đã viết bài này với những xúc động đầy trong một biển kỷ niệm xôn xao oà lấp. Rất nhiều đoạn văn đẹp tha thiết như muốn bóp nghẹt trái tim ta. Hình ảnh quê hương hiện về lênh đênh, mềm mại, hùng vĩ, lai láng...Ông nói về sự du lịch ngày xưa và sự du lịch bây giờ. Ông cho rằng, với phương tiện hiện tại của khoa học kỹ thuật, với điều kiện sinh sống cho phép tại những đất nước giàu mạnh như ở Mỹ, ở Pháp..., nhiều thân hữu của ông đã sẵn sàng để lên đường. Sự du lịch không còn là một khó khăn quá đáng như khi còn ở quê nhà nữa.

Đoạn này gồm nhiều câu ngắn, cú pháp bình thường theo... thể điệu Mai Thảo. Nhưng khi cắt câu quá ngắn như vậy, ta phải để ý kỹ hơn đến việc hành từ. Phải để ý đến nhịp điệu. Hai động từ ở thể quá khứ *đã có* ở câu 4 và 5 hình như đòi hỏi phải được tách rời xa nhau hơn, để câu văn nghe bớt chói. Hai câu 6 và 7 có hơi nhiều hơn mức nên có của những âm /*thờ*/ (th). Chúng làm cho những từ ngữ bị rối lên. Một vài nhà văn cổ điển và hiện đại của Pháp, của Mỹ là những người rất nổi tiếng, chỉ vì viết những câu như vậy mà bị phê bình mãi. Có lẽ chúng ta cũng nên lưu ý. Bốn câu cuối, ngoài liên từ *vậy* được dùng rất nhẹ (và nếu phát âm cũng thế, rất nhẹ) vì nó chỉ là một thành phần rất phụ của cấu trúc câu, có thể được chia làm 5 vế đọc, như lối chúng đã được Mai Thảo ngắt. Bỏ từ *vậy* rất nhẹ ra, mỗi vế trong cả 5 vế này đều có 5 từ. Khi đọc lên một loạt 5 vế 5 từ như vậy, sự đều đặn nhàm chán là điều không thể tránh khỏi. Nhất là, hơn nữa, hai âm /*i*/ ở hai câu cuối như vậy (*Paris*, cùng *đi*) làm cho tác dụng thẩm mỹ của âm điệu bị mất đi nhiều.

Nhưng, chúng ta ai cũng có thể có lúc vấp vào những điều như thế. Vấn đề là tránh được càng nhiều càng tốt. Mai Thảo là một nhà văn có tài, đặc biệt về phương diện chữ nghĩa, âmđiệu. Những lỗi như vừa kể trong văn của ông phải nói là rất hiếm. Tôi chỉ hơi tiếc vì bài tùy bút trong đó chúng xuất hiện lại là một bài văn quá đẹp của ông. Để công bằng, trước khi viết những lời kết thúc bài này, tôi xin trích thêm một đoạn văn khác, rất đẹp, cũng ở trong bài tùy bút vừa nói của Mai Thảo. Qua đó, với chữ viết và cách diễn tả của ông, tôi thấy yêu quê hương thêm. Và cùng lúc, ông làm tôi thêm yêu thương thiết tha chữ nghĩa quê nhà.

(...)Đã đi từ đó. Mười sáu tuổi, thoát ly gia đình bạc đà trên vai lăn mình vào trường kỳ kháng chiến. Lửa khởi chiến đỏ rực ba mươi sáu phố phường. Hà nội thiên đô. Những bờ bãi ngút ngàn dọc theo hai bờ Hồng Hà. Những con đường của toàn quốc tiêu thổ chạy dài bất tận giữa những thị trấn và những xóm làng đã san bằng thành bình địa. Những đêm Sơn Tây, sông Đáy chậm giòng qua Phủ Quốc như một bài thơ Quang Dũng. Những chiều Phú Thọ, bốn phía núi chập chùng. Những buổi trưa trung du, cái nắng lả lả trên những sườn đồi hoang vu. Những tinh sương Việt Bắc, con suối độc bốc hơi giữa ngút ngàn hoang dâm. Những đêm ngủ dưới trời sao, lưng nằm trên cỏ rừng, đầu kê lên

một phiến đá núi. Gió biên giới lồng lộng qua những mái nhà sàn, ở dưới là biển sương dày đặc. Những thị trấn mang những cái tên không bao giờ quên cho người lữ hành trẻ tuổi mà ngọn gió của thời thế tao loạn đã ném bổng vào phiêu lưu chuyển dịch là Đồng Quan, Cống Thần, Chợ Đại. Từ Hà Nội đi ra. Xa Hà Nội, nhìn về Hà Nội. Trong tôi, suốt một thời gian dài là hình ảnh những vầng trăng xanh lạnh trên một vòm trời viễn phương (...)

(...) Trên một chiếc xe vận tải, một bộ đồ thợ máy, mưu sinh cùng với xê dịch, tôi đã đi theo không ngừng những chuyến chở hàng từ Sài Gòn - Chợ Lớn về các tỉnh và đưa hàng từ các tỉnh về Chợ Lớn - Sài Gòn. Mỹ Tho, Long Xuyên, Châu Đốc, những tỉnh miền Tây. Thành phố soi mình trên giòng Cửu Long bao la, mỗi châu thành là một trên bến dưới thuyền tấp nập. Buôn Mê Thuột, Pleiku, Kontum, những thị trấn Tây Nguyên nằm dưới những bóng núi, bóng rừng trùng điệp, thị trấn nào cũng dày đặc những lô cốt phòng ngự, và những quân phục, cảnh thổ in hình cây súng và cái nón sắt, dấu vết chiến tranh ở cả những ngọn cỏ đường. Những thành phố miền Trung, từ Đà Lạt ngút ngàn thông reo đổ đèo Ngoạn Mục xuống, Phan Thiết. Nắng dữ dội những rừng lá choáng váng. Phan Rí Thành, Phan Rí Cửa, hoàng hôn những đoàn tàu đánh cá trở về. Phan Rang, những trưa hè oi nồng. Nha Trang, thủy triều lên trên bãi biển phẳng tắp. Tuy Hòa, những dãy phố buồn, những hàng cây thấp. Quy Nhơn, mộ Hàn Mặc Tử trên một lưng đồi cao, giữa những giây kẽm gai. Huế, mưa sớm Nam Giao, mưa chiều Vọng Cảnh, những buổi sáng dài vô tận, thời gian ở đây như ngừng lại với người. Quảng Trị, soi cái bóng trên giòng Trà Khúc. Bến Hải, một cây cầu, hai bóng cờ, đôi bờ đất nước ngó sang nhau (...)

*

Để kết, về Mai Thảo, người ta nên nói những điều gì?

Tôi không biết những người khác sẽ nhìn văn chương Mai Thảo và những đóng góp của ông theo chiều hướng nào. Riêng tôi, đọc văn ông và nhìn sự tham dự của ông vào trong sinh hoạt văn chương và văn học miền Nam từ khi thấy được cái đẹp của chữ nghĩa, cái hay của văn chương, tôi chỉ muốn nói một điều: Mai Thảo là một nhà văn chân thật. Và tha thiết với văn chương. Dĩ nhiên, bằng cung cách của riêng ông.

Với văn chương, ông đã phơi bày tấm lòng mình, tâm sự mình, thiết tha mình, và những ấp ủ mình. Và với văn chương, ông đã thật lòng đóng góp. Ông đã, trong giới hạn và phạm vi của riêng ông, làm cho văn chương Việt Nam sinh động và đẹp đẽ hơn. Đóng góp nổi bật của Mai Thảo là làm cho câu văn Việt trở nên mới. Cách diễn tả của ông cũng thế. Điều đó, cũng như ông trong văn, có thể nói Xuân Diệu là người đầu tiên đã làm được nó, trong thơ. Cho dù có những lúc cái nhiệt thành và sức sống của tuổi trẻ có làm ông lên tiếng chối bỏ những nhịp cầu quá khứ, những nhịp cầu đã đưa dẫn ông tiến về những bến bờ mới của hành trình mình, ông cũng đã có những dịp

nhìn lại. Có lẽ để thấy rằng văn chương là một dòng chảy không ngừng nghỉ. Nó mang trong nó cái lẽ biến dịch. Nhưng nó cũng có ở trong lòng mình cái chất vĩnh hằng. Mỗi bồi đắp là công của những hạt phù sa, kéo theo mình những trân quý của thời gian và sự sống. Mỗi nhịp cầu là mỗi chiu chắt ngửa lòng. Văn chương của Mai Thảo, đọc lại, thấy như tiếng còi tàu kia, trên sông Hồng, dài và lạnh, nhưng có một âm vang kỳ lạ, chuyên chở và vất đẩy ta vào một góc ấm êm của quê hương ngày cũ.

(...) Tiếng còi được ném lên vòm trời khởi sự là một thứ âm thanh đặc quánh hơi nước, tiếng còi vụt lên thật cao, còi rùng mình rồi phóng về hai phía, vẽ lên, bằng cái âm thanh ngân ngân vang vang kỳ lạ của nó tất cả những bờ bãi, những cuối mỏm, những đầu ghềnh, những khúc quanh, những ngã ba nhạt nhòa trong bóng tối. Tiếng còi vang động một vùng làng xóm ngủ thiếp, lọt vào những cánh cổng đóng kín, lan tới những khoảng sân vắng, những cái bếp tro than nguội lạnh, những bờ ao kín đặc trong sương, tự lòng sông chuyển cả không gian mịt mùng, chuyển cả thời gian thăm thẳm, chuyển những vì sao lạc, những ánh trăng suông, cái điệp điệp trùng trùng của trường giang, cái mênh mông ngút mắt của bãi bờ, của cửa biển, của khơi xa, của núi rừng vào những làng xóm, làng xóm trùm kín lấy, và lắng đọng bồi hồi mãi (...)

(Chuyến Tàu Trên Sông Hồng)

Phải, ta là những vùng làng xóm ngủ thiếp, những cánh cổng đóng kín, những khoảng sân vắng, những cái bếp tro than nguội lạnh, những bờ ao kín đặc trong sương... Tiếng còi mang lại cho ta những tiếng quê nhà. Làm ta tỉnh thức. Mở tung những cánh cửa. Bước ra ngoài sân vắng, cời lại đống tro than tưởng đã nguội lạnh kia. Dưới tro, những ánh hồng vẫn âm ỉ cháy. Tiếng còi thổi mạnh, như ta chúm môi thổi vào đám lửa chực tàn kia. Hơi nóng bừng lên. Rồi ánh lửa tỏa lan ấm áp.

Tiếng còi. Và ta lắng đọng bồi hồi mãi.

Mai Thảo chính là tiếng còi. Văn chương ông cũng là một tiếng còi như thế. Nó mở lại cho chúng ta những cảm xúc và những cái đẹp mà, trong chúng và với chúng, ta đã nhìn thấy ta lớn lên.

Cảm xúc, cái đẹp, và sự nhận biết ý nghĩa cũng như giá trị của cái đẹp và cái cảm ấy, sẽ tiếp tục nuôi lớn mỗi một chúng ta.

Ở đằng kia, phía bầu trời xa thẳm, có một vạt mây trắng vẫn đang bay.

BÙI VĨNH PHÚC

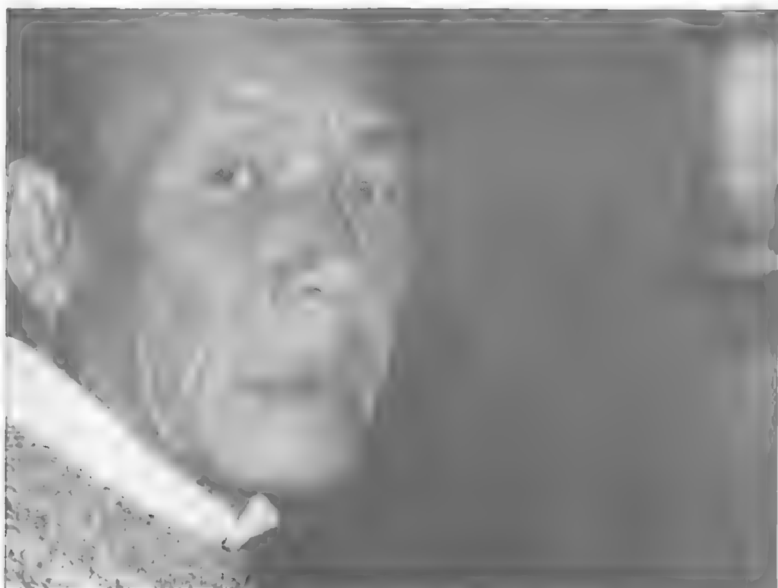
Irvine, California

7 tháng 3, 1994.



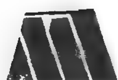
NGUYỄN XUÂN HOÀNG

những điều tôi rất thích nơi mai thảo



Mai Thảo qua ống kính Nguyễn Xuân Hoàng

- Tôi thích Mai Thảo, người làm tờ *Sáng Tạo*
- Tôi thích truyện ngắn và tùy bút đầu tiên của ông: *Đêm Giã Từ Hà Nội*
- Tôi thích Mai Thảo trong cách sống, cách nghĩ. Sống một mình, nghĩ độc lập.
- Tôi thích Mai Thảo nói chuyện về thơ, sau khi đã "ngà ngà".
- Tôi thích thái độ của Mai Thảo khi viết về những người cầm bút. Ông không hề lợi dụng chữ nghĩa để đả kích ai.
- Tôi thích những bài thơ Mai Thảo làm trong những năm lưu vong.
- Tôi thích câu nói của Mai Thảo: "Bọn ta giàu chữ, vì bọn ta có tiền tệ riêng".



NGUYỄN HƯNG QUỐC

thơ mai thảo tiếng mưa thầm rơi trên nam hoa kinh



Tôi ít thấy ai yêu thơ như Mai Thảo. Thuộc rất nhiều thơ, đặc biệt thơ tiền chiến và thơ những năm đầu kháng chiến, Mai Thảo có thể nói chuyện về thơ miên man từ giờ này sang giờ khác, từ ngày này sang ngày khác. Dường như chỉ khi nói chuyện về thơ, Mai Thảo mới hoạt bát, sôi nổi, say sưa, gởi hết hồn mình trong từng tiếng trầm tiếng bổng. Ly rượu trên tay, đầu lắc lư, mắt lim dim, Mai Thảo nói về thơ với giọng xúc động như khi người ta kể lại một mối tình đầu, vừa thành kính như một con chiên ngoan đạo kể về cuộc đời của Người Cứu Thế. Với Mai Thảo, thơ là cái gì thiêng liêng, rất đỗi thiêng liêng, như một tôn giáo. Với Mai Thảo, thơ, *"chỉ thơ, mới là ngôn ngữ, là tiếng nói tận cùng và chung quyết của văn chương"(1).*

Nhớ, vào những năm 56, 57 trên tạp chí *Sáng Tạo*, Mai Thảo đã cổ vũ nhiệt liệt, có lúc ồn ào, một cuộc lữ hành mới cho văn chương và cho nghệ thuật. Đi đâu về đâu, chưa một lần Mai Thảo xác định rõ ràng. Mà hình như ông cũng không quan tâm mấy đến cái đích tới. Vấn đề quan trọng nhất, với Mai Thảo lúc ấy, là phải nhổ neo, phải ra khơi, phải giã từ cái bến cũ quạnh hơi thu và đìu hiu lau lách của văn chương tiền chiến, phải tìm kiếm một trời

biển khác cho cái mà ông thường gọi là "hôm nay" hay "bây giờ".

Với bản thân mình, Mai Thảo đổi mới văn học bằng cách kéo văn xuôi lại gần hơn nữa với thơ, có lúc cơ hồ xóa nhòa biên thùy giữa hai lĩnh vực này. Văn xuôi Mai Thảo là văn xuôi thơ. Chất thơ là đặc điểm nổi bật nhất trong toàn cõi văn xuôi Mai Thảo.

Có thể nói, Mai Thảo viết văn xuôi với tâm thế của một nhà thơ. Cũng có thể nói, Mai Thảo, tự bản chất, là một nhà thơ.

Điều này là nguyên nhân của những thành công lẫn những thất bại của Mai Thảo. Mai Thảo thành công ở chỗ: với biện pháp tăng cường đậm đặc chất thơ vào văn xuôi, ông đã tạo được một phong cách văn xuôi độc đáo, diễm lệ và đài các lạ lùng. Nếu ví văn chương với người phụ nữ thì văn chương Mai Thảo là một người phụ nữ thành thị, trẻ trung, thích son phấn, thích trang sức, rất kiêu sa, đôi khi lòe loẹt. Cùng với Nguyễn Tuân, Mai Thảo đi đến tận cùng chủ nghĩa duy mỹ. Văn chương, với Mai Thảo, là một cái đẹp, trước hết là một cái đẹp ở hình thức, ở bút pháp, ở sự lấp lánh của chữ, ở sự óng ả của câu, ở sự hòa âm trong các đoạn. Tuy nhiên, vì quá chú trọng đến hình thức, quá chú trọng đến nhạc điệu, Mai Thảo ít nhiều đánh mất sự gân guốc của hiện thực và sự sắc cạnh của tư tưởng. Khi mỗi câu văn là một đài hoa mượt mà, chất trí tuệ sẽ tan ra thành hương thành khói. Chỉ còn lại cảm xúc tràn lênh mênh mang. Mai Thảo là một nhà văn duy mỹ đồng thời là một nhà văn duy cảm xúc. Phần lớn những sự mô tả của Mai Thảo đều có khuynh hướng dẫn đến tâm tình. Tả mưa, chẳng hạn, Mai Thảo viết, trong mục *Sổ Tay* đăng trên *Văn* số 57: "*Mưa lục bát trên những mái nhà, tứ tuyệt trên những đường phố. Và song thất ở những ngã tư*". Cơn mưa ấy, rõ ràng vừa là cơn mưa lâm thâm của trời đất vừa là cơn mưa lê thê của thi ca. Nó vừa thực vừa hư. Nó hư nhiều hơn là thực. Nó không mở ra một không gian nào cả. Nó chỉ dẫn người ta vào một tâm cảnh, ở đó, nói như Huy Cận, có "*những chân xa vắng dặm mòn lẻ loi*". Thế thôi.

Cho nên, không có gì đáng ngạc nhiên khi thấy, sau này, Mai Thảo làm thơ nhiều, và mới đây, xuất bản tập thơ thứ nhất của mình. Chỉ có điều đáng ngạc nhiên một cách thích thú là, với thơ, Mai Thảo không ngừng trở về với bản chất của mình, bản chất một thi sĩ, mà còn, hơn nữa, với thơ, ông khắc phục được cái nhược điểm thường phổ biến trong văn xuôi của ông trước đây. Có cảm tưởng bao nhiêu tư tưởng nung nấu một đời, khắc khỏi một đời, Mai Thảo đều gởi gấm hết vào thơ. Chỉ vào thơ.

Đặc điểm nổi bật nhất của *Ta Thấy Hình Ta Những Miếu Đền* là tính chất trí tuệ.

*

Hẳn Mai Thảo phải thích bài *Ta Thấy Hình Ta Những Miếu Đền* lắm nên ông mới lấy tựa bài này đặt tên cho cả tập thơ. Mai Thảo thích, tôi đoán, có

lẽ vì bài thơ thể hiện cô đọng một tư tưởng mà ông hằng ôm ấp:

Ta thấy tên ta những bảng đường
Đời ta, sử chép cả ngàn chương.

Không nên nghĩ Mai Thảo, ở vào cái tuổi ngoài sáu mươi, đâm ra ngạo thế, như một số nhà thơ trẻ, vì phẫn chí, giả vờ nghênh ngang. Ở hai câu tiếp theo, Mai Thảo giải trhích:

Sao không, hạt cát sông hằng ấy
Còn chứa trong lòng cả đại dương

Hạt cát và đại dương. Là gì nhỉ? Là cái cực tiểu và cái cực đại trong *Nam Hoa Kinh* đấy.

Trong suốt tập *Ta Thấy Hình Ta Những Miếu Đền*, Mai Thảo chỉ nhắc đến mấy chữ *Nam Hoa Kinh* có ba lần: một lần trong bài *Bờ Cõi Khởi Đầu* và hai lần trong bài *Thơ Say Trên Máy Bay*, tuy nhiên, ở hầu hết những bài thơ khác, nếu để ý, người ta sẽ bắt gặp, đâu đó, thấp thoáng, lung linh, một chút ánh sáng dịu dàng và lặng lẽ đến từ vầng trăng trong *Nam Hoa Kinh.*

Trong nền thơ Việt nam hiện đại, có lẽ Mai Thảo và Chế Lan Viên là hai người chịu ảnh hưởng sâu sắc nhất tư tưởng của Trang Tử. Thơ của họ phần lớn như một chiếc võng đong đưa giữa hai bờ cực tiểu và cực đại, giữa một bên là thế giới của cá Côn, của chim Bằng và một bên là thế giới của con ve, của chim cưu.

Có điều, Chế Lan Viên chỉ chịu ảnh hưởng của Trang Tử một thời gian ngắn, từ sau tập *Điêu Tàn* đến những năm đầu của kháng chiến chống Pháp. Sau đó, tiếp nhận của nghĩa Mác-Lênin, một triết thuyết xây dựng trên căn bản sự mâu thuẫn, dấu ấn của tư tưởng Trang Tử trong thơ Chế Lan Viên càng lúc càng mờ. Cái cực tiểu và cực đại trở hành hai phạm trù riêng biệt, thậm chí, đối lập nhau. Vầng trăng *Nam Hoa Kinh* vẫn còn đấy, trong thơ Chế Lan Viên, nhưng chỉ còn là một vầng trăng khuyết, hay nói như Thanh Tâm Tuyền, trong một câu thơ thật đẹp: "*Một đóa trăng tàn lẩn lút bay*".

Ở phương diện này, Mai Thảo đi xa hơn Chế Lan Viên: thỉnh thoảng ông đạt đến cái nhìn "huyền đồng". "Huyền đồng" là vượt trên tinh thần nhị nguyên, khống còn áy náy về những sự mâu thuẫn, không còn băn khoăn về cái lớn, cái nhỏ, cái đúng, cái sai, cái mình và cái không phải là mình. "Huyền đồng" là ý thức về cái Một: con người và vũ trụ là Một *(Vạn vật dữ ngã đồng Nhất (Nam Hoa Kinh,* thiên *Tề Vật Luận).*

Cái nhìn "huyền đồng" này được Mai Thảo diễn tả khá hoàn chỉnh trong bài *Cục Đất:*

Biển một đường khơi xa thẳm xa
Núi vươn trượng trượng tới mây nhòa
Thì treo cục đất tòng teng giữa
Cho cái vô cùng vẫn nở hoa.

Biển và núi là những cái cực đại, cục đất là cái cực tiểu. Cái cực tiểu ở đây lại là "hoa" của cái cực đại. Vẫn có khác nhau đấy. Nhưng khác mà không

biệt. Trong đóa hoa kia có đất có biển có núi có cả những áng mây xa, nghĩa là có cái vô cùng. Thì thành là Một.

Cục đất và biển và núi là Một; hạt cát và đại dương là Một; cái tiểu ngã và cái "đại khối" (tức vũ trụ, theo chữ dùng trong *Nam Hoa Kinh*) là Một. Vậy tại sao Mai Thảo lại không có quyền nghĩ là bao nhiêu huyết lệ trong trời đất đều phát sinh từ huyết lệ mình; bao nhiêu vòng quay của vũ trụ đều phát sinh từ hạt bụi của mình, từ đó, tiến xa hơn, nhìn thấy hình ảnh của mình trong những miếu đền, giữa những trầm hương nghi ngút; trong những công viên, giữa những tượng thờ nghìn bệ; trong trời cao, giữa những vì sao chi chít; trong lịch sử, giữa những trang sách nặng trĩu tên người? Tạo sao không?

Kết quả của cái nhìn "huyền đồng" là một tinh thần ung dung tự tại, cái tinh thần *"không ham sống, không ghét chết, ra không vui, vào không sợ, thản nhiên mà đến, thản nhiên mà đi" (Nam Hoa Kinh*, thiên *Đại Tông Sư*), hay nói như Mai Thảo, trong bài *Sáu Mốt*, là cái "tinh thần Nguyễn Bỉnh Khiêm":

Sáu mốt cùng ta đứng trước thềm
Đợi trời thả tặng chút xuân thêm
Trời thôi tặng phẩm, xuân còn hết?
Còn cái tinh thần Nguyễn Bỉnh Khiêm.

Tinh thần Nguyễn Bỉnh Khiêm, trong ý nghĩa tuyệt đối của nó, là một trạng thái "chân không" tịch lặng, trong ngần, ở ngoài mọi gió bão, xa lắc những xôn xao:

Sao phải đợi chờ chim én báo
Một đóa vui người đủ tuyết tan
(Tin Xuân)

Tuyết, đâu phải chỉ là tuyết. Tuyết, ở đây, còn là một cục bứu ung thư đang phục kích trong thân hình Mai Thảo. Mai Thảo kể, cái lần đầu tiên, sau khi rọi hình, biết chắc chắn ông bị bệnh ung thư, vị bác sĩ quen đã yêu cầu ông nằm lại phòng khám để nghỉ ngơi, nhưng Mai Thảo đã từ chối. Ông ra về. Đi bộ. Ghé vào một quán rượu. Gọi một chai Cognac. Đem cái cay của cuộc đời đổ vào cái đắng của lòng mình. Dần dần, ông coi cái cục bứu ung thư trong thân thể của mình như một người bạn để thỉnh thoảng lại chuyện trò:

Mỗi lần cơ thể gây thành chuyện
Ta lại cùng cơ thể chuyện trò
Dỗ nó chớ gây thành chuyện lớn
Nó nghĩ sao rồi nó lại cho.

Bệnh ở trong người thành bệnh bạn
Bệnh ở lâu dài thành bệnh thân
Gối tay lên bệnh nằm thanh thản
Thành một đôi ta rất đá vàng.
(Dỗ Bệnh)

"*Không Hiểu*", theo tôi, là một trong những bài thơ tuyệt cú hay nhất của Mai Thảo:

Thế giới có triệu điều không hiểu
Càng hiểu không ra lúc cuối đời
Chẳng sao khi đã nằm trong đất
Đọc ở sao trời sẽ hiểu thôi.

Đáng để ý hơn cả, trong bài thơ trên, là hai chữ "chẳng sao". "Chẳng sao", rất bất cần. Bất cần cái chuyện "có triệu điều không hiểu". Bất cần cả cái chuyện "khi đã nằm trong đất". Câu cuối, như một vì sao xa xăm, mở ra những chân trời vời vợi.

Hiểu hay không hiểu, rốt cuộc, thì cũng vậy thôi mà:

Có lúc nghĩ điều này điều nọ
Cảm thấy hồn như một biển đầy
Có khi đếch nghĩ điều chi hết
Hệt kẻ ngu đần cũng rất hay.
(Có Lúc)

Và cả cái chết nữa, trong bài *Món Đất* sáng tác sau khi tập *Ta Thấy Hình Ta Những Miếu Đền* xuất bản, đăng trên *Văn* số 88 ra vào tháng Mười 1989, Mai Thảo cũng hình dung như một bữa tiệc:

Đất tưởng còn xa trời vẫn gần
Giờ đất đã gần trời xa dần
Khăn bàn trải sẵn cùng thân thế
Đợi chiếc khay trời món đất ăn.

Hơi thơ hai câu đầu, tôi rất thích: nó có hình ảnh một đường nghiêng. Khởi đầu là "Đất tưởng", hai chữ vần trắc, trên cao, thoải xuống từ từ với chữ "gần" được lặp lại hai lần và cuối cùng, xuống thật thấp, thật thung lũng sâu và rộng với ba chữ vần bằng thoi thóp "trời xa dần". Té ra, bên trong cái dáng vẻ điềm tĩnh, rất Trang Tử của mình, tâm hồn Mai Thảo vẫn có một chút đìu hiu.

Ở trên, tôi có viết thỉnh thoảng Mai Thảo đạt đến cái nhìn "huyền động". Chỉ thỉnh thoảng thôi. Không phải luôn luôn. Mai Thảo chỉ giữ được thái độ thanh thản, ung dung khi đối diện với những vấn đề có tính chất siêu hình, những vấn đề liên quan đến cuộc đời, đến con người, đến kiếp người nói chung. Nhưng khi đối diện với những vấn đề cụ thể lớn, đến đất nước, đến hoàn cảnh lưu vong, đến bạn bè mình và bản thân mình đang trầm luân torng thời cuộc, thơ Mai Thảo biến thành những tiếng mưa thầm:

Bước một mình qua ngưỡng cửa năm
Nhân gian tịch mịch tiếng mưa thầm
(Trừ Tịch)

Mưa thầm. Những cơn mưa lê thê và tái tê của quốc nạn cứ tuôn rơi dào dạt trong lòng mọi người Việt Nam. Mưa sướt mướt trên trại giam có Nguyễn Sỹ Tế, có Phan Nhật Nam, có Tô Thùy Yên... vác thánh giá. Mưa ngùi ngùi

thương *"những Thanh Tâm Tuyền trăm năm đã xa", "những Vũ Hoàng Chương nghìn trùng đã mất"*, những Bùi Giáng *"ngày ca múa khóc cười giữa chợ", "tối tối về chùa đêm làm thơ"*. Mưa phơi phới bay theo Mai Thảo trên đường vượt biển *"giữa đất tận trời cùng ta chỉ một mình ta.* Mưa giàn giụa trên Vũ Khắc Khoan, trên Nghiêm Xuân Hồng, trên Võ Phiến, trên Mặc Đỗ, trên Thanh Nam, trên Túy Hồng... đội mũ gai nơi cõi lưu đày. Mưa. Mưa trùng trùng. Mưa điệp điệp. Những tiếng mưa thầm và những giọt mưa đen:

Nửa khuya đợi bạn từ xa tới
Cửa mở cầu thang để sáng đèn
Bạn tới lúc nào không biết nữa
Mưa thả đều trong giấc ngủ đen
(Đợi Bạn)

Mưa. Mưa trên niềm nhớ nhung quê hương không nguôi:

Nhánh hương thắp nửa này trái đất
Bay đêm ngày về nửa bên kia
(Năm Thứ Mười)

Mưa rơi trên từng ngày, từng ngày trôi giạt:

Mỗi ngày một gạch mỗi ngày giam
Lên bức tường câm cạnh chỗ nằm
Gạch miết tới không còn chỗ gạch
Gạch vào trôi giạt tới nghìn năm
(Mỗi Ngày Một)

Mưa từ quá khứ mưa tạt về:

Đôi lúc những hồn ma thức giấc
Làm gió mưa bão táp trong lòng
Ngậm ngùi bảo những hồn ma cũ
Huyệt đã chôn rồi lấp đã xong
(Quá Khứ)

Mưa. Vẫn mưa. Mưa trong những tách trà buổi sáng. Để thành một "ngụm đau trời đất" dành cho kẻ ly hương:

Trà đựng trong bình trí nhớ câm
Rót nghiêng từng ngụm nỗi đau thầm
Hòa chung cùng ngụm đau trời đất
là mỗi ngày ta mỗi điểm tâm
(Điểm Tâm)

Có lúc Mai Thảo tự nhủ mình:

Đừng khóc dẫu mưa là nước mắt
Đừng đau dẫu đá cũng đau buồn
(Em Đã Hoang Đường Tử Cổ Đại)

Thì cũng là cách tự động viên. Làm sao mà hết não nề được khi vẫn còn đây, mỗi ngày, những bước chân lang thang giữa phố người, những mắt nhìn

ngơ ngác giữa "*rừng vô tuyến, ống thu lôi*":

Làm thân sư tử cao nghìn trượng
Tự thuở xa rừng khóc chẳng thôi
(Manhattan)

Thanh Nam, lúc còn sống, từng có một kinh nghiệm thấm thía:

Muốn rơi nước mắt khi tàn mộng
Nghĩ đắt vô cùng giá Tự Do
(Thơ Xuân Đất Khách)

Chắc chắn Mai Thảo cũng từng chia xẻ cái kinh nghiệm ấy:

Tôi tự do phơi phới một đời
Sao từng lúc lòng còn nhỏ lệ
(Thơ Say Trên Máy Bay)

"Từng lúc" khác với "đôi lúc". "Từng lúc" là triền miên một nỗi đau dài thỉnh thoảng ứa ra một giọt nước mắt nghẹn ngào. Nỗi đau hóa thành đất thành trời thành chiều thành đêm:

Ngồi tượng hình riêng một góc quầy
Tiếng người: kia, uống cái chi đây?
Uống ư? Một ngụm chiều rơi lệ
Và một bình đêm rót rất đầy
(Một Mình)

Tôi ngờ là, trong những bài thơ say của Việt Nam, hiếm hoi có bài nào bi thiết và tha thiết như bài thơ nói về cái say của bức tượng lữ thứ này.

Bức tượng? Vâng, một bức tượng bất động lặng lẽ như một khối buồn câm:

Tựa lưng vào vào vách tường thân thuộc
Trong cõi buồn riêng lại thấy ta

Trong bài *Lộ Trình*, Mai Thảo tự gọi mình là một bức tượng. Tượng người vô giác:

Xe lao chở tượng người vô giác
Vào ngả lâm chung lối tử hình

Bức tượng ấy, giữa cõi nhân gian, bước từng bước lạc lõng và lạc loài. Ấn tượng nổi bật nhất toát lên từ thơ Mai Thảo là ấn tượng nặng nề, day dứt của sự cô đơn. Mai Thảo có đông bạn bè. Trong tập *Ta Thấy Hình Ta Những Miếu Đền*, có khá nhiều bài Mai Thảo viết về bạn bè, viết nhân lúc đi thăm viếng bạn bè. Có điều, từ hơi thơ đến hình tượng thơ đến cảm xúc thơ, người ta vẫn thấy dường như bao giờ ông cũng lẻ loi. Ông thường làm thơ trên đường đi chứ không phải lúc đã đến.

Thơ Mai Thảo rất ít tiếng động. Cho dù có tiếng động đi nữa thì những tiếng động ấy cũng chỉ được dùng để được làm đậm nét thêm cái lặng lẽ, cái tịch mịch trong tâm hồn Mai Thảo. Đi giữa rừng giữa suối; rừng xôn xao, cũng mặc; suối ào tuôn, cũng mặc, Mai Thảo vẫn chìm đắm trong cõi trời đất quạnh quẽ của riêng ông. *Với buổi chiều ta giữa lối buồn*. Đó là Mai Thảo.

Tai đã từ bao lạc tiếng đời. Đó là Mai Thảo. *Đi dưới mưa một mình*. Đó là Mai Thảo. Và cũng là Mai Thảo nữa, cái bẳn bặt não nề này:

Ngất đỉnh cây kia gió thét gào
Trọn mùa. Thành động biển trên cao
Bến ta tối khuất từ xa biển
Bờ chẳng còn ngân tiếng sóng nào
(Santa Ana Winds)

Tôi yêu bài thơ *Không Hiểu* đã dẫn ở trên, tôi cũng yêu lắm bài thơ *Không Tiếng* dưới đây, rất Đường thi, ngỡ như một bài thơ Thiền:

Sớm ra đi sớm hoa không biết
Đêm trở về đêm cành không hay
Vầng trăng đôi lúc tìm ra dấu
Nơi góc tường in một bóng gầy

Trong hai câu đầu có "sớm" có"đêm", có "đi" có "về"; ý niệm về thời gian được lặp đi lặp lại như một nhịp tuần hoàn. Nhưng ai đi? ai về? Cả hai câu đều thiếu chủ từ. Không tiếng và không hình. Cái dấu mà đôi lúc vầng trăng tìm thấy chỉ là một cái bóng gầy in nơi góc tường. Chỉ là cái bóng thôi. Chỉ là cái ảo thôi. Thế đấy, cái con người từng thấy tên mình trên các bảng đường, thấy hình mình ở những miếu đền lại cũng thấy nữa, thấy rất rõ cái hư vô, cái hư ảo của cả kiếp mình.

Cái ảo ấy lại cưu mang một mối buồn rất thực:

Tả ngạn đời ta một nhánh hoa
Bên kia hữu ngạn vẫn thơm và
Hương bay thần chú qua lìa đứt
Mỗi tới bên này mỗi lệ sa
(Tả Ngạn)

Thơ Mai Thảo, những bài làm sau 75, có thể nói là những giọt lệ rơi trên một triền núi thẳm, cái triền đi xuống những thung sâu. Đôi lúc, Mai Thảo dùng động từ "khóc", nhưng thơ của ông, rất lặng lẽ, chỉ là những tiếng khóc thầm, những nỗi đau thầm. Tất cả đều âm thầm. Như những tiếng mưa thầm.

Thơ Mai Thảo là những tiếng mưa thầm rơi trên *Nam Hoa Kinh.*



Có lẽ Mai Thảo sẽ là một trong những người đầu tiên phản đối nhận định này của tôi. Ông sẽ nói ông rất ghét những con đường thẳng, những cái "nhất dĩ quán chi" trong triết học như ông đã từng viết trong bài *Em Đã Hoang Đường Từ Cổ Đại:*

Con đường thẳng tắp con đường cụt
Đã vậy từ xưa cái nghĩa đường

Phải triệu khúc quanh nghìn ngả rẽ
Mới là tâm cảnh đến mười phương

Tôi biết. Tôi thấy những ngả rẽ ấy. Tôi thấy những hồi quang của chủ nghĩa hiện sinh trong thơ Mai Thảo. Tôi thấy những lúc Mai Thảo cười hóm hỉnh, thật duyên dáng, như trong bài *Chỗ Đặt*. Tôi cũng nghe cả những khi Mai Thảo gào thét:

Dậy đi! Dậy hết thành dông bão
Nhảy dựng ngang trời thế đá tung
(Gọi Thức)

Tuy nhiên, tôi nghĩ, dù sao, đó cũng chỉ là những ngả rẽ nhỏ, hẹp và cụt. Bên cạnh những ngả rẽ ấy, trong tâm hồn Mai Thảo vẫn có hai đại lộ thênh thang, hai "con đường chiến lược" quyết định hình thể của núi non, sông biển và phố xá. Một đại lộ là tâm trạng thanh thản, an nhiên của những bậc hiền giả ngày xưa và một đại lộ là tâm trạng bi thương, thê thảm của những người Việt Nam lưu vong trong hiện tại.

Sẽ là một khiêm cưỡng, hơn nữa, sẽ là một sự sai lầm nếu quan niệm hai con đường ấy cứ song song chạy miết bên nhau. Không phải. Trong thơ Mai Thảo, với nhiều mức độ khác nhau, hai con đường này không ngừng giao thoa với nhau. Để, hiếm khi nào Mai Thảo chỉ là một ánh trăng sáng, cũng hiếm khi nào chỉ là một tiếng mưa thầm. Thơ Mai Thảo là cõi thơ vừa có trăng vừa có mưa. Có lúc trăng tròn đầy và mưa chỉ lay bay. Có lúc mưa là mưa dầm và trăng chỉ là trăng khuyết. Ngay trong bài *Ta Thấy Hình Ta Những Miếu Đền*, bài thơ đậm đà phong vị *Nam Hoa Kinh,* người ta vẫn bắt gặp một ý nghĩ lạc loài, rất xa lạ với Trang Tử: *Địa ngục ngươi là, kẻ khác ơi!* Một câu nói của Jean Paul Sartre. Rồi trong bài *Em Đã Hoang Đường Từ Cổ Đại*, một bài thơ rất xuất sắc, cũng hằn lên một thoáng ngậm ngùi. Ở cái chỗ, tuy tự nhủ là đừng buồn, đừng khóc, song Mai Thảo lại tự biết không thể không khóc khi ngay cả mưa cũng là nước mắt, không thể không buồn khi ngay cả đá cũng tang thương. Ngược lại, những lúc Mai Thảo buồn rầu và bế tắc nhất, trời đất cũng không vì thế mà tối sầm hẳn lại. Nhờ, đâu đó, trong tâm tưởng Mai Thảo, như một làn ao trong thơ Nguyễn Khuyến, vẫn lóng lánh bóng trăng loe.

Những cơn mưa trong thơ là những hiện tượng cũ càng. Chế Lan Viên: *Văn chiêu hồn từng thấm giọt mưa rơi*. Huy Cận: *Giọt mưa cũ ố vàng thơ phú*. Viết về nỗi buồn, lại viết bằng thể thơ rất cổ điển là thể thất ngôn bát cú, Mai Thảo phải chấp nhận nhiều thử thách để khẳng định được một phong cách riêng. May, Mai Thảo thành công. Thơ ông, ngay cả ở những bài viết về cái già, cái chết, vẫn có giọng rất trẻ. Trẻ và mới.

Trẻ và mới ở cách dùng chữ: *Có khi đếch nghĩ điều chi hết*. Trẻ và mới ở cách ngắt câu: Tường. Ở bên kia có một nàng. Trẻ và mới ở cách sử dụng biện pháp "bắt cầu" với chữ "và" lửng lơ rất hiếm thấy trong thể tuyệt cú: *Vàng đâu? Chỉ thấy tối thui và.* Trẻ và mới ở cách nhìn: *Xuống thêm từng chút thêm*

từng chút. Ồ hóa đồi nương với núi rừng. Trẻ và mới ở cảm xúc: *Mười năm gặp lại trên hè phố. Cười tủm còn thương chỗ đặt nào.*

Trong chín mươi mốt bài thơ in trong tập *Ta Thấy Hình Ta Những Miếu Đền*, có sáu mươi lăm bài thơ tuyệt cú. Thể tuyệt cú, như vậy, là thể thơ được Mai Thảo ưa thích nhất và trên thực tế, cũng là thể thơ ông thành công nhất. Đây là thể thơ thuộc loại... cao niên, đã hơn một ngàn tuổi. Nhiều người cố gắng làm cho nó trẻ lại nhưng rất ít kẻ được như ý, kể cả Vũ Hoàng Chương, trong những bài thơ ông gọi là "Nhị thập bát tú. Phần lớn các nhà thơ trẻ miền Nam trước đây, rất khôn ngoan, từ chối thử thách bằng cách tránh xa thể thơ này, hoặc nếu dùng, cũng họa hoằn thôi, biến nó thành một loại thơ bảy chữ theo lối thơ mới, xa lơ xa lắc cái gọi là "tuyệt cú" của người xưa. Mai Thảo, trong khá nhiều bài, đã làm cho thể thơ cổ kính này được hồi xuân. Thơ tuyệt cú của Mai Thảo rõ ràng là thơ tuyệt cú hiện đại. Tính chất hiện đại không chỉ thể hiện ở ngôn ngữ, cú pháp, hình tượng hay cảm xúc như vừa nói ở trên. Tính chất hiện đại còn thể hiện khá rõ trong kết cấu của bài thơ. Nói chung, thơ tuyệt cú cổ điển thường có lối kết cấu theo kiểu hình tháp: những câu đầu chỉ đóng vai trò đẩy đưa, dẫn dắt, mở khung cảnh, gợi không khí. Tứ thơ thường trĩu xuống, oằn vào một hay hai câu cuối. Chính vì thế mà có hiện tượng đối với những bài thơ tuyệt cú ngày trước chúng ta có thói quen hay nhớ hai câu cuối: tư tưởng và cảm xúc của tác giả thường gửi gấm ở đó. Lấy bài *Ngôn Hoài* của thiền sư Không Lộ làm ví dụ:

Kiểu đất long xà chọn được nơi
Thú quê nào chán suốt ngày vui
Có khi đỉnh núi trèo lên thẳng
Một tiếng kêu vang lạnh cả trời
(Phan Võ *dịch)*

Hai câu đầu chỉ có chức năng làm đà cho hai câu sau xuất hiện. Cái còn lại trong cả bài thơ, cuối cùng, là một tiếng kêu vang vang giữa đất trời lồng lộng, tiếng kêu làm lạnh cả hư không, tiếng kêu như một thách thức của con người trước cõi vô cùng.

Thơ tuyệt cú của Thanh Nam cũng có lối kết cấu tương tự:

Nửa khuya nghe động tiếng mưa buồn
Mái lạnh hiên người giọt giọt tuôn
Chăn gối bỗng thơm mùi dĩ vãng
Dịu dàng mộng cũ ghé môi hôn
(Mộng Cũ)

Hai câu trên chỉ là không gian và thời gian xuất hiện ở một niềm nhớ nhung ngây ngất sẽ xuất hiện ở hai câu kế tiếp, đặc biệt là câu sau cùng.

Thơ tuyệt cú của Mai Thảo, ngược lại, thường thường được cấu trúc theo kiểu khối vuông: tứ thơ chia đều ra cả bốn câu. Cứ đọc lại những bài thơ tuyệt cú dẫn ở trên thì thấy. Tứ thơ, ngay ở câu thứ nhất, đã hiện hình. Cửa không mở dần dần, từ từ, mà mở toang cùng một lúc.

Thật ra, hai kiểu cấu trúc này khác nhau chủ yếu ở cách lựa chọn trọng tâm của tứ thơ. Nếu lấy cảm xúc làm trọng tâm của tứ thơ, người ta dễ có khuynh hướng sử dụng kiểu cấu trúc hình tháp. Để tạo được sự đồng cảm cho độc gỉa, nhà thơ nào cũng cần phải chuẩn bị một tâm thế sẵn sàng cho họ. Những cảnh trăng trên trời sáng vằng vặc, mặt đất mờ mờ như sương trong bài *Tĩng Dạ Tư* của Lý Bạch là những tiền đề cho cái tâm trạng ngẩn ngơ nhớ nhà của lữ khách:

Cử đầu vọng minh nguyệt
Đê đầu tư cố hương
(Ngẩng đầu nhìn trăng sáng
Cúi đầu nhớ cố hương)

Trái lại, nếu lấy tư tưởng làm trọng tâm cho tứ thơ, người ta dễ có khuynh hướng sử dụng lối kết cấu khối vuông. Khuôn khổ bài thơ có giới hạn, người ta không thể mơ màng với cảnh, với vật bên ngoài. Những câu đầu, do đó, thay vì đẩy đưa, dẫn dắt, phải là một gợi mở tức khắc. Đó là lý do tại sao những bài thơ thiền và những bài thơ có hơi hướm triết lý phần nhiều đều sử dụng lối kết cấu này.

Sự chọn lựa của Mai Thảo không phải ngẫu nhiên. Cảm hứng thơ của Mai Thảo hiếm khi đến chỉ từ một ngoại cảnh. Mà, thường hơn, chỉ đến khi ngoại cảnh ấy gợi ra cho ông một ý nghĩ nào đó. Những bài thơ Xuân của Mai Thảo, chẳng hạn, hầu hết đều là những ý nghĩ về mùa Xuân, những suy tưởng nẩy sinh từ mùa Xuân chứ không bao giờ là một bức tranh vẽ cảnh vật mùa Xuân như thường thấy, ở các nhà thơ khác.

Thơ Mai Thảo giàu trí tuệ. Nhưng không khô khốc. Đó là những điều Mai Thảo chiêm nghiệm trong cuộc đời và ấp ủ trong trái tim. Mỗi tư tưởng là một tâm tình, nó lấp lánh hay mơ màng chút ánh sáng từ vầng trăng *Nam Hoa Kinh* và nó giăng giăng hay lắc rắc những giọt mưa thầm.

Có lần, trong một cuộc chuyện trò, Mai Thảo bảo ông chỉ làm thơ chơi thôi. Thì đành vậy. Ai mà chẳng làm thơ chơi thôi? Nguyễn Du viết *Kiều*, làm thơ chữ Hán cũng là làm thơ chơi thôi chứ gì? Thế nhưng, hai câu thơ này là của Nguyễn Du đấy:

Tưởng rằng nói để mà chơi
Song le lại động lòng người lắm thay.

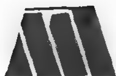
NGUYỄN HƯNG QUỐC

(Trích Văn Học *số 49. USA.* Với sửa chữa của tác giả)

Chú thích:

(1) Lời giới thiệu in sau tập *Ta Thấy Hình Ta Những Miếu Đền.*

(2) Do *Văn Khoa* xuất bản 1989.



LỆ HẰNG

mea culpa



Vào mùa giáng sinh, như mọi năm, người ta chưng bày cây Noel, với giả Noel, với hang đá phủ tuyết. Những tấm tiệp thường cũng in xe tuyết. Điệu nhạc hân hoan nơi vùng Nam bán cầu thường rung rinh trong hơi nóng thổi dốc từ sa mạc. Năm nay, giáng sinh hiu hiu từng cơn lạnh, thiên hạ bèn hít hà lo âu. Tôi đứng xếp những thiếp giáng sinh trên kệ tủ màu trắng. Tấm thiếp có nét chữ rất đàn ông của KT căn dặn viết bài về Mai Thảo.

Thật nan giải khi vẽ vời về một nhà văn như Mai Thảo. Đã có quá nhiều người viết về ông. Khen hay chê với ông chẳng thành phiền. Nhưng với riêng tôi, nghĩ tới hay nghe nhắc nhớ về ông, tôi nghĩ đến bố tôi, một thời nào của Hà Nội, một thời nào di cư, bố tôi kể hoài về tập truyện *Đêm Giã Từ Hà Nội*. Mãi rồi, tên của nhà văn, hình như gắn liền với tập truyện ấy, với Hà Nội mơ hồ trong kỷ niệm, rồi điệu nhạc xa vắng của Vũ Thành ngân nga trong tâm thức:

"Lìa xa thành đô yêu dấu
Một sớm khi heo may về
Lòng khách tha hương vương sầu thương
Nhìn em mờ trong mây khói
Bước đi nhưng chưa nỡ rời
Lệ sầu tràn mi
Đượm men cay biệt ly..."

Nhà văn Mai Thảo, người Hà Nội, cao lênh khênh, tay chân cũng dài, mái đầu dài, ngón tay gầy lêu khêu như ngón tay nho sĩ ngày xưa, dáng đi, phong cách rất tự tại, ung dung. Để nói về ông, người ta thường bối rối, tác phẩm

của ông nhiều quá, nó xếp hàng và chờ, nhưng nói về ông phải nói đến nhóm *Sáng Tạo*, và tình bằng hữu vây lấy ông hàng mấy chục năm nay, không hao mòn sứt mẻ. Văn phong của ông như ống kính vạn hoa, tôi thường mê mải chơi lúc nhỏ. Ống kính tung tóe muôn hình sắc, lúc lắc cũng đẹp, thinh lặng cũng lung linh xanh đỏ.

Tôi gặp Mai Thảo lần thứ nhất lâu xa lắm rồi. Khi ấy tôi còn nhỏ. Nhà văn ngồi sau bàn viết ở báo quán *Văn*. Cái bàn rất rộng, tôi nhớ mãi, chất chồng sách và báo. Nhà văn ngước nhìn tôi, giọng nói trầm và mềm mại, giọng nói ấy chỉ có thể cất lên từ miền ngực âm u rộng lượng của một người viết đầy tự tin.

Hơn hai mươi năm sau, tôi ở lại Việt Nam, và cũng bò được đến Mỹ, gặp lại nhà văn. Tôi và ông cùng mỉm cười, cười bằng mắt môi và cả một biển trời gian nan bão tố. Vậy là xong. Chẳng cần dài lời kể lể, cũng không thèm nửa tiếng than van. Cả hai chúng tôi, hiểu sâu xa mọi lẽ, mọi nguồn cơn và hết thảy ê chề đau đớn. Trên vầng trán nhà văn, là dấu hằn chia cắt, cuộc chia đôi đất nước thời 54, thống nhục 75, thời chạy trốn và nỗi buồn lưu lạc. Và một lời thề cùng nói cho nhau nghe:

"Từ nay, ta không việc gì phải sộ hãi nữa, không còn gì để sợ, không việc gì phải nói dối, dù lời nói dối nhỏ bằng nửa ngón tay".

Giọng nói của ông, cũng rất Hà Thành Văn Vật, chừng mực khoan thai. Ngay cả vào cơn say, hai mắt đã quắc lên, giọng nói ấy vẫn trầm và ngọt như văn ông, tuôn chảy trên đầu viết. Ông viết bằng tay, chữ đẹp, đều hàng và bóng bẩy.

Nhắc nhở Mai Thảo, là nhớ nhóm *Sáng Tạo*, nhớ cuộc biểu tình ở Caravelle của những tiểu tư sản trí thức di cư, nhớ khuôn mặt khắc khoải của Nguyễn Đức Quỳnh, một tay phù thủy văn nghệ, nhớ một Thanh Nam đẹp trai và đa tình, nhớ Vũ Khắc Khoan, hầm hừ triền miên, nhớ Mặc Đỗ, nhớ Trần Thanh Hiệp, nhớ Thanh Tâm Tuyền. Họ đã tạo thành một nhóm, một phong trào văn chương, với phong cách mới, và văn phong lạ. Họ đã mở ra một vùng sáng cho văn chương, lúc bấy giờ. Độc giả, quần chúng đã dang tay đón họ, hân hoan và hy vọng. Họ đã thổi đầy hơi thở hiện sinh, nhập cảng từ Pháp về cho nửa phần đất nước - nhưng với tất cả ưu thắng và vận hội mới đó, nhón *Sáng Tạo* đã không làm tròn sứ mệnh nhà văn, cái sứ mệnh của những kẻ sĩ, mà thời thế dâng tặng cho họ. Đángh tiếc và ngậm ngùi! Bởi chạy trốn Cộng Sản, để sa lầy vào một cơn bế tắc khác. Thời 54, văn chương chống Cộng tràn phố chợ, nhưng tác dụng không được bao nhiêu, bởi họ cố xây dựng một *nền văn học Chống Công* nhưng không xây được một *nền văn chương để Chống Cộng*.

Báo *Sáng Tạo* ấn hành được 31 số, bước vào năm thứ ba, tự lui vào bóng tối. Văn học miền Nam rơi vào cơn hỗn loạn cho đến ngày tan rã. Ngoài bút của một số đông, biến thành khí giới, không phải để chống Cộng, để xây dựng miền Nam như người ta mong đợi, những ngòi bút biến thành khí giới đâm

chém nhau. Tệ hơn nữa, họ dùng văn chương chữ nghĩa để tống tiền. Người Việt - trừ một số người - biến thành những tay *extortionist* nguy hại và đáng tởm của xã hội miền Nam nhiễu nhương và tan nát.

Mai Thảo và một số ít nhà văn thoát được cái điều tởm lợm đó - Dùng ngòi bút, tên tuổi, văn chương để tống tiền, dọa nạt, và vinh quang phe nhóm - họ rơi vào nỗi cô đơn rất kẻ sĩ. Hôm nay, vòng tròn đó quay lại đủ vòng, nếu thời 54 nhà văn không muốn rơi vào cơn lốc thời thượng chống Cộng bằng loa phóng thanh, bằng khẩu hiệu, biến Cộng Sản thành con ngáo ộp để đe dọa quần chúng thì họ lại quanh quẩn, phòng trà, quán nhảy, nhân vật chính bao giờ cũng ca sĩ lừng danh, hoặc tiểu thư, mệnh phụ ưỡn ẹo. Sau 75, những nhà văn của hôm nay, hoặc vọng về quê nhà, than thân trách phận, kể công mình, xét tội đối phương, tự phong cho mình là thánh tử đạo, chịu bao nhiêu tang khó vì bọn Cộng Sản độc tài khát máu... hoặc lẫn tránh, cố quên thân mình trong cơn vật vã nơi xã hội mới, hoặc làm tiền để xóa bỏ mặc cảm da vàng, lưu dân, hoặc ân hận và thống hối trót là người Việt Nam. Người đọc chán nản, nhăn mặt quăng xó thứ văn chương đó không thương tiếc. Bởi họ đủ khôn ngoan để biết nhà văn còn may mắn hơn họ nghìn lần. Khi họ cầm súng chống Cộng sản thực sự bằng máu, nhà văn la cà quán nhảy. Khi mất miền Nam họ mửa máu trong lao tù, đa số nhà văn, cà phê đầu ngõ. Có không ít người vẫn làm chủ quán hàng ngay trung tâm Sài Gòn, có điều linh cũng khối người la làng cho họ, Cộng Sản độc ác tới đâu cũng không dám thẳng tay với họ bằng mấy chục triệu nhân dân vô danh tiểu tốt. Chạy thoát bằng máy bay, tàu thuyền, nhà văn bèn xưng danh "tử đạo", kể nhục, kể khổ, kể công. Mượn đau khổ kẻ khác làm món hàng chào mời kiếm lợi danh cho riêng mình.

Và một lần nữa, nhà văn Mai Thảo cũng thoát vòng vây khốn khổ này. Ông ung dung với tờ *Văn* bộ mới. Hình thức nội dung không khác tờ *Văn* ngày còn quê hương và đất sống, tờ báo *Văn* hôm nay, sống bằng tình bằng hữu. Báo *Văn* vẫn đến với người đọc đều đặn mỗi tháng, đằm thắm và nhẹ nhàng như ngày xưa. Bởi chính từ nơi nhà văn với phong cách của người cầm viết, biết quí trọng chữ nghĩa của mình và kính trọng người đọc. Ông tồn tại, tồn tại qua bao nhiêu thăng trầm và hỗn loạn - Ở ông, nếu tình yêu là phần thưởng của Thượng Đế thì tình bạn là ân sủng của đời này. Nhà văn có nhiều bạn, bạn từ ngày xưa và bạn của hôm nay, những người bạn nhà văn yêu quí là yêu quí mãi mãi, bằng thủy chung và bằng tình âu yếm. Gia tài ông sẽ để lại đời này, dĩ nhiên là tác phẩm mang tên ông, nhưng phần gia tài sâu nặng nhất nơi ông vẫn là bằng hữu, những người bạn của ông quả đáng là "*bạn*". Tôi vẫn thường ghen tị với ông về điều này. Có lần, nói chuyện với một nhà văn trẻ, tôi tò mò hỏi anh tại sao chọn Mai Thảo như một bạn chân tình. Người viết trẻ đó chậm chạp trả lời: "Tôi thấy đàn anh trong văn nghệ nhiều quá, những chiếu trên chiếu dưới hỗm mang và tơi bời. Hễ ai có báo trong tay, có bút mực giấy báo là vung vít chửi bới nhau loạn cào cào. Biến tờ báo thành võ đài để đả thương thiên hạ những đòn chí mạng. Mai Thảo, ba lần

làm chủ báo, không thấy ông ta chửi bới ai dù một nửa lời bóng bẩy nhất. Ngay cả những kẻ đã vung bút chửi bới ông ê hề trên sách báo".

Tôi làm thinh sau câu nói đó. Nhà văn không phải chỉ là người làm văn, dù làm văn bằng cách hoa mỹ nào chăng nữa. Ông phải có nhân cách nhà văn, sống cho tới cùng cực, kẻ hời hợt chỉ có thể trở thành "thợ văn" giỏi. Chua cay phải nhận, oan khiên cũng đành, nhà văn chắc chắn không thể là lái buôn, càng không thể là một tên xôi thịt chạy quanh mồi danh lợi. Đành rồi. Nhưng nói cho tới cùng đi nữa, trước hết, để viết, để sáng tạo, nhà văn phải sống, quần chúng thường lầm lẫn nhảy từ cực này sang cực kia, khi thì họ đánh giá nhà văn như thần tượng, chắc ông ta ăn hoa, uống gió để sống và viết, khi thì người ta hạ nhà văn xuống thành lái buôn bán sách, bán chữ nghĩa mà nuôi thân nuôi miệng lưỡi cho mềm cho ngọt. Thân phận con người đã thống khổ, thân phận nhà văn là trường hận thiên thu. Hận của người đời dài lắm trăm năm, hận văn chương triệu năm không giải nổi, bởi thế mới có *Đoạn Trường Tân Thanh, Cung oán Ngâm Khúc...* cho thế hệ chúng ta, và cho cả mai sau.

Còn ngày hôm nay, khi tôi đến Úc, có ba khu lớn cho người Việt ở Sydney, tìm mãi chưa được một quán sách. Sách chẳng là bao, hỏi sao sách quá ít, chủ quán bảo chẳng mấy ai mua. Sang Mỹ, tôi phàn nàn mấy nhà xuất bản, sao không gởi sách sang Úc. Họ nhún vai, xứ đó, gởi sách thì nhận, bán được hay không họ không thèm trả lời, không thèm trả tiền, và cũng không buồn viết vài lời cảm ơn xuông nữa kìa. Tôi bèn nhỏ nhẹ nhắc khéo rằng quí vị in sách của tôi đầy đủ 13 cuốn chẳng có vị nào hỏi tôi nửa câu. In xong, bán được nhiều ít, có cuốn tái bản đi tái bản lại, quí vị cũng lạnh lùng không cho tác giả một cuốn hầu lưu giữ làm kỷ niệm. Tôi đến Úc, việc làm mò hoài không ra. Tiền trợ cấp không xin được, nửa đồng đô la không kiếm ra phải xin chồng hai chục mua cuốn sách quí vị in ra bày bán đó thì sao nào? Mọi người bèn cười mơn - trống lãng - giả lơ. Tôi cũng đành giả lơ, hận văn chương này biết mấy thiên thu?

Tôi đến Mỹ, quán ăn quán nhảy ê hề, nhưng quán sách khách chỉ vãng lai vài ba người. Người Việt Lưu đày, chạy thoát Cộng Sản hú hồn hú vía, hoảng quá, chỉ lo ăn lo nhậu lo mặc, không ai lo đọc sách cho tâm hồn phong phú, văn chương chữ nghĩa kệ cho ma quỉ lo thay. Quả thật so với dân tộc khác, chúng ta không lương thiện với nhau bằng một góc thiên hạ. Chúng ta cũng không lương thiện với chính thân mình nữa, chúng ta hối hả hấp thụ văn minh người, hối hả làm lụng như trâu bò để mong nhà đẹp, xe sang, mong xóa bỏ mặc cảm dân lưu xứ, mong tiền bạc, địa vị xóa bỏ bớt màu da vàng, mũi tẹt, tóc đen... cho mau bằng thiên hạ, chúng ta quên phắt mình là ai. Từ đâu đến, tự dang tay giết mình mà không biết. Cả thiên hạ này trợn mắt ngó chúng ta quay cuồng điên đảo, đấm đá hầm hè nhau. Chúng ta cũng không thèm biết đến. Ôi tội thân mình, người không còn ra người, người chi cả một ngày không còn một giây để nghĩ về phận mình.

Tôi than thở với nhà văn về điều này, ông chìm mắt trong ly rượu - lắc đầu - thở ra - Hình như lời thầm thì cất lên nhưng tôi không bao giờ nghe thấy.

Tôi kể cho nhà văn nghe nữa, rằng thiên hạ đang đua nhau viết hồi ký, nạn dịch hồi ký khiến nhân viên thư viện điên đầu luôn "Xếp loại sách bây giờ đau đầu quá, rõ ràng văn hồi ký lung tung xoè, văn phóng sự cũng hồi ký, tiểu thuyết cũng đề hồi ký, nhật ký rõ ràng cũng hồi ký, biết đề thư mục thế nào cho ổn đây". Tôi cười cười, dỡn với ông "Sao không viết hồi ký". Mai Thảo hừ một tiếng, rồi trợn mắt ngó tôi. Thấy tôi cười mơn, ông bèn hì một tiếng kể chuyện Thống chế Pétain - Rằng khi người ta giam ông trong ngục, có kẻ lân la đến nhà tù xui ông viết hồi ký kiếm tiền phòng thân sau này, Thống chế Pétain cũng trợn dọc mắt lên "Tôi có tội gì đậu mà phải viết hồi ký".

Tôi hiểu ý nhà văn nên ngồi làm thinh.

Ông sống bằng nghề viêt từ mấy chục năm nay, vậy mà vẫn thoát vòng vây khổn rất đáng sợ của nghiệp văn chương, kể cũng lạ. Vậy nhưng khi tôi phàn nàn, rằng với vận hội của thời *Sáng Tạo*, thời mà người đọc người viết tương thân tương kính nhau, thời quần chúng còn vinh danh người viết như những chiến sĩ chiến đấu cho tự do, tại sao anh và cả nhóm bạn bè trong *Sáng Tạo* không nắm lấy thời cơ ấy vực dậy một nửa nước cho vững vàng, sao các nhà văn đầy may mắn ấy không làm được chút gì cho mai sau, cho miền Nam rã rời phân hóa ấy, để sự rã rời của miền Nam đẩy nửa nước vào tay Cộng Sản, tức tưởi và nhục nhã vậy?

Nhà văn nhìn sửng vào mặt tôi, rất lâu, và không trả lời một nửa câu.

Mãi sau, nhà văn trầm giọng:

- Rồi cô sẽ thấy, tất cả là một cuộc chơi thôi. Chúng ta, những kẻ viết văn, chúng ta đáng tự hào, chúng ta quả là những kẻ hết sức can đảm, chúng ta cứ viết, viết mãi, khi người không đọc, không mua, không biết đến. Chúng ta, kẻ viết văn, mới thực sự là dũng sĩ... Dù sao... cũng là lỗi tại tôi, lỗi tại tôi mọi đàng... Mea culpa... Mea culpa!

Nghe nhà văn nói xong, tôi lạnh người.

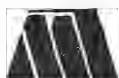
Về lại Úc, tôi mua một tấm thiệp, in hình một con chim đơn độc, rất đẹp. đứng trên một tảng đá, sần sùi cằn cỗi, viết tên ông, để gửi. Trên tấm thiệp ấy, tôi viết chỉ hai dòng:

"Bất tri tam bách dư niên hậu
Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như"

Viết xong, tôi kẹp vào cuốn thơ Mai Thảo tặng cho tôi, rồi suy đi tính lại không gửi nữa. Tháng sau, tuần trăng sáng mênh mông ngoài vườn, tôi nhận được tấm thiệp của nhà văn gửi từ Paris. Tôi mỉm cười. Nhà văn đang ngao du, xin cho lãng du mãi, bốn bể năm châu này, nơi đâu là quê nhà của ông?

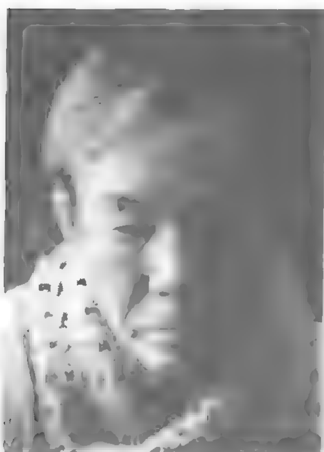
LỆ HẰNG

12-93



TUẤN HUY

sống tự do như cỏ biếc mùa xuân



"Tôi tự do phơi phới một đời
sao từng lúc lòng còn nhỏ lệ..."
Mai Thảo

*

Một buổi tối cuối năm, tôi bất chợt ghé đến thăm Anh. Vẫn cái vòm cầu thang tối xỉn, những bậc gỗ đen đúa, những gờ tường vàng ố - dẫn lên một căn phòng xinh xắn gọn gàng...

Từ những lùm cây rậm rịt ở mảnh sân đầy ắp gió, thoảng vương lên một mùi thơm êm mát của một loài hoa đêm. Tôi nghe có tiếng nói cười lao xao của những gia đình đang sống ở chung cư này. Phút giây, tôi hồi nhớ đến cái không khí thân thiết đầm ấm ở Buyn-đinh Cửu Long của một Sàigòn những ngày xa xưa cũ... Những ngày nơi buy-đinh ấy luôn luôn rộn rã tiếng nói tiếng cười của Thanh Nam, Thái Thủy, Hoài Bắc, Phan Nghị, Mai Trọng Lý, Trần Lê Nguyễn, Cung Thúc Cần và Anh... Những ngày nơi buy-đinh ấy luôn luôn thấp thoáng những nàng kiều nữ một thời xuân sắc của Sàigòn... Con đường Hai Bà Trưng nhộn nhịp xe cộ. Và vòm trời đêm, dưới ánh đèn thủy ngân là những lớp lá me xanh nõn phấp phới bay...

Bây giờ, sau những biến thiên cay đắng và những dời đổi se lòng. Ở một nơi cách Sàigòn gần một vòng trái đất... Tôi đang đứng chỗ hàng lan can - nghe tiếng xào xạc của những tàu lá chuối, nhìn những đốm lửa li ti của những nén nhang cháy dở ở một trang thờ, ngửi mùi thơm loang man mác của hoa cỏ quyện với mùi hăng nồng rạo rực của những tờ giấy hóa học trong những chiếc máy sấy khô quần áo...

Đã là cuối năm. Những bước đi vội vàng tàn nhẫn của thời gian như những

vệt sáng đang loang dài trên tấm màn cửa cũ rách một vuông cửa sổ... Bóng dáng cao gầy của Anh đang ngồi nơi chiếc bàn viết đằng sau tấm màn cửa ấy.

Như thế, đã là lâu lắm, tôi mới trở lại căn gác này. Rủ Anh đi dùng bữa, nhân vừa có chai rượu ngon của một người bạn gửi tặng. Anh bảo, anh đang chờ Du Tử Lê: "Khoảng sáu rưỡi Lê nó tới, mình đi luôn thể. Tôi nhặt một tờ tạp chí Pháp để ở trên giường. Nơi những bức tường quanh phòng, vẫn đông kín những bức tranh và những khung hình vây bủa. Những bức tranh vẽ chân dung Anh, hoặc là ấn bản của tranh Van Gogh. Tấm *poster* chụp hai cha con một người đàn ông PhÁp chở nhau trên chiếc xe đạp cũ với ổ bánh mì dài toòng teng để ở "poóc-ba-ga". Những khung hình lớn nhỏ, màu hoặc đen trắng chụp Anh với nhà thơ Vũ Hoàng Chương, Anh với nhiếp ảnh gia Trần Cao Lĩnh, Anh với nữ tài tử Kiều Chinh, Anh với họa sĩ Ngọc Dũng, và Anh với nhà văn Doãn Quốc Sỹ... Những tấm hình của một thời. Những tấm hình của một thuở. Những tấm hình đã loang lổ dấu thời gian khiến bất cứ ai nhìn thấy cũng phải luyến tiếc ngậm ngùi...

Như thế, đã là bao nhiêu năm tháng - bao nhiêu ngày, bao nhiêu đêm - bao nhiêu buổi sáng, bao nhiêu buổi trưa, bao nhiêu buổi chiều, bao nhiêu buổi tối... Anh đã "sống", đã "hít thở", đã "ăn nằm" với những bóng hình xa xưa của kỷ niệm? "*Những ảnh hình thân cũng thoáng qua. Người gần ta nhất cũng muôn xa...*" Phải chăng đó là những dấu tích ngậm ngùi mà Anh vẫn xót xa bịn rịn...

Anh rót cho tôi một chút rượu. Tôi nhớ đến căn phòng của Anh ở đường Ký Con. Một lần nào nhỉ, từ quán nước *La Pagode* anh chở tôi về căn phòng anh cư ngụ một lúc, rồi hai anh em mới ghé vào cái hẻm Phạm Ngũ Lão, ăn bữa cơm tối với vợ chồng anh Thanh Nghị. Trong bữa ăn, Anh cảm hứng đọc cho chúng tôi nghe những vần thơ lục bát trau chuốt của Huy Cận... Bữa đó, có cả nhà thơ Cung Trầm Tưởng, ngồi bên Thanh Nghị, nhìn anh bằng đôi mắt hấp hiu vui...

Thời gian đó là thời gian anh đang làm chủ nhiệm tạp chí *Sáng Tạo*. Tờ báo bao gồm những người viết tiêu biểu cho một lớp văn chương đầy khai phá và giàu sáng tạo nhất lúc bấy giờ. Tôi nhớ một đêm khuya ở đại học xá Ngã Sáu Minh Mạng, bọn tôi phải ngưng học bài để lắng nghe một chương trình văn học của đài Sàigòn. Họ đang đọc những đoạn văn đầy nhạc tính và rất óng ả trong *Đêm Giã Từ Hà Nội*... Tôi mến phục Anh từ đó, và chỉ được gặp gỡ quen biết anh mấy năm sau, khi chiều chiều cùng anh Thanh Nghị ra ngồi góp mặt với các anh em ở hàng hiên nhà hàng *La Pagode*.

Anh - dù là một nhà văn đang nổi tiếng, đứng đầu một nhóm nghệ sĩ sáng tác, rất lừng lẫy của miền Nam, nhưng đối xử với những người viết trẻ, thật khoan dung độ lượng. Thường thường, gặp chúng tôi, Anh luôn vồn vã hỏi: "Sao, dạo này có viết được gì không?"

Buổi chiều gặp Anh ở *la Pagode*, buổi tối gặp Anh ở *Tabarin, Văn Cảnh,*

Mỹ Phụng, Baccara, Ma Cabane, Grand Monde... đến nửa khuya lại gặp Anh ở tiệm ăn *Hòa Bình*, tiệm đầu cá nướng Tân Định, tiệm phở Tôn Thất Đạm hay hiệu bánh cuốn Phan Đình Phùng... Anh đã từ trạng thái rất tỉnh táo, rất nghiêm túc ở buổi chiều - ngật ngưỡng khề khà ở buổi tối - và khất khưởng, say mèm lúc nửa khuya... Những lúc ấy, tôi thường tự hỏi, làm sao một người rất lè phè và hơi có vẻ phóng túng bệ rạc như vậy, lại có thể viết được những trang văn biền ngẫu, thơ mộng, đầy đam mê và lãng mạn như những trang văn ký tên M.T.? Nhưng tôi chỉ biết, sức sáng tác của Anh ở thời điểm ấy cực kỳ phong phú. Từ tạp chí *Sáng Tạo*, qua tuần báo *Nghệ Thuật*, đến tạp chí *Văn*, tuần báo *Kịch Ảnh*, tuần báo *Màn Ảnh* và hàng chục nhật báo khác... bằng nhiều bút hiệu khác nhau, qua nhiều thể tài khác nhau - Anh đã viết với văn phong bất biến: Thật trau chuốt, thật óng ả - Dòng viết nào cũng đều có hồn thơ, chất thơ. Ý văn nào cũng đều khoan hòa, dịu dàng, dung dị...

Tôi yêu lắm những trang văn trong *Đêm Giã Từ Hà Nội - Tháng Giêng Cỏ Non - Những Bàn Tay Bắt Được Mặt Trời - Để Tưởng Nhớ Mùi Hương - Bản Chúc Thư Trên Ngọn Đỉnh Trời* v.v... Theo tôi, đó là những dấu hiệu lấp lánh tuyệt vời của một người đang mang chở một cái gì thiết tha mới lạ nhất vào văn chương của chúng ta - khởi đi từ giữa thập niên năm mươi cho đến tận bây giờ...

Bây giờ, Anh đang ngồi trước mặt tôi, với chiếc bút màu đen và những dòng chữ thẳng tắp tròn trịa. "*Việc đã làm xong việc chẳng lớn. Cũng là một việc nữa làm xong. Lạ thay chính lúc mồ hôi đổ. Là lúc bình tâm với sống còn...*"

Anh là một người rất bình thản trước chuyện sống còn, hay nói đúng hơn, rất bình thản trước những cơn bệnh ngặt nghèo và trước cả cái chết. Gặp Anh, tôi thường hỏi: "Hồi này anh được khỏe không, anh?". Cũng thường thường Anh chỉ cười: "Khỏe chứ. Làm gì mà không khỏe..." Họa hoằn lắm, cố gặng hỏi, Anh mới nói: "Ờ thì bây giờ mình cũng già rồi. Đâu còn được như xưa nữa. Nhưng mình kệ nó, thế thôi..." Tôi nhìn Anh, nhìn những sợi râu mép ngắn ngủn lưa thưa mọc lộn xộn của Anh trên khóe miệng như hơi phụng phịu. Thấy đúng như những dòng thơ Anh đã gửi gấm một đôi lời tâm sự: "*Bệnh ở trong người thành bệnh bạn. Bệnh lâu dài thành bệnh thân. Gối tay lên bệnh nằm thanh thản. Thành một đôi ta rất đá vàng...*" Cách đây ít năm, một số anh em đã được mấy y sĩ (đều là chỗ rất thân tình với Anh) báo động, về một căn bệnh hiểm nghèo mà Anh có thể có. Dường như mấy ông bạn y sĩ này đã cùng muốn chung góp nhau trả sở phí giải phẫu và sở phí nằm bệnh viện cho Anh. Nhưng phút chót cuộc giải phẫu không thành, vì Anh đã không đến như đã hẹn. Mấy y sĩ này đều rất lo âu cho sức khỏe của Anh. Nhưng có điều thật lạ lùng mà mấy ông y sĩ và cả chính Anh cũng đều ngạc nhiên sửng sốt: - những triệu chứng của căn bệnh hiểm nghèo tự nhiên không còn nữa. Anh vẫn thong dong sống, thong dong đi lại, thong dong ăn nhậu, thong dong làm việc... Nên, trong một bữa ăn thân thiết giữa hai anh em, tôi cặn kẽ hỏi

anh về chuyện này, Anh ngó tôi qua những sợi khói thuốc lá bay tản mạn. Một chập, Anh mới kể: "Đau lắm chứ... Tưởng chết được ấy chứ... Nhất là một lần bị đau bất tử ở phi trường... Tôi chịu không thấu, đành nằm còng queo ngay chỗ hành lang... Chết, mặc... Phen này tưởng là gục, là khốn rồi... Nhưng không hiểu sao lại hết... Bữa đó tôi tởn quá, sợ quá...". Thế là Anh có tởn, có sợ. Nhưng chỉ tởn, chỉ sợ lúc đau quặn ghê gớm đó thôi. Còn sau thì "Mặc mẹ nó... Ta cứ ì ra đó... Ta không ngán... hà hà, ta đâu có ngán..." (*"Mỗi lần cơ thể gây thành chuyện. ta lại cùng cơ thể chuyện trò. Dỗ nó chớ gây thành chuyện lớn. Nó nghĩ sao rồi nó lại cho*). Tôi cùng nhấp với Anh ngụm rượu. Liên tưởng đến sự hòa hoãn dễ thương của định mệnh nghiệt ngã, trước sự ù lì ngang ngược của Anh.

Anh vốn là một người vừa ù lì vừa ngang ngược, trước bệnh tật, trước những biến cố dời đổi, trước những nguy nan trùng trùng, và trước những đe dọa bủa vây. Sau tháng tư năm 75, Anh bị những người thuộc phe "chiến thắng" gắt gao săn đuổi. Lệnh truy nã đã được ban hành. Anh là một cái đích cần phải triệt hạ, bằng cách truy lùng khắp Sàigòn - Chợ Lớn - Gia Định và toàn cõi miền Nam. Một may mắn tình cờ đã cứu Anh thoát trong đường tơ kẽ tóc. Đúng lúc công an mật vụ ập vào nơi Anh cư ngụ, thì cũng là lúc Anh vừa ra khỏi nhà. Thế là từ đó, suốt mấy năm ròng rã, Anh phải lẩn trốn ở nhiều địa điểm khác nhau, để khỏi sa vào tay kẻ thù... Anh đã kể lại cho tôi nghe những ngày đen tối ấy. Những ngày Anh phải lủi thủi len lách giữa đám đông trên đường phố ở Gia Định, ở Sàigòn, ở Chợ Lớn... Đầu cúi thấp xuống. Cổ áo kéo cao lên. Đi bộ trên vỉa hè. Ngồi vào xe Lam. Trèo lên xe buýt. Khom mình trên xe đạp... Từ lúc sáng tinh mơ. Từ buổi trưa nắng đổ. Từ buổi chiều mưa phủ nhạt nhòe. Từ đầu đêm nhập nhoạng. Từ giữa khuya hoang vắng... Anh đã cố tự thu mình nhỏ lại, níu mình thấp xuống - mặc tóc rối tung, nuôi râu tua tủa - làm bộ ngờ nghệch, đổi giọng vụng về... để lọt qua những ngày khốn khó, những đêm khốn khó của thập phần nguy hiểm ở giữa lòng thù...

Suốt thời gian cận kề vực thẳm đó, Anh đã được đối diện với tình đời. Đã nhìn rõ được chân tướng của từng người quen, từng người bạn. Đã hiểu thế nào là ý nghĩa đích thực của câu "khi vui thì vỗ tay vào. Đến khi hoạn nạn thì nào có ai"... Có những người quen biết, nhìn thấy Anh, vội vã quay đi. Có nhiều người Anh từng nhiều lần giúp đỡ, gặp Anh lạnh nhạt hắt hủi. Nhưng cũng có những người giàu lòng nhân nghĩa, đã cưu mang săn sóc Anh tận tình. Có những tấm lòng lớn lao cao cả, đã đối xử với Anh như một vị Bồ Tát, như một bậc Hiền Thánh... Ngay cả chuyện đưa Anh ra khỏi đất nước, và cứu Anh khỏi cảnh bắt bớ tù đày, cũng chỉ là một may mắn tình cờ, do chính những người không thân quen tận tình giúp đỡ.

Cũng suốt thời gian mà Anh phải thu mình lẩn trốn màng lưới vây bủa, ở Sàigòn người ta đồn là Anh đã bị bắt. Có nguồn tin còn nói Anh đã bị đưa thẳng ra miền Bắc, để những chóp bu công an tình báo văn nghệ thẩm vấn. Rất nhiều lần tôi đạp xe ngang ngôi nhà của gia đình Anh ở đường Phan Đình

Phùng (ngay trước cửa Toà Tổng Lãnh sự Pháp): Một hai chiếc bàn ọp ẹp, vài chiếc ghế đẩu kê lỏng chỏng ngay chỗ cửa ra vào: Đó là một *quán* cà phê tồi tàn trong hàng ngàn *quán* cà phê tồi tàn khác đang mọc lên như nấm ở một Sàigòn thất thế... Một bữa trời mưa, tôi giả bộ, giắt chiếc xe đạp, rồi đứng đụt mưa dưới tấm ni-lông rách thủng. Trông trước trông sau không có ai, mới hỏi nhỏ cô gái chủ quán. Tôi không hỏi bút hiệu anh mà hỏi tên thật. Người con gái lắc đầu: "Cháu không biết... Chú Q. không còn ở đây nữa"...

Rồi bẵng đi một thời gian rất lâu... Tháng ba năm đó, tốp người vượt biên chúng tôi lênh đênh trên một chiếc ghe nhỏ qua ba đêm ba ngày ói mửa đói khát. Cuối cùng, chiếc ghe èo uột cũng táp được vào một bờ cát ở Mã Lai Á... Rồi chúng tôi được được đưa ra một hoang đảo phía trước là biển, phía sau là rừng... Ngay khi vừa bước chân lên đảo, một anh bạn cũ đã nhận được ra tôi, và câu đầu tiên anh ta nói là: "M.T. đang ở đây này, mày..." Lúc đó, tôi đang vừa rất khát và rất mệt. Nhưng những bước chân chênh chao loạng choạng của một người vừa từ biển cả dẫm lên lớp cát dày đặc mênh mông..., tự nhiên tôi thấy vui và tỉnh táo hẳn... Anh là một trong những người đầu tiên đón tôi ở bên này cõi chết, ở phần đất tự do, ở bến bờ hy vọng. Tôi mừng mừng tủi tủi, nắm chặt bàn tay ấm áp của Anh, nhìn nước da sạm nắng của Anh, nhìn đôi mắt thật nhân hậu, thật từ ái của Anh... "Anh M.T..." Chúng tôi cùng lặng đi, câm im, không nói năng, không bày tỏ một điều gì nữa...

Mãi khi biết rằng tôi chỉ đi thoát được có một mình, giọng Anh vừa ôn tồn vừa ngậm ngùi nói: H. đừng lo... Sớm muộn rồi vợ con H. cũng đi được hết... Bây giờ, trước hết là phải tìm chỗ ở đã". Từ đó, những ngày ở hoang đảo nơi đất khách quê người, tôi đã được gần gụi Anh nhiều hơn. Những sáng Anh gọi tôi đi uống cà phê. Những tối Anh ngoắc tôi tới lều cùng chia sớt với anh vài ngụm rượu. Những buổi trưa nắng cháy, tôi thấy cái bóng lênh khênh của Anh lầm lũi đi ra biển giữa cái nóng thiêu đốt, một mình. Những xế chiều mưa dông nhòe nhạt, vẫn cái bóng Anh lủi thủi trên một chiếc đò nhỏ qua sông... *Ba Tri! Ba Tri!* Có phải tiếng Anh vừa gọi một ông lái đò già người Mã. Anh vừa đi Trengganu trở về. Tay xách vài cái túi nhỏ, và thế nào cũng có một chai rượu... Những đêm sáng trăng ở đảo ("*Con trăng đảo thật gần. Đêm trăng đảo vằng vặc...*"), bên ly rượu sản xuất ở Mã Lai, Anh thường kể cho tôi nghe những ngày ẩn lánh của Anh suốt mấy năm ròng rã. Anh cũng là một-người-anh-đầy-lòng-thương-mến giúp đỡ tôi rất tận tình trong những ngày tôi sống vò võ cô đơn ở đảo. Trước khi rời trại lên Kuala Lumpur để đi Mỹ, Anh để lại cho tôi tất cả những chăn nệm, mùng mền, quần áo của Anh. Cả chiếc bàn và chiếc ghế nhỏ bằng gỗ rừng của Anh, Anh cũng dành riêng cho tôi. Tôi đã ngồi trên chiếc ghế, và viết trên chiếc bàn ấy suốt những tháng ngày chờ đợi mỏi mòn ở hoang đảo.

"*Biển khuất bên kia những vũng lầy. Những cồn cát dãi chói chang ngày. Vượt qua lau sậy đi tìm biển. Chỉ ngút ngàn trưa lưới bủa vây...*". Một buổi sáng, Anh đã từ giã biển. Theo dòng người nườm nượp di định cư, Anh để lại vùng

biển trời mênh mông ấy cho tôi. Và những buổi trưa khi tôi bước lang thang trên những cồn cát mênh mông của vụng biển, tôi vẫn như còn được nghe văng vẳng tên Anh (cả tên thật, hoặc bút hiệu) suốt ngày được đọc ra rả trên máy phóng thanh của trại... (Anh là người nhận được thư nhiều nhất trong số hai chục ngàn người tị nạn sống ở trại). Một lần, khi đi ngang một đám đông đang nằm ngồi phơi nắng ở bờ cát, tôi nghe tiếng một thanh niên nói, xen giữa những chuỗi cười: "Ông này buổi trưa đi biển vẫn mặc quần áo... Còn ông nhà văn kia thì chuyên môn ở truồng chạy tồng ngồng..." Tôi cũng bật cười, nhưng không biết chuyện đó có đúng không? Nếu đúng, tôi mường tượng cảnh mỗi buổi trưa nắng lớn cháy da xém thịt da, Anh phải chạy vượt qua những cồn cát, những đám lau sậy ngút ngàn để đi tìm biển... Và lúc đó, Anh và biển cả đã nhập hòa làm một... Và có gì còn cần phải vướng víu trên thân xác nữa. Bởi tất cả đã là Mênh Mông, đã là Hư Vô, đã là Tịch Lặng... Giữa sợi chỉ mong manh của hiện hữu và hủy diệt, của còn và mất, của có và không, của sống và chết, của tự do và tù đày... Anh đã xoa tay, để *banco*, để đánh một canh bạc lớn, ù lì ngang ngược, đương đầu với định mệnh... Và định mệnh đã chịu thua, bỏ cuộc...

*

Sống tương đối ổn định ở Mỹ rồi, ngay lập tức Anh không bỏ cuộc chịu thua. Anh đã viết, đã sáng tác, đã làm báo trở lại. Ở Seattle. Ở Los Angeles. Ở Orange County. Bàn viết của Anh mở ra không mệt mỏi ở những nơi Anh sống. Và một mảnh đời cô đơn, lặng lẽ, âm thầm vẫn tiếp tục từng phút từng giờ. Và một ưu tư nhàu đau gió bão vẫn không ngừng in hằn những đường rãnh sâu thẳm trên đài trán mênh mông của Anh. Sống âm thầm nhưng đời sống ấy rất đẹp. Viết lặng lẽ nhưng ngòi viết ấy vẫn là ngòi viết chừng mực nghiêm túc. Làm việc nhẫn nhục nhưng là những việc làm chuyên chở đầy ắp tình người. Theo chủ quan tôi, Anh là một nhà-văn-hàng-đầu, một nhà-văn-đàn-anh, một nhà-văn-có-trái-tim-nóng-hổi-và-cái-nhìn-tinh-tế, có-những-suy-tư-lớn-rộng-và-có-tấm-lòng-quảng- đại-khoan-dung...

Tuy rằng, đã hơn một lần, Anh bị mọi người ngộ nhận. Bởi những thái độ ngạo mạn và những lời nói khinh bạc của Anh. Lúc bình thường, Anh rất nhỏ nhẹ, hiền hòa, dễ thương, chu đáo... Nhưng khi cơn-buồn-ghê-gớm đã đến (nhất là khi đã ngà-ngà-say-ngấm rồi), thì Anh không còn hiền hòa, không còn dễ thương, không còn nhỏ nhẹ nữa. Anh hay có cái lối (mà các cụ ngày xưa thường gọi là nói đâm-ba-chẻ-củ. Thích nói những lời xóc óc ngang ngược, để người đối thoại phải mất hứng hay bực bội. Khi nhắc đến một người nào, hay khi thảo luận về một chuyện gì, những lúc đó Anh đều muốn "trên chân, hơn nước" người khác. Anh cong ngón tay trỏ, chỉ chỉ rồi lớn tiếng: "Để yên... Để yên tôi nói... Cái đó, cái thằng đó..." Và những gì Anh đã nói, đều muốn mọi người chung quanh Anh phải đồng ý, phải chấp nhận,

phải tin tưởng là đúng... Có nhiều lúc Anh có lý. Nhưng cũng có rất nhiều lúc khác, Anh sai. Anh thì không bao giờ công nhận cái sai của mình, nên cứ "cả vú lấp miệng em" nó tràn cung mây... Thường thường kẻ đối thoại chỉ im lặng. Một phần vì "không muốn to tiếng làm gì", nhất là giữa đám đông, hoặc ở nơi ăn uống. Nhưng sự im lặng của người đối thoại, chỉ làm cho Anh nổi hứng thêm. Thế là Anh nói, liên chi hồ điệp. Bằng những lời lẽ của một người đang say men chiến thắng, Anh làm kẻ đối thoại tối tăm mặt mũi, và chỉ còn nước "cười xòa". Nhưng đó là gặp những người *hiểu* Anh và *nhịn* Anh được. Chứ nếu gặp phải người *không hiểu* Anh và *không biết nhịn* Anh, lại thêm tính hung hãn thô lỗ, thì chuyện không đẹp có thể xảy ra. Một thái độ chống đối hay một câu nói hỗm hào chẳng hạn, để rồi không khí trở nên nặng nề, căng thẳng, đôi khi thành điều ân hận cho gia chủ hay cho người tổ chức. Ngoài ra, *sự khinh bạc trong lời nói* của Anh rất làm buồn lòng nhiều người khác. Anh hay có lối *phê bình nghiêm khắc* một người vắng mặt. Chẳng hạn nhà văn X, hay nhà thơ Y, hay đạo diễn Z, được nhắc đến. Thì bao giờ, một trăm cũng như một nghìn lần, Anh đều lên giọng kẻ cả: "Thằng X ấy à. Nó thì cũng được, nhưng văn nó thường thôi. Thường lắm..." Hoặc: "Thằng Y ấy à... Thơ nó tàm tạm, nhưng nó chẳng ra cái gì... Bây giờ nó làm báo lại viết những bài bẩn thỉu. Nó chấm ngòi bút vào bãi cứt" Hoặc: "Ai chứ thằng Z, phải để tôi nói. Cái thằng Z là thế nào? là cái thằng không ra gì cả... Lúc nào cũng sống lẩn quẩn với những con đàn bà..." Người đối thoại với Anh thường chưng hửng ngạc nhiên, vì không hiểu tại sao Anh lại có ác cảm với nhà văn X, nhà thơ Y, nhà đạo diễn Z đến thế. Phần tôi, hơn một lần tôi, tôi không hiểu những nhận xét và phê phán của anh có đúng đắn không? Có khách quan không? Có sự thông cảm không? v.v... Nhưng có điều, tôi chưa hề thấy Anh *khen* một người nào, khi người đó vắng mặt, (trừ một vài người bạn thân và một vài người trong nhóm của Anh). Thoạt mới đầu, nghe Anh nặng lời chê bai người khác, tôi thường có sự bất nhẫn ở trong lòng. Tôi nghĩ nếu "bản tính" của Anh đúng là như vậy thì buồn quá. Anh không còn xứng đáng là một trong những con chim đầu đàn, hay đúng hơn, không còn xứng đáng là một người-anh-khả-ái-và-khả-kính của chúng tôi nữa. Nhưng, thật may mắn, một thời gian sau, khi được đọc *những dòng Anh VIẾT* về nhà văn X, nhà thơ Y, nhà đạo diễn Z v.v..., trong một dịp nào đó, thì mới thấy được cái lòng quảng đại, sự khoan dung và tính khách quan độ lượng của Anh, đối với những người này, khi Anh VIẾT về họ. Điều này, khiến chúng tôi rất hởi dạ yên lòng. Bởi vì, khi Anh đã đặt bút VIẾT về một người nào, thì dù người đó là người đã từng công kích, chê bai, hằn học, xuyên tạc, hoặc nặng lời hỗn xược với Anh chăng nữa, Anh vẫn VIẾT về họ bằng những điều rất tốt đẹp, rất tử tế, và rất chân tình.

Ngoài ra, Anh luôn luôn và mãi mãi là một người khẳng khái cương nghị. Chơi với ai, dù người đó thuộc loại quyền thế hay giàu có thế nào, trước sau, Anh vẫn giữ vững cái bản chất chính trực của một kẻ sĩ - uy vũ bất năng khuất.

Một lần, hai anh em chúng tôi có dịp dùng bữa với một ông nọ. Thay vì chuyện trò thân thiết hòa nhã với chúng tôi, thì ông lại cứ hiu hiu tự đắc khoe khoang về cái thế-lực-đang-có của mình. Anh có vẻ rất giận và rất buồn, nhưng Anh tự kiềm chế được, nên chỉ ngồi lặng lẽ uống rượu và hút thuốc. Mãi đến khi ông nọ bực bội cáu kỉnh về câu nói "quay lại 180 độ" của một người trong bàn ăn, thì Anh mới nghiêm khắc nhìn ông nọ: "Thôi anh đừng có dối gạt anh em làm gì. Có hay ho gì cái chuyện anh đã làm... Nó phản bội lại những người từ trước đến nay vẫn đứng chung chiến tuyến với anh. Vả lại, cái đám mà anh muốn lên tiếng để giúp đỡ họ qua lúc khó khăn này, thì họ vẫn chỉ là cái đám chẳng có gì tử tế, chẳng có gì tốt đẹp. Cái chế độ hà khắc đó đối với chúng tôi chẳng bao giờ có thể chấp nhận được... Vậy thôi..." Ông nọ bẽ mặt. Không còn dám huênh hoang khoác lác nữa. Và lúc bữa ăn tàn, ông ta hầm hầm ra xe, không thèm chào hỏi bắt tay ai cả...

*

Tối nay, một buổi tối cuối năm, Anh, nhà thơ Du Tử Lê và tôi, ba người kéo nhau đến một quán ăn nhỏ. Đĩa tiết canh vịt tươi mát. Những lát thịt bê thui trộn thính đậm đà. Những miếng bánh tráng khô ròn. Những viên đậu phụng rang bùi ngậy. Rượu đậm màu lanh canh tiếng đá trong ly Anh. Rượu pha thêm soda của tôi. Ly soda có vài-giọt-rượu-tượng-trưng của Du Tử Lê... Gần hai tiếng đồng hồ, chúng tôi đã hàn huyên ăn uống, và trao đổi với nhau những câu chuyện về anh em bè bạn. Biết tính Anh, chúng tôi cố tránh những chuyện gì có thể khiến Anh phải lớn lời to tiếng. Lúc tôi vô tình hỏi thăm sức khỏe và tuổi Du Tử Lê, Du Tử Lê vui vẻ trả lời. Anh gườm gườm ngó chúng tôi và phang một câu lãng xẹt: "Hỏi tuổi nhau làm cái đếch gì. Tuổi với tác chán bỏ mẹ. Sống ngày nào thì sống, thế thôi..." Tôi và Du Tử Lê nhìn nhau cười kín đáo... Ít phút sau, lại một vô tình khác, tôi nhắc đến tên một nhà thơ vắn số vừa mệnh một tại quê nhà. Một giây phút câm im, chúng tôi như cùng ngậm ngùi nghĩ đến người quá vãng. Anh châm điếu thuốc, rồi có một vài nhận xét hơi khắc khe về nhà thơ này. Du Tử Lê và tôi, dù không bảo nhau nhưng cùng vội vàng chuyển qua chuyện khác, để giữ được lòng tôn kính riêng đối với người đã khuất.

Ngay lúc ấy, ở bàn bên cạnh, mấy thực khách trẻ nói với nhau về cuộc biểu tình được tổ chức ngày mai ở trung tâm thành phố. Anh lẳng lặng lấy ngón tay khoắng mạnh vào ly rượu. Tiếng những cục đá nhỏ chạm vào thành ly kêu lanh canh... Từ đấy, tôi thấy Anh không ăn gì nữa. Từng điếu thuốc tiếp nối những điếu thuốc. Một lúc thật lâu, giọng Anh chậm rãi đục lờ men rượu. Anh nói thái độ chống đối đó là một thái độ cần phải có của những người đã bỏ nước ra đi vì không chấp nhận một chế độ độc tài vẫn còn tồn tại ở quê nhà... Anh bày tỏ bằng những lời thật tích cực, thật thiết tha, đôi lúc mới nghe như hơi quá khích... Nhưng chính giây phút ấy, nhìn đôi mắt tuy mỏi mệt buồn bã, nhưng vẫn long lanh cương nghị của Anh, tôi mới hiểu được cái tấm lòng thủy chung đôn hậu của một nhà văn chân chính đối với Quê Hương,

Dân Tộc... Nhà văn đó luôn luôn và mãi mãi đứng về phía những người dân khốn khổ, những người dân bị bạo quyền áp bức bóc lột - những người dân cơm không đủ ăn, áo không đủ mặc, thuốc không đủ uống - vẫn ngày nối ngày phải sống nhục nhằn ê chề trong một cảnh trạng tối tăm...



Tôi lái xe đưa Anh về, con đường đêm mở ra hun hút giữa những tầng sương mù dày dặc. Trong lòng xe tối, tôi nhìn thấy hai cánh tay khẳng khiu gầy guộc của Anh - loang loáng qua ánh đèn phản chiếu - như đã quắt queo lại dưới tấm áo len rộng mỏng. Sau những tiếng ho khúc khắc, Anh vẫn không ngừng lặp đi lặp lại câu nhói nhỏ nhẹ như một lời than van: "Tội cho họ biết là chừng nào... Tội cho những người dân Việt nghèo đói chớ... Họ cứ khổ hoài, khổ hoài... bao nhiêu năm, bao nhiêu thế hệ rồi. Hết chế độ này đến chế độ khác... Chẳng chế độ nào làm được cho người dân sung sướng cả. Chế độ nào cũng toàn những bọn tham lam ngu dốt... Chế độ nào cũng toàn mnột lũ đối xử với người dân chẳng ra gì...

Chiếc chìa khóa nhỏ được móc ra từ đáy túi. Giơ lên run rẩy dưới ánh sáng của ngọn đèn nhỏ lờ mờ... cuối cùng mới trúng ổ. Cửa mở: Vẫn là một căn phòng cô dơn lạnh lẽo. Mùi ẩm mốc của những gờ tường như mùi củi mục giữa lòng đêm. Anh loạng choạng bước vào. Đèn phòng bật sáng. Những kệ sách đầy kín. Những bức tranh, những khung hình thờ ơ, câm lặng... Chợt, bàn tay trái của Anh xô mạnh đống giấy tờ bừa bộn. Anh mất thăng bằng, té ngã bổ ngửa ngay trên chiếc ghế dựa chỗ bàn viết. Tôi hơi hoảng hốt, đỡ Anh lên. Một thân thể nhẹ hẫng, gầy còm, rã rượi... Tôi dìu Anh đến bên chiếc giường nhỏ, và lo âu hỏi: "Anh có sao không, Anh? Chỗ đầu của Anh có việc gì không?" Anh gượng gạo kéo lại tay áo, rồi trả lời dấm dẳng: "Không sao hết... Ngã thế đã ăn nhằm gì... chết mẹ nó đi được, cũng chẳng sao..." Tôi thật tâm ái ngại: "Anh lớn tuổi rồi, phải cẩn thận. Ở một mình mà lỡ té ngã là nguy hiểm lắm... " Anh vẫn ngang ngược, gạt đi: "Nguy hiểm cái đếch gì. Không sao cả... Bao nhiêu người còn khốn khổ hơn mình nhiều..." Tôi đứng lặng nhìn Anh. Phút giây, tôi ứa nước mắt. Chưa bao giờ tôi thương anh cho bằng phút này. Dù rằng từ trước đến nay, đã hơn một lần, tôi xót xa ái ngại cho Anh: Hồi ở trại đảo. Buổi trưa nhìn Anh thất thểu đi ra phía biển. Buổi sáng thấy Anh trèo lên xe buýt rời trại đảo đi Kuala Lumpur. Rồi những đêm khuya đưa Anh về: Ngôi nhà của bà con anh với hàng hiên tối thẫm. Cái dáng Anh đi nghiêng ngả trên lớp cỏ sương - căn phòng ở lầu hai Anh lưu ngụ bây giờ. Cái bóng lênh khênh dẫm hụt hẫng lên chiếc cầu thang u ám... Những phen anh ngả ngớn say. Cái giọng lè nhè khê đặc của Anh khi lưỡi Anh đã líu lại...

Ngước nhìn lên bức chân dung Anh qua những vết cọ của họa sĩ K.T., lòng tôi như hơi se lại, vì thấy cái-nhìn-trong-tranh-của-Anh sao buồn thảm quá.

Cái nhìn ấy vừa đớn đau vừa tuyệt vọng, như cái nhìn của một con-người-đã-đánh- mất-hết-cả, kể cả Tình Yêu, Gia Đình, Bè Bạn, Xứ Sở, Quê Hương... Anh có phải là một người đã đánh mất hết như thế? Tôi không hiểu được. Kể từ những ngày mới lớn của Anh ở thành phố Nam Định, những ngày mới vào đời, rồi lăn lộn với đời ở Đồng Quan, Hải Âu, Khu Tư, Khu Năm... Những ngày đi kháng chiến. Những ngày sống với văn chương chữ nghĩa và chiếm lĩnh một đỉnh núi khá cao của lãnh vực này. Những ngày mang trọn vẹn trái tim, tấm lòng, tài năng, trí tuệ ra để cùng một số anh em thổi một luồn gió mới đầy chất khai phá vào văn học nghệ thuật... Trọn cuộc đời Anh, Anh mang nỗi cô đơn khốc liệt của một con người chối từ hết thảy những gì thuộc về hạnh phúc nhàm chán. Và trọn cuộc đời Anh, Anh đã sống tự do phơi phới như những ngọn cỏ biếc mùa xuân...

TUẤN HUY
2/1994

* Những đoạn thơ trích dẫn trong bài này là của Mai Thảo.



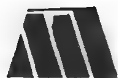
PHỐ THỊ NGỌC NI

rót hệ lụy

Gởi Mai Thảo

tháng này rót rượu mừng
em
rót câu lục bát xuống thềm nhân gian
rót thêm
sóng sánh đôi hàng
đãi người chữ nghĩa bình an tuổi rày
rót chơi
vài ngọn gió bay
cho phôi phai nỗi tháng ngày
hoài hương
rót hệ lụy xuống văn chương
năm mươi năm
khởi từ phương quê nhà

PHỐ THỊ NGỌC NI
(2/94)



HỒ ĐÌNH NGHIÊM

rượu, chưa đủ



Ở trong một số báo *Văn* cũ, có in lại bài thơ của Thanh Tâm Tuyền mà tôi rất yêu thích. "Bài Nhớ Thi Sĩ" là cái tựa đề, ở dưới ghi hàng chữ: Nhớ già Ung (Guiseppe Ungaretti). Gửi Mai Thảo.

Bài thơ hay. Khó giải thích sự cảm nhận và cũng không nên lạm bàn quanh co. Tác giả *Thơ Ở Đâu Xa* đã gặp gỡ vị thi sĩ người Ý kia chưa, đó cũng chẳng phải là điều đáng thắc mắc. Tôi nhìn hàng chữ "Gửi MT", mường tượng ra hình ảnh một ông già khác, chắc cũng không kém phần đặc biệt so với già Ung?

Cả hai ông già, kẻ phương Tây người phương Đông, tôi đều chưa có cơ may gặp gỡ. Mặc dù ông già thứ hai, một ông đông-phương-bất-bại, dựng lại được một "bàn viết lữ thứ" ở bến bờ Cali, thì nghe như có cái gì thật gần gũi, thật thân quen... thật thiếu sót nếu như không hề một lần được đối mặt.

Rượu, chưa đủ. Đó là tên gọi một cái truyện ngắn của nhà văn Dương Nghiễm Mậu tôi đọc trên xe lửa từ Montréal đi giang hồ vặt lần đầu sang Virginia. Rượu, chưa đủ, theo như Mai Thảo, là những trang bản thảo của một người viết trẻ bị vất vào đáy sọt rác ở một tòa soạn báo bạn, ông nhặt về đăng trên tờ *Sáng Tạo* không sửa một dấu phẩy và là người sớm nhìn ra ở đấy cái lấp lánh sáng của một hạt ngọc.

"Rượu, Chưa Đủ" quá ngắn đối với đoạn đường dài. Tuy nhiên, những nhân vật trong truyện đã ùa ra, giúp tôi giết đi cái khoảng trống lắc lư; lấp đầy một nửa đoạn thiết lột ầm ì cái điệp khúc tẻ nhạt. Nửa còn lại, là cái hình bóng hư thực của Mai Thảo luôn khuấy động trong trí khi muốn nhắm mắt dỗ một giấc ngủ không hề tới giữa một chuyến đi vội vã sớm nghe ra sự mỏi

mệt.

Cảnh sắc bên ngoài cửa sổ chạy dạt lui. Những cụm rừng mùa thu vàng rực màu lá như đám cháy phực lửa lưng chừng giữa khoảng không. Những vách núi dựng đứng mà đá xanh tuồng như biết khóc, ẩm ướt hàn khí. Những mặt hồ rộng thoáng đang dâng khói sương mù mịt. Những bầy chim di bay về đâu mà vẽ lên trời xanh một nét cọ run rẩy... Tất cả, với tôi, đều dẫn tới cuối cùng một tâm thức: lạc lõng, quạnh quẽ, lẻ loi. Những trang viết đều đặn trên mục sổ tay của tạp chí Văn cũng tựa thế. Ông Mai Thảo đã vun quén, đã rào ngăn cái vùng đất ấy thành ra một cảnh thổ riêng. Có bốn mùa, có năm châu bốn bể, có chuyện người chuyện ta, có sum vầy có lìa xa... Nhưng tựu trung, cái bề trái nằm ẩn mặt sau những hàng chữ giàu có chất thơ kia luôn dẫn người đọc vượt qua cái dấu chấm cuối cùng để chạm mặt với phân vân, buồn bã, dùng dằng, tịch lặng. Là bức tường in vào đó cái bóng gầy như một ý thơ của Mai Thảo.

Hai ba người mặc đồng phục xanh nước biển băng qua những toa tàu. Dáng dấp to lớn, dềnh dàng. Và đôi mắt họ dừng tới đâu thì dường như gửi theo đó chút tra vấn. Tôi đưa cho họ xem tấm căn cước bọc nhựa của một thằng công dân Canadien.

- Mày tới đâu?
- Washington D.C.
- Làm chi ở đó. Lâu, mau?
- Khoảng độ hai ba hôm. Tao đi thăm một người anh.
- Cám ơn.
- Không có chi.

Chỉ thế thôi. Giản dị. Chẳng có gì nhiêu kê cả. Và Mai Thảo chính là cái nhà ga cuối cùng, là trạm đổ sau chót, là "một người anh tôi muốn thăm" như câu nói tiếng Pháp đã trình bày với cảnh sát biên phòng Gia Nã Đại.

Buổi tối, tại tư gia Phó Ngọc Văn nằm trên "đồi gió" có buổi tiệc rượu. Tôi không là tửu đồ, nhưng bàn tiệc ê hề tràn đầy đêm hôm ấy khó làm người ta cưỡng chống một cơn say. Say với những khuôn mặt cầm viết chỉ mới đọc thơ văn họ trên báo mà chưa được nhìn tận mặt. Mệt mỏi, bụi đường xin trút bỏ xuống ở ngoài cửa. Bước vào, lòng mềm ra với những tiếng cười rộn rã, ấm cúng. Khi nghe giới thiệu, một ông già da ngăm đen tay cầm cốc rượu khật khưỡng tiến tới: "*Ối dà, cái bọn nhà quê ở bên Canada cũng vừa mò tới à?*". Da mặt ông có nhiều nếp nhăn. Là cái đầu tàu chạy mãi trên cái đường rầy chưa hề có gián đoạn, dừng chân. Giang hồ và phong sương. Trán cao, tóc thưa, răng rụng đã nhiều và không có ai chửi thề nghe sướng tai cho bằng: "*Đừng gọi tao là nhà văn lớn. Lớn cái đếch gì?*". Trong toàn thể câu nói, chữ "đếch" là nhãn tự, rất đắc địa. Thành ra chữ ấy được kéo dài ra, lên giọng cao, nghe thống khoái. Đó là giây phút đầu tiên tôi gặp Mai Thảo. Và quả thật, tối đó tôi là một đứa nhà quê chóng say hơn ai hết.

Tiệc rượu tàn. Người vẫn thường đăng những truyện ngắn của tôi trên

Văn tục bản ở hải ngoại vẫn còn ngồi yên với những hàng ghế trống. Cổ rụt xuống trên vai gầy, ly rượu chẳng bao giờ vơi được bao phủ bằng những ngón tay dài, tài hoa. Những ngón tay đã cầm viết tạo dựng được trên dưới sáu mươi tác phẩm (ông ấy rất ghét dùng chữ "tác phẩm"). Và chính nhân dáng ông, cũng đã tạo ra quanh ông, nổi bật sự cô đơn vây bủa.

*

- Cuối cùng rồi anh cũng sang cái xứ nhà quê này.

- Tôi sang nhiều lần rồi chứ. Bọn chúng nó dắt cho đi xem những kỳ quan. Ừ, thì cũng có đẹp đấy. Nhưng mà rượu đâu, hãy mang ra đi chứ. Kỳ quan với lại thắng cảnh thì cũng chừng mực nào đấy thôi. Ngó làm cái đếch gì.

Montréal đang giao mùa. Thu như thu ở Virginia năm nào đã rời đi. Chúng tôi vào một quán ăn chịu khó mở cửa tới sáng đêm để tránh những con gió se lạnh khởi đầu cho một mùa đông có tiếng là khắc khe, hung dữ. Bước đi của nó chậm rãi nên lộ trình nó qua dây dưa tới những sáu tháng. Nó đang tới và chúng tôi co ro bước lên những bậc cấp của một nhà hàng Tàu, củi lửa và khói bốc từ một chảo đồ ăn vùng nhiệt đới thơm tho chào đón. Trong đầu tôi hiện ra một cái nhản rượu: ông già chống gậy. Chẳng hiểu tại sao? Người của *Sống Chỉ Một Lần* đang là một ông già, nhưng bước đi vững chãi đó mãi mãi từ chối một cây gậy cầm tay.

- Cậu nhớ viết cho *Văn* số Xuân một cái truyện ngắn.

- Dạ vâng.

- Cậu đã ra được cuốn nào chưa? Một thằng nhà văn đừng bao giờ coi nặng chuyện phải in cho kỳ được một vài cuốn sách. Có thì tốt bằng không thì cũng chả sao. Mình sống với văn chương bằng cả tấm lòng, chỉ chừng ấy là đã đủ.

Phạm Nhuận gọi đồ ăn. Anh bồi bàn nghiêng mình một bên lễ phép thưa gửi "tài lũ".

- Tài lũ cái đếch gì. Nó làm như bố người ta không bằng. Anh ăn cái này, anh ngủ một tị cho khỏe... Ối giời, sợ, sợ lắm!

Mọi người cùng cười. Cười luôn đi trước tâm sự. Có cởi mở rồi mới đụng tới được những hàn huyên thân tình. Khởi đầu bằng Hồ Dzếnh và chính Hồ Dzếnh đã khuyên chớ dẫm chân vào con đường văn chương. Nhưng không nghe, trái lại còn hăm hở nữa. Kết quả là cái sự dấn liều ấy là một quyết định đúng đắn. Ai cũng ngầm hiểu, ông và nhóm *Sáng Tạo* đã đưa văn học Việt Nam bước ra một khung trời mới, cách ly khỏi ảnh hưởng của *Tự Lực Văn Đoàn*. Gần Mai Thảo như tiếp cận với một cuốn sách đồ sộ. Giở số trang 1976 là bắt gặp một đoạn văn mưa bão đầy u ám. Lật vội qua trang sau là chuỗi ngày lưu đày trốn chạy trên chính quê hương mình. Giở lui thì bắt gặp cái thời *Đêm Giã Từ Hà Nội*. Giở tới thì nhìn ra *Hồng Kông Ở Dưới Chân*. Từ trang 1994 là bước qua chương tương lai. Ở đó khẳng định một điều: *Lưu*

vong là lưu vong mãi. Đã mang phận phải ra đi thì nên đi luôn, chẳng muốn về. Không về là vì tâm không muốn về. Thế thôi.

Mọi người cùng ăn, ông thì không. Lại lập luận, *cái bao tử nó không đòi hỏi thì cứ để mặc nó, tôn trọng nó, và đã thành thói quen. Cái uống thì lại khác*... Ông cười, "vô" hết một ly khác. Thuốc Winston đốt lên điếu mới mặc dù ở cái gạt tàn hẳn còn nửa điếu cháy dở. Khói thuốc mơ màng: *Điều tôi vẫn tiếc là chưa được uống rượu với ông Tản Đà...*

Ông già Mai Thảo ở chơi với bọn "nhà quê" được một tuần. Đón có Luân Hoán, đưa tiễn có Phạm Nhuận. Trời mưa lai rai và gió cuồng thảng hoặc những đêm tối trời. Một tuần, có khi nghe ông nói tiếng Pháp lưu loát, có khi nghe chậm rãi tiếng mẹ đẻ rót xuống bàn rượu những tâm sự đắng lòng. Có khi thấy phong độ, có lúc nhìn ra một cơ thể đang hồi suy nhược, mệt mề. Tạp chí *Văn* mỗi lúc một đi xuống, điều ấy có phải do nơi tuổi già của người trông coi? Không, chẳng phải thế. Lỗi ở bọn trẻ, lỗi ở tôi và những người đóng góp bài vở. Tôi nhớ lời ông nói: *Thế hệ của bọn cậu không có được sự may mắn. Thời ấy, sinh viên học sinh vẫn kẹp giữa sách vở những cuốn* "Để Tưởng Nhớ Mùi Hương", "Mười Đêm Ngà Ngọc". *Bọn tôi sống hẳn với văn chương và viết truyện chẳng hở tay.*

May mắn? Bất hạnh? Quả có thế. Không có gì kỳ cục hơn khi ta ném một hòn sỏi xuống hồ, quăng mạnh tay, rớt xuống, chìm lỉm; mà mặt nước vẫn tịch lặng chẳng hề xao động một gợn sóng đồng tâm lăn ra.

Ông già Mai Thảo về lại Cali. Nhớ lời ông, tôi ngồi viết truyện cho *Văn* giai phẩm Xuân với một cõi lòng trống vắng. Đây cũng là một điều kỳ quái khác. Nói như Mai Thảo: *Xuân cái đếch gì khi nhìn ra ngoài trời toàn cả băng tuyết!* Cái ô vuông cửa sổ tựa như một tờ giấy trắng. Để cho nó sạch sẽ như thế hay vấy bẩn vào đó những hàng chữ không thật lòng, run rẩy, lạnh lẽo? Ừ, viết thì viết. Một lời đã hứa thì cố mà hoàn tất. Ông Mao Trạch Đông đã từng nói: Các đồng chí chiến sĩ trên mặt trận văn hóa quý mến, bổn phận của các đồng chí là sáng tác cho thật nhiều, thế nào trong số lượng đông đảo ấy ta cũng phải nhặt ra một tác phẩm có giá trị...

Chuông điện thoại reo:

- Đang làm cái gì thế?
- Đang bóp trán.
- Viết truyện đấy à?
- Phải.
- Ngồi vọc máy chữ sướng hay ngồi nhậu với anh em sướng?
- Còn phải hỏi.
- Thay áo quần đi. Ta lái xe tới đón liền khi.

Tôi không phải là tửu đồ. Điều ấy đã có nhiều người "thị thực chữ ký". Nhưng mà chén chú chén anh thì vẫn thích hơn là đầu óc đã quên khuấy hình dáng cây mai hoa vàng mà phải cố hồi tưởng để vẽ ra giấy, còn thêm rồng vẽ rắn bánh chưng pháo đỏ lì xì tống cựu nghinh tân.

Ông Mai Thảo đi rồi, bàn rượu có vẻ trầm mặc, như thiếu một cái gì. Bạn hãy để mặc tôi, đừng thắc mắc, hãy uống những thứ mà bạn thích. Cordon bleu, X.O...

- Thế trà đá chanh đường chăng? (chữ của KT). Không, đâu mà tệ thế, cho tôi xin một ly Martell. Tôi muốn bắt chước thi sĩ Thanh Tâm Tuyền để uống nhản rượu này mà nhớ già Mai Thảo.

Rượu? Chưa đủ. Nhớ Mai Thảo là nhớ hai câu thơ của Bùi Giáng mà ông thích: "*Mùa Xuân phía trước, miên trường phía sau*". Là mỗi khi nhận báo *Văn* với hàng chữ viết tay quen thuộc ngoài phong bì, trong trí tôi vẫn luôn hiện lên hình ảnh một đám mây. Nhiều màu, rực rỡ, bay dạt qua cái bầu trời nhỏ bé của văn chương Việt Nam. Nó che nắng, nó tạo mưa rồi trôi tới một phương trời rộng rãi khác. Một đám mây cô quạnh, bềnh bồng, thong dong, lạc loài trên vùng đất viễn xứ.

Tôi không là tửu đồ. Đã đành. Nhưng rượu, biết uống mấy cho vừa, cho nguôi ngoai hở ông nhà văn không thích được gọi là lớn?

HỒ ĐÌNH NGHIÊM



DU TỬ LÊ

mai thảo, ở tôi, 1993

thì cũng thường thôi! chậc! cũng thường
thường như ông? - Hử? - một mình ông
gùn ghè chiếc bóng - ông và bóng
bay bổng càn khôn! chậc! cũng thường

DU TỬ LÊ
Virginia 12. 93.



LÊ THỨ

mai thảo ... và ở một chỗ lẽ ra tôi không nên gặp ông.



Nhân *Hợp Lưu* ra số đặc biệt về nhà văn Mai Thảo, tôi muốn ghi lại vài cảm nghĩ riêng tư về ông, một nhà văn trong một chừng mực nào đó, cùng với nhóm *Sáng Tạo*, đã một thời ảnh hưởng đến tôi. Và mãi cho đến những năm tháng gần đây, như một ngẫu nhiên, hình bóng Mai Thảo lại ẩn hiện xa gần trong một số buồn vui trong cuộc sống của tôi nơi xứ người, đúng vào cái tuổi bắt tôi phải nhìn lại mình, nhìn lại cuộc đời. Cái tuổi khiến tôi dễ xúc động hơn về những vui buồn của những người thuộc thế hệ cha, anh tôi mà tôi còn may mắn sống cùng. Mai Thảo thuộc thế hệ đó.

Một điều chắc chắn là dù những điều tôi sắp viết ra đây đúng hay sai, nên hay không nên nói ra, tôi biết tôi sẽ viết bằng sự chân thành và trân trọng có thể có được đối với Mai Thảo.

*

Trong một thời gian dài tôi không ưa và không đọc Mai Thảo. Đó là sau khi tôi đọc quyển *"Viên Đạn Đồng Chữ Nổi"* của ông.

Trong khi, trước và mãi sau đó khá lâu, tôi vẫn đọc và ưa thích một số người viết "di cư" ở trong hoặc ngoài nhóm *Sáng Tạo*. Vài vị trong số những người này tình cờ còn là thầy học của tôi. Thầy Thanh Tâm Tuyền dạy tôi Quốc Văn năm đệ tam. Quốc Văn lớp tam B thì coi như chuyện phụ. Vậy mà lũ chúng tôi, lớp toàn con trai ở một trường do các linh mục chủ trương, lại

rất mến thầy. Ông thầy trẻ, tóc móng ngựa, hay mang săngđan màu đen. Bề ngoài không khác lắm mấy cậu học sinh, sinh viên ở trại học sinh di cư trên đường Lê Đại Hành, Phú Thọ, lúc bấy giờ. Hơn thế nữa, đôi lúc tôi thấy thầy giống một chủng sinh. Thầy rất nghiêm. Chúng tôi nghe bài giảng của thầy T3 (thầy ký như vậy trên một số bài làm của chúng tôi) như nhìn qua "một cánh cửa, hai cánh cửa" mở ra những khung trời khác, khác cái thế giới toán lý hóa của chúng tôi. Với cái tuổi thiếu niên của tôi, thầy là một người rất "lạ".

tôi gọi tên tôi cho đỡ nhớ

Và như vậy đủ để tôi khoái thầy. Cũng lâu lắm rồi tôi không có dịp đọc tác phẩm của thầy T3. Hình như sau tập *Cát Lầy...*

Thầy Lê Huy Oanh, tóc dài, chải mượt. Dù không biết công tử Hà Nội dung dạng ra sao, tôi cứ gán cho thầy cái "nhãn hiệu" ấy. Thầy dạy Anh Văn. Sau này cứ có dịp suy ngẫm lại cái dốt Anh văn của mình, tôi hay đổ thừa tại thầy Oanh. Có lẽ cũng oan cho thầy. Nhưng trong tất cả các ông thầy dạy tôi bảy năm Anh Văn trung học, tôi chỉ nhớ về thầy rõ nhất. Thầy bị oán vì tôi thích thầy, đành vậy. Hồi ấy, chúng tôi, ít ra là riêng tôi, lại "mê" thầy đến độ. Ở tuổi 15, 16 nghe ông dịch từng đoạn thơ Roméo Juliette mượt mà, với những *"tình nương ơi, tình nương hỡi"*, thì làm sao không ngẩn tò te? Và cứ thế, một năm học Anh văn của chúng tôi đi đoong, bù lại bằng cái vốn mộng mơ thầy Oanh truyền cho, khơi dậy, đến giờ còn đeo đẳng. Thầy Oanh còn dạy (chúng) tôi một triết lý về cuộc sống đáng nhớ. Thầy bỏ khá nhiều giờ lên lớp để dịch cho chúng tôi nghe chuyện anh chàng sáng mắt (tên là Nunez thì phải) lạc vào xứ người mù, và bị bắt làm nô lệ. Một phản chứng đanh thép cho câu nói cửa miệng người đời: *"Trong xứ người mù, anh chột làm vua !"*. Nhìn lại, học được từng đó thứ từ một ông thầy, trong chín tháng ngắn ngủi của đời người, tưởng cũng là quá đủ. Lũ chúng tôi đã chẳng học mót đâu đó câu *"sách vở ích gì cho buổi ấy"* là gì? "Buổi ấy" là cái buổi mà một số người lớn trong gia đình tôi bắt đầu thì thầm về một cơn giông tố đang kết tụ, sau khi các cuộc hiệp thương, rồi bầu cử nói tới trong hiệp định Genève đã không xảy ra. Những lo sợ về một giai đoạn đẫm máu đang tới. Năm 1959 đang nặng nề đi qua, và năm 1960 nhiều biến động đang đến.

Trong suốt thời kỳ ấy và sau nữa, Mai Thảo là tên tuổi đàng sau nhóm *Sáng Tạo*. Không đọc ông, nhưng tôi vẫn "nhìn thấy" ông sừng sững ở đó.

*

Nhà văn Mai Thảo, con người bằng xương bằng thịt, thì chỉ mãi về sau này tôi mới được gặp, ở Mỹ. Ngày trước, đọc một số truyện ngắn của ông, tôi cũng hơi thích. Với chú thanh niên đang lớn là tôi, ông có một cách viết tiếng

Việt rất lạ, rất bóng bẩy. Rồi quyển *"Viên Đạn Đồng Chữ Nổi"* ra đời. Tôi mua quyển sách, giống như mua mọi quyển khác cùng loại, do nhà *Văn* xuất bản thường kỳ. Phải nói là tôi rất "uất hận" khi đọc tác phẩm ấy của Mai Thảo. Hoàn cảnh sinh ra và lớn lên của tôi, trong đó có dấu ấn khá sâu của cuộc kháng chiến chín năm đánh Pháp, đã đặt tôi vào cái tâm trạng của những người sống bên kia mũi súng của anh sĩ quan đóng đồn trong truyện của Mai Thảo. Những con người thật thiết thân, rất thật và hết sức yêu thương của tôi như lẫn khuất đâu đó sau đám cỏ tranh, trong cái nông thôn cố nằm thu mình, im thin thít bên ngoài, và bao quanh ngôi đồn Tây của Mai Thảo. Và xúc cảm rất cá nhân, rất mạnh ấy đủ cho tôi không ưa Mai Thảo. Một Mai Thảo nhà văn, tôi chỉ mới được gặp sơ qua trên trang viết của ông.

Có thể nói, cảm nghĩ nặng nề của tôi về ông cũng là một tình cờ của cuộc đời. Nếu tôi đọc quyển VĐĐCN ở một tuổi trưởng thành hơn, có thể tôi chỉ bỏ quyển sách xuống và quên nó đi. Ác thay, ở cái tuổi đang đặt cho mình những đòi hỏi nghiêm nhặt về một thái độ, tôi cũng đâm ra cứng nhắc, có phần nào cực đoan, "đòi hỏi" hơn ở người khác, nhất là "người lớn". Trong một nghĩa nào đó, trưởng thành trong kinh nghiệm của tôi còn là chấp nhận và nhẫn nhịn, có khi đến mức thoả hiệp về một số vấn đề, vì mình nhận thức được cái sức ép, cái khống chế ghê gớm — và không ít khi tàn bạo — của cuộc đời. Tôi hiểu điều đó khi cha tôi khuyên tôi nên chọn một nghề với hi vọng được hoãn dịch; và tôi càng hiểu hơn ngày tôi đi trình diện vào Thủ Đức, làm lính.

Nhờ Phan Tấn Hải và Khánh Trường, tôi có dịp được gặp Mai Thảo lần đầu, nhân một bữa nhậu. Giữa một số người quen và chưa quen khác, tôi giữ một khoảng cách, để có dịp nhìn ngắm ông hơn là để làm quen ông. Thực tình thì Mai Thảo cũng chẳng buồn để ý xem tôi là ai nên hóa ra cũng tiện. Vẫn là hai người không biết nhau. Một người nhậu, ăn rất ít. Chủ động nói. Thường trước mỗi câu nói là một khoảng dừng, nghĩ ngợi. Một người chỉ ăn, không biết nhậu. Chủ động nghe. Đảng Martell và đảng Coca ngồi hai đầu bữa nhậu, nối nhau bằng những lời cười cợt, vui đùa. Chung nhau một Mai Thảo, người khách "chính". Rất tiện. Tôi vẫn giữ lễ với ông, do tuổi tác và vai vế của ông giữa bạn bè. Từ xa.

Một lần, vài lần "gặp" ông qua những sinh hoạt "đa đảng" kiểu ấy, tôi phát giác ra là lòng cảm mến của tôi đối với Mai Thảo tăng lên. Một bận, tôi có dịp nhìn ông tỉ tê dặn dò nhà văn trẻ Vũ Quỳnh N. H. về trách nhiệm và tấm lòng người viết văn. Một bác thong thả, từ tốn, một cháu lanh chanh, hí hửng. Hai bác cháu, đảng viên đảng Martell, cùng nhậu. Càng nhậu càng tỉnh. Tôi thấy mến ông nhiều hơn. Và tôi quen dần luôn cả cách nói chuyện của ông.

Mai Thảo:

— Tôi có đến gặp ông thân sinh của cái cô này này...

Vũ Quỳnh N. H.:

— Bác ghé nhà cháu, bác có gặp con chó của cháu không ?

Mai Thảo:

— Cái con bé này, việc gì mà tao lại phải gặp con chó của mày? Chỉ được cái bố láo, bố lếu.

Vũ Quỳnh N. H. cười, tỉnh queo. Mai Thảo cười, hiền lành, thiếu răng. Cả đám cười. Tôi từng biết các con tôi yêu mến con chó của chúng ra sao. Tôi biết nhà văn trẻ của chúng ta lớn lên ở đây. Nhưng ông nhà văn già Việt Nam, Mai Thảo, phản ứng ra sao thì tôi không đoán trước được. Cái cười và câu mắng của ông làm tôi thấy mến ông hơn.

Song, có lẽ tôi quý nhất là tấm lòng của Mai Thảo dành cho bằng hữu của ông. Nói về thơ văn của những người mình yêu mến, tôi nghĩ là ông rất công tâm và thành khẩn. Xen vào đó, đôi khi là những lời cảm khái của Mai Thảo về chính thân, danh mình. Có những câu ông nói làm tôi nghĩ rằng mai này, nếu còn được sống ở tuổi ông, liệu mình có học được ông ở chỗ đủ ngay thật, sòng phẳng để nói về chính mình như thế. Như vậy là tôi có được gặp Mai Thảo, nhà văn của nhóm *Sáng Tạo*, nghĩ và nói về bản thân, bằng hữu, và nghề nghiệp của mình. Tôi không để tâm những gì tôi không đồng ý với ông. Tôi không đến với Mai Thảo để tìm kiếm điều gì cả. Tôi càng không đến với ông như một độc giả ái mộ ông. Khoảng 30 năm không đọc ông, tôi biết mình không có tư cách gì để yêu, ghét văn tài và tác phẩm Mai Thảo.



Tôi cũng bắt đầu nhận ra cái ranh giới của những gì người khác không nên bàn, không nên nói với ông. Thí dụ như: không bàn chuyện văn chương, cụ thể là bình phẩm văn Mai Thảo lúc nhậu với ông. Phản ứng của ông có thể rất cụ thể như: *"Anh biết cái đếch gì về văn chương của tôi mà bàn?"* Không nên bàn với ông về các nhà phê bình văn học. Nguy hơn nữa, nếu vô Phúc bạn lại là nhà phê bình văn học. *"Các anh đi chỗ khác chơi cho chúng tôi nhờ! Phê bình với chả phê bình, chán bỏ mẹ. Khổ lắm, cứ để yên cho chúng tôi viết"*. Xong cười. Cái đùa rất thật. Nhậu tiếp.

Chuyện văn chương "trong nước", chuyện "bọn chúng nó" viết ra sao, thì lại càng miễn bàn. Miễn bàn vì ông Mai Thảo không thích. Miễn bàn vì bàn với ông là thậm vô ích. Ông không đọc, vì không thèm đọc, vì cho rằng chẳng có gì để đọc. Tất cả là một chủ tâm, một khẳng định. Một thái độ. Nếu có tự che mắt mình, thì đó cũng là một chọn lựa của ông. Cái tự do thật riêng của Mai Thảo. Đồng ý hay không đồng ý với ông trong thái độ này cũng là vô nghĩa. Mai Thảo cóc cần ! Hòa nhã lắm thì ông cũng nhắc đến sự ngược đãi mà bằng hữu ông đã phải nhận lãnh sau năm 1975. Mà bạn ông không viết được thì lấy gì để ông đọc cơ chứ ? Gay gắt hơn, thường là do người hỏi cứ "kiên trì" ép ông nói, ông sẽ "phán" ra những điều chê trách đủ sức làm vừa lòng người nghe, thừa sức biết ông sẽ nói gì. Nếu cần nghe Mai Thảo chửi

"văn chương Việt cộng" thì cứ đặt ngón tay trên cái nút ấy mà bấm riết. Ngôn từ có lúc cũng vọt ra thôi. Người không muốn nghe loại "nhận xét" ấy, sẽ không bao giờ dám "ép" ông. Đôi khi chỉ vì ái ngại cho chính Mai Thảo. Nhiều người cũng biết, nếu Mai Thảo lang thang vào những "cõi" ấy, ông chỉ là một kẻ lạ, một "tay mơ".

Hình như đến một thành đạt nào đó, ở một tuổi tác nào đó, cái chỗ đứng của một người cũng bắt đầu đồng nhất với chính con người ấy. Mai Thảo có chỗ đứng của ông, và theo tôi nghĩ, rất cần được nhìn nhận một cách nghiêm chỉnh và công tâm. Nói như vậy cũng đồng thời hàm ý cái giới hạn của ông.



Mai Thảo có thể rất dứt khoát. Mai Thảo có thể đổi đề tài. Mai Thảo có thể nói: *"Im đi, để tao nói!"*. Ông có thể chủ động, vì thường mọi người do mến ông, do trọng tuổi tác của ông, do sự trân trọng chân thành ở một số điều ông có thể chia sẽ, và cũng do chấp nhận cái "cõi riêng" của ông, nên đã để ông chọn lựa điều muốn nói hoặc không muốn nói.

May mắn là còn biết bao nhiêu điều thú vị để ông trao đổi, tâm sự! Còn biết bao nhiêu bài thơ hay để yêu cầu ông đọc cho nghe! Mức độ yêu thơ của Mai Thảo, theo tôi nhận thấy, là rất lớn lao. Do đó, nghe ông đọc và bình luận về thơ đủ đền bồi cho tất cả những giây phút khác ngồi cùng ông trên bàn nhậu.

Mai Thảo của những buổi tối đọc thơ Quang Dũng, Huy Cận, hay Vũ Hoàng Chương, Đinh Hùng,... như thế là tiếng nói của một hồi ức, một kỷ niệm, một trở lại thật tình cảm. Cái Việt Nam đã qua, những ngày đã hết, những lối ngõ đã khép lại, chuyện quay về đã lòng mình rêu phong, là nơi ta có thể cùng đi thăm với Mai Thảo, người dẫn đường có những tinh tế riêng. Tôi khoái nghe Mai Thảo đọc thơ. Câu thơ, dù là của người khác, trải qua sự gạn lắng, sự tinh lọc "rất Mai Thảo", và do ông gợi lại cùng với bối cảnh sinh thành của nó, do chính ông đọc ra, cũng theo cách riêng, đã cho những buổi tối ngồi nghe Mai Thảo nói chuyện như thế một phong vị, một giá trị thật đặc biệt. Đó là những lúc tôi tin Mai Thảo biết — rất rõ — ông đang nói gì.

Hay, như trường hợp Phan Tấn Hải, còn biết bao nhiêu phút giây lặng im của Mai Thảo để mà lắng nghe ông.



Một đoạn phỏng vấn trên báo Thế Kỷ 21, số 56, December 1993 do Nguyễn Nam Anh thực hiện.

NNA: Ông có đọc hay theo dõi đời sống văn học trong nước không?

Mai Thảo: Cái đọc một đời của tôi, ưu tiên là đọc những bằng hữu của tôi trước đã. Những bằng hữu đó, trong suốt mấy chục năm vừa qua, đã phải đi vào con đường khổ hình gọi là đi tù. Cộng sản bắt họ đi tù, họkhông còn viết được gì nữa, hoặc là những điều họ viết ra đều không được nhắc, in ra, không được phép phổ biến."

Thế là không có gì để đọc. Còn văn chương "của Hà Nội" ?

"Còn văn chương ở ngoài Bắc thì tôi chỉ đọc một số những sách báo mà người ta đem đến cho tôi mà thôi, chớ không có chuyện tìm đọc sách báo đó. Mặc dầu tôi biết ở Pháp, ở Canada có chỗ phổ biến những sách báo của Hà Nội. Chỉ bởi vì tôi không thích. Trong một chế độ như chế độ vô sản chuyên chính ở Hà Nội tôi coi văn chương có ở trong chế độ đó là thứ văn chương phục tòng chế độ, không có tự do. Cho nên nếu nói chung, thì những sách báo của Hà Nội tôi đọc ít thôi, không có nhiều. Đọc lại những cái của Nguyễn Bính, của Quang Dũng, của Văn Cao, là những người tôi đã yêu mến họ từ thời kỳ Tiền chiến, đọc tôi còn thất thích, thấy lại họ sau bao nhiêu năm với văn chương, chữ nghĩa của họ. Còn những người sau này thì tôi đọc rất ít, mà tôi cũng không có ý kiến gì cả".

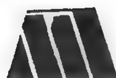


Đọc xong câu *"không có ý kiến gì cả"*, tôi như có thể "nhìn thấy" Mai Thảo thản nhiên đổi đề tài, hoặc nói: *"Thôi nhé, hỏi chuyện gì khác đi"*. Và cuộc phỏng vấn đi tiếp về một hướng khác. Nếu người hỏi vẫn "kiên trì" ? Liệu Mai Thảo có yêu cầu người hỏi *"dẹp cái trò bắng nhắng ấy đi"* hay không ? Thường là có. Lần ấy thì không.

Thực không thích thú gì để phải nhìn Mai Thảo chập choạng bước vào một nơi mà tôi ước gì tôi chẳng phải gặp ông. Những điều Mai Thảo bị ép nói, hoặc cố nói, thật ra chẳng mang lại tác động hoặc một giá trị gì mới. Một người nói về cái mình đã quay lưng lại, đã không thèm quan tâm, và do đó không thật sự hiểu biết thì phỏng có giá trị gì cho ai? Nhất là cho chính ông. Vâng, thực ra phải là cho chính ông. Những ý kiến đáng lý đã đi đến một chấm dứt gọn gàng, hướng dẫn bởi một sự gạt bỏ, dù chủ quan, hẹp hòi thế nào đi nữa, cũng là một quyền chọn lựa, một thái độ. Mai Thảo đã chọn thái độ của ông. Thái độ yêu đắm đuối chỉ một phần, một đoạn nào đó của dòng văn học dân tộc. Nếu muốn gọi đó là một thứ tự do thì cũng được. Có sao đâu!

Mai Thảo cần gì phải bước qua cái thái độ trách nhiệm của một người suốt đời gắn bó với văn chương, với cái việc "viết chữ" như ông. Và, để làm gì ?

LÊ THỨ
(2-1994)



NGUYỄN THỊ THANH BÌNH

mai thảo, một cõi sáng tạo, một đời văn chương



Qua lá thư viết vào cuối năm 93 của Thăng Long Văn Sĩ gửi Văn Lang thi sĩ, tôi tình cờ đọc thấy lời bình khá thú vị cua Văn Lang Thi Sĩ như sau: "Vả chăng sao cứ vọng ngoại. Đã biết gì nhiều về cụ Trạng Trình? Cụ Ức Trai? Cụ Tiên Điền? Thơ của Mai Thảo ngày nay chả bằng vạn Lý Bạch hay Đỗ Phủ cộng lại hay sao? Còn về nhậu, liệu Lý Bạch đã qua mặt được Mai Thảo chưa? Mai Thảo là người gì? Mai Thảo có phải là người Tàu? Không. Chỉ là một người Việt. Sao không viết bài ngợi khen Mai Thảo? Hoặc vì Bụt nhà không thiêng? Hoặc vì gần chùa gọi Bụt bằng Anh?"

Ờ nhỉ. Sao không viết bài ngợi khen Mai Thảo. Nhất là *Hợp Lưu* cũng đang thực hiện số đặc biệt: *"Mai Thảo, 50 Năm Hệ Lụy Với Văn Chương"*. Phải thế chứ. Phải khoác cho con người thơ ấy ít là một vòng hoa và... đề nghị nên "giữ" ông ta lại. Bởi không lẽ chỉ vì nghiệp chướng: "Ai bảo dây vào duyên bút mực" mà chúng ta nở bắt văn thi sĩ "Cả đời mang lấy số long đong" (Bất đền hay trả nợ cho những vần thơ đẹp của Nguyễn Bính đi, ông ta vừa than thở đấy).

Thật ra rọi thấu những lấp lánh kim cương (hay những giọt lệ) trong thơ Mai Thảo thì đã có nhà phê bình Nguyễn Hưng Quốc soi chiếu. Một người chuyên "đem sợi tóc bổ làm tư" (chữ của ký giả Hạng Bét) như Nguyễn Hưng Quốc nếu đã "sờ chạm" tới hẳn là quá đủ. Tuy vậy, "kim cương" vốn có nhiều mặt.

Tập thơ duy nhất ấy của Mai Thảo: *"Ta thấy Hình Ta Những Miếu Đền"* do Văn Khoa xuất bản năm 1989 cũng đã tuyệt bản từ lâu. Giữa thị trường chữ nghĩa đương đà suy thoái, đặc biệt là thi ca vốn "rẻ như bèo" vì không bán được, hay in ra chỉ để biếu bè hoặc bán đại khái, chúng ta phải công nhận những độc giả chọn lọc, thầm lặng đã dành riêng cho tập thơ ăn khách nhất hải ngoại của Mai Thảo một sự yêu chuộng đặc biệt. Tuy nhiên không phải vì lý do "ăn khách" mà tôi bỗng muốn lăm le chia sẻ một vài cảm nghĩ. Tôi nhấn mạnh hai chữ chia sẻ, vì tôi không chuyên phê bình thơ.

Cảm nhận về thơ là một cảm nhận riêng tư, vô bờ bến. Vả lại đứng trước vẻ đẹp ảo diệu của thơ, nhiều khi chúng ta chỉ biết "choáng váng" mà không tài nào cắt nghĩa được. Tôi không định nói sự huyền nhiệm của thơ ví như những cảm thụ của tình yêu. Nhưng mà thật, cảm nghiệm về thơ lắm khi là cảm nghiệm không đến bằng luận lý suy diễn. Chỉ có những bồi hồi hay những rung động xao xuyến, hệt như khi chúng ta đứng trước một bông hoa thơm đẹp hay nụ cười của Monalisa chẳng hạn.

Tôi đồng ý với nhà thơ Đỗ Quý Toàn khi ông ta viết: "Thơ cũng giống như hạnh phúc, nói khó lắm nhưng không nói thì trong lòng nó vẫn tấm tức làm sao ấy" (*Tìm Thơ Trong Tiếng Nói*, trang 13 - Thanh Văn xuất bản 1992) Điều làm tôi tấm tức không hẳn chỉ ở trong chỗ "không nói", mà nói cho được cái "làm sao ấy". Tìm và gặp cái đẹp riêng tây, độc lập của một tác giả không phải là dễ. Lý do thiên hạ thường có khuynh hướng đánh giá cái "mới" bằng những nét tương đồng. Nghĩa là người ta cứ thích dựa trên những nét giống nhau (bên cạnh những cái khác nhau, dĩ nhiên) để bình phẩm giá trị một tác phẩm "mới" với một tác phẩm đã quá bụi bặm trong viện bảo tàng. Chẳng hạn bài thơ này của Mai Thảo hay là vì xem ra có vẻ mang mang một bài Đường thi nào đó. Điều này làm chúng ta khó nhận ra trực tiếp "cái đẹp" độc đáo riêng tây của chính bài thơ đó mang đến.

Tập thơ thứ nhất của Mai Thảo đã có mặt, sau 45 tác phẩm văn xuôi đã ra đời. Sự có mặt ấy đối với tôi không có gì gọi là bất ngờ cả. Có bất ngờ chăng, chính người khai sinh ra nó cũng không hề có ý định sinh tử nó. Nó muốn có mặt với chúng ta, và vì thế tự nó xuất hiện như hương như gió thế thôi (Không phải cái người ta gọi là sinh mệnh của thi ca mà tự bản thân nó cũng đã như thế, như một tựa bài thơ *Gửi Hương Cho Gió* của Xuân Diệu).

Chính Mai Thảo cũng đã nói đến sự ra đời bất ngờ của tập thơ này "... Tới khi sang đến nước Mỹ, đời sống ở Huê Kỳ có những lúc nó trống vắng quá, không biết làm gì cả, thì trong những khoảng trống, tôi làm ít thơ để chơi thôi..., thế nhưng không ngờ những bài thơ của tôi lọt mắt xanh của anh Đỗ Đình Tuân, giám đốc nhà xuất bản Văn Khoa... Do đó mới có tập thơ được in ra. Chứ nếu không có nhà xuất bản thì ý định in tập thơ không bao giờ đến với tôi hết" (Trích: *"Trò Chuyện Với Nhà Văn Mai Thảo"* của Nguyễn Nam Anh, Thế Kỷ 21 số 56, Dec.93)

Như tôi đã nói, sự hiện diện của tập thơ không hề làm tôi ngạc nhiên, cũng

như sự thành công của nó cũng nằm trong điều tất nhiên thôi. Hồn thơ, chất thơ đã bám trên từng dòng từng chữ trong văn xuôi ông, thì không lẽ nào ông có thể thoát được ma lực của nàng thơ. Cần gì ông phải đợi *"có những lúc trống vắng quá"* (đành rằng thế) ông mới bị nàng thơ ghim lại những dấu vết vô hình. Tôi ngờ lắm việc ông phải đợi đến phút giây bất chợt của trống vắng ấy.

Phải công nhận là ông yêu sự trống vắng lắm. Hơn ai hết, ông đã yêu nó suốt cả cuộc đời mình. Có phải vì chỉ trong trống vắng, ông và nàng thơ mới có dịp dàn trải lên nhau những ân sủng, những ẩn mật tinh nguyên, hay những cảm giác bất tử nhất của đời sống? Một đời trống vắng để đổi lấy con người thi sĩ trong ông, dù ở văn xuôi hay văn vần, thì âu cũng là luật bù trừ. Ông làm tôi có cảm tưởng chính ông đã lựa chọn sự trống vắng ấy để dâng hiến trọn vẹn trái tim mình cho thơ văn. Sự trân trọng và cung cách: *"Ở với văn chương, ở suốt cuộc đời"* (lời ông nhắn nhủ những người viết mới trong bài nói chuyện với Nguyễn Nam Anh) chỉ có ở một Mai Thảo. Chỉ có ông mới chứng minh được tấm lòng chung thủy với văn chương, bởi ông đã cùng đi và đến với nó trong một cuộc hành trình không biết mệt của gần 50 năm trời hợp nhất.

Làm sao mà có thể như thế được. Một người không tầm thường hay tầm thường như tôi đều muốn hỏi ông như thế. Hỏi cũng đồng nghĩa với sự nhắc nhở "món nợ" phải trả cho ông. Một vòng hoa ư, khi nụ cười ông đã chừng như móm mém?

Đúng hơn, Mai Thảo đã chọn cuộc đời để trả nợ... văn chương. Ông yêu mến cuộc đời biết mấy bởi hơn ai hết, ông nhận ra người ta chỉ có một đời để sống. Thái độ "sống chỉ một lần" lại càng tố cáo tâm hồn tha thiết của ông với văn chương. Ông lựa chọn nó bằng một thái độ cả quyết, dứt khoát và hết lòng.

Một người như ông, một người đã có hơn 10 tập truyện ngắn, 2 tập tùy bút, 33 truyện dài và 1 bút ký văn học mà hình như vẫn còn cảm thấy... "chưa đủ".

Ngay trong buổi gặp dường như "sắp hết" với đời sống, chúng ta vẫn thấy Mai Thảo chưa muốn ra khỏi sự mê hoặc của văn chương. Tôi tưởng chừng ông còn muốn hò hẹn với người tình văn chương một cõi huyền nhiệm nào khác nữa:

> *"Những trang đời viết còn dang dở*
> *Sẽ có bàn tay ấy viết giùm*
> *Ngón cái sang trang và ngón út*
> *Viết dòng vuốt mắt phút lâm chung"*
> (Thằng Viết Mướn)

Vâng, thì đành rằng con người ai rồi cũng phải chết. Văn sĩ, hay thi sĩ cũng đều phải đến "phút lâm chung", cũng phải đi qua cuộc đời bằng con đường sinh đến tử. Chỉ khác là họ đi qua và để lại cho chúng ta dấu vết đã

sống, đã bộc lộ nguồn hạnh phúc hay đau khổ. Điều này làm cho sự có mặt của họ trở nên trường tồn, bất tận. Một trăm năm sau nguồn cảm nhận này cũng sẽ bất tử. Họ chết đi sau khi đã khai sinh một dòng điện cảm thông từ đời này sang đời khác, từ cõi hư không nầy đến chốn hư không khác.

Khi Hàn Mặc Tử bỏ lại đời sống sau lưng, thi sĩ coi như đã giải thoát khỏi những đau thương bệnh tật. Điều kỳ diệu là những bài thơ đã tìm "tứ" trong ý niệm đau thương ấy đã tỏa xuống trần gian... "hương hơi" của nhà thơ. Nhà thơ đã ra đi rồi, nhưng chúng ta vẫn còn tiếp tục "thở" bằng không khí "bệnh hoạn" tưởng như không bao giờ nguôi vơi ấy của thơ sĩ:

"Một mai kia ở bên khe nước ngọc
Với sao sương anh nằm chết như trăng
Không tìm thấy nàng tiên mô đến khóc
Đến hôn anh và rửa vết thương tâm"
(Hàn Mặc Tử)

Mai Thảo cũng vậy. Rồi nhà thơ cũng phải "nằm trong đất". Mai Thảo không nói cho chúng ta biết là thi sĩ muốn hòa nhập cùng trăng như Hàn Mặc Tử, nhưng Mai Thảo lại tỏ được thái độ ung dung tự tại của một người xem chừng đã làm xong phận sự với đời sống. "Sao Trời" phía trước đang ánh chớp gọi mời, và tôi chắc Mai Thảo thừa khả năng để chứng nghiệm được cuộc chuyển hóa lóng lánh ấy. Đã đi qua ngần ấy đời sống của ngần ấy "nhân vật" (45 tác phẩm há không phải ít là 45 đời sống của ít là 45 nhân vật sao?) tôi nghĩ Mai Thảo ít là hơn một lần đã đứng ra ngoài vòng tròn hệ lụy để nhìn vào đời sống. Có lúc chúng ta thấy Mai Thảo đâm hồ nghi những đa đoan của cuộc đời, có lúc chúng ta thấy ông tìm về sự im lặng tuyệt đối của cát bụi, để từ đó ông nhận ra sự phức tạp vẫn nằm trong thế giới ảo hóa của con người. "Nằm trong đất" hay "ở sao trời" cũng chỉ là một. Dù ở một góc độ nào, đất hay trời, hình như chúng ta phải chết đi mới hiểu được giá trị thực của đời sống chăng?

"Thế giới có triệu điều không hiểu
Càng hiểu không ra lúc cuối đời
Chẳng sao khi đã nằm trong đất
Đọc ở sao trời sẽ hiểu thôi"
(Không Hiểu)

Mai Thảo là nhà thơ của "những khoảng trống". Thơ của ông là cuộc đối thoại bí mật với im lặng. Trong cõi giới ấy, hình như chỉ có ông mới lắng nghe được trọn vẹn những tiếng thì thầm của hư vô. Tôi đoán ông chẳng bao giờ lấp nổi những lổ hổng khổng lồ trong trái tim mình (hẳn là cứ hết khoảng trống này sẽ mọc lên những khoảng trống khác, dĩ nhiên) bởi vì ông vẫn tiếp tục làm thi sĩ và vẫn tiếp tục tìm về trú ẩn ở cõi giới ấy.

Cõi giới ấy là "cõi không". Cõi giới ấy tách rời và ở bên ngoài thứ vũ trụ này, bởi thế nó bao la huyền nghiệm và tận cùng biết mấy.

"Cõi không là thơ. Không còn gì nữa hết là thơ. Nơi không còn gì nữa hết

là khởi đầu thơ..."

(Bờ Cõi Khởi Đầu)

Trong *"Mấy Vần Thơ"*, ta thấy Thế Lữ đến với thi ca là để kiếm tìm cái đẹp. cái đẹp "muôn hình muôn thể" ấy của Thế Lữ cũng chính là cái Đẹp vô hình vô tướng của Vũ trụ:

"Tôi chỉ là một khách tình si
Ham vẻ Đẹp muôn hình, muôn thể
Mượn lấy bút này Ly Tao, tôi vẽ
Và mượn cây đàn ngàn phiếm, tôi ca
Vẻ Đẹp u trầm, đắm đuối hay ngây ngơ
Cũng như vẻ Đẹp cao siêu hùng trang của thi văn,
Của non nước, tư tưởng"
(Cây Đàn Muôn Điệu)

Mai Thảo tuy không nói rõ bằng Thế Lữ ý định đến với thi ca của ông. Nhưng chúng ta cũng nhìn thấy được sự đồng cảm của ông với không gian tịch liêu quanh mình. Thi tứ của ông hình như bắt nguồn từ cảnh vật xung quanh, rồi qua vòm không gian ấy phản chiếu lại sự hắt hiu của khoảng hồn mình trống vắng.

Chúng ta hãy cùng Mai Thảo nghe gió gào la trên ngàn cây, nghe sóng hun hút ngoài xa khơi, để từ đó mường tượng đến những bến bờ "tối, không còn nhịp đập nào nữa của kỷ niệm dội về, trong chính hồn mình vực thẳm. Cũng như hãy ngước mặt lên cao nhìn thấy trong vẻ rực rỡ của ban trưa, với những khối mấy trắng lụa là ánh lên một nỗi bất định, thừa thãi của những "khối đau" riêng mình.

"Ngất đỉnh cây kia gió thét gào
Trọn mùa. Thành động biển trên cao
Bến ta tối khuất từ xa biển
Bờ chẳng còn ngân tiếng sóng nào"
(Santa Ana Winds)

và:

"Một vũng trời cao đứng bóng trưa
Nhìn lên bỗng thấy nắng mây thừa
Thừa thêm ta nữa tâm tiền tiến
Mà khối đau buồn rất cổ xưa"
(Thừa)

Mai Thảo nhìn vạn vật mà tâm hóa nó, chứ không giống như một số người thường khởi sự bằng "giọt lệ" của lòng mình và sau đó mới tìm đến những "ngôi sao"... chẳng hạn để chiêm nghiệm, so sánh...

Tôi vừa chọn dẫn những câu thơ của Thế Lữ hóa ra cũng có lý do thầm kín, vô thức. Thế Lữ và Mai Thảo, tác giả của chúng ta hôm nay không ngờ lại giống nhau ở một điểm: cả hai vừa là thi sĩ tài ba vừa là nhà văn lỗi lạc.

Viết văn họa may chúng ta còn tu luyện được, còn làm thơ hay chắn chắc

phải có biệt tài. Mai Thảo cho biết,thuở thiếu thời ông đã mê thơ, đã "miên man cả ngàn bài lận". Lớn lên, dù ông không đeo đuổi con đường... thơ ảo diệu, nhưng không ai là không thấy ngay từ những dòng viết đầu tiên ấy toát ra những sắc màu, những chất lân tinh óng ánh của Thơ.

Một số người tỏ ra ưa chuộng thơ ông nhiều hơn. Trong bài nói chuyện với báo Thế Kỷ 21, ông Nguyễn Nam Anh cũng đã đặt câu hỏi với hàm ý ấy.

Không cần đi sâu vào công trình khai phá, mở đầu cho một lên đường vượt thoát khỏi phong vị *Tự Lực Văn Đoàn* của nhóm *Sáng Tạo*, mà ông được xem như là người tiên phong, chúng ta cũng phải công nhận ông là một viên ngọc quý hiếm lấp lánh ở cả hai mặt văn cũng như thơ. Ông không giống như Lưu Trọng Lư chỉ trội ở lãnh vực thơ. Trái lại, thơ văn ông đầy những ma lực bất phân thắng bại. Có thể qua những tâm tình biến đổi của thời đại, chúng ta có lúc thấy thơ Mai Thảo trong thời điểm này "chuyên chở" được nhiều hơn văn ông.

Chúng ta không thể quên đã có nhiều thế hệ, nhiều tầng lớp độc giả vẫn còn bị mê hoặc bởi những tác phẩm của ông như *Đêm Giã Từ Hà Nội, Sống Chỉ Một Lần, Mười Đêm Ngà Ngọc, Để Tưởng Nhớ Mùi Hương, Tháng Giêng Cỏ Non, Bảy Thỏ Ngày Sinh Nhật...*

Gần đây, trong một bài phỏng vấn của Đồng Trung Dư, (đăng ở tạp chí *Sóng*) Hồ Trường An đã nhận định rằng những tác phẩm của Mai Thảo như *Đêm Giã Từ Hà Nội, Bản Chúc Thư Trên Ngọn Đỉnh Trời* và *Ngọn Hải Đăng Mù* (tập truyện do *Làng Văn* xuất bản năm 1987) chứa đủ tầm vóc để giựt giải Nobel.

Cũng thế, nhà văn Nguyễn Văn Sâm trong bài ghi nhận *"Truyện Ngắn Là Gì?"* (*Văn học* số 79) đã chọn *"Vệt Son"* và *"Thế Giới của Cathy Graham"* trong tập *Ngọn Hải Đăng Mù* làm thí dụ điển hình của *"những truyện có giá trị đầy đủ, và có khả năng mở ra những chân trời mới suy tư cho độc giả"*.

Đành rằng vẻ "gân guốc, trần truồng" bị tước đoạt ít nhiều trong những mô tả có tính chất "hiện thực", ngòi bút mang thi tính của Mai Thảo bù lại sẽ kéo cảm xúc người đọc theo những cung điệu sướt mướt, lãng mạn.

Với đường lối sáng tác đầy duy mỹ của ông, một số người khác chủ trương này chắc chắn sẽ bực bội khi đi tìm một phong cách sắc gọn, tư tưởng mạnh mẽ hay một cách viết cứng cáp, lạnh lùng nào đó. Họ sẽ khó lòng tìm gặp những điều như thế, bởi chính những nhà văn nhà thơ theo chủ nghĩa này (thật ra chẳng nên xếp loại ai vào một chủ nghĩa, một trường phái riêng biệt nào cả) đã phải thổi vào tâm tình chút gió uyển chuyển, pha trộn giữa cuộc đời và mơ màng.

Vâng, Mai Thảo là nhà văn nhà thơ khoái khiêu vũ chữ nghĩa bằng những giai điệu lả lướt của riêng mình. Sự "lả lướt" của ông dễ chấp nhận thôi vì chúng ta có thể cảm được và thấy được là rất... Mai Thảo. Hơn nữa, nguyên tắc sáng tạo của ông không nằm trong chiều hướng siêu thực.

Thỉnh thoảng độc giả có cùng ông "sáng tạo lần thứ hai" qua cách sử dụng

ngôn ngữ đầy biến ảo mới mẻ, nhưng sắc thái trong văn thơ Mai Thảo hoàn toàn mang đầy tính chất hiện thực.

Ở Mai Thảo, chúng ta chưa hề bắt gặp những sự kiện điên cuồng gần với mộng mị và huyễn tưởng, của những phút giây như Hàn Mặc Tử: *"Tôi điên tôi nói như người dại"*.

Phải ở ngoài trạng thái ấy, Mai Thảo mới có thể viết "tỉnh táo" về người bạn tự xưng là "Phật Chúng Hương" như sau:

"Và ở Sài Gòn vẫn còn Bùi Giáng
Tối tối về chùa đêm làm thơ
Ngày ca múa khóc cười giữa chợ
Kẻ sỹ điên thế kỷ mù rồi"
(Viết Văn Trở Lại)

Phật Chúng Hương là một danh xưng Phật trong kinh *Duy Ma Cật*. Trong thi ca Việt Na, chỉ có Bùi Giáng, con người khật khùng "khóc cười giữa chợ" ngơ ngác như một hành tinh lạc xuống địa cầu mới thực sự đắm chìm trong sự kỳ ảo (le merveilleux) của tâm linh. Vì thế, muốn lắng nghe để trở thành những Tử Kỳ của những Bá Nha trong thơ ông không phải là chuyện dễ.

Thơ Mai Thảo không làm khổ chúng ta như thế. Chúng ta không đến nổi phải nhào lộn trong không trung chữ nghĩa đến độ "mòng mòng". Thơ ông có sức mạnh của trí tuệ, nhưng chúng ta được *"đi cho hết một đêm hoang vu trên mặt đất"* (mượn tạm tên tựa sách của Phạm Công Thiện) hoang vu? Đã đành rồi! Nhưng "hoang vu trên mặt đất" thì đỡ bị quay tít hơn ở không trung là cái chắc. Nói rõ hơn, chúng ta thấy được sự quân bình, chừng mực trong những tâm tình của ông. Không có những phá phách táo tợn của thần trí.

Chỉ thấp thoáng đâu đó trong tập thơ ông những "gọi thức" gấp rút, của đời sống, của một *"Tôi tự do phơi phới một đời"*. Ở đây chúng ta tưởng chừng Mai Thảo muốn tung hê cuộc đời một cách cuồng nhiệt bão nổi:

"Này suối này rừng cùng tịch lặng
Đất núi nghìn năm cũng lặng cùng
Dậy đi! Dậy hết thành giông bão
Nhảy dựng ngang đời thế đá tung"
(Gọi Thức)

Không cuồng nhiệt, không giông bão sao được khi chính thi sĩ cũng vẫn còn trân trọng với những "Chỗ đặt" không tên (bí hiểm?) nào đó.

"Đặt tay vào chỗ không thể đặt
Vậy mà đặt được chẳng làm sao
Mười năm gặp lại trên hè phố
Cười tủm còn thương chỗ đặt nào"
(Chỗ Đặt)

hoặc:

"Những phiến vai phơi phới nửa chừng
Nõn nà như ngọc óng như mun

Xuống thêm từng chút thêm từng chút
Ồ hóa đồi mương với suối rừng"
(Ảo Thuật)

Chúng ta cũng thấy được một chút gì "hiện sinh" trong con người của Mai Thảo: bất chấp chứng bệnh ung thư có mòi *"đã hủy xong phần lục phủ hư"* của mình và tiếp tục tìm đến với những cơn say như một thách đố *"sống chỉ một lần"*. Ông cứ uống cứ say, cứ nốc cho đầy "ngụm sống" ngày hôm nay cái đã. Rồi thì ông đi, ông đi *"qua hết năm châu tới chốn cùng"*. Ông là người của những chuyến bay. Bạn bè ở xa gởi vé mời ông đến để cùng say, cùng nghe giọng đọc thơ sang sảng của ông trong những năm tháng lưu lạc xứ người.

"Này những cuồng nộ những mặt trời
Này những tiếng người những tiếng đời
Này hãy im hết hãy lui hết
Nhìn ta say vùi xuống Texas"
(Thơ Say Trên Máy Bay)

Mai Thảo viết trong *Sổ Tay* tháng 2 (*Văn*, số 140) trước khi sửa soạn lên đường: *"Đầu năm. Với Sổ Tay lại sắp bắt đầu những chuyến đi. Do bạn hữu các nơi đón, gửi vé máy bay cho... tháng Hai đi. Tháng Ba đi. Tháng Tư đi. Cứ đi là đi thôi..."*

Ở đâu Mai Thảo cũng có bạn cả. Mai Thảo là người không bao giờ biết đến không khí ấm cúng của "cơm nhà" (thật ra ông uống nhiều hơn ăn). Và Mai Thảo đi nhiều như Phạm Duy, như Nguyễn Tuân. Điểm đặc biệt chính là nhã ý của bằng hữu tạo ra những phượng tiện để mời ông đến chơi. Ở đời sống này không phải ai, cũng may mắn trở nên phong lưu như một Mai Thảo của chúng ta. Vì thế, ông thường nhắc tới trong *Sổ Tay* những địa phương, những khuôn mặt bạn hữu mà ông đã gặp qua những chuyến đi hoặc đôi khi vì "vị nể" không thể không có với họ trong những sinh hoạt văn học nghệ thuật chẳng hạn.

Với miền Đông Hoa Kỳ, Mai Thảo thường thích có mặt vào mùa hoa Anh Đào hay thu vàng trong *Sầu Mây* của Doãn Quốc Sỹ. Viết về Virginia, Mai Thảo đã có những câu thơ đẹp tặng người bạn thân họa sĩ Ngọc Dũng, cũng như trong một truyện ngắn *"Không Còn Tiếng Động"*, Mai Thảo thực sự làm chúng ta rung động trong những cảm xúc với tạo vật của ông: *"Virginia. Những con đường thơ mộng lượn vòng qua những ngọn đồi, dọc theo những thung lũng. Virginia. Những ngôi nhà gạch đỏ cổ kính, đứng vững chãi dưới những tàng cây lớn, giữa những bãi cỏ không có hàng rào rộng tới mênh mông. Virginia với bốn mùa, mỗi mùa một vẻ đẹp riêng, khiến cho tạo vật ở đây, chỉ ở đây mới phô bày tới tận cùng những cảnh sắc muôn vẻ nghìn hình của tạo vật. Virginia. Những buổi chiều mùa đông uống khai vị trước lò sưởi than hồng đỏ rực, với bên ngoài là tuyết bay thành một trận mưa hoa"*.

Thường, những câu văn của Mai Thảo là những câu thơ xuôi óng ả như thế, với tuyết với mưa là những chùm bong bóng hoa diễm ảo. Bốn câu thất

ngôn tứ tuyệt sau đây của Mai Thảo vẽ nên một bức tranh đầy nghệ thuật:

"Trọn một ngày đi không hết cây
Vẫn muôn xanh lục vẫn muôn rừng
Tấm lòng nhớ bạn bay thành gió
Bốc vụt con tàu xuống cuối thang"
(Về Virginia, tặng Ngọc Dũng)

Những hiện tượng thiên nhiên như mây mưa, gió nắng, sương tuyết... Khơi dậy nguồn thi tứ trong ông. Mãnh liệt nhất vẫn là mưa. Chắc chắn Mai Thảo khoa khát mưa nhất vì thành phố nơi ông ở rất hiếm hoi mưa. Cali càng rực nắng, Mai Thảo càng nuối tiếc càng yêu nhớ những cơn mưa ngây ngất.

Người lữ hành trong mưa đêm nào là Mai Thảo. Hình ảnh ấy buồn nhưng đẹp, cô độc nhưng có cái kiêu bạc của đãng tử, của "đừng khóc dẫu mưa là nước mắt" và của riêng Mai Thảo.

"Lên khỏi phần thư buổi tối mưa bay
Đi dưới mưa một mình"
(Viết Văn Trở Lại)

Mưa thả xuống những âm điệu dai dẳng rã rời trong thơ Mai Thảo. Những cơn mưa đêm thầm lặng thường làm hồn thơ của thi nhân của mình. Mưa đêm trừ tịch còn mở ra bóng tối của cõi âm. Trong đêm trắng, mưa như bay về vô tận, từ một đỉnh thời gian thăm thẳm nào đó.

"Bước một mình qua ngưỡng cửa năm
Nhân gian tịch tịch tiếng mưa thầm
Chợt đâu vẳng tiếng gà lai kiếp
Báo vẫn đêm đầy ở cõi âm"
(Trừ Tịch)

Hay

"Đăm đăm cặp mắt mở mơ hồ
Ngó trắng vô hình cái ngó khô
Đâu đó mưa đêm từng tiếng thả
Từ đỉnh thời gian xuống đáy mồ"
(Mưa Đêm)

Mưa. Có khi trời lại làm mưa trong trái tim ông. Mưa như mưa trên ngõ xưa đi về: *"Mưa phùn ngõ nhớ riêng lưng"*. Mưa nhủ mưa xuyên qua những ngọn đồi của tưởng nhớ: *"Mưa bạt ngàn. Đồi sáng rỡ lân tinh. Sấm chớp nổ tung vùng trí nhớ"*. Mưa như mưa dội tê tái lên miền da thịt mùa đông: *"Mùa đông đã tới mưa tê thấp"*

Với Mai Thảo, hình như ông "sợ" nhất là những cơn mưa trở về từ dĩ vãng. Ông gọi những cơn mưa đã tuyệt mù ấy là *"những hồn ma thức giấc"*. Mưa đổ xuống huyệt sâu của lòng ông không chỉ những ngậm ngùi, mà còn làm giông bão cuồng si. Ông "sợ" là phải, vì trái tim vốn đa cảm của thi nhân thật khó lòng xóa tan những cơn mưa của kỷ niệm. Những cơn mưa hẳn phải buồn, nhưng không bao giờ phải mất.

"Đôi lúc những hồn ma thức giấc
Làm gió mưa bão táp trong lòng
Ngậm ngùi bảo những hồn ma cũ
Huyệt đã chôn rồi lấp đã xong".
(Quá Khứ)

Thơ mưa của Mai Thảo "ẩm ướt" tâm hồn người đọc. Những cơn mưa làm lạnh thêm bóng tối, làm xám đen từng giấc ngủ chập chờn và xám đen cả giấc mơ:

"Nửa khuya đợi bạn từ xa tới
Cửa mở cầu thang để sáng đèn
Bạn tới lúc nào không biết nữa
Mưa thả đều trên giấc ngủ đen"
(Đợi Bạn)

Mai Thảo biến mưa rơi thành khúc hòa tấu lãng mạn, một cái nhìn đầy thi vị chỉ có ở thi nhân. Vậy mà trong *Sổ Tay* tháng 2/94, ông lại tỏ ra chưa bằng lòng. Tôi có cảm tưởng ông viết những dòng sau đây như lời trần tình với mưa, và chỉ với mưa thôi: *"Tôi yêu mưa. Rất muốn làm được một vài đoạn thơ hay về mưa. Không làm được. Chán quá".*

"Một đoạn thơ hay" hoặc là những câu thơ Mai Thảo thích nhất chính là bốn câu trữ tình mà Mai Thảo đã làm trong "những ngày tháng không còn trẻ nữa" như sau:

"Em đi vừa khuất trên đầu phố
Anh đuổi theo sau bóng đã nhòa
Đứng sững. Mới hay lìa cách đã
Sơn cùng thủy tận giữa đôi ta"
(Thủy Tận)

Chân lý cuối cùng của đời sống là tình yêu. Chính cách ngắt câu ở dòng thứ ba làm chân lý ấy thành một nỗi chết: "Chết sững" hay "chết đứng" thì cũng là một cách chết của những tình yêu không trọn, của *"Em đã hoang đường từ cổ đại".*

Tất cả đúng là đã "mộng mị", đã vời vợi như những điệu lưu thủy xa xăm. Mai Thảo thú nhận "Tôi chọn tình yêu làm biển trời" thật chí lý. Vì chỉ bốn câu như trên mà dư vị của tình yêu tưởng cũng đã đủ để ngấm cay trong ta.

Với Mai Thảo, chân lý cuối cùng của đời sống phải nói là sáng tạo. Tình yêu, sự chết, rượu đắng... chỉ là những "trợ hứng" để giúp ông vỡ tràn nguồn sáng tạo lai láng.

Đọc thơ ông, chúng ta còn có cảm tưởng như ông đã sao chép được nguyên bản của những ngày tháng hiu hắt của đời mình bóng xế. Chính nỗi cô đơn đích thực, không chút ngụy tạo, không ỏng ẹo cảm xúc làm thơ Mai Thảo có hồn, có hấp lực và "cảm" được chúng ta.

Nói đúng hơn, tâm hồn Mai Thảo tự nó đã là thơ và ông cũng đã sống một đời thơ. Vậy thử hỏi có gì đáng ngạc nhiên nếu ông là một nhà thơ đúng

nghĩa. Một tâm hồn không có chất thơ thì dù có "nhọc công tán tỉnh" cách mấy, nàng thơ vẫn không đến. Thơ khác văn ở chỗ khó tính này.

Một điểm đặc biệt khác ở Mai Thảo là ông chỉ muốn giao tặng tất cả gia tài sáng tạo ấy cho cuộc đời, ở nghĩa bóng và cả nghĩa đen. Ông viết trong tập thơ:

"Trọn một ngày chủ nhật ở đại học Cornell
Tôi tới đó
Xuống phần thư đọc lại sách mình
Những trang chữ xưa bài viết cũ
Bằng hữu
Những dấu tích một đời
Những ám ảnh siêu hình
Giàn giụa..."
(Viết Văn Trở Lại)

Hình ảnh một nhà văn Việt Nam lão thành lạc lõng giữa thư viện xứ người, bên cạnh với hàng hàng lớp lớp những đứa con tinh thần của mình ngả mũ chào thật là độc đáo, cảm kích.

Bởi như tôi đã nói ở nghĩa đen, Mai Thảo chỉ muốn trao tặng mà không chịu cất giữ cho chính mình một cuốn sách nào cả. Điều này phù hợp với bản chất nghệ sĩ của ông cũng như sự tình cờ đọc được *Văn* số 83 (ra ngày 1-6-67, Sài Gòn) của tôi. Trong đó, tôi nhặt ra được hai mẩu nhắn tin cần mua sách cũ khá ngộ nghĩnh:

"Rất cần mua lại hai (2) cuốn *Tháng Giêng Cỏ Non* và hai (2) cuốn *Đêm Giã Từ Hà Nội*, tập truyện của Mai Thảo, theo giá quý bạn định. Xin liên lạc gấp với tòa soạn *Văn*" và: "Độc giả nào còn cất giữ truyện dài *Cũng Đủ Lãng Quên Đời* của Mai Thảo, đăng trên nhật báo *Tiền Tuyến*, xin vui lòng cho tòa soạn *Văn* mượn. Tác giả sẽ có quà văn nghệ hậu tạ bạn". Không trách lắm khi chúng ta cũng bắt gặp "phong thái tự tại" trong thơ ông!

Đối với những cây bút mới, Mai Thảo là người rất ân cần thúc đẩy họ. Chúng ta thường bắt gặp điều ấy qua những bài tựa đầy khích lệ, hoặc trên diễn đàn *Văn*. Với những cây bút nữ, Mai Thảo tỏ vẻ dành cho họ nhiều ưu ái vì theo ông: *"Hiện tượng văn chương nữ phái mới lạ hơn nên ngoại mục hơn"* (*Hợp Lưu* số 1, trang 156) và *"họ viết rất được"* (*Thế Kỷ 21*, số 56, trang 36) Có lẽ chính sự "tiếp tay thân ái", chính cái tình đặc biệt của người anh với những người em nhiều hơn là ông thầy với những đứa học trò, nên thỉnh thoảng Mai Thảo vẫn được nghe họ gọi ông là "sư phụ".

Đành rằng Mai Thảo có thể có một ít người không thích hoặc không thích lắm hay vô số người hết lòng ngưỡng mộ, nhưng tài năng vẫn là tài năng, một cõi sáng tạo vẫn đúng là một cõi sáng tạo, và một đời văn chương vẫn là một đời được nhắc lại. Như Mai Thảo hằng nhắc nhở với chúng ta rằng: **Ở với văn chương, ở suốt cuộc đời".**

NGUYỄN THỊ THANH BÌNH



NGUYỄN THỊ HOÀNG BẮC

mai thảo: người anh trong gia đình



Con sâu nào mà chẳng làm rầu nồi canh? Và ngược lại, nồi canh nào mà dám chắc rằng không hề một đôi lần có lẫn con sâu? Vậy thì, trừ đôi ba con sâu mà tôi vừa kể trên, thì cái nồi canh văn nghệ mà tôi đã có và đang có là một gia đình kỳ cục đáng yêu, tôi nói mà chẳng hề mảy may run sợ hay nghi ngờ gì. Trong đó, theo một truyền thống tự nhiên, ai lớn tuổi hơn thì làm anh làm chị, ai nhỏ thì làm em, không có kiểu phân biệt chiếu trên, chiếu giữa, chiếu dưới như ở đình làng ta, không phân chia giai cấp, kẻ bóc lột và người bị bóc lột như học thuyết Marx-Engels, không chia loại kẻ tiêu thụ và người cung cấp theo luật cung cầu tối thiết của kinh tế tư bản, không độc tài, không dân chủ, không phong kiến, không có nhà nước, mỗi người dân không một lá phiếu (Văn bút hải ngoại là một ngoại lệ, không phải chuyện ở đây), cái gia đình đó thật vui nhộn, thật thân thiết, và vì là một gia đình mồ côi không có cha có mẹ (ai mà đòi làm cha làm mẹ, là tụi nó bảo đi chỗ khác chơi ngay) nên các anh chị em mỗi người một tánh, mỗi anh một tật, nhưng rất là thương quí nhau. Người ngoài gia đình, khó có thể hiểu được cái kiểu đứa này mua vé cho đứa kia đi chơi, ông em lại nhà ông anh trốn đào trốn vợ vài tháng và vẫn được vợ chồng ông anh cơm hầu trầu nước đầy đủ sáng trưa chiều tối, một người đau cả lũ nhao nhao khắp cùng trời cuối biển, người góp của kẻ góp công, tìm thầy mách thuốc chạy chữa... Những tình nghĩa hảo giao kiểu

anh chị em một nhà, tứ hải giai huynh đệ, từ ngày tham gia vào cái đại gia đình văn nghệ, tôi đi chơi ở đâu cũng không phải bận tâm kiếm người tới đón đưa ở phi trường, cũng không hề bận tâm đến việc thuê mướn khách sạn như trong những cuộc du lịch bình thường. Chỉ cần kêu một tiếng, rồi sau đó thì tha hồ trao thân lầm tướng cướp! Cũng nhờ các nam nữ tướng cướp khả ái đó mà tôi được biết mặt Toronto (tôi ở nhà Trần Sa), biết Montréal (nhà Võ Kỳ Điền), biết Santa Ana (nhà Trịnh Y Thư, Nguyễn Thị Ngọc Lan, Bùi Bích Hà), biết San Jose (nhà Phạm Việt Cường, nhà Lê Thị Thấm Vân) và còn được mở mang trí tuệ qua tận Mexico dưới sự bao che và chỉ đạo của ông bầu (nghĩa đen và nghĩa bóng) Trịnh Y Thư.

Vậy thì tôi phải nói về ông anh (có lẽ) lớn tuổi nhất trong đám những anh em bạn bè những lần tôi ngao du sơn thủy như thế nào đây? Hầu hết những lần đó tôi đều gặp được ông (Mai Thảo). Ông không ăn, chỉ uống, điều đó ai cũng biết. Ông đến, thường là cầm theo một túi giấy bọc bên trong một chai rượu (đề huề lưng túi gió trăng), tôi có tò mò hỏi rượu gì thì ông bảo là: "Cô-nhắc, tôi chỉ thích uống độc một thứ cô-nhắc thôi". Ông kể, có lần một người quen đi sang Pháp về đã biếu ông một chai rượu rất đắt tiền, trị giá hai ba ngàn đô gì đó, ông tiếc của định đem ra tiệm đổi lấy một thùng cô-nhắc mà túy lúy cho đã, nhưng tiếc là không đổi được. Trong khi các bạn bè ăn uống ồn ào, tranh cãi túi bụi, ông cũng tham gia nói, nhưng ăn thì nhất định là không. Ông cứ uống tà tà và càng say thì lại càng ít nói. Cho tới khi mặt đỏ gay thì ông đòi về.

Một lần đi ăn cơm với ông Hoài Bắc Phạm Đình Chương, ông Hoài Bắc không hiểu sao lại đột nhiên so sánh tôi với ông Mai Thảo. Hoài Bắc nói:

- Cô có năm điều hơn Mai Thảo: cô không nói nhiều như Mai Thảo, không uống rượu, không hút thuốc, hàm răng đều hơn Mai Thảo và nước da... trắng hơn Mai Thảo.

Tôi hiểu ông chỉ nói đùa thôi vì thấy tôi tập tễnh viết văn thì cũng muốn so sánh... chơi với một nhà văn vậy thôi. May mà không có ông Mai Thảo ở đó, nếu không tôi đã độn thổ.

Hàm răng Mai Thảo thật là ly kỳ! Làm sao mà ba cái hàm trên bên trái còn thì lại khớp với với ba cái hàm dưới mất và ba cái hàm dưới bên phải thì lại khớp với cái nướu không ở trên. Có lẽ vì "lợi thì có lợi nhưng răng ít còn" như thế mà ông ít ăn uống được chăng? Mấy lúc đó tôi lại thấy ông giống... ba tôi nên tôi năn nỉ ông:

- Anh ăn một tí gì đi không thì uổng công tụi em sáng nay gọi là đi ăn sáng với anh mà!

Rồi tôi tố thêm:

- Không lẽ sáng ra anh đã uống?

Lần đó ông gọi bún riêu, nước riêng bún riêng và đã ăn hết một nửa, phần còn lại tôi cảm hứng... ăn luôn. Sau đó về nhà thăm nhà của ông. Phòng ông ở gọn gàn ngăn nắp, phòng nhỏ, chỉ có giường ngủ kê cạnh bên bàn làm việc,

trên tường toàn treo ảnh những người... đã chết: Vũ Hoàng Chương, Cao Lĩnh, Vũ Khắc Khoan. Có một cái ảnh Hoài Bắc lúc trẻ rất đẹp. Có một tấm nhỏ ở giữa nhà, trông ông rất phong độ, mặc complet xám nhạt, có Kiều Chinh đứng cạnh mặc soirée đen tươi cười. Tôi hỏi tò mò:

- Không có ảnh Thái Thanh à?

Ông hơi cười, mắt tươi lên một tí rồi lắc đầu.

Lần khác tôi thấy ông giống... anh tôi. Tôi cũng có một ông anh uống rượu quá trời! Trong một tiệc cưới, dĩ nhiên là rượu thịt ê hề nhưng ông nhất quyết không hề đụng đũa mà chỉ uống cho tới khi mặt mày đỏ gay rồi đỏ tím. Tôi ngồi ngắm ông rồi bỗng nhiên cảm động vì cái hạnh phúc lẽ loi có lẽ ông đang có: "*...Quyền đang sống cái phút kỳ thú nhất của người say. Trong sự quay đảo dịu dàng của những hình thể lãng đãng trước mắt, của những âm thanh chìm nổi chập chờn, cơn say nổi lên khi vượt qua vùng xúc cảm sượng sần, biến thành đôi cánh khói nâng hồn Quyền bay lên. Lúc đó Quyền cởi bỏ được mọi hệ lụy đè nặng, chàng mặc sức sống cùng trí nhớ, chàng mặc sức hò hét múa may, tiến lui trên cái sân khấu tưởng tượng, bởi vì cái thế giới của Quyền khi say chỉ còn độc một mình chàng tỉnh, đó là một thế giới tự do và mênh mông vô cùng, cái thế giới dựng xây và xóa bỏ hoàn toàn theo ý muốn*"... (Mái Tóc Dĩ Vãng, tr. 112)

Cũng trong những bàn ăn cơm chung, có lần ông không say, sau vài vụ mấy tờ báo ế lôi một vài anh chị em viết lách ra chửi bới để bán báo, ông nói đùa đùa mà như nghiêm trang căn dặn:

- Anh chị em đã chơi với nhau thì phải tính tới chuyện chơi mãi mãi (ông nhấn mạnh hai chữ *mãi mãi*), không thể dựa vào một câu nói đùa, một lời thân mật khi cao hứng rồi đem ra thành chuyện bới móc bêu xấu nhau.

Mọi người đã im lặng thấm thía và chắc cũng như tôi mọi người có mặt ở đó đều thấy rõ điều này: Mai Thảo có thể nát rượu, Mai Thảo có thể nói nhiều như ông Hoài Bắc đã so sánh, có thể đã quát tháo anh em bạn bè nữa, nhưng chưa bao giờ, ta có thể tìm thấy bất cứ một câu, một chữ nào của ông nhằm phê phán nặng tay hay mạ lỵ ai bao giờ. Đó có phải là một thái độ quá tiêu cực, quá hững hờ với đời sống, không vay không trả vì không thương yêu nên chẳng muốn hệ lụy: "*... Nâng cái ý nghĩ bất biến này lên thành một khái niệm sống. Và đã sống từ trưởng thành từ vào đời như thế. Đó là tôi chỉ cần sống sao cho sòng phẳng với đời. Không vay, không trả. Không trả, không vay, thế là được. Thế là đủ, là xong.*" (Một Đêm Thứ Bảy, tr. 130). Và phải chăng điều ấy cũng thoát thân từ một cách sống hững hờ, không ràng buộc với cuộc đời, nên không vợ không con, không nhà không đất và... chuyên chính vô sản? Để cuối đời, Mai Thảo thú nhận sự đoạn tuyệt tuyệt đối ấy, dẫu đôi lúc có là ý nghĩ, cách sống, ông vẫn không cách gì rứt bỏ được hết những buộc ràng theo một nghĩa nào đó của cuộc đời: "*... Cái quan niệm sống chỉ cần sòng phẳng, cái cung cách sống không vay, không trả và cho như vậy là lẽ phải ở đời ở tôi đổ sập xuống. Như một sai lầm, như một mù lòa đổ sập. Lâm nguy, tôi đã*

cần đến sự cấp cứu của người, nhiều người. Kể cả các cháu nhỏ trong những gia đình tôi nằm ẩn. Cùng đường, tôi tồn tại, tôi vượt thoát, tôi sống còn được hoàn toàn không do nơi tôi mà do những bàn tay ân nhân nắm lấy, đã vớt lên như một kẻ chết đuối. Nếu không tôi đã cáo chung, đã tiêu tùng từ mười hai năm trước. Thế đâu còn phải là không vay không trả. Thế đâu còn phải là chỉ cần sòng phẳng là xong. Mà là nhận được, là chịu ơn, cái khối ơn nghĩa lớn lao mỗi lần tôi nghĩ tới còn làm tôi bồi hồi vì không biết bao giờ trả được." (Một Đêm Thứ Bảy, tr. 130). Ông đã trần tình cặn kẽ như thế thì chắc chẳng ai trong chúng ta dám nghi ngờ tấm lòng của ông đối với văn chương, với bạn bè, người quen kẻ lạ.

Tôi chợt có một liên tưởng rất nhanh, một tư lự đến giữa hai người cùng sống chết một đời với văn chương nghệ thuật mà cuộc đời riêng tư thì lại rất khác biệt nhau, một người mà chính Mai Thảo đã tặng cho danh hiệu: *Người lên xuống xe hoa xoành xoạch nhất*, Du Tử Lê, trong một "bảng vàng Văn Học" ở một số báo Tết năm nào. Trong khi Mai Thảo không vợ không con cho đến cuối đời thì nhà thơ du tử, theo thống kê chính thức, anh đã lên xuống xe hoa... năm lần. Và rồi trong bài thơ mới nhất của anh đưa ra vào dịp Tết Giáp Tuất năm nay, anh đã đọc cho mọi người nghe một bản tuyên ngôn với cuộc đời như sau:

"... Cùng ta, yêu dấu
chúng ta sẽ tuyên đọc rõ to
(đúng rồi)
tuyên ngôn mới
một tuyên ngôn: lạc loài
của những người muốn văng tục
vào giữa mặt kiếp khác
cách gì có đời sau
tàn phai / gió / hắt lại
thập giá: thịt xương ta
đóng đinh: bằng chối tội"
(Tuyên Ngôn Của Một Người Không Cần Kiếp Sau.
Hợp Lưu số 15)

Một người không dám vung tay vay mượn bất cứ điều gì của đời, không dám xin xỏ ân huệ nào vì lý do mình không sòng phẳng, thì lại nhiệt liệt cám ơn đời, mang nặng tình nghĩa với mọi người, một người khác lại tiêu xài phung phí những hệ lụy giăng mắc và có lẽ biết mình khánh tận không có gì để trả nợ những tình sâu nghĩa nặng mà mình đã trót vay, thì đành phải đọc tuyên ngôn xí xóa? Và như thế, tôi có thể chôm một từ của Mai Thảo mà rằng: "Cõi văn chương" là một cõi hết sức ly kỳ mà ở đó, người vào cuộc chơi chẳng thể che đậy dấu diếm được gì.

Nhưng nói đến ông anh mà không nói đến cái style Mai Thảo là chưa đủ, là còn thiếu sót lắm lắm: *"... Khoa, tiệm thuốc tây ngoài phố chính. Khoa những bó hoa, những chiếc bánh gửi mừng từng sinh nhật. Khoa của một tỏ tình chưa đậm, nhưng một đính hôn đã là. Khoa của một mái tóc cắt ngắn, khỏe mạnh, mày râu nhẵn nhụi, trong khi đám bạn bè theo Khoa tới quán tóc dài thượt tới gáy, để râu từ lông tơ. Tôi nghĩ đến Khoa. Tách thoát. Rưng rưng. Không yêu không nhớ." "... Huyền cười. Sao mới bảnh mắt, còn sương đêm, cái đứa em gái tôi đã tỉnh táo, đã buổi trưa, buổi chiều, được đến như vậy*" (ôm Đàn Tới Giữa Đời, tr. 10, 11). Mai Thảo sử dụng chấm, phẩy tài tình, xáo trộn động từ, danh từ, tĩnh từ tuyệt mỹ trong những câu văn hết sức làm dáng Mai Thảo mà sau này ông vẫn sử dụng điệu nghệ trong những bài "Sổ Tay" khó có ai bắt chước được. Có một vài cây bút cố thử bắt chước, nhưng chắc là bắt chước không hay nên đã bị Hồ Trường An xếp vô loại *"đạp cứt Mai Thảo"*, có cả một ca sĩ viết báo cũng tập viết lối văn này thì người đọc đau khổ mà thấy mình phải bị nuốt những lát gừng xắt lia chia không chịi nghỉ. Vậy thì một đường kiếm đẹp, một thế võ hay mà không tìm được đệ tử để chân truyền thì một là nó khó quá, hai là nó không có lợi ích thiết thực cho người võ sinh chăng, nên người ta mới không chịu dụng công luyện nó? Dẫu sao thì sự độc đáo vẫn của nguyên Mai Thảo. Về "nổi lập dị" về cách viết các chữ "s" hoặc "x" trên Sáng Tạo hồi đó, không chắc có phải là ý của Mai Thảo không mà những nhà văn nhà thơ gốc miền Nam rành rành như Nguyễn Xuân Hoàng, Nguyễn Đức Sơn lúc đó cũng đều viết là *"suôi dòng thời gian"*, *"những suôi sỏi này em bỏ cho qua đi"*, và ngược lại *"xáng xuốt"*, *"xung xướng"* dẫy đầy trong những bài thơ câu văn. Cũng may, anh Hoàng chưa viết tên mình là Nguyễn Suân Hoàng và anh Sơn cũng chưa kịp đánh vần tên anh là Nguyễn Đức Xơn thì có lẽ phong trào đã xẹp, đỡ khổ cho tôi hồi đó ăn xong cứ cãi lộn lỗi chính tả với mấy tên Bắc Kỳ!

Cho đến nay, mỗi khi đi vớ vẩn dạo chơi ở mấy tiệm sách Việt Nam, tôi vẫn thường bắt gặp một vài người bạn đọc đủ mọi tầng lớp và lứa tuổi, vẫn tìm mua và đọc sách của Mai Thảo. Người trẻ thì có thể vì tò mò, người lớn hơn có lẽ muốn tìm lại một chút tâm tình, một chút dư hương của cái tâm trạng rã rời, buồn bã của lớp thanh niên Sàigòn hồi ấy mà họ là một trong số đó, hoặc ít ra cũng đôi ba lần cảm thấy được tâm trạng chán chường bế tắc của mình như thế: *"Tuổi trẻ bây giờ có thể làm được những cái bậy nhất. Đàn ông chúng mình đùa với cái chết bằng cách họp đảng đâm chém nhau, như tôi đã làm. Đàn bà họ không đâm chém được ai, thì họ tự tử. Ngày nào cũng có một người con gái tự tử. Cậu không xem áo hàng ngày sao? Cậu biết cái gì dễ làm nhất không? Tự tử. Phải, tự tử dễ nhất. Tự tử dễ hơn sống nhiều. Dễ hơn một triệu lần*" (Mái Tóc Dĩ Vãng, tr. 244). Ở một mặt tích cực nào đó, tôi bỗng vui vẻ mà tưởng tượng rằng, nếu có dịp về lại được Sàigòn, cúi đầu đi dưới những hàng cây sao và đọc thầm truyện Mai Thảo, quả là phép mầu sẽ xảy ra, vì tôi sẽ thấy mình trẻ lại được ba mươi tuổi, cái tuổi thanh niên ở

Sàigòn thuở ấy.

Cám ơn chàng thanh niên Bắc kỳ di cư Mai Thảo đã giữ hộ lại được một phần hồn của Sàigòn buổi ấy cho chúng tôi!

Nhưng tôi là người thích viết truyện ngắn, do đó thích đọc truyện ngắn hơn. Cái truyện *"Một Truyện Rất Ngắn"* của ông (trong tập *Một Đêm Thứ Bảy*), chỉ dài đúng một trang giấy chữ in nhưng là cái truyện làm tôi sững sờ nhiều nhất, xúc động nhiều nhất. Một truyện không thừa, không thiếu, cắt một chữ không xong, thêm một chữ cũng không được, trọn vẹn, tròn đầy, tuyệt vời với hành văn rất Mai Thảo: *"Thật lâu. Trong tối. Rồi khóc một mình, khóc ngồi lên, khóc xuống giường, khóc chân đất đi ra."* *"Nàng đưa chúng trở lại bàn. Kéo ghế. Ngồi xuống. Hai bàn tay trắng muốt của nàng, ngón út cong lên, khởi sự cuốn dần những cuốn bì tròn trĩnh. Xong. Nàng nhặt từng cuốn, nhúng vào nước chấm. Và bắt đầu ăn. Nàng ăn, đói bụng, đẹp mắt, ngon lành, phúng phính, đầy miệng. Và vừa ăn vừa khóc tiếp"* Một truyện ngắn tiêu biểu của những quan sát tinh tế, những thương cảm không dứt về nỗi cô đơn của con người, sự mong manh của những hệ lụy tình yêu bàng bạc đây đó trong "cõi văn chương Mai Thảo": *"Hạnh phúc và yên vui của một đời người mong manh quá chừng"* (Sau Giờ Giới Nghiêm tr. 161). *"Người ta sống để yêu, yêu để sống. Nhưng đó chỉ là cái khía cạnh đam mê, ồn ào thấp nặng của cuộc đời. Chàng muốn lãng tránh sang cái vùng bên kia như một bãi sông yên tĩnh, nằm ngó trời cao, và ngủ. Thức dậy, lại ngó trời cao và ngủ nữa. Cyàng muốn sống như thênh thang gió thổi, ngất ngây mây trời, vật vờ như áng khói bay hư vô trong cái thế giới tịch mịch cô đơn, cho đến khi được về trong khoảng biếc"* (Mái Tóc Dĩ Vãng, tr. 125) và cũng rất ngậm ngùi của con người quá nhạy cảm Mai Thảo đối với cuộc đời *"Những nỗi buồn lớn trước thời thế, trước đời sống, thường đến như một bao trùm và xâm nhập toàn diện, với những triệu chứng báo trước như những vết thương sẵn có từ bao giờ nên cảm giác tê đi không biết đớn đau. Trái lại, những nỗi buồn nhỏ là những mũi kim thình lình đâm vào tim phổi, và trong Quyền sự buốt nhói ấy còn ngân vang mãi mãi"* (Mái Tóc Dĩ Vãng, tr 50).

Mai Thảo, ông anh lớn trong gia đình văn nghệ của tôi, tôi muốn nhân dịp này nói với ông:

"Anh Mai Thảo, như lời dặn "mãi mãi" của anh, anh phải *mãi mãi* là ông anh quý mến của các em và cũng thế mọi người sẽ *mãi mãi* giữ thân tình với nhau trong đại gia đình văn nghệ rất thân ái của chúng ta".

NGUYỄN THỊ HOÀNG BẮC

(2. 1994)



TRẦN VĂN NAM

thơ như một đường gươm đơn sơ qua thi tập của mai thảo



I. *Thơ như một xóa bỏ tận cùng. Từ xóa bỏ chính nó.* Nhà văn Mai Thảo có một sự nghiệp lớn về văn học. Ông là tiểu thuyết gia của những truyện tình dài. Ông là nhà văn sáng tạo của nhiều tập truyện ngắn. Ông là người chủ biên của những tạp chí dài hơi ở quê nhà và tại hải ngoại. Nhưng ông lại coi thơ là tiếng nói tận cùng và chung quyết của văn chương, nên văn học không nói tới thơ của ông là một thiếu sót.

Theo quan điểm của ông, cái *"không còn gì nữa hết là thơ"*. Quan điểm này rất gần với với cái Đạo không diễn tả bằng ngôn ngữ thế gian được của Lão Tử, hay vô ngôn như "niêm hoa vi tiếu" của Phật Giáo Thiền tông. Vấn đề này thật thâm viễn, xin không lạm bàn ở đây. Đi sát với quan điểm này, ông có những bài thơ thực sự như muốn xóa bỏ ngôn ngữ văn chương, xóa bỏ cái thẩm mỹ của nghệ thuật, cái thi tính của thơ, vượt qua cảm nhận của thưởng ngoạn bình thường. Làm thơ như ăn như ngủ, rất gần với thơ Bùi Giáng mà ông có dịp nhắc đến (Trong bài phỏng vấn những điều ông biết về nhà thơ Đinh Hùng).

Đẩy linh cữu bạn vào lò hỏa thiêu
Trở về phòng riêng lấy rượu uống
Ly rượu không bạn buồn lạ lùng
Cứ uống như lúc bạn còn sống.
(Không Bạn)

Quả thật như một xóa bỏ thơ, không vần điệu, không trau chuốt ngôn từ. Nhưng đọc thấy thấm thía cái chấm dứt dửng dưng của số kiếp con người. Ý tại ngôn ngoại. Mỗi người đọc có thể thấm thía một nội dung.

Cánh rừng đang đổ gốc rồi gốc
Giờ đổ gốc nữa đổ cái xập
Đứng ngây nhìn cái đổ thế nào

Để tự đổ mày thấy đổ tao
(Rừng Bạn)

Bạn bè lớp lớp như rừng rồi lần lượt ngã gục. Số kiếp đốn hết cây này đến cây khác. "*Đổ cái xập*" nghe thật tức cười, nhưng hàm ý cái sự chấm dứt mỗi đời người là vô phương chống đỡ. Cũng là ý tại ngôn ngoại.

II. *Thơ như một nghệ thuật trau chuốt*. Ngược với các bài thơ có thể nói sát với quan điểm thi ca của ông đã kể trên, ông còn có các bài thơ thật trau chuốt. Các bài thơ *Ta Thấy Hình Ta Những Miếu Đền Chờ Đợi Nghìn Năm - Em Đã Hoang Đường Từ Cổ Đại... có thể nói là cao điểm của nghệ thuật thi ca mai Thảo. Những câu thơ đẹp lóng lánh như kim cương, trong đó ta thấy thấp thoáng cảnh chim huyền sử, cái thâm trầm thấu thị của siêu hình Phật Giáo:*

- Sao không, hạt cát sông Hằng ấy
Còn chứa trong lòng cả đại dương

- Sao không, một điểm lân tinh vẫn
Cháy được lên từ đáy thẳm khơi

- Sao không, nhật nguyệt đều tăm tối
Tự thuở chim hồng rét mướt bay.

- Ta cúi đầu đi khỏi bãi đời
Như vì sao mỏi muốn lìa ngôi
Như thuyền xa bến vào muôn biển
Tới đáy rừng chôn giấc ngủ voi

"*Như thuyền xa bến vào muôn biển*" gợi nhớ con thuyền bôn tẩu xa lánh đời sống văn minh. "*Tới đáy rừng chôn giấc ngủ voi*" gợi nhớ hình ảnh các vị đại sư trên cốc xa lánh cuộc đời huyên náo. Thơ với ông, trọn đời như một tình yêu kín thầm, tới cuối đời mới chịu phơi bày ra ánh sáng. Cái tâm sự này hình như ông đã gởi gấm vào bài *Em Đã Hoang Đường Từ Cổ Đại.*

III. *Thơ như một đường gươm đơn sơ. Ba bài thơ sau đây đạt tới chỗ rất tự nhiên của Mai Thảo. Đạt tới chỗ tự nhiên hàm ý nghĩa không phải tự nhiên mà có. Đường gươm gọn gàn tưởng chừng đơn sơ không phải tự nhiên mà thành tựu:*

Sớm ra đi sớm hoa không biết
Đêm trở về đêm cành không hay
Vầng trăng đôi lúc tìm ra dấu
Nơi góc tường in một bóng gầy
(Không Tiếng)

Khía cạnh thơ vẫn có trong đời sống thường nhật. Tác giả bắt được cái thi

tính đó. Nó thật với đời sống hằng ngày đi về nơi phòng trọ cũng là chỗ làm việc của ông. Vầng trăng tuần hoàn là người bạn lặng lẽ soi bóng tác giả vào góc tường. Gợi nhớ câu thơ của thiền sư Viên Chiếu "*Theo gió, tiếng còi luồn bụi trúc / Kèm trăng, bóng núi quá đầu tường* (Ngô Tất Tố dịch). Thảo mộc, vầng trăng, bóng người, xưa sau vẫn còn là thi tính, nguồn cảm hứng cho thi ca. Nó không mất tích trong cái huyên náo của cuộc đời. Ta phải biết bắt lấy. Toàn bài rất giản dị mà lại hay, từ dùng đơn sơ mà thi tính luân lưu tỏ rạng.

Nửa khuya đợi bạn từ xa tới
Cửa mở cầu thang để sáng đèn
Bạn tới lúc nào không biết nữa
Mưa thả đều trên giấc ngủ đen.
(Đợi Bạn)

Bài thơ hay ở tình bạn, ở từ dùng đất địa, và vẫn là cái khung cảnh có thi tính. *Mưa thả đều* và *cầu thang để sáng đèn* diễn được cái ý trông ngóng và thời gian dài chờ đợi. Ta hình dung một đêm mưa gió, các người bạn đang tới một phi trường bão rớt, mưa dằng dai...

Đi vắng từ xa trở lại nhà
Bộ đồ cũ mặc, ấm trà pha
Tựa lưng vào vách tường thân thuộc
Trong cái riêng buồn thấy lại ta
(Bộ Đồ Cũ Mặc)

Bài thơ hay ở chỗ buồn lắng của nội tâm. Sau những chuyến đi, sau những dặm dài của quãng đời, sau những công trình văn học, sau những vinh quang, có lẽ ông buồn vì cảm nghiệm trùng hợp ý tưởng của một nhà văn nào đó: "Đời người rốt cuộc đều là những đam mê vô ích". Ta không nghĩ như vậy. Bài thơ còn hay ở cái khí vị Đông phương: "*Bộ đồ cũ mặc, ấm trà pha*". Tác giả tìm được một chút nhàn bên cạnh cái trôi chảy của đời sống huyên náo, sát với quan niệm nhàn không cần phải tìm ở đâu xa. "*Nguyệt lai môn hạ nhàn*".

Đường gươm múa lượn tượng trưng cho thơ như một nghệ thuật trau chuốt, giống như kiếm pháp của người Tây phương ta có dịp thấy qua trên màn ảnh. Còn đường gươm xóa bỏ đường gươm, chỉ còn là những đường bay của tinh lực; tượng trưng cho quan điểm thi ca rất gần với Đạo học, gống như "Tịch tà kiếm pháp" hoặc "Hấp tinh đại pháp" rất huyền bí mà ta có dịp đọc qua trong các truyện võ hiệp Kim Dung. Cuối cùng là đường gươm nhanh gọn tưởng như giản dị đơn sơ, tượng trưng cho nghệ thuật qua đó thơ làm lộ ra cái thi tính trong cái thật của cuộc sống thường nhật. Đó là đường gươm không xóa bỏ phương tiện đao kiếm, còn chập chờn hình dạng ở cách thủ thế, nhưng một khi vung tay thì nhanh gọn nên ta có cảm tưởng rất đơn sơ, không còn dấu vết của kỹ thuật tập luyện, giông như kiếm pháp của một võ sĩ đạo Nhật Bản.

TRẦN VĂN NAM



PHAN TẤN HẢI

đọc thơ mai thảo



Mai Thảo thường được biết như nhà văn, và là một trong những người viết nhiều tiểu thuyết nhất trong các thập niên qua. Gần đây, từ năm 1989, với tập thơ *Ta Thấy Hình Ta Những Miếu Đền,* ông lại được nhắc đến như một nhà thơ nhiều sức thuyết phục. Có lẽ, ông không làm thơ nhiều—nếu trải những bài này dọc suốt đời ông—nhưng có người đã bắt đầu nhắc tới nhà thơ Mai Thảo cũng tự nhiên như nói tới nhà văn, nhà báo Mai Thảo. Ở đây, chúng ta sẽ thử tìm hiểu một vài khía cạnh trong tập *Ta Thấy Hình Ta Những Miếu Đền.*

CÁC PHẦN TỬ THƠ

Nơi trang 1 là bài "Bờ Cõi Khởi Đầu," được ghi nơi phần Mục Lục nguyên văn như:

thay cho lời vào tập: bờ cõi khởi đầu, 1.

Chúng ta có thể ghi nhận sự phân biệt cách viết *chữ hoa* (upper case) với *chữ thường* (lower case) ở một số nơi để tìm hiểu thêm. Với một người suốt một đời sống chết với chữ nghĩa như Mai Thảo, hẳn nhiên không tình cờ mà chữ này hoa hay chữ kia thường. Khi chúng ta viết "Bờ Cõi Khởi Đầu," theo thói quen ngữ pháp cho tựa bài, thì đã thấy có gì không nắm được chủ ý nhà thơ; nhất là khi đọc dòng ở Mục Lục "bờ cõi khởi đầu," thì mới tin *chữ thường* hay *chữ hoa* trong tập đều mang dụng ý.

Trong tất cả các bài thơ khác, nơi chữ đầu mỗi câu đều được viết hoa, cũng trong thói quen của nhiều nhà thơ. Cách viết mỗi người, hay là cách trình bày bản văn, tức là cách xuất hiện của tác giả, còn lộ ra cách nhìn về thế giới của mỗi người viết.

Tại sao phải "bờ cõi khởi đầu" mà không là "Bờ Cõi Khởi Đầu"?

Theo Rousseau, trong *Confessions*, ngôn ngữ được hình thành để nói, viết chỉ là phần phụ thêm cho ngôn ngữ nói. Cho dù đồng ý với Rousseau hay không, ngay khi viết "bờ cõi khởi đầu" ta đã có thể thấy khác với "Bờ Cõi Khởi Đầu," phần chính bởi vì ta không thể thoát khỏi cách đọc, như một trong những bản chất bất khả phân của ngôn ngữ. Và vì vậy, những khoảng trống, những dòng trống trong thơ, tự thân cũng nằm trong mạch đọc của thơ; và dĩ nhiên, ngay cả những phần tử không phát âm được của ngôn ngữ, một số dấu hiệu nào đó, như các nhà thơ Beats thường dùng.

Riêng với lời vào tập, cách viết trong dạng chữ thường còn thích nghi với nội dung. Nếu gạt bỏ những chữ đã hơi sáo, thường dùng, thiếu tính trực tiếp (tức hiểu qua một lăng kính văn chương của quá khứ), như *viễn phương, lục lục, trùng trùng, điệp điệp, dặm hồng, dặm biếc...* (tr.1-5) để tìm nghĩa, thì một nơi, nhà thơ viết, "Cõi không là thơ. Không còn gì nữa hết là thơ. Nơi không còn gì nữa hết là thơ. Nơi không còn gì nữa hết là khởi đầu thơ. Một xóa bỏ tận cùng. Từ xóa bỏ chính nó. Tôi xóa bỏ xong tôi. Không còn gì nữa hết. Tôi thơ." (Tr. 5)

Nếu đã gọi là "Tôi thơ," thì hiển nhiên không thể có cái gọi là "bắt đầu thơ" hay "tận cùng thơ," bởi vì không còn cái "tôi làm thơ" với cái "tôi tạm ngưng làm thơ." Và vì vậy, các chữ "bờ cõi khởi đầu" phải viết trong chữ thường mới hiển lộ được quan điểm về thế giới của bài này. Bởi vì, ngay khi viết "Bờ Cõi Khởi Đầu" thì đã thấy có khởi đầu, và đương nhiên phải có mép bờ biên giới, có cái chi còn gọi được là chấm hết, nghĩa là không thể gọi được là "Tôi thơ." Điều này có thể khẳng định mạnh hơn, nếu chú ý tới tất cả những chữ cần viết hoa theo thói quen (Hy Mã Lạp Sơn, Trang Tử, Nam Hoa Kinh, Thôi Hiệu), Mai Thảo lại viết trong dạng chữ thường. Trong cách trình bày vào tập như cách lý giải này, nếu dùng nhiều ngôn ngữ trực tiếp hơn, thì có lẽ người đọc thâm cảm hơn với ông, một thế giới không biên bờ, không phân biệt, nơi của—có lẽ—ngôn ngữ sẽ bất lực (nếu thật sự có khi nào ngôn ngữ có-lực, đây cũng là một điểm để ngờ vực). So sánh, ta sẽ thấy trong các bài khác, Mai Thảo lại tôn trọng quy ước viết hoa mẫu tự đầu cho các danh từ riêng.

Jonathan Culler, trong tác phẩm *On Deconstruction, Theory and Criticism after Structuralism* (Về Giải Cơ Cấu, Lý Thuyết và Phê Bình sau Chủ Nghĩa Cơ Cấu Luận), trang 103, đã ghi lại lời của Jacques Derrida (*De la Grammatologie),* rằng ngôn ngữ tự nhiên, chân thực... chưa bao giờ hiện hữu. Điều này muốn nói, trong chức năng phụ thêm cho ngôn ngữ nói, chữ viết trước tiên là dấu hiệu. Đối với thi ca, luận điểm này sẽ giải thích thêm được cách viết của nhà thơ.

Chúng ta thử đọc bốn câu sau ở trang 73, bài "thủy tận" (nhan viết chữ thường theo nguyên bản):

Em đi vừa khuất trên đầu phố

Anh đuổi theo sau bóng đã nhòa
Đứng sững. Mới hay lìa cách đã
Sơn cùng thủy tận giữa đôi ta

Điều thấy trước tiên, các mẫu tự đầu câu đều được viết hoa. Nếu chúng ta tìm đọc các nhà thơ trẻ như Khế Iêm, Đỗ Kh., thì có thể (thử giả thiết) thấy sẽ được viết trong dạng chữ thường. Cả hai cách trình bày bản văn sẽ hiển lộ những thế giới thơ khác nhau. Thử viết lại:

em đi vừa khuất trên đầu phố
anh đuổi theo sau bóng đã nhòa
đứng sững. Mới hay lìa cách đã
sơn cùng thủy tận giữa đôi ta

Và cũng giả thiết rằng người đọc đã thuộc lòng bốn câu trên, xin hãy nhắm mắt đọc lại. Chúng ta sẽ thấy người ta sẽ đọc theo hai cách khác nhau, tùy theo họ hình dung mẫu tự đầu viết hoa hoặc viết thường.

THỜI GIAN TRONG THƠ MAI THẢO

Trước tiên là khái niệm về thời gian—theo Kant thì thời gian và không gian là hai phạm trù tiên nghiệm, mà chúng ta luôn luôn bị gắn bó trong chính tư tưởng. Chữ hoa mẫu tự đầu, một cách tự nhiên, chỉ ra một khởi đầu và một chấm dứt. Mỗi câu, trong cách viết thứ nhất, cho dù có nghĩa nối tiếp với câu kế, vẫn tự thân là một thế giới tự đủ nghĩa (không hẳn là đủ nghĩa, nhưng là trọn vẹn), độc lập.

Trong cách viết thứ hai, sau khi đọc xong, dù là tới câu cuối, thì vẫn hình dung như còn gì chưa chấm dứt—không đơn giản chỉ vì không có khởi đầu—nghĩa là không có gì phân biệt với thời gian khi chưa đọc với thời gian khi đã đọc xong (nghĩa là có tính liên biến).

Nếu dùng chữ cho nghiêm trọng thì nơi đây hiển lộ được siêu hình học về thời gian của nhà thơ. Thời gian trong cách viết đầu là thời gian đường thẳng, chịu ảnh hưởng triết học Tây phương. Thử duyệt lại tập thơ Mai Thảo, chúng ta cũng thấy một số ngôn ngữ cho thấy điều này. Mặc dù ông cũng nói tới *cõi không, Trang Tử, Nam Hoa Kinh*... nhưng khi lý luận, ông lại nhắc tới *hủy thể của hủy thể trở thành nhánh lúa* (ảnh hưởng biện chứng pháp Tây phương) nơi trang 4, hoặc *hạt hủy thể cho mầm sinh từ hạt* (tr. 94), hoặc *bản ngã đã nhị trùng* (tr. 94, ảnh hưởng Freud), hoặc rải rác rất nhiều nơi là ám ảnh của *cái chết*—trong một phân biệt rạch ròi giữa *cái không* và *cái có*.

Trong khi cách viết thứ nhì—với chữ thường cho mẫu tự đầu câu—hiển lộ một thời gian vòng tròn của Đông phương. Đọc câu đầu vẫn có thể chưa hình dung được đây là câu đầu. Đọc câu cuối, vẫn chưa chắc nghĩ đây là câu cuối. Nghĩa là không có phân biệt giữa cái ngoài thơ và thơ. Nghĩa là thơ như một dòng sống chảy.

So sánh trong cách nhiều hình ảnh, thì cách viết thứ nhất (và nhà thơ Mai Thảo trong trường hợp này) như những tấm ảnh rời nối tiếp nhau. Và cách viết thứ nhì gần với cinema hơn. Điều này không hoàn toàn liên hệ gì tới việc thơ hay hoặc thơ không hay, nhưng giúp người đọc tiếp cận hơn với thế giới của bản văn. Nói cách khác, lý luận này có thể giúp đi tìm rõ các phần tử thơ của người viết.

NGÔN NGỮ PHẦN MẢNH

Cũng lấy bài thơ trên, chúng ta thử đọc lại câu thứ ba:

Đứng sững. Mới hay lìa cách đã

Cũng trong cách nhìn ngôn ngữ như dấu hiệu, thì câu vừa viết đã trở thành tám (8) chữ, không còn ở thể thất ngôn. Dấu chấm sau chữ sững đã trở thành một chữ câm, nhưng mang hẳn một tác dụng khác với trường hợp không có nó, hoặc với trường hợp dấu phết. Điều có thể thấy, dấu chấm nơi đây không nằm trong mạch ngữ pháp thông thường. Thử viết theo thói quen ngữ pháp:

Đứng sững, mới hay lìa cách đã

Trường hợp này, các dấu chấm câu (punctuation) sẽ chỉ giữ vai trò làm sáng sủa nghĩa câu văn. Nhưng thử đọc một lần nữa theo cách sau, với dấu chấm đứng đầu toàn câu:

. Đứng sững, mới hay lìa cách đã

Dù có đọc được dấu chấm ở đây hay không (tức một dấu lặng dài hơn dấu phết) thì dấu này đã trở thành một phần tử gắn liền với thơ, tức ngoài chức năng làm sáng sủa của ngữ pháp. Tương tự, với cách đơn giản hơn, dấu chấm sau chữ sững cũng mang một tác dụng gắn liền với thơ, không hoàn toàn giữ một vai trò văn phạm.

Tới đây thì sự tham dự của người đọc vào bản văn sẽ rõ ràng hơn, và có thể tác dụng sẽ ở ngoài dự liệu của chính nhà thơ, và vì hiển nhiên mỗi người sẽ đọc bản văn theo cách riêng của chính mình, không dùng văn phạm như thói quen chuyên chở ý nghĩa.

Mai Thảo, ngay trong cách viết văn cũng vậy, cũng thường cố ý đặt những câu không đầy đủ, có tính phần mảnh. Chúng ta gặp những cách dùng này rất nhiều trong các bài "Sổ Tay Mai Thảo" trên báo *Văn* mỗi tháng. Và điều này hẳn nhiên có dụng ý hẳn hoi. Chúng ta ở đây không có ý phê phán điều này là hay hoặc không hay, nên hoặc không nên, nhưng chỉ tìm cách khảo sát ngôn ngữ của ông.

Ngôn ngữ, khi tách rời thói quen ngữ pháp, sẽ mơ hồ, dễ (bị/được) hiểu theo nhiều nghĩa khác nhau (Nhưng có thực ngôn ngữ viết chỉ là để cho hiểu được chỉ một nghĩa, trong khi ngôn ngữ viết vẫn liên tục tìm nỗ lực để tự phá hủy chính mình; bởi vì nếu không, ngôn ngữ viết sẽ chỉ giữ duy nhất chức năng truyền thông, như những dòng chữ quy định sẵn phóng lên từ máy điện

toán.) Một thí dụ thường được nhắc đến, để rõ nghĩa này, như câu sau không nhớ của ai: *Chàng mặc áo. Cụt tay.* Ở đây, *chàng* cụt tay, hay *áo* cụt tay? Dĩ nhiên, nếu đặt vào mạch văn, một toàn cảnh đưa tới câu này, chúng ta có thể biết rõ *chàng* hay *áo* cụt tay. Dick Perry cũng thích đưa một thí dụ tương tự: *He took a cigar from his pocket and lit it.* (Chàng móc điếu xì gà trong túi ra, và đốt nó) Câu ông muốn hỏi là, *đốt cái gì, điếu xì gà hay túi áo?* Tuy nhiên đó một thí dụ cực đoan giải thích được chức năng làm sáng sủa của văn phạm. Nhưng thực tế, trong nhiều trường hợp, ngôn ngữ—nói hoặc viết—vẫn

tự
thân là cái
gì ẩn
tối.

Đó là chưa nói tới chuyện ngôn ngữ viết—tức văn chương, xin quên hẳn thứ ngôn ngữ toán học, chính trị... ở đây—vẫn luôn luôn tìm những lối ngõ tự vượt chính mình.

Nhưng thơ Mai Thảo không có gì bí hiểm, ẩn tối như nhiều nhà thơ khác. Ông có lẽ sẽ là nhà thơ cuối cùng của dòng thơ mới Việt Nam—chữ *mới* đây mang nghĩa thường dùng từ thời tiền chiến, có lẽ người xưa dịch chữ này từ chữ *modernity*—hoặc sẽ có thể là người đứng giữa dòng *thơ mới* (trong nghĩa trên) với các nhà thơ thế hệ sau (giả thiết những người sau đang bước vào trong ngôn ngữ hậu hiện đại, postmodernity).

VÀI ĐẶC TÍNH CỦA THƠ MAI THẢO

Tại sao lại đặt ông trong dòng *thơ mới*, trong khi nhóm *Sáng Tạo* của ông lại tìm cách vượt qua những ngôn ngữ này? Chúng ta có thể thấy những ngòi bút trong *Sáng Tạo* khác hẳn với văn phong thời tiền chiến, mỗi người đều có ngôn ngữ riêng. Nhưng tinh thần chung vẫn trong một hướng nhìn của chủ nghĩa hiện đại (modernism).

Tư tưởng hiện đại khởi từ cuộc cách mạng Pháp, tin vào lý trí, công bằng, hướng về các lý tưởng nhân bản, và chỉ định hình từ khi chấm dứt chủ nghĩa lãng mạn (romanticism). Thơ mới Việt Nam (tức thơ tiền chiến) và Tự Lực Văn Đoàn là các cậu thanh niên con đẻ của tư tưởng này. Văn học mác-xít và hiện sinh cũng là các người con khác của tư tưởng hiện đại.

Ngôn ngữ thơ Mai Thảo không rời được truyền thống trên. Trước hết ông nhiều chất Tây phương hơn Đông phương. Cho dù vẫn nói về Nam Hoa Kinh, về cánh bằng Trang Tử, về cái không, nhưng *tất cả chuỗi các câu thơ đều theo một trật tự luận lý.*

Trật tự về hình thức thì là lục bát (trong tập có 2 bài), thơ thất ngôn (đa số trong tập), thơ tự do (cũng có vần điệu). Thí dụ như một bài không hạn định số chữ như sau ("cái quần rất cũ," tr. 72):

Những chiếc jeans bóng loáng dẫy khuy đồng
Treo dưới nắng cùng sarong sặc sỡ
Giữa vải lụa trăm mầu mới mở
Một cái quần rất cũ
Theo người vào sinh tử
Vẫn hàng ngày âu yếm đem phơi

Còn trật tự về nội dung? Cũng thí dụ với bài trên và cả bài trích dẫn ở phần đầu, chúng ta ghi nhận tác giả chuyển ý rất mạch lạc, kể sự theo một dòng chảy hợp luận lý, không có gì khó hiểu. Mai Thảo bị ám ảnh bởi tính sáng sủa của lý trí. Ông không thể viết được sự rối loạn của tâm thức con người, lý do vì tư tưởng hiện đại là đứa con của lý trí, của hãnh tiến khoa học. Ngay cả những nỗ lực khai phá thế giới *phi lý* của tư tưởng hiện sinh cũng là những vùng vẫy trí thức, hợp luận lý khi bắt đầu trực nhận được thế giới đang trôi tuột ra khỏi các giải thích khoa học.

Thế giới thực sự ở ngoài khoa học, ngoài lý luận, trong quan điểm tư tưởng hậu hiện đại. Người ta có thể lấy khoa học giải thích thế giới, nhưng họ không thể tin được rằng họ đã nắm bắt được *sự thật* của thế giới. Anh có thể giải thích khoa học mọi hiện tượng, nhưng anh không thể nói *đó là sự thật.*

Vì vậy, trong cách nhìn sau này, tiểu thuyết không cần có khởi đầu và cũng không cần có chấm dứt (như trường hợp meta-fiction), bởi vì chuyện ngoài đời thật sự thì không đầu không cuối. Một cuốn sách trong quan điểm này luôn luôn là cuốn sách *mở*. Và người đọc thì tùy nghi, muốn đọc ngược từ trang cuối về trước cũng được, nếu thích, bởi vì nó tự là cuộc đời trước. Và, chẳng hạn, bạn có thể đọc thấy thiên thần hạ cánh trên phố New York bắt tay một cậu bé, có hề gì đâu.

Và thơ dĩ nhiên cũng không có dòng đầu dòng cuối, và có thể cả những chữ không phát âm được (thí dụ *, &, , #, @, vân vân) mà cũng chẳng sao. Bỏ qua chuyện hay với dở ở đây, thì đây đã hoàn toàn là một thế giới mới, ở ngoài trật tự khoa học.

NGÔN NGỮ VỀ TÍNH PHÁI

Một điểm nữa trong thơ Mai Thảo là ông viết về nữ phái rất trân trọng, kín đáo. Người ta không đoán được nhân vật nữ trong thơ ông ngoài đời thực là ai. Trong 92 bài thơ trong tập, chúng ta chỉ gặp hình bóng phụ nữ trong 6 bài. Ít đến phải ngạc nhiên.

Trong 6 bài trên, gạn lọc cho kỹ thì còn ngờ vực thêm, như chữ "em" trong một vài chỗ có thể là "em ruột" hoặc không chỉ minh bạch. Thí dụ bài "Mừng Tuổi," trang 37:

Em vẫn trăm xuân mừng tuổi mới

Tuổi của thềm sương tuổi chúng mình
Cùng lăn không tiếng về nơi ấy
Tăm cá không còn cả bóng chim

Nếu bỏ những bài mơ hồ như trên, thì hình bóng phụ nữ chỉ còn trong bốn bài, "em đã hoang đường từ cổ đại," (tr. 21) "thủy tận," (tr. 73) "cúi đầu," (tr. 77) "chỗ đặt," (tr. 99).

Nếu tính những mối tình trong quá khứ của Mai Thảo—như có người kể—thì với bốn bài (gọi là thơ tình) phải gọi là quá ít. Nhưng nếu gọi là thơ tình thì có lẽ thật sự chỉ một bài, "em đã hoang đường từ cổ đại," vì ngôn ngữ ở đây trực tiếp hơn, rõ ràng hơn các bài khác. Thử trích hai đoạn trong bài này:

...
Em đã hoang đường từ cổ đại
Anh cũng thần tiên tự xuống đời
Đôi ta một lứa đôi tài tử
Ngự mỗi thiên thần ở mỗi ngôi

Đừng khóc dẫu mưa là nước mắt
Đừng đau dẫu đá cũng đau buồn
Tâm em là Bụt tâm anh Phật
Trên mỗi tâm ngời một nhánh hương

Mai Thảo vốn đã ít lời cho phụ nữ, nhưng khi mở lời thì lại bước ngược trở vào thế giới của tiền chiến. Chúng ta gặp những ngôn ngữ và hình ảnh quen thuộc (hoang đường, cổ đại, thần tiên, lứa đôi, tài tử, ngự, thiên thần, ngôi, mưa là nước mắt, đá đau buồn, ngời nhánh hương). Đếm lại, những bài thơ xuất sắc của ông hầu hết nói về cô đơn, tuổi già. Và nếu so với các nhà thơ thế hệ sau, thì ngôn ngữ ông thiếu trực tiếp hơn (như Đỗ Kh. với "Tôi Thích Đĩ," chẳng hạn).

Bài duy nhất hơi nghịch ngợm của Mai Thảo là "chỗ đặt," tr. 99:

Đặt tay vào chỗ không thể đặt
Vậy mà đặt được chẳng làm sao
Mười năm gặp lại trên hè phố
Cười tủm còn thương chỗ đặt nào

Có lẽ người đọc trẻ sẽ mong đợi hình ảnh hung bạo hơn, chẳng hạn loại cấm trẻ em dưới 17 tuổi cho thêm phần gay cấn. Vấn đề tại sao chỉ nói về bàn tay của mình, mà không nói về phần thân thể khác, thí dụ như chỗ đặt chân... Có gì kém thơ mộng hơn?

Ông cũng tránh gọi thẳng tên người phụ nữ, và cũng không đặt một tên khác, như Mary, Lisa... Nói gọn, trong thơ về phụ nữ, ông không dùng ngôn ngữ trực tiếp và tránh làm cho họ bị nhận diện. Họ là cái gì trong sương khói, mơ hồ. Đây là một thái độ nho gia hơn là cách xử thế của người Tây học. Không phải là chuyện kỳ thị phụ nữ (vì ông đã rất trân trọng đặt nàng lên

ngôi rồi).

Đứng về phương diện nữ quyền thì đây là một thiếu sót và hơi bất công. Trong khi ông nói về ông một cách cụ thể (Đời ta sử chép cả ngàn chương), viết về những người bạn ông (Thanh Tâm Tuyền, Doãn Quốc Sỹ, Tô Thùy Yên, Ngọc Dũng...) một cách cụ thể, nói về những vật dụng của ông (sách một dẫy nằm trơ trên giá, điếu thuốc tàn không rụng, trà đựng trong bình trí nhớ câm, giá rượu, chai Jack Daniels, bộ đồ cũ ấm trà pha, tựa lưng vào vách tường thân thuộc...) một cách gần gũi và cụ thể, thì ông đẩy những người phụ nữ vào cõi khói sương. Họ như là cái gì rất phụ thuộc, ít nhất cũng là trong tập thơ này—có lẽ, và có thể, chỉ là một giây phút nhói tim, và rồi lui trở về ngôi hoang đường cổ đại, và hình như *không có da thịt.*

Phải chăng ông còn những giọt lệ giấu đi?

ĐỂ KẾT

Khối lượng tiểu thuyết của Mai Thảo đồ sộ hơn những dòng trong tập thơ mỏng này, nhưng nhiều người tin Mai Thảo sẽ được nhớ tới nhiều hơn, và gây ngạc nhiên hơn, với những trang giấy mỏng manh này.

Có người tin rằng với tập thơ này, Mai Thảo đã hiên ngang bước vào thế giới thi ca, thử mượn chữ Mai Thảo ở đây, một cách *hiển lộng, rực rỡ, để làm trong hơn một dòng suối, làm xanh hơn những vừng mây, và làm cao hơn những bầu trời.* Có đúng như vậy không? Và có phải đó là thành tựu của một con chim đầu đàn trong *Sáng Tạo*?

Trong niềm tin rằng, *Sáng Tạo* trước kia, và bây giờ Mai Thảo—với tập thơ *Ta Thấy Hình Ta Những Miếu Đền*—đã tìm được một ngôn ngữ mới, khác hẳn với *Tự Lực Văn Đoàn* và những người thơ tiền chiến (những người có công làm sáng sủa, đẹp đẽ chữ Việt), và **thực sự đó là những ngôn ngữ mới, khác hơn**, thì chúng ta thấy đó cũng chỉ là kết thúc một chặng đường. Nghĩa là khép lại một trang sử của văn học hiện đại (modernity) Việt Nam. Nghĩa là sau ông sẽ là một trang sử khác. Phải chăng, và đây cũng là công lớn nhất, Mai Thảo chính là người đã đứng lên, điềm tỉnh đưa cả gần trăm năm văn học hiện đại Việt Nam lên giá sách, và đưa tay chúc mừng những người em đang vật vã với giấy mực—và dĩ nhiên không có quyền và không thể là giấy mực của hôm qua.

PHAN TẤN HẢI





KHÁNH TRƯỜNG

có lẽ không còn gì nữa thật



Cõi không là thơ. Không còn gì nữa hết là thơ. Nơi không còn gì nữa hết là khởi đầu thơ. Một xóa bỏ tận cùng. Từ xóa bỏ chính nó. Tôi xóa bỏ xong tôi. Không còn gì nữa hết. Tôi thơ.

Mai Thảo

*

Nhiều ngày bị ruồng bố. Nhiều mảng quá khứ đành đoạn lóc ra, bỏ lại. Ông già ra đi. *Bảy ngày đêm theo sóng nước trôi...* Cuối cùng rồi bến bờ xa lạ kia cũng trong tầm mắt. Đã đến. Đã ở. Đã mười bốn năm. Mười bốn năm, thoáng chốc. Mười bốn năm, da mồi, răng rụng, tóc tuy không bạc nhưng đã lưa thưa. Mười bốn năm, liệu có không một ngày về? Không. Ra đi là đoạn tuyệt, là lưu vong. *"Đã lưu vong, cho lưu vong mãi"*.

Tổ quốc bất khả phân đã phân
Từ dòng sông từ bản hiệp định kia
Đất nước mấy nghìn đời không thể mất
Chỉ một ngày đã mất
...
Bản ngã đã nhị trùng?
Tôi ném lại cái tôi xưa đã diệt
Tôi mang theo cái tôi mới lên đường

Như hạt hủy thể cho mầm sinh từ hạt
Hai ngọn sóng ngược chiều về mỗi ngả
Ngọn quá khứ mịt mùng không thấy nữa
Ngọn tương lai đang trắng xóa theo tàu

Mười bốn năm... Bây giờ ông già ngồi đây, trong ngôi quán vắng cùng với tên bạn nhậu vong niên. Ông già cầm cổ chai Martell - loại hai chữ - dốc vào chiếc ly thủy tinh chỉ còn chút cặn màu nâu loảng, đôi mắt nhỏ, đục, nằm dưới hai chân mày nhạt và vầng trán nhiều vết nhăn. Bên ngoài, đêm xuống từ rất lâu. Mưa lất phất như bụi. Ông già nâng ly rượu uống một ngụm nhỏ. Vẫn không có tiếng nói nào phát ra từ chiếc miệng hom hem. Mặt bàn ngổn ngang chén dĩa, cái lẩu đã cạn nước, những bẹ cải nhũn úa lều bều. Chị chủ quán đứng cạnh mép bàn, nụ cười rộng, đôi bàn tay đan trước bụng, *"Bác dùng gì thêm?"*. Ông già ngước mắt nhìn. Câu hỏi rơi vào khoảng trống. Chị chủ quán chờ một lúc, không biết nên đứng lại hay nên đi. *"Chị ấy hỏi, anh dùng gì thêm"*, tên bạn nhậu lặp lại câu hỏi. Ông già khoát tay. Chị chủ quán quay lưng, chiếc váy dài phủ gần chạm gót chân đung đưa. Chiếc váy có những đường sọc ngang nhiều màu, rất tươi, tương phản hẳn với nét mặt tối sầm u ám của ông già.

Ngồi tượng hình riêng một góc quầy
Tiếng người: kia, uống cái chi đây?
Uống ư? một ngụm chiều rơi lệ
Và một bình đêm rót rất đầy

Chỉ còn hai thực khách ngồi ở cuối phòng. Tiếng nhạc trôi đều một tình ca sướt mướt. Ông già lầm thầm điều gì trong miệng, rồi lại nâng ly. Thêm nhiều phút yên lặng trôi qua. Cuối cùng, ông già vơ tay lấy bao thuốc Marlboro đỏ và cái hộp quẹt, đứng dậy, *"Về"*.

Xe bò chậm khỏi parking, nhập xuống lòng đường. Mưa vẫn lất phất. Ông già ngồi cạnh tên bạn nhậu, đầu rụt sâu vào vai vẻ như đang ngủ. Xe rẽ vào khu chung cư dành cho người già, *"Đến rồi, anh"*. Vẫn im lặng. Vẫn đầu lún sâu giữa hai vai. Vẫn như đang ngủ. Tiếng máy xe nổ đều một nhịp nhẹ. Ba phút, năm phút. *"Đến rồi, anh"*. Câu nói được lặp lại. Ông già chậm rãi ngẩng đầu, xoay ngiêng, nhìn. *"Ư. Về nhé"*. Quơ tay xuống gầm xe, lấy cái túi xách nhỏ. Cổ chai rượu còn lưng lửng một phần tư thò ra qua khe hở giữa hai đường dây kéo đóng chưa hết. Ông già mở cửa xe, bước xuống mặt nhựa. Đứng lóng ngóng, xiêu vẹo. *"Vào đi anh, mưa ướt hết"*. *"Hừm, ướt cái... đếch gì"*, và cười. Nụ cười kép lệch mép môi. Như khóc. Những ngọn đèn vàng đục trên cao hắt cái bóng của ông già lên mặt tường.

Sớm ra đi sớm hoa không biết

Đêm trở về đêm cành không hay
Vầng trăng đôi lúc tìm ra dấu
Nơi góc tường in một bóng gầy.

Ông già bước chậm qua khung cửa mở dẫn vào hành lang, leo lên những bậc thang. Tên bạn nhậu chờ một lúc, lắng nghe tiếng chìa khóa lách cách, yêm tâm ông già đã vào phòng. Hắn quay đầu xe phóng ra đường. Mưa vẫn chưa dứt. Tên bạn nhậu tự hỏi cái *"bóng gầy"* mà *"vầng trăng đôi lúc tìm ra dấu"* kia đang làm gì trong căn phòng vỏn vẹn mỗi chiều ba thước. Ngủ? Hẳn nhiên không. Những cốc rượu từ đầu đêm đến giờ chưa đủ làm ông già say. Có lẽ lại uống. Một mình, với màn ảnh TV xanh đỏ, với những hạt mưa lất phất bay nghiêng ngoài khung kính loang loáng ánh đèn.

Đăm đăm cặp mắt mở mơ hồ
Ngó trắng vô hình cái ngó khô
Đâu đó mưa đêm từng tiếng thả
Từ đỉnh thời gian xuống đáy mồ

Đáy mồ, cửa huyện hình chữ nhật mở ra trong đất, cái cõi về như ông bà ta đã nói, cái vòm cung ngăn chia giữa hai thế giới chết và sống, đã nhiều lần ông già đưa bằng hữu của ông đến, những Thanh Nam, Phạm Đình Chương, Bình Nguyên Lộc, Vũ Khắc Khoan... Đáy mồ, khung cửa dường như đã quá đỗi quen thuộc cùng ông. Đáy mồ, không phải sao chốn lưu vong lạnh lẽo này? Không phải sao bốn vách tường câm chật hẹp? Không phải sao đôi mắt đục mở trừng *"ngó trắng vô hình cái ngó khô"* vào bản thể mình, vào dòng đời nhợt nhạt những tranh đua quay cuồng chóng mặt? Đáy mồ, không phải sao chất nước nâu vàng sóng sánh trong lòng cốc vào những khuya khoắt trầm mình trong cô đơn cùng cực.

Đáy mồ... Chẳng còn ai cùng ta chén thù chén tạc! Thôi đành một mình, với ta, đối ẩm! Lượng rượu trong lòng cốc hết vơi lại đầy... Say, tỉnh, thực, mộng... Tất cả hình như không còn biên giới. Tất cả đều mịt mờ sương khói. Cả thân xác ta, cả căn phòng lạnh lẽo này cũng không có thật. Tất cả hình như đang chết...

Một triệu ngày trên một lộ trình
Thét rồi hết thảy hóa lung linh
Xe lao chở tượng người vô giác
vào ngả lâm chung lối tử hình

Phiến lưng dài vẽ thành một hình vòng cung, ông già ngồi im một lúc. Trong khối óc lung linh bao ảnh hình nhập nhòa hư thực, bất chợt dội vang mồn một tiếng nước mưa rơi lộp bộp trên những tàu lá chuối (loài cây nhiệt

đời được người hàng xóm Á châu mang từ đâu về trồng đầy khoảng đất trống giữa hai dãy chung cư), ông già tự hỏi, tiếng động thân quen kia thuộc vào cõi nào? Cõi hiện tại trên quê người hay cõi mịt mù những năm trai trẻ giữa núi rừng Việt Bắc? Tuổi trẻ, với "xắc-cốt" trên vai, với hào khí trong đầu, với lý tưởng trong tim, tiếp sức cho đôi chân rắn rỏi dẫm nát địa hình một góc giang sơn. Tuổi trẻ, *Tây tiến đoàn binh không mọc tóc / Quân xanh màu lá dữ oai hùm / Mắt trừng gửi mộng qua biên giới / Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm...* (Quang Dũng). Đôi mắt nhắm, đầu ngả ra sau, giọng ngâm khuất, chìm, lãng đãng... *Đọc thơ, phải giời đất thế chứ... Hườm...* Tuổi trẻ, về Thành, xuống tàu xuôi Nam. Những dòng chữ thứ nhất, cùng bằng hữu, làm thành một đoạn tuyệt quá khích với bao bóng lớn một thời: Nhất Linh, Khái Hưng, Hoàng Đạo... Tuổi trẻ, những *Đêm Màu Hồng* thần trí mịt mù quyện cùng giọng hát Thái Thanh ngất ngất, những tờ bạc ném hào sảng xuống mặt bàn đêm, những cốc rượu loáng ánh đèn màu... Tiếng mưa rơi trên tàu lá chuối... Tuổi trẻ, như quê nhà, tưởng gần mà đã quá đổi xa xăm... Ông già chống tay đứng dậy vói tắt TV, lần đến chiếc giường cá nhân, ngả người xuống... Tiếng mưa đều hạt, như ru. Tiếng tích tắc của chiếc đồng hồ trên mặc bàn đêm. Những cuốn sách câm lặng trên kệ. Dưới đáy cốc thủy tinh, màu nâu của rượu nhợt nhạt...

Tên bạn nhậu dừng xe sau lằn vạch trắng một ngã tư. Khuya. Dễ chừng đã rất khuya. Người đàn ông ngồi bên trong lồng kính của trạm xăng bên kia đường đầu cúi thấp, bất động. Tấm bảng trên cột sắt cao quay chậm. Mưa nghiêng, và gió. Tờ quảng cáo bên hè đường bị nâng dậy, cuốn bay là là sát mặt đất, chui xuống gầm xe. Đèn xanh. Tên bạn nhậu nhấn chân ga, chiếc truck chồm lên, lao qua ngã tư. Hình ảnh ông già vẫn đậm đặc trong tâm trí hắn...

Ông già chợt thức. Cảm thấy miệng khát đắng. Cơn ngủ không kéo dài lâu. Hình như vài ba tiếng đồng hồ vừa trôi qua. Đêm vẫn còn rất sâu. Thỉnh thoảng, dội vào im vắng là tiếng xe hơi lao phóng vội vã ngoài lộ. Ông già xoay người ngồi dậy, nhìn quanh. Chiếc cốc trong tầm tay như mời gọi. Một cách vô thức, ông già vói cầm. Cũng một cách vô thức, chai rượu đứng cạnh rời vị trí, nghiêng xuống... Lại uống, *uống cho hết đêm...*

Nhưng dễ gì đêm hết! Thêm vài ba ly nữa, mệt ngoài. Ông già lại ngả vật xuống giường, lại thiếp đi...

Hừng đông chỉ chịu tỏa rạng khi ông già thức dậy lần thứ hai. Rã rời lần vào phòng tắm, rã rời làm công tác vệ sinh. Chải lại mái tóc, nhìn thoáng diện mạo mình trong gương. Đôi mắt đục, những nếp nhăn hình như sâu thêm trên vầng trán.

Những ảnh hình thân cũng thoáng qua
Người gần ta nhất cũng như xa
Tấm gương trước mắt nhìn trân trối

Tình vẫn còn đây tướng đã nhòa

Trở ra, đến cạnh chiếc bàn thấp, loay hoay với cái bếp điện, chiếc ấm nhôm cũ kỹ. Nước sôi, rót vào bình. Màn ảnh TV lại có cơ hội hoạt động. Vừa đợi trà thấm vừa xem tin tức đầu ngày. Trà bốc hương. Rót ra chiếc chén nhỏ, nhấp một ngụm. Ruột gan bỗng cồn cào, ông già chợt nhớ suốt ngày hôm qua, chỉ rượu, vài miếng thịt, lá rau nhấm qua cho có. "*Sao lại cứ ép nhau ăn nhỉ? Cái bao tử cũng có quyền tự do của nó chứ! Hườm... Nókhông muốn thì tọng vào làm gì cơ chứ... Hườm...*" Đói. ông già nhoài người nhìn xuống khu parking. Những chiếc xe cũ kỹ nằm yên giữa những lằn sơn trắng. Khu chung cư còn yên ngủ. Thành phố còn yên ngủ. Chỉ duy nhất, có lẽ một mình ông già, thức. Thức, cùng với một ngày mới đang lên, một ngày như mọi ngày...

Trà đựng trong bình trí nhớ câm
Rót nghiêng từng ngụm nỗi đau thầm
Hòa chung một ngụm đau trời đất
Là mỗi ngày ta mỗi điểm tâm

Bình trà lưng. Cơn mỏi rã cũng vơi nhẹ phần nào. Tiếng động của thành phố bắt đầu cái nhịp tiết rộn rã quen thuộc. Ông già thay bộ quần áo mới, mở cửa xuống đường. Có thể ông già sẽ đến một hàng quán gần nơi cư ngụ, cũng có thể sẽ nhấc điện thoại gọi một người quen nào đó rủ đi cùng. Xong buổi sáng, ghé chợ mua vài món để lo bữa trưa, bữa chiều. Từ chợ ra, lửng thửng đi bộ về khu chung cư, lửng thửng bước lên cầu thang, mở cửa, vất các món vừa mua trên mặt bàn rửa mặt (cũng là nơi để chén dĩa soong nồi dao thớt...), trở ra ngồi xuống bàn làm việc, kéo chồng thư, rọc bao, đọc. Một vài lá thư khen chê tờ báo, năm bảy tấm ngân phiếu mua dài hạn, tái hạn. Gạt hết qua một bên, cầm cây bút, cúi xuống trên mặt giấy trải rộng. Những dòng *Sổ Tay* chảy theo nét mực, những con chữ lấp lánh rất thơ, "*rất nhỏ*", rất lành nối tiếp nhau xếp thành hàng ngang đều, thẳng...

Việc đã làm xong việc rất nhỏ
Cũng là công việc đã làm xong
Nửa đời đã việc đời như thế
Cũng kể như lòng rất sắt son

Việc đã làm xong việc chẳng lớn
Cũng là một việc nữa làm xong
Lạ thay, chính lúc mồ hôi đổ
Là lúc bình tâm với sống còn

Việc đã làm xong chờ việc tới

Để làm cho hết đến cho xong
Năm ba phút nghỉ ngồi thong thả
Là lúc lòng riêng nhớ nước non

Uống trà, ngồi quán, đi chợ, viết lách... Tất cả chỉ là thói quen, chỉ là bổn phận. Thật ra ông già rất ít khi nấu nướng, và có nấu cũng chả dùng bao nhiêu. Rượu, rượu, rượu, và rượu... Đó là thứ lương thực duy nhất ông già cần, ngoại giả, đều phụ cả. Phụ cả, văn học, nghệ thuật. Phụ cả, phê bình, nhận định. Phụ cả, truyện ngắn, truyện dài. Phụ cả, nhà văn cũ, mới. Phụ cả phong trào này, nhóm hội kia. Phụ cả "cộng sản", "quốc gia", cực hữu, khuynh tả... *"Kệ nó đi. Làm quái gì rối lên thế!"* Kệ nó đi... Kệ nó đi, không chừa bất cứ cái gì. Kệ nó đi...

Có lúc nghĩ điều này điều nọ
Cảm thấy hồn như một biển đầy
Có khi đếch nghĩ điều chi hết
Hệt kẻ ngu đần cũng rất hay

Nhưng có một cái không "kệ". Và chính cái này đã chi phối cả cuộc đời ông già, đã hướng dẫn hướng nhìn ông già, đã khiến ông già, dưới mắt một số người, trong cũng như ngoài nước, là kẻ "phản động", bè phái, thiên vị, cực đoan, trịch thượng...

Đó là tình bằng hữu.

Tình bằng hữu. Thủy chung, mãi mãi. Tình bằng hữu, trong *Sáng Tạo* mấy mươi năm trước, trong cuộc rong chơi cùng chữ nghĩa tiếp theo sau đó, đến 1975, và tiếp tục trải dài mãi tận bây giờ ngoài muôn trùng dặn xa đất nước. Tình bằng hữu, trên hết. Những Doãn Quốc Sỹ, Mặc Đỗ, Lê Trọng Nguyễn, Nguyễn Sỹ Tế, Trần Thanh Hiệp, Quách thoại, Thanh Tâm Tuyền, Nguyên Sa, Tô Thùy Yên, Thanh Nam, Vũ Khắc Khoan, Phạm Đình Chương, Cung Trầm Tưởng, Duy Thanh, Ngọc Dũng, Thảo Trường, và rồi Nhật Tiến, Du Tử Lê, Trùng Dương, Túy Hồng, Nhã Ca, Trần Dạ Từ, Viên Linh, Nguyễn Xuân Hoàng, Nguyễn Mộng Giác... Và rồi nữa, Kiệt Tấn, Lê Thị Huệ, Trần Diệu Hằng, Nguyễn Thị Hoàng Bắc, Nguyễn Thị Thanh Bình, Trần Long Hồ, Nguyễn Xuân Quang, Hồ Đình Nghiêm, Hoàng Xuân Sơn, Hồ Trường An, Bùi Vĩnh Phúc, Vũ Huy Quang, Vũ Quỳnh Hương, Phạm Việt Cường, Ngu Yên, Vũ Quỳnh N.H, Lê Thị Thấm Vân, Trần Vũ... Bằng hữu hết. Bằng hữu cùng thời, bằng hữu nhỏ hơn, bằng hữu vong niên. Bằng hữu. Không phân biệt tuổi tác, không chiếu trên chiếu dưới, không thâm niên, không chập chững bước đầu. *Văn chương không có mới cũ, không có trẻ già. Hay thì mới vẫn hay. Dỡ, già đâu vẫn dỡ. Chỉ thế thôi. Bản văn thứ nhất của Nguy Ngữ, của Thảo Trường... tao lôi từ sọt rác ra, đã hiển lộng, đã giời đất, thì đã sao...* Tình bằng hữu, cái điểm son không thể phủ nhận ở ông

già, nhưng cũng là nhược điểm không có cách nào "sửa sai", cũng ở ông già.

Chính tình bằng hữu đã khiến ông già vì muốn bảo vệ những thành quả "chúng nó" đã tạo ra đừng bị chủ nghĩa dập vùi; Vì xót xa, âu lo cho an nguy của "chúng nó" trong lao tù, mà nhất định không đọc, không xem bất cứ cái gì của những người cùng chung nghiệp dĩ nhưng lại lỡ xuất thân từ nửa phần đất nước bên kia. *"Anh đọc họ chưa?". "Tao không đọc". "Anh phải đọc chứ. Không đọc, làm thế nào biết họ viết sai, viết đúng, viết hay, viết dở?" "Tao không đọc. Đọc làm đếch gì?". "Thế thì làm sao nói chuyện được với anh đây?".*

Quả, không thể nào nói chuyện được với ông già. Chỉ còn một cách duy nhất: cười trừ.

Không thể nói, và không thể giận. Chỉ có thể cười trừ. Bởi biết rất rõ sự "ngoan cố" của ông già bắt nguồn từ đâu. *Khi "chúng nó" còn ngồi trong tù thì văn chương của bọn kia vứt hết vào sọt rác!.* Chỉ có vậy. Khỏi cần lý luận lôi thôi, khỏi cần phân tích phải trái, khỏi cần hỏi "tại sao", bởi chính "tao", "tao" cũng *"không biết"*. Không biết! Đó là vũ khí cuối cùng mỗi lần ông già bị "bọn trẻ" đuổi tới chỗ cùng. Không biết! Chấm hết. Và *uống đi. Chúng mày hết cả tiền rồi à? Yếu nhỉ! Cầm lấy tờ này đi mua chai khác...*

Không thể nói, và không thể giận. Bởi hãy hình dung đời sống của ông già. Hãy hình dung cái bóng xiêu đổ ấy mỗi ngày, mỗi đêm, trên đường phố Bolsa, trong căn phòng vỏn vẹn ba mươi thước vuông, một mình. Một mình, lúc thức khuya dậy sớm, lúc nhặt từng cọng rau, vo từng vốc gạo, thái từng lát thịt. Một mình, khi trở gió trái trời, khi nhức đầu sổ mũi. Một mình, khi nửa đêm choàng thức vì lạnh, tấm chăn rơi xuống thảm, lần mò với tay kéo lên. Một mình, khi nhúng tay vào bồn rửa mặt, giặt từng cái áo cái quần. Một mình, khi những bè bạn cùng thời nối chân nhau đi vào tịch lặng. Một mình, khi những Tô Thùy Yên, những Doãn Quốc Sỹ (lúc còn trong tù)... ngồi nhẩn nha gỡ từng tờ lịch trong bốn vách đá. Và một mình, tả xung hữu đột với một vũ khí duy nhất *"không biết"* trong bàn nhậu cùng lũ hậu sinh may mắn không mang trên vai một phần tư thế kỷ đầy ắp vinh quang và tủi nhục... Có lẽ không còn nỗi cô đơn nào buốt nhức như vậy.

Và vì vậy, không ai nỡ nặng lời, càng không ai nỡ tranh cãi.

Tranh cãi để làm gì? Hơn thua với một người đã dành trọn đời mình cho những điều cao đẹp, là văn chương nghệ thuật, là lòng thủy chung... liệu có "công bình" không? Và liệu có đúng không? Khi ai cũng hiểu tận thâm sâu tâm hồn ông già, chắc chắn ông biết thừa những suy nghĩ của mình không còn phù hợp nữa với thời đại. Một cánh nào nào đó, ông già đã cảm nhận được cái thế đứng lẽ loi của mình trong dòng thời gian biến hóa khôn lường...

Thế giới có triệu điều không hiểu
Càng hiểu không ra lúc cuối đời
Chẳng sao khi đã nằm trong đất

Đọc ở sao trời sẽ hiểu thôi.

Đọc ở sao trời sẽ hiểu thôi! Khi những bước chân của ngày hôm nay sắp là những bước cuối cùng. Khi *"vầng trăng đôi lúc tìm ra dấu"* rồi sẽ mất hẳn dấu, vĩnh viễn. Khi

Điểm cuối đường sương, điểm hiện dần
Hiện cùng điểm mất ở vong thân
Đáy xe, từ điểm vô hình tướng
Chết rũ theo người ở dưới chân

Chết hết, chết rũ. Không còn lại gì trên cõi nhân gian đầy vọng động này?

Tranh cãi để làm gì! Xét cho cùng, đúng sai phải trái rồi cũng sẽ vùi sâu trong đất. Xét cho cùng, có lẽ rồi sẽ không còn gì thật. Có lẽ không còn gì nữa hết. Không còn gì. Tuyệt đối không còn gì.

Ta thấy nơi ta trục đất ngừng
Và cùng một lúc trục trời ngưng
Sao không, hạt bụi trong lòng trục
Cũng đủ vòng quay phải đứng dừng.

Tên bạn nhậu vong niên của ông già đưa xe vào sân. Tắt máy. Mở cửa. Khóa cửa. Hắn bước lên mấy bực thềm, quay lui nhìn xuống sân cỏ. Mưa chưa dứt. Dưới ánh đèn vàng từ cửa garage hắt ra, những ngọn cỏ đẫm nước lóng lánh. Ngày mai, sân cỏ sẽ nẩy thêm vô số lá xanh. Hình ảnh ông già vẫn chưa ra khỏi tâm trí. Những lá cỏ xanh, những lá cỏ vàng... khai sinh và hủy diệt... Trục quay vẫn tiếp tục quay. Quay. Quay. Quay... Có lẽ sẽ mãi không còn gì thật... Hắn thầm thì, một mình: *ông già không biết có ngủ ngon?*

KHÁNH TRƯỜNG



TRẦN MỘNG TÚ

Gởi Mai Thảo

hai cái bình

Trong ngực chàng có hai cái bình
Sáng trưa chiều tối rung rinh hoài
Bình đựng rượu càng rót càng cạn
Bình đựng thơ sóng cả ra ngoài

trở về

Giữa khuya trở về trong say khướt
Chung cư như một nghĩa trang buồn
Mở cửa trăm lần mới mở được
Bước vào, nằm xuống, đắp cô đơn

nửa đêm

Nửa đêm tỉnh dậy đi tìm rượu
Cái bóng cao nghiêng hắt lên tường
Cái chai lăn xuống nỗi sầu rộng
Cái hồn đứng thẳng với văn chương

TRẦN MỘT TÚ
(Tháng Giêng, 1994)



HOÀNG XUÂN SƠN

góc tối, ghế ngồi ông mai thảo

Bước đi dò dẫm, bưng kín. tối
thót người va phải một góc quen
à ra chỗ ngồi còn đâu đấy
bình thản y như cuộc đời quên

Ông Mai Thảo mần thơ tứ tuyệt
đọc lên nghe râm ran cả người
vài ba câu đoản mà hay tuyệt
hết muốn ngồi bàn vẽ cuộc chơi

không giận

Dù có lỡ đi cũng không hề giận
dù có cố tình quên cũng không buồn giận
ừ
cũng tỉ như ná như chim như đá như cây
cũng tỉ như là mây
ô mặt trời say đẹp rỡ
ai nỡ lòng nào giận
một cái chai
còn nguyên si... rượu
X.O.

HOÀNG XUÂN SƠN



TRIỀU HOA ĐẠI

chiếc clylo và ông mai thảo

Đầu ngày nắng lung linh - chùm trí nhớ
đô thị đèn đỏ, đèn xanh
xe lăn chông chênh, khấp khểnh
ai ngồi trên đó
vai gầy
trán đẫm mồ hôi
đong đưa một kiếp
nhà văn

Buổi trưa. Nắng đứng không trôi theo gió dạt
đô thị một ngày buồn, vui
đèn xanh, đèn đỏ
xe chạy loanh quanh
Người ngồi trên đó
một kiếp nhà văn

Chiều chầm chậm, xuống lên bốn phía
bước lạc hoa đèn
nhớ 36 phố phường xưa. Thuở nọ
đôi mắt kiếm tìm
đô thị một ngày qua
nhiều ngày đã qua như thế
vẫn Người ngồi trên đó
xe đưa nhau về
lọc cọc đêm khuya

TRIỀU HOA ĐẠI



mai thảo, thơ, văn

Trên dưới năm mươi năm hệ lụy với văn chương, nhà văn Mai Thảo đã là chủ nhân của một gia tài trước tác đồ sộ, nếu so với phần văn, thơ, tùy bút... trích dẫn sau đây, lại càng không phải là những tác phẩm tiêu biểu, toàn bích nhất của ông. Tuy nhiên, để giúp độc giả nắm bắt được mạch sáng tác liên tục và nhất quán trong phong cách cũng như tư tưởng của nhà văn này, chúng tôi xin giới thiệu vài truyện ngắn, vài bài thơ, ở từng giai đoạn.

Hợp Lưu



MAI THẢO

chuyến tàu trên sông hồng



Hình dung thấy một cái bến tỉnh lẻ. Buổi chiều mùa đông. Những trụ xi măng ướt sương. Ánh đèn dầu le lói hắt ra từ những quán lá thấp. Đám người ngồi chen vai trên những hàng ghế nối liền, xây lưng ra mặt bến. Những đứa con gái mặc quần đen, áo cánh trắng, ngoài khoác áo bông dột chỉ như bàn cờ tướng, áo len xanh đỏ đan hình quả trám, hình tổ ong, hình dây thừng, thoăn thoắt múc đồ ăn từ những chậu sành da hươu vàng đậm ra những cái đĩa quả táo. Thịt ba chỉ kho, nước thịt nâu sậm nhuếch nhoáng, sao mỡ nổi đầy trên mặt, đậu nhồi lốm đốm những cọng hành xanh non, món giả ba ba có ốc ang chuối chát và giềng mẻ quyền quyện lổn nhổn, cá chép kho sắt từng khoanh mỏng, mỗi khoanh còn nguyên một thỏi trứng vàng. Mưa lất phất ngoài trời. Người mại bản Trung Hoa cởi trần ngồi trong một túp lều dựng ở đầu cầu đi xuống con tàu phì phà thở khói.

Và thằng nhỏ đứng đó. Nó đội mũ trắng, quai mũ kéo căng xuống cằm. Quần trúc bâu sột soạt. Cái áo an-ba-ga quá khổ vì may dài đón tuổi thùng thình tới mắt cá chân, tay áo phải bện lên đến hai vòng, thả hết ra sẽ chùm kín ngón. Bữa cơm đầu ghế trong những quán lá thấp kia sao mà vui ấm ồn ào, sao mà ngon miệng, ngon mắt đến thế. Đứa nhỏ muốn vào ngồi ở đó, gọi đồ ăn, cầm đũa cầm bát như người lớn. Nhưng mẹ nó đã gói sẵn cho nó một bữa ăn đêm trên tàu rồi. Một gói muối vừng rang mặn, mẹ ngồi xổm rang vừng trên cái bếp kiềng ba chân, trong căn nhà bếp sát vách chuồng trâu khói rơm kết đóng thành bồ hóng phủ kín như một lớp rêu đen nhẫy trên các đầu

kèo, mẹ giã vừng bằng chày gỗ trong cối đá có vân xanh, mẹ xát vừng trên cái nia tre nhỏ, rồi gói vào lá chuối tươi cùng khoanh cơm nắm nhuyễn như bột mẹ nấu trong cái niêu đất nhỏ bằng gạo tám thơm để dành trong lu sành đặt dưới gầm bàn thờ, bằng nước mưa mùa hề chảy xuống cái bể rêu có ống máng cau dẫn nước từ đầu chái xuống. Và đứa nhỏ ngoan ngoãn nuốt nước miếng quay đi, nghĩ rằng chuyến đi đầu tiên trong đời nó phải có cái bữa ăn dọc đường thanh đạm ấy. Nó đi thẩn thơ chờ giờ khởi hành. Ra khỏi bờ ao có bè rau muống thả dài dưới bóng cây sung, cây mít, có luống khoai ngứa lá to bản đỏ tía bờ ao bên kia, có cá chuối lượn lờ từng đoàn, cá rô đớp mồi muỗi chết đuối dưới chân cầu ao, cá bống mí vươn cái bụng trắng phau phau, những buổi trưa nắng êm ả điểm từng tiếng động lộp bộp của trái rụng trong vườn, ra khỏi cái ngõ ruối những tinh sương xanh biếc nó cầm cái nỏ cao su gạc ổi chờ rình con chim chào mào sáng nào cũng đến đậu trên ngọn cây soan, ra khỏi căn nhà lá ba gian hai chái có bàn thờ ông bà ông vải kê chính giữa đằng sau bộ trường kỷ trên để một khay chén tống chén quân và một bình trà Ninh Thái chữ Tàu đỏ chói. Buổi chiều tuổi nhỏ ấy, đứa nhỏ đã vượt qua con đường tàu chìm khuất dưới đám cỏ bồng, đi qua vùng ngoại ô là xóm cô đầu ngày trước, tới chân bức tường thành cổ ngập ngụa lá sấu lá bàng, rồi là những con đường đầy than và những chuyến xe goòng, rồi là những ống khói của nhà máy dệt sau những vì tường màu xám cao ngất, và nó đã đứng đó, chờ đợi chuyến tàu thứ nhất trong đời ngược dòng chở nó vào cái thế giới hiện lên trong tưởng tượng ấu thơ như một chân trời cách trở nghìn trùng là Hà Nội.

Hình dung thấy một con tàu nằm sát kề mặt bến. Cái ống khói đen chũi, lầm lì thả ra những đợt khói trắng vật vờ trên miệng. Một con tàu già nua, ọp ẹp, nước sông rỉ rề lênh láng suốt ba khoang hầm tàu, bọn phu cởi trần đêm ngày thay phiên nhau múc nước đổ ồ ọ ra sông, tát ra tới đâu nước vào tới đó. Một cái cầu mỏng manh vắt chênh vênh từ kè đá bến xuống cửa khoang tàu ướt nhẫy. Đứa nhỏ hoàn hồn thở ra khi đi hết cái cầu dập dình nguy hiểm, nó run chân, nó lạnh người, chỉ sợ bước hụt lộn nhào xuống lòng sông. Đám người xuôi ngược nằm ngồi ngổn ngang giữa đám hàng hóa chất đống. Muối bể đựng trong bao tải ướt nhép, mặt bao đánh dấu từng tên cửa hàng. Bao muối quật mạnh xuống sàn tàu vỡ toang, muối nhỏ hạt hồng hồng phù sa chảy ức từng đống lớn. Gạo cám và ngô khoai toát ra mùi ẩm mốc ngai ngái. Trứng vịt trứng gà xếp đầy trong những cái dành đặt ở những xó góc riêng tránh xa những lối đi. Đòn gánh, quang thúng, vỉ buồm, tay nải thòi lòi từ những gậm ghế chạy dài suốt khắp hai mạn. Ánh đèn sáng trưng. cái ống khói vượt khỏi hầm tàu chiếm một khoảng rộng chính giữa con tàu thở phì phà. Hơi nóng rừng rực choáng váng phả lên từ cái lò than vĩ đại dưới hầm. Đứa nhỏ lần bước về mũi tàu, chọn được một chỗ ngồi trên đống hàng hóa,

len lén ngồi xuống. Gió sông ném mưa vào mặt nó, làm tỉnh táo hẳn cái trạng thái lạc lõng kỳ thú của cuộc phiêu lưu đầu đời. Cặp mắt con chim ra ràng mở thao láo, ngó ngó nghiêng nghiêng, đựng đầy hình ảnh. Đống dây xích sắt quấn nhiều vòng quanh cái trụ bóng loáng. Những ca-bin đánh số chiếm một khoảng riêng, người chủ tàu ngậm tẩu bệ vệ đi đi lại lại trên khoảng hành lang các ngăn bằng một cánh cửa thấp. Rồi mặt sông mà bóng tối đã phủ xuống cùng mưa bay bổng vang động những tiếng còi hú dài lanh lảnh. Tiếng lạt xạt của cái cầu gỗ được kéo lên. Dây thừng, cây cầu, được kéo lên. Dây cáp rời trụ buộc trên bến buông thả lõm bõm xuống mặt nước. Bốn người phu cởi trần gò mình chạy quanh trục neo, cái neo rút lên từ từ lẩn vào mũi tàu. Đứa nhỏ nghển cổ nhìn lại. Mặt bến xa dần, hẳng đi một khoảng cách biệt bắt đầu. Những ngọn đèn vàng ệch. Những bóng người nhá nhem chuyển dịch trên cái bến trống thoáng chợt rộng hẳn vì con tàu đã thôi án ngữ. Tiếng nước chảy ngược gào réo hai mạn. Nghiêng đầu ngó ra mặt sông tối om thoang thoáng vệt nước trắng xóa. Con tàu ngược dòng sông Hồng, ra khỏi tỉnh và những bờ bãi hoang vu, những làng xóm im lìm bắt đầu.

Hình dung thấy đứa nhỏ ngồi đó và nó nghĩ. Nghĩ đến cái thôn xóm hẻo lánh bên đường xe lửa nó vừa giã từ, đến cái tuổi nhỏ như một bông hoa đồng, một ngọn cỏ nội nó vừa bỏ lại. Những ngày mưa bão ở quê cũ, nước dềnh mặt ao, mấp mé đầu thềm, nó đầu đội mưa bắt cá lạc, nhặt trái rụng, cái mặt tái mét, quần áo dán chặt vào thân thể nhợt nhạt run rẩy nhưng tâm hồn mừng vui như mở hội. Đứa nhỏ yêu những ngày nước lụt, những ngày mưa bão như thế. Ban đêm nó tỉnh dậy khi nhạc mưa rào rào trên mái, khi gió quật đập dữ dội làm những kèo nhà cót két lay chuyển, khi những hàng xóm những tiếng í ới hò nhau chống nhà vang động trong mưa. Buổi sáng, nó nhảy cẫng xuống đất, chạy vội ra đầu chái nhìn lên. Mây hoang hoang đầy trời bão động. Mẹ nó kéo lết vào bắt mặc áo bắt đi guốc. Nó thoát khỏi tay mẹ, chạy ra lấy thau đồng hứng nước mưa từ đầu gianh trút xuống, ngồi thu lu. Nước chảy tràn lan khắp cùng ngõ trước sân sau. Nước băng băng dồn đổ, đâu đâu cũng là nước, cái cảnh tượng ngập lụt của tuổi nhỏ ấy là sự mê thích sảng khoái rất tạo vật rất thiên nhiên mà đứa nhỏ đang hồi tưởng từ một chuyến tàu đang ngược dòng về thành phố lớn.

Hình dung thấy con tàu đó trên con sông đó. Con sông Hồng Hà. Như dòng máu đỏ tươi chảy băng băng khắp vùng trí nhớ bâng khuâng. Con sông như một đời sống vĩ đại. Bên này bãi lở. Bên kia bãi bồi. Tiếng sóng giữa dòng trùng trùng ca hát. Tiếng sóng đập cái tiếng đập mênh mông đầu ghềnh nơi tả ngạn bị hút xoáy mải miết, nước xôn xao róc rách đẩy lùi mãi những bãi dâu và những nương khoai vào những chân tre cù. Nơi tả ngạn, ngọn sóng

hiền lành lăn tăn êm ả trên những bãi ngầm nổi hình mùa lũ này qua mùa lũ khác. Đứa nhỏ trôi theo con tàu trên dòng trường giang hùng vĩ chợt nhớ tới những con sông làng thon mềm dải lụa có trâu đầm từng đàn dưới bóng đa nghiêng, có những chiếc cầu đá dẫn tới một phiên chợ sớm đầu đình, có những cầu gạch mở vào những cái ngõ lang thang mất hút, có cỏ gà trên gò đống, cỏ ống trên mồ mả, có những cầu tre tay vịn chòng chành, đêm đêm có ánh đom đóm lập lòe, có ánh trăng xanh mướt chở tới những khoảng sân gạch bát tràng nồng ấm hương lúa đầu mùa. Tiếng quạt thóc, tiếng đập thóc rào rào. Màu lúa vàng diệp dưới ánh trăng nhễ nhại. Tiếng cười tiếng đùa ròn rã là âm thanh đầm ấm của những năm tháng được mùa thỏa thuê trong hạnh phúc quê mùa và yên vui đơn giản. Đứa nhỏ nhớ mãi cái cảm giác lạo xạo dưới lòng chân khi nó dang tay đi rê rê, miệng ngậm một cọng rơm tươi giữa đám thợ gặt từ những phương trời khác đeo hái tới làng, lại đeo hái lên đường tới những cánh đồng chưa gặt khác. Nó thấy người ta nói chuyện tiếu lâm, người ta tự tình, người ta yêu nhau. Và khi đám con trai lạ bỏ làng đi, nó cũng đứng tần ngần dưới chân đê nhìn theo hàng một dài tấp kéo dài trong ánh bình minh rồi nhỏ dần, nhỏ dần như một sợi chỉ và mất hút. Nhớ tiếng trống làng thùng thùng. Tiếng chuông chầu buổi tối. Tiếng mõ niệm buổi trưa. Tiếng gà gáy sớm. Tiếng chó sủa đêm. Nhớ những âm thanh mộc mạc nghìn đời của đất của đồng của hoa của cỏ. Nhớ tiếng ếch tiếng nhái ão uộp dưới ao bèo Nhật Bản, tiếng ve ran ran, tiếng sáo diều vi vu bất tận trên nền trời rộng, tiếng đòn gánh kẽo kẹt rập rình, tiếng chân đi nằng nặng của đám tuần vác mõ canh đêm, là những tiếng động cũ kỹ, thuần túy của xóm làng có ao sen đầu đình giếng đá đầu quán, có những chuyến xe buýt cà rịch cà tang thở khói khét lẹt trên mặt đê cao.

Đứa nhỏ sống trong thứ thời gian rất thơ và rất xanh của bốn mùa, thứ không gian tình cờ của mưa mưa nắng nắng, nó sống trong cái thế giới của chuồng trâu bếp lửa, của khói rạ lượn lờ trên mái tranh, của hương hoàng lan thoảng thoảng trong cây, của hương bồ kết cay cay trong tóc. Nó nhớ lại tuổi nhỏ như một con chuồn chuồn ngất ngư trong biển nắng, cái tuổi nhỏ như say rượu, cái tuổi nhỏ nằm tròn thành một giọt sương mai giữa đất trời, cái tuổi nhỏ ru nó bằng nhịp võng đưa, cái tuổi nhỏ thật nhỏ, cũng thật hiền, thật non và cũng thật xanh, cái tuổi nhỏ của cái mũ trắng nó đang đội, của cái quần trúc bâu sọt soạt nó đang mặc, của tóc mới đâm cứng như rễ tre, của da mới vỡ đầy vết lang ben, của tiếng nói khao khao như tiếng gà trống, cái tuổi nhỏ thật là tuổi hồng, cái tuổi nhỏ ở đồng chưa từng biết thế nào là ánh điện, là đường nhựa, là ngã tư, là phố phường.

Hình dung thấy chuyến đi đó, trên con tàu, trên Hồng Hà. Đêm trên sông lớn trải khắp bốn hướng mênh mông. Đứa nhỏ ríu mắt gục xuống cái mũ trắng trên đầu gối, thiếp đi. Bỗng nó bàng hoàng thức dậy. Con tàu ngược

dòng như lãng đãng trườn đi trong khói sương và chiêm bao mơ hồ. Rồi là một hồi còi. Từ cái đỉnh ống khói, tiếng còi được ném lên vòm trời khởi sự là một thứ âm thanh đặc quánh hơi nước, tiếng còi vụt lên thật cao, còi rùng mình rồi phóng về hai phía, vẽ lên, bằng cái âm thanh ngân ngân vang vang kỳ lạ của nó tất cả những bờ bãi, những cuối mỏm, những đầu ghềnh, những khúc quanh, những ngã ba nhạt nhòa trong bóng tối. Tiếng còi vang động một vùng làng xóm ngủ thiếp, lọt vào những cánh cổng đóng kín, loang tới những khoảng sân vắng, những cái bếp tro than nguội lạnh, những bờ ao kín đặc trong sương, tự lòng sông chuyển cả không gian mịt mùng, chuyển cả thời gian thăm thẳm, chuyển những vì sao lạc, những ánh trăng suông, cái điệp điệp trùng trùng của trường giang, cái mênh mông ngút mắt của bãi bờ, của cửa biển, của khơi xa, của núi rừng vào những làng xóm, làm xóm trùm kín lấy, và lắng đọng bồi hồi mãi mãi. Con tàu đi vào một khúc sông khác. Nhưng tiếng còi đêm còn lại, vĩnh viễn, với Hồng Hà. Đứa nhỏ nghe tiếng còi và tiếng còi bao nhiêu tháng năm sau này, còn ám ảnh thần trí nó, kết tinh thành cái âm thanh của tuổi nhỏ mất dần từ một đêm bỏ làng ra phường phố. Lớn lên, đi qua một con sông nào, dừng lại ở một bến tàu nào, đứng ngắm một dòng nước nào, trong đầu óc đứa nhỏ lại nổi dậy cái âm thanh não nùng lê thê của tiếng còi trên dòng sông Hồng của một chuyến đi tuổi nhỏ. Cúi đầu xuống và nhắm mắt lại mà theo dõi cái âm thanh không bao giờ mất ấy trong dòng hồi tưởng, nó lại như thấy vẽ ra trước mắt con tàu cũ, cái bến xưa, và tất cả hình ảnh của một tuổi nhỏ chới với như một cánh bướm ma ẩn ẩn hiện hiện trong sương mù quá khứ. Đó là đợt gió lùa vào tiềm thức. Tiếng nức nở của tuổi thơ. Tiếng thở dài của quá khứ khi hình hài và tâm hồn nó bây giờ đã đổi khác. Đó là âm thanh khởi đầu cho một trình tự hồi tưởng xa xa thẳm, khi nó muốn nhỏ lại như tuổi nào, để được ngậm một cọng rơm tươi, chạy miết trên những con đườngf dẫn đưa vào thiên đường cũ.

Hồi tưởng lại một buổi sáng nhợt nhạt. Con tàu ghé bến Hà Nội rồi. Phường phố lớn chập chùng. Đứa nhỏ bàng hoàng đi lên. Và con sông Hồng, và tiếng còi và chuyến tàu đã bỏ lại sau lưng cùng tuổi nhỏ.

MAI THẢO



mừng tuổi mình

Một dấu tròn to vĩ đại tròn
Là mày, mừng tuổi đó nghe con
Trong không ngoài rỗng không gì hết
Không cả không là cái số không

MAI THẢO



MAI THẢO

người thầy học cũ



Y gặp lại người thầy học cũ một ngày mưa lớn. Con đê chạy dọc hữu ngạn sông Đáy chỗ đó là giữa quãng Ba Thá Vân Đình. Đường lầy. Kẻ đi ngược, người về xuôi. Cuộc kháng chiến gian khổ thu lại trong giây phút gặp gỡ bất thình lình một nỗi tủi mừng rưng rưng và cái hình ảnh buốt lạnh của con đường dài thẳm, trùng điệp hầm hố dưới mưa bụi trắng xóa. Xa xa dấu vết những làng xóm tiêu hủy còn lại.

Hai thầy trò nắm chặt tay nhau, mưa vẫn đổ lớn - cùng chạy đến trú dưới một gốc cây. Nhiều năm tháng qua đi từ ngày bỏ trường lăn mình vào cuộc đời, bây giờ Y đã lớn, đứng cạnh thầy cao hơn thầy hẳn một cái đầu. Thầy thì tuổi già đã làm cho thân hình nhỏ lại. Nhưng giữa hai người vẫn không có sự thay đổi. Người thầy vẫn vững chãi và tự tin hơn. Thái độ gương mẫu và che chở bên trong cửa lớp ngày nào Y vẫn nhận được.

- Thầy ở đâu xuống?

- Tôi ở Ba Thá xuống.

- Thầy vẫn dạy học?

Người thầy cười hiền lành:

- Phải, tôi vẫn dạy học nhưng trường làng vừa bị bom đốt cháy chiều hôm qua. Hôm nay tôi phải về Ty báo cáo. Ty ở dưới Vân Đình. Tôi mất hết, chỉ chạy được những cái này.

Những cái này: một cái bị cói, mấy bộ quần áo nâu và một cái gậy trúc.

Y nhìn cái cơ nghiệp nhỏ nhoi vô nghĩa, những đồ tùy thân cuối cùng còn sót lại của một cuộc đời đạo đức và liên tưởng tới hai hình ảnh: vị chân tu của một thời đại nào đi truyền bá trong khổ hạnh những tư tưởng đẹp cho nhân loại và hình ảnh một con đường mưa bay, buổi chiều xuống trên liên khu rộng

lớn, người thầy học cũ lại một mình bước đi trên con đường đó mang trên mái tóc bạc cái nghề đạm bạc cao quý, mang nặng nó trong đêm tối và mưa bão.

Mưa vẫn đổ lớn. Hai thầy trò đứng sát vào nhau hơn. Thầy nhìn trò, gật đầu:

- Các anh đổi thay nhiều lắm. Trưởng thành cả rồi. Nhưng mà ở đâu và bao giờ các anh vẫn nhận ra tôi, tôi vẫn nhận ra các anh. Anh thì vẫn còn nguyên vẹn cái nhìn lơ đãng ra ngoài cửa lớp những buổi trưa mùa hạ.

Y trả lời:

- Vâng, con vẫn thế. Con vẫn nhớ con như thế.

Giọng thầy trầm trầm trong tiếng mưa đổ rào rào:

- Chúng ta vẫn thế.

Đôi mắt sâu của thầy nhìn xuôi theo con đường dài, qua màn mưa về tận cuối đường, xa hơn cái xa của cuối đường:

- Chiến tranh đổi thay hình thế những ngả đường trên đó chúng ta đi. Tất cả trở nên khó khăn cực nhọc và chua xót hơn cũ. Những ụ đất. Những hầm hố. Những chiếc cầu đổ. Hình như mưa bão cũng nhiều hơn.

Và thầy thở dài:

- Chúng ta là con người cũ đang tập đi trên những con đường mới.

Rồi thầy quay lại hỏi:

- Còn anh, bây giờ anh làm gì?

- Thưa thầy con đi buôn.

- Đi buôn?

- Con bỏ học từ sau cách mạng tháng tám. Thuyền hàng của con chắc bây giờ đang ngược dòng đi lên giữa khoảng Rót Rét. Con sẽ đón thuyền ở vùng Bương Cấn và nếu đêm nay ngớt mưa sẽ đi thẳng tới Phú Thọ.

Người thầy "thế à" một tiếng nhỏ rồi không nói gì nữa. Tính người vẫn ít nói. Mưa ào ào trên đầu. Trước mắt họ dòng sông Đáy đục đỏ chảy đi hung dữ. Bãi xa mịt mùng bên kia. Người học trò đứng lùi lại phía sau và nhìn thấy sát tầm mắt, những sợi tóc bạc gió thổi lay tạt trên khuôn mặt mà trông nghiêng vẫn đựng đầy cái vẻ trầm lặng cũ, những ngày xưa nhìn xuống Y trên một nền bảng đen. Những kỷ niệm và những hình ảnh của một lớp học vừa trở về lướt thướt và buốt lạnh trên khoảng đường này. Những chùm hoa mùa hạ đỏ chói chang trên góc cửa sổ, sự hé mở của những giấc mộng ban đầu nở từ những chùm hoa rực rỡ ấy, nhịp bềnh bồng đẩy đưa của tâm hồn chạy đến những chân trời những thế giới hoang vu. Cánh bướm mỏng của niềm rung động mới. Những tấm kính sáng trong. Tiếng giảng bài trầm trầm đi giữa hàng ghế. Tà áo thâm và cái đỉnh mũ trắng. Những bực gạch mưa làm mòn cạnh đi lên từng cửa lớp. Lối kiến trúc cổ kính của một mái trường xây cất trên nếp thành đổ nát cũ lượn vòng giữa những hàng cây và những ao đầm. Thành phố ở dưới với tiếng hú dài của một tiếng còi tàu kéo theo những vết khói còn treo lâu trên nền trời. Ý niệm thứ nhất về không gian trong chuyến đi tưởng tượng. Vụ hè sắp tới thấp thoáng hình ảnh con đường mất hút dưới

nắng.

Y nhớ thầy đã về sau một buổi tựu trường có nhiều thuyên chuyển. Cũng một buổi mưa lớn. Có tiếng giày từ ngoài hành lang đi tới. Thầy vào, đứng lại một giây nhìn mọi người, nói: chào các anh, đoạn đi thẳng lên bục cao. Giờ học thứ nhất được dành cho sự làm quen nhau. Người thầy bày tỏ nỗi vui riêng sau mười mấy năm ở rừng được đổi về một trường thành phố.

Thầy nói: trường cũ ở sát biên giới Hoa Việt, học trò nửa Kinh nửa Thiểu số. Trên ấy đêm rừng dài và buổi sáng nào cũng đầy đặc sương trong lớp học vừa mở cửa. Rừng thì trùng điệp ở chung quanh. Sân trường đôi khi còn in những dấu chân thú dữ. Và rét thì rét ghê rét gớm. Anh học trò nào chân tay cũng cóng buốt và mặt mũi xám tái lại. Phải đóng kín cửa cho hơi nóng truyền đi một lúc sau mới làm việc được.

Hình ảnh của một lớp học biên giới được gợi lên bằng giọng nói đặc biệt trầm trầm. Cái lối kể chuyện của thầy cũng khác. Và ngay lập tức, trong số bốn mươi lăm học trò chăm chú lắng nghe, từ một chỗ ngồi tận đáy lớp nhìn lên, Y cảm thấy mến yêu ngay người thầy học mới. Một nỗi yêu mến đặc biệt chưa từng có. Tưởng như một khám phá, một đổi thay lớn.

Trong một cuộc đời học trò, từng năm học đi lên, mỗi năm lại gặp một người thầy, nhưng trong tất cả những người thầy đó, thường vẫn chỉ có một người mà về sau lúc đã giã từ cửa lớp, ở mãi chỗ sâu xa cách biệt trong cuộc đời, mỗi lần nhớ lại là người học trò lại nhớ ngay đến người thầy ấy. Tại sao? Có thể vì một nét mặt, một giọng nói, được khắc sâu hơn vào dĩ vãng. Có thể vì một sự bắt buộc nào đó, trừu tượng và siêu hình, khiến cho tương quan tình cảm vượt khỏi mức bình thường, chứa đựng một ý nghĩa rộng lớn hơn.

Bài luận đầu tiên của Y được nhiều điểm nhất lớp. Một sự lạ. Ba hôm sau khi thầy trả bài, gọi đến tên, ngợi khen và mỉm cười bảo Y hãy đọc cho cả lớp nghe một đoạn văn hay, Y đứng dậy, tờ giấy trên tay run run và giây phút đó đã là cả một dấu son rực rỡ trong cái lịch sử học trò của Y từ trước đến nay vốn rất tầm thường tăm tối.

Y lười và lơ đãng. Trên tất cả các môn học, điểm số bao giờ cũng ở dưới cùng. Một sự đội sổ toàn diện. Suốt đời Y nhớ mãi cái giờ học lịch sử ấy của một tên học trò đội sổ ngồi tối tăm ở cuối lớp, lần đầu đứng lên ngượng nghịu, hồi hộp đọc cho cả một lớp im sững thán phục cái thành công thứ nhất của đời mình. Ngồi xuống còn cảm động.

Cả lớp không tìm hiểu được nguyên nhân sự đổi thay đột ngột này. Chính Y cũng không hiểu. Có gì đâu. Y đã viết bài luận ấy cho *một người* xem, nó là cái biểu tỏ cụ thể của một tình cảm chân thật và tốt đẹp gửi đến cho một người thầy đã tả được một cái trường học biên giới bằng "những dấu chân thú dữ" và "sương trắng đầy đặc cửa lớp buổi sớm".

Mưa vẫn đổ lớn.

Buổi chiều như đã muốn đến từ bãi sông bên kia. Trời thấp và xám. Con thuyền đầy hàng ngược dòng ở giữa khoảng Rót Rét bồng bềnh trong ướt lạnh còn là điểm vui ấm bé nhỏ so với tâm sự của người thầy mất trường, không biết sẽ về một nơi nào trong mưa bay.

Hai người cùng cúi đầu suy nghĩ. Thầy hỏi:

- Anh vừa nói hiện anh đi buôn đấy nhỉ?

- Dạ.

- Các anh làm thật nhiều nghề. Mỗi người một đường. Cuối tháng trước tôi có gặp một anh không rõ đã học tôi năm nào, làm khẩn hoang ở một đồn điền Nho Quang. Vùng ấy lam chướng, nước độc, rất có hại cho sức khỏe. Trông anh ta xanh yếu đáng ngại. Cứ như anh đi đây đi đó trên một con thuyền, có lẽ lại hay hơn.

- Kể thì mấy năm nay, từ ngày thiên đô con chưa từng có dịp được đi nhiều, thấy nhiều như bây giờ. Nhưng nghề buôn không phải là một chí hướng thích hợp. Nhiều lúc con cảm thấy đang làm một việc vô ích.

Người thầy đáp:

- Tôi biết. Nhưng chúng ta bây giờ thường vẫn làm ngay cái việc nhìn thấy trong tầm tay với mà không có quyền từ chối, lựa chọn. Thế hệ các anh biết bao nhiêu người hiện đang đứng lạc vị trí, băn khoăn tìm đường. Ở tuổi các anh thật đau đớn. Chúng tôi thì không nói làm gì. Nhiều lúc cực nhọc vất vả, tôi vẫn thầm cám ơn trời còn cho mình được cầm cái thước kẻ giảng bài. Tôi làm gì khác được nếu thôi dạy học?

Thầy cười khẽ:

- Thói quen của nghề nghiệp đấy: Thấy các anh là hỏi về dự định vào đời. Không thích đi buôn, anh muốn làm gì?

- Có một lần trong giờ luận, thầy nói đùa con có thể trở thành nhà văn, con vẫn ao ước thực hiện được câu nói đùa ấy.

- Thế ư! Tôi không nhớ nữa, nhưng nếu có nói thì nói thực đâu phải đùa. Phải rồi, Việt văn là môn học xưa kia anh ham thích nhất.

Giọng thầy trở nên ân cần:

- Cố gắng đi. Biết đâu chẳng có ngày tôi được đọc văn của một người học trò cũ là anh. Niềm vui lớn lao nhất của một người thầy vẫn là được thấy người học trò cũ của mình đi vào tương lai trên lối đi đã được phát định từ trong cửa lớp.

Mưa bỗng ngớt đi, tiếng đổ ào ạt dừng lại. Mé sông bên kia, bờ bãi mịt mùng ban nãy nổi lên dần dần. Nhưng vòm trời thì vẫn thấp nặng và nghi ngút hơi nước. Trận mưa lớn vừa ngớt chỉ để sửa soạn cho một trận mưa lớn khác sắp đổ xuống.

Hai người ra khỏi gốc cây. Người thầy nhìn lên trời:

- Đã có thể đi được rồi. Tôi phải đi xuống Ty bây giờ cho kịp.

Thầy quay lại, cánh tay gầy yếu đặt lên vai người học trò cũ:

- Lâu lắm mới gặp nhau, tôi cám ơn các anh còn nhớ đến tôi. Các anh bây giờ đã khôn lớn cả, đã tự trưởng thành trong những kinh nghiệm, tôi cũng không có điều gì phải khuyên bảo nữa. Thôi anh ở lại.

Giây phút giã từ này thật là cảm động.

- Con ân hận không được gặp thầy lâu. Con theo thuyền độ nửa tháng bán hàng xong rồi sẽ trở lại vùng này. Xin thầy địa chỉ để con được lại thăm trường mới.

Người thầy gạt đi:

- Chính tôi hiện giờ cũng không biết rồi sẽ được thuyên chuyển đi đâu. Liên khu trong, một trường mới mở trong núi hay là nghỉ dạy vĩnh viễn không chừng. Chắc khó gặp lại, anh còn nhớ đến tôi là đủ và đừng băn khoăn về vấn đề tìm thăm tôi.

Người thầy bước đi, cái bị cói nằm trên bờ vai gầy, gậy trúc chống xuống đường lầy. Y chạy theo thầy:

- Con đi buôn cũng không đến nỗi túng thiếu lắm. Thật tình không dám nghĩ đến chuyện trả ơn, nhưng con có giúp thầy được gì không?

Người thầy lắc đầu mỉm cười:

- Tôi một thân một mình cũng không cần gì. Cám ơn anh. Thôi anh trở lại.

Y đứng sững giữa con đê nhìn theo bóng dáng cổ kính của người thầy. Cái bị cói, cái gậy trúc, những sợi tóc bạc cứ nhỏ dần mãi. Rồi những cái điểm bé nhỏ ấy nhòa đi sau màn mưa.

Y gặp lại người thầy học cũ của Y lần ấy là lần cuối cùng. Bán xong chuyến hàng, Y lên bộ về thẳng Vân Đình. Hỏi thăm Ty Học Chánh ở đó, Y được biết người ta đã trả lời thầy là các trường bị phá hủy gần hết, phải đợi một thời gian để lập trường mới và người đã bỏ đi không để lại địa chỉ.

Đến nay đã mười tám năm.

Viết văn, tôi thực hiện được cái ước vọng duy nhất của thuở nhỏ. Trong số những nguyên nhân thầm kín thúc đẩy tôi, tôi ghi nhận lời thầy khuyên nhủ cố gắng ngày nào trên khoảng đường lầy.

Sự đổi thay quyết định một đời người thường vì những nguyên nhân nhỏ. Ở đây có thể vì lời khuyên của một người tôi kính yêu.

Từ đó tôi không gặp lại thầy, cũng không trở lại một cửa lớp nào nữa. Nhưng kỷ niệm còn giữ được của buổi học ấy, nỗi cảm động đứng giữa hàng ghế đọc bài luận ấy cho cả lớp nghe - nhớ lại - vẫn đưa tôi trở về được với cái thế giới học trò. Nó nằm trong chu vi một lớp học, nhưng rộng và riêng biệt đúng như một thế giới. Chùm hoa phượng, những phiến kính sáng trong, cái đỉnh mũ trắng, những ngày hè chói nắng. Câu văn đầu tay vụng dại, bỡ ngỡ. Trên tất cả, khuôn mặt trầm lặng của thầy ngó xuống như một nỗi bình yên.

Bây giờ đôi khi ngừng tay trên một trang bản thảo, lúng túng trước một

danh từ, một ý tưởng diễn đạt khó khăn, tôi lại thấy những hàng chữ dập xóa trước mắt bỗng phảng phất giống với trang giấy nháp của bài luận cũ. Hình ảnh người lúc đó lại hiện lên. Tôi muốn được gặp lại, để nói, ít nhất cũng một lần, với người:

- Những trang giấy này có được một phần lớn nhờ thầy.

Nhưng mà những dòng chữ tôi viết bây giờ chắc không bao giờ được biết tới những dòng mực đỏ phê điểm ấy nữa. Buổi gặp mặt cuối cùng. Con đường xa hút dưới mưa trắng. Số tuổi chất nặng lên cuộc đời đã xế chiều. Giọng nói trầm trầm ấy đã chìm lặng, tôi linh cảm như vậy. Cái gậy trúc chắc đã rời khỏi cánh tay gầy yếu, rơi xuống một nơi nào đó, ở ngoài kia.

MAI THẢO.



cục đất

Biển một đường khơi xa thẳm xa
Núi vươn trượng trượng tới mây nhòa
Thì treo cục đất toòng teng giữa
Cho cái vô cùng vẫn ở hoa

cành

Cành đứt lìa mong ngày ghép lại
Vào thân hồng thủy ở rừng xa
Mười lăm năm chỉ niềm mong ấy
Cháy bỏng trên từng đốt ngón ta

không tiếng

Sớm ra đi sớm hoa không biết
Đêm trở về đêm cành không hay
Vầng trăng đôi lúc tìm ra dấu
Nơi góc tường in cái bóng gầy

MAI THẢO



MAI THẢO

những tấm hình của chị thời



Tiếng chuông vang lên, âm thanh mang hình ảnh một đường chỉ thẳng vút truyền đi, thật sâu và thật xa vào một phía bên trong thăm thẳm, ở đó là một im lặng lớn nằm giữa một lắng đọng đầy. Tiếng chuông vang lên, chìm dần rồi mất hẳn. Chuông ở quá cao trên thành cửa. Nhị phải kiễng chân, đứng riêng trên ngón, căng rướn cái thân thể chuột nhắt của Nhị lên, mới chạm được tới cái nút bấm bằng một đầu ngón tay. Cánh cửa vẫn đóng kín. Bên trong lặng tờ, không một tiếng động. Sự im lặng kéo dài. Và ở Nhị, là khởi sự một trạng thái bối rối khiến Nhị bắt đầu cảm thấy đầu óc hỗn loạn, tay chân lúng túng. Không biết làm gì hơn là đợi chờ. Nhị đặt cái va li xuống bực thềm căn nhà đóng kín, quay lại, nhìn con phố xa lạ mới đến, mới nhìn thậy lần thứ nhất trong đời.

Buổi chiều. Trời tháng chín thấp và xám. Những ngày nghỉ hè đã chấm dứt. Những chùm phượng vĩ chói chang đã nở, đã kết thành một cái mái thiên nhiên rực rỡ cho những ngày làm một cánh bướm đồng, rong chơi thỏa thích trong thế giới tuổi vàng, và một chuyến xe đò đã chở Nhị xa dần những bóng tre những con đường ấu thơ, chở Nhị xa dần những tinh sương thôn quê kín đặc sương mù, Nhị bỏ lại một chân trời, xếp vào đáy cặp những kỷ niệm hồng, rồi một chiếc xe kéo ọc ạch, long gãy đã chở Nhị tới giữa lòng con phố này, thả Nhị xuống trước căn nhà xa lạ thù nghịch. Con phố thật cũ kỹ thật khuất tịch, đầy đặc những ổ gà, những khoảng trũng. Trước mắt Nhị, một dãy nhà chạy dài một tầng. Đó là những căn nhà bà già, kề vai bên những ngôi nhà ông lão. Những bờ tường ọp ẹp, xiêu đổ, nghiêng nghiêng, nâng đội nặng nhọc lặc lè trên đầu trên cổ chúng những hàng mái cong trũng. Trĩu nặng trên những hàng mái sầu thảm cúi đầu ấy là những viên ngói rêu xanh phủ kín, viên nào viên đó như sẵn sàng rớt xuống, tan vỡ thành muôn nghìn mảnh nhỏ trên đường. Buổi chiều nhá nhem phủ kín lên cái cảnh tượng hắt hiu một

lớp khói chập chờn loãng nhạt. Mùa thu bén tới rồi. Nhị rùng mình. Trong không khí, là những luồng hơi lạnh tràn chiếm dần cùng bóng tối.

- Ai đó?

Tiếng hỏi bất chợt nổi lên ở phía sau lưng làm Nhị giật bắn người quay lại. Bằng một phản ứng thảng thốt, mất tự nhiên, Nhị cầm vội lấy chiếc va ly. Đứa nhỏ quê mùa, mới ra tỉnh lần đầu mím miệng, nín thở. Trái tim nhỏ bé dập mạnh như muốn vỡ toang lồng ngực.

Người vừa mở cửa nhìn ra, vừa lên tiếng hỏi là một người đàn bà.

Tròng mắt thỏ non của Nhị là thứ tròng mắt chưa biết phân định những tuổi người. Một trái na mới mở mắt trong vườn sau trận mưa đêm, với một trái na ủ nóng đã chím mềm trong một áo lá khoai, một con chim non mỏ còn viền vàng, một con chim già mỏ đã nhọn hoắt, một đài hoa mới hàm tiếu mơn mởn và một đài hoa đã rực rỡ mãn khai, Nhị phân biệt được. Phân biệt được cái già của một ngọn cỏ. Cái non của một búp lá. Nhưng người, Nhị chịu. Chỉ biết cái khuôn mặt vừa hiện hình sau khung cửa mở hé là một khuôn mặt đàn bà. Thực ra đó chỉ là một thiếu nữ. Cô tên là Châm. Cô lớn hơn Nhị nhiều. Nhưng họ hàng có những thứ bậc trên dưới kỳ cục ngộ nghĩnh. Châm phải gọi Nhị bằng chú. Xưng cháu. Nhị đâu biết thế. Mặt đỏ gay, lưỡi líu ríu, Nhị lắp bắp:

- Thưa bà...

Chừng như người con gái đưa tay lên che miệng cười. Nhị đã lúng túng, càng lúng túng thêm. Cuối cùng Nhị cũng nói được:

- Đây có phải là nhà bà phán Tuyên không ạ?

Người con gái nhìn Nhị đăm đăm. Chợt nàng hỏi:

- Chú phải là chú Nhị không?

Nhị sững người. Dân thành phố thần thánh thật. Biết ngay Nhị là Nhị, mặc dầu chưa hề gặp. Nhị tròn mắt, gật. Người con gái cười thành tiếng, bước ra, xách va ly, rất thân mật và tự nhiên kéo thốc Nhị vào trong nhà, để Nhị đứng đó. Rồi vừa chạy vào nhà vừa la lớn:

- Mẹ ơi! Chú Nhị lên. Chú Nhị đã tới.

Phía bên trong ngôi nhà tối thẳm đã lãng đãng bóng tối và sương mù của buổi chiều tỉnh lẻ, một tiếng dép lẹp kẹp bước xuống từ một cầu thang khuất. Nhị đứng chờ mất chừng vài phút nữa. Rồi bà phán Tuyên từ nhà trong lững thững đi ra. Bà phán Tuyên thì Nhị đã thấy mặt. Còn nhớ. Bà đã xuống chơi dưới ấp với cha mẹ nhiều lần, mỗi lần xuống ấp, bà đem theo biếu cha mẹ những thứ đồ ăn chỉ có trên thành phố. Như chuối ngự, cốm vòng, bánh trái. Nhiều lần vào mùa hè, bà còn khệ nệ đem theo cả mấy ký nước đá lạnh buốt ủ trong mạt cưa cho khỏi tan. Bà ở chơi dưới ấp một vài ngày, khi về, mẹ làm quà cho bà những thứ thịt cá, rau cỏ tươi tốt mà bà nói với mẹ là không thể có được ngon lành và tươi, mới như thế ở những chợ búa phường phố.

Chính một phần vì bà phán Tuyên mà cha mẹ cho Nhị lên tỉnh trọ học sớm hơn một năm. Cha mẹ định thế nào cũng cho Nhị giã từ những chân tre

cũ, những nhánh lúa vàng, những con đường đất cỏ non xanh ngắt hai bờ mùa xuân, để ra tỉnh học. Nhưng là năm sau kia. Sợ Nhị còn nhỏ quá. Năm đó Nhị mới 11 tuổi mà. Đi đâu xa còn nắm chặt lấy tà áo mẹ. Nhưng bà phán đã thuyết phục được cha mẹ cho Nhị lên đường sớm hơn đúng một năm học. Nhà con cũng là nhà ông bà. Con sẽ xin chăm sóc chú Nhị cẩn thận. Thằng Chuẩn thằng Tài nhà con cũng bằng trạc tuổi chú ấy. Mấy chú cháu chơi với nhau, đi học cùng một trường, tiện lắm. Trẻ con bây giờ cũng phải cho xa nhà dần đi thì vừa. Cho nó bạo dạn mới được. Đại khái bà phán đã nói như thế. Cuối cùng cha mẹ Nhị đã nghe theo. Và buổi chiều tháng chín năm đó, với Nhị, đã khởi sự những ngày trọ học.

So với lần gặp trước ở dưới ấp, lần gặp tuy đã nhạt nhòa, nhưng hình ảnh người chị họ còn phảng phất trong trí nhớ, bà phán Tuyên đã thay đổi nhiều. Một thay đổi héo hắt. Làm bằng lo âu, bệnh tật và phiền muộn. Bà không cười nữa. Trán đầy những nếp nhăn. Mái tóc, Nhị nhớ chải chuốt và đen ánh trong vành khăn nhung đã điểm những sợi bạc. Mới tháng chín, heo may đầu mùa chỉ mới thả vào không khí một thoáng lạnh dịu dàng mà bà phán đã mặc một chiếc áo len dày, hàng khuy cài hết tới cổ. Cặp mắt bà mỏi mệt. cái nhìn đầy đau buồn. Bà còn thúng thắng ho. Bà xoa đầu Nhị: "Chú đã lên đó à! Tốt lắm. Ở đây ăn học với các cháu". Bà chỉ tay giới thiệu: "Đây là Châm. Nó là cháu của chú đấy". Bà cho Nhị biết là cha mẹ ở dưới ấp đã đánh điện tín lên báo tin Nhị tới từ chiều hôm trước. Bà bảo Nhị đi rửa mặt, thay áo, chờ ông phán đi làm ở sở về rồi ăn cơm. Đoạn, bỏ Nhị đứng ở dưới nhà, bà ôm ngực, ho mấy tiếng rũ rượi, mệt nhọc quay gót lên cầu thang.

Không bao giờ Nhị quên được buổi chiều đầu tiên ra tỉnh và xa nhà ấy. Cái thân thể chuột nhắt, cái tâm hồn trong vắt như một dòng suối, mỏng manh như một đài hoa, cái tuổi mười một ở đồng ở nội như nằm trên cái nôi êm ái nhất của một ấu thời bằng ngọc, chiều phường phố thứ nhất ấy, thảy đã bỡ ngỡ, đã ngẩn ngơ với một trạng thái rời dứt bàng hoàng rộng lớn. Người lớn đã nhấc bổng Nhị từ một thế giới, ném Nhị lạc lõng sững sờ vào một thế giới khác, hoàn toàn xa lạ, hoàn toàn chưa quen. Ngôi nhà dưới ấp thênh thang gió thổi tràn đầy Nhị không nhìn thấy nữa. Đã xa, những bờ mái buổi sáng, mặt trời óng ánh trên từng phiến ngói. Chim sẻ nâu từng đàn bay lượn nhảy múa dưới nắng, hoa hoàng lan dịu dàng tinh khiết tỏa hương trên những đầu cành, lá tre nghìn ngón tay phất phất trên con đường nhỏ tới trường, và dòng sông nhỏ hiền như một dải lụa, là tấm gương trong vắt và lành nhất phản chiếu những ảnh hình đôn hậu của vòm trời ấu thơ. Đã mất cái âm thanh quen thuộc bạn hữu của gà vịt những ban mai thôn dã lìa chuồng, Nhị chạy vòng giữa chúng, ném thóc ăn thành một trận mưa hoa. Đã khuất bờ đê ấy là hướng mặt trời lên, cây cầu ấy là hướng lặng mặt trời, cái ngõ ruối dầy đặc bóng mát sau ngôi chùa mái cong vút nơi Nhị thường

tìm đến những buổi trưa hè. Không còn gì nữa, cái ánh trăng rằm trên sân gạch thênh thang, cái ánh trăng đuổi theo bóng Nhị chạy, tới giấc ngủ còn đậu xuống hiền hòa trên mái tóc. Suốt dọc đường, Nhị đã nhớ. Chiếc xe càng đưa Nhị xa nhà bao nhiêu, muôn nghìn nỗi nhớ, bấy nhiêu, càng lớn. Thằng Ấu, thằng Thóc, thằng Phiệt, con Phượng đang làm gì? Nhị nhớ chúng. Nhị xa lũ bạn để chỏm và Nhị nhớ bạn, ghê gớm, trên từng cây số đường. Nhà thằng Ấu có một cây khế. Thật ngọt. Cả làng chả có nhà ai có được một cây khế ngọt như thế. Cắn một miếng, nước khế ứa ra, đầy lưỡi, đầy miệng, vị khế ngọt như đường phèn. Thằng Ấu là bạn thân nhất của Nhị. Từ đồng ấu tới dự bị. Từ dự bị tới sơ đẳng. Đi đâu cũng là Nhị, Ấu khoác tay, kề vai, cặp chân thỏ non song song với cặp chân chim sẻ. Cây khế nhà Ấu, mùa nào Nhị cũng được ăn ít nhất là hàng chục trái. Hôm được tin Nhị ra tỉnh học, Ấu thủ hai trái khế chín vàng trong vạt áo, luồn qua ba thuở vườn, chạy hết một lối xóm, đem tặng cho Nhị. Ấu đen nhẻm. Ngỗ nghịch. Mắt trắng rã như mắt rắn ráo. Người làng đồn cha Ấu ngày xưa đi ăn cướp bị ông quan huyện đeo bài ngà đem lính từ huyện về bắt được. Cha Ấu phá rào, băng qua ao trốn. Nhưng lính bắn theo trúng chân, ngã quỵ. Rồi bị còng tay, giải đi. Và chết trong nhà ngục. Cha nào con ấy. Ấu rắn đầu, trán gồ thành bướu, nổi tiếng là gan lì nhất lớp. Thầy Chử dữ đòn là thế, một bữa gọi Ấu là con thằng tướng cướp, bắt Ấu nằm sấp, đánh đủ mười roi mây tóe máu. Ấu quằn người như con giun mà chịu đòn anh hùng, không bật lên một tiếng kêu một tiếng khóc nào. Nhị chứng kiến trận đòn, mỗi lần nhớ lại còn xám xanh mặt mũi. Cha tướng cướp chẳng thấy đâu, chỉ thấy con chí hiếu. Ấu thương mẹ lạ thường là thương. Mẹ Ấu ở một túp lều nhỏ, bán hàng ở cái quán nước lộ thiên gần cây đa đầu làng. Sáng sáng, Ấu đội hàng ra quán cho mẹ rồi mới đến trường. Mỗi lần làm gì không nên không phải, mẹ mắng, Ấu khoanh tay trước ngực, cúi đầu, đứng im phăng phắc. Ấu khỏe như trâu lăn, đánh lộn một cây, mình mẩy thâm tím, thân thể đau nhừ cũng chỉ nghiến răng, chứ không bao giờ khóc. Vậy mà hôm tiễn Nhị và tặng bạn hai trái khế cuối cùng chấm dứt cho một tuổi hồng đoàn viên, Ấu đã chảy nước mắt.

Riêng với Ấu, Nhị đã có không biết bao nhiêu là kỷ niệm. Ngăn ký ức nào đựng cho đủ. Cặp học trò nào chất cho vừa. Còn thằng Thóc nữa. Cho nó thân thứ nhì đi. Thân sau Ấu thân thiết nhất. Thóc học giỏi quá thể, óc nó đựng đầy chữ. Chữ vào trong đầu Thóc, chữ ở lại, hóa thành những bài học thuộc lòng đọc băng băng một hơi, thành những bài toán làm không bao giờ sai một con số nhỏ, thành những lần lên bảng, cái giọng Thóc sang sảng, thước kẻ trên tay, giờ địa dư vừa nói vừa chỉ bản đồ, không sai tên một dòng sông, không lầm tên một triền núi. Bợm và thánh thật chứ. Không bợm sao Thóc đứng đầu lớp ba năm tiểu học liền. Không thánh sao thầy cũng phải chịu. Thầy bắt mọi người bắt chước Thóc, cũng phải học giỏi như Thóc. Nhị muốn mà không được. Theo kịp Thóc là cái chuyện đứt hơi. Học như Thóc, một hơi thôi, đã hoa mắt chóng mặt. Trước ngày Nhị lên đường, Thóc rủ Nhị

đi chợ. Đãi Nhị một bữa bún riêu no căng bụng. Thóc bảo: "Mày muốn lấy gì tao cho". Thóc có nhiều cái Nhị thích lắm. Thóc có con chim vành khuyên nhốt trong một cái lồng sơn son, cái hộp bút chì đủ mười hai màu, một cuốn sách đóng gáy da đầy những con bướm ép đủ kiểu đủ cỡ, một cuốn truyện thần tiên là phần thưởng nhất lớp của Thóc, Nhị nhớ đâu như chỉ mượn xem qua được có một lần.

Lại còn thằng Phiệt nữa. Nó chẳng thâm lắm nhưng nhiều buổi sáng chủ nhật, chính Nhị đã phải làm thân với Phiệt. Chả là Nhị mê đi câu mà nhà Phiệt lại có một cái ao nhiều cá nhất làng. Cái ao cá nhà Phiệt là nỗi mê đắm tận cùng và lớn nhất của Nhị thuở đó. Ngày nghĩ đến đã đành, đêm còn mơ thấy mặt ao với những bầy cá đầy đặc quẫy nhảy hoa mắt cùng khắp cõi mộng. Cái ao ở phía sau nhà ba phía là bụi tre um tùm bao bọc. Chỉ có một phía vào được thì ông Xã, cha Phiệt, đã ngồi đó, ở một đầu thềm, suốt ngày suốt buổi.

Một lần, Nhị đánh bạo vác cần câu đi vào, nhưng không thoát. Ông Xã thủng thẳng hỏi: "Cậu Nhị đi đâu đấy?". Nhị đáp: "Cháu vào tìm Phiệt". Trẻ con không đánh lừa nổi người già. Ông lão quái ác, vẫn cái giọng thủng thẳng tiếng một: "Tìm ai thì tìm, tha hồ, nhưng chớ được tìm bắt cá của tôi đâu đấy nhé". Ông lão giữ cá còn hơn ông thần tóc đỏ giữ của Nhị đã xem trong một truyện thần tiên. Lần đó, Nhị cụt hứng đành vác cần câu lủi thủi đi trở ra. Kẻ mách Nhị câu trộm những con cá nghìn vàng của ông Xã lại chính là Phiệt. Thấy Nhị mê quá, Phiệt mách nước cho Nhị đánh lừa bố. Mày làm một cái cần câu ngắn thôi, giấu vào trong vạt áo. Bố tao có hỏi, khai là vào vườn sau tìm cỏ gà. Tới ao, hãy giở cần câu ra. Ngồi câu ở gốc cây sung ấy. Chỗ ấy um tùm, kín khuất, thầy tao không thấy được. câu được cá cứ để ở gốc sung, tao lấy tao mang ra cổng cho. Suốt một vụ hè, Nhị đã làm theo kế hoạch của Phiệt. Và quả nhiên tuần nào cũng câu trộm được hàng chục con cá chép của ông Xã. Bây giờ thì hết rồi. Hết những con tép, con giun làm mồi. Hết những con bống trứng vàng phình bụng, những con rô đen nhẫy, những con chép nặng trĩu làm cong vút cái cần câu nhỏ, hết chỗ ẩn náu um tùm kín khuất sau gốc sung vươn mình ra mặt nước ao kia.

Giã từ. Từ giã. Lên đường. Bỏ lại. Con Phượng, mắt tròn như hòn bi, đen láy, cười đấy, rồi khóc đấy, hay đòi Nhị cho đi theo những cuộc phiêu lưu sảng khoái mê ngất qua những bờ bụi, nó cũng luồn những hàng rào, cũng lách qua những chân tre, cũng nhảy qua những lòng rạch, vừa đi theo Nhị vừa sợ, nhưng sợ mà đòi đi, lần nào Nhị không chịu, cô bạn Nhị giậm chân bành bạch, dọa khóc, dọa hét, Nhị muốn kêu trời nhưng rồi lại nắm lấy cái cổ tay bụ bẫm có ngấn của Phượng, dắt bạn chạy lao, và giữa cái xanh lam dày đặt bóng mát thênh thang vui thú tràn đầy của cái thiên đường bao giờ cũng dành cho Nhị những khám phá kỳ thú. Con Phượng phút này làm gì? Tao xa rồi, Phượng! Ai đưa mày đi bắt những con bướm buổi trưa say nắng, những ngọn cỏ gà, những con chuồn kim, và đêm tối, những con đom đóm

lập lòe, và ngày mưa, ai nữa, cùng người bạn nhỏ, vui thú thả theo con lạch tràn bờ những con thuyền giấy? Giã từ. Từ giã. Bỏ lại. Chia tay. Xa bạn. Lên đường. Những hình ảnh thân yêu muôn vàng đuổi theo Nhị trên từng cây số đường. Và bây giờ là một đường phố xa lạ, chẳng có bướm vàng chẳng có bạn cũ. Những chùm hoa phượng đỏ chói của tuổi nhỏ bông hoa đã nở. Đã rụng. Một năm học mới bắt đầu. Một năm học phường phố đầy vẻ xa lạ thù nghịch. Thù nghịch ngay từ căn phố Nhị vừa đặt chân tới. Thù nghịch ngay từ ngôi nhà ở đó những ngày trọ học của Nhị đã bắt đầu với Nhị bằng cái cảm giác rùng rợn của một lưu đày.

Đó là một ngôi nhà kiểu cổ. Như tất cả những ngôi nhà cùng một kiểu, nằm thiểu não thành một hàng dài xiêu đổ, tối tăm trong lòng con phố khuất tịch. Mãi về sau, mẹ kể chuyện, Nhị mới biết là thời kỳ Nhị đến trọ học, người chị họ - bà phán Tuyên - gặp phải một bất hạnh lớn. Gia đình bà phán trước đó sống ung dung, phong lưu. Căn nhà sáng chiều vang động tiếng cười tiếng nói. Ông phán đi làm. Bà phán buôn bán thêm. Công việc làm ăn đang phát đạt, thì đột ngột bà phán bị một người bạn lừa đảo. Người bạn phản phúc lá mặt lá trái đã dụ dỗ ngon ngọt thế nào không biết, chỉ biết bà phán đã đưa hết tiền bạc dấn vốn cho ả, và một buổi, ả đã bỏ đi mất tích. Thế là một phút trắng tay. Để trừng phạt vợ về cái tội nhẹ dạ tin người, ông phán bắt bà phán ở nhà. Một cuộc sống khắc khổ bắt đầu từ đó. Tiền lương trích ra một nửa để trả nợ, một nửa giao ch chị Châm, người con gái lớn. Khoản tiền quá ít, tằn tiện thế nào cũng không đủ chi tiêu. Căn nhà từ bất hạnh đột ngột, đắm chìm trong một bầu không khí u uất. Bà phán đau buồn, sinh bệnh, nằm suốt ngày trên căn gác tối. Những tiếng cười mất biến trên những khuôn mặt trầm tư, khép kín. Chỉ còn những cặp mắt ngó xuống, và những giọt lệ thầm và những tiếng thở dài.

Ngay từ buổi chiều mới đến, cái không khí lạnh buốt, thiêm thiếp của ngôi nhà không hạnh phúc đã là một dội dập bàng hoàng vào trí óc non nớt của Nhị. Tối xuống. Đèn bật lên. Ánh đèn cũng vàng vọt, cũng buồn rầu. Ông phán từ sở về. Mệt nhọc, cau có. Ông hỏi thăm Nhị một vài câu qua loa. Mấy thằng nhỏ con ông từ bên kia bàn ăn ném cho Nhị những cái nhìn gờm gờm thiếu thiện cảm. Chị Châm xem chừng có cảm tình với Nhị hơn. Nhưng người con gái lớn của cái gia đình sa sút không thể là một thiếu nữ tươi tắn, mà đã sớm những lo buồn không tên. những ưu tư nhiều mặt. Bữa cơm thứ nhất đánh dấu cho chuỗi ngày tháng trọ học, Nhị nhớ chẳng vui gì. Mọi người cắm đầu ăn. Rồi đèn tắt đi. Tất cả cùng lên lầu.

Nhị ra ngồi một mình ngoài thềm cửa. Tầng dưới của căn nhà tối om sau lưng. Trước mắt Nhị, con phố nhỏ nằm dài dưới những ánh điện đường nhợt nhạt. Một vài bóng người di động, lặng lẽ, dưới những mái hiên thấp. Thỉnh thoảng, ánh đèn lắc lư của một xe hàng rong chậm chạp lăn qua. Tiếng rao

hàng cất lên, khàn khàn, mỏi mệt. Những âm thanh rời rạc ấy mất hút vào im lặng với ánh lửa lay tạt nhỏ dần về một cuối phố. Đêm tháng chín lạnh. Tiếng hanh nỏ của một phiến lá rụng trên một lòng mái cong trũng. Lòng phố ướt át dần. Sương chập chờn, xanh biếc. Nhị chống tay dưới cằm, nhìn con phố xa lạ, lại nhớ đến những đêm trăng sáng ở làng. Nhà Nhị sát gần một bờ sông. Đêm trăng, mọi người từ trong làng ra tắm giặt thật khuya trên những bến đá. Những bầy trẻ nhỏ cùng tuổi Nhị bơi lội, vùng vẫy trên mặt nước óng ánh những gợn vàng. Giã từ ánh trăng cũ. Trăng ấu thơ ơi, từ biệt từ đây. Nhị chìm đắm trong một dòng hồi tưởng miên man như thế, cho đến khi Nhị nhìn thấy ở một căn nhà đối diện, một cánh cửa mở ra, một ánh đèn bật sáng và một bóng người vượt đường đi sang.

Cái bóng nhằm đúng chỗ Nhị ngồi đi thẳng tới. Nhị hoang mang chưa biết nên ngồi im hay đứng lên, cái bóng đã tới sát gần, và đứng lại trước mặt. Một tiếng nói dịu dàng, dịu dàng và êm ái lạ thường:

- Tài đấy hả?

Nhị ngơ ngác:

- Tài nào ạ?

Cái bóng cúi xuống nhìn soi mặt Nhị. Và Nhị nhìn thấy khuôn mặt người đàn bà của ngôi nhà đối diện. Cùng một tầm thước với chị Châm nhưng người đàn bà mảnh khảnh hơn. Trên khuôn mặt trái xoan của nàng, một đôi mắt sâu thẳm đen láy. Khuôn mặt đó, mà sau này, lúc nào Nhị cũng như cảm thấy một nỗi buồn ẩn giấu, đẹp lạ thường. Cũng đẹp dịu dàng, và hiền hậu như cái tiếng nói ngọt ngào Nhị vừa nghe thấy. Một tiếng cười khúc khích:

- Chết! Lầm rồi. Chị lại tưởng cậu Tài, em chị Châm. Chị Châm đâu?

- Ở trong nhà ạ!

- Em là ai?

Không chờ Nhị trả lời, người đàn bà đặt bàn tay nàng lên mái tóc Nhị, một bàn tay mềm mại và ấm áp:

- Em là cậu học trò ở dưới ấp mới lên trọ học đấy à?

- Dạ!

- Buổi sáng chị Châm có sang nhà nói chuyện. Ngồi ở đây làm gì một mình thế?

- Em xem phố.

Lại tiếng cười thân mật, khúc khích:

- Xem phố? Cái con phố này xấu và cổ nhất. Có gì đáng xem đâu. Sương xuống rồi đấy. Đừng ngồi ở thềm cửa này nữa. Lạnh lắm. Sáng mai tha hồ xem. Nhà chị ở bên kia đường. Chỗ khung cửa có đèn sáng ấy, em nhìn thấy không?

Nhị gật đầu. Người đàn bà xoa đầu Nhị, đứng thẳng người lên:

- Mà em tên là gì?

- Nhị, Nhị ạ!

- Nhị? Được lắm. Ở đây đi học rồi lúc nào buồn, chủ nhật ngày nghỉ chẳng

hạn, sang chơi với chị nhé. Chị mời em ăn bánh. Thích ăn bánh, cứ sang, tha hồ ăn. Thôi đứng lên. Vào tìm chị Châm bảo hộ chị là chị Thời cần gặp.

Bao nhiêu năm về sau, mỗi lần hoa phượng nở, mỗi năm tháng chín về cho tựu trường tới, cậu học trò nhà quê đã quen lắm với những ánh điện đường thành phố, lại đến với những cửa trường khác, lại có những người bạn mới, lại xa thêm mãi ngôi nhà trọ và lòng phố cũ, nhưng vòm trời tỉnh lẻ ấy dẫu đã nhạt nhòa trong trí nhớ vẫn đằm thắm một hình ảnh, một khuôn mặt. Đó là cái hình ảnh dịu dàng, cái khuôn mặt đôn hậu của chị Thời. Giọng nói ngọt ngào của chị. Ánh mắt nhân từ, bàn tay ấm áp của chị. Giữa chú nhỏ và người con gái lớn tuổi, một sợi dây bằng hữu đã được nối kết, sợi dây ấy đã không đứt rời mà còn buộc, thật chặc, những kỷ niệm của Nhị về chị Thời thành một khối tình cảm trân trọng, cái khối tình cảm đó nguyên vẹn trong hồi tưởng Nhị, là cái phần gìn giữ cảm động và trau chuốt nhất của những ngày trọ học đầu tiên.

Nhị đang nhớ lại chị Thời đây. Nhớ lại cái thế giới thu nhỏ của chị, lặng lẽ như một dòng sông trong dòng chảy âm thầm giữa những đời cỏ hèn mọn. Đến cái dáng đi của chị, bóng hình, không tiếng động, trong ngôi nhà cũ, ở đó, cho một cuộc đời thiếu nữ, những xuân hồng đã biệt tích, đã đi qua. Đến cái khoảng sân sau, cái khoảng sân rêu phong lủi thủi giữa bốn vì tường cao vút, ở đó, như chuỗi ngày tháng mưa phùn của chị Thời, không một tia nắng chiếu tới và lọt xuống, cho dù là vào những buổi sáng mùa hạ rất đẹp trời. Đến khuôn mặt chị, hiền hậu, buồn rầu, che giấu một tâm sự riêng tây không tỏ lộ. Đến ánh mắt chị u uẩn. Và những tiếng thở dài nhẹ như hơi gió thoảng, đôi khi Nhị bắt gặp, nhưng bấy giờ Nhị còn nhỏ quá, chưa hiểu được nguyên nhân.

Những ngày trọ học đầu tiên lạc lõng và bỡ ngỡ trôi qua. Con phố khuất tịch của tỉnh lẻ không bao giờ có được cái sáng hồng, cái nhảy nhót, cái tươi vui phơi phới của một con đường đồng dưới ấp. Nhưng Nhị cũng quen dần với nó. Không thể làm khác. Có điều là cái gia đình tắm đẫm trong bầu không khí phiền muộn của người chị họ sa sút thì Nhị không tài nào tìm được một hòa nhập tốt đẹp. Bà phán vẫn nằm trên căn gác tối thẳm. Với chiếc áo len khuy cài tới cổ, tròng mắt trũng và những tiếng ho thúng thắng mỗi khi trời trở lạnh. Ông phán, chiều chiều từ sở về, vẫn cái điệu mệt mỏi, cau có. Nhà không nuôi người ở, chị châm đầu tắt mặt tối suốt ngày dưới bếp. Và thằng Chuẩn, thằng Tài thì không phải là thằng Ấu, thằng Thóc. Chúng không chịu kết bạn với Nhị. Nhiều lần, chị Châm mắng: "Sao chúng mày không chịu chơi với chú Nhị?" Hai thằng oắt đưa mắt nhìn nhau, tiếp tục những cuộc chơi riêng. Chúng chê Nhị ngố nghế. Cười Nhị nhà quê. Chế riễu Nhị đủ điều.

Chú mà phải làm thân với cháu mới ngặt chứ. Vậy mà mọi đề nghị giao hảo và sống chung hòa bình nào của Nhị cũng bị hai cái đối phương chuột nhắt đồng tuổi từ chối. Một từ chối quyết liệt, tàn nhẫn. Một lần bà phán cho tiền ba chú cháu dắt nhau đi coi chiếu bóng. Phim Ba Chàng Ngự Lâm Pháo Thủ. Phim có đánh kiếm như chớp, phi ngựa như bay, Nhị mê quá thể là mê. Thế mà vừa chạy vào nhà trong lấy cái mũ trắng chạy ra, hai tên pháo thủ khốn nạn đã lẻn đi mất hút, và pháo thủ Nhị đành ở nhà. Chiều về, hai thằng cháu cô hồn kể chuyện đấu kiếm bô bô. Nhị tức đến muốn phát khóc. Nhưng chúng khỏe hơn, lại bênh nhau chầm chập, Nhị không làm gì chúng được. Cái quyển sách dầy những con bướm ép, tặng vật của Thóc ngày đôi bạn chia tay và Nhị lên đường, chúng cũng ăn cắp mất. Đòi, chúng bảo thích lấy, chán chơi, xé, đốt đi rồi. Ngang ngược, láo lếu, và mất dạy đến thế là cùng. Thành ra tiếng là sống chung dưới một mái nhà, học cùng một lớp, về chung một lối, mà giữa mấy thằng cháu và ông chú nhỏ thó, không hề có cái tình bằng hữu tưởng là tự nhiên và dễ dàng phải có, là cái tình bằng hữu của tuổi nhỏ.

Mà Nhị cũng có cần. Nhị đã có một người bạn mới. Thân thiết. Đôn hậu. Tử tế. Người đó là chị Thời. Ngày nào Nhị cũng sang chơi bên nhà chị. Ít nhất là một lần. Chiều thứ bảy, ở cả buổi. Chủ nhật, cả ngày. Hồi đầu Nhị còn sợ bà phán không bằng lòng. Chị Thời bảo cứ yên tâm, để chị nói với bà phán. và chị nói. Và bà phán cũng chỉ phản đối lấy lệ. Lâu dần, gần như là Nhị chuyển dần đời sống của Nhị sang nhà chị, thực hiện một cuộc di cư ngắn sang qua một lòng đường.

Nhà chị Thời cũng là một ngôi nhà kiểu cổ với những hàng cột lớn, những bờ mái cong trũng, những bức tường rêu phong như những căn nhà cùng phố. Nhưng nó lớn rộng mênh mông. Và thật sạch sẻ, thật yên tĩnh. Chị thời có hai người anh trai. Họ đã lớn, lấy vợ, cùng đi lập nghiệp ở phương xa, thỉnh thoảng lắm mới về vào những ngày giỗ tết. Ngôi nhà thênh thang chỉ có chị Thời sống với người mẹ già. Bà lão đã bảy mươi. mái tóc bạc trắng. Phong cách thoát tục. Bà cũng hiền hậu, cũng dịu dàng như người con gái. Đôi khi qua căn buồng nhỏ kế liền khoảng sân trong, Nhị ngó vào, thấy bà lão ngồi đó, trước một bàn thờ Phật. Chuỗi tràng hạt lần chậm từng hạt trên những ngón tay gầy. Ánh nến lung linh. Hương trầm thơm ngát. Bà lão ngồi tụng kinh hàng giờ, tiếng mõ làm nhịp cho những lời tụng niệm trầm tiếng. Ngoại trừ căn buồng nhỏ ấy, tất cả ngôi nhà trở thành cái thế giới riêng của Nhị. Chị Thời mến Nhị, khen Nhị hiền lành, ngoan ngoãn, để cho Nhị hoàn toàn tự do. Trưa, bên này mát hơn bên nhà bà phán, Nhị sang đây mà ngủ. Chiều đi học về, chị mới làm xong mẻ bánh quế đó, nhớ sang mà ăn. Chị còn bảo quần áo Nhị có đứt chỉ đứt khuy, mang sang, chị khâu vá lại cho. Và những bài toán khó, cầm vở sang, chị giải nghĩa cho cách tìm đáp số. Nhị yêu nhất những buổi trưa mùa hè nằm ngủ thiếp đi trên cái ghế ngựa gỗ lim mát lạnh như da người dưới mái nhà đầm đấm bóng mát của người chị nhân hậu. Ngôi nhà như được che phủ dưới những tàn lá dày đặc. Không hkí ngưng đọng.

Phảng phất ở những xó góc, một thứ bóng tối thân mật. Và trên một nền đá hoa sạch bóng như gương, tròng mắt ngà ngà sắp rơi chìm vào giấc ngủ thơ ngây của Nhị chập chờn cái hình bóng di động uyển chuyển đó của chị Thời, cái hình bóng bao nhiêu buổi trưa hè xưa đã làm cho Nhị yên tâm và sung sướng.

Sau này, nhớ lại, Nhị mới nhận thức được chị Thời đúng là một điển hình tốt đẹp nhất của người con gái công dung ngôn hạnh, cái khuôn mặt diễm lệ của tâm hồn và đức tính tổng hợp này, bấy giờ, Nhị chỉ mới thấy được ngợi ca mơ hồ trong những bài luân lý. Chị Thời giỏi thật. Như Thóc của ba năm tiểu học đứng đầu cả lớp, chị Thời trên mọi mặt của gia đình và nội trợ đều vượt rất xa, chị Châm, chị Hiền, chị Thảo là mấy người bạn gái cùng phố. Thêu thùa, làm bếp, may vá, ở chị Thời thảy đều là một nghệ thuật tinh diệu. Bấy giờ, Nhị đâu có biết. Chỉ nghe thấy chị Châm, chị Hiền, mọi người đều tấm tắc như thế. Người ta còn nói khác nữa. Về chị. Là khéo léo, nết na, công dung thế kia, ngôn hạnh đường ấy, mà chị Thời, không hiểu bởi một trớ trêu quái gỡ nào của cảnh ngộ và định mệnh lại không có được cho đời chị một xuân hồng.

Những người thiếu nữ cùng tuổi lần lượt lên xe hoa về nhà chồng, riêng chị Thời vẫn ở lại với cái thế giới lặng lờ. Hết một mùa mưa. Qua một mùa nắng. Hết một năm này sang một năm khác. Hồi Nhị mới đến ở khu phố, ngôi nhà chị Thời mỗi buổi sáng chủ nhật là nơi họp mặt của những người bạn chị. Đám bạn gái làm bánh, thêu thùa, đùa cợt với nhau. Căn nhà vang động tiếng cười, tiếng nói. Rồi Nhị thấy những khuôn mặt bằng hữu ấy thưa dần. Vào mỗi mùa Xuân lại có những đoàn người đầu đội quả son, thắt khăn lưng đỏ đi vào trong phố. Họ đi, nghiêm chỉnh, thành một hàng dài. Họ khiêng những mâm đồng, chất cao có ngọn những chồng bánh bọc giấy kim tuyến, bọc giấy hồng điều đỏ chói. Trẻ con hàng phố đổ ra xem vỗ tay reo hò: đám cưới, đám cưới. Ít ngày sau, một đoàn xe hòm sơn đen vào theo, cũng nối hàng như đoàn người. Trong khói pháo khét lẹt, trong tiếng pháo ném sự kinh động bàng hoàng vào lòng phố tĩnh mịch là những khuôn mặt hân hoan. Và sau những ngày vui đó, lại mất đi một chị Hiền, chị Lụa. Nhị ở trọ nhà bà phán cả thảy bốn năm. Những người bạn của chị Thời lần lượt lên xe hoa. Đến năm thứ tư, bà phán cũng gả chồng cho chị Châm. Tiệc cưới linh đình có được nhờ bàn tay nội trợ tuyệt vời của chị Thời một phần lớn. Chị sang làm giúp hầu hết mọi việc. Phút chia tay với bạn, chị Thời từ chối không chịu làm phù dâu - đôi bạn ôm lấy nhau khóc. Đám cưới là vui mà, người lớn bảo thế, sao hai chị lại khóc, Nhị không tài nào hiểu được. Buổi chiều, lòng con phố cổ trở lại quạnh hiu như cũ. Ngôi nhà bà phán vắng tanh buồn rầu. Nhị lại chạy sang nhà chị Thời. Chị không thấy Nhị tới. Chị ngồi đó, bóng tối của buổi chiều phủ dần trên mái tóc, cúi đầu xuống, bất động, đắm chìm, hai lòng tay đưa lên, bưng lấy mặt. Chưa bao giờ Nhị thấy chị Thời buồn như buổi chiều hôm ấy.

Chị kéo Nhị lại gần:
- Chị Châm xa chị em chúng mình rồi.
Nhị nói, ngớ ngẩn:
- Lấy chồng thì phải xa.
- Em nói đúng lắm.
Nhị nghiêng đầu ngẫm nghĩ rồi hỏi chị đột ngột:
- Còn chị, sao chị không đi lấy chồng?
Một nụ cười buồn rầu:
- Không ai lấy chị hết.
Nhị không chịu tin như thế. Lại ngây thơ hỏi:
- Sao người ta lấy các chị ấy?
- Các chị ấy may mắn hơn chị nhiều.

Rồi như không muốn kéo dài câu chuyện không muốn đề cập tới chút nào, chị Thời ngăn lại, chị bảo Nhị còn nhỏ, không nên biết đến chuyện người lớn. Và đứng lên lấy bánh cho Nhị ăn. Điều khác thường là buổi chiều hôm đó, chị Thời còn cho Nhị vào thăm căn buồng riêng của chị. Đó là một căn buồng nhỏ, cũng giống như căn buồng của chị Châm. Nhưng đèn vừa bật sáng, Nhị thoạt bước vào, đã đứng ngẩn người ra. Căn buồng có sự lạ lùng này là trên những vì tường của nó, đều có những tấm hình treo kín khắp. Phải, những tấm hình. Điều làm cho Nhị ngạc nhiên hơn, là những tấm hình đó không phải là hình chị Châm, chị Lụa... mà là những tấm hình tài tử. Những tấm hình tài tử màn bạc. Những tấm hình tài tử chiếu bóng. Chúng thật nhiều. Hàng mấy chục cái, lớn nhỏ đủ cỡ, tấm nào tấm nấy đều được trang trọng lồng kính, và treo đính ngay ngắn lên tường bằng những cái khung da thật đẹp. Và ngạc nhiên cuối cùng cho cái khối óc thơ ngây của Nhị: những tấm hình tài tử đó toàn là những tấm hình đàn ông, chứ tuyệt nhiên không có hình của một nữ tài tử nào.

Trọ học ở tỉnh tới năm thứ tư là năm đó, Nhị đã biết đến cái thú màn bạc. Mê xi-nê. Mê lắm. Mê như điếu đổ vậy. Nhưng một cái vé xi-nê "đi tuần" bấy giờ với Nhị đã là một khoản chi thật lớn so với nền tài chính eo hẹp của một cậu học trò trọ học. Cha cho có một đồng. Phải tiêu đủ một tháng. Thế đã là nhiều lắm. Nhiều thế chẳng thấm gì. Thằng bò khô, thằng bánh tôm, anh kẹo kéo với cái vòng quay số có cắm một lá cờ nhỏ xíu ở giữa, chú Tàu sực-tắc với hai thanh tre va đập lách cách, ông lão sê-cấu với những móng tay cáu ghét và cái đèn bão rập rình ánh lửa, đã chia nhau gần hết đồng bạc của Nhị. lại còn những hòn bi ve. Lại còn những con cù sừng nữa. Chưa giữa tháng, Nhị đã là chú học trò vô sản chính cống. May mà có chị Thời. Chị cho tiền Nhị đi xem xi-nê ít nhất một tuần cũng được một lần.

Nhìn thấy những tấm hình tài tử treo kín khắp ba vì tường phòng ngủ của chị, Nhị sáng mắt ra, như bắt được của. Nhận diện được tức thì đám tài tử là ai. Kia là Robert Taylor, tóc đen như mun, mái tóc lượn sóng. Kia là Tyronne Power, mặc như kiểu hiệp sĩ thế kỉ mười chín, mắt sáng gương, hàm răng

trắng bóng, nụ cười mê hoặc. Kia nữa là Clark Gable, với đường ria chải chuốt. Kia nữa là Franchot Tone, kia nữa là Douglas Faifbank Jr. Có thể nói tất cả những ngôi sao, những thần tượng, những khuôn mặt mà sau này Nhị được nghe nói như những ước mơ một thời đằm thắm nhất của đàn bà, đều có mặt trong căn buồng riêng của chị Thời. Sưu tập về những tấm hình tài tử này, với Nhị hồi đó, và sau này lớn khôn cũng vậy, quả là một sưu tập phong phú chưa từng thấy. Ngoài những tấm hình treo trên tường, chị Thời còn có hàng chục tập album nữa chứ. Riêng Robert Taylor thôi, con số hình như đã tới hàng trăm. Những tạp album dán hình tài tử của chị Thời cũng là những tập album tuyệt đẹp. Chữ mạ vàng và bìa thì bọc gấm hết. Gấm màu huyết dụ. Gấm màu vàng diệp. Gấm màu xanh nước biển. Và gấm màu bạc, đài các, óng ánh.

Thật là một khám phá. Một khám phá kinh ngạc. Cái điều cuối cùng làm Nhị ngạc nhiên hơn nữa là chị Thời rất ít khi đi xem chớp bóng. Đâu như một năm chỉ một vài lần. Vào những dịp lễ tết. Và phải là một phim đặc biệt lắm. Thế thì chị có hàng mấy trăm tấm hình tài tử treo dính kím khắp trước tầm mắt, đầy đặc trong căn buồng riêng của chị như thế để làm gì? Nhị hỏi:

- chị thích xi-nê lắm hả?

- Vừa thôi.

Thích vừa thôi. Chỉ thích, chỉ mê những tấm hình. lại là một bí mật ngoài tầm hiểu biết thơ dại của Nhị.

- Thích để làm gì?

- Chẳng để làm gì hết.

Và chị Thời xoa đầu Nhị, giọng chị bất chợt trang nghiêm, mơ màng, như nói với một người lớn:

- Một người đàn bà như chị chỉ còn những tấm hình này.

- Em không hiểu.

- Lớn lên, rồi em sẽ hiểu. Thôi đi ra.

Giả từ lòng phố cũ, những bờ mái cong trũng mang cái linh hồn hắt hiu phai tàn của nhiều mùa lá rụng, giã từ vòm trời tỉnh nhỏ khuất lùi sau những mưa phùn và sương mù quá khứ, sóng đời từng lớp dồn đẩy chú nhỏ đến những bến bờ khác, sáng tươi hơn. Không bao giờ Nhị còn có dịp trở lại nơi chốn đánh dấu cho bốn năm bỡ ngỡ dưới những ánh điện đường phường phố. Chị Châm đi lấy chồng. Ông phán phải đổi lên mạn ngược, mang gia đình theo. Một cuối năm nào đó, giữa chiến tranh kín trùm, Nhị được tin bà phán tạ thế. Con phố cũ, cái thế giới lặng lờ khuất tịch, vòm trời tỉnh lẻ buồn rầu, với Nhị như vậy đã là chặt đứt mọi liên lạc. Lắm lúc muốn tưởng nhớ lại, Nhị cũng chỉ còn thấy thấp thoáng hiện lên trong một hồi tưởng trùng, nhòa, ít nhiều ảnh hình lãng đãng. Nhưng chị Thời thì Nhị không quên được. Người thiếu nữa xấu số vì lỡ hết mọi chuyến xe hoa chạy qua cái ga sầu không bao

giờ được thấy đỏ chói một trận mưa hoa, là cái màu hồng pháo cưới lại chính là một mặt trời của kỷ niệm, đóa mặt trời dịu dàng ấy còn sáng chói mãi mãi trong trí nhớ. Nhị vẫn ước mong được gặp lại chị Thời, ít nhất cũng một lần. Nhưng người ta nói gia đình chị cũng không còn ở địa chỉ cũ. Cái số chị Thời lận đận, trôi dạt. Nhớ đến chị Thời, Nhị lại nhớ đến ngôi nhà ngày xưa. Khoảng sân sau rêu phong. Cái bể non bộ và những chậu cây cảnh. Người mẹ già, bàn thờ Phật. Hương trầm thơm và ánh nến lung linh. Những buổi trưa mùa hè, bóng tối làm thành bóng mát, khuôn mặt dịu dàng của chị Thời ở đó, nghiêng xuống giấc ngủ thơ ngây của đứa nhỏ xa nhà. Và tiếng nói của chị, êm ái. Và những tấm hình của chị. "Chị chỉ còn những tấm hình ấy. Để sống. Lớn lên, sau này em sẽ hiểu". Nhị đã lớn. Nhị đã hiểu. Những tấm hình tài tử ấy là tổng hợp cho một khuôn mặt đàn ông mơ tưởng không bao giờ trở thành sự thật cho đời chị. Nàng công chúa buồn vẫn ở trên cái tháp lạnh và cô đơn của tòa lâu đài kia. Những mùa xuân đã tới. Rồi qua. Hoa nở trong nội. Bướm bay trên đồng. Những chiếc xe hoa. Màu hồng của pháo cưới. Nhưng với chị Thời, không một chàng hiệp sĩ nào tới trước cửa lâu đài với con ngựa trắng. Và nàng công chúa phiền muộn vẫn sống với giấc mơ không bao giờ thành tựu của mình. Rồi những tấm hình cũng phai úa một ngày. Chị Thời ở đâu bây giờ? Dạt tới một bến bờ nào? Nhị hỏi thăm chị đó. Chúc chị may mắn. Chúc chị sung sướng. Chúc chị thế nào rồi cũng có một mùa xuân, dẫu chỉ là một mùa xuân thật muộn.

MAI THẢO



thằng viết mướn

Những trang đời viết còn dang dở
Sẽ có bàn tay ấy viết giùm
Ngón cái sang trang và ngón út
Viết dòng vuốt mắt phút lâm chung

chuyến

Điểm cuối đường sương, điểm hiện dần
Hiện cùng điểm mất ở vong thân
Đáy xe, tử điểm vô hình tướng
Chết rũ theo người ở dưới chân

MAI THẢO



cuối năm

Tận ngữ tìm lung một tĩnh từ
Tưởng còn sót lọt ở phần thư
Đập tay điếu thuốc tàn không rụng
Đã lượng đời vơi tới đáy ư

quá khứ

Đôi lúc những hồn ma thức giấc
Làm gió mưa bão táp trong lòng
Ngậm ngùi bảo những hồn ma cũ
Huyệt đã chôn rồi lấp đã xong

dỗ bệnh

Mỗi lần cơ thể gây thành chuyện
Ta lại cùng cơ thể chuyện trò
Dỗ nó chớ gây thành chuyện lớn
Nó nghĩ sao rồi nó lại cho

Bệnh ở trong người thành bệnh bạn
Bệnh ở lâu dài thành bệnh thân
Gối tay lên bệnh nằm thanh thản
Thành một đôi ta rất đá vàng

trước tượng

chúa khổ hình trên gỗ đóng đinh
Nghìn sau tôi tới đứng im nhìn
Thấy trưa thả bóng từ thân tượng
Xuống nhói vai mình thánh giá in

MAI THẢO



MAI THẢO

hong kong ở dưới chân



Chiếc đồng hồ Thụy Sĩ hình bầu dục, mạ vàng, mỏng như một tờ giấy, người đàn ông mập mạp, đứng tuổi, thấy ngay là một người Mỹ, cầm trên tay với tất cả tần ngần lưu luyến, nhìn qua vai ông ta, Chính biết là một chiếc đồng hồ khá đắt tiền. Đắt lắm, chắc vậy. Và sự tần ngần của người muốn mua nó là không biết có nên trả giá hay không. Người Mỹ ngại ngần với sự trả giá. Không biết cách nữa. Nhưng Hong Kong là vậy, thượng vàng hạ cám món hàng nào bày bán cũng phải trả giá hết. Thành ra Mỹ Quốc loay hoay, không biết nên quyết định thế nào. Với chiếc đồng hồ óng ánh cầm lên đặt xuống nhiều lần trên tay.

Bỗng một tiếng Bắc, một tiếng nói phụ nữ, một tiếng nói Việt Nam, thổ âm Hà Nội, chính xác, thanh thoát:

- Ra phố mua mình. Thiếu gì. Hàng bán trong khách sạn này cốt bán cho du khách. Bao giờ cũng đắt gấp hai, gấp ba ngoài phố.

Người đàn bà Việt Nam vừa cất tiếng nói, ngồi ở đầu quầy là một thiếu phụ. Đã đứnmg tuổi, chừng trên dưới bốn mươi, khuôn mặt và thân hình cũng rất thanh tú, diễm lệ. Trái hẳn với cái thái độ bồn chồn của người chồng, nàng ngồi ung dung, hai chân vắt lên nhau, cặp đùi tròn lẳn và dài vút nổi bật dưới làn lụa mỏng của cái váy hoa màu tím. Chính tới Hong Kong, ghé qua Đại Hàn, đã được một tuần. Chìm ngập vào cái thế giới dông đặc, vĩ đại của hàng triệu người Tàu liến thoắng, quát tháo, chửi thề, bằng độc một thứ tiếng Tàu chàng mù tịt, một tiếng nói Việt Nam, một giọng nói Hà Nội, chàng cũng là người Hà Nội, Chính nghe, bất ngờ và vui thú, như một dòng suối âm thành vừa ngọt ngào vừa thân thiết. Và chàng buột miệng, sau cả

tuần chưa được nói một câu tiếng Việt:

- Đúng vậy, thưa bà. Tội gì. Hàng hóa trong khách sạn này đắt thật. Toàn một giá cắt cổ.

Thiếu phụ đứng ngay lên, vẻ mặt vừa ngạc nhiên vừa mừng rỡ:

- Tuyệt quá, hôm nay mới được gặp ông là người Việt Nam.

Chính cười:

- Tôi cũng vậy.

Chàng chỉ người đàn ông Mỹ, vẫn tần ngần với cái đồng hồ Thụy Sĩ trên tay, như thần trí hắn đã bị cái đồ vật đo lường thời gian hoàn toàn chiếm đoạt:

- Chắc ông không chịu nghe lời bà quá!

Thiếu phụ lắc đầu:

- Nhà tôi khốn khổ vì đam mê kỳ lạ và duy nhất ấy là đồng hồ, những cái đồng hồ. Sưu tập có cả trăm chiếc rồi chứ. Mua ở khắp thế giới và đủ loại, đủ thứ. Vậy mà cứ thấy tiệm đồng hồ là vào, không sao bỏ đi được.

Và nhìn chồng, cái nhìn nửa thông cảm, nửa riễu cợt, nàng nói tiếp:

- Thế nào cũng mất tiền cho cô bán hàng Hong Kong quỉ quái kia. Không thôi được đâu.

Hướng về một hướng khác, nàng gọi:

- Hai con lại đây chào bác.

Hai đứa nhỏ của hai dòng máu Mỹ Việt, thằng anh tóc hung, con em tóc vàng, nắm tay nhau từ cuối tiệm đi tới. Chúng ngước mắt: "Chào bác", bằng một giọng nói lơ lớ, không rõ dấu nhưng rất rành mạch, khiến Chính ngạc nhiên:

- Hai cháu nói được tiếng Việt? hay quá.

- Vâng, tôi dạy. Những năm trước ở mấy quốc gia Phi Châu, ở Trung Đông, bây giờ ở Pakistan, ở đâu tôi cũng bắt hai cháu nói chuyện bằng tiếng Việt với tôi mỗi ngày ít nhất một tiếng đồng hồ.

Nàng cười:

- Mẹ chúng là Việt Nam chính cống mà. Tôi muốn không bao giờ chúng quên dòng máu chúng, ngôn ngữ chúng, có nửa phần Việt nam. Nhà tôi cũng nói được tiếng Việt từ lâu. Viết được nữa. Bởi đã phục vụ ở Việt Nam tới sát ngày miền Nam sụp đổ. Hiện nhà tôi làm việc, vẫn cho chính phủ, ở Pakistan. Chúng tôi đang trên đường từ Mỹ trở về Pakistan, ghé Hong Kong. Tôi đến Hong Kong cả chục lần, chẳng còn thích thú gì nữa.

Nhìn Chính thân ái:

- Đang buồn quá thì được gặp người đồng hương. Ông có bận gì không?

Chính đáp, thành thật:

- Tôi đang chưa biết dùng buổi chiều Hong Kong chết tiệt này cho việc gì.

- Tôi cũng vậy nữa. Vậy ông cho tôi mời tới một quán rượu gần khách sạn này nhé. Để đồng hương với đồng hương được chuyện trò thỏa thích bằng tiếng Việt với nhau. Để tôi bảo nhà tôi và hai cháu chờ trên phòng khách sạn.

Tới tám giờ kia chúng tôi mới có hẹn ăn tối với vợ chồng ông Đại Sứ Mỹ ở đây. Ông đừng ngại. Nhà tôi để tôi sống rất tự do, muốn đi đâu thì đi.

Sau một ngày nồng nực, Hong Kong và đối diện là Cửu Long đã nhạt nắng, đã thoáng mát vì những đợt gió đầu của buổi chiều từ ngoài cửa vịnh thổi vào. Thiếu phụ đi xuống những bậc thềm khách sạn, dẫn Chính băng qua một công viên nhỏ. Hai người đi tiếp một khúc đường ngắn nữa, có nhiều bóng cây. Đoạn, rẽ trái, tới một tiệm rượu nằm trên bờ một dòng sông có tầu, thuyền từng đoàn tấp nập trôi qua. Sự dẫn đường thành thạo. Chừng như lộ trình và nơi chốn với người đàn bà đã hết sức quen thuộc. Hai người vừa đi vừa nói chuyện. Tự nhiên. Thân mật. Và khi vào tới quán, chọn được một chỗ ngồi ngay cạnh bờ nước thì đã biết tên nhau. Và lối xưng hô không còn kiểu cách nữa. Tên nàng là Ngọc. Nguyễn Thị Lan Ngọc.

- Vậy là Ngọc đi từ trước Hà Nội vào?

- Vâng. Hai ngày. Một trong những đợt nhân viên ra Tân Sơn Nhất sau cùng của Tòa Đại Sứ. Đi cùng với Williams.

Nàng cười, riễu cợt chính nàng:

- Rồi thân gái dặm trường, đất khách quê người, sang tới Mỹ làm bà Williams luôn cho xong. Anh Chính đi hồi nào?

- Tôi phải trình diện. Lao động vinh quang ở trại cải tạo Xuyên Mộc bốn năm mới được thả về. Vượt biên hụt đến cả năm, bảy lần. năm 82 mới đi thoát. Lao động tiếp trên đất Mỹ mãi tới năm nay mới thu xếp được một chuyến đi chơi xa hai tuần. Tôi đã chọn Hong Kong. Nghĩ là Á châu. Nghĩ là về một vùng trời rất gần với vùng trời đất nước.

Nhìn ra mặt sông dần dần thẫm màu trên nắng chiều đã tắt, và xa xa, những tòa nhà chọc trời của Hong Kong ở trên cao đã lấp lánh một rừng đèn đồng loạt thắp sáng. Chàng nói tiếp;

- Tôi đã lầm. Tới đây mới thấy chẳng gần gì hết. Đất nước nào cũng là một đất nước riêng. Và những người thân vẫn nghìn trùng cách biệt, thì Việt Nam vẫn là xa thẳm.

Ngọc gật đầu. Chừng như nàng thấu hiểu tâm trạng Chính. Trong lữ thứ. Chừng như tâm trạng Chính y hệt với tâm trạng nàng, nơi quê người:

- Đúng vậy, anh. Williams cấp Đại Sứ, là một chuyên viên về Á Châu Vụ của Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ. Mười mấy năm nay, từ sau Việt Nam, phần lớn các nhiệm sở đều ở các quốc gia thuộc vùng Đông Nam Á. Tôi đã sống với Williams hai năm ở Kuala Lumpur, hai năm ở Bangkok. Thấy đúng như anh thấy. Càng về gần nhà càng xa vô cùng. Đừng gần có khi đỡ đau lòng hơn. Trên những chuyến bay từ Mã Lai, từ Thái Lan, tới Hong Kong, tới Đài Bắc, lần nào khi người hoa tiêu nói phi cơ đang bay trên không phận Việt Nam tôi cũng khóc, hành khách cùng đi chẳng hiểu gì hết. Việt Nam ở dưới chân nhưng cũng là Việt Nam đã đứt rời, không bao giờ gặp lại.

Hai người cùng im lặng. Chính ngắm nhìn người thiếu phụ trẻ đẹp ngồi trước mặt chàng. Nàng hút thuốc lá. Như một người đàn bà Mỹ. Nàng uống

rượu. Như một phụ nữ Mỹ. Nàng đã lập gia đình. Có con. Đã sống với cái tiểu gia đình không ngừng di chuyển của nàng trên khắp các kinh thành trái đất. Đã trở thành một công dân thế giới, toàn phần. Nhưng tâm thức nàng vẫn nguyên vẹn Việt Nam. Như Chính. Thân thế nàng vẫn mãi mãi lưu vong. Như Chính. Hai sự lưu vong trơ trọi, lạnh buốt dưới trời Hong Kong.

Chính nhìn đồng hồ:

- Hơn bảy giờ rồi. Ngọc phải về chưa?

- Phải rồi. Sửa soạn đi làm thượng khách tối nay của ông bà Đại Sứ Mỹ. Tiếc quá, chưa nói chuyện được với anh bao nhiêu.

Nhìn Chính bằng cái nhìn chứa chan cảm tình không che dấu, Ngọc hỏi:

- Anh còn ở Hong Kong?

- Tới ngày mốt.

- Anh đã sang Trung Quốc?

Chính cười:

- Có ý định. Nhưng chưa. Chắc thôi. Cũng chẳng hiểu đường đất thế nào.

- Vậy thế này nhé. Anh cho Ngọc đãi anh một chuyến vào Trung Hoa Lục Địa. Anh đừng từ chối. Đi ngắn thôi. Sáng đi, chiều về. Tới thành phố Hàng Châu rồi chúng ta trở lại. Trọn ngày mai Williams phải ở Toà Đại Sứ Mỹ họp thường niên giữa các đại sứ, lãnh sự Hoa Kỳ trên hai vùng Trung Đông và Á Châu, năm nay họp ở Hong Kong. Buổi tối họp xong họ dự dạ tiệc ở tư thất ông Đại sứ. Chỉ lúc đó Ngọc mới phải có mặt. Anh cho Ngọc địa chỉ khách sạn của anh đi. Bảy giờ rưỡi sáng mai Ngọc tới đón. Tám giờ cúng ta theo đoàn du lịch vào Trung Quốc.

Sự thu xếp mau, gọn của người bạn gái chỉ mới tình cờ quen biết khiến Chính bật cười. Nhìn Ngọc chàng nghĩ thầm: Thế giới bây giờ không phải đàn ông nữa mà là người đàn bà làm chủ động đời sống. Một chủ động kiều diễm, khó lòng cưỡng chống lại. Suy nghĩ, chàng thấy ngày mai, ngày cuối cùng của chàng ở Cảng Thơm, chẳng còn điểm gì hào hứng. Cái rừng người và cái biển tiếng động ở Wan Chai. Những tiệm tỉm-sắm, tả-pí-lù chen chúc trên mấy con đường Harbor Road và Hennessy Roar, vùng Sheung Wan, với những chợ trời lộ thiên và những quán bán đồ biển ở hè đường. Chính đã tới hết. Nhiều lần. Những tầu Star Ferry rẽ sóng, nối liền hai bờ Hong Kong và Kowloon bằng một nối tiếp đêm ngày, ào ạt, chóng mặt, chàng đã ngồi trên chúng. Đi sang, đi về. Nhiều lần. Khu Tsim Sha Tsui với món ngỗng quay lừng danh thế giới. Con đường Nathan Road, nơi không một người Việt nào tới Hong Kong không tới đó, mua đồ, đi dạo. Con đường Sàigòn Street, có mấy tiệm ăn Việt Nam. Con đường Hải Phòng Road làm Chính nhớ lại thành phố Hải Phòng chàng đã sống một thời kỳ tuổi nhỏ. Chàng đã đi, mỏi chân trên mấy con đường đó. Đến chán ngấy. Những buổi trưa nồng nực ở Hong Kong. Những trận mưa ngầu lụt trên Cửu Long. Cái thế giới hàng ngàn con thuyền tam bản sống nổi trên lòng vịnh. Ở khu Causeway Bay. Ở mỏm King Ming. Chính cũng đã tới hết. Nhiều lần. Và chẳng còn thấy hứng thú gì trở

lại. Không đi chơi với Ngọc sang Trung Quốc, ngày cuối ở Cảng Thơm của chàng sẽ là nằm dài ở khách sạn thôi. Vậy thì đi. Tại sao không?

Chính gật đầu, nhận lời. Lấy tấm thiệp của khách sạn chàng ở đường Nathan Road trao cho Ngọc. Nàng mừng rỡ:

- Sáng mai anh chịu khó dậy sớm nhé! Ngọc lại đón rồi chúng mình tới hãng du lịch ngay. Hẹn anh ngày mai.

Người đàn bà đẩy ghế, đứng lên. Chính ngồi lại, nhìn theo hai bờ vai thanh thoát, rất Việt Nam, rất Sàigòn, cảm thấy ở trong chàng một tình cảm vừa ngọt ngào vừa êm ả. Đi được mấy bước, Ngọc dừng lại. Quay lại, nói với chàng, thong thả từng tiếng một:

- Em rất bằng lòng được quen anh ở Hong Kong. Và ngày mai được cùng đi Trung Quốc với anh.

Những tòa building cao ngất của Hong Kong in hình trên một nền núi đá xanh lục, Ngọc chỉ tay về một đỉnh đồi ở phía ấy, còn mù mịt sương sớm: "Tư thất ông bà Đại Sứ Mỹ - là một biệt thự ở lưng chừng ngọn đồi ấy - Họ rất thân với Williams. Và rất quan tâm tới đồng bào tị nạn ta trong những trại cấm". Cửu Long. Con đường Nathan Road, nắng sớm vừa dấy, còn thưa thớt người đi lại, những cổ xe bus hai tầng, lênh khênh, khói bốc khét lẹt, ở những đầu đường. Rồi là vùng ngoại ô Cửu Long, đang mở mang, đang xây cất, Ngọc chỉ tay về một thôn xóm xa xa, cuối đáy một thung lũng thấp: "Ở đó có một trại cấm. Trại Thiên Môn. Năm ngoái, từ Pakistan đi Bắc Kinh, cùng với Williams ghé Hong Kong ba ngày, em có đi cùng với bà Đại Sứ Mỹ vào thăm Thiên Môn trọn một buổi chiều. Gặp hàng ngàn người mình trong cùng một lúc. Và nhớ về Sàigòn vô tả".

Buổi sáng trời đẹp. Chưa nóng nực, còn thoáng mát. Trên chuyến bus của hãng du lịch, giữa đoàn du khách chỉ có mình chàng và Ngọc là người Á Châu, Chính vừa ngắm nhìn một cảnh tượng đồi núi, thôn xóm, sông ngòi chuyển dần lên phía Bắc, vừa nghe Ngọc chỉ dẫn từng vùng chiếc bus chạy qua.

Nàng rất đúng hẹn. Chính từ trên phòng khách sạn xuống đã thấy nàng ngồi chờ ở phòng đợi. Tươi tắn và nhẹ nhõm hơn với khuôn mặt để trần không son phấn như chiều qua. Ngọc phục sức đúng cách đi du lịch của người Mỹ. Quần jean bó sát. Dép mỏng. Kính thuốc. Một cái sắc, một cái máy chụp hình trên vai và mái tóc cột lại ở sau gáy.

- Anh ngủ được không?

- Được. Ngày Hong Kong nóng, nhưng đêm cũng như đêm California. Mát mẻ, rất ngon lành cho giấc ngủ.

Nhớ đến phút gặp gỡ tình cờ buổi chiều hôm trước, người đàn ông Mỹ và chiếc đồng hồ Thụy Sĩ, Chính hỏi:

- Vụ cái đồng hồ ngã ngũ ra sao?

Ngọc cười lớn:

- Thì em đã nói với anh mà, bỏ làm sao được. Thua. Phải mua. Giá cắt cổ nhưng không mua không được. Williams sẽ cứ như thế mãi mãi. Trung thành với vợ con nhưng đam mê lớn là những chiếc đồng hồ. Tối qua, đeo luôn cái đồng hồ mới trên tay. Trọn bữa ăn, khoe hoài với ông bà đại sứ Mỹ. Làm em vừa thấy tức cười, vừa thấy quê quá!

Hai người rời khỏi khách sạn Chính. Tới bến xe của hãng du lịch. Và bây giờ, ngồi cạnh nhau, giữa đoàn xe du khách phần lớn là người Mỹ, chiếc bus lên đèo, xuống dốc, lúc băng qua những khu nhà tối xám, lúc bỏ lại những vùng trồng trọt xanh ngát, chiếc bus chở hai thân thế Việt Nam trôi dần lên miền Bắc, tới biên giới vào Trung Hoa Lục Địa. Sau này nhớ lại, chẳng bao giờ còn gặp Ngọc nữa, Chính thấy chuyến du lịch thật ngắn. Chưa đầy một ngày. Của một gặp gỡ ngắn. Tình cờ. Trên quê người và không có lần thứ hai. Nhưng lại là một chuyến du lịch đằm thắm, lạ lùng, chàng nhớ mãi không quên. Như chẳng bao giờ chàng quên người đã đi cùng. Chuyến du lịch chỉ như một hơi gió, thoáng qua, một hạt sương, mong manh. Chỉ như một hạnh phúc khoảnh khắc. Chỉ như một giấc mộng.

Chiếc bus đều đều lăn bánh. Khu Tân Địa. Thị trấn Woong Tai Sin. Nắng sớm lấp lánh trên những vườn rau, những sân nuôi gà vịt. Không giống hẳn, nhưng phảng phất một cảnh thổ thôn dã Việt Nam, miền Trung. Thị trấn Ngau Chi Wan. Những con đường đất nhỏ, hai bờ cỏ dại, những lũy tre um tùm. Không đúng hẳn, nhưng thấp thoáng một không khí ruộng đồng Việt Nam, miền Bắc. Ga sép Kowloon Tong. Chiếc đồng hồ lớn. Sân ga trống vắng, lộng gió. Những đường rầy song song, câm lặng. Không là vậy, nhưng gợi nhớ một ga sép nào đó, miền Trung, bên kia đèo Hải Vân. Thành phố Lai Chi Kok. Những cây cầu. Một dòng sông nhỏ. Một mái chùa, lối vào rêu phong, cổng chùa mấy hàng chữ đại tự cổ kính. Gợi nhớ đến Trấn Quốc, đến Linh Mụ. Ngọc ngồi sát vào chàng. Lúc đòi hút chung với chàng một điếu thuốc. Lúc tựa vai vào vai chàng. Có lúc, rất thân mật, một tay chỉ trỏ cho Chính thấy những cảnh đẹp bên ngoài khung kính, tay kia nắm chặt lấy tay Chính, như cái cử chỉ âu yếm của một tình nhân với một tình nhân, và hơi ấm của thân thể nàng, và hương thơm của mái tóc nàng kế liền, khiến đôi lúc Chính có cảm tưởng rạo rực như chàng và Ngọc không chỉ tình cờ mới quen biết nhau từ buổi chiều hôm trước, mà chàng và nàng là một cặp vợ chồng mới cưới, đi hưởng tuần trăng mật ở Hong Kong.

Chiếc bus dừng lại ở Lai Chi Kok, thị trấn biên thùy, bên kia là Trung Quốc. Giữa đoàn du khách Mỹ hồng hào, mập mạp, y phục sặc sỡ, Chính và Ngọc xuống xe, đi bộ qua cửa biên giới Trung Quốc. Mười một giờ trưa. Nắng rực rỡ. Con đường dài chừng một cây số và kín đặc một dòng sông người Trung Hoa từ Đài Loan, từ Hong Kong tấp nập trở về thăm nhà ở bên trong lục địa. Lúc này, vị phu nhân trẻ tuổi của một Đại Sứ Hoa Kỳ lưu động không còn một dấu vết nào ở Ngọc nữa. Cũng vậy, không còn một dấu vết, người nữ

công dân thế giới ở nàng, đã viễn du khắp cùng trái đất. Đã cùng người chồng Mỹ cưỡi voi săn thú dữ ở những rừng rậm Phi Châu, chứng kiến những bạo động tôn giáo đẫm máu ở Trung Đông, du thuyền trên sông Gange, trượt tuyết ở Thụy Sĩ. Từ khởi đầu chuyến đi, bên cạnh Chính, nàng đã thay đổi. Hoàn toàn. Trở lại là nàng. Hoàn toàn. Chừng như ở nàng có một cái gì rất thanh xuân vừa sống lại. Chỉ vì nàng đang được chuyện trò, thỏa thích, bằng tiếng Việt, với Chính. Chừng như ở nàng vừa có một phục sinh nào đó. Lấp lánh. Chỉ vì nàng đang được đi chơi trọn một ngày với một người đồng hương như Chính, điều không có với nàng và như thế đã bao nhiêu năm. Chừng như với Chính, đang dạt dào trở lại trong nàng một thể loại tình cảm nào đó, lãng mạn, thơ mộng, thiếu nữ, cái thể loại tình cảm từ lâu ở nàng đã mất. Và sự thay đổi như một hạnh phúc bất ngờ nàng vừa có được.

Qua cửa biên giới. Đất Tàu. Đổi xe. Đi tiếp. Trời đất Trung Quốc hiện ra trước tầm mắt, qua những cảnh tượng và hình ảnh đều đối nghịch. Những khúc đường trồng dương liễu đẹp như tranh, như thơ. Nhưng lòng đường lầy lội, và hai bên là những xóm làng hắt hiu buồn bã. Những tòa cao ốc lớn đang xây cất cho những thị trấn và những vùng kỹ nghệ ngày mai. Nhưng kế liền là những túp lều đổ nát, những rác rưởi chất đống. Những thửa ruộng vuông vức, những sông lạch hiền từ. Nhưng ở cạnh là những nông phu Tàu, áo tơi, nón lá, những hình bóng gầy guộc, âm thầm nhẫn nhục đẩy trâu đi. Từng quãng, bus dừng lại. Cho du khách chụp hình, thăm viếng một số danh lam thắng cảnh đã ấn định từng tiết mục trong chương trình du lịch. Thị trấn Shekou. Ống khói và nhà máy. Ngọc nói: “Williams cho em biết, Shekou sẽ trở thành một thành phố kỹ nghệ lớn. Để khi được trả lại chủ quyền cho Bắc Kinh, Hong Kong sẽ rộng lớn gấp mười lần hơn”. Phòng triển lãm ở Shezhen. Bản tuyên ngôn lịch sử thành lập Trung Hoa Dân Quốc khắc trên đá phiến, dựng trong khung kính. Trạm dừng Nantau. Bữa ăn trưa, món Thượng Hải, trên một tầng lầu khách sạn, đám du khách Mỹ cầm đũa vụng về, lúng túng và Ngọc luôn tay tiếp đầy thức ăn vào bát cho Chính. Whampoa. Một thương khẩu bát ngát. Những con tàu ra khơi. Những con tàu về bến. Chặng chót Quảng Châu. Cổ tháp tám tầng, đền thờ Tôn Dật Tiên và tượng thờ người tổ phụ của nước Tàu Tam Dân Chủ Nghĩa. Khách sạn Đại Lục. Trời Hàng Châu đã về chiều, mưa bụi lất phất. Ngọc vào một cửa tiệm. Mua tặng Chính cái khăn quàng màu tím, rất đẹp. Quàng khăn vào cổ chàng, dịu dàng: “Anh giữ lấy, như một kỷ niệm của chuyến đi chơi này với em". Rồi mọi người lên xe lửa, trở về Hong Kong.

Nhớ lại, trọn một ngày đi chơi tươi tắn, sáng láng. Nhưng đoạn đường đi về không còn như vậy nữa. Mà nghiêm trang, buồn rầu. Như mọi chấm dứt đều như vậy. Như câu chuyện của Ngọc, nàng kể về nàng, thân thế nàng, quá khứ nàng, nghiêm trang mà buồn rầu, trong khi đoàn tàu vùn vụt băng qua những làng xóm Trung Quốc đã tối đặc, không còn nhìn thấy gì nữa ở ngoài khung kính:

- Anh Chính, anh nói anh ở thành phố Westminster, Quận Cam, vùng Nam California, phải vậy không? Vài năm trước đây, em có tới Westminster một lần. Chỉ một lần. Tìm thăm mẹ em, mấy đứa em gái. sau lần đó, không còn lần thứ hai nào nữa.

Chính kinh ngạc:

- Không còn lần thứ hai? Sao vậy?

- Để em kể tiếp. Anh sẽ tội nghiệp cho em lắm. Chuyến về thăm mẹ ấy với em thật ê chề, thật đau đớn. Bà cụ không chịu tha thứ, đuổi em ra khỏi nhà, cấm cửa không cho trở lại. Mấy đứa em gái nữa. Chúng hỗn xược mắng em là đồ me Mỹ khốn nạn và nói cả nhà, cả họ coi em như từ lâu đã chết, như không có. Đã trăm lầm em tự hỏi, lấy một người chồng ngoại quốc là một trọng tội, một nhơ nhuốc đến như vậy sao? Cũng là em không chịu nghe lời mẹ, tuân theo sự xếp đặt của bà. Có phần nào em thất hứa với Tiến nữa. Mẹ em rất phong kiến, rất độc đoán. Muốn em phải lập gia đình với Tiến, chỉ vì hai gia đình đã hứa gả con cái cho nhau, không cần biết em có yêu, có thuận tình lấy Tiến hay không. Hai tháng trước mất miền Nam, Tiến bị bắt trong một trận đánh ở Đồng Xoài. Đứt hẳn liên lạc. Coi như mất tích. Khi đó em đã là một nữ nhân viên của Tòa Đại Sứ Mỹ, thượng cấp của em là Williams. Và Williams đã tỏ tình. Muốn em về Mỹ cùng. Về Tiến, em đã gặp nhiều lần. Đi chơi. Trò chuyện. Thời gian trước ngày anh ấy bị bắt. Tiếng đàng hoàng, có đủ điều kiện của một người chồng tốt. Nhưng em chỉ cảm thấy nể trọng, không thấy thương yêu. Một hôn nhân tốt đẹp phải từ một tình yêu có thực, phải không anh?

- Đúng vậy. Mọi bắt buộc đều tối thậm vô lý.

- Vậy mà mẹ em bắt buộc đấy, anh thấy có kỳ không? Khi Tòa Đại Sứ bắt đầu cho nhân viên di tản trước tình hình khẩn cấp, em đã trình bày ngay với mẹ em và mấy đứa em gái. Là chẳng còn chuyện gì quan trọng nữa ngoài chuyện phải ra đi trước ngày Hà Nội sắp vào. Vấn đề này em đã được sự thỏa thuận của Williams. Từ một điều kiện em đặt ra: phải cả gia đình có tên trong danh sách đi cùng, em mới chịu theo Williams về Mỹ. Vậy mà mẹ em lại không chịu. Nói không đi đâu hết. Nói sống chết với Sàigòn. Còn chửi mắng em hư đốn vì muốn lấy chồng ngoại nhân, muốn trở thành me Mỹ. Vô lý nữa là còn buộc em chờ Tiến hết tù đày trở về để lấy Tiến. Mấy ngày cuối cùng ở Sàigòn với em là mấy ngày thật thê thảm. Mẹ ghét, em khinh, coi em như một con điếm không thèm nhìn mặt. Lúc em lủi thủi ra khỏi nhà, trở vào Tòa Đại Sứ, cánh cửa gia đình đóng sập lại sau lưng với những lời chửi rủa tàn nhẫn đuổi theo. Và em đã khóc hết nước mắt trên đường đi với Williams vào Tân Sơn Nhất.

Động tới một thương tâm, Ngọc nghẹn ngào không nói được nữa. Tròng mắt đã ngấn lệ long lanh. Một lát. Thật lâu. Cuối cùng nàng thở ra một hơi dài và kể tiếp, đoàn tàu vẫn vùn vụt lao mình trong đêm Trung Hoa đen đặc:

- Cách đây năm năm, nhiệm sở của Williams khi đó ở Thượng Hải, em

được tin mẹ, mấy em vượt biển được. Tới Mỹ. Định cư ở vùng anh đang ở đó, ở Nam California. Em mừng hết nói. Đòi ngay Williams lấy cho em vé máy bay, tức tốc từ Thượng Hải về Mỹ. Để trùng phùng với em, với mẹ.

Chính hỏi:

- Và Ngọc đã gặp?

Sịu mặt:

- Thà đừng gặp còn đỡ đau lòng đỡ tủi nhục hơn. Thời gian không đem tới cho mẹ em một nghĩ lại, một xót thương nào hết. Coi như em đi theo Williams là một trọng tội trọn đời không thể tha thứ được. Em không kể cho anh nghe cái lúc gặp lại làm gì. Kinh khủng. Ngoài sức tưởng tượng. Anh chỉ cần biết em không được đặt chân vào trong nhà nữa. Buổi tối thuê phòng ở một khách sạn gần biển. Vùng Huntington, hay New Port Beach gì đó. Hôm sau trở về Thượng Hải ngay. Hai năm trước đây em được tin Tiến được trả tự do. Cũng vượt biển. Cũng tới Mỹ. Bắt liên lạc được với gia đình em ở Cali. Và đã lấy Loan, đứa em gái kế của em.

Cười buồn:

- Cái kiểu Thúy Kiều đã xa thì lấy Thúy Vân ấy mà. Tội nghiệp cho em là lại coi gia đình rất trọng. Như một cái gốc. Như một cái mái. Mà Williams và hai đứa con ngoan ngoãn của em không thay thế được. Cho nên sống ở đâu cũng buồn. Đi khắp thế giới với Williams chỉ thấy thế giới lạnh buốt. Chỉ thấy tứ cố vô thân.

Nhìn Chính, chứa chan yêu mến:

- Anh đã hiểu tại sao tình cờ được gặp một người như anh trên quê người em đã mừng rỡ biết chừng nào. Lại vừa được đi chơi trọn một ngày với anh nữa.

Những hồi còi dài, âm thanh ngân xa trong đêm tối. Đoàn tàu chạy trên một khúc lượn vòng. Bánh sắt nghiến rần rần, Tàu ngưng. Đã tới biên giới. Chạy tiếp. Bên ngoài khung kính, nhà cửa, đèn sáng, những dãy xe hơi dưới những mặt đường thấp. Trung Quốc tối tăm và mưa bay đã bỏ lại. Đã lãnh thổ Hong Kong gặp lại, với cái nhịp sống vào đêm vẫn ào ạt như nhịp sống ban ngày. Vào ga. Đoàn tàu chậm dà lại. Bánh sắt lăn từ từ. Chính và Ngọc sửa soạn đi xuống. Chính hỏi:

- Ngọc phải về khách sạn?

- Mấy giờ rồi anh?

- Bảy giờ rưỡi.

Ngọc kêu lớn một tiếng và nhìn xuống bộ đồ đi đường đơn giản của nàng:

- Em không kịp về khách sạn thay đồ rồi. Mặc. Thôi cứ thế này đến thẳng tư thất ông Đại Sứ. Cũng là chỗ rất thân tình, không sao. Có gì em mượn áo của bà Đại Sứ vậy. Chị ấy cũng một khổ người với em.

- Chỗ ở của ông Đại Sứ xa không?

- Trên lưng chừng ngọn đồi ở hướng Bắc Hong Kong em đã chỉ cho anh buổi sáng.

- Để tôi đưa Ngọc tới.

Ngọc đứng sững lại giữa sân ga. Nàng nắm chặt lấy tay Chính, mừng rỡ:

- Hay quá! Tưởng anh sẽ bỏ rơi em ngay tại chỗ này.

Ngọc vẫy một cái taxi. Bằng một tiếng Anh rành mạch nàng nói với người tài xế địa chỉ của tư thất Đại Sứ Hoa Kỳ đương nhiệm ở Hồng Kong. Người tài xế Trung Hoa gật đầu nói biết và hai người vào xe.

Mưa lất phất trên Kawloon rực rỡ ánh sáng, với những hàng quán còn đông đặc, những cửa tiệm còn mở cửa. Taxi chạy men theo một khúc vịnh. Mặt nước mờ hơi sương. Thấp thoáng giữa dòng những điểm lửa di động của tàu phà xuôi ngược. Taxi chui xuống một đường hầm dằng dặc, ngoi lên mặt đất. Từ Cửu Long đã sang tới Hong Kong. Cảng Thơm về đêm không kéo dài sự náo nhiệt như ở bên cửu Long. Nơi những ngân hàng, những building đã vắng lặng trên từng dãy phố yên tĩnh. Rồi chiếc taxi chạy dần lên một tầm cao, trên những sườn đồi, những con đường lượn vòng. Và Hong Kong và Cửu Long, và vịnh biển hiện ra, lấp lánh, sâu hút ở phía dưới, như trong lòng một thung lũng mênh mông. Suốt dọc đường, Ngọc không nói gì. Toàn thân nàng vẫn toát ra sự dịu dàng. Nhưng hai tay nắm chặt lấy cái sắc, nhìn thẳng về phía trước, khuôn mặt xinh đẹp của nàng là một nghiêm trang, căng thẳng. Như nàng đang im lặng cùng đêm tối im lặng. Như nàng đã sống trước với phút chia tay, sau một ngày vui đã hết, sau một gặp gỡ ngắn và không có lần khác nữa. Xe chạy tiếp trên những con đường lượn vòng, trên những đỉnh đồi, hai bên là những biệt thự tráng lệ. Trời vẫn lất phất mưa. Một lúc nào đó, Chính quay sang, dịu dàng: "Ngọc lạnh không?" Nàng đáp không, nhưng ngồi xích lại gần Chính hơn và đặt tay lên tay chàng. Tới một khúc đường tuyệt đẹp, một bên là những biệt thự có cổng lớn và rào sắt, một bên là thành đá trống nhìn thấy toàn cảnh Hong Kong chạy dài ở dưới thấp và trải rộng tới thật xa, Ngọc nói nhỏ: "Đây rồi, anh".

Chính dìu Ngọc ra khỏi xe. Hai người cùng đi xa chiếc xe mươi bước rồi đứng lại. Trời Hong Kong thăm thẳm trên đầu. Những hạt mưa trên cao, nhỏ và nhẹ như một niềm ngờ vực, đậu xuống mái tóc. Chính nắm lấy tay Ngọc, bàn tay nàng mềm mại, lạnh buốt:

- Từ biệt. Cám ơn Ngọc về chuyến đi chơi tuyệt vời ở Hàng Châu.

Nàng cúi đầu xuống, như có nghìn lời muốn nói mà chẳng biết nói gì hơn nữa với Chính, phút giây từ biệt. Một lát. Rồi nàng ngẩng đầu lên, khuôn mặt nghiêm trang, cái nhìn thăm thăm:

- Mai anh về Mỹ?

Chính gật:

- Sáng mai. Chuyến bay sớm nhất.

Cái nhìn thăm thẳm hơn:

- Còn gặp được anh nữa không?

Chính cười, bước lại gần hơn, chàng muốn lúc chia tay ấm áp chứ không buồn bã:

- Quả đất tròn, thật tròn. Ngọc nhớ kỹ, đừng quên. Hôm qua chúng mình hoàn toàn xa lạ nhau. Chỉ một tình cờ, tối nay đã trở thành thân thiết. Vậy thế nào cũng có lần gặp lại.

Ngọc không cười:

- Chuyến đi chơi hôm nay không bao giờ em quên, anh biết vậy không?

Chính gật:

- Biết. Cũng không bao giờ quên. Không bao giờ quên Ngọc.

Người đàn bà vụt ngả vào Chính. Tiếng nàng thật nhỏ, thì thầm, mà như một tiếng kêu lớn, của một xúc động cực kỳ mãnh liệt:

- Trời ơi, anh. Ôm lấy em, ôm chặt lấy em.

Chính ôm lấy người đàn bà. Người đàn bà của một gặp gỡ ngắn. Một tình cờ ngắn. Một hạnh phúc ngắn. Chàng ôm thật chặt. Cảm thấy rõ rệt hương thơm của mái tóc Ngọc bao phủ lấy chàng. Cảm thấy trong vòng tay, khối thịt nóng bỏng của Ngọc ghì sát vào chàng. Cảm thấy hơi thở dồn dập của nàng, trên ngực chàng. Nàng khóc. Chính cúi xuống, âu yếm:

- Đừng khóc. Không có gì phải khóc nếu chúng mình không bao giờ quên nhau. Thôi, em vào nhà kẻo lạnh.

Chàng hôn nhẹ lên mái tóc người đàn bà và tháo vòng tay ra. Ngọc nghe, không khóc nữa. Nàng nắm chặt lấy tay Chính, cố mỉm cười với chàng. Rồi quay gót, từ từ đi sang bờ đường bên kia. Nàng đứng lại trước một cổng sắt uy nghi, bên trong có một người cảnh sát Trung Hoa đứng gác. Người cảnh sát chừng như đã biết rõ Ngọc là ai. Hắn kính cẩn chào và vội vã mở ngay cổng sắt. Vào bên trong cổng, Ngọc đứng lại. Quay đầu nhìn lại Chính vẫn còn đứng yên ở chỗ cũ nhìn theo. nàng giơ cao bàn tay, làm dấu hiệu từ biệt. Đoạn, đi vào phía bên trong và cánh cổng sắt từ từ đóng lại.

Trận mưa đêm đã dứt. Bầu không khí trên cao mát lạnh, trong vắt. Chiếc taxi từ từ đổ dốc. Xe chạy trên những mép vực cheo leo, những thành đá dựng đứng. Và hiện ra ở từng khoảng trống, từng khúc quanh, là Hong Kong, là Kawloon bát ngát sâu hút dưới thấp, với những giải đèn lửa lung linh giữa một biển sương mù trắng xóa. Chính tựa lưng vào thành ghế xe. Châm một điếu thuốc hút. Tấm lòng chàng bâng khuâng, một bâng khuâng rất dịu dàng. Đầu óc chàng đầy đặc hình ảnh Ngọc. Tiếng cười nàng. Ánh mắt nàng. Bàn tay nàng. Dưới nắng sớm, qua cửa biên giới đi vào Trung Quốc. Dưới nắng chiều, trên một hè phố Hàng Châu. Ngọc, anh không quên. Chúc em xinh đẹp, chúc em sung sướng, dưới bất cứ vòm trời nào, ở bất cứ nơi chốn nào. Một tuần lễ ở Hong Kong, với anh rồi chẳng có gì đáng ghi nhớ. Ngoại trừ khúc đường đèo cao ngất ấy, chúng mình từ biệt nhau, anh ôm em trong tay và Hong Kong ở dưới chân.

MAI THẢO

(Trong tập truyện Hong Kong Ở Dưới Chân.

Xuân Thu xuất bản 1989. USA.)



MAI THẢO

ta thấy hình ta những miếu đền

Ta thấy tên ta những bảng đường
Đời ta, sử chép cả ngàn chương
Sao không, hạt cát sông Hằng ấy
Còn chứa trong lòng cả đại dương

Ta thấy hình ta những miếu đền
Tượng thờ nghìn bệ những công viên
Sao không, khói với hương sùng kính
Đều ngát thơm từ huyệt lãng quên

Ta thấy muôn sao đứng kín trời
Chờ ta, Bắc Đẩu trở về ngôi
Sao không, một điểm lân tinh vẫn
Cháy được lên từ đáy thẳm khơi

Ta thấy đường ta Chúa hiện hình
Vườn ta Phật ngủ, ngõ thần linh
Sao không, tâm thức riêng bờ cõi
Địa ngục người là, kẻ khác ơi!

Ta thấy nơi ta trục đất ngừng
Và cùng một lúc trục trời ngưng
Sao không, hạt bụi trong lòng trục
Cũng đủ vòng quay phải đứng dừng

Ta thấy ta đêm giữa sáng ngày
Ta ngày giữa tối thẳm đêm dài
Sao không, nhật nguyệt đều tăm tối
Tự thuở chim hồng rét mướt bay

Ta thấy nhân gian bỗng khóc òa
Nhìn hình ta khuất bóng từ xa
Sao không, huyết lệ trong trời đất
Là phát sinh từ huyết lệ ta

Ta thấy rèm nhung khép lại rồi
Hạ màn. Thế kỷ hết trò chơi
Sao không, quay gót, tên hề đã
Chán một trò điên diễn với người

Ta thấy ta treo cổ dưới cành
Rất hiền giấc ngủ giữa rừng xanh
Sao không, sao chẳng không là vậy
Khi chẳng còn chi ở khúc quanh

trừ tịch

Bước một mình qua ngưỡng cửa năm
Nhân gian tịch tịch tiếng mưa thầm
Chợt đâu vẳng tiếng gà lai kiếp
Báo vẫn đêm đầy ở cõi âm

có lúc

Có lúc nghĩ điều này điều nọ
Cảm thấy hồn như một biển đầy
Có khi đếch nghĩ điều chi hết
Hệt kẻ ngu đần cũng rất hay

đợi bạn

Nửa khuya đợi bạn từ xa tới
Cửa mở cầu thang để sáng đèn
Bạn tới lúc nào không biết nữa
Mưa thả đều trên giấc ngủ đen

chỗ đặt

Đặt tay vào chỗ không thể đặt
Vậy mà đặt được chẳng làm sao
Mười năm gặp lại trên hè phố
Cười tủm còn thương chỗ đặt nào

áo quỷ

Bông hoa kia nở dưới chân tường
Có thấy ta về đêm đẫm sương
Áo quỷ phất bay lòa tới trước
Cho bóng ma sau thấy lại đường

Manhattan

Trọn buổi lang thang giữa phố người
Giữa rừng vô tuyến, ống thu lôi
Làm thân sư tử cao ngàn trượng
Tự thuở xa rừng khóc chẳng thôi

bình nguyên

Chỉ nhẹ bàn tay vuốt tóc lên
Cho nguôi vầng trán cho bình nguyên
Đã lay động khắp miền chôn cất
Nơi huyệt đời kia đã nhãn tiền

bộ đồ cũ mặc

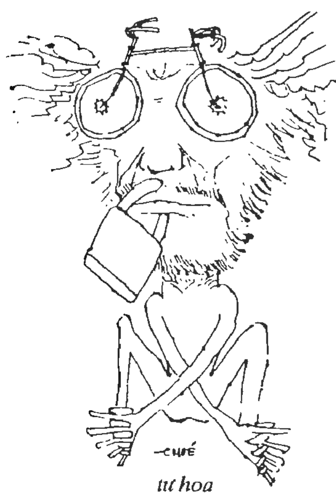
tặng Võ Phiến
Đi vắng từ xa trở lại nhà
Bộ đồ cũ mặc, ấm trà pha
Tựa lưng vào vách tường thân thuộc
Trong cõi riêng buồn thấy lại ta

MAI THẢO



HUỲNH HỮU ỦY

nhớ lại hai cây bút sắt chóe và bửu chỉ



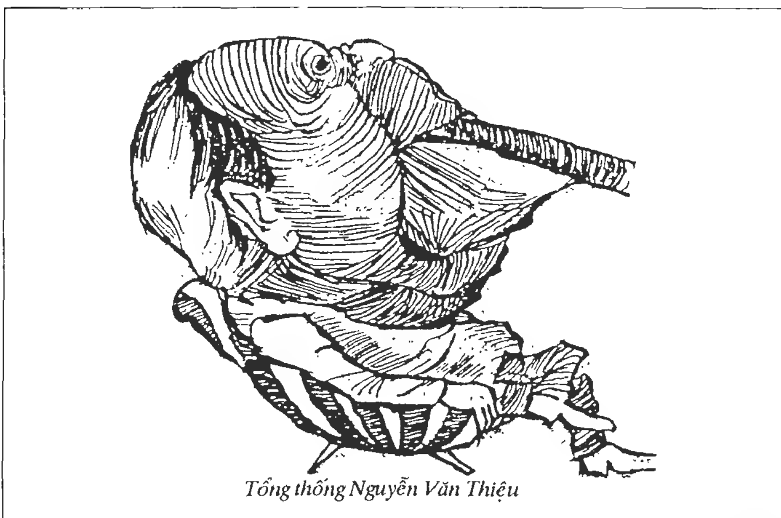
tự họa

Ký họa của những cây bút tài năng mang *tính* thời sự, cũng thường là đầy tính chiến đấu. Tôi nhớ lại và ghi chép đôi nét về hai cây bút sắt rất đặc biệt trong lĩnh vực tạo hình của nền nghệ thuật Việt Nam hiện đại: họa sĩ CHÓE và BỬU CHỈ. Mặc dù rất khác nhau về cả tính nghệ thuật, cách phát biểu cùng đường lối tham dự vào cuộc sống xã hội, nhưng đối với tôi hai cây bút này giống nhau một điểm là đều sử dụng bút sắt để vẽ ký họa, biếm họa với một bút pháp rất đặc biệt, đầy cá tính, và nhất là đã giữ gìn được phẩm chất nghệ sĩ của mình giữa một thời điểm lịch sử kéo dài đầy nhiễu nhương và biến chuyển.

Trước năm 1975, giữa nhiều họa sĩ chuyên vẽ ký họa khác, Chóe cũng còn ký tên *Cáp, Kít* (tên thật: Nguyễn Hải Chí) là cây bút gây được nhiều vang động nhất trong giới báo chí và quần chúng. Những nhật báo có hí họa của Chóe thường xuyên bị tịch thu, càng góp thêm phần nào vào bức tranh toàn cảnh kỳ quái của một thời buổi hỗn loạn của đất nước.

Hí họa của Chóe là một tiếng cười trầm tĩnh rất tài tình. Một vài điểm đặc biệt trên khuôn mặt của nhân vật được ghi nhận và cường điệu, đập ngay vào mắt người xem, tạo được sự chú ý tức thời. Cách cường điệu ấy, Chóe tự giải thích: Có hai cách để tạo nên sự buồn cười: động và tĩnh. Động hơn cái động làm thành khôi hài. Tĩnh hơn cái tĩnh cũng làm thành khôi hài. Và quan

trọng hơn cái quan trọng thì chỉ còn là một thứ khôi hài mà thôi, chứ không thể là gì khác nữa. Và cứ như vậy, hết nhân vật này đến nhân vật khác, kỳ quái, buồn cười, dị dạng xuất hiện trong thế giới của Chóe: Nguyễn Cao Kỳ, Nguyễn Văn Thiệu, Lê Đức Thọ, Henry Kissinger, Nixon. Kissinger là đối tượng đặc biệt của hí họa Chóe vào những ngày nhân vật thời đại này chuyển động tới lui trên những điểm nóng của trái đất: Paris, Sàigòn, Hoa Thịnh Đốn, Bắc Kinh. Trong những ngày dầu sôi lửa bỏng của hòa đàm đang diễn tiến ở Paris, Chóe cho tôi biết ký giả Chu Tử có nhận được một bức thư của



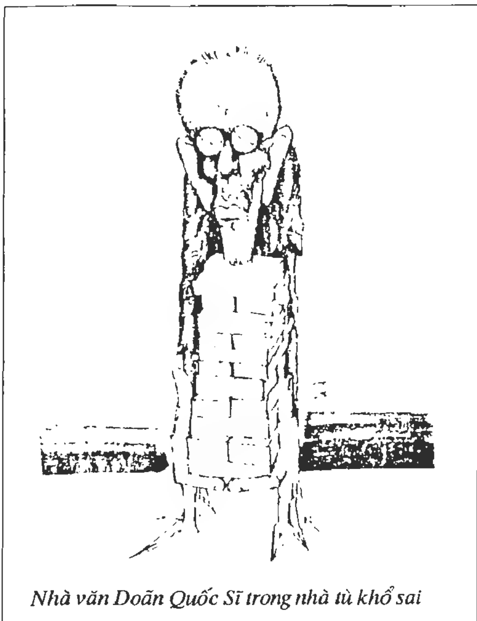
Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu

tòa đại sứ Mỹ hỏi xin một sưu tập toàn bộ hí họa Chóe theo lời yêu cầu của ngoại trưởng Kissinger. Barry Hilton, trong tập sách *The World of CHÓE* do nhà xuất bản Glade Publications (North Carolina, Hoa Kỳ, 1973) cũng đã nhắc lại sự kiện này. Khi quyển sách ra đời, tập hợp và chọn lọc các hí họa của Chóe, trên bìa sách ngoài tựa đề *The World of CHÓE*, còn hàng chữ phụ chú *Vietnam's number-one editorial cartoonist*, thì Chóe đã trở nên một trong những cây bút hí họa chính trị được chú ý trên thế giới. Tuần báo *Times* số ra ngày 12.7.1971, trong một bài viết về chánh sách Mỹ đối với vấn đề Việt Nam, dưới tựa đề *The US as scapegoat (Nước Mỹ, kẻ dơ đầu chịu báng), đã trích in lại hai bức hí họa của Chóe, từ hai nhật báo Hòa Bình* và *Báo Đen*. Tuần báo *Newyork Times* thì đã in lại rất nhiều tranh của Chóe trong những bài viết về Việt Nam.

Người vẽ hoạt họa trước những bi kịch chính trị và xã hội, còn ung dung mà cười được, bất cứ vào hoàn cảnh nào cũng là một chứng cứ linh hoạt, sống động và độc đáo của thời đại, là một tấm gương để mọi người có thể soi bóng mình vào đấy. Chúng ta nhớ đến trường hợp nhà hí họa danh tiếng Honoré

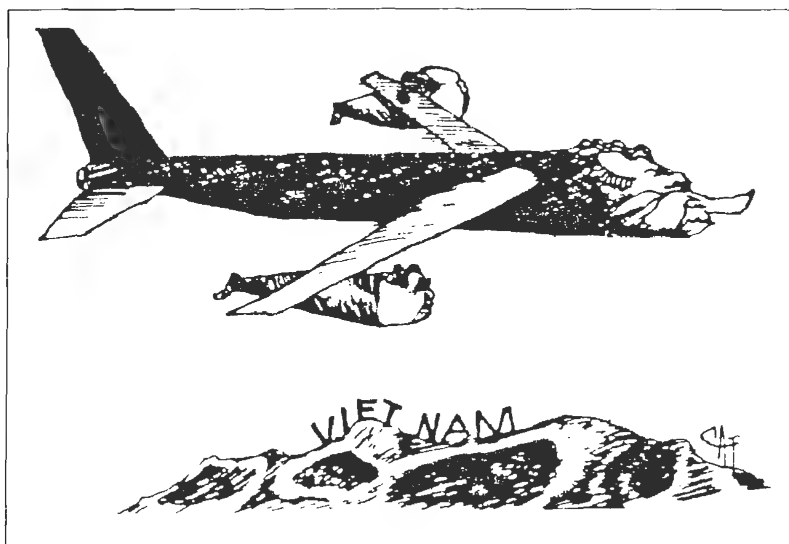
Daumier thời tiền cách mạng Pháp 1848. Daumier từng phải vào tù vì mấy bức hí họa về vụ hoàng đế nước Pháp với vấn đề ngân sách quốc gia, một số ngân sách vĩ đại đã trôi lững... Chóe cũng đã phải vào tù ra khám dưới cả hai chế độ vì những nét bút nghiệp chướng của mình. Nói *nghiệp chướng* là giải thích theo cách của Chóe, vì có lần anh nói với tôi, anh thú thật rất sợ thời cuộc, chính trị nhưng vì công việc, vì nghề nghiệp mà anh buộc lòng phải theo dõi trong một cảm giác rờn rợn, khiếp đảm. Nhưng theo tôi, một cách rất chủ quan, chữ *nghiệp chướng* ấy phải đổi thành *lương tri* mới đúng với sự thật của cuộc đời nhà hí họa này.

Chóe và những hoạt động nghệ thuật của anh có một nguồn gốc sâu xa gắn liền với thời tuổi thơ khắc nghiệt. Anh sinh ra trong một gia đình nông dân, và vì sống vào một thời buổi rất đặc biệt nên phải lang thang, ẩn náu nơi này nơi khác, giữa những vùng thuộc miền Hậu Giang. Đấy là thời kỳ các đảng phái, giáo phái tranh chấp, thanh toán nhau. Anh đã phải bỏ học từ năm chín tuổi để nhập vào ngôi trường vĩ đại là cuộc sống, để kiếm kế sinh nhai. Cảnh tượng phải chứng kiến hàng ngày là cỏ, lúa, rơm rạ, xác chết trôi sông, xác chết phơi trên những cánh đồng cùng với trâu bò, ếch nhái, gà chó, rắn rết, chuột bọ. Đúng là một thời gớm ghiếc! Và trong tình cảnh ấy, vì nghèo khổ cơ cực, Chóe đã phải chịu đựng nhiều sự bạc đãi của xã hội chung quanh, phản ứng của đứa trẻ nghèo khổ ấy chỉ còn là mối ác cảm đối với tất cả mọi người. Cái ác cảm ấy in dấu vết sâu đậm nơi anh, anh nhìn quanh mình chỉ thấy toàn một thế giới sâu bọ, ếch nhái. Trong cách nhìn cay độc và sắc sảo của mình, Chóe đã tự vẽ chân dung mình trong thân hình một con chó, mặc cái áo ca-rô cao bồi có mấy điểm sao, đang ngồi trong tư thế túm chân lại với nhau, còn chú thích thêm cho rõ: *Bức họa đúng với "dương sự" trăm phần trăm*, hoặc ở chỗ khác anh hiện ra trong dáng một con bò cạp. Và các lãnh tụ chính trị thì được anh ghi nhận: tổng thống như một con ễnh ương, đôi mắt của một ông phó tổng thống như hai



Nhà văn Doãn Quốc Sĩ trong nhà tù khổ sai

cái vỏ nghêu, dáng đi của một vị khác như rạ rơm được bó lại làm hình nộm giữa đồng được gió đưa lắc lư ngúc ngắc... Và cả bút hiệu của anh cũng vậy, tên *chóe* thường ký trên báo *Sóng Thần* là tiếng kêu *chí chóe* chẳng ra làm sao cả, tên *Cap* trên báo *Hòa Bình* thì chỉ có nghĩa là tiếng kêu của một con vịt. Trả lời ký giả Peggy Steinle của tờ *Newyork Times*, khi cô hỏi tại sao anh chọn bút hiệu Cap, Chóe giải thích *Cap* đúng là tiếng kêu của một con vịt, có thể là cáp, có thể là cạp, tùy theo âm bổng trầm của nó, bởi vì người ta vẫn thường cho tin thất thiệt là tin vịt nên anh muốn những điều anh nhìn và vẽ ra toàn chỉ là một thứ tin vịt. Và đến bút hiệu *Kít* thường xuất hiện trên báo *Đại Dân Tộc* thì quả là chuyện bỡn cợt và khinh bạc đã đến chỗ cùng cực.



Bom đạn Mỹ Nga Tàu và đất nước Việt nam

Chóe vẽ bất cứ điều gì anh thích, theo cách nhìn, hiểu biết, đánh giá riêng của mình, vẽ theo chính lăng kính lương tri của mình, chứ không bị ràng buộc trong những giới tuyến chính trị hẹp hòi. Trong ý nghĩa ấy, có thể xem Chóe là một con người *vô chính phủ*. Vô chính phủ theo nghĩa một người tự do dẹp đẽ, chứ không có gì đáng sợ như người Cộng sản vẫn thường sợ hãi và xa lánh hoặc kết án nặng nề. Chóe cười cợt các chóp bu Mỹ - Việt Nam Cộng Hòa - Việt Cộng, các biến cố chính trị chung quanh chuyến thăm viếng Trung Quốc của Nixon, những góc cạnh của chân dung vua đi đêm Kissinger, những cảnh lươn lẹo đằng sau cuộc hòa đàm Paris, những phản trắc bất nhân của các đế quốc trùm làng đang chà đạp lên số phận của một dân tộc nhược tiểu. Bức tranh chính trị, xã hội, văn hóa của một thời buổi đảo điên được anh ghi

nhận tài tình và linh hoạt. Trong bầu khí sôi sục của Sàigòn trước thời điểm 1975, tả khuynh là một hiện tượng rất tự nhiên của trí thức khi lên tiếng về tình hình đất nước, đó là một phản ứng gần như bắt buộc và khó lòng có sự chọn lựa nào khác, vậy nhưng khi Nguyễn Trọng Văn đăng đàn, lên tiếng kết án Phạm Duy trong một bài diễn thuyết, *Phạm Duy Đã Chết Và Chết Như Thế Nào?* thì Chóe chẳng nói gì cả, tàn tàn vẽ biếm họa: có một pho tượng đồ sộ, cao ngất trời, tượng người nhạc sĩ ôm cây đàn đang thản nhiên hát, trong khi ấy có một nhân vật bé tí teo đang cố leo lên để đánh phá pho tượng với cái búa và một mũi đục trong tay. Người đánh phá bám được vào pho tượng cũng chính nhờ ở một sợi dây treo lên từ cổ pho tượng, và thành quả đục phá là những mảnh vụn rời rạc, nham nhở, li ti... Chóe ghi một dòng chữ nhỏ ở dưới bức tranh: *Tôi nghe nói anh Nguyễn Trọng Văn diễn thuyết Phạm Duy đã chết và chết như thế nào....* Sau hơn hai mươi năm, xem lại tấm tranh châm biếm ấy trong một tình hình đã thay đổi nhiều, thù hận đã phôi pha, người ta cũng đã chán ngán nhiều với thế thái nhân tình, đất nước đã cởi mở, trói buộc chính trị làm cho lòng người đen tối vẩn đục trước đây hầu như cũng đã xóa tan nhiều, chúng ta thấy cái nhìn của Chóe quả là lương thiện, trong sáng và tuyệt đẹp.

Là một nghệ sĩ tự do, vô chính phủ, với cung cách phát biểu như chúng ta đã biết, hẳn nhiên Chóe đã phải trải qua một thời gian khá dài trong các trại cải tạo sau cuộc sụp đổ của chính quyền Sàigòn năm 1975. Tính khí cương cường, ươn ngạnh, bất cần và phớt tỉnh của anh đã làm tăng con số tù đày lên đến 12 năm. Thời gian ấy không phải là dài nhưng cũng không phải là quá ngắn đối với một đời người. Và thời gian ấy đối với Chóe thì càng là rất tốt, giúp anh tôi luyện thêm một bản lĩnh ngày càng vững chắc. Anh tiếp tục sống và làm công việc của mình như sự hít thở tự nhiên, anh vẽ nhiều chân dung các văn nghệ sĩ trong nhà tù, loạt chân dung này đã thành một tập hồ sơ quí giá của một giai đoạn lịch sử mới của đất nước. Khi bộ tranh này được Trần Dạ Từ mang ra nước ngoài, triển lãm ở vài quốc gia Bắc Âu, đã gây được nhiều cảm xúc sâu sắc. Một người phụ nữ, thị trưởng thành phố Katrineholm, ở Thụy Điển đã phát biểu: "Sự can đảm của những người cầm bút Việt Nam trong ngục tù, và tài ba của họa sĩ, đã hợp thành một thông điệp tuyệt vời về tự do và phẩm giá con người".

Vào các năm 1989, 1990, tôi gặp lại Chóe ở Sàigòn, thấy anh vẫn bình thản như 20 năm trước, thời mà chúng tôi gần như thường gặp gỡ hàng ngày. Anh vẫn tiếp tục nghiệp chướng của mình. Sức sống những hoạt họa của thời này không giảm phần năng động, vẫn mang nhiều tính cười cợt mà phê phán. Tôi hỏi anh không ngán sao, anh cười rất hiền từ mà nói: Thì cùng lắm chỉ là ở tù lại mà thôi, anh chẳng còn sợ nhà tù nữa, quen lắm rồi! Vào thời này, hoạt họa của anh còn có dịp đi qua Nga nữa. Theo lời yêu cầu của nhà báo Irina Zisman, một hai ký họa gì đấy của anh đã được cầm tay chuyển về cho báo chí Nga, lại gây được nhiều sức chú ý rất đặc biệt, và khi nhắc đến anh, Irina

Zisman đã phải nói với một giọng yêu mến và thán phục: "Chóe, một người có tầm cỡ *trái đất*". Hiện nay, Chóe vẫn làm việc rất khỏe; tranh mang tính phê phán xã hội thường xuyên xuất hiện trên nhiều báo chí trong nước, đặc biệt là báo *Lao Động*, tờ tuần báo hàng đầu ở Sàigòn, với cách đưa tin và đánh giá, nhận định khá sâu sắc, phù hợp với sự đòi hỏi về thông tin của đồng bào, tất nhiên vẫn còn nhiều hạn chế trong những ràng buộc trước mắt.

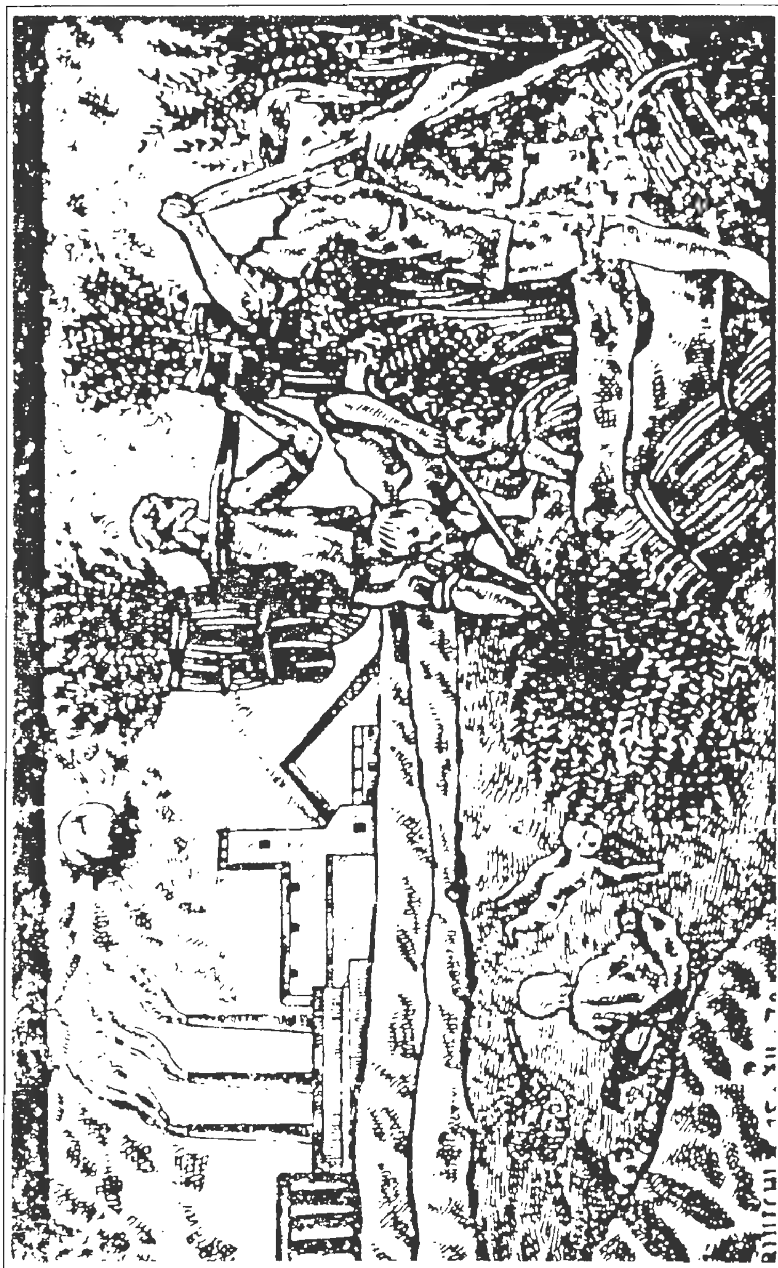
Cùng với những hồi tưởng về Chóe, tôi cũng muốn nhắc đến Bửu Chỉ vì cả tài năng lẫn tính đối kháng trước tình hình cực đoan của đất nước trước đây.

Giữa bức tranh đầy nghịch cảnh cuối thập niên 60 và đầu thập niên 70 trên toàn xứ sở, chúng ta ghi nhận sự xuất hiện những nét vẽ bằng bút sắt và mực tàu của Bửu Chỉ rất mạnh mẽ, tài tình, linh hoạt, lộ ra một thứ bút pháp đầy cá tính, đúc kết được một phần sức mạnh của thời đại. Người cầm bút vẽ ở đây sử dụng nghệ thuật như một vũ khí chiến đấu trực diện. Đồ họa của Bửu Chỉ tạo được nhiều tác động mãnh liệt khắp trên trận tuyến đấu tranh của các tầng lớp thanh thiếu niên tại các đô thị miền Nam. Tôi không muốn nói đến sự chọn lựa của Bửu Chỉ và hiệu quả của những nét vẽ ấy như thế nào, đúng hay sai, đáng bị kết án hay ca ngợi, mà chỉ đề cập đến một sự thật: đồ họa của Bửu Chỉ phản ảnh một tài năng thực sự của đất nước, sự chọn lựa con đường chiến đấu của anh là cần thiết đối với một thanh niên trước ngã ba kỳ quái và khắc nghiệt của lịch sử. Bửu Chỉ tỏ ra vừa có tài, lại vừa đầy tâm huyết và dũng khí, để sống những ngày tuổi trẻ của mình thực phong phú và đẹp đẽ.

Năm 1971, đang là một sinh viên ở trường Đại học Luật khoa Huế, Bửu Chỉ lại rất ham thích hội họa và đã vẽ với tất cả lòng say mê hào hứng nhất. Anh không nhớ rõ là mình đã bị quyến rũ, say mê bởi thế giới đường nét và màu sắc ấy từ hồi nào. Tuy nhiên, anh thực sự tự nghiên cứu kể từ khi được 17 tuổi, và từ đó đã làm việc không ngừng, anh vẽ lên tường, lên nền nhà bằng những mẩu than bếp, vẽ những hình ảnh chung quanh, đọc sách trình bày về hội họa cổ điển, đọc chán lại ngắm nghía, khảo sát những bức hình chụp lại những tác phẩm của các bậc thầy như Vinci, Michel Ange, Rembrandt và cố gắng rút ra từ đó những bí quyết tạo hình. Tự học khó khăn thật, nhưng anh lại tìm thấy trong đó những sảng khoái, say mê của một kẻ đang khám phá. (Nhớ lại Chóe trước đây, phải rời nhà trường ngay từ thời thơ ấu, nhưng khi đi vào con đường nghệ thuật, anh cũng có chút may là đã làm việc để kiếm sống trong một tiệm vẽ quảng cáo, nên ít ra anh cũng còn hơn Bửu Chỉ, là có được một ông thầy thực sự trong nghề là người thợ vẽ bên đường, bên cạnh các người thợ hớt tóc, mài dao... nơi một xóm lao động nghèo nàn). Mặc cho bao nhiêu khó khăn của người tự học, cuối cùng Bửu Chỉ cũng đã dựng ra được cho riêng mình một thế giới hết sức độc đáo bằng cách dung hòa kỹ

thuật hội họa phương Tây và những nét đặc trưng của nền nghệ thuật dân tộc mà cơ sở suy nghiệm là tranh mộc bản xưa, để từ đó xây dựng một nền nghệ thuật đầy tính chất bi tráng mà độc đáo giữa một thời kỳ hết sức cực đoan của đất nước. Hoạt động trong phong trào thanh niên sinh viên Huế, rồi do sự liên kết chặt chẽ giữa phong trào thanh niên các đô thị miền Nam, Bửu Chỉ xuất hiện mạnh mẽ ở Sàigòn, có mặt hầu khắp trên các tờ báo, tạp chí đấu tranh, tố cáo cuộc chiến tranh tàn khốc đang xảy ra từng ngày trên từng phần đất nước, kêu gọi và đòi hỏi một nền hòa bình thực sự phải được tái lập lại. Bửu Chỉ tham dự vào các kỳ triển lãm của sinh viên, ví dụ có thể kể đến tấm tranh điển hình *Trên Cánh Đồng Tháng Tám* (khổ 2m X 3m) nói về Cách Mạng Mùa Thu 1945, bày ở Tổng hội sinh viên Sàigòn vào năm 1971, hay các bức *Đợi Ngày Lên; Ngựa Và Người Da Vàng; Ngày Quật Khởi*, hay những phác thảo nhỏ chưa được thực hiện thành sơn dầu *Quê Hương Ta Ngày Hội Trùng Tu; Đất Nước Vào Mùa Gặt; Anh Em Ơi Giành Lại Đời; Dòng Nhiệt Lưu; Những Kẻ Giả Hình*, tất cả đều nằm trong dụng đích và ý hướng vừa nói.

Có dịp được hỏi đến, anh luôn tự xác định mình là một người vẽ thuộc khuynh hướng *biểu tượng xã hội (Expressionnisme socialiste)*. Hội họa đối với anh chỉ là một phương tiện, một lợi khí để phát biểu những khổ đau, tủi cực, tiếng nói của những người bị gông cùm và xiềng xích, là những kêu đòi phản kháng của đất nước bị áp bức nhưng anh hùng. Nghệ thuật đồ họa của Bửu Chỉ, như thế, đã được đặt ra trong một mục tiêu thực tiễn, mang tính cách của những tấm áp-phích lớn ngoài công trường, là những biểu ngữ được trả giá bằng máu, là những cánh bướm truyền đơn tung ra khắp bốn phương trời. Đường nét và màu sắc như vậy sẽ phải chứa chan tất cả nỗi khát khao, những phấn đấu can trường của dân tộc trong cả một thế kỷ vừa qua, để đòi quyền sống, đòi tự do, công bằng. Nghệ thuật là vũ khí đấu tranh chống bạo hành, tố cáo chiến tranh, đòi hỏi hòa bình và hạnh phúc cho nhân dân. Nó sẽ cất tiếng thổi bùng ngọn lửa cháy từ mỗi trái tim người, cuồng nộ, bạo động, giận dữ, sẽ góp tất cả lại để tạo thành bão táp của thế kỷ, là sấm sét dội xuống từ trời cao lịch sử. Nghệ thuật, như thế, chính là tâm tình, là nỗi lòng, là cảm xúc, là ước mơ trào dậy một sức sống tương lai. Và nghệ sĩ trong viễn tượng ấy chính đã là một chiến sĩ - artiste militant - trong đạo quân của dân tộc và nhân loại, đem nghệ thuật đến với quần chúng, dùng nghệ thuật để vận động quần chúng trong công cuộc tiến lên giải phóng cộng đồng. Trước tình thế khốn khó, nghịch cảnh, người nghệ sĩ không thể đào ngũ bằng cách trốn chạy vào trong chiếc vỏ ốc hay tháp ngà của mình, không thể chấp nhận một quan niệm nghệ thuật vị kỷ, hẹp hòi. Bửu Chỉ đã sống được một cách trọn vẹn con đường đã vạch ra, ngay cả khi đang ở trong nhà tù (từ 1972 và đến năm 1975 mới được tự do), những nét vẽ của anh cũng được bí mật chuyển ra ngoài, góp thêm nhiều ánh lửa cho các phong trào đấu tranh đang bừng bừng khắp nước. Nhiều tạp chí của người Việt ở nước ngoài, ở Mỹ,



Quê Hương ta, ngày hội mùng tu

Canada, Pháp, Tây Đức, Nhật Bản đã sử dụng nhiều hình họa của Bửu Chỉ trong công cuộc đấu tranh cho một nền hòa bình phải đến cho nhân dân Việt Nam. Bộ sưu tập những nét vẽ rắn rỏi, mạnh khỏe bằng bút sắt và mực tàu của Bửu Chỉ trước năm 1975, ngày nay, ít nhiều cũng đã trở thành những khắc họa sâu sắc về một phần đời sống của dân tộc trong những ngày vừa qua. Chúng ta có thể đồng ý hay không với đường lối và cách phát biểu của Bửu Chỉ, nhưng bất kể thế nào, cũng không thể phủ nhận tài năng và tâm huyết của anh nơi những chứng từ anh để lại, những chứng từ đã một thời là lời kêu gọi hùng hồn giữa máu lửa và tận cùng nỗi đau khổ mà một dân tộc phải gánh chịu trên trái đất này.

Cũng như Chóe, *Bửu Chỉ* làm nghệ thuật để chia sẻ với người khác cách suy nghĩ, ý thức về xã hội, với lương tri đẹp đẽ của một con người tự do. Họ tin và sống với những điều mình suy nghĩ một cách trung thực và quả cảm. Trước năm 1975, Bửu Chỉ có hơi cực đoan, nhưng điều đó có thể hiểu và chấp nhận được. Như có lần, anh khinh bỉ và gần như muốn nhổ nước bọt vào mặt một người bạn khác của tôi là T, lúc bấy giờ đang phụ giảng ở trường Đại học Văn khoa Huế, chỉ vì T là một trong những thủ lãnh thanh niên của một đảng phái chính trị mà Bửu Chỉ cho là phản động. T hiện nay đang định cư ở Massachusets, mặc dù vậy đã không giận Bửu Chỉ mà còn tỏ ra hết sức quí trọng một người bạn cùng thế hệ mình đã dũng cảm chọn một lý tưởng cho đời mình giữa thời loạn lạc. Và sau ngày 30 tháng 4 năm 1975, Bửu Chỉ vừa ra khỏi nhà tù thì chúng tôi lại có dịp gặp nhau. Bửu Chỉ trong bộ áo quần nâu còn in nhiều dấu vết tù đày, gặp T và tôi trong khuôn viên trường Đại học Vạn Hạnh, nơi anh đang phấn khởi điều hành một số công việc gì đấy, Bửu Chỉ bắt tay chúng tôi rất vui mừng và nói với một vẻ chân thành tự nhiên, chẳng có chút gì hãnh tiến như bao nhiêu người khác chung quanh, những công thần lớn nhỏ, cả những kẻ theo đuôi rập rình lập công, tôi còn nhớ rõ gần như y nguyên câu nói của anh: *Bây giờ đất nước đã thống nhất, bây giờ mọi người đều giống nhau để cùng bắt tay nhau xây dựng lại trong hòa bình.* Lời nói của Bửu Chỉ có trở thành sự thật hay không là chuyện khác, nhưng tự trong lời nói ấy đã ánh lên sự rạng rỡ, trong sáng và tươi vui thì chính đấy là một sự thực hết sức cảm động và đầy tính thuyết phục.

Vì bận bịu bao nhiêu khó khăn trong cuộc đổi đời, lại phải mất cả năm năm trong nhà tù, bẵng đi cả mười năm sau, đến năm 1985, nhân một chuyến đi về thăm nhà ở Huế, tôi mới được gặp lại Bửu Chỉ một lần khác nữa. Lúc này, anh đã thực sự trở thành một họa sĩ điển hình của một thời kỳ mỹ thuật mới, với một bút pháp riêng biệt đầy bản lĩnh, với nhiều tác phẩm đáng kể và đã tạo được một chỗ đứng vững vàng giữa các nghệ sĩ tạo hình Việt Nam hiện đại hôm nay. Mặc dù không ngạc nhiên gì về những thành tựu mới của anh, tôi vẫn hết sức vui mừng khi thấy anh đã tiến đi rất xa trên đường nghệ thuật, đã thực hiện được nhiều tác phẩm thực sự vững chãi, đầy ánh sáng trí tuệ và tư duy tạo hình độc đáo, chắc chắn và hiển nhiên sẽ có độ bền lâu dài

trong nền hội họa mới của đất nước. Thêm một điểm này có lẽ cũng nên nhắc ở đây, trong giai đoạn sau 1975, Bửu Chỉ lúc nào cũng tâm niệm một điều: phải vẽ tranh cho thực đẹp và có cá tính. Anh nói thẳng với tôi là anh không vẽ theo chính sách, đường lối chỉ huy của nhà nước, không vẽ công nhân, bộ đội, chân dung lãnh tụ. Điều này thì có lẽ không mấy người làm nổi, chỉ một vài họa sĩ như Bùi Xuân Phái, Văn Cao, Bửu Chỉ là làm được mà thôi. Đó cũng là một điều hết sức đặc sắc của Bửu Chỉ; trong tình cảnh nào anh cũng sống rất kiên cường bằng phẩm chất cao đẹp của mình. Tranh của Bửu Chỉ sau giai đoạn 1975 rất đẹp, anh tạo được một thế giới riêng có nhiều vẻ đẹp rất Huế, đúng là anh đã thừa hưởng được màu sắc và đường nét của Huế. Pha trộn chất dân gian, cộng thêm vào đó là chất truyền thống và cung đình, Bửu Chỉ đã rút tỉa được nhiều điều để biến thành thế giới của mình một cách đầy sáng tạo. Và bên trên tấm nền đó chỉ còn lại những ký hiệu về cái đẹp riêng của anh, thỉnh thoảng là những dấu hỏi, suy nghĩ về đời sống và số phận con người. Chúng ta sẽ trở lại với nghệ thuật của Bửu Chỉ sau 1975 trong một dịp khác, vì không nằm trong mục tiêu của bài viết này.

Trên đây là vài hình ảnh qua ký ức về hai cây bút sắt *Chóe* và *Bửu Chỉ*. Hai cây bút đặc sắc, tài năng mà phẩm chất nghệ sĩ cũng phải nói là rất đặc biệt, họ đã góp nhiều phần rất sinh động trong cuộc sống nghệ thuật, xã hội, văn hóa và chính trị của đất nước trong giai đoạn vừa qua. Sau bao nhiêu biến động và đổi dời, quả là họ cũng đã để lại nhiều ấn tượng sâu sắc và rất đáng nhớ.

HUỲNH HỮU ỦY

Garden Grove, 1, 1994.



ĐẶNG TIẾN

đỗ kh. kẻ giải hoặc



Vào đề, xin phép được đưa ngay lời cảnh giác: những bậc nghiêm trang chớ nên đọc Đỗ Kh., nhất là tập truyện hắn mới xuất bản *Không Khí thời Chưa Chiến* (1). Bậc nghiêm trang gồm nhiều thành phần độc giả, những người có khả năng - hay nguy cơ - được xếp hàng yêu nước. Đại khái: trí thức, Việt kiều, tín hữu, v.v... Thuộc nhiều giai tầng khác nhau thường thường, họ ngồi gần với nhau ở nhiều địa điểm: niềm tin ở đất nước dân tộc, lịch sử, truyền thống, thuần phong mỹ tục, sứ mệnh văn học v.v... Bọn choai choai dại miệng có lúc xếp họ lên hàng bảo thủ.

Đọc văn thơ Đỗ Kh. họ sẽ rước bực mình, *những bực mình tức không thể nói* (1) vì lối viết lách nhố nhăng của *Cây Gậy Làm Mưa* (1) này. Phần tôi ngược lại rất khoái văn chương Đỗ Kh. trong *Không Khí Thời Chưa Chiến.*

Đỗ Kh. suy nghĩ sắc bén, nhận xét tinh vi về cuộc sống và anh diễn tả tân kỳ, linh hoạt bằng bút pháp độc sáng. Truyện của Đỗ Kh. làm mới văn học Việt Nam, từ hình thức đến nội dung. Anh ném vào văn học cái nhìn mới của lớp trẻ, về những giá trị của cuộc đời, không phá phách mà không khoan nhượng. Đỗ Kh. tàn nhẫn mà nhân ái, phân tích lúc lạnh lùng khi nồng thắm, để đến những tổng hợp thực tế và độ lượng. Tổng hợp chuyện đời có lúc trực tiếp, nhưng thường ẩn dụ.

Ai ghét Đỗ Kh. trước hết vì lối viết: cách dựng chuyện, dùng chữ đặt câu; sau nữa mới ghét nội dung khiêu khích: điều sau này không phải ai ai cũng thấy. Vì giận lối viết người đọc không thèm nhìn anh viết cái gì, để làm gì và đi đến đâu. Tay Đỗ Kh. vừa láo vừa thâm. Bực hắn cái láo, mình không thấy ở hắn cái thâm. Hắn cười.

Mượn ngôn ngữ văn học, Đỗ Kh. đã phơi bày dưới ánh sáng của thời đại những băn khoăn, những câu hỏi lòng tự hỏi lòng, khi giữa lòng mình đang băng hoại những giá trị tinh thần xưa nay vẫn đắp nền móng cho đời sống tình cảm, đạo đức. *Không Khí Thời Chưa Chiến* là một giai đoạn ngắn trong thời đại, là tấm bia cái mốc, bên triền thời gian miên viễn; nó là tư duy của một cá nhân cụ thể vào thời điểm nhất định, vào cuối thế kỷ XX, trong một nhân gian đang nhạt mờ biên giới. Đỗ Kh. vẫn là người Việt Nam, vì tâm hồn còn thâm tím bầm đen những dấu vết cấu xé nhưng thuộc loại mà Đặng Thai Mai xưa kia định cư vào làng Bông Lông xã Ba La, một lữ khách không dừng bước giữa trần gian.

Truyện Đỗ Kh. đánh vào toàn bộ các huyền thoại làm nên tâm cảnh chúng ta. Phổ biến là tình yêu: trong đời sống, tình yêu là thực tại, trong văn thơ, thường trở thành huyền thoại, trái tim Trương Chi làm ví dụ cùng cực.

Truyện Đỗ Kh. thường chỉ có hai nhân vật, một nam người kể chuyện, và một nữ, đối tượng của chuyện kể? Cũng có tương quan giữa vợ chồng như trong truyện *Không Khí Thời Chưa Chiến* , giữa đôi bạn cũ như *Người Đàn Bà Bỏ Chồng,* giữa nhân tình nhân ngãi trong một *Cành Hoa Một Đặng Đường Xa*. Nhưng tình cảm ấy mà gọi là tình yêu thì quá lời vì chỉ dừng lại ở tiếp xúc tầm thường, dù khi nhân vật làm tình, động tác ấy cũng không truyền đạt một tâm cảm nào đặc biệt. Khi yêu, con tim mù lòa như có người hát, ta khó *bề quan sát kỹ như Đỗ Kh.*

"Quang lấy chân đá vào mặt nước sôi động. Lần này, hắn nhìn Liên cởi bỏ quần áo. Cái legging vướng víu bám víu vào đùi. Liên cởi quần rồi mới cởi nó. Quang nhìn Liên kỹ càng. Vú Liên động đậy, nàng tháo cái kẹp tóc ra, khuôn mặt tròn lúc lắc. Sa mạc. Quần lót thể thao stretch co dãn nàng lông đen. (Ừ thì nàng lông đen, chẳng lẽ là lông vàng). Liên lông không vàng, Quang nhìn nàng.

(Cách Xa A Phú, Truyện cuối, tr. chót)

Câu chuyện cắt ngang, chấm dứt ở đây, trong cái nhìn soi mói, không rung cảm. Dòm phụ nữ qua đường, nhân vật Đỗ Kh. chỉ có một ám ảnh "chơi" được không? *"Theo thói quen, hắn đếm nhẩm xem bao nhiêu người bề được, cô này bề được không, coi lại xem, ờ bề cũng được... bỏ cô Tầu, giữ cô đen... bề được chứ, bề thử chơi. Nhìn mặt, nhìn lưng, nhìn ngực, nhìn đùi, nhìn ngang nhìn ngửa nhưng hắn vẫn còn để ý tìm Bội Trâm. Bội Trâm, theo hắn nhớ, thì đẹp lắm, và dĩ nhiên là phải bề được, thế nào cũng khoái lạc khỏi cần cân nhắc".*

(Người Đàn Bà Bỏ Chồng, tr 26)

Bội Trâm là bạn gái cũ thân thiết ít nhất cũng hơn mười năm, đã xuất hiện

trong truyện *Mười Năm Đàn Bà Đầu Vú Thâm* trong *Cây Gậy Làm Mưa.* Hơn mười năm lưu lạc, gặp lại cố nhân mà chỉ thắc mắc *bề đượng không.* Không biết ngày xưa, Kim Trọng có vậy không?

Truyện *Một Cành Hoa Một Chặng Đường Xa* có những đoạn tả tình táo bạo. Nhưng chỉ là tình dục, hay nói đúng hơn, là tính dục. Đỗ Kh. đã dùng ngôn ngữ *"thô bỉ" "nói tục"* (chữ của anh) để tả rất tỉ mỉ cảnh làm tình (anh dùng chữ chính xác hơn), để đi tới kết quả không lấy gì làm phấn khởi. *"Nhẫn nằm vật ra, quần lót ướt khó chịu"* (tr 93), còn người đàn bà *"kỳ này cũng như kỳ trước, chẳng kỳ nào Quyên tới được đích cả..., Quyên chỉ bảo: ờ em vậy... chỉ có cái em chẳng bao giờ tới, vậy thôi. Vậy hả"*. Đỗ Kh., một mặt đi xa hơn cô gái trong truyện Nhã Ca *"Chết cha, mình đang cảm động"* (Truyện *Ngày Đôi Ta Mới Lớn*), trong *Nhà Có Cửa Khóa Trái* của Trần Thị Ng.H *"Rồi sao nữa trời đất!"* Mặt khác, Đỗ Kh. muốn ghi nhận lớp tro bụi của huyền thoại tình yêu đã bị đổ vỡ, ngay trong cao điểm của nó là phút giây ân ái. Ở Nhã ca, Trần Thi Ng H., người nàng còn kêu *"Chết cha", "Trời Đất"*; ở Đỗ Kh. nàng chỉ *"ờ em vậy. Vậy thôi"*. Kinh khủng.

Đỗ Kh. giải hoặc bản năng sinh lý, không còn là tình dục, nó không có tình, thậm chí không cả dục, vậy nói "tính dục" cũng không đúng. Ví dụ hai người hành khách làm tình trên máy bay trong phòng vệ sinh sau khi thỏa thuận qua mảnh giấy:

— Còn bảy tiếng nữa mình mới đến

Hắn dở bút lên rồi viết tiếp.

— Tôi với chị có thể làm tình trong nửa tiếng đồng hồ.

Hắn quay sang để đưa (...) Người con gái cầm nghiêng tờ giấy. Lâm rút ra từ trong sổ cái bao cao su ngừa bệnh phong tình bọc trong giấy bạc. Hắn đưa nàng vẩy vẩy (...) Hắn cười nhẹ, nàng cầm lấy" (tr 43). Xong. Đã quá xa rồi, cái thời "tình trong như đã ..." và cũng xa rồi đôi mắt cô Loan lấp lánh sau giàn đậu ván.

Cái khó, với nhà văn là khâu kỹ thuật. Làm sao cho sự thô bạo suồng sã bắt buộc phải có không rơi vào truyện khiêu dâm? Đỗ Kh. khá thành công nhờ sử dụng từ vựng. Tiểu thuyết khiêu dâm có kỹ thuật riêng, nói là nghệ thuật cũng được, từ *Những Nhân Tình Bà Chatterly*. Nó có quy ước. Truyện Đỗ Kh. từ cách nói đến cách dùng chữ (thô tục) không dí vào quy ước đó. Mặt khác nó nằm trong một quỹ đạo riêng, vận chuyển theo quan niệm của tác giả về những chủ đề lớn nhỏ khác, như chính trị, văn hóa, đạo đức. Đề tài dục tính, phái tính trong *Không Khí Thời Chưa Chiến* là một thành tố hữu cơ trong một hệ thống tư duy và thao tác. Nó phản ánh một thời đại - video.

"Instant, cùng một lúc, hai đứa mình, ngay lập tức, liền, thời đại này tân tiến" (tr 155). *Vẫn Còn Hai Đứa Mình... Thì cũng văn hóa chứ, con người mà, màu mè. Con chó nó tượng trưng động tác ái tình nhất định là kém diêm dúa hơn* (tr 21).

Trương Chi chết thật rồi. Có cả Sơn Tinh, Thủy Tinh cùng dưa dám.

Truyện *"Không Khí Thời Chưa Chiến"* phản ánh cuộc chiến Libăng, kể lại *"Tiếng súng đêm nay chỉ là gạch phấn xác định các vùng ảnh hưởng, chỉ là nước tiểu chó bài tiết ở cột đèn để đánh dấu chủ quyền"* (tr 31).

Trận này, Đỗ Kh. đánh sang một huyền thoại lớn lao khác: lịch sử, với đám quần tinh cố hữu của nó: quốc gia, dân tộc, chủ quyền. Và xương máu. Và thù hận. Người vợ Libăng bảo chồng - Nhân vật "hắn" có nhiều điểm giống tác giả Đỗ Kh. *"Chính trị, ái tình gì cũng vậy, thôi mày quay mặt lại được rồi"* (tr 21). Vì không thích cảnh múa rốn, hắn đã quay mặt đi. Nhưng tác giả đã vin lấy cớ, viết một câu thật ác. Những chữ *cũng vậy, quay mặt lại* phá vỡ huyền thoại. Chính trị và ái tình bị hạ thấp xuống cấp bình thường, tốt xấu lẫn lộn, xấu nhiều hơn tốt.

Truyện *Cô Gái Sơn Cước,* mô tả một cộng đồng Việt gốc Thượng Du di tản sang Hoa Kỳ, vẫn tiếp tục nghề làm nương phá rẫy ở Merced County, và hội nhập khó khăn. Truyện nhắc chúng ta lẽ tương đối của biên giới những quê hương, dân tộc, cả ý nghĩa cuộc sống.

Truyện Đỗ Kh. bắn lên trời những tràng đạn chỉ thiên nghe ròn rã, vui như pháo Tết. *"Sau mười bốn năm đổ máu những người lưu lạc tại quận Cam cách nửa vòng trái đất, đến đây tìm lại không khí của thời chưa chiến"* (tr 32). Đố độc giả đoán ra"người lưu lạc" là ai? Không phải. Là người ... Ả Rập. Sao lại mười bốn năm đổ máu? 1960-1973? 1963-1975? Sai rồi... Đây là chuyện ... Li Băng *"nội chiến bắt đầu tháng 4-75"* (tr 25). Lại tháng 4 năm 1975, đùa dai lắm vậy! Từ đó, thời điểm lịch sử cũng tương đối: có điểm ghi trong sách vở, cách này hay cách khác tùy nơi (tháng 4-1975 là gì?). Có điểm in vào trong tâm khảm con người: *"Với vợ hắn thời tiền chiến là thời nàng chưa vẽ màu xanh trên những bóng đèn"* (tr 25) *để đêm phòng phi cơ, năm 1967 (tr 24) Những Ngày chưa chiến với hắn là những ngày trước cái chết của Zouheir Mohsen một lãnh tụ Palestine bị ám sát* (1974?) Giữa hai vợ chồng, độ chênh của lịch còn quan trọng như vậy, nói chi đến những người đối nghịch gối đầu lên thù hận mà nằm mơ.

Bản thân tôi, viết nghiên cứu văn học đã lâu lắm mà không bao giờ dùng đến những từ: nhạc tiền chiến, thơ văn tiền chiến - vì nó vô nghĩa, và xúc phạm vong linh những con người đã gục ngã dọc đường lịch sử từ 1945 đến 1975.

Những biến chuyển thô bạo của lịch sử thêm vào những bước tiến hóa trọng đại của văn minh nhân loại. Những chân trời mới, những cảm xúc mới khiến con người hoài nghi khi đánh giá, việc nhỏ việc to:

"Phở ở bên đó ngon hay bên này ngon?

(...) Phở ở đâu ngon hắn không biết, có quan trọng không, hay là ở đâu ngon thì cũng thế thôi" (tr. 82).

Ở đây, tác giả không quan tâm đến một món ăn đã trở thành giá trị truyền thống, thước đo văn hóa và tính dân tộc. Bao nhiêu dân tộc khác *"không có phở để mà giữ gốc, tái chín, nước trong, hành trần nước béo"* (tr 15) nhưng rồi họ vẫn sống và sống ra người, con người vô-phở.

Quê hương với con người hiện đại không là đất thánh, không thể chấp nhận được câu *"Quê Hương ơi địa ngục cũng là thiên đàng"* (tr 33) dù chỉ là một hình ảnh ví von. Lần đầu Đỗ Kh. khẳng định - như ít khi khẳng định:

"Nơi quê hương hay là nơi quê người mùi chua của ụa mửa, dù có đệm nhạc cũng chẳng thành được mùi thơm" (tr 34)

Đây là một thái độ lành mạnh tích cực và dứt khoát mà chúng ta cần đào sâu và khai triển.

Giải hoặc những huyền thoại, thường dễ phạm nghịch lý, rơi vào huyền thoại của giải hoặc - le mythe de la démystification. Nguyễn Huy Thiệp, khi kể chuyện Quang Trung đã rơi vào cạm bẫy này.

Đỗ Kh. lách được ngòi bút ra khỏi Huê Dung Đạo nhờ hai điểm. Một là bản tánh tếu, trẻ trung, ưa đùa cợt tự nhiên, anh đã biết sử dụng một ngôn ngữ ngoài những quy ước văn học. Truyện anh viết chế riễu những chủ đề hệ trọng mà vẫn có người nghe, vì vui tai. Nghe xong rồi thôi: chuyện vui mà. Thứ đến, bản chất hoài nghi, vô hình trung anh đem khua tấm hoài nghi của mình làm lung lạc niềm tin kẻ khác. Trở lại ví dụ: *Phở đâu ngon hắn không biết* (a) *có quan trọng không* (b) *hay là đâu ngon thì cũng thế thôi* (c) (tr 82). Câu văn tiệm tiến a — b — c. Từ chỗ "không biết" (a) đến chỗ không biết cái "quan trọng" (b) (nghĩa là không cần biết), rồi đến dung hòa "cũng thế thôi" (c). Thường thường, khi đánh vào xác tín kẻ khác thì bản thân mình cũng vũ trang bằng xác tín. Ta dùng cái mê hoặc này đánh vào mê hoặc kia. Ta đã từng biết câu thơ ghê gớm của Chế Lan Viên: *"Ta là ta mà vẫn cứ mê ta"*; dù được đặt lại trong dụng ý giới hạn vào một hoàn cảnh cụ thể, thì câu thơ ấy, tự thân nó, vẫn là cái gì vô cùng lạc hậu, vô cùng bệnh hoạn.

Rồi căn bệnh ta ấy đã huyễn hoặc bao thế hệ Việt Nam. Biết mình bệnh chữa đã khó, không biết bệnh, chừng nào mới sống được như người ta? Do đó tập truyện *Không Khí Thời Chưa Chiến* là một thang thuốc đắng. Nó không hiệu nghiệm ngay nhưng làm cơ hội và cơ sở cho chúng ta suy nghĩ, trao đổi ý kiến, giúp chúng ta thoát khỏi những vòng kim cô lớn nhỏ đang siết chặt cả tim lẫn óc, lẫn tầm nhìn, lối suy nghĩ của mỗi chúng ta.

Đạt tới mục đích kia, Đỗ Kh. đã sử dụng thập bát văn võ nghệ: Kiến thức sách vở của cựu sinh viên Sciences dự bị Normal Sup, Kiến thức thực dụng của kẻ chu du bốn bể năm châu, óc nhận xét suy luận nhanh và nhạy, đặt biệt trí thông minh khi sử dụng Việt Ngữ. Trong những người viết văn hiện nay, Đỗ Kh là một trong những người xử dụng tiếng Việt linh động và sáng tạo nhất. Ví dụ ngay cái tựa đề chối tai nhiều người. Nhưng tại sao các vị nói được thời tiền chiến, hậu chiến, đương chiến mà không cho Đỗ Kh. nói *"chưa chiến"* như ta nói "chưa thắng, chưa thành" (từ Việt + từ Hán Việt)? Dĩ nhiên là Đỗ Kh. có lúc viết bạo *"Em nhớ anh em tìm, mình có năm ba tiếng nằm ái tình, cũng như kỳ trước thôi"* (tr 99). Chữ *"nằm ái tình"* lạ về mặt văn

pháp nhưng hợp với hoàn cảnh hai người: vẫn ý ấy, ta không thể nói cách khác. Dường như Nguyễn tuân có lần viết: Sự hoa.

Đỗ Kh. đưa văn nói vào văn viết. Điều này không mới, nhưng chàng Đỗ ngang phè phè. Các tác giả khác, từNguyễn Đình Toàn đến Marguerite Duras, khi kết hợp hai thể văn, vẫn tôn trọng nhịp câu văn, dè chừng hơi thở qua cách chấm câu. Đỗ Kh. thì bất cần.

— Phải đi đón tôi thì giờ đâu có ai ở nhà giờ này (tr 38).

Đơn giản hơn, người ta sẽ nói: Phải đi đón tôi thì giờ này đâu có ai ở nhà.

— Thấy anh hay không, anh kiếm ra liền, anh tới được ngay (tr 84).

Chữ *"thấy"* đầu câu rối rắm. Bỏ nó đi, câu văn sáng ra. Hoặc thêm vào Em thấy anh có hay không. Tuy nhiên, lối đùa với ngữ điệu khi lẫn lộn văn viết văn nói tạo ra được không khí hồn nhiên — phá vỡ tiếp cái huyền thoại văn chương — như nhiều tác giả phương Tây đã làm. Và những câu tả chiến tranh: *"Và những người vô cớ, ghét mặt mày tao bắn chết chơi"* (tr 28) làm câu chuyện đang bi thảm thành tếu.

Văn Đỗ Kh. chủ yếu là tếu, trắc trở, rối rắm nhưng rất thơ. Tôi thử diễn ca một đoạn văn xuôi Đỗ Kh.: (tr 31)

Hắn để nàng kéo đi
Hắn để yên cho nàng
Nắm tay không nói gì
Moshen vừa bị giết
Chiến tranh vừa bắt đầu
Đêm nay (và) giờ này
Đối với riêng mình hắn
Chiến tranh vừa bắt đầu
Nàng cầm tay tôi kéo
Cũng đủ mà du dương
Những viên đạn dọc ngang
Kẻ xanh đỏ ngoài đường
... Giờ chỉ mới đàng hắng
Súng cá nhân — lát nữa
Trọng pháo đòi lên giọng
Biết đâu nàng chẳng ôm
Những câu thơ thất ngôn

Thơ hay đấy chứ?

Những câu thơ thất ngôn:

Sa mạc nào coi cũng giống nhau (tr 129). Chạy giặc giữa thành phố Beirut khói lửa ngất trời, tác giả còn văn xuôi rất thơ rất Thanh Tâm Tuyền:

Lẻ tẻ chiều buồn Beirut Blues

Rồi đến nhịp thơ 8 chữ khá hiện thực xã hội

Lúc vội vã giữa đường trên mặt nhựa
Lúc nhắc từng bước đặt sát bờ tường (tr 19)

Bước theo nhịp đạn: *"ngả nghiêng theo nhịp điệu cận kề của những vũ khí giết người. Hai bước hấp tấp một bước chùng"*, câu sau là nhịp rumba: tắc tắc xình, tắc tắc xình... rồi câu tiếp theo: *"Theo cô này cũng vui, buồn buồn dám sau này tôi lấy về làm vợ"* (tr 29).

Phong cách Đỗ Kh. là vậy: ý và lời gắn bó với âm thanh, nhịp điệu. Từ pháp và cú pháp luôn luôn thay đổi mực độ, từ tục đến thanh, từ thân mật đến phức tạp, cầu kỳ, có khi uyên bác. Nhưng lúc nào Đỗ Kh. cũng tỏ ra làm chủ ngôn từ: viết vậy vì cần viết vậy, không đặt nên vấn đề sai đúng.

Cấu trúc truyện tân kỳ, vì anh hoán vị, thời gian sau trước trước sau như chuyện trên máy bay, hay trộn lẫn không gian trong *Người Sơn Cước*. Chưa kể thời gian, không gian tâm cảm luôn luôn xen kẻ với sự kiện: người đọc lơ đễnh, dễ lạc hướng.

Bài điểm sách về một tác giả mới, đến đây đã là dài. Độc giả có thể thắc mắc: Đỗ Kh. là ai, chúng tôi xin mượn lời bạn Vũ Huy Quang trong bài bạt tập truyện *Cây Gậy Làm Mưa* để giải đáp (chỉ ghi thêm: Đỗ Kh. sinh tại Hải Phòng, sau 1954).

Ba mươi ba tuổi, Đỗ Kh. cho ra đời tập truyện ngắn đầu tay của ông. (Nhưng không là tác phẩm đầu tay: "La Praxis du Dr Yov" truyện dài bằng Pháp Ngữ chưa xuất bản).

Đầu tiên, hấp thụ văn hóa Pháp, du học rất sớm, cựu sinh viên Institut d' Etudes Politiques, rồi bỏ trường, rồi thất bại trong việc nhập học ENS Ulm, Đỗ lên đường, đi bộ với náo nức của tò mò, của đường xa: đi tìm Kathmandu thánh địa hành hương của những người đi đường trong thập niên 70 mà không đến được. Đỗ sống ít lâu ở Bắc Âu. Tới năm 19 tuổi về Việt Nam, đột ngột đăng lính. Cấp bực binh nhì, đơn vị tác chiến của một sư đoàn bộ binh vùng III. Chưa đầy năm, bỏ lính, kính đen vắt vẻo ngồi Cercle Sportif nhìn Nam Việt Nam sụp đổ. Đỗ Kh. lưu lạc sang Âu Châu, rồi Mỹ Châu. Thực hiện hai phim tài liệu, Bến Tạm Tại Hương Cảng *(86), về tỵ nạn thuyền nhân,* Lebanon, a Summer Chronicle *(82), về biến động ở Beirut.*

Khi CÂY GẬY LÀM MƯA xuất hiện, Đỗ Kh. cộng tác bán thời gian cho nhật báo Người Việt, Nam California. Cũng không phải lần đầu tiên làm báo, đã có thời, Đỗ viết free lance cho các báo Pháp.

Hiện nay Đỗ Kh. làm kinh tế, kinh doanh, đi đi về về California và Paris, thỉnh thoảng tạt qua Sài Gòn. Bề ngoài sang và sướng. Bề ngoài.

Có người nói truyện Đỗ Kh. không đầu không đuôi. Tôi không có cảm giác ấy: với tôi tập truyện *Không Khí Thời Chưa Chiến* là một kiến trúc hữu

cơ; mỗi truyện đều được cấu trúc chặt chẽ, và toàn thể tám truyện dựng nên tám hướng không gian đồng quy về truyện trung tâm là *Niềm Vui Sở Hữu*, chuyện người chơi bút máy, từ cây bút bi xanh đỏ đến những cây bút mực nhiều kiểu nhiều hiệu trên thế giới. Đoạn kết có thể tóm lược tư tưởng Đỗ Kh.

"Bắt đầu là cây viết

Nhưng ê chưa hết còn những thứ lỉnh kỉnh khác, những thứ rắc rối hơn (...) Những thứ nhiều hãnh diện, biết nói biết cười, ấy vợ, ấy con. Những thứ đanh đóng cột, quê hương, lôi thôi chủ nghĩa, chân lý, sự thật, vũ trụ và cuộc đời. Bằng thứ ấy hắn tự giới hạn, giờ thì chỉ còn có ở cây viết.

Hắn chẳng biết, cái bé thì vui bé, cái lớn vui lớn, thật ra những cây viết trong đời, cây nào mà chẳng vui, tuy rằng sẽ có lúc không vừa ý.

Của tôi, anh thấy chưa. Hạnh phúc, chỉ vậy thôi."

Vui ở chữ tôi, bắt đầu là cây viết.(tr 68)

Đoạn văn tổng hợp hé cho ta thấy tâm hồn Đỗ Kh., tài hoa, thâm thúy, khoáng đạt và hiền triết. Niềm vui, nói là cây viết không phải là cây bút thật ra là sự viết. Viết cái mình sống. Sống cái mình viết. *"Vui ở chữ tôi"* chưa bằng tôi ở chữ vui.

Trong *Không Khí Thời Chưa Chiến*, Đỗ Kh. cứ hoài nghi, thậm chí có khước từ một số giá trị cơ bản của truyền thông. Nhưng thái độ từ khước không tiêu cực. Ngược lại còn tích cực vì nhân danh một *niềm vui* mới, một *hạnh phúc* mới, đơn giản và điềm đạm. Hiện nay, không phải mấy nhà văn nhà thơ tin vào niềm vui và hạnh phúc như Đỗ Kh. đã ngay thẳng tuyên bố. Tác phẩm anh lành mạnh, xây dựng ở chỗ đó: Nó xác minh được tự do và hạnh phúc con người trong một thời đại mới, trên một thế giới mới, Thế giới ấy, xưa kia bao la, bây giờ vào truyện Đỗ Kh. thân thuộc như cảnh làng quê có ao Sen, có trúc mọc đầu đình, với câu chuyện ngọt bùi ấm lạnh, mưa hè nắng chái. Đỗ Kh. đưa những địa danh xa lạ vào khung cảnh thân mật. Mai kia những Beyrut, Paris, Santa Ana của Đỗ Kh. sẽ trở thành những Tiêu Tương, những Tầm Dương, hay là những Chùa Hương, Kinh Vĩnh Tế ngày nay.

Đóng góp của Đỗ Kh. vào tư tưởng, tình cảm Việt Nam là quan trọng. Đóng góp của anh vào ngôn ngữ và văn học không nhỏ. Tôi mừng anh. Kỳ thực là mừng nhau. Mừng nhau khi vườn nghèo, khi vườn nhau còn tằn tiện nở được cho nhau một cành hoa. Thứ hoa lạ của loài hoa đẹp. Một cánh hoa hẹn ước rừng hoa. Đóa hoa tươi cho những cặp môi gần. Rặng hoa gần cho một chặng đường xa.

ĐẶNG TIẾN

28-02-1994



LÊ THỊ THẤM VÂN

yêu đương

Anh,
cùng cái lưỡi ngọt ngào
em hút vào, hút vào
rồi giữ chặt

Hang thật sâu
trong đêm thâu
không còn ngõ thoát
cho hai ta

Gặp nhau
trong hang sâu
trong đêm thâu
nhầy nhụa
đẫm ướt sương
nồng mùi hương ân ái

Ngọn thủy triều dâng cao
ơi! em ngụp lặn
sóng nhấp nhô
lồng ngực em vỡ tung muôn triệu mảnh

Trong hang sâu
trong đêm thâu
vệt tinh cầu
từ tròng mắt hai ta
soi rọi
nương nhau
chở che

Anh, ngoài kia là dông bão

LÊ THỊ THẤM VÂN



TRẦN ĐẠO

thằng bắt quỷ, ba mươi năm nung một ngọn lửa



Claude Simon, giải Nobel văn chương cuối cùng của Pháp, có một lối hành văn độc đáo, viết hàng chục trang không dùng chấm, phẩy. Trong những tác phẩm đầu tay, ông đã viết như vậy. Hàng chục năm sau ông mới sáng tác được một tác phẩm đẹp, hoàn chỉnh như *La Route Des Flandres*. Đủ thấy, tạo một phong cách nghệ thuật chẳng phải chuyện chơi. Phải có biết bao ngòi bút "mới mẻ", "hiện đại", lặng lẽ trôi theo dòng chẩy ồ ạt, vĩnh viễn của thời trang, mới có được một phong cách nghệ thuật đi vào văn học và, cuối cùng, trở thành văn hoá, vốn chung của một dân tộc, của loài người.

Trong những phong cách viết văn, phong cách viết khó trở thành nghệ thuật nhất là viết văn kinh điển. Nhưng nhà văn sử dụng bút pháp ấy, khi thành công, ắt là nhà văn lớn. Ở Pháp, St Exupéry, André Gide, Albert Camus, J. P. Sartre đều là những ngòi bút kinh điển, xét về bút pháp, thoạt tiên không có gì mới lạ, là tiếng Pháp bình thường, quen thuộc, dễ hiểu. Aragon là một trong mấy nhà thơ, nhà văn lớn của Pháp trong thế kỷ 20. Về quan điểm nghệ thuật, ông xuất thân trong phái siêu thực (*surréalisme*). Về thực chất, thơ văn của ông cũng kinh điển.

Tại sao văn kinh điển khó thành văn, đòi hỏi một khả năng nghệ thuật lớn? Tại nó kinh điển. Ngôn ngữ kinh điển chính là ngôn ngữ văn chương đã biến thành văn hoá, biến thành của chung phổ biến của một cộng đồng người, thành tâm hồn của một nền văn học.

Thử xem tiếng Pháp ngày nay chẳng hạn. Phải mấy trăm năm mới hình thành ra nó, qua những ngòi bút trứ danh. Văn Rabelais, ta đọc, hiểu được lõm bõm. Văn Montaigne đã dễ hiểu hơn, đọc qua ta đã nhận diện được những bước đầu của thời hiện đại. Văn Descartes, cơ bản đã là tiếng Pháp ngày nay. Rồi Racine, Molière, Bossuet. Rồi Voltaire, Rousseau, Diderot, Montesquieu... Tới thế kỷ 18, coi như tiếng Pháp hiện đại đã hình thành. Người Pháp, ngày nay, cơ bản dùng ngôn ngữ ấy. Học xong tú tài, ai cũng sử dụng được. Khi cần, có thể thuê người viết tiểu sử, không thiếu người viết rất tình cảm, hấp dẫn, trong sáng, nhẹ nhàng, lâm li, bi đát, tóm lại, rất đạt, mà chẳng thành văn. Ngôn ngữ của những cây bút trên đã trở thành kinh điển, trở thành ngôn ngữ chung của người Pháp vì họ có một điều gì mới, hay ít nhất, đáng nói với đời, và điều họ cần nói buộc họ bắt ngôn ngữ thay hình đổi dạng. Một trong những điều họ cần nói với đời là niềm tin của họ vào lý trí của con người. Khía cạnh duy lý trong văn phạm Pháp xuất phát từ đó.

Tiếng Việt ta dùng hôm nay, cơ bản hình thành qua ngòi bút của khoảng 100 nhà văn, nhà thơ, nhà báo... trong những năm 1925-1945. Những tác giả ấy, ngày nay, cũng đã trở thành kinh điển. Họ cũng có điều đáng nói với nền văn học cổ truyền của Việt Nam, khiến họ phải thay đổi và phát triển tiếng Việt: hãy đón nhận khoa học, kỹ thuật và những giá trị tư tưởng, nghệ thuật của các nền văn minh Tây âu.

Tiếng Việt hình thành trong những năm ấy, qua những cây bút ấy, đã trở thành tiếng nói hàng ngày của chúng ta. Dó đó, ta có cảm tưởng, viết như thế ai cũng viết được, học viết được. Và có thế thật. Sách cặp vào trường, học viết tiếng Việt, ta học viết ngôn ngữ ấy. Có học trò giỏi, có học trò kém. Hơn thua nhau ở chỗ diễn tả một cách khéo, gọn, chặt chẽ, khúc triết, trong sáng, linh động, tình tứ, thậm chí "khỏe", v.v., như nhà báo thường hay khen nhà văn. Cũng vì vậy, có hằng hà sa số tác phẩm viết như thế, rất đạt, chẳng có bao nhiêu tồn tại lâu dài, đi vào văn học, trở thành văn hoá. Flaubert thường hỏi những mầm non nghệ thuật tìm gặp ông: *Avez-vous quelque chose à direá? (Anh có gì để nói với đời không?)*. Một câu hỏi thật bất ngờ, từ một nhà văn nổi tiếng chú trọng hình thức trong bút Pháp, có thể phân vân hai tiếng rưỡi đồng hồ về nơi đặt mội dấu phẩy trong một câu văn! Ông có lý, và sâu sắc. Tính văn chương không đơn thuần ở kỹ thuật vận dụng ngôn ngữ. Khi ta không có gì để nói, đáng nói với đời, ít nhất ở mức tiềm thức, càng mài dũa, càng bóng bẩy, văn càng sáo. Dĩ nhiên, tính văn chương của một tác phẩm cũng không đơn thuần ở nội dung tư tưởng. Khoảng khắc văn chương hình thành là một giây phút thần tiên, lúc một tư tưởng, một sắc thái tình cảm đột nhiên sáng tạo một hình thái ngôn ngữ, khiến chúng hiện thực hoàn chỉnh trong thế giới tinh thần của con người, và do đó khiến ngôn ngữ của con người chuyển mình, vươn tới một chân trời được mở rộng. Khi hình thái ấy hoàn toàn mới lạ, sự vận động của nó nhẹ nhàng. Khi hình thái ấy là ngôn ngữ kinh điển, sự vươn mình kia khó khăn hơn: nó phải kéo theo nó một quá

khứ khổng lồ. Ngược lại, nhờ đó mà nó có trọng lượng, và mau chóng biết thành văn hoá của một dân tộc, có khi của cả nhân loại. Văn của Gide, Camus và Sartre mang tính chất đó, một tư tương rất mới lồng vào một bút pháp cổ điển và, vô hình chung, khiến tiếng Pháp chuyển mình. Thí dụ, từ *liberté (tự do)* trong tiếng Pháp ngày nay đã mang một sắc thái khác với xưa, và sắc thái ấy, khi đọc sách, khi nghe thiên hạ nói chuyện, nếu ta chịu khó chú ý, ta sẽ thấy nó mang dấu ấn của các nhà văn trên. Đương nhiên, nó cũng mang dấu ấn của nhiều tác giả khác, như Malraux chẳng hạn. Nếu tranh luận về khái niệm tự do, chẳng thiếu gì tác giả Pháp trong các môn "khoa học" nhân văn xứng đáng có mặt. Nếu nói về cảm nhận tự do trong cuộc sống, tuy họ đã chết, mấy nhà văn kia còn đang sống qua ta. Văn chương là nghệ thuật ở đó. Chính trị cũng vậy.

Văn Cung Tích Biền trong *Thằng Bắt Quỷ* thật là kinh điển, thẳng mạch văn thời hình thành tiếng Việt ngày nay, không mảy may kiểu cách. Người ngoại quốc, học trò, muốn học tiếng Việt kinh điển, có thể học trong tác phẩm của ông. Đơn giản, trong sáng, khúc triết, v.v. và v.v., nó là tiếng Việt thường ngày của người Việt, không có gì éo le, phức tạp, tế nhị, khó hiểu. Không có gì lạ lùng, huyền bí. Thế mà nó đã thành văn, đọc xong không thể quên được.

Điều nổi bật trong văn Cung Tích Biền là tiết kiệm ngôn ngữ. Ít có nhà văn Việt Nam nào bần tiện như ông. Đọc cả một quyển sách, không thấy có mấy câu thừa chữ. Cung Tích Biền biết giá trị của ngôn ngữ. Vì ông có điều đáng nói với đời, ít nhất đời người Việt. Điều đáng nói ấy là ngọn lửa soi sáng, nung đúc văn ông trong suốt ba mươi năm. Chính vì nó đáng nói, chính vì ông lấy đời mình nung đúc nó suốt ba mươi năm qua mà lời nói ấy biến thành văn, mà tình cảm đó biến thành nghệ thuật. Tính thống nhất và sự khác biệt giữa những truyện ngắn *Ngoại O, Dĩ An, Và Linh Hồn Tôi* (1965) và *Qua Sông* (1991) hay *Thằng Bắt Quỷ*, ở đó. Cùng một bút pháp, nhưng đã là hai thế giới, không chỉ khác nhau ở tình tiết câu chuyện, tình cảm, v.v., khác nhau ngay trong văn phong. Đọc *Ngoại O, Dĩ An, Và Linh Hồn Tôi* có thể mủi lòng, rớt nước mắt, tuỳ tính tình. Đọc *Qua Sông*, cứ phải thổn thức, miên man. Đọc *Thằng Bắt Quỷ* phải yêu nghệ thuật. Bút pháp vẫn là một, là văn kinh điển. Nhưng giọng văn đã khác hẳn, có trọng lượng của một đời người trong một thời đại, một nhân phận. Đọc truyện *Ngoại O, Dĩ An, Và Linh Hồn Tôi*, ta có thể thấy là một truyện tình cảm, đạo đức, viết đạt. Trong một nước lệ thuộc, một người chị hy sinh làm đĩ để gia đình, để em được làm người. Hết sức kinh điển, khác gì nội dung truyện Kiều? Nếu chỉ có bấy nhiêu sẽ không có hậu. Nếu ta chỉ thấy bấy nhiêu, ta chưa cảm được kích thước nghệ thuật của tác giả, vì ta chưa cảm và hiểu được đoạn văn này:

Tôi gọi chị là Liêm – cái tên cha mẹ đặt cho chị – thì chị cãi lại ngay. Chị nói: "Mày nhớ tao là con Dĩ An đây".

Nhiều khi chị có vẻ bình tĩnh và tâm sự với tôi: "Em này, chị muốn đến sự khổ đau cũng phải có tên gọi"

Một sự khổ đau chưa có tên gọi, là gì? Là một sự kiện trong muôn ngàn sự kiện xẩy ra từng giờ, từng khắc trong vũ trụ mênh mông, vô tận. Một sự kiện tự nhiên, vô nghĩa. Trong thế giới ấy, con người chỉ là một huyền thoại. Hành động sáng tạo, khẳng định nhân giới là hành động này: đặt một cái tên cho mọi sự, đưa nó vào ngôn ngữ, cho nó một kích thước tồn tại vượt tự nhiên, biến nó thành ý nghĩa, kiến thức, giá trị, thành nhân cách của con người xuyên qua các thế hệ. Nó đòi hỏi sự hiện diện của một tâm hồn, của nghệ thuật, của một nhà văn. Nói tới Kiều, ta biết ta là người, là đau khổ, và ta hiểu, trong đời, không có đau khổ nào hơn đau khổ này: *"Chị Dĩ An, chị đã đánh mất tương lai, đánh mất cả quá khứ"*. Cách đây ba mươi năm, Cung Tích Biền đã biết điều đó. Ông đã thấy rõ mối liên hệ nhân bản giữa quá khứ và tương lai trong cuộc sống hiện tại của con người. Có lẽ vì vậy, ba mươi năm sau, qua cuộc bể dâu, ông vẫn còn nghị lực cầm bút, tặng cho ta những truyện ngắn mới đây. Cũng có lẽ vì vậy văn ông kinh điển, bần tiện, ít khi thừa chữ: khi đã biết giá trị của ngôn ngữ, người ta chỉ dám dùng để nói điều đáng nói, và nói sao cho mọi người hiểu được.

Ba mươi năm sau, trong *Qua sông*, cái ý thức mới ở dạng kiến thức kia đã biến thành truyện. Trần Liêu trốn áp bức, bỏ làng, vượt sông, tìm tự do:

"Liêu đứng ở bờ sông quay mặt về hướng Bắc lạy ba lạy, lại day về hướng Nam bái ba bái. Thấy lạ, Cả hỏi: "Sao cha lạy phương Bắc mà chỉ bái phương Nam?" Liêu giải thích: "Phương Bắc là tổ tiên linh hồn giống nòi ta". Út nói: "Theo con thì cha phải lại phương Nam. Phải lạy cái tương lai. Còn quá khứ thì xá xá nó là vừa!" Liêu cúi mặt, thở dài, nhìn con."

Tiếng thở dài kia không chỉ biểu hiện ba mươi năm quần quại của một cuộc sống. Nó còn thể hiện những giá trị từ nghìn xưa vọng lại hôm nay qua tiếng Việt, và nỗi lo âu cho tương lai (nhìn con) của những giá trị ấy.

Ở Cung Tích Biền, nỗi lo âu không bao giờ thu hẹp trong sự tồn sinh trước mắt:

"Đối với gia đình Trần Liêu, con sông Thu giờ đây là một cõi lưỡng nghi hỗn độn: bờ Bắc thì mịt mờ, bờ Nam thì xa ngàn dặm. Dứt bỏ dĩ vãng mà không có tương lai."

Chính vì thế, khi đặt chân xuống một hoang đảo, nơi *"không có dấu hiệu rằng con người đã từng sống hoặc từng qua đây. Người mẹ hiểu rằng gia đình đang rơi vào một tình thế hiểm nguy"*. Và *"Bà tìm một chỗ bằng phẳng sạch sẽ, trong hang đá –để thiết cái bàn thờ tổ tiên"*. Bà không có khả năng ngăn cản

"thời gian lấy dần thịt da máu tủy người", nhưng bà không cho phép nó lấy luôn cả linh hồn người. Bà biết, thời gian của người có kích thước vượt thời gian của sự vật và sự sống. Do đó bà có thể thản nhiên nói:

"– Nếu tôi chết, rất mong mình và các con ăn thịt tôi mà sống qua ngày."

Và trả lời Trần Liêu:

"– Sao là vô đạo? Tôi là vũ trụ tạo ra chúng. Lúc nằm trong bụng tôi, chúng chẳng từng hút máu tôi, thở trong tôi, ăn hút tủy xương tôi đó sao? Khi là bào thai lại hoang vu ăn thịt người, lúc thành người lại mang đạo đức ra trá hình đối với những dâng hiến cuối cùng."

Nhân tính của con người bắt nguồn ở đó. Bào thai hoang vu biến thành người qua sự dâng hiến ấy, mở đường cho con người, từ thế hệ này qua thế hệ khác, *"làm cái việc muôn đời cho muôn người"*. Và ngôn ngữ cũng biến thành văn qua mẩu chuyện hoang đường thiết thân này.

Vì thế, cha con Trần Liêu không chỉ *"khắc đá dựng bia trên mộ người mẹ"*. Họ còn *"tìm cách để lại trong hang đá những ký hiệu, những lời dặn dò mong hướng dẫn những kẻ không may sau này lạc vào hoang đảo như họ."* Họ làm cái việc mà cách đây ba mươi năm chị Dĩ An đã làm, một cách tích cực hơn: lập những ký hiệu ghi danh sự bất hạnh để gỡ xiềng xích cho người sau.

Con người phải biết lạy phương Bắc, vái phương Nam trong giây phút qua sông, mới biết, khi tìm về được quê hương, nói với con :

"– Các con, hãy vui sống để làm lại tất cả. Chúng ta **đang và sẽ bắt đầu.** *Dẫu là trong đêm tối mịt mùng, nhưng trên quê nhà, hôm nay ta đốt được một ngọn lửa hồng."*

Mỗi con người, mỗi cuộc sống, từng giờ, từng khắc, là một cuộc khởi hành hoàn toàn mới lạ của nhân loại. Vì vậy, chúng ta vĩnh viễn đang và sẽ bắt đầu. Chúng ta có thể phải bắt đầu với hai bàn tay trắng. Chúng ta không bao giờ phải bắt đầu với một bộ óc rỗng tuyếc, một con tim khô cằn, nếu chúng ta biết nuôi một ngọn lửa, ngọn lửa thiên thu. Vì nó *"có một linh hồn và một tác động vĩnh cửu"*. Vì *"Con cháu Người-Đốt-Lửa hãy còn"*. và *"Chúng ta ghi nhớ lại, cũng có nghĩa là sẽ đốt lên."*

Hình như trong bất cứ nền văn hoá nào cũng có truyện cổ tích đẹp về ngọn lửa. Engels cho rằng hiện tượng ấy ghi lại, dưới dạng huyền thoại, một kỷ niệm cơ bản của loài người, kỷ niệm khoảng khắc nó thoát thân phận súc sinh, biến thành người vì, lần đầu tiên, nó biết sử dụng thiên nhiên làm công cụ. Trong huyền thoại của người Hy Lạp cổ, ngọn lửa Prométhée trao lại cho con người là biểu tượng của lý trí. Truyện *Qua sông* của Cung Tích Biền

là truyện hay nhất, đẹp nhất, về một ngọn lửa mà tôi có dịp đọc trong văn chương Việt Nam. Thú vị thay, nó gắn lửa với nước, nước của người Việt. Nó có tầm vóc của một truyện, tầm vóc văn chương, vì Cùng Tích Biền không chỉ là người suy ngẫm sâu sắc, thâm trầm. Ông còn là một người sáng tác, một nghệ sĩ. Ông có điều đáng nói với đời. Điều đó ta có thể tìm trong đoạn cuối truyện *Thằng Bất Quỷ* :

"Tôi nói với Bất Quỷ: "Ta muốn biến Nước – Lửa thành Lời". Bất Quỷ cười, lại nói:"Tao ỉa vào bất cứ gì gọi là ngôn với ngữ. Thấy sóng đó không? Hữu âm vô ngôn, vậy mà nó muôn đời" [...] Bọn bay hát vài bài tặng người phương xa và tặng chị Trinh đi. Nhớ hát đàng hoàng. Đây không phải cái sân khấu đèn màu. Đứa nào hát dỏm tao vặn họng".

Ngọn lửa của Cung Tích Biền, dĩ nhiên, là ngọn lửa của "Tình Người", của giống nòi, truyền thống, văn hoá, của những gì tái tạo và sáng tạo nhân cách của ta. Chính vì thế, văn ông không mảy may đượm tính thù hận, hằn học, và truyện *Thừa Dư* là một truyện đậm tình hòa hợp. Cũng vì thế nó không thể thể hiện được bằng kỹ thuật, bằng ngôn ngữ sáo, bằng giọng "hát dỏm", hát cho "sân khấu đèn màu". Nó cần ngọn lửa nghệ thuật, nung đúc ngôn ngữ suốt ba mươi năm, kết tinh thành giọng văn "đàng hoàng", để lại cho đời tâm tư, lý trí, tấm lòng của một nhà văn, một người nghệ sĩ đích thực. Quả là điều đáng nói với đời.

TRẦN ĐẠO



PHẠM VIỆT CƯỜNG *thực hiện*

trong võng lưới của phạm trù khái niệm tây phương

(Nói chuyện với Nguyễn Hữu Liêm, tác giả **Tự Do và Đạo Lý**)



Luật sư Nguyễn Hữu Liêm

LTS: *Luật sư Nguyễn Hữu Liêm, tác giả của* Dân Chủ Pháp Trị *xuất bản vào năm 1991. Nay, ông lại vừa cho ra đời một tác phẩm khác:* Tự Do Và Đạo Lý (Hegel, Lão Tử Và Triết Học Pháp Lý), *một tác phẩm khá đồ sộ (non 700 trang với khổ chữ nhỏ). Để có thể hiểu hơn về công trình biên khảo qui mô này, tòa soạn đã nhờ nhà thơ Phạm Việt Cường tìm gặp, phỏng vấn tác giả, đồng thời giớ thiệu đến bạn dọc dưới đây.*

Tưởng cũng cần nhắc lại: Luật sư Nguyễn Hữu Liêm sinh năm 1955 tại Quảng Trị. Đến Mỹ tháng 5 năm 1975, tốt nghiệp Cử Nhân Kinh Tế Nông Nghiệp từ Oklahoma State University (1978); Cao Học Chính Sách và Quản Trị Công Quyền từ Lyndon B. Johnson School of Public Affairs, University of Texas (1981); và Tiến Sĩ Luật Khoa từ University of California, Hastings College of The Law (1987). Đã từng làm việc cho Bộ Tư Pháp tiểu bang California, Tòa Kháng Án Liên bang Hoa Kỳ; và giữ chức vụ Phó Biện Lý của hạt Santa Cruz, California. Hiện nay ông đang hành nghề luật sư tại San Jose.

Hợp Lưu



PHẠM VIỆT CƯỜNG: *có sự mạch lạc và liên tục nào về mặt tư tưởng*

hoặc lý thuyết từ quyển sách trước của anh là Dân Chủ Pháp Trị đến tác phẩm mới Tự Do và Đạo Lý không?

NGUYỄN HỮU LIÊM: Dân Chủ Pháp Trị cung cấp một nền tảng lý luận căn bản về chính trị và luật pháp; còn Tự Do Và Đạo Lý là sự hoàn tất của nền tảng lý luận đó bằng triết học.

– Tự Do Và Đạo Lý còn có tiểu đề là Hegel, Lão Tử Và Triết Học Pháp Lý. Tại sao anh lại chọn Hegel và Lão Tử mà không chọn các triết gia nào khác để trình bày những suy nghĩ của mình?

– Sau khi nghiên cứu triết học pháp lý Tây Phương, tôi chỉ thấy Hegel, với cuốn Pháp Triết, là đã cung cấp thỏa mãn một nền tảng bản thể học cho pháp luật bằng hệ thống suy lý huyền nhiệm và logic. Tất cả các triết gia khác, kể cả Kant, chỉ dừng lại ở biên giới của lý luận trên căn bản kiến thức mà thôi. Tuy nhiên, vấn đề của logic Hegel là sự vắng mặt của một chiếc neo căn tính, một ngọn hải đăng cho năng lực chuyển động của con người, xã hội và quốc gia. Tôi không muốn bị rơi vào ngõ cụt của thần học Tây Phương để chấp nhận một khái niệm "thượng đế" như là một căn tính tối hậu cho pháp lý vì như thế chỉ củng cố cái tính rỗng không của pháp luật. Từ nhận thức đó, ý niệm Đạo Lý từ triết học Lão Tử đã được tôi sử dụng như là một sự sung thực cho nội dung pháp triết Hegel.

– Nhưng khái niệm "Đạo" và "Đạo Lý" của Lão Tử đâu có liên hệ gì đến pháp lý?

– "Đạo Lý" của Lão Tử bao gồm tất cả: "Tất cả đều từ Đạo, trong Đạo và trở về với Đạo". Tuy nhiên, khuyết điểm của triết học Lão Tử, hay của Đông Phương, là sự thiếu vắng một hệ thống giải thích những tiền đề khái niệm triết học thành những mệnh đề của giá trị thực tại. Lão Tử đã cung cấp một phạm trù khái niệm về đạo đức như là những mệnh lệnh hiện hữu nhưng chưa phát huy thành một hệ thống của phạm trù logic để giải thích thế giới đang là. Vì thế mà tất cả những người nghiên cứu triết học Á Đông đều phải dựa vào triết học Tây Phương để khai sáng vấn đề. Chữ "Đạo" của Lão Tử chỉ là một khái niệm rất tổng quan, vì vậy, hệ thống logic Hegel cần phải được sử dụng để khai triển nền tảng khái niệm của Lão Tử. Trong Tự Do Và Đạo Lý tôi muốn nhấn mạnh tiền đề: pháp luật là Đạo Lý hiện thực hóa chính mình bởi và qua con người và xã hội.

– Thế còn Phật Giáo?

– Không thể nói chuyện con người và xã hội Việt Nam mà không bàn đến ...hững phạm trù khái niệm về triết lý và nhân sinh quan phát xuất từ Phật ...o. Dựa trên Phật Giáo và Hegel, tôi phiên giải rằng Đạo Lý là năng lực ...hức mà lịch sử là tiến trình chuyển động của Đạo Lý qua năng lực tự ý ...a con người. Nhưng Phật Giáo cũng mang cái thiếu sót lớn, như Lão

Giáo, là không có một hệ thống triết học giải thích thực nghiệm tính của lịch sử, quốc gia, xã hội, luật pháp. Vì thế, những ai nói đến những khái niệm như "chính trị Phật Giáo" thì không khỏi bị rơi vào ngõ kẹt của lý luận. Vấn đề của triết học Á Đông là chỉ chú trọng vào cõi vượt thoát hiện hữu để mà bỏ rơi hiện trạng của xã hội và con người cho con khủng long thực tại. Vì vậy mà Á Châu phải bị đầu hàng Tây Phương từ khoa học, chính trị cho đến luật pháp.

– Nói như vậy thì Á Đông cần Âu Mỹ chứ không có ngược lại?

– Trên phương diện xã hội, chính trị, pháp luật thì điều đó đúng. Con người và văn minh Á Đông không thể chủ động và cai quản chính mình mà không thể không nhờ vào hệ thống khái niệm của Âu Tây. Hãy nhìn vào những vấn đề trước mắt, từ y phục, kỹ thuật, tổ chức, văn hóa, Á Đông chúng ta bị chìm đắm bởi năng lực khái niệm và hình tướng Âu Mỹ. Nếu chúng ta mang một mặc cảm về văn minh Đông Tây thì đây là mối nhục lớn của thời đại cho chúng ta mà tôi chưa thấy khả thể tính đảo ngược trong suốt cả thế kỷ tới.

– Sự "thua sút" này phát xuất từ đâu và vì sao?

– Từ gốc rễ của văn minh Âu Mỹ hiện nay, triết học Hy Lạp và Do Thái đã khởi đi bởi cách nhìn hiện hữu như là một thực tại để chấp nhận và khai phá; trong khi đó, văn minh Á Đông, với gánh nặng triết học Ấn Độ và Trung Hoa, nhất là Ấn Độ, lại chỉ nhìn tới thực tại để mà phủ định và vươn thoát. Dân Do Thái, nói như Nietzsche, thì muốn hiện hữu bằng bất cứ giá nào; còn dân Ấn Độ thì muốn từ bỏ hiện hữu bằng mọi giá. Ngã rẽ của năng động tâm thức phát xuất từ đó. Gần đây Heidegger của Đức có đặt lại vấn đề văn minh Tây Phương trên căn bản khái niệm Being/Sein mà từ triết học Hy Lạp đã quyết định bản sắc của Tây Phương như hiện nay. Tôi chưa thấy ai đặt vấn đề tương tự cho Á Châu. Con người Á Châu - từ sau thế kỷ thứ Mười - chỉ còn có giỏi phụ họa "kinh sách" của "thánh hiền" mà không có cái can đảm để đặt lại vấn đề. Như Phật Giáo và Khổng Giáo là hai hệ thống triết học có rất nhiều vấn đề cần phải được mổ xẻ một cách nghiêm chỉnh và khách quan trên căn bản nhận thức mới của con người thời đại, nhưng chúng ta biến chúng thành linh thiêng và không cho phép sự thảo luận bình tĩnh được. Đến thế kỷ thứ Mười Lăm thì năng động tâm thức Tây Âu được cất cánh bằng những phạm trù khái niệm cho thực tại hiện hữu để rồi khoa học, kỹ thuật, chính trị được cất cánh. Còn Á Đông chúng ta vẫn còn nằm trong bóng tối của cái gọi là "đạo học" của "thánh hiền" mơ hồ bởi trực giác chứ chưa được hiện thực hóa qua những phạm trù khái niệm lý tính thực dụng. Đến bây giờ thì chúng ta đã thấy suốt cả thế kỷ qua, cái logical necessity của thời đại đã được Tây Phương nắm lấy và chúng ta phải bị nằm trong võng lưới của họ mà thôi. Con người Á đông đã đánh mất danh tính của mình một cách không

kèn, không trống nhưng rất là bi đát.

– Thế thì tại sao Tây Phương gần đây đang tìm lại Lão Tử, Khổng Giáo và nhất là Phật Giáo để làm hành trang ý thức cho họ - như vậy thì Tây Âu đang chạy theo Đông Phương?

– Cái hay của con người Tây Phương là tính nghiêm chỉnh và khách quan trong nỗ lực học hỏi và khai phá của họ. Triết học Ấn Độ, Hi Lạp được khai sáng gần đây nhờ vào sự nghiên cứu có hệ thống và phương pháp của các học giả Tây Phương. Một số đông tìm đến Phật Giáo như là một ngã rẽ cho tinh thần. Nhưng Tây Phương chỉ đến với chúng ta như là một vị khách lịch sự, tôn trọng giá trị đặc thù trên căn bản khách quan, nhưng họ không bị hoàn toàn bị chi phối bởi triết lý Á Đông. Có thể có những cuốn sách như The Tao of Physics, The Confucius Work Ethics nhưng chúng không mang một nội dung mệnh lệnh thời đại có tính thiết yếu như trường hợp chúng ta phải cưu mang toàn triệt những khái niệm về "dân chủ", về "nhân quyền", về "khoa học", về "kỷ thuật" của Tây Phương. Chúng ta đang định danh chính mình bằng phạm trù khái niệm Tây Phương; ngược lại, Tây Phương không vướng phải vấn nạn đó khi họ đối diện và tìm hiểu những giá trị văn hóa và tư tưởng của Đông Phương.

–Anh thấy có cần thiết phải vạch ra và làm sâu đậm thêm cái ranh giới giữa Tây và Đông không?

– Có thể chúng ta không cần phải nêu lên vì chúng ta đã bị đồng hóa. Nhưng trên một phương diện khác, Âu Tây cũng rất ít khi nêu lên biên giới Hy Lạp và Tây Âu. Điều mà chúng ta phải biết đến là sự chủ động của ý thức đối với thực tại khách quan và lịch sử trên phạm trù khái niệm. Đừng có la hoảng những khẩu hiệu chính trị hay khoa học mà không ý thức được bản chất khái niệm và bối cảnh lịch sử của vấn đề. Trí thức Á Đông thời đại trước thì ôm đọc thuộc lòng "kinh điển" "thánh hiền" để tôn thờ; thời đại nầy thì ôm khái niệm của Tây Phương để hiện hữu. Chúng ta như những con múa rối trước sức mạnh của những phạm trù khái niệm của thời đại mà chúng ta không hề ý thức đến.

– Như vậy thì anh có vẻ bi quan, nhưng mà có thể có một khả thể văn minh mới khác với bản sắc văn minh Tây Phương hiện đại?

– Cái khó khăn trong ngay cả sự hình dung ra một khả thể văn minh mới chứng tỏ rằng văn minh Tây Phương hiện đại đã mạnh như thế nào và sự khủng hoảng của tư duy Á Đông sâu đậm đến mức nào. Một số trí thức Việt Nam hoài tưởng đến một quá khứ giản dị, trong một nền văn minh nông nghiệp mà những dịnh chế xã hội bảo thủ và chính trị vương quyền như là một mô hình lý tưởng. Nhưng dĩ nhiên đó chỉ là ảo tưởng. Cái khó là Á Đông đang phải đương đầu với năng động ý thức mới của con người khi cánh cửa

khái niệm của Tây Phương đã được rộng mở mà tất cả chúng ta đã bước qua nó.

– Tại sao chúng ta không tái định nghĩa những phạm trù khái niệm đến từ Tây Phương trên căn bản tâm thức Á Đông? Có thể có một nền văn minh Á Đông mà khái niệm Tây Phương chỉ là phương tiện?

– Tôi sợ là chúng ta không thể phân biệt hay minh xác được sự khác biệt giữa bản chất văn minh và phạm trù khái niệm cho thực tế xã hội. Chúng ta không thể xây dựng một quốc gia Phật Giáo trên căn bản chính trị dân chủ và hệ thống pháp luật Tây Phương. Một bộ luật hình sự có thể tiến bộ về tính chất nhân bản trên khái niệm "từ bi" của Phật Giáo, nhưng khái niệm "pháp trị" theo mô thức Tây Phương đã nắm cái căn bản của vấn đề rồi. Có thể vì một lý do nhỏ nào đó, chúng ta phải tự xác định lại danh tính của chúng ta một cách phụ thuộc, như xây một cao ốc bằng thép và kiếng theo tiêu chuẩn Tây Phương nhưng ở cuối góc cao nhất thì làm cong mái ngói một ít như là để đỡ "tủi thân". Đây không phải chỉ là vấn đề của Á Đông, mà thế giới Hồi Giáo cũng đang đi vào vấn đề nầy mà V. S. Naipaul có nói lên rất nhiều lần.

– Như thế thì có phải mệnh lệnh Đạo Lý thời đại nằm trong thiết yếu tính từ võng lưới khái niệm của Tây Phương?

– Gần đây Fukuyama, trên căn bản triết học Hegel, có nói tới tiền đề đó trên một phương cách khác nhưng nội dung thì cũng chỉ như thế: giá trị lịch sử tối hậu là của Tây Phương. Ở phần phụ lục của Tự Do Và Đạo Lý tôi có chỉ trích rất mạnh quan điểm nầy của Fukuyama. Nhưng tôi không thể đưa ra một tiền đề triết học nào khác để có thể phủ định hệ thống khái niệm cho thời đại của Tây Phương. Chúng ta đang bị mắc kẹt và đang vùng vẫy trong võng lưới nầy.

– Thế thì "làm sao bây giờ"? Chấp nhận như vậy vì không có cách nào hơn?

– Tôi mong ước có một triết gia mới cho Á Đông - như cỡ Aristotle cho Hy Lạp, Kant hay Hegel cho Âu Châu, Luther cho Thiên Chúa Giáo, Thích Ca Mâu Ni cho Ấn Độ, hay Khổng Tử cho Trung Hoa - xuất hiện ở Á Đông cho thời đại nầy để kiến tạo một phạm trù khái niệm mới cho triết học để khai mở một lộ trình tâm thức mới nhằm xây dựng một khả thể văn minh khác. Chúng ta chán ngấy Tây Phương cũng như chúng ta thất vọng về Đông Phương. Có ai đó sẽ cho chúng ta cái gì cao hơn, khác hơn hay không? Đó là ước vọng bi đát. Mỗi lần tôi về Việt Nam ước vọng nầy càng thôi thúc: dân tộc chúng ta đang rơi vào một khoảng trống lớn của tâm thức cho thời đại; mọi người, kể cả tầng lớp trí thức cao cấp, đều bị kiệt sức bởi lịch sử và hoàn cảnh để chỉ còn nhìn thấy thiết yếu tính của nhu cầu thực nghiệm như là chân lý tối hậu và không còn có gì hơn. Ở Việt Nam, văn minh Tây Phương đang được thể hiện như là một bệnh lý, còn nội dung Á Đông đang bị đào thải như chiếc áo rách. Chúng ta đang đứng bên bờ vực thẳm của ngày mai. Tôi không

biết là Việt Nam sẽ đi về đâu.

– Vậy là chính anh cũng đang rơi vào vũng lầy bi quan?

– Bi quan cũng có thể là một kiểu thời trang - nhưng lại là điều kiện cần thiết cho triết học. Bản chất của những thảm trạng của chúng ta hiện nay không hơn hay thua thảm trạng của thời đại hay con người bất cứ ở đâu, từ xưa đến nay. Vấn đề là phải ý thức được bản chất của thảm trạng để khỏi bị diệt vong như các nền văn minh khác trong lịch sử. Chúng ta không muốn phải định nghĩa chính mình bằng cái mà chúng ta đã mất trên căn bản phủ định với những phạm trù tư tưởng Tây Phương. Một hiện hữu có thể được định tính qua mức độ bận tâm của ý thức: chúng ta đang sống một cuộc đời mà sự bận tâm cho thiết yếu tính của nhu cầu thực nghiệm làm khô cạn ngọn đèn tư duy. Chúng ta phần đông không muốn sống một cuộc đời như vậy - nhưng văn minh Tây Phương buộc chúng ta phải hiện hữu như vậy mà thôi. Chúng ta biết rằng chúng ta đang thiếu sót một điều căn bản nào đó cho cuộc đời nhưng chúng ta không tìm ra cái mà chúng ta đã xác định bởi nỗ lực hiện hữu.

– Vậy thì anh đang làm những công việc nghiên cứu về pháp luật để làm gì?

– Tôi không thấy phương cách nào hơn là cố gắng đóng góp chút ít cho sự trưởng thành của cơ chế quốc gia và xã hội thực tế và hợp lý cho Việt Nam trên mô thức Âu Mỹ. Đây là sự chọn lựa khả thi nhất trong trạng huống thời đại. Ít nhất là pháp chế, dù bất cứ theo mô thức nào, thể hiện được Đạo Lý nhiều hơn là những phương cách khác. Việt Nam đang thiếu luật pháp, do đó, Đạo Lý vẫn chỉ còn là một thể tính ước vọng trừu tượng. Điều cần thiết là phải hiện thực hóa định hướng Đạo Lý bằng định chế thực tế cho quốc gia và xã hội.

– Anh có nghĩ rằng Việt Nam có thể trở thành một quốc gia pháp trị không?

– Đó là điều hy vọng của mọi người; nhưng đây là một định hướng cho con người và xã hội vốn sẽ đòi hỏi một tiến trình chuyển hướng chậm và lâu dài. Pháp trị hóa xã hội đòi hỏi sự phát huy và trưởng thành toàn bộ từ con người, văn hóa tập thể đến cơ chế tổ chức. Khi luật pháp đã trở thành một năng động tính căn bản cho văn hóa và tổ chức thì đời sống kinh tế vật chất được thăng tiến, để từ đó, năng lực trí thức của dân tộc mới được thăng hoa. Khi trình độ dân trí đã cao thì mức độ tự ý thức càng cao, khi đó, Đạo Lý là nội dung kỷ luật tự chế hữu lý - luật pháp - mà con người chủ động cho chính mình. Đây là tính chất căn bản của một xã hội tự do. Khi con người đã được tự do thì triết học sẽ không còn cần thiết nữa. Lúc đó thì sự phân biệt giữa Đông và Tây cũng như tất cả mọi biên giới khác sẽ bị xóa bỏ. Triết gia sẽ trở thành thi sĩ, kỹ sư, cảnh sát viên, nông dân. Chúng ta cũng phải kỳ vọng như vậy cho Việt Nam.

PHẠM VIỆT CƯỜNG *thực hiện*



NHẬT TIẾN

vẫn quanh chuyện tuyển tập văn chương hải ngoại dự định ấn hành trong nước

Trong *Làng Văn* số 113, xuất bản tháng 1-1994 ở Canada, người chủ trương tạp chí ấy, ông Nguyễn Hữu Nghĩa có viết một đoạn như sau:

Nhà văn Nhật Tiến, người nhiệt thành tin tưởng vào chính sách cởi mở của nhà nước CSVN đã nhìn rõ sự thật: Con đường "giao lưu văn hóa" chỉ mở ra một chiều: chiều ra. Anh em trong văn giới tại Nam Cali cho biết, ông gom bài vở của một số cây bút ở hải ngoại, kiểm duyệt những đoạn có thể làm mếch lòng nhà nước, rồi quyên góp của các tác giả được 18.000 Mỹ Kim (mười tám ngàn Mỹ Kim - tòa soạn *Hợp Lưu* nhấn mạnh), *mang về chồng đủ cho cán bộ Hoàng Lại Giang của Hội Nhà Văn Việt Nam để xin xuất bản. Tiền thì Hội Nhà Văn nhận đủ, mà sách in cán bộ văn hóa cứ khất lần. Đến nay vẫn chưa thấy sách được ra mắt "bảy mươi triệu đồng bào quốc nội".*

Từ nhiều năm qua, ông Nguyễn Hữu Nghĩa đã dành khá nhiều bài báo, đoạn báo để xuyên tạc, bôi nhọ cá nhân tôi, thậm chí ông còn đưa cả vào tác phẩm của mình nữa (cuốn *Dọn Đường Về Nước*!), nhưng chẳng bao giờ những lời lẽ của ông làm tôi bận tâm. Đó là lý do từ mấy năm qua, chưa bao giờ tôi lên tiếng một lần trước những luận điệu xuyên tạc, chụp mũ thường xuyên của ông Nghĩa.

Tuy nhiên có lẽ đây là lần đầu tiên, và cũng là lần sau cùng, tôi phải lên tiếng về bài báo kể trên, bởi nội vụ có liên quan đến danh dự và sự an nguy

của một người cầm bút trong nước, một người mà tôi đã từng tiếp xúc, trò chuyện, trao đổi trong chân tình, và sau những cuộc trò chuyện, trao đổi đó, tôi thực sự thấy nẩy nở một tình cảm quí trọng. Người đó là anh Hoàng Lại Giang, nhân vật được đề cập đến trong bài báo của ông Nghĩa, được hiểu như đã nhận đủ 18.000 Mỹ Kim do tôi trao lại để ấn hành cuốn *Tuyển Tập Văn Chương Hải Ngoại* do hai nhà xuất bản Tân Thư (ngoài nước) và Văn Học (trong nước) đứng tên chung.

Không có can đảm chịu trách nhiệm về những điều mình đã nêu ra, nên ông Nghĩa đã dùng bình phong "*Anh em trong văn giới Nam Cali*" để tung nhiều điều xuyên tạc:

1/ Số tiền 18.000 Mỹ Kim là do tôi quyên góp của các tác giả có tên trong *Tuyển Tập.*

2/ Tôi đã trao 18.000 Mỹ Kim đó cho anh Hoàng Lại Giang của Hội Nhà Văn Việt Nam.

3/ Hội Nhà Văn Việt Nam đã nhận đủ tiền mà chưa thấy sách ra mắt.

4/ Tôi kiểm duyệt tác phẩm của anh em văn nghệ sĩ tham dự *Tuyển Tập* để bỏ những đoạn có thể làm mếch lòng nhà nước CSVN.

Cả bốn điều nói trên đều là những điều bịa đặt với một thâm ý độc ác rõ rệt. Bởi vì:

1/ Người chủ xướng việc xuất bản *Tuyển Tập Văn Chương Hải Ngoại* dự định phát hành trong nước là họa sĩ Khánh Trường, người điều hành nhà xuất *Tân Thư*. Chính họa sĩ KT đã xúc tiến công việc, liên lạc với các văn nghệ sĩ ở hải ngoại (trên 30 người), thu thập bài vở, quyên góp tiền bạc, và trực tiếp giao dịch trên văn thư giấy tờ với nhà xuất bản Văn Học. Tôi chỉ đóng vai trò trung gian, làm cây cầu nối giữa hai nhà xuất bản ấy mà thôi. Điều này các nhà văn, nhà thơ có tên trong *Tuyển Tập* hẳn biết. Và điều này tôi cũng đã nêu rõ trong *Đối Thoại* số 1.

2/ Số tiền quyên góp được (người 50, kẻ 100 Mỹ Kim, của gồm năm bảy em chị em thân tình với họa sĩ Khánh Trường, kể cả những người không có mặt trong tuyển tập) tổng cộng được 1.200 Mỹ Kim. Nhưng theo kết toán (in ấn, quảng cáo, phát hành...) phải tốn ngót 2.000 Mỹ Kim. Như vậy, nhà Tân Thư đương nhiên chịu trách nhiệm khoảng thiếu hụt còn lại. Nói rõ hơn, phí khoản dự chi toàn phần cho *Tuyển Tập* là 2.000 Mỹ Kim, chứ không phải 18.000 Mỹ Kim. Mười- tám-nghìn-Mỹ-Kim! Một con số vừa vô lý vừa hàm hồ đến độ quái gỡ. Một con số nói lên ý đồ độc ác của người viết, nhằm gây hoang mang dư luận trong văn giới hải ngoại, và mượn tay nhà nước Việt Nam triệt hạ nhà văn Hoàng Lại Giang (hiện nay phong trào bài trừ tham ô đang phát động tại nội địa, với số tiền "to" ấy, thì rõ ràng Hoàng Lại Giang đã "ăn hối lộ", để "cấu kết" với "bọn phản động nước ngoài" hầu tìm cách đưa các sản phẩm "văn hóa đồi trụy" vào trong nước! Về mặt chia rẽ, xuyên tạc, vu khống.., ông Nghĩa rất xứng đáng là tay "kiện tướng" tại hải ngoại!

3/ Số tiền ấy, tôi giao cho một thân nhân ở trong nước giữ, với lời nhắn,

chỉ khi nào sách khởi sự in thì mới chi tiền ra. Sách chưa in, tiền vẫn còn đó. Nhà văn Hoàng Lại Giang tuyệt nhiên chưa cầm một đồng xu trong món kia, và hơn thế, ông chẳng dính dáng một chút nào với Hội Nhà Văn Việt Nam trong vụ này. Bởi vì việc ấn hành *Tuyển Tập* chỉ liên hệ giữa nhà Tân Thư (của họa sĩ Khánh trường) và nhà Văn Học (do Hoàng Lại Giang làm đại diện ở phía Nam). Việc lôi Hội Nhà Văn Việt Nam vào nội vụ cũng lại là thủ đoạn xuyên tạc ác độc của ông Nghĩa.

Vào tháng 11 năm 1993, sau khi đánh giá tình hình cho thấy *Tuyển Tập* có thể bị giới cầm quyền bảo thủ trong nước kìm giữ, làm mất đi ý nghĩa "tiên phong", dễ bị dư luận trong, ngoài hiểu lầm là những người góp mặt trong *Tuyển Tập* đang "theo đuôi", "đón gió", bởi thấy tình hình chính trị giữa Mỹ và Việt Nam sắp có triển vọng bình thường, họa sĩ Khánh Trường đã gởi một văn thư tới nhà xuất bản Văn Học ở trong nước để chính thức yêu cầu hủy bỏ giao kèo xuất bản. Số tiền 2.000 Mỹ Kim quyên góp từ vài anh chị em và của nhà xuất bản Tân Thư dùng cho việc in *Tuyển Tập* cũng được chuyển ra nước ngoài và đã tới tay nhà xuất bản Tân Thư.

Họa sĩ KT sau khi nhận tiền, cũng đã hoàn lại đầy đủ cho các cá nhân đóng góp trước đây. Việc làm như vậy kể là hết sức minh bạch và sáng tỏ.

4/ Ông Nghĩa viết rằng tôi "*gom bài vở của một số cây bút ở hải ngoại, kiểm duyệt những đoạn có thể làm mếch lòng nhà nước*" trước khi cho in. Đây cũng lại là một thủ đoạn ngậm máu phun người. Bởi vì theo sự thỏa thuận giữa tác giả tham gia tuyển tập với nhà xuất bản Tân Thư, qua Khánh Trường, và đồng thời cũng là thỏa thuận giữa Tân Thư với Văn Học, thì tác phẩm của mỗi tác giả khi in ra, **không được sửa đổi một chữ nào**. Cá nhân tôi, Nhật Tiến, không hề có một liên hệ nào trong sự lựa chọn các tác phẩm, nên việc kiểm duyệt, cắt xén để *làm vừa lòng nhà nước CSVN* là điều hoàn toàn bịa đặt.

Không biết ông Nghĩa sẽ nại được tên tuổi của ai trong số "anh em trong văn giới Cali." để chạy tội của mình (cái tội dùng ngòi bút đánh lừa dư luận độc giả, nhất lại là độc giả của chính tờ báo do ông Nghĩa chủ trương), nhưng về phần tôi, thì những nhà văn, nhà thơ tham dự *Tuyển Tập* hiện vẫn còn đó (trừ Nguyễn Tất Nhiên, đã mất), bất cứ ai cũng có thể liên lạc với họ để kiểm chứng lại một cách dễ dàng. Danh sách của các vị này trước đây đã được công bố nhiều lần tên tập san *Hợp Lưu* để quảng cáo cho *Tuyển Tập*. Nay để tiện việc tham khảo, tôi xin trích lại một lần nữa. Đó là các vị xếp tên theo mẫu tự sau đây: Nguyễn Thị Hoàng Bắc, Lê Bi, Phạm Việt Cường, Võ Đình, Vũ Quỳnh N.H., Bùi Bích Hà, Phan Tấn Hải, Trần Diệu Hằng, Lê Thị Huệ, Vũ Quỳnh Hương, Khế Iêm, Đỗ Kh., Cao Đông Khánh, Ngọc Khôi, Trần Thị Kim Lan, Nguyễn Hoàng Nam, Hồ Đình Nghiêm, Định Nguyên (còn có bút hiệu Lưu Đình Vong dưới các bài thơ "chua", và là chủ bút một tuần báo... cực cực hữu tại Bolsa), Nguyễn Tất Nhiên, Nguyễn Thị Ngọc Nhung, Hoàng Khởi Phong, Chân Phương, Thường Quán, Vũ Huy Quang, Trân Sa, Hoàng

Xuân Sơn, Kiệt Tấn, Trịnh Y Thư, Nhật Tiến, Lê Giang Trần, Nguyễn Mạnh Trinh, Khánh Trường, Phan Thị Trọng Tuyến, Trần Vũ, Ngu Yên. Tổng cộng: 35 vị.

Nhân dây, tưởng cũng nên nhắc lại một chút về tính cách của các bài viết trong *Tuyển Tập*, trích từ "*Lời Nhà Xuất Bản*" (ký tên chung: Tân Thư và Văn Học) do cả hai bên soạn thảo, thỏa thuận, về nội dung:

"Tuyển Tập Văn Chương Hải Ngoại" *là một nỗ lực tập hợp và giới thiệu một số truyện ngắn và thơ của một số người viết ngoài nước. Những sáng tác được tuyển chọn và góp mặt nơi đây đã có được sự tham dự, góp ý và chọn lựa tích cực của chính các tác giả sau một thời gian làm việc với nhóm chủ trương nhà xuất bản Tân Thư.*

Những truyện ngắn và thơ tạo nên Tuyển Tập này là một phần rất nhỏ trong những thành tựu đã có của văn học hải ngoại, do đó chỉ phản ánh phần nào những tình cảm, nhận thức và kinh nghiệm của người viết, trong một hoàn cảnh sáng tác khác biệt với hoàn cảnh ở quê nhà. Hơn nữa, vì mỗi tác giả chỉ có cơ hội đóng góp một truyện ngắn hoặc ba bài thơ, nên chính các tác phẩm đó cũng không thể tiêu biểu trọn vẹn phong cách và khuynh hướng của họ."

(Trích "*Lời Nhà Xuất Bản*", trong *Tuyển Tập Văn Chương Hải Ngoại*, trang 8. Chưa ấn hành).

Hiển nhiên, vì nhà cầm quyền Việt Nam hiện nay ở VN *không hài lòng* với *Tuyển Tập* nên họ đã tìm cách kéo dài việc cho phép ấn hành. Số phận của nó, sau ba năm vận động tích cực, đã được nhà Tân Thư chủ động hủy bỏ. Đáng lẽ một *Tuyển Tập* khi chưa được in ra thì chẳng có điều gì đáng phải nói đến. Nhưng trong cương vị của một người trung gian giữa hai nhà xuất bản, tôi có bổn phận phải làm sáng tỏ những điều bịa đặt do ông Nguyễn Hữu Nghĩa nêu ra trong tạp chí *Làng Văn* liên quan đến cả hai nhà xuất bản cũng như cá nhân nhà văn Hoàng Lại Giang hiện còn ở trong nước.

Tôi biết rằng đã làm mất nhiều thì giờ của độc giả bốn phương, nhưng đó là chuyện chẳng đặng đừng. Tôi mong mỏi quí vị độc giả rộng lòng tha thứ.

Sau cùng, tôi muốn nhắc lại câu văn chót của ông Nghĩa, trích ra cũng từ bài báo kể trên. Ông Nghĩa viết:

"*Chúng ta có quyền kỳ vọng vào tấm lòng sắt son, trước sau như một của những người cầm bút trong giai đoạn mới, giai đoạn của niềm tin và sự thật*".

Sau khi tung đủ mọi thứ tin xuyên tạc để bội nhọ, ám hại người khác, ông Nghĩa lại kêu gọi mọi người hãy *giữ tấm lòng sắt son với niềm tin và sự thật*. Thật là lạ lùng! Nhưng đó cũng là đặc tính của ngòi bút Nguyễn Hữu Nghĩa trên báo *Làng Văn* trong nhiều năm qua. Khi dạy dỗ người đọc về *niềm tin và sự thật*, ông Nghĩa hãy nên ghi nhớ một điều, đó là: Khi ta cố tình đánh lộn sòng giữa sự thật và sự gian trá, thì không bao giờ có thể tạo được niềm tin nơi ai cả.

NHẬT TIẾN

California 26.1.94.



LÊ THÁNH THƯ

tự khúc buổi chiều

Tôi về lại xóm định cư dưới chân núi xám
tượng Chúa giăng tay trên bờ giếng cạn
đắm đuối đường quê
cát lấp
những dấu chân rạc rời ngày lên rẫy
bước chậm
e chiều vỡ
con chuồn chuồn đỏ nằm mơ trên đọt mì mới nhú
thương chút nắng chiều chợt khuất
tôi thở nhẹ.

Lòng hoa dịu vợi
lối mòn xưa em tôi ghé qua
nhớ đẹp dáng gái non
ngực chín phập phồng thơm mùi hoa ngũ sắc
chìm sâu môi tôi thủa nào
trong đêm đạm bạc vườn nhà im tiếng dế
nuôi xanh vầng trăng xa

Tôi nghe trong đám lá khô thầm gọi tên ngày chịu nạn
đường đi khép mắt
cây thê thiết che mặt
nụcười níu nhau khắp rẫy nắng chiều
tháng ngày ấy không sao dứt đi được
tôi – hồn chim cánh cụt
rực trắng lòng quê

Em đã đi lặng im
hẹn không về rẫy bái khuất xa
chiều dày đặc trên vai tôi ở lại

hoàng hôn bát ngát
đỏ ối ngày trinh bạch

Tôi nghiền nát giấc mơ có thật
trên bàn tay bỏng rát
kỷ niệm như dế gáy rang rồi im bặt
để lòng tôi thức giấc
giữa chiều âm vang trái chín cây
rụng trước hiên nhà

Ước mơ nuôi dưỡng con chuồn chuồn ngủ trên đọt mì non
tôi ngậm trên môi nắng vàng
vừa đi vừa hát những điều dây mơ rễ má
trên rẫy xa
phải em về
khói phủ tàn thương nhớ...
(Sàigòn, 1993)

hiểu được em

Người ta cần bốn tấn hoa hồng
để cất lấy một lít tinh dầu

Anh chỉ cần một Beethoven
để hiểu thêm cuộc sống này
cần một Charlie Chaplin
đủ tan đi những buồn đau vô tận

Dầu sao, để có được niềm vĩnh phúc ấy
những thiên tài phải vắt kiệt chính mình
phải qua biển đời khổ lụy

Và anh
cần phải sống hai kiếp người
mới hiểu được em

LÊ THÁNH THƯ
(Sàigòn 1, 1989)



KHÁNH TRƯỜNG

bạch hóa

Nửa tháng trước đây, một văn hữu gọi điện thoại cho tôi, bảo: *Trên tờ Làng Văn, Nguyễn Hữu Nghĩa bảo ông Nhật Tiến đưa về nước cho Hoàng Lại Giang những 18.000 Mỹ Kim để in* Tuyển tập Văn Chương Hải Ngoại. *Có không?*". Tôi giật mình. 18.000 Mỹ Kim, con số đủ để tôi in trên mười đầu sách tại Mỹ (tại Mỹ, tôi nhấn mạnh, nơi, theo hối xuất hiện nay, một dollar tương đương với 10.000 đồng bạc Việt Nam!). Con số cứ như trong truyện giả tưởng! Tôi hỏi lại bạn văn kia: *Ông Nghĩa nói vậy thật à?*". *"Thật, cậu ra nhà sách mua một tờ về coi, khắc biết"*.

Tôi đã ra nhà sách, đã mua, và đã đọc. Quả, ông Nghĩa có viết như thế thật!

Một thời gian dài, tôi có nghe nói hầu như trong bất cứ số *Làng Văn* nào, hoặc dưới dạng "thư tín" hoặc cài vào đâu đó trong các bài viết vài dòng, vài chữ bôi nhọ, bỉ thử cá nhân tôi hay anh chị em cộng tác với *Hợp Lưu*. Cũng vui thôi. Tôi vẫn thường đùa: *"Đứng về mặt business, như vậy rất tốt. Thay vì mất tiền quảng cáo, nay, qua vị chủ báo có lập trường chống Cộng kiên cường kia, Hợp Lưu luôn được nhắc đến, nhờ vậy độc giả dài hạn tăng đều. Để tỏ chút lòng tri ân, có lẽ tôi nên thảo một lá thư, chính thức cảm ơn "thịnh tình" của họ"*.

Nhưng lần này thì ông Nghĩa đã đi quá đà. Tạo tin thất thiệt, bóp méo sự thật, gây hoang mang dư luận trong cũng như ngoài giới cầm bút vốn là "nghề" của ông ấy, chả ai còn lạ! Và chả việc gì phải để tâm. Khổ một nỗi bài viết đã phạm vào một nguyên tắc tối kỵ: dùng luận điệu xuyên tạc làm thương tổn danh dự cùng an nguy của một con người. Gây cho nhau tiếng xấu, tuy có làm đối thủ của mình lấm lem thật, nhưng chẳng thể giết chết được ai. Thời gian sẽ xóa đi tất cả. Con người, tính bổn thiện, thường không

có khả năng lưu giữ lâu những điều tệ hại. Nhưng tạo ra một "xì-căng-đan", với hậu ý truy hại đến quyền sống của một cá nhân - dù cá nhân đó, đặt giả thiết là kẻ thù của ta - thì cũng là điều trái với đạo đức làm người (tôi nói đạo đức làm người, chưa nói đến đạo đức làm báo). Trước đây, ông Nghĩa sáng tác ra cái tin tôi qua Pháp, triển lãm ở Nhà Việt Nam của nhà nước Cộng Sản. Mẩu tin được khá nhiều báo lá cải (thường là những vệ tinh của *Làng Văn*) khắp nơi trích đăng, có báo còn tô xanh chuốt đỏ cho thêm phần hấp dẫn. Tôi không đính chính, vì thấy không cần hao tổn giấy mực vào trò chơi không mấy lương thiện này. Sau vụ họa sĩ Võ Đình triển lãm ở Montréal, qua một bài viết của tôi đăng trên *Trăm Con* nhằm trả lời vài điều thiếu ngay thẳng của ông Trà Lũ trong một bài báo của ông ấy, ông Nguyễn Hữu Nghĩa lập tức mở chiến dịch "tổng phản công", dành non nửa số trang báo của *Làng Văn*, tổng hợp, cắt xén, đục đẽo, ráp nối một cách khá nghề nghiệp, cốt trưng bày cùng độc giả "báo nhà" một món thập cẩm hấp dẫn: *Khánh Trường, tên tay sai sừng sỏ của Hà Nội*. Vẫn chẳng sao, dù rằng trong mớ thập cẩm đó, có một câu "tuyệt chiêu", được đánh máy cỡ chữ lớn, làm thành một tiểu đề, tôi không nhớ rõ nguyên văn, nội dung thế này:: *Cộng đồng Việt Nam hải ngoại nghĩ gì khi Khánh Trường công khai nhục mạ quân đội vì đã gọi quân đội là "những hình nộm rằn ri"?*, rất có thể sẽ "xúi bẩy" được một anh cuồng tín nào đó tìm đến nhà tôi, thẩy một trái lựu đạn hay "phằng phằng" vài phát để "rửa nhục". Tôi bảo chẳng sao, vì biết rất rõ trò "cáo mượn oai hùm" kia đã quá lỗi thời. Người hải ngoại, nhờ càng sống lâu ở xứ tự do, càng thấm nhuần tư tưởng tự do. Vả, với sự bung nổ của truyền thông, mọi tin tức hư, thực có thể dễ dàng kiểm chứng, chẳng còn ai "u mê" đến độ nghe theo lời ông Nghĩa mà đóng trò "trừ gian diệt bạo", để rồi tự rước khổ vào thân: vào trong khám nhẩn nha gỡ lịch! Cái gương Trần Văn Bé Tư đến nay vẫn còn làm một số người có lương tâm chua xót: Trong khi "vị anh hùng" của chúng ta mỏi mòn bên trong song sắt nhà tù những bảy năm, thì bên ngoài, sau khi trà dình tửu quán no say, một hai anh nhà báo về ngồi xuống bàn, nhỏ lên trang giấy vài giọt nước mắt, vừa tỉ tê khóc lóc, vừa ca tụng hành vi cao cả của người "chiến sĩ" vì nước quên mình, vừa "phẫn nộ" nguyền rủa và đổ riệt mọi tội lỗi lên đầu "bọn cộng nô tham tàn khát máu" ở bên kia ... nửa vòng trái đất! Xong phần trình diễn đầy bi kịch và tuyệt đối an toàn đó, màn hạ. Mọi chuyện chìm vào lãng quên. Ngày hôm sau người ta lại thấy những anh chị chủ báo "có lương tâm" này lang thang từ đầu chợ đến cuối phố kiếm thêm vài trang quảng cáo để duy trì "tiếng nói bất khuất của người Việt Quốc Gia". Còn vị "anh hùng" kia sống chết ra sao, đã có bọn cai tù "gánh vác"! Thêm một lần nữa, tôi cười khẩy, im lặng.

Nhưng lần này thì muốn im vẫn chẳng thể im. Bởi bài viết kia, như đã nói nói, trực tiếp đe dọa đến an ninh của một con người. Con người đó, cụ thể: nhà văn Hoàng Lại Giang. Ai theo dõi tình hình trong nước đều biết hiện nay chính quyền Hà Nội đang phát động chiến dịch bài trừ tham ô nhũng lạm,

và ai cũng biết chuyện phe cánh, bè phái, nhóm, cụm... ở Việt Nam là rất dữ dội. Chỉ một chuyện bất đồng nho nhỏ, phe này có thể hại nhóm kia thẳng tay. Và do thời thế đã khác, họ đủ khôn ngoan để không hại bằng đòn chính trị, vì sử dụng đòn này là một cách đội vòng hoa cho người bị hại. Cách hay nhất là tìm ra một cái gì đó phản ảnh sự "tiêu cực" của người mình muốn hại, ví dụ tội ăn hối lộ chả hạn. Bài viết của ông Nghĩa đã "vô tình"(?!) cung cấp cho đối thủ của ông Hoàng Lại Giang (nếu ông Hoàng Lại Giang có đối thủ) và nhà cầm quyền một sự kiện "đầy tính thuyết phục" để, nếu muốn đá văng nồi cơm của ông ta cùng gia đình, hoặc đưa ông ta đi "nghỉ mát", hoặc treo một lưỡi dao "chém treo ngành", khiến ông ta cứ nơm nớp không biết lúc nào thứ vũ khí giết người kia sẽ rơi xuống cổ, do đó tự hậu, mọi việc làm, lời ăn tiếng nói phải nhất nhất giữ gìn. Áp dụng đòn này, quả, ông Nghĩa rất xứng đáng với danh huiệu "độc cô cầu bại" về các "chiêu thức" kịch độc!

Cho nên, cực lòng lắm tôi vẫn phải lên tiếng. Sau đây là một số văn kiện liên quan đến *Tuyển Tập Văn Chương Hải Ngoại* cùng hai người trực tiếp chịu trách nhiệm: tôi và nhà văn Hoàng Lại Giang. Những văn kiện này được công bố chỉ nhằm mục đích làm sáng tỏ vấn đề, hầu trả lại cho sự việc những yếu tố minh bạch cần thiết.

Vào khoảng đầu tháng 1 năm 1992, nhà văn Nhật Tiến về Việt Nam. Tôi nói với ông: *"Nếu có thể, anh tìm hộ nhà xuất bản nào đó chịu hợp tác với Tân Thư để cùng in một Tuyển Tập Văn Chương Hải Ngoại"*. Nhà văn Nhật Tiến nhận lời và cho biết có quen với nhà văn Hoàng Lại Giang, đại diện phía Nam của nhà xuất bản Văn Học. Tôi viết ngay một thư ngắn cho ông này, nhờ nhà văn Nhật Tiến chuyển hộ. Sau 30 ngày, ông trở ra, trao cho tôi văn kiện sau đây:

BỘ VĂN HÓA
NHÀ XUẤT BẢN
VĂN HỌC
Số 01VH/92

Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Ngày 28 tháng 1 năm 1992
Kính gởi: Ông Khánh Trường
Giám đốc nhà xuất bản Tân Thư (California - USA)

Thưa ông,

Chúng tôi rất cảm kích về thiện chí của Ông qua thư anh Nhật Tiến chuyển giao. Mọi tác phẩm văn học có giá trị đều là tài sản chung của dân tộc phải được phổ biến rộng rãi trong đông đảo bạn đọc ở cả trong lẫn ngoài nước.

Bởi vậy chúng tôi xin trân trọng mời nhà xuất bản Tân Thư liên kết xuất bản với nhà xuất bản Văn Học một tuyển tập văn chương hải ngoại phát hành ở trong nước lấy tên là "TUYỂN TẬP VĂN CHƯƠNG HẢI NGOẠI".

Chúng tôi xin gởi tới ông những đề nghị như sau:

1. - Tuyển tập văn chương này sẽ do nhà xuất bản Tân Thư tuyển chọn với sự chấp thuận của mỗi tác giả theo nội dung như ông đã đề nghị: không ra ngoài những đề tài tình yêu, quê hương, đời sống của người Việt ở hải ngoại. Mỗi tác giả, ngoài phần sáng tác có thêm phần tóm tắt tiểu sử sinh hoạt văn học (nếu có ảnh chân dung càng tốt).

2. - Nhà xuất bản Tân Thư sau khi tuyển lựa sẽ lo đánh máy, trình bày thành 2 bản. Một bản do Tân Thư giữ. Một bản do nhà xuất bản Văn Học giữ.

3. - Nhà xuất bản Văn Học sẽ tổ chức biên tập và duyệt bản thảo, trong trường hợp phải sửa chữa hoặc thay đổi sẽ hội ý với nhà xuất bản Tân Thư để có sự thỏa thuận của cả hai bên.

4. - Trong phần mở đầu tuyển tập sẽ có bài giới thiệu chung của hai nhà xuất bản với tựa đề: Lời nhà xuất bản (không ký tên).

5. - Chi phí ấn loát, biên tập, hành chính, dịch vụ v.v... sẽ do nhà xuất bản Tân Thư đài thọ. Nhà xuất bản Văn Học đảm trách phần giấy phép xuất bản và phát hành.

6. - Tiền lời do cuốn sách mang lại sẽ chia đôi mỗi bên một nửa.

Trên đây là những đề nghị của nhà xuất bản Văn Học. Nếu ông có ý kiến gì thêm bớt xin liên hệ với chúng tôi để công việc xuất bản được xúc tiến tốt đẹp.

Xin gởi tới ông và nhà xuất bản Tân Thư lời chúc tốt đẹp nhân dịp năm mới âm lịch.

TUQ. Giám Đốc
Hoàng Lại Giang
(Ký tên, đóng dấu)

Tôi trả lời ngay văn kiện trên bằng lá thư sau đây:

California ngày 10 tháng 2 năm 1992

Kính gởi ông Hoàng Lại Giang
giám đốc nhà xuất bản VĂN HỌC, chi nhánh phía Nam,
thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Thưa ông,

Chúng tôi rất vui được nhà xuất bản *Văn Học* chấp nhận cộng tác trong việc cho xuất bản tại Việt Nam TUYỂN TẬP VĂN CHƯƠNG HẢI NGOẠI.

Những đề nghị ông nêu trong thư chúng tôi hoàn toàn đồng ý.

Dựa trên tinh thần đó, chúng tôi đang xúc tiến việc thu thập, đánh máy, trình bày bản in cũng như vẽ bìa, phụ bản... Trong vòng một tháng kể từ lúc thư này được gửi đi (ngày 10 tháng 2, năm 1992) quý ông sẽ nhận được bản thảo của nhà *Tân Thư* bằng phương tiện nhanh nhất mà chúng tôi được biết. Đồng thời chúng tôi cũng sẽ gởi kèm phí khoản theo yêu cầu của công việc, do *Văn Học* đề nghị.

Vậy xin ông cho chúng tôi một bản chiết tính tổng quát.

Với số lượng 5.000 (năm nghìn) cuốn đợt đầu cho:

– 400 trang in

– 500 trang in

– và 600 trang in

gồm 200 bản trên giấy tốt, bìa dày (để tặng các tác giả góp mặt), giá là bao nhiêu? Xin ông tính bằng dollar để chúng tôi dễ hình dung.

Vì không rõ tình hình tiêu thụ bên nhà nên quyết định in nhiều hay ít thuộc quyền của *Văn Học*. Trong trường hợp cần nâng cao số lượng in (7.000, 8.000... cuốn), cũng xin ông cho chúng tôi biết phí khoản.

Chúng tôi hy vọng sự hợp tác của hai nhà xuất bản *Tân Thư, Văn Học* trong việc hình thành TUYỂN TẬP VĂN CHƯƠNG HẢI NGOẠI sẽ thành công tốt đẹp, và sẽ là bước đầu, để trong tương lai, những nhà văn hiện sinh sống tại hải ngoại có cơ hội dễ dàng hơn, mang sản phẩm của mình đến với người đọc tại quốc nội, góp phần làm phong phú thêm cho gia tài văn hóa Việt Nam.

Xin chúc ông và nhà xuất bản *Văn Học* một năm mới vui vẻ, như ý.

Kính

Giám đốc nhà xuất bản Tân Thư

Khánh Trường.

Sau khi gởi lá thư trên, tôi cùng nhà văn Phan Tấn Hải, nhà thơ Phạm Việt Cường, bằng thư, điện thoại, liên lạc ngay với tất cả các văn, thi hữu quen biết trên khắp thế giới. Kết quả: đúng như đã hứa với nhà xuất bản *Văn Học*, chỉ trong vòng một tháng chúng tôi đã hoàn tất xong phần bản thảo, với sự góp mặt của 35 tác giả (xin đọc danh sách trong bài *Vẫn Quanh Chuyện Tuyển Tập Văn Chương Hải Ngoại Dự Trù Ấn Hành Ở Trong Nước* của nhà văn Nhật Tiến). Phan Tấn Hải và Phạm Việt Cường đã đánh máy ngày đêm, cũng như lay-out phần bản văn. Tôi vẽ bìa, ký họa chân dung các tác giả... Tuyển tập thành hình tổng cộng 508 trang.

Cũng trong thời gian này tôi lại nhận thư của nhà văn Hoàng Lại Giang, cho biết, theo chiết tính chi tiết, phải cần một phí khoảng độ 2.000 dollar để chu toàn các khâu: biên tập, in, phát hành, phí tổn liên lạc... nếu muốn in 5.000 cuốn với độ dày nêu trên.

Tôi trả lời bằng lòng, dù rằng thâm tâm rất lo: với số tiền "lớn" này, nhà

Tân Thư vào giai đoạn đó quả thật... vô phương giải quyết. Nhà thơ Phạm Việt Cường và nhà văn Phan Tấn Hải đề nghị: thử coi xem những anh chị em nào thật thân, hiểu rõ hoàn cảnh của mình, kêu gọi họ giúp đỡ. Tôi làm theo lời hai anh. Kết quả:

1) Trần Vũ: $100 ● 2) Phan Thị Trọng Tuyến: $100 ● 3) Nguyễn Thị Ngọc Nhung: $50 ● 4) Kiệt Tấn: $100 ● 5) Chân Phương: $50 ● 6) Lê Bi: $100 ● 7) Đỗ Kh.: $200 ● 8) Nhật Tiến: $100 ● 9) Thường Quán: $100 ● 10) Trương Vũ *(không có tên trong tuyển tập)*: $100 ● 11) Nguyễn Mạnh Trinh: $100 ● 12) Thân Trọng Mẫn (*không có tên trong tuyển tập*): $100.

Tổng cộng: **1200** dollar.

Tôi than với anh Nhật Tiến: *Chưa đủ*. Anh ấy bảo: *Tôi thêm 200 nữa. Phần còn lại, cậu ráng bù vào.*

Tôi ráng. Rốt cuộc cũng gởi được về nước đúng **2000** dollar cùng với bản thảo, qua trung gian một người thân của anh Nhật Tiến với yêu cầu: *Chừng nào tác phẩm đã thông qua mọi thủ tục, lên khuôn, thì chi ra một nửa. Nửa còn lại giao đủ khi sách xuất xưởng.*

Thời gian này, nhiều cuộc họp mặt "trà dư tửu hậu" tại các hàng quán ở quận Cam lan truyền: chúng tôi, ban biên tập, đã tự ý cắt xén sửa đổi các tác phẩm của nhiều tác giả. Nhận thấy nguồn tin ít nhiều sẽ ảnh hưởng đến các tác giả, tôi vội viết ngay một lá thư, gởi đến từng nhà văn nhà thơ có mặt trong tuyển tập.

Sau đây là nội dung lá thư:

California ngày 17 tháng 3 năm 1992

Kính gởi:....

Thay mặt anh chị em trong ban biên tập của nhà xuất bản *Tân Thư*, chúng tôi trân trọng cảm ơn anh / chị đã gởi tác phẩm đóng góp cho TUYỂN TẬP VĂN CHƯƠNG HẢI NGOẠI do hai nhà xuất bản *Tân Thư* (hải ngoại) và *Văn Học* (Việt Nam) hợp tác xuất bản trong thời gian tới.

Phần kỹ thuật chúng tôi đã hoàn tất, gồm sự có mặt của 35 nhà văn và nhà thơ hiện cư ngụ rải rác trên thế giới (dày 508 trang) và đã gởi về Việt Nam ngày 12 tháng 3 năm 1992 để tiến hành việc in và phát hành.

Chúng tôi cũng xin thông báo: tất cả các sáng tác có mặt trong tuyển tập đều do **chính tác giả** chọn, chúng tôi chỉ phụ trách phần kỹ thuật, ngoài ra **tuyệt đối** không sửa chữa, dù chỉ một chữ. Trong thư kèm theo Art-work của bản thảo, chúng tôi đã yêu cầu nhà xuất bản *Văn Học*, khi duyệt bản, phải giữ đúng tình trạng nguyên thủy của mỗi sáng tác. Mục đích của chúng tôi là muốn tránh trường hợp sau này các thế lực cực đoan sẽ đối chiếu hai bản in của trong và ngoài nước (vì hầu hết các sáng tác này đã phổ biến ở hải ngoại) để khai thác, đánh phá...

Vì đây là tác phẩm đầu tiên của các nhà văn hải ngoại chính thức in trong nước, nên chắc chắn sẽ có nhiều dư luận ngộ nhận. Một lần nữa, chúng tôi cảm ơn quí vị đã yêu mến, tin tưởng và ủy thác công việc thực hiện tuyển tập cho chúng tôi. Hy vọng trong tương lai gần, mọi tác phẩm của chúng ta sẽ đến tay đại đa số người Việt quốc nội một cách thuận lợi hơn.

Kính

Khánh Trường

Tôi, dù sống không lâu ở nước ngoài, nhưng vì thường xuyên hít thở không khí tự do, nên cứ ngỡ mọi chuyện sẽ tiến triển tốt đẹp sau những lợn cợn nho nhỏ kia. Không ngờ có hàng trăm rắc rối phải đương đầu. Rắc rối lớn nhất là do tôi nghĩ rằng, khi giao tiếp được với một nhà xuất bản cỡ quốc gia như *Văn Học*, thì tác phẩm sẽ có tiếng vang hơn, danh chính ngôn thuận hơn. Nào ngờ, chính bởi cái "tầm cỡ quốc gia" này mà Tuyển Tập đã phải qua không biết bao nhiêu cửa ải, đến tay không biết bao nhiêu cơ quan trọng yếu. Từ bộ nội vụ đến cục phản gián, người ta đã dùng "kính hiển vi" soi xét từng con chữ! Để độc giả phần nào hình dung được đoạn đường gian nan mà Tuyển Tập phải đi qua, xin ghi lại dưới đây văn thư tôi gởi cho nhà văn Hoàng Lại Giang nhân một lá thư của người chịu trách nhiệm biên tập Tuyển Tập gởi cho tôi, đề nghị sửa vài chữ, vài chỗ.

California ngày 7 tháng 5, 1992

Kính gởi anh Hoàng Lại Giang,

Qua đề nghị của anh... (*do yêu cầu, chúng tôi không được phép công bố tên họ - ghi chú của tòa soạn*) về một vài chi tiết liên quan đến TUYỂN TẬP VĂN CHƯƠNG HẢI NGOẠI, thú thật, tôi đã suy nghĩ rất nhiều, cũng như đã thảo luận khá cặn kẽ với anh em trong nhóm chủ biên nhà xuất bản *Tân Thư*. Sau đây là là ý kiến của chúng tôi, rất mong các anh nghiên cứu, chuyển lên các cấp có thẩm quyền, để tác phẩn có thể sớm ra mắt độc giả trong, ngoài nước, mà cả đôi bên đều không bị tổn thương.

Hẳn cũng như chúng tôi, các anh hiểu rất rõ, trong thời điển này, việc làm của chúng ta phải được xem là hết sức tế nhị, chỉ cần một sơ xuất nhỏ, thiện chí của chúng ta bị khúc xạ lệch lạc ngay. Điều này sẽ đưa đến bế tắc trầm trọng, con đường hòa giải dân tộc lại rơi xuống đáy vực không lối thoát.

Như tôi đã nói với các anh ở thư trước, hầu hết các tác phẩm có mặt trong Tuyển Tập đều đã hoặc in thành sách, hoặc xuất hiện rồi, trên báo chí hải ngoại. Đúng như anh (...) nói, thay đổi một chữ, ví dụ từ "thằng" ra "ông" hoặc "gã"... (*trong mạch văn một số truyện: "thằng" công an khu vực, "tên" quản giáo... - ghi chú của Hợp Lưu*) vẫn không làm hại gì cho tinh thần bản văn. Tôi đồng ý. Là người cầm bút, chúng ta hiểu rất rõ điều này. Nhưng

trong hoàn cảnh của chúng tôi, vấn đề không giản dị như các anh nghĩ. Hiện nay tất cả các thành phần, thế lực cực đoan đang nhắm vào chúng tôi, họ đã phản ứng và đang chờ tác phẩn ra đời để "vạch lá tìm sâu". Chỉ một chữ thôi, cũng đủ là cái cớ để họ sách động, xuyên tạc, làm lệch lạc thiện ý của chúng ta. Huống gì buộc phải cắt bỏ một câu, một đoạn. Tác dụng sẽ vô cùng bất lợi. Mà giải pháp bỏ hẳn tác giả ấy đi cũng không ổn. Các anh hiểu cho, để tập hợp được một lực lượng người viết đông đảo như thế, chúng tôi phải tốn khá nhiều tâm huyết. Và ngay bản thân của của mỗi tác giả, cũng đã là một hy sinh lớn. Họ, vì có mặt trong tuyển tập, đã có thể mất đi một số bạn bè, hơn thế, chịu đựng những tai tiếng, có khi chẳng liên quan gì đến văn học nghệ thuật, nhằm bôi nhọ, triệt hạ uy tín họ trên báo chí. Ở đây, vấn đề không phải là bớt đi vài người, tác phẩm, về lượng, sẽ mỏng đi, hay về phẩm, sẽ kém giá trị, mà vấn đề là: những người bị loại sẽ tổn thương nặng nề. Bởi như tôi vừa trình bày với anh, chỉ riêng sự góp mặt của họ, đã là một đấu tranh khá quyết liệt với chính bản thân và chấp nhận thế "bung xung" cho dư luận.

Cho nên tôi xin đề nghị một giải pháp "trung dung": Các anh cứ cho in toàn bộ tác phẩm, TUYỆT ĐỐI KHÔNG SỬA MỘT CHỮ NÀO, tuy nhiên, ở những chữ, những câu, những đoạn nào không thích hợp với suy nghĩ của các anh, thì đánh dấu hoa thị (*) vào chỗ đó rồi bày tỏ quan điểm của các anh sau mỗi tác phẩm. Lời bày tỏ này ghi: (*của nhà xuất bản Văn Học*). Như vậy, các anh sẽ bảo vệ được sự trung thực của tác phẩm, quyền tự do tư tưởng của con người, đồng thời tránh được cho chúng tôi những khó xử, cũng như nói được quan điểm của các anh. Tôi xin nhấn mạnh: đó là VŨ KHÍ DUY NHẤT của chúng tôi, nhằm đối đầu với các thế lực cực đoan ở hải ngoại, mà cũng là VŨ KHÍ DUY NHẤT của các anh, nhằm hóa giải được rất nhiều định kiến không tốt về các anh đã ăn sâu, bám rễ trong đầu óc của Việt kiều hải ngoại.

Con đường dẫn về cội nguồn dân tộc, ý hướng cải thiện xã hội của chúng ta, trong thời điểm này quả hết sức khó khăn. Tôi cảm thông với các anh, và tôi cũng tin, các anh thừa hiểu những bối rối của chúng tôi. Chỉ có nhân nhượng, bao dung mới có thể cùng nhau hóa giải được những vấn nạn đã tồn tại từ ngót nửa thế kỷ nay, do hậu quả của chiến tranh, của các ý thức hệ trái chiều. Nhiệm vụ đó, chúng tôi đang nỗ lực, TUYỂN TẬP VĂN CHƯƠNG HẢI NGOẠI nếu ra đời được, là thành quả bước đầu. Làm hỏng đi thành quả này, chỉ vì những hạt sạn nho nhỏ, tôi nghĩ, thật là đáng tiếc. Đáng tiếc, vì nó không thể ra đời như chúng ta mong muốn, mà đáng tiếc lớn nhất, quan trọng nhất, là chúng ta, vô hình trung, vạch đậm lại lằn ranh vốn đã bắt đầu có hy vọng mờ nhạt, của người "bên trong" và "bên ngoài"...

Thay mặt nhóm chủ biên Tân Thư
Khánh Trường

Nhiều tháng, nhiều ngày trôi qua... Bởi nhiều lý do, một trong những lý

do quan trọng là cho đến nay, tôi vẫn quyết liệt đòi hỏi sự trung thực trên các bản văn, nên tác phẩm vẫn chưa thể thông qua. Nhà văn Hoàng Lại Giang có thư cho tôi, bảo hãy kiên nhẫn, sớm muộn rồi tác phẩm cũng sẽ phải được chào đời. Tôi, thừa kiên nhẫn. Nhưng thời gian thì lại dững dưng tiến về phía trước, kéo theo bao nhiêu thay đổi trên mọi lãnh vực. Rất nhiều chuyên gia khoa học, kỹ thuật, kinh tế... đã đem kiến thức, kinh nghiệm, tiền bạc âm thầm trở về phục vụ tổ quốc. Họ là những kẻ có lòng, không thích sân si gào thét như bao nhiêu người đang sống an toàn no đủ bên ngoài quốc gia, nhất quyết đòi "giải thể" chế độ, đòi tự do, dân chủ, no ấm cho giống nòi bằng... mồm, trên những trang "báo" vất đầy trước cổng chợ, trên những biểu ngữ tô vẽ xanh đỏ giăng ngang giăng dọc ở các parking, trong những phiên họp có thượng kỳ, có hát quốc ca, có diễn văn tràng giang đại hải tại các... vũ trường... Họ là những kẻ biết tách rời chế độ ra khỏi đại khối dân tộc, biết rõ hơn chế độ nào rồi cũng sẽ lụn tàn hoặc phải tự lột xác để chen vai thích cánh cùng cộng đồng thế giới, nhưng 70 triệu dân, sự đói nghèo, chậm tiến, u tối của họ là một ô nhục và đau lòng lớn cần phải tẩy rửa. Trên lãnh vực văn học nghệ thuật, nhiều họa sĩ đã đem tranh về triển lãm, tạo sinh khí và góp phần đẩy lùi thứ "nghệ thuật hiện thực xã hội chủ nghĩa" nặng nề tính chất minh họa, tuyên truyền vào bóng tối; Nhiều ca sĩ, nhạc sĩ đã mang giọng ca tiếng hát len lỏi đến mọi ngõ ngách của mọi miền đất nước, thổi vào những trái tim cỗi cằn, đánh thức dậy tình yêu, tình người đã bao năm vùi sâu dưới tro bụi của áo cơm, hận thù, nghi kỵ; Và tuy chưa nhiều, nhưng đã có rải rác vài tác phẩm văn học ngoài nước được in lại trong nước. Về phía chế độ, tạp chí *Quê Hương* của hội Việt Kiều Trung Ương cũng đã làm một số đặc biệt dành cho các cây viết ngoài nước, cũng như đã song song xuất bản một tuyển tập văn chương hải ngoại gồm trên dưới mười tác giả. Như thế, giả dụ bây giờ Tuyển Tập có ra đời, thì tính chất "tiền phong" đã mất. Nói cách khác, sự có mặt của nó không còn cần thiết nữa. Mục đích của anh chị em chủ trương Tuyển Tập không phải chỉ thuần túy muốn tác phẩm của mình được đông đảo bạn đọc quốc nội biết đến, mà cao hơn, quan trọng hơn là muốn bắt một nhịp cầu, muốn mở một cách cửa. Nhịp cầu đó, cánh cửa đó tuy ngày nay còn rất mong manh, nhưng dẫu sao cũng đã có. Nhịp cầu đó, cánh cửa đó sẽ lớn hơn, vững chãi hơn, bề thế hơn, vấn đề chỉ còn tùy thuộc ở thời gian. Tuyển Tập tuy chưa chào đời nhưng đã thổi được một luồng sinh khí vào căn phòng đậm đặc độc tố. Ngoài yếu tố thời gian, một vấn đề khác khá tế nhị khiến tôi không thể không quan tâm: nếu Tuyển Tập ra đời vào thời điểm này, thì không khéo lại có kẻ độc mồm mỉa mai rằng chúng tôi, những người góp mặt trong tuyển tập, là những kẻ theo đuôi, "đón gió" khi thấy tình hình bang giao giữa hai quốc gia Việt - Mỹ sắp trở thành sự thật. Để tránh cho các văn thi hữu tiếng oan đó, tiếng oan mà tôi tin bất cứ một người làm văn học nghệ thuật nào cũng đều rất sợ. Văn nghệ sĩ có thể nghèo khổ đến tận đất đen, có thể bị truy nã, áp bức đến phải bẻ bút, nhưng nhất định sẽ chẳng bao giờ "theo đuôi' ai,

hoặc chẳng bao giờ chịu khuất phục dưới bất cứ một thể chế chính trị nào. Để chứng tỏ thế đứng độc lập này, ngày 12 tháng 9 năm 1993, tôi gởi văn thư sau đến nhà xuất bản *Văn Học*, đơn phương hủy bỏ hợp đồng:

Kính gởi ông Hoàng Lại Giang
Giám đốc nhà xuất bản Văn Học, chi nhánh phía Nam.

Thưa anh,

Theo tinh thần các cuộc trao đổi giữa chúng ta, TUYỂN TẬP VĂN CHƯƠNG HẢI NGOẠI sẽ ra đời tại Việt Nam sau khi đã thảo luận, nhất trí về nội dung, cũng như hoàn tất phần kỹ thuật.

Về phía chúng tôi, đã, trong một thời gian ngắn nhất, chu toàn phần việc của mình, với tất cả thiện chí. Những tưởng tác phẩm sẽ được thông qua sớm, và sẽ đến tay độc giả quốc nội từ lâu. Nay, đã hai năm trôi qua, dù chúng tôi rất cảm thông với nhiều khó khăn các anh vấp phải do chính sách văn hóa của nhà nước, vẫn buộc lòng thưa với anh: Nhà *Tân Thư*, do tôi làm giám đốc, quyết định xin hủy bỏ hợp đồng.

Lý do: với tư cách là người chủ trương, tôi vô cùng khó khăn mỗi lần cần phải giải thích với anh em văn nghệ sĩ ngoài nước lý do sự chậm trễ, nhất là càng về sau, sự giải thích càng trở nên lúng túng, dễ gây cảm tưởng nhà xuất bản *Tân Thư* đã lợi dụng giới cầm viết hải ngoại cho một mưu đồ chính trị nào đó. Điều này khiến chúng tôi khổ tâm vô cùng. Việc làm của chúng ta đã dần dần trở nên một "xì-căng-đan" đầy bi hài!

Vả, anh cũng biết, thời điểm chúng ta dự định in tuyển tập, nhiều cánh cửa mở ra bên ngoài vẫn còn đóng chặt, nên công việc ấy mang ý nghĩa "tiền phong", nó chứng tỏ tấm lòng của giới cầm bút đối với quê hương, nó còn chứng tỏ một thiên chí tốt đẹp: dù trôi giạt bất cứ nơi đâu, dù chính kiến khác biệt thế nào, những trái tim Việt Nam vẫn thiết tha mong muốn được đập chung một nhịp đập với tổ quốc, mà văn học, nghệ thuật, nếu may mắn nắm ngọn cờ đầu, sẽ là niềm hãnh diện chung cho giới cầm bút Việt Nam! Tiếc thay, và đáng buồn thay, sự việc đã không xảy ra như chúng ta mong muốn. Nói khác hơn, chúng ta đã để một cơ hội tốt đẹp trôi qua. Nay, giả dụ Tuyển Tập được ra đời, thì ý nghĩa đã khác, từ vai trò "tiền phong", chúng ta đã bị đẩy xuống vị trí "theo đuôi", hay tệ hại hơn, "đón gió trở cờ"! Anh hiểu, đối với văn nghệ sĩ, là một sỉ nhục lớn!

Không được hợp tác với các anh, và không được gởi những công trình tim óc của mình đến đồng bào trong nước, là điều vô cùng buồn.

Tuy nhiên, dù sao chúng tôi cũng hy vọng: một ngày nào, nếu tình hình thuận tiện hơn, chúng ta sẽ lại có dịp làm việc chung.

Thay mặt ban chủ trương Tuyển Tập
Khánh Trường.

Cùng với văn kiện này, tôi nhờ nhà văn Nhật Tiến lấy hộ lại số tiền **2000** dollar từ thân nhân của anh. Chỉ trong một thời gian ngắn, yêu cầu của tôi được đáp ứng.

Nhận được số tiền ấy, tôi liên lạc ngay với những anh em đã đóng góp. Có người nhận lại tiền, có người không lấy, coi như để hỗ trợ thêm cho *Hợp Lưu*.

Trên đây, tôi vừa công bố tất cả những văn kiện cùng các khúc mắc bên trong vụ TUYỂN TẬP VĂN CHƯƠNG HẢI NGOẠI.

Mục đích của bài viết này, như từ đầu tôi có nhắc đi nhắc lại, rằng, bởi sự an nguy của nhà văn Hoàng Lại Giang, một người dù tôi chưa biết mặt, chưa từng giao thiệp trước đó, nhưng qua trao đổi thư từ, tôi nhận thấy ông là người đàng hoàng, đứng đắn, có tâm huyết, khao khát muốn làm một cái gì đó cho văn học Việt Nam. Cụ thể là qua Tuyển Tập, cùng chúng tôi kéo các văn nghệ sĩ đến gần nhau, xóa dần hố cách ngăn, cho đến nay, vẫn còn sâu thẳm thẳm trong lòng người Nam kẻ Bắc. Tôi xem việc bạch hóa tất cả những văn kiện trên, để giải oan cho ông, là chuyện nhất thiết phải làm, cho dù vì vậy, tôi đã phải chứng minh với độc giả bằng những sự kiện, tự bản chất, có lẽ, không cần phải tốn nhiều giấy mực như thế này.

Tôi chân thành xin lỗi độc giả.

KHÁNH TRƯỜNG

BỘ VĂN HÓA
NHÀ XUẤT BẢN
văn học

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Ngày 28 tháng 1 năm 1992

KÍNH GỬI : ÔNG KHÁNH TRƯƠNG
GIÁM ĐỐC NHÀ XUẤT BẢN
TÂN THƯ
(CALIFORNIA – USA)

Thưa Ông,

Chúng tôi rất cảm kích về thiện chí của Ông qua thư Anh Nhật Tiến chuyển giao. Mọi tác phẩm văn học có giá trị đều là tài sản chung của dân tộc phải được phổ biến rộng rãi trong đông đảo bạn đọc ở cả trong nước lẫn ngoài nước.

Bởi vậy chúng tôi xin trân trọng mời nhà xuất bản Tân thư liênkết xuất bản với Nhà xuất bản Văn học một tuyển tập văn chương Hải ngoại phát hành ở trong nước lấy tên là " TUYỂN TẬP VĂN CHƯƠNG HẢI NGOẠI ".

Chúng tôi xin gởi tới Ông những đề nghị như sau:

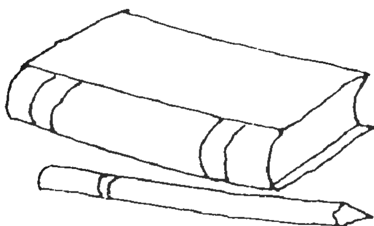
1.- Tuyển tập vănchương này sẽ do Nhà xuất bản Tân thư

Phóng ảnh một đoạn Văn Thư *của nhà xuất bản Văn Học*



KIM THI *phụ trách*

ngày... tháng



Ngày 30 tháng 1, năm 1994

VŨ HUY QUANG
ĐỐ AI NGỒI VÕNG KHÔNG ĐƯA... (Ca dao)

Đất Trời Đảo Lộn và *Con Gái Thời Chiến, Đàn bà Thời Bình* là hai cuốn tự thuật cuộc đời gian truân của một phụ nữ Việt, bà Lệ Lý Hayslip, đã được tổng hợp thực hiện thành phim *Trời Và Đất*. Phim do Oliver Stone đạo diễn, được trình chiếu khắp các Tiểu bang Mỹ quốc, đầu năm 1994.

Giới truyền thông Hoa Kỳ, gồm các đài Truyền thanh và Truyền hình, và các buổi nói chuyện với tác giả Lệ Lý, cùng các bài phê bình nghệ thuật Thứ Bảy, về các nhân định thời sự liên quan đến tương hệ Việt Mỹ đã được ồ ạt quảng bá trên toàn nước Mỹ. Tờ *Thời Báo*, một tuần báo lớn, ân cần phê bình Oliver Stone - một cựu chiến binh từng tham chiến ở Việt Nam - là qua tác phẩm điện ảnh thứ ba của ông về chiến tranh Việt Nam rằng: "... tác phẩm điện ảnh *rất Oliver Stone*, nghĩa là *sấm sét kiểu Myke Tyson*... nhưng cá tính nhân vật chính không được trình bày đậm nét", tuy nhiên, "đây là phim nói về chiến tranh Việt Nam đầu tiên trình bày dưới nhãn quan người Việt. Thế là đủ cho chúng tôi bái phục (salute)".

Nhưng dư luận không thuận lợi đủ mọi mặt. Vẫn có người bất mãn.

Dù phim đã, đang... được đón nhận bởi khán giả người Việt ở Orange County (đông tới mức sau tuần lễ thứ ba, qua phim bản được chuyển âm tiếng Việt - khán giả Việt, rất nhiều người phải ngồi trên lối đi trong rạp vào cuối tuần) nhưng vẫn bị phàn nàn, bởi những người nhìn chiến tranh Việt Nam bằng nhãn quan qua một lăng kính khác, lăng kính Quốc / Cộng.

Dẫu sao, cũng là điều đáng mừng. Phải, tuy chúng ta chưa đồng thuận nhau về mọi chuyện, ít ra, đầu năm 94, có những người đã "không ngăn cấm đồng bào xem phim này"... tuy cũng có người cho rằng nội dung phim "tuyên truyền cho Việt Cộng"... bởi vì, "cuộc chiến Quốc / Cộng chưa chấm dứt", vân vân.

Có khi, hẳn những người chống đối cũng mừng, rằng chiến tranh Việt Nam, từng được nhiều Vua, Tướng, Quan, Công chức viết (kể các nỗi chua chát và các khổ đau tù đày), nay lại có thêm được một người thuộc tầng lớp hẩm hiu hơn - Bảy Lý, người con gái gốc nông dân - bấy lâu thầm lặng.., cất tiếng. Những than phiền ôn hòa hơn, đại khái thì, "Phim đã được nhắc nhở quá đáng". "khuynh tả", "cường điệu", và xót xa hơn, đã "không nói gì về hi sinh của các quân nhân VNCH", cùng "sai lạc về kỷ luật của Quân cảnh (M.P.) Hoa Kỳ"...



Lê Thị Hiệp và Tommy Lee Jones trong phim "Trời Và Đất"

Thực ra, phim này không có chủ đề nêu cao chính nghĩa nào. Phim chỉ bày tỏ số phận của tầng lớp bị quên lãng bấy lâu, những người mà nhân phẩm bị chà đạp, đã thấp cổ bé miệng trong chiến tranh, lại không được nhắc nhở bấy lâu. Họ là những người bán Bar, bưng mâm rửa bát, và bị kê súng vào đầu,,, từ đời cha tới đời con. Nhiều thực tế đã được phơi bày.

Thực tế phủ phàng, là thực tế không muốn có, không muốn thấy, không muốn nghe... mà vẫn có. Thí dụ, vẫn có người Vào Vơ Vét Về... nhưng cũng có người không chịu nhận tiền Việt kiều từ Mỹ về cho họ (chả phải chỉ có

trong gia đình bà Hayslip không thôi, như trong phim).

Vẫn có người đổ đau thương là tại chủ nghĩa Cộng Sản; Nhưng cũng vẫn có người đổ tội cho ngoại cường can thiệp mới gây nên tang tóc, lầm than sau chiến tranh (như trong phim)... Những oán hận đã từ nhiều chiều, nên chuyện cũ phải được trình bầy từ nhiều phía. Có lẽ, sau khi xem hai lần bản tiếng Anh và bản tiếng Việt, chúng tôi cho câu nói thốt ra từ miệng Lê Thị Hiệp (diễn viên đóng vai Bảy Lý) là đáng nhớ. Nhân vật Lệ Lý, không trách người khác về khổ nạn mình gánh chịu, lại chỉ trách... mình, khi nói với ông sư: *"Có nhẽ, kiếp trước con là lính đã đốt nhà, hiếp đáp, giết người... nên nay con phải chịu"*. Cho nên oán thù đau khổ này, bà Lệ Lý giải quyết bằng cách đem tình thương đền trả.

"Thanh lâu hai lượt, thanh y hai lần", là Kiều. Nhưng Bảy Lý, nhân vật trong phim gian truân đủ điều, đã ăn đứt Kiều - là trải lòng yêu thương đồng bào, chứ chẳng riêng Kim Trọng. (Cuối phim, dòng chữ nhắc về tác giả Lệ Lý, là bà đang làm công tác thiện nguyện cho người thương tật...)

So với các phim người Mỹ đã thực hiện về chiến tranh Việt Nam khác, như *Lính Mũ Xanh; Kẻ Săn Nai; Áo Chắn Kim Khí; Máu Tươi Rambo I & II; Nhắn Lũ Sparta; Đồi Thịt; Tổn Thất Chiến Tranh; Trai Đại Đội C; Khải Huyền*... với các đại danh - đạo diễn và diễn viên, đều coi người Việt cả "hai" phía, cả đàn ông đàn bà là đĩ điếm, lưu manh, đê hèn, thú vật... như nhau. Với các trò khỉ ấy thì không nghe báo Việt ngữ phàn nàn. May được mỗi một anh sinh viên đại học UCI, J. Chung Lam đã viết ra, trích dẫn cách đây cả năm trong bài viết ở báo *Rice Paper (Giấy Bổi)* của sinh viên, rằng tâm lý thể hiện các phim ấy là tâm lý lụn bại của kẻ tự coi là văn minh, khinh miệt người địa phương mà họ phải đến để chịu đựng, cái tâm lý uất ức của "cái tôi" *ego* bị tổn thương.

Tác giả bài viết hiếm hoi ấy, chắc là người Việt, có dẫn trích ra nhiều câu thô bạo trong phim để nói về người Việt giữa các quân lính viễn chinh Đồng Minh. Nào bọn đàn bà là đĩ điếm cả, *"khôn hồn thì bơm vào cái lỗ ấy cả đống trụ sinh, trước khi doang trại mình rụng" (better pump that little cunt of penicillin before the whole barracks come down with the clap)*. Nào *"bọn quân đội da vàng miền Nam lẫn miền Bắc thì vừa đểu (conmen), vừa bẩn (dirty gooks), vừa hèn (cowards)"... (Rice Paper.* Vol II. Issue VIII, p. 5). Những hình ảnh dòi bọ, cứt đái (*leech-infested, human feces*) trong cuộc chiến, những hình ảnh Rambo cởi trần nghiến răng bóp cò súng máy bắn Việt Cộng mặc bà ba chạy lúp xúp như vịt... Và hình ảnh bợm bãi của sĩ quan VNCH tham nhũng, uống Cognac, buôn bán với lính Mỹ, Cảnh *Russian roulette*... Khổ cái, từng ấy hình ảnh, lời lẽ trong từng ấy phim, (thiếu hẳn hình ảnh kiêu hùng của QLVNCH), cốt truyện phản chiến, ghê tởm như thế... mà chỉ mình Oliver Stone bị kêu đích danh là phản chiến (sót ông Clinton). Bà Lệ Lý bị gọi là liên lạc, làm việc với Việt Cộng (quên tướng Vassey)... Không một cuộc biểu tình, không một bài báo lên tiếng cho các đạo diễn tài tử các phim trên. (Có một

nữ tài tử điện ảnh VNCH ngả đầu vào vai cựu lính Mỹ... xót xa trước bức tường đá đen). Ngoài ra chả ai tự sĩ để biểu tình chống báng, cấm khán giả người Việt và... Mỹ vào xem các phim trên.

Người ta nhắc nhở tinh thần dân chủ, đòi đa nguyên. Người ta rủ nhau đoàn kết. *Trời Và Đất* đang tập cho tinh thần chống Cộng một thực tế: Hãy lắng nghe các khuynh hướng, hãy tập tinh thần chống Cộng kiểu mới: Tinh thần đối thoại. Muốn vậy, phải nhìn nhiều chiều, phải chấp nhận phát biểu của nhãn quan khác. Nước Mỹ không viện trợ, không đem quân vào Việt Nam đã đành. Nhưng nước Mỹ cũng không cần người tị nạn chống Cộng để bảo vệ họa Cộng Sản xâm chiếm nước Mỹ qua ngả tuyên truyền bằng điện ảnh.

Việc gì chả có người khen chê, cứ gì phim *Trời Và Đất*. Riêng tôi, xin cảm ơn bà Lệ Lý (chỉ xem ảnh), anh J. Chung Lam (chỉ đọc bài)... Còn hễ ai xét điện ảnh phim này, tôi hăng hái chê rằng, hình ảnh tượng Phật trong phim... đâu cần vĩ đại, cũng chả cần sơn son thếp vàng. Cứ nho nhỏ thôi... cũng đủ.

Nhưng cũng thú thực, cá nhân mình nào đã kinh qua về nghệ thuật thực hiện phim ảnh cho quần chúng, mà đòi nói hơn nói kém?

VŨ HUY QUANG

Ngày 2 tháng 2 năm 1994

Vài tháng trở lại đây tại hai miền Nam, Bắc Cali (nơi tập trung người Việt sống bên ngoài quốc gia nhiều nhất thế giới), đã xảy ra lắm chuyện cười ra nước mắt. Từ cuốn phim tài liệu *From Hollywood to Hanoi (Từ Hồ Ly Vọng đến Hà Nội)* của một thiếu nữ trẻ Việt Nam, Tiana Thanh Nga, đến vụ biểu tình, chống đối bác sĩ Phạm Đăng Long Cơ, rồi đến phim *Trời Và Đất (Heaven and Earth),* phỏng theo hai cuốn hồi ký của bà Phùng Thị Lệ *Lý* Hayslip do Oliver Stone đạo diễn và sản xuất bị dăm bảy tờ báo lên án, bị một thiểu số biểu tình, phỉ báng. Tiếp theo, vụ ông Đặng Phong, phó tổng biên tập tạp chí *Thị Trường Giá Cả (Market Price Review)* kiêm Tổng thư ký Hội Nghiên Cứu Lịch Sử Kinh Tế Việt Nam bị "dàn chào" và bạo hành tại đại học UCI, California khi ông được một nhóm sinh viên của đại học này mời đến nói chuyện và giải đáp một số thắc mắc về vấn đề kinh tế Việt Nam. Tiếp theo nữa, "nạn dịch" biểu tình, chống đối, chửi rủa lại tái diễn với phim *Mùi Đu Đủ Xanh* của đạo diễn Trần Anh Hùng. Chưa hết, mới nhất, sốt dẻo nhất, "hồ hởi" nhất, "khí thế" nhất, là vụ trên dưới bốn mươi hội đoàn, đảng phái, báo chí, cơ sở truyền thông cùng "nhất trí" vung cao ngọn cờ "chính nghĩa" đàn áp đến tả tơi một cô ca sĩ chân yếu tay mềm, vừa chân ướt chân ráo từ Việt Nam sang để ra mắt cuốn phim *Tình Người* do cô cùng đóng với một số diễn viên Việt Nam ngoài nước. Đó là nữ ca sĩ kiêm tài tử Thanh Lan, một nghệ sĩ từng nổi tiếng trước năm 1975 tại miền Nam Việt Nam, và còn tiếp tục nổi tiếng đến hôm nay.

Tôi nói "cười ra nước mắt", vì chưa tìm thấy một nhóm chữ nào đủ "trọng

lượng" để cân đo được trọn vẹn nỗi chua xót của mình, một nỗi chua xót đượm đầy dư vị đắng cay nhưng cũng không kém phần hài hước. Nghĩa là bốn chữ "cười ra nước mắt" còn quá nhẹ so với những điều tôi đã chứng kiến. Nhiều lần, hoặc gần hoặc xa, tôi từng nói đến các kiểu cách chống Cộng cực đoan, lỗi thời và ấu trĩ của một thiểu số người "tưởng mình là đại diện của người Việt hải ngoại" và là kẻ "thừa kế chính thống của VNCH", nhưng quả thật, tôi chưa bao giờ dám ngờ sự nông nổi và ý thức về quyền hạn dân chủ của thiểu số này lại... "phản tiến hóa" đến như vậy. Ông Lê-nin, người từng biến chủ thuyết Cộng Sản thành hành động, người đã trực tiếp hoặc gián tiếp đẩy nửa trái đất vào một ngã rẽ đầy bi kịch trong lịch sử nhân loại, tuy thế, vẫn có nhiều câu nói "để đời". Chả hạn: *Nhiệt tình cộng với ngu dốt thành phá hoại.* "Khuôn mẫu" của "công thức" này nếu đem "áp đặt" vào nhóm thiểu số kia, quả, vừa vặn đến tuyệt hảo!

Tôi sẽ không quá lời nếu bảo: Những vết đau của ngày hôm nay, hình thành từ cuồng tín và mông muội, có lẽ cũng lớn và sâu không kém vết đau của cái ngày 30 tháng 4 năm nào: một quân lực hùng mạnh già nửa triệu con người, chỉ trong vòng chưa đầy một tháng sau câu nói "lịch sử" của ông Nguyễn Văn Thiệu: *"Thằng Mỹ nó hứa nó cho tôi một trăm triệu, nay bảy mươi triệu, rồi ba mươi triệu cũng không có, hỏi tôi lấy cái gì tôi đánh Cộng Sản?"* (!!!), trải dài từ bên này đèo Hải Vân đến cái tỉnh phía Nam, bỗng nhiên hoảng loạn dày xéo lên nhau, cởi bỏ quân phục, ném vất súng đạn... để không lâu sau đó, chui hết vào các lò cải tạo!

Lịch sử là một sự lặp lại. Tôi và thế hệ của tôi đã "bị" và "được" chứng kiến không biết bao nhiêu bi kịch dở cười dở khóc của đất nước Việt Nam trong ngót nửa thế kỷ qua, càng thấy điều ấy không sai. Thường bao giờ cũng vậy, trước một biến cố trọng đại sắp hoặc đang xảy ra, người ta đều thấy hiện lên bề mặt vô số rác rưởi, bèo bọt, đi kèm với vô số những khuôn mặt người mang dáng thú. Đó là "thời của những kẻ giết người", thời của bản năng hung tợn, thời của tuyệt vọng biến thành cuồng bạo. Thời mà bầu khí chung quanh ta đậm đặc một thứ độc tố kinh hoàng. Trước và sau tháng 11 năm 1963, ngày đó tôi chỉ mới mười một mười hai, nhưng những gì trót nhìn thấy còn mãi mãi in đậm trong ký ức tôi. Đó là những sư sải, thanh niên, sinh viên, học sinh... bị bắt bớ, bị đánh đập, bị tra tấn, kẻ chết mòn trong ngục, kẻ thương tật suốt đời... Chế độ của anh em ông Diệm sụp đổ, lập tức thảm kịch kia tái diễn theo hướng ngược lại, lần này các "công thần của chế độ đệ nhất Cộng Hòa", các đảng viên đảng Cần Lao, những kẻ mới ngày hôm qua còn ngồi vững chãi trên ghế phán quan, đao phủ, nay trở thành nạn nhân, tử tội. Nhà cửa tài sản của họ bị đốt, con cái vợ chồng bị trói giữa sân vận động cho người ta ném đá, bị cột bằng dây thừng sau những chiếc xe Jeep phóng ào ào trên các đường phố! Sự dã man của con người vào thời điểm đó lên đến mức bảo hòa! Mười hai năm sau, lịch sử giáp một vòng quay... Bối cảnh có khác, nhưng thú tính trong hành vi bạo động nào có kém gì. Trước dấu mốc tháng

4, 1975, cảnh những kẻ có súng có đạn trong tay bắn vào nhau, bắn vào dân chúng chỉ vì một chỉ vàng, một cái radio, một màn ảnh truyền hình...; cảnh bọn du thủ du thực giả dạng quân nhân (và cả quân nhân thật) cưỡng hiếp, cướp giật, giết tróc... đâu còn là chuyện giả tưởng trong tiểu thuyết kinh dị. Sau tháng 4, 1975, khi màu cờ đỏ tung bay khắp mọi miền đất nước, từ ải Nam Quan đến mũi Cà Mau... Mặt bên kia của thú tính tiếp tục bung nở: lại những tên du thủ du thực, lần này dưới lốt "cách mạng" (dân chúng thường gọi: "cách-mạng- ba-mươi"), mang băng đỏ, múa súng vung dao dọc ngang trên đường phố, những "uỷ ban nhân dân cách mạng" được dựng lên, những pháp trường được lập ra vội vã trong nghĩa địa, trong sân vận động, bắn nhanh và bắn bừa bất cứ tội danh "phản động" nào mà người ta... nghĩ ra được. Chính mắt tôi từng thấy một ông cựu trung tá nhảy dù, cho phép "cán bộ ba mươi"... xử tử con mình trong nghĩa địa Pháp (bên cạnh trường Quốc Gia Nghĩa Tử) chỉ vì "tội nhân" lên cơn ghiền, buộc bà nội đưa tiền đi chính xì-ke (*Xì-ke! Tàn dư sa đọa của Mỹ Ngụy!*)! Chính tai tôi nghe kể lại, tại miền Trung, cái nôi của mọi đảng phái tả, hữu cực đoan nhất, ở những thôn xã xa "mặt trời", lính nghĩa quân, địa phương quân cũ, đảng viên Việt Nam Quốc Dân Đảng, Đại Việt... bị chính quyền mới hành quyết hàng ngày, hàng đêm bằng đủ mọi kiểu cách!

Hẳn quí độc giả sẽ ngạc nhiên khi thấy tôi liên hệ những bi kịch dã man kia với chuyện biểu tình, chửi rủa, bạo động của một thiểu số người trong các vụ phim ảnh, ca hát, diễn thuyết vừa nêu ở đầu bài. Nếu quí độc giả tinh ý, sẽ hiểu: thời điểm hiện tại đang nằm trong giai đoạn chót của vấn đề bang giao Việt-Mỹ, một biến cố ngoại giao mang tính chính trị lớn. Cũng có nghĩa - đối với thiểu số kia - *"anh bạn đồng minh"* lại sắp thêm một lần nữa *"bỏ rơi chiến hữu"* (không có một trăm triệu, bảy mươi triệu, ba mươi triệu như thời kỳ ông Thiệu, nhưng *"đồng minh"* bắt tay với kẻ thù chung thì còn gì tư cách tị nạn của *"chiến hữu"?*) làm cho *"ngày trở về quang phục quê hương"* của người Việt quốc gia lùi sâu thêm vào... giả tưởng. Nói cách khác, cái ngày mà hai kẻ thù không đội trời chung sắp bắt đầu những mối quan hệ bình thường, tất nhiên, không thể nào không làm cho những con rối có hay không có ý thức, vốn chỉ biết quay chung quanh một hệ trung tâm, trở nên hoảng loạn, mất hướng. Mười tám năm ăn nhờ ở đậu, mười tám năm nuôi dưỡng căm thù, mười tám năm... Chẳng lẽ tất cả trở thành mây khói? Chẳng lẽ đảng phái, hội đoàn, bang hội lập ra chỉ để... kháng chiến với mình? Chẳng lẽ báo chí, cơ sở truyền thông viết lách, phát thanh, phát hình chỉ để mình chửi mình nghe? Trong bối cảnh chập chờn tuyệt vọng đó, kẻ có lòng, có lương tâm, có trách nhiệm, thiết tha với vận mệnh của dân tộc nhẫn nại vạch lại đường hướng đấu tranh sao cho phù hợp với vòng quay của lịch sử, thì cũng cùng lúc bọt bèo lại có cơ hội nổi lên, mọi trò phi văn hóa, phi nhân phẩm, phi tự do, phi đạo đức... lại có đất hoành hành!

Khi tôi đọc trên một tờ báo những câu, đại loại: *"Lệ Lý là một con điếm*

hạ tiện, một loại đĩ rạc, một thứ me Mỹ về chiều..." Thú thật, tôi không thể không rùng mình! Làm sao người ta có can đảm nhúng ngòi bút vào mực để viết lên giấy những chữ như thế, cho một người đàn bà mà tuổi thanh xuân đã bị nghiền nát trong guồng máy bạo tàn của chiến tranh nhưng vẫn cố bước qua vũng lầy dĩ vãng để đứng dậy làm Người. Nhà văn Vũ Huy Quang có một nhận xét thật hay về Lệ Lý Hayslip: Kiều sau 15 năm lưu lạc, "*thanh lâu hai lượt thanh y hai lần*", trở về, chỉ để phục vụ cho một người là Kim Trọng. Lệ Lý, con đường gian truân còn hơn cả Kiều, nhưng khi đã vượt qua nghịch cảnh, bà không phục vụ cho cá nhân nào, mà là cho đại khối dân tộc. Bà đem cái đau thương bất hạnh phô ra giữa lòng đời, để mong xóa đi bao vết thương còn mưng mủ do chiến tranh để lại cho đồng bào bà, quê hương bà, tổ quốc bà. Có thể nói, Lệ Lý là biểu tượng rõ nét và cụ thể nhất cho thân phận nhược tiểu của một quốc gia, cái quốc gia đã phải từng chung chạ với Tàu, với Tây, với Nga, với Mỹ... đến rạc rài, tơi tả. Khi tưởng đã thoát được cảnh gông xiềng nô lệ thì lại rơi vào bi kịch đói nghèo lạc hậu, bất lực ngồi nhìn ngoại bang chia chát, lủng đoạn, bao thuê... *Trời Và Đất* đã nói lên quá rõ cái thân phận "gái chơi" của tuyệt đại quần chúng Việt Nam. Cao hơn, đẹp đẽ hơn, đầy chất nhân bản hơn: *Trời Và Đất* cố mở ra một lối thoát: Hãy nhìn thẳng vào thảm kịch để rút tỉa kinh nghiệm, hãy xóa bỏ hận thù, hãy lãng quên quá khứ, hãy bước qua lời nguyền, hãy hướng về tương lai, bởi chỉ có con đường duy nhất đó mới đưa dân tộc ra khỏi vũng lầy lầm than. Cái "*con me Mỹ bệ rạc*" kia, xét mọi mặt, còn trong sạch, thanh cao, đại lượng và có lương tri gấp trăm gấp nghìn lần những mệnh phụ mặt hoa da phấn sống buông tuồng, sa đọa nhan nhản ở cái mảnh đất tị nạn lầy lội này. Ai cũng biết bà Lệ Lý đã phải bán đi hai căn nhà, mang tiền về quê hương của bà, làng Kỳ La, để xây bệnh xá giúp đỡ người nghèo cùng các trẻ em thương tật. Một người đàn bà như thế, nhìn qua lăng kính đạo đức, có thể so sánh được không với những "mệnh phụ" dám bỏ ra những năm bảy nghìn đô la để chỉ mong được đứng chụp hình chung với một anh tài tử Tàu? Hai cuốn hồi ký "*nhơ nhớp*" của bà có đứng cạnh được không bên những cuốn hồi ký "chạy tội" của Quân Dân Cán Chính VNCH chạy nhanh chạy gấp trước khi miền Nam sụp đổ, hay kể công kể khổ về cảnh tù đày, sau khi đã được cả Mỹ lẫn Việt đồng ý cho "ra đi có trật tự" và cho thường trú? Thật ra, khi so sách như thế là tôi đã vô tình hạ giá nhân phẩm của bà Lệ Lý. Nhưng có so sánh như thế mới thấy hết được sự tởm lợm của bao trò nguỵ trá đầy rẫy quanh ta.

Về vụ ông Đặng Phong, khi tôi coi lại đoạn phim của đại học UCI quay làm tài liệu, ghi lại cảnh một thanh niên nào đó, với sức lực trai tráng của mình, thẳng cùi chỏ dộng xuống lưng, không phải một lần mà nhiều lần, một người đàn bà, thính giả, đến nghe ông Đặng Phong nói chuyện (thực hiện xonh hành động "văn minh" đó, anh ta co giò lũi nhanh như một thằng ăn cắp!). Và một anh khác định giở võ rừng với ông Đặng Phong, cảnh sát giữ tay lại, anh ta bèn quay lui... định "biểu diễn bắp thịt" với chàng cảnh sát. Dĩ

nhiên kẻ "chống cộng kiên cường" này bị còng, bị dẫn về bót và sẽ có thể bị đưa ra tòa vì tội hành hung người khác (ông Đặng Phong đã bải nại, nhưng còn chàng cảnh sát thì chắc chắn không tha. Trên xứ sở này, chỉ có những anh mất trí mới "giỡn mặt" cảnh sát một cách... tỉnh táo như thế), tôi cũng đã rùng mình! Điều nghịch lý là hai gã đàn ông đó, một trong những người biểu tình chống đối ông Đặng Phong, là những kẻ đã mạnh miệng hô to các khẩu hiệu: đả đảo Cộng Sản độc tài, đả đảo Cộng Sản chà đạp nhân quyền, đả đảo Cộng Sản đàn áp nhân dân... Quân, Dân, Tướng, Tá mấy năm nay nườm nượp về nước, có anh bỏ tiền xây nhà, mở khách sạn, mua đất cho ngoại quốc thuê... Cộng sản nó vui vẻ để các anh làm. Có anh gom góp tiền bạc ra vô như đi chợ tìm gái ăn chơi, chụp hình quay phim làm... tài liệu để đời, đến nỗi gái nó hận, nó... cắt..., khiến khí thế tị nạn của chúng ta lấm lem bầm dập... thì không thấy ai nói gì. Nhưng người của "chúng" được Mỹ nó mời hẳn hòi, lên bục gỗ nói chuyện nghiêm chỉnh đứng đắn và để các vị chống Cộng tha hồ cật vấn, thì các vị lại hùng hổ hành hung, hùng hổ đả đảo, hùng hổ ném cà chua trứng thối... Tôi nói thế này có lẽ sẽ có khối vị cho tôi *"bợ đít bác và đảng"* (chữ dùng của một ông "nhà báo" hung hăng nhất nước tị nạn!), nhưng không nói không được: "chơi" như vậy, liệu có chính danh quân tử không? Liệu có đáng mặt hảo hớn không? Đánh nhau, ăn thua ở cái khí phách, cái trượng phu, cái cơ mưu tài trí. Đánh nhau, lại đánh ngay trên chính "giang sơn" của mình (có cảnh sát vòng trong vòng ngoài gìn giữ an ninh cho quí vị tha hồ "chơi", mà còn dùng đòn bẩn, đòn gian, đòn hạn tiện, thì dẫu có "ăn" cũng chẳng vẻ vang đẹp đẽ gì. Tưởng tượng mà xem: "địch" nó ngồi ở bên kia nửa vòng trái đất, nó ôm bụng cười bò: dơ dáng dại hình đến thế mà đòi chống với đỡ! Tôi, thật tình không thể nào hiểu được!

Tôi càng không thể nào hiểu được khi đọc cái "thông cáo khẩn cấp" của trên dưới bốn mươi hội đoàn, đảng phái, cơ quan truyền thông, báo chí kêu gọi đồng bào tẩy chay sự có mặt của ca sĩ Thanh Lan trong các buổi trình diễn. Càng không thể nào hiểu được khi xem cuốn tape của đài truyền hình Viên Thao phát hình tại thủ phủ San Jose: ngay trước hai cánh cửa dẫn vào bên trong hội trường, nơi Thanh Lan sắp trình diễn, là các nhân vật có "tai tiếng" trong cộng đồng cùng "đồng chí" của họ, cộng với những "cựu chiến sĩ Việt Nam Cộng Hòa" mặc quân phục bảnh chọe với cờ quạt biểu ngữ và... vũ khí cà chua trứng thối sắp hàng án ngữ, để, bằng các loại ngôn ngữ thô tục hạ cấp nhất (*đĩ, điếm, cứt, đái* và... tôi không đủ can đản ghi lại. Vị nào muốn nghe, xin liên lạc với đài truyền hình Viên Thao xin một bản sao, coi thử cho biết) để xua đuổi khán giả mua vé vào xem!

Tình trạng bệnh hoạn tâm thần như thế, quả đã đến mức làm cho người có lương năng khó lòng hiểu nổi!

Bốn mươi hội đoàn, đảng phái, cơ sở truyền thông báo chí cùng hợp sức uy hiếp một người đàn bà chân yếu tay mềm, về không được, ở chẳng xong! (Khi tôi viết những dòng này, theo tin chính thức truyền đi trên truyền thanh,

truyền hình, báo chí thì ca sĩ Thanh Lan đã công khai "xin tị nạn", nghĩa là xin giã từ "tù ngục cộng sản" để ở lại "thế giới tự do". Tôi không có ý kiến về quyết định ấy. Quyền ở hay về là quyền của Thanh Lan - dù trên thực tế, muốn ở lại nào có giản dị, về mặt ngoại giao và pháp chế của Việt Nam lẫn Hoa Kỳ - chỉ thấy, nếu quả cô ấy muốn ở lại thật - mà ở lại thật, tối hôm qua, một người bà con của cô ca sĩ này cho biết, lý do cô ở lại rất giản dị, thực tế: và... hợp tình hợp lý: "*Ở VN vào tuổi em rất khó... bước thêm bước nữa. Dù sao ở đây...kiếm chồng cũng dễ!*") - thì hóa ra những trò "đấu tranh" sắt máu trong những ngày qua chỉ là trò... hề à? Hóa ra những khẩu hiệu đại loại: Người Việt tị nạn hải ngoại kiên quyết đập tan âm mưu văn-hóa-vận của Cộng Sản độc tài chỉ là.. bệnh hoang tưởng à?). Bốn mươi hội đoàn, đảng phái, cơ sở truyền thông báo chí đã làm một hành động mà ngay cả một nhà nước với tất cả quyền hành, thế lực, từ công an cảnh sát đến quân đội hùng hậu trong tay và từng được biết đến như một nhà nước khắc khe nhất, không làm, dù nhà nước đó đang bị bốn mươi hội đoàn, đảng phái, cơ sở truyền thông báo chí kia gào thét khản cổ rằng chính "chúng" là biểu trưng của độc tài, đàn áp tự do. Càng mỉa mai và khôi hài hơn nếu ta biết, chính "chúng" đã cho Lê Tuấn cùng phái đoàn làm phim của anh ta về Việt Nam quay cuốn phim vừa nói với tài tử chính là Thanh Lan, cũng chính "chúng" cho phép Thanh Lan qua Mỹ ra mắt cuốn phim ấy. Chưa kể, trước đây đã có không ít nghệ sĩ trình diễn từng khăn gói về quê, chính "chúng" đứng ra vui vẻ chào đón, tổ chức những nhạc hội qui mô để đồng bào tha hồ mua vé vào coi (Lê Uyên, Julie Quang...), và ngày nay ai cũng biết, 95% băng nhạc, băng video của ca sĩ hải ngoại, phim ảnh của Tây Tàu Mỹ Nhật phát thanh phát hình inh ỏi khắp hang cùng ngõ hẹp trong nội địa! Vậy mà "chúng" chả sợ 70 triệu dân ăn phải "bả tư bản". Ngược lại, chúng ta đang sống trong các thể chế tự do, hít thở no nê đến... bội thực không khí tự do, thì lại... sợ Cộng Sản "làm cho tinh thần chao đảo" đến độ trở thành những người mất hết lương tri. Ngẫm xem, có đau xót cho cái niềm tin vào chính nghĩa tự do không chứ?

Những mâu thuẫn vừa nêu đã nói lên một cách xót xa nhất cho tâm trạng hoang mang, hoảng loạn, sợ hãi đến cuồng trí của những người đang biết mình sắp bị vất lại bên đường, khi vòng bánh xe lịch sử vẫn thản nhiên quay.

Nghĩ cho cùng cũng là đáng thương! Đáng thương, đã đành, nhưng xấu hổ, đau nhục thì không thể không có.

Tôi không kêu gọi đừng chống Cộng nữa (nếu giả sử cái gọi là Cộng Sản nó thực sự còn tồn tại ở Việt Nam). Tôi cũng không kêu gọi hãy thỏa hiệp với chế độ. Cứ tiếp tục đấu tranh đi, ít ra, các ông (bà) không làm chế độ ấy sụp đổ được thì các ông (bà) cũng sẽ hiện diện với tư cách là những tiếng nói đối lập cần thiết, giúp cho giới cầm quyền tại quê nhà có nhiều dữ kiện nhìn lại mình hơn, sửa chữa được nhiều những lầm lỗi hơn, và biết đâu sẽ khạc được "khúc xương cộng sản" (chỉ còn cái vỏ, mất tiêu cái ruột!) ra khỏi cuống họng, từ đó, đất nước sẽ khá hơn, 70 triệu dân sẽ có được một cuộc sống ấm

no hạnh phúc hơn. Điều ấy há chẳng phải là ước mơ chung của chúng ta sao? Nói rõ hơn, tôi cho sự hiện diện của các ông (bà) là vô cùng cần thiết. Nhưng tôi... lạy các ông (bà)! Hãy chống Cộng cách khác, thông minh hơn, sáng tạo hơn, sâu sắc hơn, có học hơn, tình nghĩa hơn, và nhất là đởm lược trượng phu hơn. Chứ còn cứ theo mãi con đường này thì... thì... tôi e rằng, có người lại bảo: chính các ông (bà) là... Cộng Sản không chừng (đó là lời đồn đãi của nhiều khán giả bị ném trứng thối khi vào xem Thanh Lan trình diễn! Phần tôi, tôi không đánh giá những ông (bà) chống cộng này cao đến vậy!). Vì còn gì hay hơn, tốt hơn, đẹp đẽ hơn cho giới cầm quyền Việt Nam khi thấy chúng ta, cộng đồng chúng ta, mỗi ngày mỗi trở thành một đám lưu vong hoảng loạn, chỉ biết chửi rủa thô tục, đấm đá vũ phu và trây trét vào mặt nhau, vào mặt tổ quốc rặc những thứ bùn sình tanh lợm!

Để kết luận, và cũng để các ông (bà), những anh hùng chống cộng kiên cường, bất khuất (!), sáng ra được tí nào chăng, tôi trích dẫn lời của một thi sĩ lão thành nổi tiếng, người được coi là có lập trường chống Cộng vững vàng nhất, nhân chuyện biểu tình trước cửa rạp chiếu phim "*Trời Và Đất*: Muốn biết đồng bào ủng hộ ai, dễ lắm, cứ đếm số người cầm biểu ngữ trước cửa rạp xem được mấy chục, rồi vào rạp đếm thử số người mua vé ngồi ngổn ngang cả dưới thảm, dọc lối đi vì không đủ ghế, xem được mấy ngàn, khắc biết. Và một nhận xét nữa, của một chuyên gia đang làm việc cho cơ quan Nasa, Hoa Kỳ, hiện cư ngụ tại Washington: "đọc xong những tờ báo lá cải ở CaLi về các biến cố vừa qua, tôi nổi da gà. Xem TV thấy ở Somalia người da đen kéo xác chết đi chơi, tôi nghĩ cũng chỉ bằng người Việt Cali là cùng, xét về mặt chậm tiến, dã man.

Ngày 5 tháng 2 năm 1994

Không hẹn mà trùng hợp: nhân mấy chuyện "chửi rủa, bạo động, hoan hô, đả đảo" đang được mùa tại Nam Bắc Cali, Kim Thi nhận được bài viết sau đây. Thấy nó ít nhiều phù hợp với những điều quí độc giả vừa đọc bên trên, bèn xin phép tác giả cho Kim Thi giới thiệu cùng bạn đọc.

NGUYỄN MINH

ĐẶC TÍNH NGƯỜI MÌNH

Một buổi tối nọ, tổ chức từ thiện ở địa phương tôi có tổ chức một đêm Việt Nam và họ có nhờ tôi viết bài giới thiệu về đất nước, con người, văn hóa Việt Nam. Tôi nhận lời vì thấy việc này cũng chẳng có gì "ghê gớm" lắm, mà đây lại là dịp "quảng cáo" cho dân tộc mình. Tôi công phu chắt lọc gom cho đầy đủ các mục địa lý, văn hóa, lịch sử, chính trị... nhưng đến phần con người thì tịt. Thật ra cũng có vào câu nhận xét mang tính cô đọng trích từ *Việt Nam*

Sử Lược của cụ Trần Trọng Kim. Mấy câu nhận xét quá cô đọng làm tôi không hài lòng lắm nên thấy nói có cuốn *Người Việt Có Dân Tộc Tính Không?* của tác giả Nam Sơn liền đặt mua để đọc xem thế nào. Ai dè nhà sách báo nói rằng sách đã hết, thế là đành chịu luôn. Tất nhiên trong buổi tối Việt Nam đó chẳng có "ông Tây" nào hỏi người Việt có tính dân tộc không? Và nếu có thì là những đặc tính gì? Thế nhưng câu hỏi đó cứ lởn vởn trong tôi như thúc giục tôi phải tìm hiểu. Đành lòng từ hôm đó tôi luôn để ý trong cuộc sống cũng như khi đọc sách báo xem có thấy cái nết gì đó rất Việt hay không và chợt phát hiện ra một đặc tính (không biết tác giả Nam Sơn có viết đặc tính này trong sách của mình hay không), đó là **chửi**, người Việt rất thích chửi (nhau).

Tôi viết điều này hoàn toàn nghiêm túc, không hề bậy bạ và "nói có sách mách có chứng" đàng hoàng.

Này nhé, đầu tiên chúng ta hãy bắt đầu trong vấn đề ngôn ngữ. Trong tiếng Việt, ngôn ngữ dùng để chửi nhau rất phong phú. Bạn cứ thử ngồi từ sáng đến tối chưa chắc đã thống kê hết các từ trong lãnh vực này. Còn ở Đức thì ai cũng biết tiếng Đức quá nghèo nàn về mục ấy. Tôi cứ nghĩ nếu có ai đó bỏ công sức sưu tầm loại tục ngôn này như kiểu làn từ điển thì chắc cũng được một cuốn kha khá số trang. Hồi còn ở Hà Nội, tôi có nghe nói ở chợ "Âm Phủ" có bà bán cá có thể chửi cả tiếng đồng hồ mà không bị lặp lại tục từ cũ. Như vậy sự giàu có của "chửi từ" trong tiếng Việt là điều không phải bàn cãi. Ngoài ra ai cũng biết tiếng Việt là ngôn ngữ chịu ảnh hưởng ghê gớm của tiếng Hán. Từ Hán-Việt hiện nay không phải là ít thế nhưng trong lĩnh vực "chửi" chẳng thấy có từ Hán nào chen vào cả. Nói như vậy để có thể hiểu rằng đặc tính này không hề chịu ảnh hưởng nào của văn hóa Trung Quốc mặc dù dân tộc ta phải chịu cả ngàn năm Bắc thuộc. Dưới thời Pháp cũng có vài kẻ lai chửi mấy câu lai Tây như "mẹc xà lù"... nhưng loại tục ngôn ngoại lai ấy không tồn tại được theo thời gian.

Bây giờ xét tới lĩnh vực đời sống. Ông Võ Phiến cho rằng *"Chửi mới là đi nửa con đường hành hung"* còn bà Thụy Khuê thì bảo *"Chửi là hành hung trong tưởng tượng"*. Tôi nghĩ như vậy chưa đủ và chưa thấu đáo. Theo tôi, chửi có nhiều dạng, nhiều loại, nhiều đối tượng nên không thể vơ nó vào một đống được, vì vậy tôi tự chia nó ra các loại như sau:

- Loại thứ nhất: **Chửi để mà chửi**, chẳng nhằm một ai cả. Loại này chửi để khoái lỗ miệng, để khỏi phí rượu mà Chí Phèo là một ví dụ điển hình. Đầu tiên hắn chửi đời, sau hắn chửi trời và sau cùng là chửi cả làng Vũ Đại nhưng không nhắm vào riêng ai (trời, bố mẹ hắn - mà hắn cũng chẳng biết là ai). Ở Việt Nam, loại này bây giờ cũng nhiều, nhưng nếu không cẩn thận cũng ngồi tù như bỡn vì người ta sẽ qui cho là "xách mé" chế độ.
- Loại thứ hai: **Chửi với tư thế của kẻ bề trên** ví dụ như bố mẹ chửi con cái, thầy mắng nhiếc học trò, người trên nạt nộ kẻ dưới... Loại này ở thời đại chúng ta không còn thịnh hành vì đạo đức xã hội Việt Nam đã xuống cấp ghê

gớm tới mức bố mẹ không dám chửi con, có chửi nó cũng không nghe mà nhiều khi còn chửi lại. Mấy ông thầy thì thời buổi này hết dám mắng học trò, còn phải nịnh nó là khác vì nếu lỡ ngớ nó bỏ phiếu truất quyền dạy học như chơi. Còn người trên thì càng không có, bên này hay bên kia, nhà nước hay quốc gia bây giờ đều là "thằng" cả, làm gì còn bề trên nữa mà chửi.

● Loại thứ ba: **Chửi vì không làm gì được nó** như nông thôn bị mất gà nghi cho nó mà không bắt được quả tang nên đành chửi đổng, chửi ám chỉ mà thôi; hoặc nó đàng hoàng có tư cách hay được pháp luật che chở nên không làm gì được đành chửi bới vu khống vậy. Lại chửi này nhiều khi cũng được sử sách ghi danh, ví dụ như không may rơi vào tay giặc mà vẫn luôn mồm chửi kẻ thù cho đến chết.

● Loại thứ tư: **Chửi vì biết nó không làm gì được mình**. Ở hải ngoại loại này thịnh hành lắm (Nghe đâu có tờ báo hải ngoại cũng đã áp dụng chiến thuật chửi này, ai dè "nó làm gì được" nên phải chịu phạt cả triệu đô la). Tôi không kể đến việc chửi đảng Cộng Sản Việt Nam vì ở hải ngoại mà chửi thì sướng miệng lắm và nó đếch làm gì được mình, mà chỉ kể đến việc chửi nhau thôi, không phải bằng miệng đâu nhé, bằng báo chí hẳn hoi cơ. Tờ *Làng Văn* đưa tin có người còn ra báo để trả thù (!!!). Bằng cách nào? Có cách gì khác ngoài chửi và vu khống (mà vu khống cũng là một dạng chửi)?

● Loại thứ năm: **Chửi vì nó khá hơn mình**. Người Việt mình có tính hiếu danh, tự cao tự đại nên chẳng kẻ nào chịu thua kẻ nào. Kẻ khác cũng như mình thế mà tại sao nó lại nghĩ được những điều khá hơn mình, đưa ra những sáng kiến hơn mình. Thế thì phải chửi nó để thấy nó chẳng sáng kiến gì đâu, tầm bậy đó, chẳng giúp dân giúp nước gì đâu, cộng sản đấy đừng tin.

● Loại cuối cùng: **Chửi để tỏ ra là thông minh, là sáng suốt, là yêu nước.** Ở hải ngoại có một thời người ta cho rằng kẻ nào chửi cộng sản càng to mồm, càng mạnh thì càng yêu nước. Chửi mãi chán miệng thì quay sang chửi những kẻ suy nghĩ không giống mình, chửi để cho người khác biết mình sáng suốt lắm, thông minh lắm, cộng sản không che mắt được đâu... chửi mãi mà người nghe vẫn ngớ người ra: cộng sản ở đâu nhỉ?

Kết luận: Những luận chứng trên tuy chưa thật đầy đủ nhưng chắc đủ để chứng minh "chửi (nhau)" là đặc tính Việt. Cho đến nay đặc tính này đang có xu thế phát triển và không hề thấy có sự suy thoái. Vậy nếu ai đọc báo chí thấy ở đâu đó có một vài bài tục tĩu một chút cũng đừng ngạc nhiên mà xin vui mừng vì đó là truyền thống của dân tộc đang được phát huy.

NGUYỄN MINH

(Tây Đức)

Ngày 3 tháng 2, 1994 - Khuya.

2 giờ chiều (giờ Washington) hôm nay, trên hệ thống truyền thông, tổng thống Clinton tuyên bố bỏ cấm vận Việt Nam.

Có thể xem đây là biến cố chính trị quan trọng nhất (đối với chúng ta) kể từ 19 năm qua. Biến cố chắc chắn sẽ tạo nên những thay đổi lớn cho Việt Nam (cả trong lẫn ngoài) vào thời gian tới.

Tôi vừa xem xong một chương trình TV thâu và phát trực tiếp cảnh từng rừng người, lớp lớp, mặt mày rạng rỡ, hân hoan đứng sắp hàng sau 40 chiếc xe của công ty nước ngọt Pepsi đậu rải rác khắp thành phố Sài Gòn, chờ lãnh một... lon Pepsi, món quà tặng đầu tiên của tư bản "đế quốc Mỹ", mở màn cho một trang sử mới giữa hai quốc gia. Thật khó ghi lại cái cảm giác phức tạp trong nội tâm tôi khi nhìn thấy cảnh đó. Một chút gì rưng rưng đau xót, một chút gì mừng mừng tủi tủi. Đất nước nghèo quá, dân tộc lầm than quá.... Vẫn biết cái lon Pepsi người ta hào phóng tặng không kia nó mang rất nhiều độc tố, nhưng mà vẫn sung sướng nhận,bởi vì, ít nhất, cũng xoa dịu được phần nào cơn khát bằng hương vị ngọt ngào thơm tho của nó (!!!) Những ai chịu khó suy nghĩ, đều hiểu người Mỹ bỏ cấm vận, trước tiên và cuối cùng, là vì quyền lợi của tổ quốc họ, chứ nào phải vì 70 triệu con người da vàng mũi tẹtchúng ta đâu! Hai cường quốc lớn, là Nhật Bản và Trung Quốc, đang lăm le muốn làm "ông trùm" trái đất này về mặt kinh tế lẫn quân sự vào thế kỷ tới. Việt Nam, trong bối cảnh tranh chấp ngấm ngầm này, dưới mắt các nhà chiến lược Mỹ, là một tiền đồn quan trọng. Cho nên không thể không trở thành bạn hữu của Việt Nam, càng không thể không giúp nó lớn lên, mạnh ra. Bởi có lớn, có mạnh thì mới có khả năng kèmgiữ được hai anh da vàng tháo vát kia.

Nhìn vấn đề dưới khía cạnh tích cực, mừng lắm. Mừng như hàng nghìn khuôn mặt hân hoan khi ngửa tay nhận một lon Pepsi! Nhưng cũng chính thái độ hởn hở vô tội vạ kia nó làm cho tất cả mọi người Việt Nam có ý thức đều thắt ruột lại vì buồn, tủi và lo sợ. Vâng, nước Mỹ quá giàu, quá mạnh. Đồng tiền của Mỹ là một hấp lực không thể cưỡng chống. Liệu rồi đây những tờ giấy xanh tẩm đầy ma túy ấy sẽ dẫn dân tộc đi về đâu? Lý tưởng, đạo đức, lòng tự hào, ý chí độc lập vốn đã quá đỗi suy sụp vì đói nghèo, lạc hậu, sẽ còn tan rã đến mức độ nào?

Trong bối cảnh mới đó, người Việt hải ngoại lẽ ra phải nhìn thấy những nguy cơ tiềm ẩn, kịp thời thức tỉnh, bước qua lằn ranh hận thù, cùng góp sức để đối đầu, thì buồn thay lại vẫn cứ loay hoay mãi trong bầu khí của một "*cuộc chiến chưa tàn*". Tôi nghe một ông "chủ tịch cộng đồng" hăm he sẽ kêu gọi "đồng bào" biểu tình. Tôi nhìn ba người đàn ông đứng ôm cán cờ có lá cờ vàng ba sọc đỏ trên một tờ báo Mỹ, cô đơn và buồn rầu. Tôi đọc những lời tuyên bố ngô nghê đến buồn cười của một "nhân sĩ": "*Ta thua lần này nhưng chưa tuyệt vọng, phải tiếp tục tỏ thái độ để khuyến cáo Clinton đừng thiết lập bang giao...*" và "*Clinton đã phản bội người tị nạn, đã chà đạp lên khát vọng của 70 triệu dân Việt*" (?!). Tôi cũng vừa đọc xong một cuốn sách, trong đó một ông sĩ quan thuộc một binh chủng rất "ngầu" tâm sự: nếu lịch sử lặp lại, ông ấy cũng sẽ làm như ông ấy đã làm. Nghĩa là vẫn tiếp tục dâng hiến tuổi

trẻ mình cho cuộc chiến tranh cốt nhục, dùsau mười chín năm, ai cũng đều biết rõ: đất nước, dân tộc mình chỉ là một con cờ trên bàn cờ tranh chấp quyền lực của cái đại cường Mỹ, Nga, Tàu!... Lòng tôi chùng xuống, vừa xót xa, tội nghiệp vừa... giận. Xót xa, vì nhận thấy cho đến bây giờ, tình trạng lạc hậu trong nhận thức chính trị của một thiểu số người vẫn còn quá lớn. Làm sao người ta không chịu hiểu: quyết định của một ông tổng thống Mỹ nào phải là quyết định đơn phương của cá nhân ông ta? Và quyền lợi ((nếu quả thật đó là quyền lợi!) của một nhúm thiểu số nào nghĩa lý gì so với quyền lợi của cả dân tộc họ? Tội nghiệp, vì cái nhóm thiểu số kia vẫn mang một ảo tưởng lạ lùng, rằng tiếng nói của mình có trọng lượng, có khả năng làm thay đổi được những quyết định phát ra từ nhà trắng! Và giận, vì mãi đến bây giờ người ta vẫn còn sử dụng không biết đỏ mặt một con cờ đến đứa con nít lên ba cũng đã biết tẩy:áp đặt cái "khát vọng" quái quỉ của họ lên đầu bảy mươi triệu người trong nước, đồng thời cái "căn tính nô lệ" vẫn còn là vết hằn rất sâu trong tâm thức họ, đến trở thành quán tính!

Nhưng xét cho cùng, lịch sử vẫn đi tới. Lịch sử sẽ nghiền nát dưới bánh xe của nó những lực cản nhỏnhoi. Cái còn lại vẫn là câu hỏi nghìn lần đáng lưu tâm hơn: Trong giai đoạn mới, chúng ta phải làm gì, làm cách nào để bảo tồn được bản sắc dân tộc trong cơn lốc cuồng bạo của đô la?

Ngày 7 tháng 2, 1994

Bài viết sau đây đăng trên nhật báo *San Jose Mercury News*, trong mục *Perspective (viễn tượng)* của con trai một cựu trung tướng QLVNCH - ông Andrew Lâm - có thể xem là tiêu biểu cho suy nghĩ của lớp người mới, lớp người không dính líu nhiều đến quá khứ, lớp người lúc cha anh bỏ nước ra đi họ còn quá nhỏ. Đến nay, sau 19 năm, họ đã là thành phần đa số, có kiến thức, có chuyên môn cao, và nhất là có một cái nhìn rộng rãi, nhân bản hơn, về đất nước, quê hương mình. Tôi nghĩ, chính họ, lớp người này, mới thực sự xứng đáng đại diện cho cộng đồng lưu vong hải ngoại nếu một mai tổ quốc cần sự có mặt của họ, trong mọi lãnh vực.

Chúng ta cũng nên biết thêm, Andrew Lâm hiện là biên tập viên của hãng tin *Pacific News Service*. Bài viết dưới đây nguyên tác bằng Anh ngữ: *Vietnammese: Should we laught or cry?* Nhà văn Nguyễn Bá Trạc chuyển ra Việt ngữ, dưới tựa đề:

NGƯỜI VIỆT NAM CHÚNG TÔI NÊN CƯỜI HAY NÊN KHÓC?

ANDREW LÂM

Suốt tuần nay, cả không gian xao xác vì những tin tức liên quan đến Việt

Nam, quê hương đất nước tôi. Tổng thống Clinton đang bãi bỏ cấm vận. Một chương sách đang khép lại. Nước Mỹ đã nhìn nhận kẻ cựu thù như một người bạn thất lạc từ lâu. Nhưng có một điều mà các phóng viên không nói tới, ấy là việc bãi bỏ cấm vận cũng đánh dấu việc kết thúc một lý lịch nhân thân đã 20 năm trường của những người Việt lưu đày trên đất Mỹ.

Trong một quán cà phê Việt Nam ở San Francisco, những cụ già ngồi ngẫm nghĩ bàn bạc mãi về cái ý tưởng hòa giải quốc gia. Bây giờ Hoa Kỳ đã ôm lấy Việt Nam, một người đàn ông hỏi tôi, chúng ta nên cười hay nên khóc?

Từ khi đợt tị nạn Việt Nam đầu tiên đặt chân lên đất Mỹ, vào đợt di dân ấy tôi hãy còn nhớ, và một thảm kịch chung đã ràng buộc lấy tất cả chúng tôi. Chúng tôi là những kẻ thua cuộc trong một cuộc nội chiến, những người còn lại của một quân đội thất trận, những người đã được trồng lên trên đất mới.

Lúc ấy, Sài Gòn Nhỏ chưa ra đời, nó khẳng định cái ước mơ về mảnh đất quê hương xa xôi. Chúng tôi đã than khóc, chúng tôi đã biểu tình, chúng tôi đã viết nên những bài thơ về cuộc thất trận bi hùng của chúng tôi. Chúng tôi đã tạo nên những từ ngữ mới, ví dụ ngày 30 tháng 4, 1975 là ngày cả nước khóc thương, ngày *Quốc Hận*. Chúng tôi đã lắng nghe không dứt những bài ca mang những tựa đề "*Mẹ Việt Nam ơi*", "*Chúng tôi hãy còn đây*", "*Ngày anh trở lại*", "*Những ngày vàng ở Việt Nam*"...

"Những người thua cuộc trong một trận chiến anh hùng thường có khuynh hướng bám chặt lấy dĩ vãng. Trong mọi thương xá chạy suốt tiểu bang California, phất phới những lá cờ của miền Nam Việt Nam, những lá cờ vàng ba sọc đỏ - lá cờ tiêu biểu cho một quốc gia không còn tồn tại nữa. Và trong cuộc lưu đày, ký ức về cuộc chiến không ngừng sống lại."

Trong căn nhà của cha tôi, căn nhà của một cựu tướng lãnh Quân đội miền Nam Việt Nam, dĩ vãng luôn luôn lởn vởn trong những bữa cơm. Sau một hai ly rượu, cha tôi lại nói chuyện về quê hương đất nước, về những trận đánh mà cha tôi đã chiến đấu và chiến thắng. Không biết đã bao lần, qua những câu chuyện chiến trận của cha tôi, tôi lại thấy ánh lửa của bom Napalm lóe sáng trong bầu trời đêm.

Và rồi năm tháng cứ trôi qua. Cái khoảng cách không tránh được giữa cha con lớn rộng dần. Trong lúc cha tôi vẫn xem mình như một người Việt lưu vong, thì tôi coi mình như một người Mỹ tái sinh trên đất Mỹ. Giống như con cái của rất nhiều sĩ quan miền Nam lưu vong, tôi đã vọt xe chạy nhanh trên xa lộ, hướng đến những đô thị lớn, đi thoát khỏi một vùng đất của huyền thoại với những cánh trực thăng bay xành xạch trên cánh đồng, ruộng lúa.

Trước đây, có lần ngồi trong một lớp học đông nghẹt những sinh viên Đại học Stanford, những người xem mình như người Mỹ gốc Việt chứ không phải Người Việt lưu vong, tôi chợt nhận ra rằng: họ là những người quá trẻ để nhớ về Việt Nam. Làm sao những người trẻ này, những khuôn mặt rạng rỡ này

có thể biết "*Những ngày vàng ở Việt Nam*"?

Cho nên, khi nghe cha tôi nói về chuyện chống bãi bỏ cấm vận, phần tôi thì lại thấy những lợi ích trong việc bình thường hóa với quê hương tôi. Trong khi cha tôi không thể đối mặt với quê hương, thì tôi đã du lịch về Việt Nam để đối đầu với nguồn gốc của nỗi đau buồn tôi. Cha tôi bảo phải dứt chế độ Cộng Sản. Tôi đồng ý. Tuy nhiên để ảnh hưởng đến tương lai của đất nước Việt Nam, người ta phải đặt sang một bên những ý tưởng phục thù, phải chấm dứt những sầu thương phiền muộn, và phải ý thức Việt Nam vẫn đang đi tiếp tục dù không có mặt chúng ta. Những người lưu vong chúng ta đã trở thành một câu cước chú, trong một chương sử đã qua.

Một người bạn vẫn thường xem mình như một người Việt lưu đày - từ miền Đông gọi điện thoại sang cho tôi, nói rằng tin bãi bỏ cấm vận đã làm rúng động cả tâm hồn anh. "*Bây giờ tao nhận ra rằng tao không còn muốn về quê hương nữa*", anh ta nói. "*Chỉ cho đến bây giờ tao mới chịu nhận ra rằng tao đã trở thành một người Mỹ*".

Một người bạn khác có bằng Cao Học Thương Mại ở Mỹ thì lại hớn hở về cái tin. "*Tao không mất gốc đâu*", hắn tâm sự. "*Tao đang có một địa chỉ thứ hai, một quê hương thứ hai.*"

Việc kết thúc của một thứ văn hóa lưu đày lại là sự mở đầu của một màn mới, một người bạn cho tôi biết anh ta vừa mở một văn phòng làm ăn ở Sàigòn. Nếu ngày 30/4/75 là ngày **Quốc Hận** thì ngày 3/2/94 sẽ là ngày **Quốc Hợp**

"*Chỉ còn vài ngày nữa thôi, Tết đã đến. Cái Tết của người Việt Nam. Theo phong tục người Việt, chúng tôi xua đuổi tà ma, dẹp bỏ những ác cảm để đón chào năm mới. Sáng hôm nay, trong thành phố này đã có những gì mới mẻ tỏa ra trong không khí. Bên ngoài cửa sổ, gió Đông đang thổi.*

Việt Nam và nước Mỹ, hai ý tưởng phân ly đang hợp lại. Tôi thấy một di sản cũ kỹ đã chấm hết, và cái gạch nối của căn gốc nhân thân tôi đang trải rộng ra như một cây cầu, nối từ bên này sang bên kia của một đại dương xanh."

ANDREW LÂM
(NGUYỄN BÁ TRẠC *dịch*)

Ngày 24 tháng 2, 1994

Đất dành cho Kim Thi giới hạn. Kỳ này, đã "chiếm công vi tư" thái quá. Vậy mà dù quyết định khóa sổ rồi, vẫn phải lạm dụng thêm vài trang nữa! Bởi không nói không được. Không nói, ngủ không yên, ăn không ngon. Bực bội, khổ sở, đau đớn còn hơn hồi trai trẻ nhìn người yêu ôm cầm sang thuyền khác!

Chỉ tại cái bài viết... khốn khổ của một ông cựu phó thủ tướng Việt Nam Cộng Hòa đăng trên báo *Người Việt*, số phát hành ngày thứ Bảy, 19 tháng 2, 1994.

Xét tuổi tác, tôi chỉ đáng hàng con cháu vị cựu phó thủ tướng này. Chiếu theo đạo lý Đông Phương, kẻ hậu sinh phải "kính lão đắc thọ". Nói cách khác, dù các cụ có gàn dở cách nào chăng nữa, nếu đã biết mình là phận cháu con, thì, hoặc đi chỗ khác chơi, áp dụng tận tình chiêu thức "không nghe, không biết, không thấy", hoặc cứ nghe, cứ nhìn, cứ biết, nhưng ráng vén mội cười... trừ, cho xong chuyện. Thời gian vó câu cửa sổ, năm mươi năm nữa, thế nào rồi các cụ cũng về với các bụi, hãy để các cụ ra đi bình yên.

Nhưng mà chuyện cụ phó thủ tướng nói, chẳng phải chuyện "lẩm cẩm" của phần hầu hết những người già, con cháu nghe, vâng vâng dạ một cách thương mến, che chở: "*Ông cụ trái chứng ấy mà, trách làm gì!*". Khổ, cụ lại mang nó lên báo, cụ lại nhân danh *tuyệt đại quần chúng Việt Nam* — trong đó có tôi, một anh Mít chưa có quốc tịch Hoa Kỳ, nghĩa là vẫn còn là một *quần chúng VN* — mà nói, mới phiền!

Bài báo của cụ có tựa đề "*Tổng Thống Clinton Đã Thất Hứa*", khá dài, cho rằng Clinton đã chà đạp lên nguyện vọng của toàn dân Việt (không biết cụ đào ở đâu ra cái "nguyện vọng" này của "toàn dân Việt?), đã thất hức với họ, đã bãi bỏ lệnh cấm vận, khiến chế độ CS đang thoi thóp giẫy chết có cơ phục hồi ("giẫy chết" hoài, mười chín năm rồi, trong lịch sử loài người chưa từng có một cơn hấp hối nào... dai đến vậy!), v.v...v.v... Cũng được, không sao! Tạm bỏ qua chuyện cụ nói đúng hay sai. Phàm làm người, ai cũng có quyền chọn cho mình một lập trường. Đúng sai dần dà sẽ tỏ. Duy điều làm tôi... kinh hoàng là sau khi đã phân tích tình hình một cách rất... sáng suốt theo kiểu của cụ, từ "*nguyện vọng của dân tộc VN*" kết hợp với "*Nguyện vọng của cựu chiến binh Hoa Kỳ*", đến những sai lầm khi Clinton (qua nghị sĩ Mc Cain) nghĩ "*rằng giúp Việt Cộng thành cường quốc quân sự và kinh tế để làm cán cân ngăn chặn sự bành trướng của Trung Cộng là một nghịch lý, chứng tỏ ông ta rất ít hiểu biết về Trung Cộng và Việt Nam*", cụ cựu phó thủ tướng đi đến chỗ ngao ngán, thất vọng, rồi hối hận đã từng bỏ phiếu cho ông Clinton! Cuối cùng, cụ kết luận bằng hai cột báo tán dương nồng nàn "công ơn" của hai cựu tổng thống Nixon và Reagan, và kêu gọi mọi công dân Việt Nam "hành hương" về California, nơi cư ngụ của hai ông cựu tổng thống kia để thăm viếng họ, hoặc nếu không đi được thì gửi thư "*theo lối hàng không hạng nhất*" (chữ của cụ) để tỏ lòng tôn kính những bậc vĩ nhân từng sát cánh với VN "*trừng phạt nghiêm khắc bọn Cộng Sản lưu manh, tàn bạo*" (lại chữ của cụ). Nhưng lẫm liệt nhất, khí thế nhất, đáng ghi vào sử xanh nhất là câu này: "*Cần có một ban tổ chức chọn lựa kỹ càng, và nếu tiện thì tặng quà kỷ niệm có khắc rõ ràng "DÂN TỘC VIỆT NAM GHI ƠN TỔNG THỐNG RICHARD NIXON*" (chữ IN trong nguyên bản)!!!

Hẳn chúng ta còn nhớ, ông cựu tổng thống bị về vườn vì tội "nghe lén" này là tác giả những trận bom long trời lở đất tại Bắc Việt nói riêng, trên toàn lãnh thổ Việt Nam nói chung, người muốn đưa "*nửa phần đất bên kia sông Bến Hải trở về thời kỳ đồ đá*"; người, trong những tài liệu mật được công bố

sau này, ngay thời bấy giờ, đã có quyết định rút chân ra khỏi Đông Dương, bằng giải pháp "*thay đổi màu da trên xác chết*" mà các tổng thống Mỹ kế thừa đã thực hiện dần dần. Nói văn vẻ hơn, người đề xuất phương án *Việt Nam hóa chiến tranh*. Huỵch toẹt cho xong chuyện, người đã tiên đoán được hình ảnh "cuốn cờ" sẽ xảy ra cho quân đội Mỹ trong tương lai, nên thay vì làm chết thêm "con dân" mình một cách vô bổ, chỉ bằng cung cấp vũ khí súng đạn cho chúng tiếp tục chém giết nhau, nồi da xáo thịt nhau, đến khô kiệt máu, nước mắt, đến thân tàn ma dại. Rồi sẽ có lúc chúng mày trắng mắt ra: thắng cũng chết, thua cũng chết (tan hoang thoi thóp thế kia, không chết, họa là thánh!) Đợi đấy, nhất định sẽ có ngày "ông" trở lại. Trở lại trong vinh quang.

Mấy mươi năm sau, chuyện ấy đã trở thành sự thật.

Đối với Hoa Kỳ, ông Nixon quả là vĩ nhân, có tầm nhìn xa trông rộng, có đôi mắt "tiên tri thấu thị". Nhưng đối với dân tộc Việt Nam, ông ấy là ai? Thiết nghĩ, một đứa con nít lên mười cũng có thể dễ dàng tìm ra câu trả lời.

Một ông cựu phó thủ tướng., một trong những "tinh hoa" của giống nòi, từng có thời lèo lái con thuyền quốc gia, sao lại không biết đến điều đó nhỉ? Sao lại không thấy ra cái thân phận tay sai của mình nhỉ? Qua bao nhiêu đau thương từng nếm trải, qua bao nhiêutang hải, ngày nay, trăn nghìn sợi tóc đã bạc trên đầu, vài chục nếp nhăn đã hằn trên trán, sao lại có thể... mịt mờ như thế nhỉ?

Đọc bài viết của cụ, nhớ lại hình ảnh từng đăng trên báo *Công Luận* tại miền Nam thuở nào: ông Nguyễn Cao Kỳ cùng với phu nhân, rất oai phong quý phái (và dĩ nhiên đẹp trai đẹp gái) tươi cười cầm bút ký tên vào vỏ quả bom (Mỹ) đã gài sẵn dưới cánh một phi cơ chiến đấusắp bay ra oanh tạc miền Bắc, kèm theo lời tuyên bố hùng hồn: "*Hôm nay là ngày vui nhất đời tôi*", tôi không ngăm được tiếng thở dài. Những trái bom! Chỉ vài mươi phút sau nụ cười "*vui nhất đời*" kia, là hàng nghìn sinh linh sẽ vùi thây hay đui què mẻ sứt bởi hàng ngàn mảnh bom (Mỹ) có mang chữ ký bay bướm của một con người cùng có chung với họ một tổ tiên, nguồn cội! Tôi cũng nhớ đến ông cựu tổng thống của nền đệ nhị Cộng Hòa miền Nam Việt Nam, vài tuần trước khi lên phi cơ dông mất, đã xuất hiện trên truyền thanh, truyền hình, phẫn uất gào: "*Thằng Mỹ nó hứa nó cho một tôi một trăm triệu, rồi bảy mươi triệu, bây giờ ba mươi triệu cũng không có, hỏi tôi lấy gì tôi đánh thằng CS?*". Ngày ấy, sau ba năm cởi cởi trả quân phục, chấm dứt bảy năm cống hiến tuổi trẻ mình cho "chính nghĩa quốc gia" nhờ những mảnh dạn chó chết nằm trong đầu, vừa nghe dứt câu nói lịch sử trên, tôi chết lặng trong lòng ghế, cảm thấy sống lưng lạnh toát, rồi một cách vô thức, tôi ném mạnh chiếc ly đang cầm trong tay vào tường (suýt tí nữa trúng đầu... hiền thê), vọt miệng: "*Trời cao đất dày ạ! Tự thú nhận cái thân phận đánh thuê một cách trắng trợn như thế, thử hỏi còn gì sĩ diện quốc gia!*".

Với những nhà lãnh đạo loại trên, thảo nào miền Nam không mất, thảo nào đất nước không điêu linh!

Nhưng đó là ông Kỳ thời trẻ, ông Kỳ của tướng không quân hào hao phong nhã, thích đá gà nhảy đầm uống rượu Tây hơn chuyện quốc gia đại sự. Và đó là ông Thiệu vào giai đoạn sắp mất hết: quyền lực, đất đai, con dân... nên giận quá mất khôn, nói bừa cho nó... sướng miệng. Ngày nay, sau mười chín năm, tuổi tác đã cao, đắng cay đã nếm, cuộc sống lưu vong bạc bẽo đã thấm, cái vị đã bình tâm lại, nhìn ra nhiều điều. Đáng ngạc nhiên là một ông cựu phó thủ tướng, tuổi tác, học vấn, kinh luân hơn hẳn hai ông kia, đã có thời được dân chúng miền Nam kính trọng như một chính khách lỗi lạc, sau chừng ấy tang thương, sau bao nhiêu "chứng liệu" mắt thấy tai nghe, vẫn chưa chịu tỉnh, còn hùng dũng kêu gọi "quốc dân" khắc bảng đồng ghi ơn công đức một ông cựu tổng thống "ngoại bang" từng ra lệnh cày nát tổ quốc mình, khiến máu đổ thành sông, xương chất thành núi, mà hậu quả là sự chia rẻ giống nòi còn sâu thăm thẳm trong lòng dân chúng hai miền. Chua xót hơn, cũng chính ông tổng thống này, cùng với các vị kế thừa, là tác giả đã "lên kế hoạch" sẽ bỏ rơi "người anh em" của mình, thì thử hỏi, còn đất trời nào nữa? Còn đau nhục nào lớn hơn?

Căn tính nô lệ, tay sai, đánh thuê như thế, không phải không còn nhiều ở một lớp người. Nguy hại và ghê tởm hơn, loại bệnh lý này vô hình trung, qua những bài viết kiểu của ông cựu phó thủ tướng, đã "di truyền" đến các thế hệ kế tiếp. Nhiều lần, coi trên truyền hình những cuộc biểu tình đấu tranh của một thiểu số người Việt hải ngoại, tôi thấy các em học sinh sinh viên tuổi mười tám đôi mươi (vào ngày 30 tháng 4, 1975 các em hẳn chưa ra đời, hoặc chỉ mới biết lật), cũng mặt mày sừng sộ, cũng khản giọng gào thét: "*Đả đảo CS tham tàn khát máu*", "*Đả đảo CS uống máu ăn gan*", và trên tay, là tấm biểu ngữ đòi hỏi: "*CS phải hợp tác, thi hành nghiêm chỉnh việc tìm kiếm người Mỹ mất tích thời chiến tranh VN*", tôi đau đớn nghĩ: CS tham tàn khát máu các em chỉ nghe cha chú kể lại, chưa chứng nghiệm bằng chính bản thân mình, nhưng tinh thần nô lệ, ý thức tay sai thì các em đã được các cha chú truyền cho một cách quá đỗi tận tình. Nếu không, làm sao các em cầm được trên tay những tấm biểu ngữ nội dung như vậy mà không cảm thấy nhục nhã giống nòi?

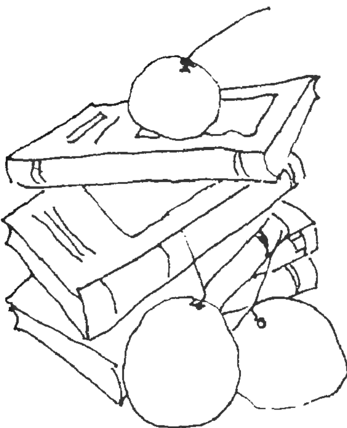
Tội nghiệp các em! Tội nghiệp tổ quốc! Tội nghiệp những trái tim đã hóa đá, những đôi mắt đã mù, những tâm hồn đã đời đời chỉ ước mơ làm kẻ thừa sai tận tuy cho những thế lực ngoại cường.

KIM THI



NGUYỄN THỊ GIÁNG CHÂU

giới thiệu sách mới



HANOI TODAY, *"Những hình ảnh ghi lại của một nhà giáo Hoa Kỳ về Việt Nam*". Tác giả Virginia Gift, Ebory, Inc., Maryland xuất bản, 10/1993, 176 tr. khổ 8,50" X 11", 137 hình chụp màu. Bìa dày, có bọc bìa phụ. Giá 39.95 Mỹ Kim. In ở Ý.

Liên lạc: Tel: (301) 725-6633, EBORY, INC. 9635 Sea Shadow, Columbia, Maryland 21046. USA.

Việt Nam đã là một trong những địa danh hành đầu của thời sự quốc tế từ nửa thế kỷ nay, nhưng người Việt Nam và sinh hoạt của quốc gia này vẫn là nửa kín nửa hở, không những trước mắt quốc tế, mà cả giữa người Việt Nam với nhau. Điều bí ẩn ấy, tiêu biêu nhất, mà trung tâm là sinh hoạt người Việt ở kinh đô truyền thống văn hóa đã hàng ngàn năm: Hà Nội.

Sau chiến tranh, một nhà giáo Hoa Kỳ, bà Virginia Gift, qua ngòi bút và ống kính nhiếp ảnh chuyên môn và nhậy bén, đã hoàn thành một tác phẩm có thể được coi là qui mô và sống động nhất, cuốn *Hanoi Today*.

Kinh đô của 4000 năm văn hiến Việt Nam là Hà Nội, được trình bày dưới nhiều góc độ, cho chúng ta thấy thêm được nét kỳ lạ của sinh hoạt của con người sống trong thành phố ấy, bắt đầu thực hiện từ năm 1989 dưới mắt của một phụ nữ Hoa Kỳ.

Cuốn sách đầy hình ảnh mỹ thuật, sống động và cập nhật nhất cùng những ghi nhận dủ mọi góc cạnh, từ lịch sử, văn hóa, lẫn sự chịu dựng, tự hào của những người sống ở một dịa danh từng được coi là chậm tiến, hiếu chiến... dồng thời cũng thiệt thòi, dau thương nhất trong chiến tranh lạnh.

Nhưng không phải chỉ có thế.

Độc giả càng xa lạ với Hà Nội, sẽ cành kinh ngạc với những nhận xét chính mình, vì những nét tương phản mà tác giả, bà V. Gift dã thể hiện - Điều mà có lẽ lâu lắm về sau, mới có cuốn nào theo kịp: Ấy là sự tươi tắn, không ảm

đạm, không cúi đầu của con người và cảnh sinh hoạt của một thành phố đáng yêunhất và tồn tại cổ nhất của Á Châu. Các hình ảnh ấy, được thể hiện qua nhiều đề tài. Nào lam lũ lao động, buôn bán, nào nghi lễ cúng tế... của đủ mọi thế hệ. Nét mặt của các thiếu nhi, phụ nữ, và cả người ăn xin trên dường phố... đều có nét đặc thù. Đúng, chiến tranh đã qua rồi, con người đang chờ đợi, đang sống với tia mắt tươi tỉnh hướng về tương lai.

Hà Nội, thủ phủ của cái nôi văn minh sông Hồng, từng mấy lần tiêu thổ kháng chiến, các vua đời Trần đã tự đốt cung điện để đánh với quân Nguyên, lúc nào, đời nào cũng lấy tinh thần làm lý tưởng, vật chất làm nhẹ, nguyên ở câu châm ngôn đã thành triết lý sống: "*Ăn để mà sống, không sống để mà ăn*".

Cho nên tác giả, kinh ngạc trước sự thiếu thốn vật chất, càng kinh ngạc hơn trước sự tự tin, hiếu khách, tế nhị của dân Thủ đô Hà Nội. Sau hai năm, trước các đối tượng xa lạ, Bà hoàn thành một tác phẩm tươi sáng đến thế - hẳn động cơ do tính nhân bản giữa con người với con người, cộng với nhãn quan của một nghệ nhân... mới ghi lại được những hình ảnh qua góc độ nhìn độc đáo về cảnh vật như thế; mới thân ái trung thực với các sinh hoạt xã hội đến thế; mới ghi nhận những nét dẹp bất ngờ dến thế qua ánh mắt nụ cười... của những con người Bà đã gặp.

Với lời giới thiệu trang trọng của ba tên tuổi nơi bìa lưng (Noam Chomsky, Le Ly Hayslip, Oliver Stone) nhấn mạnh nội dung cuốn sách là hình ảnh về hậu chiến của Việt Nam, về sinh hoạt của người dân Hà Nội, về phản ảnh tiêu biểu bằng những nghịch biện bấy lâu giữa con người với nhau... không những đã đủ bảo đảm cho giá trị của cuốn sách trước những độc giả thưởng ngoạn kén chọn, mà còn cả với những người tìm hiểu đủ các quốc tịch.

Với người Việt, chỉ cần một lần giở sách, cũng đã đủ thấy giá trị tinh thần nghệ thuật của tác giả: HANOI TODAY, không chỉ là công phu nghiên cứu lịch sử lẫn văn hóa Việt, bà Virginia Gift đã chụp được không khí Hà Nội, hơi thở Hà Nội.

(VŨ HUY QUANG, 3/94)

HUẾ BUỒN CHI, thơ Hoàng Xuân Sơn. Bìa Võ Đình. Phụ bản Đinh Cường, Võ Đình. Nhạc Lê Văn Thành. Bạt và trình bày bìa Hồ Đình Nghiêm. Tác giả ấn hành 1993. Giá 12MK.

Đúng là một tập thơ rất Huế, thiệt Huế. *Quai hồng guốc đứt rồi o / Đi mô luống cuống cho đò trễ sông / Anh xin làm sợi tóc bồng / Cột giùm o chút buồn không giữa chiều / E chừng gió thổi người xiêu / Áo mờ hết cả đường theo trắng ngần.* Huế, ở những thổ âm ("o", " di mô", "cột", "e"...) đã dành, mà Huế bàng bạc trong hơi thơ, trong nhịp tiết. Nói như thế không có nghĩa chỉ những ai là *người Huế* mới cảm nhận được cái tiếng thầm âm âm buồn bã trong *Huế Buồn Chi*. Ngược lại, chính chất gọng "rất Huế" ấy lại có một hấp lực riêng, đặc thù và cá biệt, làm nên những dòng thơ rất xứng đáng chiếm giữ một vị trí trong sinh hoạt thi ca Việt Nam vài thập niên qua.

Liên lạc: Hoàng Xuân Sơn. 38, 14è rue. Roxboro. PQ I18Y-1M6. Canada

KHI TAN NẮNG, tuyển tập truyện ngắn của nhiều cây bút "xa tổ quốc". Bìa Trần Ngọc. Hội Nhà Văn xuất bản 1993. Giá 16.000 đồng Việt Nam.

Gồm những truyện ngắn của các tác giả: Đoàn Tam (*Em Gái Phù Tang*) - Bùi Bích Hà (*Thuyền*) - Ngọc Khôi (*Những Ngôi Nhà Mà Tôi Đã Ở*) - Trân Sa (*Thời Mà Nàng Còn Điên*) - Nguyễn Thị Ngọc Nhung (*Chuyện Tình*) - Trần Mộng Tú (*Padyamu*) Trần Vũ (*Ben Hur và Messa la*) - Phan Thị Trọng Tuyến (*Lấy Nhau Chẳng Đặng*) - Nguyễn Thị Hoàng Bắc (*Bà Ngoại*) - Nguyễn Mộng Giác (*Ngọn Cỏ Khô Trên Thung Lũng Mùa Xuân*) - Tam Thanh (*Tình Cuối*) - Nguyễn Thị Ngọc Nhung (*Khi Tan Nắng*) - Hồ Trường An (*Khởi Đầu Cơn Gió Bụi*) - Vũ Quỳnh N.H. (*Colors*) - Nguyễn Trung Tâm (*Hồng Phúc*). Những truyện ngắn trên, theo nhà xuất bản, được trích từ các tạp chí văn học ở hải ngoại: *Làng Văn, Văn Học, Hợp Lưu, Văn Uyển,* do Vĩnh An, Nguyễn Hoài, Nguyễn Phan Hách sưu tầm và tuyển chọn.

Đây không phải tuyển tập đầu tiên của các nhà văn hải ngoại được in trong nước, nhưng có lẽ là một tuyển tập, về mặt nội dung, được chăm sóc cẩn thận và có trách nhiệm nhất. Chúng ta hy vọng, dần dà những tác phẩm tương tự sẽ xuất hiện nhiều hơn tại nội địa.

VIỆT NAM MÁU LỬA QUÊ HƯƠNG TÔI, hồi ký của Đỗ Mậu, ấn bản thứ ba. Văn Nghệ tái bản. Giá 32MK.

sách in tuyệt đẹp trên giấy màu mỡ gà, khổ lớn (7" X 9.50") đóng chỉ, bìa da dày, có thêm bìa phụ bọc ngoài, tổng cộng 1089 trang.

Tập hồi ký chính trị Việt Nam Máu Lửa Quê Hương Tôi *của tác giả Hoành Linh Đỗ Mậu được nhà xuất bản Hương Quê ấn hành lần đầu tiên vào mùa thu năm 1986 tại miền Nam California, Hoa Kỳ.*

Từ ấy đến nay, tác phẩm đã được tái bản một lần (1987) và in lại tám lần. như vậy, bản mà quí vị cầm trên tay hôm nay (1983) của nhà xuất bản Văn Nghệ là lần biên tập thứ ba và lần in thứ chín (Third Edition, Ninth Printing). Đó là không kể hai ấn bản mà tác giả hoàn toàn không biết đến quá trình hình thành của chúng.

Bản thứ nhất in tại Úc Châu vào khoảng năm 1990 với một hình bìa khác hẳn. và bản thứ nhì in tại Việt Nam, không những khác bìa, nội dung bị biến cải, mà ngay tên sách cũng bị thay đổi. Đó là cuốn Tâm Sự Tướng Lưu Vong *do nhà xuất bản Công An Nhân Dân ấn hành 3.200 bản vào năm 1991 (...) đã bị bỏ bớt gần 1/4 nội dung, thay đổi và thêm bớt nhiều đoạn...*

Tác phẩm từng gây sôi nổi tại hải ngoại trong lãnh vực sách hồi ký. Thậm chí đã có một cuốn sách cũng với chiều dày ngang ngửa, viết ra, chỉ nhằm mục đích "đả phá" cuốn hồi ký này.

Về nội dung *một số luận cứ và chứng liệu được thêm vào, đặc biệt về quá trình du nhập Thiên Chúa Giáo vào Việt Nam, về những bí ẩn mới trong cuộc cách mạng 1/11/63, về cuộc vận động dân chủ của Phật Giáo ở miền Trung năm 1966, về vai trò của Vatican trong trong những ngày cuối cùng của miền*

Nam vào năm 1975 (...) Cũng thêm vào ấn bản này là một Phụ Lục mới gồm mười tài liệu đọc thêm của những nhân chứng lịch sử và và một số hình ảnh của các khuôn mặt quan trọng đã hiện diện trong tác phẩm.

Không cần nói chúng ta cũng hiểu, đây là một chứng liệu lịch sử rất quan trọng.

TỰ DO VÀ ĐẠO LÝ, Hegel, Lão Tử và Triết Học Pháp Lý, của Nguyễn Hữu Liêm, Biển Mới Xuất Bản. Không ghi giá bán.

Tác phẩm thứ hai sau *Dân Chủ Pháp Trị* xuất bản vào năm 1991 của cùng tác giả. Sách dày 686 trang, chữ nhỏ, khung rộng. Toàn bộ tác phẩm xoay quanh những câu hỏi: *Triết lý là gì? Trên căn bản thực tính nào nguyên tắc pháp lý khởi sinh? Sự liên hệ giữa pháp lý và pháp luật có nhất thiết là tích cực và hỗ tương? Từ pháp luật khả thể tự do bị giới hạn hay được phát huy? Yếu tố và điều kiện nào là cần thiết cho một thể chế dân chủ pháp trị?*

Để trả lời những câu hỏi này, luật sư Nguyễn Hữu Liêm đã cố gắng đào sâu vào tư tưởng của cuốn *Pháp Triết* (Hegel) đến căn bản triết học qua *Đạo Đức Kinh* của Lão Tử hầu biện giải, phân luận, bình chú về tinh hoa pháp lý và chính trị. Đồng thời, tác giả cũng đã đưa ra những phê phán triết học về bản chất văn hóa và con người Á Đông để nhằm khai sáng thực tính của nhu cầu hiện tại cho Việt Nam.

Một cuốn sách "nhức đầu" cho những độc giả ngại nhức đầu.

Liên lạc mua sách: Luật sư Nguyễn Hữu Liêm, 1943 Tully Road, San Jose, CA 95112. USA.

TUÂN TỬ, của Giản Chi và Nguyễn Hiến Lê. chữ Tàu của giáo sư Đoàn Khánh. Bìa Đinh Cường. Văn Nghệ xuất bản 1993. Giá 18MK. Ngoài Hoa Kỳ thêm 2MK.

Sách chia làm hai phần. Phần một giới thiệu học thuyết. Phần hai trích dẫn và dịch bản văn.

Qua Giản Chi và Nguyễn Hiến Lê, học thuyết của Tuân Tử được trình bày khúc chiết. Cũng như phần dịch các bản văn cũng rất cẩn trọng, công phu. Đây là tác phẩm cần thiết cho những ai lưu tâm đến các nền triết học Đông Phương.

NGƯỜI TRĂM NĂM CŨ, trường thiên tiểu thuyết của Hoàng Khởi Phong. Tập I, bìa Nguyễn Đồng. Đại Nam xuất bản 1993. Giá 16MK.

Chúng ta đã biết Hoàng Khởi Phong qua Ngày N+, rất quân đội. Nay, chúng ta lại được biết Hoàng Khởi Phong ở một lãnh vực khác: lịch sử. Hay chính xác hơn, ông đã dùng lịch sử như một nền phông, trên đó, số phận của những nhân vật do ông vẽ nên đã sống trọn vẹn với "định mệnh" của mình, hết lớp này đến lớp khác, khởi đầu từ đúng một trăm năm trước, năm 1893, năm Hoàng Hoa Thám lập chiến khu Yên Thế... Một cách chủ quan, người giữ mục này phải nhìn nhận, dù chỉ mới khởi đầu, tác phẩm đã có một sức hút khá mạnh. Phải chăng bối cảnh hoành tráng của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp trên núi rừng Yên Thế đã khích thích trong ta lòng tự hào dân

tộc? Thêm vào đó, cái văn phong "đầy lửa" của ngòi bút Hoàng Khởi Phong đã tạo ra "sức hút" này?

TRUYỆN MIỀN NAM (tập hai) - **KÝ, BÚT, KỊCH MIỀN NAM** (Tập Một) - **VIẾT**, và **ĐỐI THOẠI** của Võ Phiến. Văn Nghệ xuất bản. Giá mỗi cuốn 10MK. Riêng **ĐỐI THOẠI** 8MK.

Sách mỏng, khổ nhỏ (4" X 7"), trình bày giản dị nhưng sáng sủa.

Ký, Bút, Kịch gồm những "lời bình" của Võ Phiến về các tác giả sau đây: *Ký*: Lê Tất Điều. Minh Đức Hoài Trinh. Nguyễn Hiến Lê. Nguyễn Mạnh Côn. Phan Lạc Tiếp. *Tùy bút*: Hồ Hữu Tường. Vũ Bằng. *Kịch*: Nghiêm Xuân Hồng. Trần Lê Nguyễn. Sau mỗi "lời bình" là phần trích văn các tác giả được đề cập đến.

Truyện Miền Nam cũng nằm trong công thức trên với các tác giả: Chu Tử. Hoàng Ngọc Tuấn. Lê Tất Điều. Nguyễn Đình Toàn. Nguyễn Văn Xuân. Trần Thị NgH. Tường Hùng. Y Uyên.

Riêng hai tập *Đối Thoại* và *Viết* là những tạp bút, tiểu luận, nhận định của tác giả được biểu thị dưới nhiều hình thức như đối thoại, phỏng vấn... về mọi vấn đề, từ văn học, thơ phú đến kiện cáo, bon nguyên tử... và cả... thịt cầy.

Với một văn phong rất... Võ Phiến: trầm tĩnh, chi li, sâu sắc, từ chuyện nhỏ đến chuyện lớn, nhà văn lão thành này đã cho độc giả thấy rõ hơn tài năng ông, một tài năng, có lẽ, khá hiếm hoi của văn học Việt Nam.

NỬA ĐỜI NHÌN LẠI, truyện của Tiêu Dao Bảo Cự. Tựa Đặng Tiến. Bạt Hà Sĩ Phu. Bìa Phạm Hoán. Thế Kỷ 21 xuất bản, 1994. Không ghi giá bán.

Về tiểu sử tác giả :*Trước 1975, dạy học. Từ 1972 hoạt động nội thành cho Cộng Sản. Năm 1974, gia nhập Đảng CSVN. Trong hai năm 1987-89 là Ủy Viên Thường Vụ của Hội Văn Nghệ tỉnh Lâm Đồng. Phó Tổng biên tập tạp chí Langbian.*

Cuối năm 1988, cùng với nhà thơ Bùi Minh Quốc (Chủ tịch Hội Văn Nghệ tỉnh Lâm Đồng. Tổng biên tập tạp chí Langbian) thực hiện chuyến đi xuyên Việt, vận động trí thức, văn nghệ sĩ đấu tranh với Trung Ương Đảng CSVN, đòi dân chủ và đổi mới thực sự. Sau vụ này, cùng Bùi Minh Quốc bị cách chức và bị khai trừ khỏi Đảng.

Kết hợp với tựa đề *Nửa Đời Nhìn Lại*, chúng ta không khó lắm khi phỏng đoán nội dung của tác phẩm. Quả vậy, đây là tiếng lòng của một người đã dâng hiến "nửa đời" mình cho lý tưởng giải phóng dân tộc để tìm đến tự do dân chủ, nhưng thực tế đã không phải là ước mơ.

MÂY BÃO, tiểu thuyết của Ngô Thế Vinh. Bìa Nghiêu Đề. Văn Nghệ tái bản tại hải ngoại 1993. Giá 12MK.

Là tác giả của bốn tiểu thuyết: *Mây Bão - Bóng Đêm - Gió Mùa - Vòng Đai Xanh* được xuất bản tại miền Nam Việt Nam trước 1975.

... Những sân ga, chỗ ghé những con tàu chợ, những chiếc cầu bị giật sập, những người lính ngày đêm vất vả gian truân, những người buôn thúng bán

bưng nghèo lam lũ, cảnh đồng quê khô cằn và bất an: nhưng cuộc sống vẫn cứ ngang nhiên và kéo lê đi giữa súng đạn và những kẻ thù luôn luôn khuất mặt... Mây Bão *là những đám mây lớn báo hiệu thời tiết của những trận dông bão phũ phàng liên tiếp xảy ra trên quê hương trong suốt ba chục năm sau đó. Thế giới của* Mây Bão *là một trộn lẫm giữa thực và mộng của một cuộc hành trình với rất nhiều gian truân nhưng không tới.*

SÂN TRƯỚC CÀNH MAI, tạp bút của Vĩnh Hảo. Bìa Đinh cường. tác giả xuất bản tại California, USA 1993. Giá 12MK.

11 bài viết và một số bài thơ trong tập này là những suy nghĩ, ghi nhận của một tăng sĩ đã cởi áo vào đời, cùng những "nhận định" về văn chương, thiền và những tương quan giữa ông đối với xã hội.

Về văn chương ông, chúng tôi cũng từng trình bày nhiều lần: thiết tha, hỉ xả, đượm đầy phong vị nâu sồng. Có thể nói Vĩnh Hảo là một *hộ pháp văn nhân* (chữ của Nguyên Giác Phan Tấn Hải) ở cõi trần gian đầy khổ lụy này.

CÂY TÙNG TRƯỚC BÃO, tạp luận Hoàng Khởi Phong. *Thay Lời Tựa* của Ngô Thế Vinh. Bìa Nguyễn Đồng, Người Việt xuất bản, Giá 15MK.

Dày 200 trang, gồm tám bài viết về một số nhân vật thuộc quân đội miền Nam, theo tác giả, là các "cây tùng trước bão", cùng những dòng tạm xem như "tâm bút" của một cựu sĩ quan quân cảnh quân lực VNCH.

Tác phẩmđã tạo được nhiều khen chê. Theo nhà văn Ngô Thế Vinh: "Cây Tùng Trước Bão" *"rất hữu ích cho thế hệ thứ hai hướng Việt muốn tìm về khoảng thời gian đã mất"*, nhưng theo một số người khác: khi khơi dựng lại những trang sử cũ trong cuộc chiến tranh ủy nhiệm vừa qua, dù là những trang sử hào hùng của một hai cá nhân, cũng là cách nào đó, xoáy vào vết thương của ba mươi năm nồi da xáo thịt. Những phê phán khen chê, dù sao, cũng chỉ có tính cách chủ quan. Cách hay nhất, xin mời độc giả tìm mua, đọc, và tự rút lấy cho mình kết luận

TƯ DOIS VIVRE của Khái Hưng và Nhất Linh, dịch ra Pháp ngữ bởi Đinh Trọng Hiếu. Editions-Librairie You-Feng, Paris xuất bản. Không ghi giá bán.

Gồm 13 truyện ngắn của hai nhà văn Nhất Linh và Khái Hưng:

Tư Dois Vivre (Anh Phải Sống) - Sans Retour (Tháng Ngày Qua) - A L'ombre Des Pechers En Fleurs (Dưới Bóng Hoa Đào) - Une Silhouette Dans La Brume (Bóng Người Trên Sương Mù) - Un Amour Sans Espoir (Tình Tuyệt Vọng) - Le Retour Des Beaux Jours (Nắng Mới Trong Rừng Khuya) - Passions A Do-Son (Sóng Gió Đồ Sơn) - La Flute Enchantee (Véo Von Tiếng Địch) - Une Terrible Vengeance (Giết Chồng Báo Thù Chồng) - La Parfum De La Riviere (Bên Giòng Sông Hương) - Les Bas-Fonds (Đầu Đường Xó Chợ) - Breve Rencontre (Nước Chảy Xuôi Giòng) - La Folle (Tình Điên).

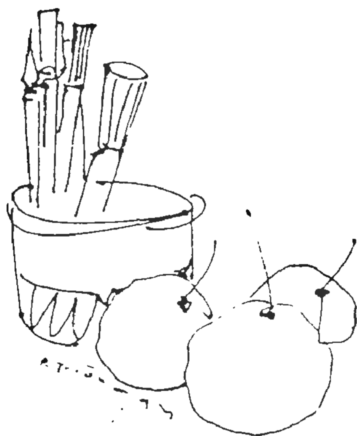
Sách in song ngữ (Việt ngữ, Pháp ngữ). Trình bày sáng sủa, trang nhã.

NGUYỄN THỊ GIÁNG CHÂU



với văn hữu và bạn đọc

THƯ VĂN HỮU VÀ BẠN ĐỌC



Nhân thư "một độc giả yêu mến Hợp Lưu" gởi từ trong nước

Trong thời gian hơn ba năm qua, chúng tôi vẫn cố gắng trong khả năng của mình để thực hiện cho bằng được các mơ ước ban đầu:

Hợp Lưu sẽ là diễn đàn phổ biến tất cả các tác phẩm của anh chị em văn nghệ sĩ trong và ngoài nước, những tác phẩm nói lên được khát vọng chung của dân tộc, tiến công mạnh mẽ vào thành trì lạc hậu, tha hóa, chia rẽ, lầm than, đói nghèo, vong thân, cũng như phô diễn được những cái đẹp cái hay của ngôn ngữ Việt.

(Thư Tòa Soạn - *Hợp Lưu* số 1)

Những hồi ứng về tờ báo từ người đọc vẫn là tấm gương soi quan trọng để chúng tôi nhìn lại và kiểm điểm thành quả việc làm của mình. Vì thế mỗi lá thư, mỗi cú điện thoại, mỗi lời nhắn gởi của người đọc và thân hữu về những việc làm tốt hoặc chưa tốt - nhất là chưa tốt - đối với chúng tôi thật hết sức quý báu. Hồi ứng từ người đọc trong nước, do hoàn cảnh và điều kiện còn quá khó khăn hiện nay, lại càng quý báu hơn nữa. Cũng vì lẽ đó, số này *Hợp Lưu* xin được trình bày đôi điều suy nghĩ của ban biên tập chung quanh một bức thư bạn đọc từ trong nước gởi ra.

Sau số *Hợp Lưu* 14, tòa soạn nhận được từ Việt Nam một bức thư dưới hình thức *Thư Bạn Đọc* (không đề ngày), ký tên: *"Một độc giả yêu mến Hợp Lưu"*. Bức thư nói thẳng một số việc không những liên quan đến nội dung một số bài viết đã đăng trên *Hợp Lưu*, đặt ra một số vấn đề về chủ tâm của người viết, mà còn đặt câu hỏi về thái độ "giao lưu văn hoá" thể hiện qua một số sự kiện.

Tòa soạn *Hợp Lưu* đã đọc kỹ, và quyết định đưa nội dung bức thư ra trình

bày, thảo luận trong số báo này. Chúng tôi cũng quyết định sẽ không đăng toàn văn bức thư, mà sẽ chỉ trích dẫn các thông tin cần thiết và thích đáng mà tác giả bức thư đã có nhã ý nhắn gởi. Chúng tôi sẽ tránh chép lại đây những lời bình phẩm hoặc chê trách, đôi lúc khá nặng nề trong bức thư, vì các lẽ: Như bạn đọc sẽ thấy, những đoạn trích từ bức thư đề cập đến đích danh một số văn nghệ sĩ trong nước. Biết rằng đăng lại các đoạn thư ấy khi chưa có điều kiện phối kiểm với người trong cuộc là một điều khá tế nhị, có thể gây bất tiện cho nhiều bên, nhưng, để có thể bàn bạc thẳng thắn, không tránh né, chúng tôi đành phải chấp nhận điều bất tiện này. Đồng thời, chúng tôi vẫn cố tránh đặt người phê bình – tác giả bức thư – và người bị phê bình trong một cuộc đối thoại không ngang hàng, do sự kiện tác giả bức thư – có thể có những lý do riêng và xác đáng – đã không ký tên thật hoặc bút danh, nếu có, của mình.

Đàng khác, vì bức thư đề cập đến một số sự kiện, nhận xét tương đối nghiêm trọng, có tính cách nguyên tắc đối với *Hợp Lưu*, chúng tôi không được phép coi đây là một bức thư nặc danh, và bỏ qua, hoặc trả lời quấy quá cho xong. Khi chấp nhận đưa bức thư ra để thảo luận, chúng tôi mong sẽ chuyển được các thông điệp cần nhắn gởi đến tất cả những người trong cuộc, chứ không nhằm khai thác sự va chạm giữa những bạn văn trên mặt báo, làm tăng thêm bất bình, dẫn tới chia rẽ, phân hoá. Chúng tôi hi vọng thái độ và vị trí này của *Hợp Lưu* được cả tác giả bức thư, bạn đọc, những người bị "phê phán" thấu hiểu, đồng tình.

Những nét chính trong nội dung bức thư:

Bức thư dài hai trang, chia làm ba phần (các tiểu tựa sau đây là của H.L.):

1. Xin đừng sống "hai mặt":

Phần đầu, tác giả lên án thái độ "hai mặt" của hai người viết trong nước có bài đăng trên vài số *Hợp Lưu* gần đây.

Tác giả viết: *"Trên HL gần đây có đăng bài thơ "Ngựa - Người" căm uất về thân phận "nhà thơ" bị "chúng nó" bắt làm ngựa. Giá như tác giả là ai đó thì chẳng nói làm gì, nhưng lại là Bùi Chí Vinh, người được nhà nước cưng chiều hết nhẽ, đăng thơ như bươm bướm khắp các báo từ trung ương đến địa phương"* thì là điều đáng bất bình. Từ sự bất bình ấy, lời lẽ trong bức thư về Bùi Chí Vinh, một cộng tác viên của báo Công An thành phố HCM, trở nên khá nặng nề, gay gắt. Bức thư cũng nhắc lại việc Bùi Chí Vinh làm thơ khóc nhà báo kiêm sĩ quan công an Huỳnh Bá Thành, đăng trên trang nhất báo CATP.

Kế đến là bài thơ đăng trên *Hợp Lưu* số Tết Giáp Tuất (số 14) diễn tả nỗi uất hận "*phát điên vì không nói được*" của Hoàng Hưng. Bức thư viết *"Tiếc thay, anh Hoàng Hưng hiện nay là người "được nói" nhiều nhất trong giới cầm bút"*, vì anh là Trưởng Ban Văn Hoá Văn Nghệ của báo *Lao Động*. Dưới một bút danh khác, Thuận Thiên, Hoàng Hưng là tác giả của những bài xã luận mà tác giả bức thư cho là *"hùng hồn, sắt thép hơn cả tuyên giáo"*. (Thay vì

tham gia bình luận, phê phán bài viết của Thuận Thiên, HL xin đăng kèm các bài ấy ở phần phụ lục để bạn đọc có thể đánh giá lấy).

Sau khi đưa ra các sự kiện trên, tác giả bức thư đặt câu hỏi cho hai tác giả Bùi Chí Vinh và Hoàng Hưng: *"Vậy thì các anh là ai ? 'Nhà thơ phản kháng' ở hải ngoại hay "con gà nòi" của "nền thi ca quốc doanh" trong nước ?"*

Tác giả nhấn thêm: "*Ngày xưa, để chửi xéo chế độ, các nhà thơ thường dùng kỹ thuật "biểu tượng hai mặt" (symbole éqivoque). Dùng trong thơ thì được, xin đừng dùng nó trong đời thường, nhất là với bà con hải ngoại vốn thiếu thông tin trong nước".*

2. Dùng *Hợp Lưu* để tâng bốc người quyền thế, tâng bốc nhau.

Ở đoạn hai, tác giả chỉ ra một sự kiện thiếu chính xác trong bài *Phỏng Vấn Văn Cao (*HL số 13). Bức thư viết:

"Trong Hợp Lưu *số 13, mượn lời "phỏng vấn" Văn Cao, Nguyễn Châu Phong bốc lên rằng Hoàng Hưng là một trong số rất ít tác giả vẫn thầm lặng viết tuy không được xuất hiện trong thời chống Mỹ. Đây chắc là viết riêng cho anh em hải ngoại, còn giới cầm bút không lạ gì Hoàng Hưng, in thơ trên báo* Văn Nghệ *từ rất sớm, đả kích bọn xét lại, ca ngợi Bác Hồ, in chung với Trang Nghị một tập thơ ở NXB* Văn Học *từ những năm 1960, hai lần được giải cuộc thi thơ Báo* Văn Nghệ *(1969 và 1975). Đổi "trắng" thay "đen" như thế thật là hết nhẽ."*

"Cũng trong bài mượn lời Văn Cao này, sau khi ca ngợi Đặng Đình Hưng (phối hợp với cả Thanh Thảo cũng ca ĐĐH trong số Hợp Lưu *này), Nguyễn Châu Phong viết:*

- Cùng với Đặng Đình Hưng, chảy theo dòng này anh thấy có ai?

- Hoàng Hưng.

- Ngoài Hoàng Hưng ?

- Ngoài Hoàng Hưng không còn ai cả

- Thế Trần Dần, Lê Đạt ?

- Các ông ấy chủ yếu dịch thuật."

Từ những câu trích dẫn này, tác giả đã phê phán Nguyễn Châu Phong dùng cách hạ người khác xuống để tâng bốc Hoàng Hưng, do chức vị của ông này ở báo *Lao Động.* Tác giả còn cho biết thêm, Nguyễn Châu Phong chính là Nguyễn Đỗ, *"người cũng trong Hợp Lưu số 13 này, có bài tâng bốc Thanh Thảo lên tận mây xanh".*

3. Giao lưu văn hoá hay là *"ông móc chân giò bà thò chai rượu"?*

Thư viết: *"Kể từ khi Báo* Văn Nghệ *TP HCM công bố vụ Nguyễn Đỗ lợi dụng danh nghĩa nhà báo tống tiền cơ sở trong số ra ngày 31 tháng 3 năm 1993, tất cả các báo ở TP HCM đều không dám đăng thơ, bài viết của Nguyễn Đỗ nữa. Không sao cả, lúc này Nguyễn Đỗ đã đặt quan hệ được với nhà thơ Đỗ Khiêm (tức Đỗ Kh.) để thơ cùng bài viết có thể vượt biên sang...* Hợp Lưu *và các báo hải ngoại cùng với thơ và bài viết của Hoàng Hưng, Thanh Thảo".*

Phần còn lại của bức thư, tác giả đưa thêm hai sự kiện:

a. Hai số *Hợp Lưu* 13 và 14 (số Xuân Giáp Tuất) lại đăng liên tiếp một số sáng tác, chiếm nhiều trang báo, của Nguyễn Đỗ, Hoàng Hưng, và Thanh Thảo. Tác giả bình luận, sự kiện này sẽ gây cho bà con hải ngoại *"một ấn tượng cứ như là bộ ba Hoàng Hưng - Thanh Thảo - Nguyễn Đỗ là ba gương mặt tiêu biểu cho thơ trong nước"*.

b. Báo *Lao Động* trong số ngày 1-11-1993 có đăng bài ca ngợi *"Ký Sự Đi Tây"* của Đỗ Khiêm, vừa được tái bản trong nước, do Thanh Thảo viết. Bức thư cho ta biết thêm: *"trưởng ban Hoàng Hưng đưa in, sách do Nguyễn Đỗ chạy in"*, và từ đó tác giả bức thư đặt câu hỏi: *"thiên hạ mới băn khoăn chẳng hay như vậy còn là "giao lưu văn hoá" nữa chăng?"*

Sau khi đã đọc qua các phần chính của bức thư được trích đăng ở trên, có thể văn hữu và bạn đọc hiểu rõ hơn cho nỗi khổ tâm của ban biên tập *Hợp Lưu*, khi phải đưa vấn đề này lên mặt báo. Một việc chẳng hay ho, vui vẻ gì, song lại cần thiết. Cần thiết vì nó đặt lại vấn đề quan hệ minh bạch và ngay thật giữa người viết (trong nước) và người đọc (ngoài nước). Một điều không phải dễ dàng trong điều kiện hiện tại. Cũng như hầu hết các diễn đàn khác, trừ các bài được ký tên *Hợp Lưu*, tác giả các bài viết là người trách nhiệm về quan điểm, lập trường, và sự đúng đắn của tác phẩm mình. Những trường hợp đang được nêu ra ở đây không ở ngoài thông lệ ấy. Do đó, chúng tôi không thể làm khác hơn là trả lại cái trách nhiệm cho những người chịu trách nhiệm.

Về phần *Hợp Lưu,* do đã chọn cho mình một vị trí, một thái độ khả dĩ đóng góp ít nhiều cho việc nối lại và củng cố các nhịp cầu giao lưu giữa từng con người trong cộng đồng dân tộc, thông qua các sinh hoạt văn học nghệ thuật (VHNT), chúng tôi coi đây là một trong những khó khăn nhất định mình phải đối mặt và có trách nhiệm góp phần giải quyết.

Từ lâu, *Hợp Lưu* vẫn ý thức rằng giới văn học nghệ thuật trong nước đã phải sinh hoạt trong sự kềm chế, kiểm soát gắt gao của chế độ. Sự kềm chế, nhiềukhi trở thành áp chế, biểu hiện trên nhiều mặt. Chỉ cần duyệt qua một số tiêu đề, một vài danh xưng ta đủ thấy các vòng rào vây bọc người làm VHNT trong nước: từ những khuôn khổ lớn như "Đề cương văn hoá", "lý tưởng XHCN", "chủ nghĩa hiện thực XHCN", "văn học phục vụ cách mạng", "tính đảng, tính giai cấp, tính chiến đấu trong văn nghệ", cho đến sự kiềm toả có thể "sờ, mó" được như "Công an Văn Hoá", "lãnh đạo", chí đến vài ba "đồng nghiệp" của mình. Và dọc theo cuộc hành trình mấy mươi năm ấy là đầy rẫy những chỉ thị, nghị quyết, những buổi "làm việc", những bài "phê bình" với chủ đích "uốn nắn" người viết, những "biện pháp hành chính" có thừa sức làm sụp đổ cả một sự nghiệp và lôi theo vài cuộc đời,... đã góp phần hình thành những "nỗi lo sợ cứ lãng vãng đâu đó" ở ngay những người dũng cảm, can cường hoặc bướng bỉnh nhất. Bởi hiểu rõ như vậy, chúng tôi càng trân trọng những nhân cách, những phẩm tiết bật sáng lên trên vòm trời sinh hoạt VHNT trong nước. Đồng thời luôn có cái nhìn rộng rãi, cảm thông – dù

không hẳn đồng tình – với những tiếng nói còn phải ngập ngừng, trường hợp "đa nhân cách" của một số người, trường hợp thơ còn phải khéo léo ẩn núp trong... thép (vụn)!

Rồi chính sách cởi mở kinh tế ngày càng rộng rãi, bàn tay "chận họng" kinh tế có phần thả lỏng. Trong lúc đó bàn tay chặn trên cổ các quyền tự do ngôn luận và tư tưởng lại không lơi. Sự kiện này, mặt nào đó đã làm cho đời sống một số người làm VHNT có dễ thở hơn về vật chất, một số cuộc đột phá đã có thể xảy ra, nhưng phải nhận rằng nó chưa cải tiến mấy cái quan hệ người với người, kể cả giữa không ít người cầm bút trong nước. Những rình rập, sợ sệt cũ, ở một bình diện nào đó vẫn không đổi, mặc dù rằng một số "mũ", một số "nhãn hiệu" mới đã thay cho cái cũ. Giờ lại thêm những chèn lấn, tranh đoạt, kèn cựa, tị nạnh, loại trừ nhau giữa những "con người kinh tế-xã hội" đang chen nhau mưu cầu sự sống, đồng thời vẫn vẽ tranh, viết văn, làm thơ, làm nhạc. Những bệnh chứng cũ mèm kiểu "chiếu trên, chiếu dưới", hoặc "trâu cột ghét trâu ăn" không phải là không còn, nếu không nói là tăng lên do ảnh hưởng của cái đặc tính "rừng rú" của một nền kinh tế "tư bản hoang dã" đang được áp dụng. Tranh nhau mua cái lốp xe đạp "cung cấp" hay chen nhau tìm chút thế lực cũng thuộc diện "cung cấp", về cơ bản, không khác nhau là mấy.

Trước thực trạng phức tạp như vậy, chúng tôi đã gặp không ít khó khăn khi phải tách bạch *con người nghệ thuật* với *con người công dân* của các tác giả, hay nhiều khi cụ thể hơn, giữa tác phẩm và chính tác giả trong từng biến cố, từng giai đoạn của cuộc đời. Những biểu hiện khen chê, thương, trách không phải lúc nào cũng đơn giản, rạch ròi. cho nên chúng tôi cũng đã không ít lần cố gắng góp phần làm bớt đi những gai góc, đụng chạm khi nói về người làm văn học nghệ thuật trong nước. Chúng tôi cố nhìn cho ra vàng trong thau, thật trong giả, cái mới còn phải núp trong áo cũ, và cái cũ xum xoe áo mới. Và cũng phải nhận rằng, nói vẫn dễ hơn làm. Do các giới hạn trên nhiều mặt, đến từ nhiều phía, trong đó có các giới hạn chủ quan nhất định của mình, *Hợp Lưu* chưa dám nói mình đã làm tốt như mong muốn. Và việc chọn đăng tác phẩm trong nước đã có những giới hạn tất yếu của nó. Điều đáng cảm kích, và cũng rất khích lệ đối với chúng tôi là nhiều văn hữu trong nước vẫn thường xuyên thư từ nhắn nhủ, phê bình, góp ý, khen chê cho từng số báo. Nhịp cầu giao lưu còn được củng cố dần qua những liên hệ trao đổi như vậy.

Qua thư từ qua lại với bạn đọc và văn hữu trong nước, qua những lần một vài người trong nhóm chủ trương hoặc thân hữu, cộng tác viên của *Hợp Lưu* về thăm nhà, có dịp tiếp xúc với cuộc sống tại quê hương, chúng tôi cũng thu lượm được không ít những thông tin, dữ kiện về giới VHNT trong nước. Có những điều đáng mừng, có những chuyện không vui. Có những âu lo thật sự khi nhìn về tương lai. Nhưng ở vị trí của mình, *Hợp Lưu* vẫn cố gắng hết sức để là nhịp cầu chung của mọi người, của mọi khuynh hướng. Vẫn phải đứng ngoài những cái tẹp nhẹp đời thường luôn chực chờ lôi cuốn con người xuống

thấp hơn, trói buộc mình, trói buộc nhau trong những nghĩ suy hẹp hòi hơn. *Hợp Lưu* còn phải tránh vô tình hay cố ý tạo ra, khoét sâu sự chia rẽ, xung đột giữa những cá nhân với nhau. *Hợp Lưu* phải làm việc dựa vào cái mục tiêu đã được đề ra từ ngày đầu:

Hợp Lưu mở rộng cửa đón nhận những sáng tác mới. Chúng tôi sẽ phá vỡ mọi biên cương, mọi định kiến, mọi ràng buộc, mọi điều "cấm kỵ"... (Thư Tòa Soạn - *Hợp Lưu* số 1)

Giờ xin trở lại với một số vấn đề cụ thể liên quan tới bức thư chúng ta đang bàn đến.

Trước hết xin nói về "biểu tượng hai mặt".

Phải nhận rằng đây là vấn nạn lớn cho người "mất tự do", dù người ấy cầm viết hay không. Chúng tôi không ám chỉ thu hẹp thứ tự do "chính trị" dưới chế độ cộng sản mà ai trong chúng ta cũng có thể nghĩ là mình biết. Người cầm viết ở hải ngoại cũng không phải đã thoát khỏi cái hội chứng "phân thân". Ngoài ra còn là sự mất tự do vì hoàn cảnh kinh tế, bởi lòng ham muốn, bởi cám dỗ quyền lực hay vật chất. Đôi khi, thật đau đớn, chỉ cần không được tự do với "lập trường quan điểm" của người hôn phối không thôi, nhân cách của một người cầm viết đã có thể bị chẻ làm hai, ba. Nát vụn.

Đàng khác, trước chiều hướng đổi thay của thế cuộc, "biểu tượng hai mặt", nếu có, cũng có thể hiểu như cái trạng huống "bản lề" của một vị trí, một nhân cách, một chọn lựa, hoặc một niềm tin. Và khi đã nhìn như vậy, biết đâu ta cũng nên tiếp sức để cho nó có cơ hội phát lộ, như một hiện trạng xã hội? Nói giả dụ như thật sự có một ông quan văn nghệ nào đó lại phải uốn lưỡi, phân thân viết bài gởi cho *Hợp Lưu*, hoặc một tạp chí nào đó ở hải ngoại, để tỏ ra mình là thuộc phe "phản kháng" thì cũng có cái ý nghĩa tích cực của nó chứ? Cách mạng mà đã phải "chân trong chân ngoài" thì cũng có thể là báo hiệu của "cách mạng cuối mùa". Hoặc dã một ai đó được quyền "nói" rất nhiều, nhưng thật ra chỉ là quyền được lải nhải, thì cái niềm ẩn ức không được "nói" kia vẫn có cơ là rất thật!

(Ở đây, thiết tưởng cũng cần mở một dấu ngoặc nhỏ để thưa với bạn đọc và văn hữu là *Hợp Lưu* xin phép đứng ra ngoài các chủ trương "truy tầm dưới kính hiển vi" các "ý đồ" thế này thế nọ của một tác giả. Công việc ấy, xin nhường lại cho các "đồng chí" A25 (?) trong nước. Vạch lá tìm sâu theo kiểu xem tranh có nghĩa là tìm kiếm xem màu đỏ được dùng ra sao, màu vàng ở chỗ nào, là những điều mà không ít người trong chúng ta đã từng là nạn nhân, do đó rất tởm lợm, xin hãy được dành cho công an và chỉ điểm văn hoá! Nếu còn có người cầm viết trong chúng ta bằng lòng đi làm cái trò lục tung sự nghiệp và tác phẩm của nhau ra mà truy lùng, bách hại nhau, thì trách gì ai khác ngược đãi, chà đạp lên phẩm giá nhà văn, nhà thơ?)

Còn nếu phải tìm một giải pháp cho bệnh chứng "phân thân" này, chúng tôi e rằng *Hợp Lưu* sẽ khó mà đóng góp được gì. Trong trường hợp trước mắt, xin được nhờ bức thư bạn đọc trong nước gởi ra như một tiếng chuông nữa

liên quan đến sự việc. Chúng tôi công khai hoá vấn đề. Đồng thời cũng sẽ dành diễn đàn tương xứng cho người trong cuộc lên tiếng, may ra soi sáng thêm cho nội vụ.

Về việc "áo thụng vái nhau".

Đây cũng lại là một bệnh lâu năm trong giới làm văn, viết chữ của ta, một đối cực của tình cảnh "dùi cui mã tấu" truy lùng nhau. Nhẹ thì đôi bên vái nhau, đôi người cùng sướng. Bệnh ở mức này có thể gây ngứa mắt, nhưng vô hại. Còn vái nhau đến phải bẻ cong ngòi bút, làm lệch hướng lương tri thì có lẽ là bệnh đã quá tệ. Xin cảnh giác, và rất mong những ông (bà) cầm bút viết văn, làm thơ của ta gột rửa được căn bệnh này. Trong chừng mực nào đó, "áo thụng vái nhau" cũng có liên hệ tới vấn đề "mất tự do" chúng tôi đã nói đến ở trên. Nếu thỉnh thoảng, khi sự kiện như thế xảy ra trên HL, thường là ngoài khả năng kiểm chứng của ban biên tập. Chúng tôi vô cùng mong, nếunó xảy ra hoặc liên quan đến người trong nước, thì chính người đọc và các văn hữu am tường vấn đề giúpcho chúng tôi những nguồn thông tin đúng đắn, nhằm hiệu chỉnh các sự thiếu chính xác. Chúng tôi xin đa tạ.

Trong trường hợp cụ thể về Nguyễn Đỗ, thiết tưởng *Hợp Lưu* trích đăng bức thư lên đây là đủ. Phần kiểm tra thực hư sẽ không khó khăn gì đối với độc giả và văn hữu trong nước. Dù sao, những sự vụ như trên cũng là những nhắc nhở cần thiết và quý báu để *Hợp Lưu* dè dặt hơn nữa trong việc xác minh về độ chính xác trong một số bài viết mình nhận được.

Sau hết là vấn đề giao lưu văn hoá hay chỉ là *"ông móc chân giò, bà thò chai rượu"*

Trong khuôn khổ bài viết này, chúng tôi xin phép khỏi phải bàn đến các vấn đề không trực tiếp liên hệ đến nội dung và việc điều hành tờ báo. Có những nghi vấn và thắc mắc — như việc có liên quan cụ thể đến nhà thơ Đỗ Kh., một người trong ban biên tập *Hợp Lưu* — chúng tôi chỉ biết mong người trong cuộc giúp làm sáng tỏ ra, nếu thấy cần thiết và nếu được. Trong tiến trình làm sáng tỏ vấn đề, nếu cần *Hợp Lưu* cung cấp một diễn đàn nghiêm chỉnh và không thiên vị, chúng tôi xin sẵn sàng.

Với câu hỏi đang được đặt ra, nếu tác giả hàm ý một nghi vấn về chủ trương của *Hợp Lưu*, thì chúng tôi xem là việc dễ giải quyết. Cho đến nay, 16 số báo *Hợp Lưu* là bằng chứng, xin nhường quyền phán đoán cho dư luận. Từ nay về sau, chính bạn đọc và văn hữu vẫn là người bạn đường giúp cho *Hợp Lưu* làm đúng chức năng của mình. Chúng tôi chỉ có thể hứa hẹn và ước mong như vậy.

Còn nếu câu hỏi hàm ý đặt nghi vấn về chủ tâm của những người viết, gởi và giới thiệu bài vở cho *Hợp Lưu* thì quả thật điều này có phức tạp hơn. Nhất là *Hợp Lưu* cũng khó mà đoán định được các chủ tâm của người khác. Ấy là chưa nói, nếu không khéo léo, *Hợp Lưu* sẽ rơi vào chỗ chọn cho mình cái phần công việc của công an văn hóa. Có lẽ ta chỉ còn có cách trông cậy nơi lòng yêu mến chân thật của số đông đối với sinh hoạt VHNT lành mạnh của

chúng ta, nói chung, và *Hợp Lưu*, một trong những diễn đàn hiếm hoi hiện có, nói riêng.

Khi chúng tôi ngồi lại với nhau để thực hiện cho bằng được tạp chí *Hợp Lưu*, không ít người quan tâm và thiện cảm đã thẳng thắn chỉ ra cái giới hạn rất khó vượt qua: Con đường giao lưu còn nhiều trắc trở. Nhiều đoạn đường còn tắt nghẽn. Chấp nhận điều khó khăn này như một phần của thực tế làm việc của mình, chúng tôi vẫn bằng cách này cách khác vừa đương đầu vừa khắc phục khó khăn.

Ba năm sau nhìn lại, với không ít xây xát, một ít chai sạn, "lì" thêm một chút, thực tế thêm một chút, chúng tôi có thể vui mừng được thông báo với bạn đọc, văn hữu và tất cả thân hữu rằng: Con đường tuy quả có nhiều gian nan, nhưng những nỗ lực ban đầu đã mang đến kết quả. Tuy tờ báo còn phải hồi hương bằng con đường "đi chui", số người biết đến, được đọc và thiện cảm với *Hợp Lưu* ngày càng gia tăng. Tuy còn ở một mức khiêm nhường, còn xa những gì chúng ta mong ước và đặt hi vọng, tờ tạp chí của chúng ta đã tạo được một chỗ đứng trong lòng rất nhiều bè bạn trong nước. Việc hôm nay chúng ta phải bàn về một số vấn đề đặt ra từ bức thư độc giả trong nước gởi ra cũng là biểu hiện của mối quan tâm đối với vị trí và vai trò của *Hợp Lưu*.

Có lẽ hơn ai hết, chúng tôi — những người đã đầu tư tâm lực mình cho *Hợp Lưu*, những người đã đứng ra nhận lãnh trách nhiệm do bạn đọc và bằng hữu giao phó — luôn hiểu rằng quảng đường đi được còn quá ngắn, chông gai còn nhiều. Tình thế mới sẽ mở ra cơ hội mới, đồng thời các khó khăn cũng sẽ gia tăng. Duy có một điều chúng tôi có thể đoan xác mà không sợ sai là con đường giao lưu sẽ ngày một thông hơn, không phải chỉ cho riêng *Hợp Lưu*, mà là cho tất cả những người làm truyền thông, VHNT trong nước và ở hải ngoại.

Trong tình hình mới đó, nguồn tài liệu, bài vở sáng tác, cũng như những thông tin sinh hoạt VHNT trong nước sẽ ngày càng dồi dào hơn. Những con đường không chính thức, khi có khi không, qua đó một số hiếm hoi bài vở, tác phẩm trong nước đi lọt ra ngoài, sẽ không còn là nguồn huyết mạch duy nhất của một tạp chí như *Hợp Lưu*. Và cũng theo đà đó, chúng tôi hi vọng thật nhiều tác giả trong nước sẽ "dám" gởi bài cho *Hợp Lưu* và các báo chí khác ở hải ngoại. Làm được như vậy, chúng ta sẽ phá bỏ được, vượt qua được cái tình trạng nghèo nàn bài vở, chỉ có một số nhỏ tác giả có tác phẩm đăng trên *Hợp Lưu*. Một ngày nào đó, *Hợp Lưu* sẽ có thể mạnh dạn nói rằng, đối với sáng tác trong nước, tờ báo đã có được sự góp mặt tiêu biểu của giới VHNT trong nước. Bây giờ thì còn quá sớm để bất kỳ ai có thể tin như thế.

Và lúc bấy giờ, chúng ta sẽ khỏi phải hỏi và trả lời câu hỏi *"chân giò - chai rượu"*. Vì lẽ nếu ai cũng biết rằng *Hợp Lưu* được sự đóng góp rộng rãi của người viết từ trong nước, thế mà có vẻ vẫn tiếp tục "mặn mà" với riêng... vài ba nhà văn, nhà thơ nào đó, thì còn gì để mà hỏi với han?

Trong vòng ba năm lại đây, có lẽ chỉ cần liếc qua người đọc cũng biết *Hợp*

Lưu còn "đói" bài trong nước. Chưa nói đến sự hay dở. Cái quyền được chọn lựa vẫn còn là một ao ước. Đã nói như thế, chúng tôi thấy mình có trách nhiệm khẳng định lại với các tác giả trong và ngoài nước có bài đăng trên *Hợp Lưu* từ trước đến nay rằng, trong hoàn cảnh còn phải khó khăn trong việc lựa chọn bài vở ấy, *Hợp Lưu* vẫn luôn cảm kích với sự đóng góp, ủng hộ của các vị đó. Riêng với những người gởi thẳng tác phẩm cho *Hợp Lưu*, và dù bài có đăng hay không, xin các tác giả ấy nhận thêm nơi đây lời cảm ơn chân thành của chúng tôi. Và xin tất cả các văn hữu và bạn đọc hiểu cho rằng, mỗi số *Hợp Lưu* là một cơ hội góp mặt, là nỗ lực giới thiệu từng cái cá biệt, cố gắng thu góp hoa trái của một mùa thu hoạch còn nhiều khó khăn. Sự có mặt (hay không có mặt) của một văn hữu, một sáng tác có thể là kết quả của một cách chọn lựa nào đó, đồng thời, nó vẫn có thể là hệ quả của một số hoàn cảnh, một số khó khăn. Sẽ rất tai hại nếu chúng tôi, hoặc chúng ta, vô tình hay cố ý gán cho *Hợp Lưu* những định mức giá trị có tính chất tiêu biểu cho một sinh hoạt VHNT mà tự thân nó cho đến nay vẫn chưa có đủ điều kiện và hoàn cảnh phát huy và tự thể hiện ngay trên mảnh đất sống của nó: trên đất nước Việt Nam. Chúng tôi rất muốn *Hợp Lưu* còn là cánh cửa qua đó ta có thể nhìn ra được khung trời bao quát của sinh hoạt VHNT Việt Nam (cả trong lẫn ngoài nước). Chúng tôi cũng biết rằng, ngày ấy còn xa, còn đòi hỏi phấn đấu nhiều, nhiều lắm.

Điều cuối cùng, dù thế nào, chúng tôi vẫn rất chân thành cảm ơn tác giả bức thư. Quả, nếu không yêu mến *Hợp Lưu*, chẳng ai hơi đâu ngồi viết đầy hai trang giấy chi chít chữ như vậy. Thân mến.

Mỗi kỳ một sáng tác âm nhạc

Đọc *Hợp Lưu* số 14, tôi nổi hứng muốn góp vài ý rời, nhân cơ hội HL trưng cầu ý kiến. Tôi không viết vào *Phiếu Góp Ý* vì sẽ không được dông dài như thế này. Vả, tôi để ý đến vài vấn đề ngoài các câu hỏi HL đề ra.

(1) Tôi đồng ý với anh Phạm Anh Dũng là HL nên *có ý kiến về âm nhạc* hiểu như một sinh hoạt nghệ thuật đủ tư cách phản ảnh tâm cảnh một thế hệ, một tập thể, một thời kỳ lịch sử. Anh em đã có ý kiến về thơ, về họa, về văn. Thế còn nhạc? Điện ảnh? Sân khấu? Nghiên cứu? Tất cả những loại hình sinh hoạt vừa kể đều là những khía cạnh của sinh hoạt văn hóa. Hiện nay giữa *nhạc* và *văn nghệ* thiếu sự gắn bó nên hoạt động âm nhạc hoặc lạc lõng, hoặc rơi xuống tình cảnh một món hàng tiêu thụ, thương mãi. Các anh không khó chịu sao khi phải nhìn cảnh một ca sĩ lải nhải chuyện tình "anh tiền tuyến em hậu phương", chuyện tình của những trái tim khô cằn cố vắt nước mắt mà... chẳng để thể hiện điều gì ngoài sự lấp đầy khoảng trống thời gian trên sân khấu!... Sinh hoạt nhạc thiếu người phê bình, thiếu khích lệ người sáng tác. Trách sao nó lạc loài, dị hình. Những người như Lê Uyên Phương, Phạm Anh Dũng sao mà hiếm hoi thế. Các anh không hỏi han gì họ cả sao? May mà có Trịnh Công Sơn tự vạch con đường lầm lũi đi - mà cho

đến nay chắc đã có nhà *phê bình văn nghệ* nào nói lên tính cách lớn của anh ta? Nhạc của công chúng Việt Nam như vẫn đứng ngoài sinh hoạt nghệ thuật. Tôi không dám mơ một *Tạp chí Âm Nhạc* lúc này, nhưng một góc trong tập san Hợp Lưu thì sao? Phải tiếp sức cho cơ thể *sinh hoạt* âm nhạc hồng hào lên chứ?

Tôi không nghĩ là bài viết về âm nhạc chỉ nói về *cá nhân* người nhạc sĩ như nhiều bài viết của mấy ông văn nghệ mờ mịt về trình độ thưởng ngoạn âm nhạc; cũng không thể cứ phải phô kiến thức khoa bảng về âm nhạc trường ốc Tây phương. Phải có những bài viết về nhạc Việt, xuất phát từ tim óc một người Việt ở thế kỉ XX, một thời kỳ bi tráng của lịch sử trong đó tâm tình con người phả rất trung thực vào mọi loại hình văn nghệ. Chỉ riêng nhạc thôi, đã bao nhiêu nỗ lực khai phá, tìm tòi để tự định hình một dạng sinh hoạt nghệ thuật đủ khả năng diễn đạt những khổ nhục cùng những hạnh phúc, những ước mơ của người Việt Nam trong những cảnh ngộ của lịch sử. Chính trên HL đã có hai bài viết về Phạm Duy, một về Lê Uyên Phương. Có thể quan sát thêm về sinh hoạt sáng tác của những tác giả khác, về các dạng simh hoạt sân khấu nhạc để góp ý xây dựng và khích lệ (các anh dâu đã nói gì về những cố gắng của *Ngàn Khơi*, về nỗ lực làm mới hòa âm của Duy Cường đối với nhạc Phạm Duy, của ai đó đối với nhạc Trịnh Công Sơn gần đây!)

Thế rồi những bài hát ngắn, những đoản khúc không lời (nếu có) của giới sáng tác. Biết đặt vào đâu nếu không có các anh giúp đỡ chúng xuất hiện trên trang báo? Tôi muốn đề nghị HL in mỗi kỳ một *sáng tác âm nhạc* - hiểu là một mảnh tâm tình của người Việt trước cuộc sống "hôm nay" (HL rất bạo khi in những sáu tranh màu trong số Xuân. Dám bạo để in một bài hát trên giấy thường không?)

(2) Tôi để ý là anh em không đề xuất xứ các bài trích từ báo trong nước (nếu có). Thành thử tôi cứ ngầm hiểu là tất cả đều in từ dạng bản thảo. Có điều là: mai kia, nếu tôi có bài về ý kiến của Nguyễn Huệ Chi về "Nhận thức lịch sử"... chẳng hạn, tôi khó biết được là ông được phép viết ra một phát pháo lệnh hay ông phải viết và in "chui" như anh Tạ Chí Đại Trường thân quí của chúng ta? HL có thể giúp giải gỡ cái lúng túng này chăng? Trong sinh hoạt nghiên cứu, bọn tôi cần mấy chi tiết mọn đó lắm.

(2) HL có ông "thầy cò" ẩu lắm đó. Biết không?

ĐOÀN XUÂN KIÊN (London - Anh)

Xin trả lời anh từng điểm một:

(1) Hoan nghênh nội dung lá thư của anh. Nhưng để giúp HL làm nổi công việc này, đề nghị các anh - những nhạc sĩ - hãy tích cực hơn. Nghĩa là hãy viết và thúc đẩy nhau viết về lãnh vực mà các anh am tường, HL sẵn sàng (và sung sướng) nhường đất để các anh "thi thố". Một đề nghị tiếp, gần gũi hơn: anh và đồng nghiệp của anh có... "dám gánh vác" chức chủ biên cho một số đặc biệt về âm nhạc trên Hợp Lưu *không? (Như số 13 - đặc biệt về thơ). Nếu "dám",*

xin thu tập bài vở, chúng tôi sẽ rất "hồ hởi" cùng độc giả "dựa cột mà nghe".

(2) Đây là một vấn đề khá tế nhị, lẽ ra, không trả lời công khai trên báo, nhưng, nghĩ cho cùng, cũng chẳng có chi ghê gớm cần phải dấu: các bài viết trong nước, có bài chúng tôi trích từ báo nội địa (nhất là những số HL đầu), có bài chúng tôi nhận từ các quốc gia Đông Âu, Đông Nam Á, có bài từ Việt Nam (không để người gởi), có bài do bạn bè thân hữu về quê mang ra. Thậm chí, có cả bài nhận qua máy fax không rõ xuất xứ... Hẳn anh thừa biết, chính sách của nhà nước Việt Nam là tuyệt đối cấm văn nghệ sĩ quan hệ bài vở với... bọn phản động nước ngoài. Nhưng biện pháp bưng bít nào cũng có nhiều kẻ hở. Các văn nghệ sĩ trong nước muốn phổ biến bài viết của mình ngoài quốc gia, họ đã tìm ra một "chiêu thức" rất hay: Để to ra mình cũng có tự do như ai, theo chính sách mới, nhà nước "làm ngơ" cho các nhà văn muốn viết gì tha hồ viết, nhưng nếu những bài viết này "không hợp chủ trương" thì đã có chỉ thị ngầm cho các tòa báo: không đăng. Hoặc giả chính những ông chủ bút, chủ biên, vì sợ liên đới trách nhiệm, đã tự nguyện làm công tác kiểm duyệt. Các tác giả bèn copy vài bản gởi bạn bè thân sơ, coi như để "xem chơi". Rồi chính "vài bản" này được nhân lên (kiểu "thư luân lưu"). Như vậy, "ngộ nhỡ" một bài viết nào đó không thuận tai chế độ có mặt trên HL hoặc bất cứ một tờ báo nào ở hải ngoại, tác giả bị gọi lên "làm việc", sẽ có thể trả lời: Bài tôi trao đổi với bạn bè để rút ưu khuyết điểm mà. Nhưng ai đó photo gởi đi, làm sao tôi biết được? Giai đoạn gần đây chúng ta thấy rất nhiều bài viết cực kỳ... phản động, như các bài của Hà Sĩ Phu, Nguyễn Kiến Giang, Trần Quốc Vượng, Lữ Phương... đã được báo giới hải ngoại đăng tải mà các tác giả không hề hấn gì là nhờ vậy. Vả, ai từng về VN trong một hai năm trở lại đây, đều biết: dân chúng, nhà văn, nhà báo... có thể... chửi chế độ thả cửa, chửi từ thượng tầng đến hạ tầng, chửi từ trái sang phải... nhưng chỉ chửi thôi, thì không sao, nếu "biến căm thù thành hành động" là cái còng số tám sẽ lập tức được tra vào hai tay ngay, không lôi thôi nhân nhượng một ly! Pháp chế, dù pháp chế rất... tùy tiện như Việt Nam ta, vẫn phải tôn trọng nguyên tắc tối thiểu: Không tang chứng ắt không thể kết tội. Về phía HL, để bảo vệ các tác giả này, dù chúng tôi có nhận bài trực tiếp, gián tiếp, hay trích đăng, cũng chỉ dùng hai chữ "trong nước" như một ký hiệu chung. Chúng tôi vẫn biết làm như vậy, trong nhiều trường hợp, là không "công chính", nhưng hoàn cảnh bắt buộc, chẳng có cách nào khác hơn. Mới đây, cuối năm 1993, một thành viên của Hợp Lưu, *anh Đỗ Hữu Tài, trở về Việt Nam do lời mời của một cơ quan để thuyết trình một số đề tài thuộc lãnh vực chuyên môn của anh ấy, đã bị Bộ Nội Vụ (A15, A25) "mời" đến "làm việc". Nội dung của ba buổi làm việc chỉ xoay quanh chuyện* "Hợp Lưu", *và trong rất nhiều những câu hỏi, có ba câu hỏi chính được lập đi lập lại nhiều lần: 1) Các anh,* Hợp Lưu, *định nghĩa thế nào là "o ép", và ai là những người bị "o ép"? (ý họ muốn nói đến các nhà văn chúng ta gọi là "phản kháng"). 2)* Hợp Lưu *nhận bài trong nước bằng cách nào? 3)* Hợp Lưu *gởi tiền nhuận bút cho các tác giả "cộng tác" trong nước ra sao? Nói chung, qua nội dung ba buổi nói chuyện, anh Đỗ Hữu*

Tài hiểu rằng họ, những người cầm quyền Hà Nội, rất muốn có những "bằng chứng cụ thể" để (biết đâu) sẽ làm khó dễ các văn nghệ này. Qua tình hình "gay go" như thế, rất mong anh và độc giả hiểu cho. Hiểu, để chỉ còn biết hy vọng cái thực trạng ởm ờ dở khóc dở cười kia sớm chấm dứt, để trên diễn đàn Hợp Lưu, *mọi cây bút Việt Nam trong ngoài có thể thoải mái đăng bài của mình một cách "danh chính ngôn thuận" hơn.*

(3) Thưa anh, quả, ông "thầy cò" của HL rất đáng bị đánh đòn, và rất nên đưa về vườn chăn heo. Nhưng đuổi hắn đi thì lấy ai làm HL? Nhân đây, xin kêu gọi quí độc giả nào sống trong vùng Quận Cam và phụ cận: nếu quí vị rảnh rang, biết đánh máy trên còm bu tờ, là dân... Bắc kỳ chính hiệu, hoặc không bị "nổi buồng chín tã" nó hành hạ, có lòng trắc ẩn, muốn tình nguyện mần chuyện văn chương nghệ thuật theo tiêu chuẩn "cơm nhà ngà voi", xin liên lạc với tòa soạn để... biết thêm chi tiết. Muôn vàn cảm tạ. Thân kính.

thơ nhiều bài tắc tị...

Thư cậu bị bóc, chắc các "cụ" kiểm duyệt, còn dán dấu bưu điện Sàigòn lên mép! Than ôi!

Hầu như tớ đều đọc được hết HL. Kể cả số Xuân Giáp Tuất này. Nhìn chung khá, đẹp, lịch sự, "có học" và... được. Chỉ duy khoản thơ thì... thì... sao nhiều bài tắc tị thế? Tớ chả hiểu ra sao! Nếu thơ đã vô ngôn, vô cảm, vô thức, vô lý, vô ngã, vô đề, vô luận, vô chiêu, vô quyền, vô cước, vô bổ, vô minh... như thế thì cần gì phải dùng mẫu tự La Tinh nữa? Cần gì phải in, phải nhờ kỹ thuật vi tính và phát hành? Đành rằng thơ là cảm nhận, là siêu, song le cái siêu thực của thơ là phải đi hết, đi tới tận cùng hiện thực mới gặp, chớ bộ muốn trừu tượng là trừu tượng được ư? Có mà...!

MỘT VĂN HỮU TRONG NƯỚC.

Ông Chân Phương, ông Nguyễn Tiến, ông Khế Iêm... hẳn là "nực" lắm!... Chắc chắn quí vị này sẽ "nói chuyện" thơ với bạn. Đón coi.

Các bài viết của bạn sẽ dùng dần trong các số tới. Thân mến.

Dịch là phản (Traduire c'est trahir) **- Nhân bài viết của tác giả Bửu Sao trên Thế Kỷ 21, số tháng Giêng, 1994.**

Làm báo ở hải ngoại, việc dịch các thuật ngữ chuyên môn là một trong những điều vừa hào hứng vừa nguy hiểm.

Sự kiện hơn hai triệu đồng bào "được" phân bố trên gần 40 quốc gia, và nhu cầu diễn đạt bằng tiếng Việt những ý niệm tiền tiến (vốn chưa có trong cả *chữ* lẫn *nghĩa* của ngôn ngữ nước ta) trong các lãnh vực kinh tế, chính trị, khoa học, nghệ thuật... đòi hỏi nhiều sáng tạo liều lĩnh và một căn bản ngữ học tương đối vững chắc.

May mắn thay, các tác giả viết bài thường chua thêm trong ngoặc đơn những từ ngoại ngữ mà mình sử dụng. Nhưng cũng do đó, đã tạo ra nhiều "tai

nạn" cho người đánh máy và dò bài. Báo ở Mỹ, một số khá đông tôi từng quen biết, đăng bài văn hữu ở các quốc gia khác (Pháp, Đức, Đan Mạch...) thường phải tra Từ điển mờ người. Nhất là những bài viết tay, viết tháu, viết tắt..., nhân viên đả tự chỉ còn biết kêu... trời, chạy tìm cuống cuồng những "chuyên viên ngoại ngữ" giúp đọc hộ! Thế mà thỉnh thoảng vẫn bị cả độc giả lẫn tác giả phàn nàn vì sai chính tả.

Nhưng đó là đánh máy sai, độc giả thông minh cũng có thể tự sửa lấy một cách dễ dàng. Còn dịch sai, nhất là cố ý dịch sai, thì thật ... buồn phiền!

Tạp chí *Thế Kỷ 21*, số 57, tháng Giêng 1994, trong mục *Vấn Đề Việt Nam*, có bài của tác giả Bửu Sao với tựa đề *Chủ Nợ Gặp Con Nợ Tại Paris* đã làm tôi phải buồn phiền hai lần như thế :

1. Trang 10, cột thứ 3, tạp chí *Thế Kỷ 21* in như sau :

"Một trong những điểm đặc thù của Việt Nam, khác với Trung Quốc và các nước Á châu khác, là ở điểm khả năng trữ dụng tổng quát (*overall savings rate)* rất thấp, còn khối trữ tệ tại công quỹ (*public savings rate*) thì ở mức dưới con số không".

Ở đây, tôi chưa muốn bàn đến hai chữ "trữ dụng" (để dịch từ *savings*) và "công quỹ" (để dịch từ *public*) khi xét đến tính chính xác và cân đối của một cặp thuật ngữ tài chính được phối hợp sử dụng trong cùng một câu văn, mà chỉ ngạc nhiên khi tác giả đã không dịch chữ *rate* trong cụm từ này mà thôi.

Tỉ suất tiết kiệm tổng quát (overall savings **rate**) và **Tỉ suất** tiết kiệm công cọng (public savings **rate**) là những *tỉ suất* chứ không phải là những *trữ lượng.*

Nó thường được biểu hiện bằng tỷ lệ phần trăm (như interest rate là 6% chẳng hạn) để quy chiếu với chính nó trong trục thời gian (năm 92 so với năm 93) hoặc so sánh số lượng này với số lượng khác. Nó có tính "động", mô tả một biến thiên, một so sánh, chứ không "tĩnh" như khi định lượng một toàn khối bất động.

Bỏ chữ *rate* ra khỏi cụm từ đó như bài viết của tác giả Bửu Sao thì những định giá "rất thấp" và "ở mức dưới con số không" không còn mang ý nghĩa đích thực của nó nữa. Ngoài ra, không có chữ *tỉ suất* trong cụm từ tiếng Việt mà lại chua thêm chữ *rate* trong cụm từ tiếng Anh thì chỉ làm cho độc giả thêm ... lúng túng, không biết nên hiểu theo ý Việt hay ý Anh.

2. Buồn phiền nói trên cũng chưa thấm thía lắm.

Phải trở ngược lại trang 7, cột 2 của cùng bài viết nói trên, tôi mới thực sự...tê tái. Trang báo *Thế Kỷ 21* in như sau :

"Ông Võ Văn Kiệt tuyên bố :"Chính phủ chúng tôi sẵn sàng chấp nhận trách nhiệm phối hợp mọi kế hoạch sử dụng các khoản viện trợ quốc tế này, **tuy rằng** chính toàn dân Việt Nam sẽ phải gánh lấy mọi hậu quả của thất bại nếu những nguồn tài trợ không được sử dụng một cách có hiệu quả". Sau đây là nguyên văn Pháp ngữ lời tuyên bố có trách nhiệm của thủ tướng chính phủ

nhà nước XHCNVN, để tránh mọi nghi ngờ xuyên tạc :

"Le gouvernement accepte la responsabilité de la coordination et de l'utilisation de l'aide extérieure, tout en ayant conscience que c'est le peuple Vietnamien lui-même qui devra supporter le cout d'un échec si ces ressources venaient à ne pas être utilisées efficacement".

Các ký giả cười với nhau khi nghe chính quyền Cộng Sản một mặt sẵn sàng đón nhận mọi khoản viện trợ do ngoại quốc đưa đến cho họ, mặt khác lại **từ khước mọi hậu quả** về thất bại nếu những nguồn tài trợ này không được sử dụng đúng mức" (những chữ in đậm do người viết bài này nhấn mạnh).

Sau khi đọc lại bản Pháp ngữ mà tác giả đã ghi âm và viết lại "để tránh mọi nghi ngờ xuyên tạc", tôi thật sự không thể không phẫn nộ được.

Tôi xin dịch lại từ nguyên bản tiếng Pháp đó một cách không "nghi ngờ" mà cũng chẳng "xuyên tạc":

"Chính phủ nhận trách nhiệm về sự phối hợp **và** sự sử dụng ngoại viện **với ý thức rằng**, nếu những nguồn tài trợ này không được sử dụng một cách hiệu quả thì chính nhân dân Việt Nam sẽ phải nhận chịu cái giá của sự thất bại này".

Bản dịch của tác giả Bửu Sao có hai điểm đáng lưu ý :

- Trong lúc chính phủ công khai nhận trách nhiệm cả hai phương diện : Phối hợp ngoại viện (la coordination de l'aide extérieure) **và** sử dụng ngoại viện (l'utilisation de l'aide extérieure) , thì vì "quên" dịch chữ **et** nhưng lại thêm chữ **mọi kế hoạch**, tác giả chỉ còn giới hạn chính phủ trong một trách nhiệm mà thôi : "... phối hợp mọi kế hoạch sử dụng các khoản viện trợ quốc tế này".

- Thay thế (Tôi nhấn mạnh là thay thế chứ không phải dịch trật) cụm từ Pháp ngữ *tout en ayant conscience que* bằng hai chữ Việt ngữ **tuy rằng** khiến ý nghĩa nguyên bản bị đổi hẳn :

Một đàng, ông Võ văn Kiệt bày tỏ ý thức trách nhiệm của chính phủ mình trước những quốc gia tài trợ, và quan trọng hơn cả, trước nhân dân Việt Nam, để nhấn mạnh tầm quan trọng của ngoại viện và hàm ý cam kết rằng việc sử dụng ngoại viện sẽ được đảm bảo một cách có hiệu quả. Đàng khác, tác giả Bửu Sao lại bắt ông Võ văn Kiệt mô tả chính phủ của mình như một định chế bất lương tráo trở : Ngoại viện thì chính phủ nhận lấy mà xài nhưng trách nhiệm thì lại phủi tay "từ khước mọi hậu quả về thất bại".

Ai cũng thấy bản Pháp ngữ và bản dịch của tác giả Bửu Sao không những có nội dung khác nhau mà, quan trọng hơn thế nữa, qua nội dung, biểu hiện hai ý thức khác nhau, nếu không muốn nói là xung đối nhau. Hơn nữa, dù không có bản tiếng Pháp thì ai cũng biết rằng không có một vị thủ tướng nào lại công khai gửi một thông điệp ngu xuẩn như thế đến những người sắp tài

trợ 160 triệu Mỹ kim cho nước mình.

Đúng là ông Thiện trở thành ông Ác chỉ với một cái "sẩy tay" bằng hai chử **tuy nhiên** thêm vào trong bản dịch !

Chúng ta có quyền chống đối chế độ, chống đối chính sách, và ngay cả chống đối cá nhân một vị thủ tướng. Chúng ta cũng có cả quyền nghi ngờ sự thành thật của những thông điệp, những diễn văn, những tuyên bố. Nhưng không phải vì cái quyền đó mà trích sai dịch trật, bóp méo những văn kiện chính thức đã được công bố. Hành sử như thế chỉ làm cho thái độ chống đối của chúng ta thêm lố bịch và triệt tiêu hoàn toàn tính thuyết phục, nếu có, cuả chúng ta mà thôi.

Cái gì đã làm cho tác giả Bửu Sao, **một vị giáo sư Pháp văn**, "sẩy tay" thêm chữ **tuy rằng** làm lệch hẳn ý nghĩa của một lời tuyên bố ? Tôi tin vào khả năng dịch thuật của tác giả. Tôi cũng tin vào tinh thần tôn trọng sự thật và tôn trọng độc giả của một vị giáo sư. Vậy thì cái gì đã làm cho tác giả "sẩy tay" như thế?

Suy nghĩ mãi, cuối cùng chỉ còn một câu trả lời cho chính mình : Đó là di sản lịch sử của 30 năm chống Cộng **giáo điều**, đó là sự áp đảo của **ý thức căm thù** còn khống chế tư duy của dân ta, kể cả và nhất là những người trí thức đã bị "tị nạn" ra nước ngoài dù họ có dịp tiếp cận với những trào lưu khai phóng và tiến bộ của nhân loại.

Cho nên tình cảm phẫn nộ của tôi như đã nói ở trên hoàn toàn không hướng về tác giả Bửu Sao, lại càng không hướng về vị chủ bút tạp chí *Thế Kỷ 21* có lẽ đã phải đọc trước bài *Chủ Nợ Gặp Con Nợ Tại Paris* này, mà thật sự hướng về tính giáo điều và ý thức căm thù đã được nuôi dưỡng trên quê hương tôi trong hơn ba mươi năm qua, và còn được một thiểu số hiện nay vẫn đang cổ suý cả ở trong lẫn ngoài nước.

Dù sao vẫn xin cám ơn cái "sẩy tay" của tác giả Bửu Sao và cái "sơ xuất" của *Thế Kỷ 21* để tôi có dịp nói lên được một trong những lý do khiến dân ta vẫn còn bị kiềm hãm trong vũng bùn hận thù chậm tiến.

Ngô Văn Hữu

Santa Ana

Lẽ ra thư của anh phải được gởi về tạp chí Thế Kỷ 21, *sao "lạc" sang đây? Tuy nhiên cũng không hề gì.* Hợp Lưu *và* Thế Kỷ 21 *là đồng nghiệp quen. Chúng tôi sẽ nhờ ông chủ nhiệm* Thế Kỷ 21 *chuyển thư này đến giáo sư Bửu Sao, để hy vọng ông sẽ trả lời những thắc mắc của anh. Thân mến.*

HỢP LƯU TRẢ LỜI VĂN HỮU VÀ ĐỘC GIẢ

Anh Vũ Quang Hùng (Grand Prairie): Chúng tôi có nghĩ đến việc in một *Mục Lục* tóm tắt vài hàng nội dung từng số báo cũ như anh đề nghị. Nhưng

neo người quá chưa làm được. Kính mến.

Anh Phạn Hoàng Trung (Cali): Không phải lỗi của chúng tôi. Ông giám đốc và nhân viên nhà in nhận in HL thuộc nòi... nghệ sĩ, nên bìa số nào, kể từ số đầu đến nay, cũng có những cái lỗi rất động trời! Khi thì quảng cáo "đánh rơi" mất nhan đề tác phẩm (số 13 - *Thằng Bát Quỷ*). Khi thì các tranh vẽ cho lộn ngược đầu hoặc nằm dọc thay vì nằm ngang (số 14, những phụ bản màu. Số 15, cũng *Thằng Bát Quy.,* Đúng là "quỷ" nó hại!), khi thì cắt bớt nửa cái logo của Hợp Lưu (số 7), khi thì note màu một đường, in ra một nẻo (lười ấy mà! Một cái nền note bốn màu, làm phim bốn lần, hao công tốn của quá, bèn.... vất bớt đi ba màu cho ... tiện việc sổ sách!)... Thậm chí có lúc in xong, UV (tráng láng) đâu ra đó mới phát hiện đã đánh mất gáy báo! Phải in chồng và tráng láng lần thứ hai, khiến tấm bìa dày và dòn như bánh tráng! (số Xuân Giáp Tuất)... Dù liên tục gây nhiều tai hại như vậy, vẫn không thể "nghỉ chơi" ông nhà in này được. Lý do: anh chàng giám đốc rất ư dễ thương, mắng rủa thế nào cũng nhăn răng... cười trừ. Lại nữa, HL vốn túng bấn liên miên, mà anh ta thì đặc biệt ưu ái HL: báo in xong chưa có tiền lấy vẫn cứ cho lấy. Lấy xong, đến số kế tiếp cũng chưa đào ra tiền, vẫn vui vẻ cho in tiếp! Trên đất Mỹ "tiền trao cháo múc" này, tìm đâu ra một nhà in... dễ thương như thế? Cho nên, vì sự tồn tại của HL, rất mong độc giả... niệm tình tha thứ. Thân kính.

Phạm Thị Ngọc (Texas): Chừng nào đổi nhà cho biết ngay để điều chỉnh. Cũng nhân đây xin "thanh minh" với Ngọc và nhiều độc giả khác: *Hợp Lưu* với *Hồng Lĩnh* không họ hàng gì với nhau cả (nếu *Hợp Lưu* có được một nhà xuất bản lớn vốn như Hồng Lĩnh, đã không vất vả chạy tiền in từng số!). Quảng cáo ở bìa sau là của nhà xuất bản ấy "bao thầu", có trả tiền, những bìa sách do KT vẽ, trình bày cũng thế. Hai mối thu nhập này gánh được một phần nhỏ phí khoản in ấn, thế thôi. Thân mến.

Jean Berner (Pháp): Ghi nhận ý kiến của anh. Nhưng nếu bớt thơ, các thi sĩ của chúng ta sẽ phàn nàn ghê lắm. Biết làm sao cho vừa lòng tất thảy? Kính.

Asia-Africa of Arts Museum (Genève): Chúng tôi không có cuốn *Tự Điển Phụ Bản Danh Sách Họa Sĩ Việt Nam*, mà chỉ có một số đặc biệt về Hội Họa Việt Nam. Nếu quí vị muốn mua xin liên lạc với địa chỉ HL. Kính.

HỢP LƯU

LƯU Ý VĂN HỮU VÀ ĐỘC GIẢ:
Vì lý do... kỷ thuật, số điện thoại của HỢP LƯU trở lại như cũ:
(714) 537-2468

DINH CUONG

Oil Paintings



April 2_3.1994

Metro Gallery

George Mason University

3401 N. Fairfax Dr.

Arlington, Virginia

Xin Giới Thiệu Tác Phẩm Thứ Hai của Nguyễn Hữu Liêm:

TỰ DO VÀ ĐẠO LÝ

HEGEL, LÃO TỬ VÀ TRIẾT HỌC PHÁP LÝ

Trích lời giới thiệu của Tạp Chí **GIAO ĐIỂM**, số 15, tháng 1, 1994:

"Những người từng đọc *Dân Chủ Pháp Trị* của Nguyễn Hữu Liêm, dù từng có nhiều hay ít điểm bất đồng, đều có lòng quý mến và mong đợi cuốn mới nầy. Tuy nhiên, nó (*Tự Do và Đạo Lý*) đã "nặng" hơn mọi người ức đoán - từ số trang (gần 700 trang chữ nhỏ), tới vấn đề (triết học pháp lý), tới bối cảnh tư tưởng (hơn 20 thế kỷ, từ Lão Tử tới Hegel tới Heidegger tới nền tảng xã hội hiện đại...).

Cuốn sách đặc biệt nầy còn có thêm phần chú nghĩa các chữ khó (grossary), ở đây Nguyễn Hữu Liêm gọi là *Triết Ngữ,* dài 13 trang, dùng 3 thứ tiếng: Đức, Anh, Việt và Hán-Việt. NHL đã phân tích kỹ một số chữ dễ nhầm nghĩa, thí dụ "xã hội dân sự" ở các trang 340, 341, và 682, và phân biệt minh bạch hai khái niệm "xã hội dân sự" và "xã hội công dân".

Tuy nhiên hệ trọng nhất của tác phẩm nầy là đào sâu tận căn để các nền văn minh nhân loại và nắm lấy phương pháp tư tưởng của triết học chính trị hiện đại để xây dựng một chính trị pháp lý, nơi đây sẽ là mùa gặt hái cho Tự Do và Đạo Lý.

Dường như không thể tìm một lời tóm gọn cho gần 700 trang suy tưởng của Nguyễn Hữu Liêm. Nơi đây chỉ thưa lời rất mực trân trọng giới thiệu cùng quý bạn đọc công trình trên."

Sách có bán ở các nhà sách, hay liên lạc nhà Xuất Bản Văn Nghệ, hay tác giả ở Law Offices of Nguyễn Hữu Liêm, 1943 Tully Road, San Jose, California 95122 (408) 254-4445.

PHÂN ƯU

Được tin buồn thân mẫu anh HUỲNH HỮU ỦY là

Cụ bà HUỲNH HỮU HIẾN
nhũ danh **HOÀNG THỊ DƯ**

đã thất lộc tại Việt Nam ngày 6 tháng 2 năm 1994
nhằm ngày 26 tháng 12 năm Qúy Dậu
Hưởng thọ 86 tuổi



Bà con làng Hiền Lương ở California, Texas, Florida và bằng hữu thành thật chia buồn cùng anh Huỳnh Hữu Ủy và tang quyến.
Nguyện cầu hương hồn Cụ sớm về cõi phúc



Đại diện bà con làng Hiền Lương ở
California: Hoàng Trí, Hoàng Hoán
Texas: Hoàng Hữu Hường
Florida: Dương Phước Luyến



Và bằng hữu:
Ngô Bảo, Nguyên Khai, Nguyễn Văn Trung, Hồ Thành Đức, Bé Ký, Bùi Vĩnh Phúc, Nguyễn Mạnh Trinh, Phạm Quốc Bảo, Vũ Hạ, Nguyễn Việt, Nguyễn Cúc, Phan Quốc Sơn, Văn Mộc, Nghiêu Đề, Khế Iêm, Đỗ Kh., Lê Thứ, Hoàng Chính Nghĩa, Nguyễn Hương, Nhật Tiến, Nguyễn Quốc Trung, Đỗ Hữu Tài, Phan Tấn Hải, Trần Dạ Từ, Nhã Ca, Nguyễn Xuân Hoàng, Nguyễn Mộng Giác, Hoàng Khởi Phong, Lê Đình Điểu, Đỗ Ngọc Yến, Phan Tấn Hải, Phạm Phú Minh, Nguyễn Nguyên Phượng, Chân Phương, Phạm Việt Cường, Nguyễn Trọng Khôi, Trịnh Y Thư, Võ Thắng Tiết, Hoàng Xuân Sơn, Hoàng Xuân Giang, Trịnh Công Sơn, Trịnh Cung, Nguyễn Trung, Hồ Hữu Thủ, Lâm Triết, Châu Văn Thọ, Trần Vũ, Thụy Khuê, Phan Nhật Nam, Phạm Cung, Rừng, Khánh Trường.

Sắp Phát Hành

TÌNH XANH 2

NHẬT HẠ • LINDA TRANG ĐÀI • MỸ HUYỀN • NGỌC HUỆ
THÚY VI • TRAZZIE PHƯƠNG TRINH NGỌC ANH • THÁI TÀI
DANNY TUẤN • ERIK LU • MALINA NHÃ LAN
GIÁNG NGỌC • VŨ ANH TUÂN

•

Hình ảnh & đạo diễn: HOWARD HUE
Sản xuất và phát hành: DẠ KHÚC



dạ khúc 2:

BÊN EM

Tiếng hát NHẬT HẠ 4



dạ khúc 3:

TRĂNG MƠ

NHẬT HẠ
JULIE
NHƯ MAI
NHẬT THỤY
QUỐC ANH

TÌNH MỘNG

NHẬT HẠ - CAROL KIM - PHƯƠNG HỒNG QUẾ
CÔNG THÀNH & LYN - BĂNG CHÂU - LYNDA TRANG ĐÀI
MINH XUÂN - NGỌC TRỌNG - NGỌC ANH - MALINA NHÃ LAN
THIÊN TRANG - MINH ĐỨC - ANH TRÍ & THE MUSTIC BAND

Hình ảnh & đạo diễn: HOWARD HUE



PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN

(Tất cả ghi rõ bằng chữ in)

Tôi tên: ______________________________

Địa chỉ: ______________________________

____

____

Điện thoại: ______________________________

nhận mua dài hạn tập chí HL từ số ____ đến số ____

GIÁ TIỀN

Nội địa Hoa Kỳ và Canada:
Hạng tư: 20MK ☐ (1/2 năm) - 40MK ☐ (1 năm)
Hạng nhất: 26MK ☐ (1/2 năm) - 50MK ☐ (1 năm)

Âu châu:
Đường thủy: 24MK ☐ (1/2 năm) - 48MK ☐ (1 năm)
Hàng không: 34MK ☐ (1/2 năm) - 65MK ☐ (1 năm)

Úc châu, Á châu:
Đường thủy: 24MK ☐ (1/2 năm) - 48MK ☐ (1 năm)
Hàng không: 38MK ☐ (1/2 năm) - 75MK ☐ (1 năm)

Xin gởi bằng MỸ KIM. Ngoài Hoa Kỳ và Canada bằng International Money Oder, trả cho:

HỢP LƯU

P.O Box 277, Garden Grove, CA 92642. USA

Nếu thay đổi địa chỉ hoặc không nhận được báo đúng chu kỳ, xin cho tòa soạn biết ngay để điều chỉnh.



Giá: Bảy Mỹ Kim